

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI XUẤT BẢN Ở MỸ

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 08265 9328

TÌNH YÊU SAU CHIẾN TRẦNH

Chủ biên
WAYNE KARLIN
HỒ ANH THÁI

Love After War

TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

"*Tình yêu sau chiến tranh* là một tuyển tập văn xuôi sinh động của những tác giả mà tác phẩm sánh với những gì hay nhất của văn chương thế giới. Là chủ biên đồng thời là dịch giả, Wayne Karlin và Hồ Anh Thái xứng với một giải thưởng vì đã tập hợp được những tác phẩm này trong một tuyển tập lớn. Văn phong đẹp, *Tình yêu sau chiến tranh* cho thấy rằng văn học Việt Nam, và cả đời sống ở đó, đang phát triển mạnh".

(*Thời báo St. Petersburg*,
14-9-2003)

Love After War is a vital collection of fiction by authors whose work ranks with the best world literature. Working as translators as well as editors, Karlin and Thai deserve a medal for gathering these fictions up in one omnibus. In high style, Love After War shows that Vietnamese literature, and life, are going strong.

(*St. Petersburg Times*,
September 14, 2003)

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại
Chủ biên: Wayne Karlin và Hồ Anh Thái

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại
Chủ biên: Wayne Karlin và Hồ Anh Thái

NHÀ XUẤT BẢN THƠ VÀ VĂN

Mục lục

- Lời mở đầu bản 9

- Lời mở đầu - Wayne Karlin 11

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Phần I: Huyền thoại - Tình yêu sau chiến tranh

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại

Chủ biên: Wayne Karlin và Hồ Anh Thái

- Làng ai - Lê Văn Tâm 32

- Nhà không có đàn ông - Du Xuân 50

- Mây

- Nhà

- Tôi

- Tôi

- Tôi

Phần II: Con mùa cuối mùa - Lâu đài

- Con mùa cuối mùa - Lê Minh Khuê 137

- Giếng đời xóm Chùa - Đoàn Lê 161

- Thương - Phan Thị Vàng Anh 178

- Cho tháng - Nguyễn Thu Thu Huệ 186

- Chó Ngọca - Ý Ban 196

- Tài tượng - Phạm Ngọc Tiến 203

- Bỏ con là đàn bà - Vũ Bảo 213

- Insulin - Phạm Thị Minh Thư 226

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại
Chủ biên: Wayne Karlin và Hồ Anh Thái

VIETNAMESE F TÌNH YÊU
Tình yêu sau chiến tranh
: tuyển tập truyện ngắn
Việt Nam đương đại
Hà Nội : NXB Hội nhà văn,
[2004]

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

3 1223 08265 9328

Mục lục

- Lời nhà xuất bản 9
- Lời nói đầu - Wayne Karlin 11

Phần I: Huyền thoại - Tình yêu sau chiến tranh

- Huyền thoại - Chu Văn 19
- Bí ẩn của làn nước - Bảo Ninh 29
- Làng lở - Lê Văn Thảo 32
- Nhà không có đàn ông - Dạ Ngân 40
- Mẹ và con - Ma Văn Kháng 50
- Những mảnh vụn - Ngô Ngọc Bội 70
- Trong vườn trúc - Trần Thanh Giao 89
- Đêm nguyệt thực - Trung Trung Đĩnh 103
- Vĩnh biệt mười tám con gà trống - Nguyễn Quang Lập 129

Phần II: Con mưa cuối mùa - Lửa đôi

- Con mưa cuối mùa - Lê Minh Khuê 137
- Giường đôi xóm Chùa - Đoàn Lê 161
- Thương - Phan Thị Vàng Anh 178
- Cầu thang - Nguyễn Thị Thu Huệ 186
- Chú Ngoạ - Y Ban 196
- Tai tượng - Phạm Ngọc Tiến 203
- Bố con là đàn bà - Vũ Bảo 213
- Insulin - Phạm Thị Minh Thư 226

Phần III: Tiếng khóc và tiếng hát - Tình yêu thời đổi mới

- Tiếng khóc và tiếng hát - *Trang Thế Hy* 251
- Chiếc thuyền ngoài xa - *Nguyễn Minh Châu* 259
- Quãng vắng - *Nguyễn Kiên* 282
- Vật lạ ở trên đầu - *Mai Sơn* 298
- Không thời gian - *Ngô Thị Kim Cúc* 308
- Thầy giáo dạy triết - *Lê Minh Khuê* 320
- Vũ điệu của cái bỏ - *Nguyễn Quang Thân* 334
- Mây mưa mau tanh - *Hồ Anh Thái* 357
- Mưa - *Nguyễn Huy Thiệp* 367
- Mưa tối - *Nguyễn Thị Ngọc Tú* 378
- Không nhan sắc - *Nguyễn Thị Anh Thư* 388
- Nô tì được trang sức - *Trần Thị Trường* 396
- Người đàn ông nhất - *Võ Thị Hảo* 410
- Nhà bên mồ - *Nguyễn Mạnh Tuấn* 422
- Có một người nằm trên mái nhà - *Phan Triều Hải* 441

Phần IV: Cô gái đầm sen - Tình yêu đã mất

- Cô gái đầm sen - *Nguyễn Phan Hách* 461
- Lá quốc thư - *Hồ Anh Thái* 466
- Dấu hỏi gửi Thượng đế - *Đoàn Lê* 503
- Mai sau dù có bao giờ - *Nguyễn Thị Minh Ngọc* 515
- Chuyện tình kể trong đêm mưa - *Nguyễn Huy Thiệp* 525
- Lúa hát - *Võ Thị Xuân Hà* 547
- Gió lay cửa Phật - *Triệu Bôn* 554
- Thương nhớ hàng lan - *Trần Thùy Mai* 567

Phần V: Mùa vọng - Tình yêu cuối

- Mùa vọng - Nguyễn Tham Thiện Kế 581
- Nắng chiều - Nguyễn Khải 890
- Những người đi ở - Bùi Ngọc Tấn 606
- Cuối mùa nhan sắc - Nguyễn Ngọc Tư 625
- Tóc Huyền màu bạc trắng - Ma Văn Kháng 636
- Tình buồn - Tô Hoài 652
- Bước qua lời nguyện - Tạ Duy Anh 664

Phụ lục

- Công trình của những người bạn - Hồ Anh Thái 693
- Love after War đã tiêu biểu cho truyện ngắn đương đại VN? 703
- Bộ sưu tập đáng kể - Philip Herter 707
- Cuộc kiếm tìm hạnh phúc... - Gerald Nicosia 709

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Lời nhà xuất bản

Tình yêu sau chiến tranh (Love after War) là tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại do hai nhà văn Wayne Karlin và Hồ Anh Thái làm chủ biên, mới được nhà xuất bản Curbstone ấn hành ở Mỹ. Tuyển tập nhanh chóng có mặt trong hệ thống phát hành toàn nước Mỹ và cả trên mạng internet, được báo chí Mỹ quan tâm bình luận.

Mọi sự tuyển chọn đều mang màu sắc chủ quan và như các đồng chủ biên giải thích trong bài viết của mình, để có thể giới thiệu thành tựu truyện ngắn Việt Nam ra nước ngoài, cần phải có những nỗ lực tiếp theo với những bộ tuyển tập đầy đủ hơn nữa. Đây mới chỉ là sưu tập bước đầu.

Nhân dịp này, Nhà xuất bản Hội Nhà văn xin in lại những truyện ngắn Việt Nam đương đại đã được Nhà xuất bản Curbstone lựa chọn và Nhà xuất bản Hội Nhà văn sưu tầm được bản thảo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Lời giới thiệu

VĂN CHƯƠNG LÀM CHO CHÚNG TA GIÀU CÓ HƠN

Wayne Karlin

"Sao lại còn dùng từ chiến tranh nữa?", một người bạn của nhà văn Mỹ gốc Việt Nguyễn Quý Đức phàn nàn khi anh nói với chị ta về cái tên của hợp tuyển này. "Việt Nam không phải là chiến tranh", anh nói, tán thành với chị bằng cách dẫn câu thơ quen biết của một nhà văn Mỹ gốc Việt cho dù câu trích dẫn thực sự sẽ là **VIỆT NAM KHÔNG PHẢI LÀ CHIẾN TRANH** (tất cả đều là chữ in đậm) một tiếng kêu đau đớn với cả nước Mỹ rằng không được định nghĩa và hạ thấp một nền văn hóa, một dân tộc, một lịch sử, một ngôn ngữ cổ và đa dạng xuống chỉ là cái thập kỷ chết chóc và bạo lực đánh dấu mối quan hệ chính với nước Mỹ. Đó cũng là điều mà hầu hết người Mỹ nghĩ tới khi nghe tiếng "Việt Nam", lỗi nghĩ tự nó đã là một trong những nguyên nhân của những năm tháng khủng khiếp ấy.

Song một nhà chủ biên, giống như tác giả, mang vào một công trình cái chủ quan cùng ý thích của mình. Giống như hàng ngàn người Mỹ khác, mối quan hệ của riêng tôi với Việt Nam sinh ra trong chiến tranh và phát triển dần thành tình yêu. Chiến tranh là tuổi ấu trĩ, như Michael Herr nhận xét, nó tạo nên tính cách và sự tự định nghĩa của tôi, cũng như bằng nhiều cách nó đã tạo nên tính cách và sự tự định nghĩa của thế hệ tôi và đất nước tôi. Và một trong những

bài học dai dẳng nhất của nó về cái tuổi ấu trĩ ấy là sự hiểu biết sơ giản và kinh khủng đến mức sự giết chóc, gây thương tật, sự suy đồi và hủy diệt đã xảy ra được vì chúng ta thiếu khả năng và không sẵn lòng vượt lên thói tùy tiện định nghĩa người khác. "Người ta thường u mê trong sự khôn ngoan của chính mình", một nhân vật trong truyện *Insulin* của Phạm Thị Minh Thư nói, một câu nói có thể bao hàm toàn bộ kinh nghiệm của Mỹ ở Việt Nam, một bài học vẫn đòi hỏi phải nhớ.

Nói cách khác chiến tranh cực kỳ đối lập với tình yêu, có thể đó là một ý kiến thường tình, nhưng có thể đó cũng là một minh triết giản dị chưa được nhắc lại đầy đủ, và tên của tuyển tập này nảy ra từ sự gần gũi cơ bản và cả sự đối lập của hai từ đó. Khi Hồ Anh Thái và tôi bắt tay vào công trình này, tôi bắt đầu đọc những truyện anh gửi cho tôi. Tất cả những truyện ấy, bằng cách này hay cách khác, dường như đều in dấu niềm khao khát tình yêu. Các truyện đều trình bày nhân vật thông qua cách họ khao khát tình yêu hoặc đánh mất nó, chứ không theo cách họ giết chóc hay là bị giết. Tôi sắp viết ra đây rằng người Việt giàu tình cảm, nhưng thật là ngớ ngẩn khi nói rằng tất cả mọi người đều giàu tình cảm, tất cả đều bận tâm và bị cuốn hút vào những vấn đề của trái tim và chuyện ở bên dưới thắt lưng. Song tình yêu trong nhiều tác phẩm văn học cổ điển và đương đại của Việt Nam đã trở thành biểu tượng cho nhu cầu có một sự tương phản và phương thuốc giải độc cho cái phi nhân tính của bạo lực, tước đoạt, tham lam, tham nhũng, sự bàng quan - mọi bi kịch phổ biến... tất cả đều gay gắt ở một đất nước đã trải qua một thiên niên kỷ chiến tranh và cách mạng cùng hậu quả của cả hai thứ đó. "Chúng ta phải làm gì để sao cho những thế hệ cháu chắt sau này không coi mình là ma quỷ". Một nhân vật trong truyện mang cái tên tương xứng của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Nhà bên mô*, đã hỏi. *Yêu!* Được thốt lên như một động từ, một câu hỏi hầu như là tuyệt vọng, lại chính là câu trả lời cho câu hỏi đó trong nhiều truyện của tuyển tập này. Nó cho phép ta trừ

hết ma quỷ, bất kể chúng nảy ra từ chiến tranh hay từ thiếu thốn, hay là ở lòng căm thù đeo bám từ quá khứ, hoặc là từ sự nông cạn và không mục đích của đời sống hiện đại. Nó là cái lý tưởng muôn đời bị thực tại của thế gian xói mòn - trong những truyện này, sự thiết yếu của nó được nhận ra qua sự thất bại khi thực hiện.

Khi tôi lần đầu tiên gặp gỡ các nhà văn Việt Nam vào đầu những năm 1990, tôi đã tìm được ở họ lòng nhân ái và sự hòa hợp cảm thông của con người. Và khi tôi bắt đầu đọc những truyện này, tôi nhận thấy chúng đều phản ánh nỗi đau và mối quan tâm của chúng ta, đồng thời cho ta nhìn thấy phần nào một thế giới do nhận thức và kinh nghiệm độc đáo tạo nên. Lẽ ra không một sự phát hiện nào trong số đó - sự giống nhau về mặt con người và sự khác biệt văn hóa - gây giạt mình, thậm chí cũng không phải là sự phát hiện nữa. Nhưng gây ra giết chóc, tất cả chúng ta đã đi chệch hướng. Sự thật căn cốt mà chúng ta đều biết rằng nếu gặp nhau mấy thập kỷ trước chúng ta đã cố gắng giết nhau bằng được, điều đơn giản về cái lẽ ra ta phải biết mà không biết đã gây ra trong tôi một nỗi buồn da diết và sau rốt một niềm tin mới mẻ vào việc văn chương có khả năng tạo nên sự chuyển đổi ý thức một cách cơ bản, cho phép chúng ta một lúc nào đó sống trong nhận thức của người khác, do đó làm cho chúng ta giàu có hơn, mở rộng tầm nhìn, điều tốt nhất là làm cho chúng ta ngại giết chóc và mở lòng mình trước tình yêu. "Chúng ta phải làm cho nhau biết yêu thương, để cho chiến tranh không bao giờ xảy ra nữa", những lời này của Lê Minh Khuê, một cựu chiến binh, một đội viên thanh niên xung phong ở đường mòn Hồ Chí Minh, một nhà văn và một trong những người đồng chủ biên với tôi, đã được đưa vào lời giới thiệu của hợp tuyển in năm 1995 *Phía bên kia góc trời*, bao gồm truyện của các nhà văn Mỹ và Việt Nam từ hai phía của chiến tranh, những tác phẩm tập trung vào hậu quả chiến tranh ở cả hai cộng đồng. Những lời đó dường như đưa trở lại tuyển

tập này là rất phù hợp, bởi chúng định nghĩa tình yêu như cách nhiều truyện ở đây đã làm: sự khao khát và nhu cầu chống lại những gì tàn bạo, suy đồi, thương vong, giết chóc cả thể xác và linh hồn.

Như tuyển tập này chứng tỏ, truyện ngắn ở Việt Nam là một hình thức văn hóa đọc đa dạng, phong phú (cho dù những lần xuất bản đầu tiên của các tập truyện chỉ là vài ngàn bản hoặc ít hơn, nhưng cả núi truyện ngắn được xuất bản trên báo chí đại chúng hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng); điều đó có nghĩa là văn học vẫn đóng vai trò sống còn theo cung cách mà xã hội Việt Nam tự khảo sát mình. Văn học Việt Nam hiện đại và các tác giả có thể phân chia thành một số giai đoạn: nhà văn trước cách mạng, nhà văn thế hệ chống Pháp, nhà văn thế hệ chống Mỹ, nhà văn sau chiến tranh, nhà văn thời đổi mới - thời kỳ từ 1986 đến nay. Những nhà văn trong tuyển tập này bao gồm tất cả các thời kỳ đó: cao tuổi nhất là Tô Hoài, sinh năm 1920, ít tuổi nhất là Nguyễn Ngọc Tư, sinh năm 1976. Mặc dù nhà văn mới liên tục xuất hiện, mà chúng tôi không thể đưa hết vào những tác giả mình thích, nhưng mong muốn của chúng tôi là giới thiệu với độc giả những nhà văn đã xuất bản nhiều và được chú ý, có hướng đi xác định trong văn học Việt Nam hiện đại.

Các truyện được phân chia theo mỗi quan tâm ở mỗi thời kỳ đã nói ở trên, cũng như được chia theo những hình thức khác nhau của tình yêu và sự diễn tả tình yêu trong những thời gian ấy: tình yêu cách mạng, xác thịt, hôn nhân, ngoại tình, tính dục, chạy tị nạn, tình cha nghĩa mẹ, tình yêu tinh thần. Phần đầu tiên, *Huyền thoại - Tình yêu sau chiến tranh*, gồm những truyện đối diện trực tiếp với hậu quả chiến tranh, truyện về cả tổn thất và hy vọng - về những người đàn bà góa, những người đàn ông cô đơn, những bậc cha mẹ bị mất con (ở truyện *Trong vườn trúc* của Trần Thanh Giao là một bà mẹ Mỹ) về cả mất mát trực tiếp trong chiến tranh nữa. Truyện ngắn lấy làm tiêu đề cho phần này của Chu Văn mở đầu cuốn sách và ta có thể coi đó là lý

do cho cả tuyến tập: đó là truyện thắng hoặc hài hước và có tính sắc dục về tình yêu trong chiến tranh, tình yêu dưới bom đạn, nhưng sau rốt là câu chuyện về hy vọng vào sức mạnh chuyển hóa của nghệ thuật.

Cuộc sống của những *Lúa đôi* ở phần tiếp theo được đan dệt vào nhau và không đứt ra được giữa dàn ông và đàn bà, giữa vợ chồng, giữa những người yêu nhau và những kẻ cưỡng đoạt, cha mẹ và con cái, cả nỗ lực, dù thành công hay không, để tìm cho ra và tạo dựng những hòn đảo an toàn và có ý nghĩa trong vòng quay thay đổi xã hội bất ngờ và những áp lực phức tạp thời hậu chiến ở Việt Nam. Đó là bối cảnh được thể hiện sâu đậm trong truyện của Lê Minh Khuê, *Cơn mưa cuối mùa*, mở đầu cho phần hai. Câu chuyện về sự đan dệt bế tắc của hai kỹ sư trên một công trường xây dựng, giống như nhiều truyện khác của thời đổi mới, hạnh phúc và sự hoàn hảo của con người tương phản với cái giá của chiến tranh, dường như đòi cưỡng lại một đời sống "thậm chí có thể đập vỡ tảng đá" thành ra tình trạng "người ta chỉ còn khóc khi đánh nhăm số đề".

Phần thứ ba, *Tình yêu thời đổi mới* tiếp nối một đề tài lớn của những tác phẩm viết từ những năm 1980 đến hôm nay: sự suy đồi của cơ chế và trái lại, sự suy đồi của thị trường tự do, của xã hội tiêu thụ, cùng sự xói mòn sau đó của tình đoàn kết xã hội và thời chiến, của quan hệ gia đình vốn chặt chẽ, của sự hòa hợp cân bằng và tính nhân văn giản dị - những điều lý tưởng của văn hóa Việt Nam. Trang Thế Hy, một nhà văn sinh năm 1924, trong *Tiếng khóc và tiếng hát* bình về sứ mệnh của nghệ thuật: "Người cầm bút đừng bao giờ đánh mất cái điểm tựa đáng tin cậy của mình là nỗi đau khổ lớn của những người thâm lặng" và vì vậy là một ví dụ của lời kêu gọi mà rất nhiều nhà văn nghe thấy từ sau 1986, khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa nền kinh tế thị trường tự do và khích lệ nhà văn, cả nghệ sĩ và nhà làm phim nữa, viết những tác phẩm gây được chú ý tới sự căng thẳng và những vấn đề xã hội cùng hiện thực của cuộc sống hiện đại.

Tình yêu đã mất, cái tên của phần thứ tư định danh cho một đề tài thường thấy trong văn học cổ điển Việt Nam (cô đọng trong thiên trường ca thế kỷ XIX *Truyện Kiều*) được tiếp tục ở sáng tác thời hiện đại. Một sự tiếp nối trong câu chuyện ngụ ngôn huê tình giống như truyện thần tiên của Nguyễn Phan Hách, *Cô gái đầm sen*. Truyện về người đàn ông tìm thấy một người tình ảo sống dưới nước đầm sen, rồi lạc mất cô, nhưng "hư hư thực thực để suốt đời mơ tưởng". Những truyện trong phần này còn gắn với văn học cổ điển bằng một cách khác - chúng thực sự là truyện tình sau chiến tranh - rất ít dính dáng tới cuộc chiến của chúng ta với Việt Nam, từ chuyện một nhà ngoại giao yêu một cô gái bản xứ ở đất nước hư cấu Malastan trong *Lá quốc thư* của Hồ Anh Thái đến xung đột giữa tình yêu xác thịt và tâm hồn trong truyện *Thương nhớ hoàng lan* của Trần Thùy Mai.

Phần cuối cùng, *Tình yêu cuối*, bao gồm những chuyện tình khi thành công khi tan vỡ, tình yêu đến hoặc rồi cục biến mất trong ánh sáng nhá nhem của những cuộc đời, của làng quê, của sự phát triển nhà cửa nơi đô thị, trong nhà cư trú tập thể của những nghệ sĩ già - truyện này của tác giả trẻ nhất trong tuyển tập, Nguyễn Ngọc Tư, viết về những ngày cuối của cuộc đời.

Để khép lại tuyển tập, chúng tôi chọn *Bước qua lời nguyện* của Tạ Duy Anh, trong đó con cái được sinh ra để trả nợ cho tội lỗi của thân sinh, trong đó lịch sử được ghi nhớ không phải như một nguồn sức mạnh mà là một lý do cho sự hận thù. Đó là truyện ngắn nói một cách mạnh mẽ về tình yêu, một cách thức cần thiết để giải phóng con người khỏi cái vòng hủy diệt của quá khứ - chúng tôi hy vọng nó có thể nối người đọc trở lại phần một về sự cần thiết phải có tình yêu sau chiến tranh, và tình yêu chống lại chiến tranh, chống lại tất cả những gì bóp méo và tiêu hủy thể xác cùng linh hồn của con người.

Phần I

*Huyền thoại:
Tình yêu sau chiến tranh*

Huyền thoại

Chu Văn

Bệnh làm thơ có đặng lây xuống đến hàng tỉnh. Nhưng ông đầu tỉnh tự nhiên biến thành thi sĩ. Bệnh tràn xuống cấp huyện, các huyện quan cũng thấy ngứa ngáy, đi đến đâu cũng xổ ra mấy câu, và... yêu cầu thính giả động viên nhiệt liệt bằng cách vỗ tay. Thính giả vỗ tay - nào tiếc gì. Thế là các nhà thơ thành tài.

Nhưng thế thôi, thì cũng không sao. Nhưng ở đời, cứ khổ vì có lắm ông nịnh bợ. Ông đầu tỉnh đầu huyện, làm thơ. Các ông nịnh quan xúm vào bốc thơm. Rồi họ tán thêm: Thơ hay, phải có giọng nữ, ngâm thơ cho thật thánh thót, thì người nghe mới mê ly. Cũng ví như trên đài phát thanh, nhờ có giọng ngâm của Trần Thị Tuyết, Châu Loan, mà nhiều bài thơ trở nên bất hủ.

Ông nhà thơ cấp tỉnh nghe ngay. Mỗi khi đi Hội nghị nào, cứ việc cho thư ký sang Ty Văn hoá, yêu cầu cử một cô văn công học kỳ thuộc, và một nhạc công đệm đàn khi cần đến. Rồi thì cô, chú lên xe với anh, đi đâu cũng thơ, đàn. Cơ sở hoan nghênh nhiệt liệt, ra về có khối quà cáp.

Còn thơ ông có hay hay không, điều đó miễn bàn!

Tỉnh có văn công chuyên nghiệp, kiếm người ngâm "minh họa" còn dễ. Đến huyện, thì các ông tìm các giọng ngâm cơ sở. Nghĩa là văn nghệ thị trấn, văn nghệ xã,

hoặc là văn nghệ nghiệp dư cơ quan. Đến đâu lệch thếch theo nhau; như vợ chồng nhà xẩm.

Cái bệnh thơ ấy, khi nó hành, cũng như nghiện ma túy vậy. Ông anh tôi, người ta vẫn gọi là cụ Cốp, là một con bệnh trầm trọng: Một lần, ông sáng tác được bài lục bát, liền cho thư ký riêng sang tróc ông Trưởng ty văn hoá, gọi là mời sang góp ý. Trưởng Ty văn hóa sợ quá, trốn biệt. Ông phó ty phải sang ứng hầu. Nhà thơ tiếp đãi trịnh trọng, mời thuốc lá Trung Hoa, chè mót câu Thái Nguyên. Và cuối cùng là ông lên kính đọc thơ. Chắc là bài thơ phải du dương lắm cho nên ông Phó Ty cứ luôn tay véo đùi, chống ngủ. Tuy vậy, khi ngâm thơ xong, ông Phó Ty đã so vai rứt cổ, nắc nỏm nào là chủ đề tư tưởng cao, đề tài sát thực tế, ý đẹp, lời hay, tóm lại là nếu như cụ Cốp nhà với tài thơ này, chẳng trót lỗ sa chân vào vòng chức tước, thì nhất định phải được kết nạp vào Hội nhà văn từ lâu lắm, có khi là Tổng thư ký chưa biết chừng!

Tưởng tán phét mấy câu, uống chén cà phê, hút chạc dăm ba điếu thuốc thơm thì khen lão như thế là trả được nợ rồi, Phó Ty nhà ta chuẩn bị rút lui cho được việc. Nào ngờ cụ Cốp ra hiệu mời ngồi lại, ngỏ ý: Thơ đã sạch nước cặn thế, thì cụ quyết sẽ đem ra đọc trước Hội nghị liên tịch ba tỉnh đồng bằng, bàn về chống chiến tranh phá hoại. Và cụ chỉ thị luôn cho Phó Ty đem thơ về, giao cho cô văn công Ngân Hoa, bắt học thuộc lòng, hôm ấy trình bày cho thật nghiêm túc, sai một dấu chấm, dấu phẩy cũng không được.

Ông Phó Ty mới nghe, thì tức lộn ruột lên. Nhưng, vốn là người rất thính, ông phác ngay trong đầu một kế

hoạch tiến thân. Hà! Cái tay Trưởng Ty, trên thì bướng với quan lớn, dưới thì kiêu ngạo với anh em, chẳng chịu khom lưng luồn cấp nào hết, lại hay chê thơ con cóc, phen này nhất định sẽ thất sủng đến nơi. Tay ấy mà hạ bệ, thì còn ai nhảy lên cái ghế thủ trưởng cơ quan. Vậy thì phải khom lưng phục vụ cho tốt cái sự ngâm thơ này đã.

Cô Ngân Hoa được gọi đến phòng Phó Ty, nhận nhiệm vụ. Vừa nghe chỉ thị của cấp trên, cô bé khóc đỏ mắt. Tội nghiệp. Đi phép đến nơi rồi. Anh chồng ở bộ đội phòng không, nay đây mai đó, cưới vợ được hơn một năm, mà cứ phòng không mãi. Anh ta biên thư, hẹn cô vợ xin nghỉ vài ngày, khi đơn vị hành quân qua, sẽ có dịp tranh thủ mã hồi, xốc về quê hú hí với nhau, nếu chẳng được trọn một đêm, thì cũng vài tiếng đồng hồ.

Ôi, hẹn hò thiêng liêng làm sao! Cô đã thu xếp khăn gói, ấy thế mà tai bay vạ gió.

Ông Phó Ty giải quyết bằng đe dọa, và cũng vuốt ve:

- Cô nghe đây! Anh sẽ sang tỉnh, trình bày hoàn cảnh của cô. Nhưng cái chắc là ông ấy sẽ bảo: khắc phục, khắc phục, tấn công liên tục. Chối vô ích. Từ chối thì khổ cả cô, khổ cả cơ quan. Thôi, thì anh xin tỉnh cho một chuyến com măng ca, chở cô về tận nhà. Bốn bảy cây số, hai bến phà, có mấy chốc! Cô về, luyện giọng ngâm thơ, chờ đợi chú bộ đội nhà cô. Hấn về ngay thì tranh thủ hú hí. Hấn chưa về, thì khi có việc, tôi lại cho com măng ca về đón. Đón lên, ngâm thơ xong, lại đưa cô về đến cho hết phép, mấy trăm lít xăng có là mấy. Tỉnh người ta thiếu gì?

Cô vẫn công bản khoăn:

- Nhưng thưa anh. Nhỡ ra chính hôm nhà em về, mà em lại phải đi thì sao?

- À! Thì xe về, đón cả cô chú. Lên nhà khách tỉnh mà vui về.

Đến mức ấy, thì hết chối. Ngân Hoa nhặt bài thơ, bỏ túi, ra về. Chẳng quan lớn, quan bé gì, mà xe hơi đưa đến tận đầu ngõ, rúc còi inh ỏi, làm cho mấy ông xã tưởng cỡ cấp trên đã về, vội chạy ra chào đón, phải một phen lộn máu.

Đấy là cái vinh. Hãy để phòng cái lụy.

Ngân Hoa về quê, được mẹ chiều tối sớ. Bà cụ cho con ăn bánh dúc mắm tôm, chăm chút như một chị mái tơ, chờ một con trống chọi.

Cô nghỉ ngơi một, hai rồi năm sáu ngày. Phép gần hết mà chẳng thấy anh bộ đội của cô về nhà. Trước là mong mỏi, sau là nóng nảy, sau là sắp phát điên, Ngân Hoa sốt ồm lửng lơ...

Giặc Mỹ ném bom nhiều nơi. Tiếng máy bay phản lực gầm gào, những đêm dài xanh lè ánh pháo sáng. Tình hình khẩn cấp thế này, một anh trung úy tên lửa, làm thế nào lại có được phút thanh thoi mà về ngủ với vợ!.

Chập tối, một hôm đầu tháng, trước ngõ nhà bà mẹ cô Ngân Hoa có bóng đèn sáng, và tiếng còi inh ỏi. Cái xe sơn màu cút ngựa lẫn trong bóng tối - đã vượt đường, vượt hai phà về đón. Xe vừa dừng, ông Phó Ty văn hóa nhanh nhẹn bước vào sân, trước những đôi mắt vừa kinh sợ, vừa ghê lạnh. Biết vậy, nên ông Phó hết sức nhũn, xởi lởi:

- Xin chào cụ. Chào cả nhà. Chào cô Hoa. Thế chú ấy đâu? Ra hút với anh điều thuốc lá....

Ngân Hoa tức tưởi:

- Nào có thấy nhà em về đâu ạ! Chờ hết nước hết cái mà hoài công, anh ơi!

Ông Phó cảm thông, xuýt xoa:

- Thế à! Chung quy tại cái thằng Mỹ cả thôi. Chú vợ chồng trẻ.... ai mà chả mong nhớ.... Thôi, công việc như nước sôi lửa bỏng, cô thông cảm cho chú ấy, và hôm nay, có xe về đón, mời cô lên tỉnh ngay, sáng mai sẽ vào hội nghị.

Ngân Hoa biết tính ông thủ trưởng của mình. Vốn là khe khắt riết róng. Ông ta đã hạ mình về tận quê tìm, mà không chịu đi, thì rồi sẽ coi chừng. Nhưng cất bước khỏi nhà, thật xót xa. Đã có công chờ năm, sáu hôm rồi. Đến lúc ra đi, biết đâu chẳng là trúng cái hôm anh ấy tranh thủ về được. Cô năn nỉ:

- Anh ơi! Anh rộng lượng cho em đến sáng mai hãy đi, được không?

Ông Phó không nói, mặt sa sầm. Chú lái xe giấy nẩy lên:

- Ấy chết! Cô ơi! Đi xe ban ngày nguy hiểm lắm. Hai cái phà, trọng điểm. Nó đánh tới bời. Nhất thiết cô có đi thì đi đêm nay. Nếu không, xe tôi phải về.

- Cả nhà xúm lại xin - không ăn thua. Ngân Hoa nhất thiết phải đi. Lên Hội nghị, ngâm một bài thơ, rồi xe lại đưa về, nếu cần...

Bịn rịn, kéo dài cuộc chia tay mấy tiếng đồng hồ. Cuối cùng Ngân Hoa gạt nước mắt lên xe, trong tâm trạng Chiêu Quân Cống Hồ. Ông Phó Ty, vốn là người không táo bạo gì lắm, ngồi phía trước, ngơm ngớp lo

máy bay, luôn mồm nhắc lái xe: Cẩn thận. cẩn thận, trong bụng rửa thắm ông thủ trưởng sinh thơ "Khốn khổ! Vài câu lục bát khắp khiêng, gỡ ngọng gỡ đại, làm quai làm quái thế này! Nhỡ ra, nó thụt cho một quả thì hết kiếp. Và có những lúc xe chồm trên hố, ổ gà lồi lõm, nghe tiếng Ngân Hoa nức nở phía sau, ông phó cũng thấy lương tâm cắn rứt. Biết làm sao! đã trót vạ miệng, thì cũng đành.

Xe bò trong đêm, đường gập ghềnh, hơn hai tiếng đồng hồ mới đến phà Lục Sam. Khuya rồi. Giờ các xe tải đang chạy đông, chỉ có hai phà, hai ca nô dặt. Dòng sông không rộng, nhưng nước xiết: Không đèn đóm, các cô thanh niên xung phong, cùng với công nhân giao thông gác ba rìe, luôn luôn nói the thé vào loa, yêu cầu các ông lái giữ trật tự, không len lấn, không gây ùn tắc.

Cả mố phà đầy xe chờ sang sông. Đèn rùa lấp loáng những vệt ánh sáng tròn vàng khè. Xe đạp, xe thô, xe bò cút kít, quần quanh các xe cơ giới, lỳ lợm và ngang ngược. Họ chen lấn, lộn xộn, chửi rủa, văng tục. Các com măng ca - xe cấp lãnh đạo có giấy ưu tiên hẳn hoi, nhưng công nhân đứng bến, có ra tay dẹp chẳng nữa, thì những chiếc gát, din khơ, din ba cầu chặn lối phè phè, đâu có chịu nhường.

Phà vừa sang. Máy rú, người kêu. Lại xe và xe, cùng gồng gánh, dây rợ, tre nứa... gà vịt, thóc lúa, trăm thứ lông cồng, lĩnh kính. Và tất cả các thứ ấy đều ngọ nguậy, lúc lắc, xô đẩy, hoảng hốt và hung hãn.

Ngân Hoa khóc tím tím. Ông Phó Ty trợn đôi mắt trắng dã trong đêm, vừa sốt ruột, vừa khiếp đảm, còn chú lái xe rửa tục, bấm còi.

Giữa lúc ấy có tiếng máy bay xẹt. Xa xa, phía bờ biển, pháo sáng vọt ra một chùm.

Cả cái đám đông ồn ào, sặc mờ hôi và bụi, hung tợn và bất trị ấy nháo nhào tan ra bốn phía, như bàn tay thần chết đã chạm gáy, chỉ trong mấy phút, dòng sông lạnh tanh, phà đã cất giấu và hai bên mố phà không còn một chấm sáng. Xe, người, đồ vật, trăm thứ lúc nhúc, đã đều tìm chỗ núp vội, hoặc đã vút đi...

Cái xe com măng ca rúc vào mé ruộng. Lái xe, ông Phó Ty đã biến mất. Ngân Hoa vội tụt xuống, lập cập vừa chạy vừa bước, vướng víu cái nón úp mặt bỗng giật nảy người:

- Chị nào kia! Nằm xuống, muốn chết à?

Cô ngã sấp, vút được nón ra.

Ánh pháo sáng rất xa, cũng soi rõ mồn một cái người vừa to tiếng đó!

Một đồng lá xanh lồm xồm đứng hai chân. Cái mũ mềm. Đôi mắt to, đôi bàn tay xách cái bông lưng lửng. Một anh bộ đội, hót hải, đánh xoay hướng, tìm hầm trú ẩn.

Bỗng Ngân Hoa rú lên như điện giật. "Anh Lân"! Rồi vọt dậy. Đúng là Lân - chồng Hoa - vừa ở dưới phà lên, bị chẹt sau mấy đám lộn xộn. Anh giật mình, nhận ra là vợ mình, vội xốc eo cô ta, chạy vùn vụt ra một quãng vắng xa xa.

Tiếng hỏi hệt hơi....

- Hoa! Sao em lại ở đây?

- Ó! Sao anh lại ở đây?

Chỉ một vài câu rất vắn tắt, họ hiểu ngay tình huống éo le. Hoa, hai tay níu chặt cổ chồng khóc ngằn ngặt.

- Anh về bằng cái gì?

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Đơn vị xa 20 ki lô mét. Anh mượn xe đạp, đi từ chập tối. Đến đây, sang phà thì báo động. Xe vút kia.

Ngân Hoa ôm mặt Lân, lắc lắc:

- Anh đi lấy xe đạp đi! Đèo em về. Về ngay đi... anh!

Người cô nóng như sôi, đôi môi, đôi mắt....

Lân liếc nhanh quang cảnh bến phà im lìm dưới ánh sáng ma quái, và thâm tính toán rất mau lẹ. Thời gian để về nhà rồi gặp gỡ, rồi lại ra đi, với hạn có mặt ở đơn vị vào sáng mai. Người lính tháo vát và sốt ruột ấy tìm ra một cách giải quyết thật gọn nhẹ, và thật... chiến trường.

Hắn đảo mắt soi mói. Một nền nhà hoang. Một cây cau đơn độc còn sót, trơ cái đầu lá xơ xác lên nền trời. Lân ta không nói không rằng, bế xốc Ngân Hoa, vùn vụt chạy về phía ấy. Vừa đặt hai chân xuống đất, cô chưa hiểu mô tê gì, thì bỗng thấy hai bàn tay dữ dội ấn mình tựa chắc vào thân cau. Anh chàng trút ngay mảnh dù, trùm lấy Ngân Hoa. Mảnh dù che kín đến đâu, thì các thứ áo xống trên người cô gái lần lượt bị rút tung, rơi lả tả xuống đất. Chỉ nháy mắt, trong cái vỏ vải dù mỏng manh, là một bà Eva nồng nồng, còn Lân, hắn cũng cởi nhanh quân phục, nghi trang, để làm ông Adam.

Cây cau gầy guộc vô tội bỗng run lên bần bật, rồi chao đảo, ngoáy tit nghiêng ngả như có gió bão cấp 8, cấp 9.... Cái cây tội nợ cứ vặn vẹo, vằn vèo, ngả đông, ngả tây, bởi vì cái cục vải dù dưới gốc nó cứ xoắn xuýt, vật bình bịch vào thân cau như muốn tự sát. Và những tiếng thở hổn hển, dồn dập, gấp gáp cứ bật ra như luồng hơi thoát ống bễ.

Cuộc báo động kéo dài, kéo dài... Máy bay xẹt đến, vụt đi.

Ánh pháo sáng từ vùng biển, soi rõ môn một các thứ, ầm nấp mãi cũng mỗi, một số xe liều mạng chạy vòng ngã khác, xe thô, xe cút kít tranh thủ lùi dần cho đến lúc báo yên, thì bến phà đã vội hẳn.

Chiếc com măng ca nổ máy xình xịch, rú còi ầm ĩ, thúc giục. Ông Phó Ty lùn từ trong hố chui ra, hồi hả, giục lái xe sớm cướp đường xuống phà.

Bất chấp mọi sự, cái cây cau gầy nhẵn phía xa xa vẫn run bần bật, bần bật, pháo sáng, máy bay, rồi keng báo yên, nó đâu thêm để ý.

Cuối cùng, cây cau run lên mấy cơn thật dữ, rồi im bật như chết lả. Từ trong mảnh dù hoa, chui ra hai con người nhể nhại mồ hôi, mệt lử, xóc xếch nhưng vẫn còn nuối tiếc. Lúc ấy họ mới nghe tiếng còi xe thúc giục.

- Thôi chết! Anh tìm xe đạp....

Xe còn, bỗng cũng còn, may quá! Thôi nhá, anh đi. Em đi. Vợ chồng thời chiến nó vậy đấy, mẹ cha mày Mỹ. Lân ôm mặt Ngân Hoa, buông rồi lại thít. Cuối cùng, họ ù té, chạy rẽ ra hai ngã.

Hắn rằng cô Ngân Hoa hôm ấy, đến hội nghị XX ba tỉnh đồng bằng, đã được hoan nghênh nhiệt liệt như thế nào. Thơ ông CỐp - tất nhiên hay rồi. Nhưng cái giọng ngâm - sao mà nó tràn trề sức sống, tràn trề lạc quan, thể hiện tình yêu đời mãnh liệt, trong cảnh bom dữ dội, máy bay cứ rít.

Đến bây giờ, nhớ lại chuyện cũ, người ta hầu như quên hết sự bức bối, mà chỉ thấy khôi hài. Cái bệnh dịch thơ nó như các thứ dịch khác, đều chỉ rộ lên một thời gian rồi tắt đi. Nhưng ông CỐp nhà tôi quả xứng đáng cho các thi sĩ đại tài phải ghen tỵ.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Thật đấy, đã mấy ai làm thơ, mà lại tạo nên được một thiên diễm tình huyền thoại ly kỳ đến như thế.

Cái pha kỳ ngộ đêm ấy, thế mà đạt kết quả mỹ mãn. Tính đúng 9 tháng sau Ngân Hoa sinh con.

Bây giờ cháu đã lớn. Những lúc rỗi việc, đám bạn già - trong đó có cả ông Phó Ty về hưu, đều tán rằng: Đứa bé ấy, nhất định nó sẽ làm nghệ sĩ, bởi vì nó được bẩm sinh trong một phút giây độc đáo. Nó mà tập múa thì tuyệt vời, nhờ hai bố mẹ đã khiêu vũ một cách đặc biệt và ly kỳ, trên bốn ống chân rắn hơn sắt. Còn nếu nó mà viết văn - chao ôi! Thì sẽ không chê vào đâu được. Đủ cả trí tuệ và tình cảm, hỷ, nộ, ai, lục, ái, ố, dục, chẳng có thiếu món gì. Một bức tranh hoành tráng đồ sộ, kỳ vĩ. Một thoáng khí khốc liệt dữ dội. Một tình yêu vĩ đại. Những chi tiết éo le. Cái sử thi quện với đời thường. Văn chương thể hiện được đầy đủ từng ấy chất, nhất định bạn đọc sẽ xúm vào mà khen, đổ có ai dám chê là văn học minh họa!

3 - 7 - 1989

Bí ẩn của làn nước

Bảo Ninh

Các dòng sông trôi đi như thời gian, và cũng như thời gian, trên mặt nước các triền sông biết bao nhiêu là chuyện đời đã diễn ra. Nhất là về đêm, trên mặt nước của dòng sông quê hương tôi lấp lánh hàng hà những đốm sáng bí ẩn của đời tôi.

Năm ấy, nhằm trùng đỉnh lũ đêm Rằm tháng Bảy, một loạt bom Mỹ phá tan vệt đê canh giữ đàng trước làng tôi. Dứt dây nổ của bom và tiếng gầm ghê rợn của máy bay cường kích là chuỗi âm âm long lở của dòng sông phá bung đê tràn ngang vào đồng ruộng.

Từ trên điểm canh tôi chạy lao về làng. Hồi chiều hay tin vợ ở nhà trở dạ nhưng tôi không thể rời vị trí hộ đê. Bây giờ trời đất sập rồi, trong tôi chỉ còn con tôi, vợ tôi. Tôi dốc toàn lực bình sinh vào đôi chân. Đàng sau, cơn đại hồng thủy đuổi bén gót.

Nước đã ngập làng. Tôi về, kịp dìu vợ lên mái thì vừa đợt dâng nước thứ hai. Mái nhà tranh của vợ chồng tôi bị lôi đi trong đêm đen. Đến khi mái rạ sắp rã tan ra thì ớn trời nó vướng vào thân đa trước đình làng.

Đã cả một đám đông bám trên các cành. Nhiều bàn tay chìa xuống giúp đỡ vợ con tôi trèo lên. Vợ tôi ôm khu khu đứa con mới sinh, nhất định không để tôi bế đỡ.

- Con "traì..." con "traì" mà.... yên tâm, con "traì..." Để yên em ẵm, anh vụng lắm...

Nhiều giờ trôi qua. Mưa tuôn, gió thổi. Mực nước không dâng cao hơn, nhưng chảy xiết hơn. Cây đa đầy người hơn. Tôi mỗi nhừ. Tay ôm chặt vợ, tay níu mình vào chạc cây. Vợ tôi yếu lả, ướt lướt thướt, lạnh ngắt.

Khoảng gần sáng, bỗng có tiếng quấy nước ngay dưới cành đa của vợ chồng tôi. Một giọng nghẹn sắc với lên:

- Cứu mẹ con tôi mấy... cứu mấy... con gái tôi...

Một bàn tay nhớt và lạnh như tay ma rờ vào chân tôi đang buông thõng. Tôi vội cúi xuống, đưa tay ra. Nhưng bàn tay của người đàn bà dưới nước truội đi, chìm ngấm. Cành đa kêu rắc, chao mạnh. Vợ tôi ối kêu một tiếng thoảng thốt, và "ùm", con trai tôi, đứa con sơ sinh tôi chưa được nhìn thấy mặt, tuột khỏi bọc ni lông trên tay mẹ nó, sa xuống làn nước tối tăm.

- Trời ơi! Con tôi...! - Vợ tôi hét rú lên và lao ngay lập tức xuống nước hòng chụp lấy con.

Tôi phóng mình theo. Nước lạnh, ngầu bùn, sâu hút và cuốn mạnh. Tôi vớ kịp thằng con, nhao vội lên, trao nó cho những bàn tay đang chìa xuống, rồi lại lặn tiếp ngay để cứu vợ. Nhiều người phi xuống theo để trợ sức tôi....

Tôi tỉnh lại, thấy trời sáng rồi và đã tạnh mưa. Tôi nằm trong khoang một ca nô cứu nạn đầy áp người. Hồi đêm, tôi đã vật lộn điên dại quyết sống mái một phen với làn nước giết người, nhưng tôi đã thua cuộc. Ứa ra cả máu tai máu mũi mà không những không cứu nổi vợ, đến thi thể của cô ấy tôi cũng bất lực không tìm thấy. Khi ca nô quân đội tới, mọi người đã phải dùng sức để buộc tôi rời mặt nước.

Kiệt sức, tôi ngất đi. Khổ đau, tôi tỉnh dậy, nước mắt nóng rục, tê nhói. Một chị phụ nữ chen chen tới bên tôi, lên lời an ủi:

- Phận chị ấy đã vậy, thôi thì anh phải nén lòng lại, giữ sức khỏe mà nuôi con. Ôn trời, anh còn kịp cứu được cháu. Chao ôi, vừa kịp khóc chào đời đã trải qua một cơn kinh hoàng hú vía. Anh coi con anh này. Cứ như không. Đã bú, đã ngủ rồi đây này. Ngoan chưa này... Ôi chao, nó té dầm rồi này.

Chị nựng nịu, và từ từ gỡ bọc chăn chiên đang ủ kín con tôi. Chị thay tã cho nó. Tôi nhìn, choáng váng, chết lặng, tôi nén một tiếng kêu thất thanh.

- Con tôi... - Tôi oà khóc, đỡ lấy bọc chăn - Con tôi!

- Từ bấy tới nay, thời gian trôi qua và triền nước trôi đi, tôi đã có tuổi và con gái tôi đã trở thành một thiếu nữ đẹp nhất làng. Nó là đứa con của làn nước, mọi người đều nói thế bởi vì chuyện nó sa xuống dòng nước lụt rồi được cha nó cứu lên thì cả làng ai cũng biết. Nhưng điều bí mật kia thì không ai hay, kể cả con gái tôi cũng không thể biết. Chỉ có dòng sông biết.

- Có ngày nào mà tôi không ra đê ngắm làn nước trôi. Vợ tôi, con tôi và người đàn bà vô danh nhìn tôi từ đáy nước. Thời gian, năm tháng cứ trôi, dòng sông và lịch sử, tất cả đều đổi thay nhưng mà niềm đau của đời tôi thì khôn nguôi bởi ấy là niềm đau không thể nói nên lời.

Làng lơ

Lê Văn Thảo

Trời trưa nắng gắt. Tôi đang ở phòng đợi bến xe chợ tỉnh chờ xe về thành phố. Ngồi cạnh tôi là một ông trung tá trạc năm mươi, tóc hoa râm, người ốm, hai vai nhô cao, vẻ đăm chiêu khắc khổ. Ông ôm sát chiếc cặp vào lòng, chiếc túi xách lại bỏ lăn lóc dưới đất. Bộ quân phục đã cũ hơi rộng khổ sồn rách nhiều chỗ, nhưng nút cổ, nút tay áo được gài kỹ. Hai chúng tôi ướt đầm mồ hôi. Chiếc xe đồ chúng tôi mua vé nổ máy rì rì nhưng chắc còn lâu mới chạy, tôi quá rảnh chuyện đó thản nhiên ngồi đợi. Những người khác đọc báo, hút thuốc, trẻ con ăn quà chạy giỡn, đàn bà tùm lại chuyện vãn. Riêng ông trung tá tỏ vẻ nóng nảy vội vã, luôn coi đồng hồ rồi ngó dáo dác tìm kiếm. Nắng cứ gắt thêm mãi, đổ sao lốm đốm trên mặt đường. Bến xe vẫn tấp nập, hành khách chen lấn xô đẩy, người bán hàng rong, bán vé số chào mời, lơ xe la hét cười giỡn, công an thối còi, xe lôi quất tháo dọn đường đi, âm thanh hỗn tạp loạn xạ, không khí ngột thở vì nắng vì bụi, mùi hôi thúi từ các cống rãnh bốc lên.

- Ôn ào quá trời đất - Ông trung tá nói.

- Bến xe thì vậy thôi - Tôi đáp.

Có một đoàn khách mới tới chen đi vào, trông rõ những người nông dân quê mùa ở vùng xa hẻo lánh, già

trẻ bé lớn mang vác đủ thứ đồ đạc linh kinh của con nhà nông. Đi đầu là một ông già quần khăn mỏ rìu trạc bảy mươi, tóc bạc trắng, mặt khô quắt lại nhưng tay chân vẫn còn rắn rỏi. Ông già rảo bước đi lên trước ngó trước ngó sau, khoát tay cho mọi người dừng lại ngắm nghĩa hàng xe đậu trước mặt rồi đi dọc theo hàng người dẫn dò chỉ bảo. Ông trung tá thờ ơ nhìn đoàn người, chắc lưỡi coi đồng hồ rồi ngó lại chiếc xe đang nổ máy rì rì. Bỗng ông như sực nhớ ra điều gì, hoặc nghe loáng thoáng gì đó, quay lại ngó chăm chăm vào ông già quần khăn mỏ rìu, trán nhăn lại, rồi ôm sát chiếc cặp vào lòng đi bươn tới, bỏ quên chiếc túi xách dưới chân tôi. Đoàn người nông dân đi vào gian nhà đội xe, chia thành từng cụm ngồi quây lại với nhau, đồ đạc để chính giữa, kéo khăn quần cổ lau mồ hôi, nói với nhau những câu chuyện rồi rạc đứt quãng. Ông già khăn mỏ rìu đứng lại bên ngoài một lúc rồi đi lẩn vào trong. Ông trung tá mất hút vào trong đoàn người rồi thấy hiện ra bên cạnh ông già. Hai người nói chuyện với nhau, hơi to tiếng vì đám đông quá ồn. Tôi xách chiếc túi xách của ông trung tá lần đi tới nghe loáng câu chuyện của họ.

- Có phải ông là Tám Đấu ở làng T. không? - Ông trung tá hỏi ông già, giọng như quát.

- Hả? - Ông già quát lại.

- Tôi muốn hỏi thăm... Hồi xưa tôi có ghé qua đó...

- Cái gì? Nói lớn lên, tôi bị lãng tai...

- Tôi nói hồi xưa tôi có ghé qua làng T. của ông, lâu lắm rồi, đã hơn hai mươi năm...

- Làm gì còn làng T. nữa, nó ở dưới sông hết rồi.

- Sao?

- Nó bị lở, đâu có chuyện gì, ở ven sông nhằm bên lở vậy thôi.

- Lở hết sao? Không còn nhà nào sao?

- Lở hết, không còn nhà nào - Ông già nói với giọng khoái trá - Lở âm ầm suốt ngày đêm, chuyện trời đất mà. Tụi tôi là những nhà cuối cùng bị lở đây. Một tốp khách du lịch máy ảnh đeo trước ngực túi lớn túi nhỏ quanh hông nói chuyện líu lo ồn ào. Đoàn người nông dân kéo đến ngồi ngay trước mặt tôi, ai nấy ồm ồm yếu xanh xao, quần áo rách bươm vá chằng vá đụp, đám con nít không thể gọi bạn quần áo mà như mang giẻ trên người. Một chị phụ nữ bận áo rách hở cả ngực cứ thế cho con bú. Một bà già bận chiếc áo vải ka-ki bộ đội và một người đàn ông bận áo cánh phụ nữ. Ông trung tá đã ngồi sát vào ông già giọng hai người đã dụi mắt.

- Kỳ quá ! - Ông trung tá nói.

- Cái gì kỳ? - Ông già hỏi.

- Chuyện làng lở ấy mà. Hồi đó tôi cũng có thấy nhiều nhà bị lở nhưng không ngờ lở mau như vậy. Bác kể lại từ đầu coi?

- Không có đầu đuôi gì hết - Ông già nói, thích chí vì được kể chuyện. - Cứ lở âm ầm vậy thôi. Vui lắm! Mùa mưa nước chảy xiết đêm đến nghe nhà này nhà kia kêu cứu, đột đốc chạy tới thấy nhà con Hai Nọn bị sạt mất cái bếp, chuồng heo cũng bị sạt trôi mất con heo nái. Rồi thấy nhà ông Năm Mừng nghiêng đổ xuống, ông ta ở trong nhà chống mông la làng không sao ra được. Một bữa có đám thanh niên tụ tập lại một nhà nhậu nhẹt, căn nhà nghiêng một nửa chúng vẫn nhậu, vậy rồi nghe "ầm" một cái chạy tới thấy căn nhà

trôi linh bình giữa sông, đám thanh niên lội loạn xạ chung quanh như bầy chuột.

Ông trung tá hỏi, giọng âm thầm:

- Nhưng không ai sao chứ?

- Hả?

- Tôi hỏi có ai bị chết đuối không?

- Chết thì cũng có - Ông già đáp - Đó là nhà thím Hai Sương chồng con chết hết trong chiến tranh, ở với đứa cháu nuôi mười hai tuổi, căn nhà nằm cheo leo từ lâu rồi nhưng bận tảo tần mần ăn, đi mót lúa, bắt hoi đũa, lo bữa sáng xong lo bữa chiều, đâu còn thì giờ lo chuyện nhà cửa. Một hôm nghe "âm" một tiếng dốt đốc chạy tới không thấy nhà đâu nữa, người cũng không, mấy ngày sau cũng không thấy xác nổi lên. Vậy là chết mất xác, thương quá chừng - Ông già quay sang hỏi người đàn ông ngồi bên cạnh - Nè Chín Mân mày nhớ hồi nhà thím Hai Sương bị sụt lở không? Thấy thương quá không?

Người đàn ông tên Chín Mân đang bận ràng lại chiếc giỏ đồ đạc, đáp cụt ngủn:

- Thương, thương lắm!

Ông trung tá hỏi tiếp:

- Vậy làng xóm không có kế hoạch gì sao?

- Kế hoạch gì?

- Tôi muốn hỏi chánh quyền không có cách gì giúp đỡ bà con dời đi hay sao?

- Dời đi đâu? Một lần dời nhà ba năm chết đói. Làng tụi này nghèo lắm, làm ăn đâu tắt mặt tối chỉ đủ ăn, nhà cửa có từ bao đời cứ thế ở, có dư dả chút đỉnh vài ba năm thay mái lá một lần. Dời đi đâu? Tiền đâu mà dời? Mồ mả

vườn tược ở đó, bộ muốn dời là dời được sao? Thôi thì chuyện trời đất tới đâu tính tới đó.

Ông trung tá cúi đầu trầm ngâm. Ông già quay sang tôi bắt chuyện:

- Phải không chú em? Chuyện trời đất biết đâu mà lường. Mà chú em có biết ít nhiều chuyện sông nước không cái đã?

Tôi đáp tôi cũng có biết, tôi người quê ở đây, nhưng chuyện làng lở bây giờ tôi mới nghe nói. Tôi hỏi:

- Nhà bác bị lở ra sao?

Ông già cười vui.

- *Qua* đầu có gì phải lo, con cái đi tứ tán hết, căn nhà nhỏ xíu như cái chồi giữ vệt chỉ chờ sụt đi thôi. Đêm đó *qua* ngồi hút thuốc chờ tới nửa đêm, thấy nó rung rinh, *qua* vắn thêm điếu thuốc nữa, nghe nước bắt đầu chảy ào *qua* sàn nhà, và rồi căn nhà từ từ trôi đi, nhẹ tênh như giẻ lục bình, *qua* yên tâm ngồi hút thuốc chờ nó trôi tới đoạn có nhà quen tháo chiếc xuồng cột sẵn sau sàn nước bơi vào, dễ như đi dò dục vậy.

Tôi nghĩ ông già bịa chuyện cho vui. Nhưng ông trung tá thì sa sầm. Ông già thấy vậy bèn gọi chuyện giả lả:

- Chú em nói có ghé *qua* làng tụi này, vậy ở nhà ai vậy?

- Tôi tình cờ ghé *qua* thôi - Ông trung tá đáp gượng gạo - Tôi đi công tác bị giặc bắn chìm ghe lội tấp vô được một nhà, gặp một người. Bác có biết cô Huệ không?

- Con gái hả?

- Dà, nhưng bây giờ cũng già rồi, đã hơn hai mươi

năm rồi. Nhà cô ấy ở đầu làng phía trước có cây gừa rất lớn.

- Để qua nhớ coi. Không, không nhớ - Ông già quay sang người đàn ông đang ràng chiếc giỏ - Mà có nhớ con Huệ nào đó không hả Chín Mân? Con Huệ hồi xưa là con gái bây giờ già rồi. Không nhớ hả? Lâu quá rồi, nhà cửa sụt lở lung tung làm sao nhớ được - Ông quay sang đám đông nông dân. Bà con có ai biết cô Huệ nào đó không? Cô Huệ hồi xưa là con gái bây giờ già rồi, nhà có cây gừa...

Có người lên tiếng:

- Có phải cô Huệ bán quán không? Nhà đó thường cho bộ đội ở nhờ.

Người đàn ông ràng giỏ nói:

- Nhà nào cũng cho bộ đội ở nhờ.

Ông trung tá nói.

- Không phải bán quán, cô ấy làm nghề dệt chiếu.

- Vậy thì không biết - Người đó nói - Hoặc giả lở sông chết rồi cũng nên.

Ông già an ủi:

- Chú em rán tìm rồi cũng gặp thôi.

Ông trung tá nói như phân trần:

- Tôi định về thăm làng từ lâu nhưng bận việc quá, cũng đầu ngõ làng lở mau như vậy.

- Đầu có ai ngờ, chuyện của trời đất - Ông già vừa nói vừa quay đi theo dõi hàng xe khách đầu phía trước - Chỉ có điều nó nhằm làng nghèo tụi này. Số trời đã định, không ở được chỗ này thì đi chỗ khác - Ông chỉ hàng xe trước mặt - Tụi này đi xuống miệt Thứ ở Rạch Giá, nghe nói có khai khẩn đất hoang, đất rộng người thưa bà con ở

đó có lòng kêu tội này xuống. Nhưng cũng không biết ra sao, đang ở xứ âm âm nước chảy giờ tới chỗ đồng khô cỏ cháy.

Người đàn ông rằng giở càu nhàu.

- Đâu cũng đất nước mình, chẳng ai để mình chết đói đâu.

Đám con nít bu lại nghe chuyện một lúc không thấy có gì hay ho quay ra trâm trở chiếc quần hàm của ông trung tá:

- Bằng vàng thật hả bác? Bác đi bộ đội lâu lắm phải không? Ôi bác già quá!

Ông trung tá gượng cười, mặt có thêm nhiều nét nhăn.

- Ừ bác già rồi. Nhưng có thời bác cũng còn trẻ. Hồi đó bác lội qua được cả con sông rộng để đến với làng của các cháu.

Có người báo đoàn xe sắp chạy. Tức thì mọi người chộn rộn lên, trẻ con kêu réo, đàn ông thu vén đồ đạc, phụ nữ ôm con vào lòng. Ông già chạy tới lui đôn đốc quát tháo:

- Coi đừng bỏ quên cái gì nghe không? Đếm kỹ cuốc xẻng, tới nơi phải dùng liền. Ai bỏ quên mấy tay lưới đây? Không muốn ăn cá hả?

Ông già quay sang ông trung tá:

- Thôi chào chú em nhen. Chú em đã ghé qua làng của tội này rồi, coi như người nhà, mai mốt mời chú em tới làng mới tội này chơi.

- Nhưng bác với bà con ở đâu? Huyện nào? Xã nào?

- Đâu biết, xuống đó rồi tính, đâu cũng bà con mình thôi.

Đoàn người bắt đầu kéo đi thành một hàng dài, những giỏ những túi xách kéo lê trên đường. Ông già đi trước ngẩng cao đầu quán khăn mỏ rìu. Ông trung tá đứng lại ngơ ngác một lúc rồi chạy bám theo, tôi cũng xách chiếc túi xách của ông ta chạy theo sau.

- Vậy làng T. không còn nhà nào hả? - Ông trung tá cố hỏi - Bị lở hết rồi sao? Rủi cho tôi quá! Tôi tính về thăm bao nhiêu lần nhưng cứ lần chân...

- Ai cũng vậy thôi, trời bắt cho lu bu cho đến hết đời.

- Nhưng tôi biết tìm cô Huệ ở đâu?

- Hả?

- Hồi đó tôi quen cô Huệ chỉ mấy ngày rồi ra đi, chưa kịp nói gì, cũng không biết như thế nào, đến nay đã hơn hai mươi năm không được tin tức gì...

- Chuyện trời đất hợp tan là thường...

- Tôi biết làm sao đây?

- Đâu biết làm sao! Thôi chào chú em ghen!

Đoàn xe bắt đầu chạy, ông già bám lên chiếc cuối cùng đưa tay vẫy ông trung tá. Ông trung tá đưa tay vẫy lại. Bụi tung mù mịt, bụi tan đoàn xe đã mất hút. Ông trung tá đứng tần ngần một lúc quay lại giành lấy chiếc túi xách trong tay tôi, trên xe suốt chuyến đi ông ta ngồi yên không nói một lời.

3 - 1991

Nhà không có đàn ông

Dạ Ngân

Đã ngoài ba mươi tuổi nhưng Út Thơm là người trẻ nhất nhà. Chị còn khá sạch mắt dù không tiếc thân mình trong việc nhà việc cửa, khi đi làm, không bao giờ chị viện tới các loại kem dưỡng da chống nắng vẫn theo xuống hàng về tận xóm ấp mà các chị các cô thôn quê bây giờ quen dùng như một thứ bửu bối chống lại mặt trời.

Chị ở góa từ rất sớm, hồi mới hai mươi tuổi, ngay hôm đất nước hòa bình, may mắn duy nhất là đã kịp sanh với anh bộ đội ấy một đứa con trai hiện đang ở nhờ người bà con ngoài thị trấn, cách chỗ chị ba giờ đường xuống, để đi học. Dĩ nhiên, chị phải còn một trái tim khao khát, một tương lai ít ra cũng dài bằng đoạn đường sau lưng, vì vậy không có gì quá khi cho rằng chị vẫn thòm thèm muốn đi bước nữa.

Vậy rồi, một người đàn ông góa vợ bên kia giang đồng tìm đến, lúc đầu bằng những lá thư mộc mạc xa gần nhờ những cô cậu học trò qua lại, nghe thì buồn cười nhưng đó là hành trình muôn thuở của mọi mối tình, không phân biệt tuổi tác ấy là một người thỏa mãn được nhiều tiêu chuẩn của chị, kể cả việc anh không có con riêng, điều đó thật dễ dàng khi chị đề nghị anh sang hẩn bên này vừa làm cây lao động chủ

lực vừa góp phần thăng bằng đời sống tinh thần thất thường và thiếu hụt của nhà chị.

Sau hai cuộc gặp khá cận kề ngoài đồng với người ấy, chị thấy đã đến lúc phải công báo với cả nhà ý định tái giá. vì dù sao chị cũng không còn trẻ nhít để kéo dài thời gian mơ mộng hay để đặt những người thân trước chuyện đã rồi, tóm lại chị muốn đi tự mình một con đường trực diện, gãy gọn, nhanh chóng trong chuyện này. Chị chọn một buổi tối, sau giờ cơm. Đã thành lệ, trời sập tối khá lâu nhà chị mới ngồi vào bàn ăn bữa cơm chiều, thói quen ban đầu còn khiến lối xóm kêu rếu cảm cảnh, sau dần ra phục lẫn nết làm ăn sát rạt và thường lấy đó làm gương cho con cháu. Biết làm sao được khi công việc vườn ruộng đa đoan đã đành, còn vì không ai đợi họ trên giường để họ phải vội vàng sau một ngày cật lực vì miếng cơm manh áo.

Chiếc bàn ăn giữa nhà bếp đã được dọn trống, mọi người đang tranh thủ ngả lưng gần đó khi không khí quây tụ hằng đêm của họ giờ mới thật sự bắt đầu. Thường thú tiêu khiển của những người đàn bà suốt ngày ngụp lặn trong mưa nắng và cô đơn không gì khác ngoài các thứ chuyện đời, lúc đầu để bộc bạch, giao cảm, thất buộc tâm tình nhau nhưng chỉ cần một sơ hở trong lời ăn tiếng nói là họ bùng lên cấu chí nhau, khi ấy chỉ có một phương thuốc chữa lành tình trạng khốn khổ của họ là nước mắt của tất cả thành viên trong nhà để sáng sớm hôm sau, họ lại lớp ngóp chui ra khỏi cái góc của mình, lại dè dặt bắt chuyện nhau, lại sốt cho nhau từng miếng cơm chiên và lại chúí nhủi vào công việc.

Tưởng cũng cần dừng lại với từng người trong nhà họ trước khi đi tiếp vào chuyện út Thơm.

Người phải kể đến trước tiên là cụ nội, đã ngót nghét chín mươi, đại biểu hiếm hoi của thế hệ thế trung thành cho đến chết với chiếc quần lưng rút và chiếc áo túi màu cau khô cùng chiếc khăn rằn sọc trắng đỏ. Góa chồng từ lúc hai người mới định cư trên miếng đất nhà họ bây giờ, bà hơn người ở cái cầm vuông vuông nghị lực, ở vóc dạc săn dẻo như một sợi dây lược và ở phẩm hạnh ở vậy nuôi con mà bà coi như một thứ thể diện, một thứ của nả hồi môn cho con cháu.

Người thứ hai là bà cô, xấp xỉ lục tuần, có thói quen dựng mọi người dậy lúc nửa đêm để nói chuyện hoặc đánh đuốc sang với mấy bà bạn hàng xóm. Bà son sẻ, sắc nét như một lưỡi dao nhưng phải cái tật mau nước mắt như mọi bà cô lúc đầu vì những tiêu chuẩn nghiêm ngặt tự mình mà không chọn được tấm chồng, sau lỡ trớn nên thề quyết ở vậy cho thiên hạ biết mặt, giờ hết đời ngoảnh đi ngoảnh lại mới hay mình bất hạnh hơn ai bèn thường xuyên giải sầu bằng những cơn mủi lòng có khi không nguyên cớ gì. Trong nhà bà được coi như chính ủy, tuy nhiên, với đội quân toàn đàn bà, tiếng nói của chính ủy không phải lúc nào cũng được lắng nghe.

Người kế đến là bà má, lạng lẽ nhút nhà vì vị thế dâu con nhiều năm, chính vậy mà được coi là người thứ ba trong mọi chuyện. Bà cũng góa sớm như mẹ chồng, coi ở vậy là chuyện đương nhiên trước bấy con. Hồi mới bốn mươi tuổi bà chịu liền ba cái chết của ba người con trai trong những năm chống phá bình định, từ đó tóc

tai bà trắng xám ra như một bãi lau và người ta nói bà bị khổ vọng.

Cuối cùng là Hai Thảo, chị của Út Thơm, làm thành cái mấu chốt trọng với cô em trên chiếc đòn gánh gia đình. Chị cũng có một anh bộ đội trên bàn thờ nhưng bất hạnh hơn cô em là không kịp sanh với chồng một đứa con, mỗi khi nhớ lại mối tình túc tưởi của mình, chị cũng nhớ được số lần hai người gần nhau mà chị có thể đếm trên đầu ngón tay. Hồi còn trẻ, vì quá yêu chồng nên chị không tìm được ai thay anh trong số đồng đội dập dìu của anh, sau hòa bình, họ hoặc cuốn ra thành, hoặc ở miết bên Campuchia trong khi chị chỉ chăm chăm vào đối tượng đó, vì vậy, việc ở góa của chị là không thể thay đổi và thành sự kế thừa một cách hiểu để truyền thống ở vậy của gia đình; mỗi khi cụ nội trương ngọn cờ đó lên và được bà cô hưởng ứng bằng cái giọng của cô gái đồng trinh khắc khổ, chị chính là người ca bài ca thủ tiết như một thứ kinh kệ trong nhà.

Vậy đó những vòng rào ruột thịt, được mạ kền bằng đủ thứ lý lẽ về phẩm hạnh mà út Thơm phải vượt qua. Nhưng không có đi sao có đến, chị tự nhủ và nhân lúc mọi người còn nhâm nhi buổi tối bằng món trà suông cuối bữa, chị bèn rụt rè đem chuyện ra thưa.

Như vừa nổ ra một cái gì, nghiêm trọng, bàng hoàng sau khi út Thơm ngưng nói. Thật khốn khổ thân chị, khi người ta muốn có chồng thì xưa nay cũng chỉ có một lý lẽ là muốn có chồng. Chị không thể nói gì nhiều và chợt thấy mình thật đại dột mới từ chối cái bước cổ điển do người ấy đề xuất là nhờ một bà mai, vì chị nghĩ chỉ có những đôi trẻ mới cần việc đó. Đáng lẽ chị phải tỉ

tê trước với má nhưng chủ thuyết vì con của bà sẽ lớn hơn mọi thứ tình cảm khác điều đó dễ làm chị nguội lòng. Chị cũng có thể nói nhỏ với Hai Thảo nhưng bà chị này vốn dễ hết mình, phản ứng có thể tóe loe và thế là hư cả bột lẫn đường. Còn với cụ nội và bà cô thì càng không thể, do đó chị chọn kiểu đi mạo hiểm này như một kẻ đánh cuộc với thời vận của chính mình.

Bà cô bật dậy như chiếc lò xo trên võng, bước lại bàn rót thêm ly nước trà, đằng hắng mấy tiếng theo thói quen khi gặp chuyện nan giải, đoạn bắt đầu:

- Cô thấy con còn trẻ, con có quyền, nhà không ai nữ trách con. Cô chỉ ngại một điều, người đó không xa lạ với nhà mình thiệt nhưng quá thua kém so với chồng con. Bất quá nó chỉ là anh nông dân tốt bụng, siêng năng trong khi chồng con nếu còn cũng tá cũng tướng như ai. Cô chỉ sợ con của con nó tủi nó coi thường dượng kế hoặc chạy luôn về với nội nó thì sao? Mà con có lần nào ướm ý thằng nhỏ chưa?

- Có được một mặt con là đủ lắm rồi, còn tính chuyện đi bước nữa chi cho mệt? - Hai Thảo chen vào, bằng thói quen hay đi tắt và rầm rẫn của người chị cả. Chị ngồi bần thần, lưng như chìm vào góc cột, hai tay bỏ lững trên đùi, bộ ngồi buồn ôi quen thuộc của chị.

Im lặng. Như nghe được tiếng lục bình từ thuở hồng hoang đang chảy rì rầm dưới dòng sông Cái Lớn trước cửa. Út Thơm ngồi cúi đầu, tự dưng thấy mất hẳn tự tin và muốn phân vân với mọi chuyện trên đời. Lý trí của chị đang nói hình như có một thứ sự thật trong lời bà cô trong khi trái tim thì bảo điều đó không quan trọng, không là cái gì cả.

Cụ nội chậm rãi đưa ống ngoáy lên miệng và trầu nhưng vụn trầu rơi lả tả bên cái khố nhăn nheo. Bây giờ bà mới lên tiếng giác dác.

- Bà thì không tán thành chuyện so đo người cũ với người mới. Ai cũng được miễn tốt, được làng xóm thương với phải biết điều. Nhưng bà nhắc con, bà đây cũng góa chồng từ hồi con còn lẫm chẫm, được mọi người nể nang là nhờ ở vậy nuôi con dạy cháu đàn hoàng. Nói vậy chớ trò ong bướm muôn đời nó đâu có chữa mình, chiến thắng được nó mới là oanh liệt. Kể rồi má con, cũng theo gương bà ở vậy, để tụi con khỏi mồ côi lần nữa. Rồi cô con, cô con không chịu lấy chồng phần vì núm núu bà, phần muốn tiếp má con gánh vác bầy chị em này. Thương là thương cô con đây nè.

Bà ngưng nói, tóm tét khóc. Đây đó cũng sụt sịt theo. Bỗng bà cô nói tướng lên:

- Tui đại, tui vì tụi nó tui chịu, để bây giờ nó tính chuyện bỏ đi. Má đừng đem tui ra làm gương cho ai hết, tui không bắt ai học theo mình hết!

Nói xong, bà đưa tay áo chùi nước mắt như một đứa trẻ.

- Con biết - Hai Thảo cũng tấm tức góp vô - biết thế nào nội cũng đem con ra làm bài học cho nó. Nào là ở vậy, nào là thiệt thòi vì không có được mụn con, nào là gồng gánh chuyện nhà...Đừng, đừng đem con ra, con không là cái gì hết, con chẳng là cái gì với nó hết!

Trận mưa nước mắt đã bắt đầu rên rỉ. Út Thơm ngồi chết dí trên góc ván, không còn cảm giác gì với bầy muỗi đói dưới chân, xấu hổ một cách cay đắng vì sao mình đâm ra nhỏ bé, tầm thường và vô ơn với những

người thân đến vậy. Ấy cũng là sự cảm thấy của lý trí trong khi trái tim thì như một hòn than vừa bị hắt nước, nguội lạnh và đứng đưng với chung quanh, nó không vắt nổi một giọt nước mắt nào như trước đây, khi những người ruột thịt của chị khóc lóc.

Lại tiếng của cụ nội:

- Hồi nãy con có nói người đó chịu về bên này ở rể nhà mình? Thôi thì nội ghi nhận thiện ý của hai con nhưng theo nội, đã có chồng có vợ là phải riêng tư, chung đụng lâu ngày chày tháng thế nào cũng méch lòng. Nội sợ nhứt cái cộng đồng này không còn như trước cái mà nội dày công ven giữ, chắt đặt mấy chục năm nay. Nhưng... nghĩ tới lúc nhà vắng con, tối lửa tắt đèn kêu cù hơ cù giụi cũng không có, nội chịu sao nổi, con!

Bà cô lại oà lên như đập vỡ:

- Con nhớ con là cháu nội út của bà, hồi nào giờ bà chưa từng xa con, chưa từng khóc vì con. Bà sống không bao lâu nữa, con làm sao cho bà vui đó thì làm. Còn cô, nội nghĩ tới lúc bữa ăn thiếu hẳn một người, cô cũng không chịu nổi đâu, con!

- Thôi nội với cô ba đừng có nài nỉ nữa - Hai Thảo lại ẩm ức chen vào, tay kéo ống quần chùi nước mắt - Nó không thèm nghĩ tới ai thì thôi. Nãy giờ con thấy ai khóc chớ nó có thèm nhỏ giọt nước mắt nào đâu. Nó là út, út cứng, út để của má con, cứ để má con quyết định.

- Ủ, cô cũng thấy nên để má con toàn quyền!

Bây giờ Út Thơm đã hết sức hoang mang, như chính chị vừa gây một tội lỗi tày đình với những người

trong nhà. Chị những muốn cúi rạp xuống van nài những người thân hãy thông cảm, dù sao chị cũng còn non dạ, chị chưa lường hết những khổ tâm mà chị gây cho mẹ và cũng không liệu đủ mọi bề khi chị đi thêm trên con đường chắc chắn sẽ không ít lụy phiền. Thế nhưng, lần nữa, trái tim với lý lẽ của nó lại bảo rằng, mọi thứ đã vô nghĩa tất, chẳng có trời xanh, chẳng có đồng vàng, cũng chẳng có nước bạc, mọi thứ bỗng trở nên trống rỗng và u mê, cả những ý nghĩ sám hối của chị cũng chẳng cứu vãn được gì. Chị ngẩng lên, cầu viện má nhưng suốt từ nãy đến giờ bà vẫn ngồi một chỗ trên ngạch cửa, ngó mông ra bóng tối, mỗi ý kiến đều làm bà ngộ nguây như chính bà mới có lỗi trong chuyện này. Bà vốn vậy, thu mình theo cách của bà trước mọi chuyện nhưng khi đã tham gia thì hoặc là gây thương tâm hoặc là cái mồi lửa làm đám cháy bùng lên. Nãy giờ, bà đã lặng lẽ làm trò nước mắt của mình, bật nói bằng cái giọng ghen ngào:

- Phải chi con Thơm nó nói trước với tui thì không có cái đêm nay. Đã nói là vì con đi, nó sống chớ mình có sống đâu mà. Cuộc đời như một cái ngáp, hy sinh thêm cho con chút nữa thì cũng tới ngày xuống lỗ rồi.

Út Thơm cảm thấy đã quá đủ, những lời khuyên và cảm giác ứa tràn như trong chị có cái gì đó vỡ òa. Chị thấy thương má hơn bao giờ vì nhận ra đó không phải là một lời phán mà là một tiếng kêu đầy những nỗi niềm ẩn ức của người mẹ. Chị cũng cảm thấy căm thù chính bản thân mình, chính những ham muốn mà trước tối nay chị còn thấy nó tự nhiên, chính đáng nên khi cụ

nội bảo chị cho biết ý kiến thì chị không ngần ngại thừa rằng mình đã nghe ra, đã bình tâm và đừng bần khoản gì cho chị hết.

- Con Thơm đi đâu đó? - tiếng má chị hốt hoảng sau lưng, đầy linh cảm người mẹ - Đi đâu giờ này, trở lại coi!

- Con xuống bến rửa mặt chút thôi mà - chị đáp lại, bình thản đến mức má chị yên tâm ngồi lại bên ngạch cửa ngó theo.

Chị đi miên man theo ánh sáng nguyên thủy của bầu đêm đom đóm trong tán bần dưới mé bãi, trong tiếng gió thấp thỏm qua biển lá; cảm thấy hết sức nhẹ nhàng trong sự trống rỗng của mặt đất chị đang bước, của không khí chị đang thở và của cả những tế bào chị đang mang trong người, khi ấy hình ảnh người đàn ông góa vợ bên kia giang đồng thấp thoáng hiện ra, xa xôi và lơ lửng trên đỉnh thảm hại. Chị vẫn đi, cho đến lúc bỗng sờ nhận ra mấp mé dưới chân mình là mép nước lạnh ngắt trong ánh sáng ma quái của lũ đom đóm, chỉ cần một cái nhún mình là mọi sự vô nghĩa trong chị cũng nhẹ nhàng kết thúc. Nhưng chị đã ngồi xuống, còn nhớ là phải thận trọng khi vươn người khoát nước rửa mặt.

Những người thân của chị đã thành công khi họ nhân danh đủ thứ, truyền thống và tiêu chuẩn, tình thương và sự hy sinh nhưng không ai để lộ một lẽ nhân danh khác, ấy là tính đàn bà. Họ đã gắp gọn ra khỏi trái tim người phụ nữ trẻ ấy khát vọng tình yêu, cái mà con người cần hơn mọi thứ, vì từ đó mà có tất cả.

Dạ Ngàn

Để đêm đêm nhà họ phải nhai lại các thứ chuyện đời, lúc đầu là để bộc bạch, giao cảm, thắt buộc nhau hơn nhưng chỉ cần một sơ hở nhỏ là họ lập tức bùng lên cấu chí nhau để sáng sớm hôm sau, mạnh ai nấy lớp ngóp chui ra khỏi cái góc của mình, lại dè dặt bắt chuyện nhau, lại sốt cho nhau từng miếng cơm chiên và lại chúi nhủi vào công việc cùng với cô đơn.

Cần Thơ, đầu mùa mưa 1990

Mẹ và con

Ma Văn Kháng

Duyên đứng trước gương, nghiêng ngó, tự ngắm mình. Trong căn buồng nhỏ xinh của chị có một chiếc tủ đứng gỗ lát, cánh tủ bên trái gắn một cái gương dài, soi rất thật mặt. Cái gương khách quan, không thiên vị, đánh giá chính xác, đầy đủ toàn hình người soi, mách bảo những nét chưa hoàn chỉnh, tôn từng chi tiết, hòa hợp trên khuôn mặt, vóc dáng người đứng trước nó. Cả nhà đã soi mình trong chiếc gương đó. Thằng Thuận, mặc cái áo bay, kéo phéc-mơ-tuya, đứng ngẩn trước vẻ đẹp mạnh mẽ, trẻ trai của mình. Và cái Hòa đã qua cái tuổi nhi đồng thơ ngây mỗi lần soi gương lại nhớ câu chuyện cổ tích có bà hoàng hậu ghen với công chúa: *"Xưa kia bà đẹp tuyệt trần. Ngày nay Bạch Tuyết muôn phần đẹp hơn"*, đã vào tuổi hay ngấm vuốt, nhìn gương mặt, sửa sang từng nếp áo, dáng vệt lông mày, hình mỗi búp tóc.

Duyên là người ít soi gương nhất, so với hai con. Cái gương cứ vô tình phản ánh bóng hình chị, còn chị thì bận tối tăm mặt mũi: năm giờ kém mười lăm sáng đã vùng dậy nấu cơm, ăn lót dạ xong, xối cơm chia thức ăn vào ba cái cặp lồng, rồi vội vã dắt xe đi làm, trời rét ra tới quãng đường trống, gió ngược rất mặt mới nhớ khăn chưa quàng, tắt tay chưa đi. Nhà ở xa bệnh viện, nơi Duyên làm việc, nên chẳng lúc nào được thông thả.

Nhưng, dạo này Duyên bỗng thấy mình hay soi gương. Và hôm nay thì lạ quá, chị cứ đứng thật lâu trước gương, mãi mê ngắm nghía, đánh giá từng nét trên khuôn mặt trái xoan của mình. Ô! Chị chưa già như chị vẫn hằng nghĩ. Cái gương mách thăm chị vậy. Không khí trong căn buồng như mơ vì ánh sáng lọt qua mấy lỗ thông hơi, hắt lên trần và phản quang xuống nền nhà lát đá hoa xanh, tạo nên một khoảng sáng ảo ảo và dịu dàng. Chính là vì làn không khí ấy mà vừa đứng trước gương, chị đã giật thót mình: cô bé nào vậy? Đó là cô bé Duyên hai mươi năm về trước, cái cô y sĩ vóc thon thả, hơi mảnh mai, dáng con gái thị thành, có cặp mắt đen láy, thật sáng, thật đậm thắm ư? "Mắt em hút hồn anh" - Phúc thú thật, khi anh yêu chị, ngày anh nằm quân y viện của trung đoàn. Ôi! Quân y viện trung đoàn, những ngày đã rất xa rồi. Các chiến sĩ bị thương, bị bệnh ngồi trước chị, mặt đỏ rừ, ngượng ngịu. "Anh thở mạnh lên!". Chị nhắc. Trong cái ống nghe lẫn cả hơi thở xúc động thương yêu của chị. Và ngày mai trở về đơn vị, đêm nay, bên đồng lửa trại, chiến sĩ hát tặng chị:

Sau những ngày mưa, trời lại nắng.

Trời lại vui tươi sáng hồng

Sau những ngày ốm đau, nay lại sức như xưa

Đi, để mãi nơi đây lòng thương nhớ.

Những câu hát nhịp ba, mềm mại, lững lơ giữa trạng thái buồn vui lẫn lộn. Chính chị cũng vậy. Chị thương yêu tất cả chiến sĩ đã nằm ở quân y viện này.

Nhưng, đứng trước gương một lát nữa, khi mắt đã quen với làn ánh sáng thoảng sắc xanh dịu, thoát ra

khỏi cái ảo giác vì hoài niệm, Duyên nhận ra, chị đã khác xưa nhiều rồi. Đã hơn hai mươi năm qua, giờ chị đã bốn mươi hai. Bốn mươi hai tuổi, đọc sách đã phải đeo kính lão thì không phải bảy năm, và không còn cái tuyết, cái nhụy ngồi trên mái tóc, làn da. Bốn mươi hai tuổi, đã sang một đoạn đời khác. Nhưng, bốn mươi hai tuổi, vẫn chưa phải là đã già, nhất là với chị. Những phụ nữ xinh đẹp thường trẻ lâu. Chị thuộc loại phụ nữ ấy. Các cô đánh máy ở bệnh viện gọi chị là chị trong khi tôn những người cùng tuổi chị lên bậc bác, bậc má. Các chị cùng tuổi thì bảo: "Bà Duyên này, bà mà đi cùng thằng Thuận, cái Hòa, người ta không bảo là ba chị em thì tôi... chớ kể!". Và các cô đánh máy một buổi chị mặc cái áo măng-tô len màu hồng tới bệnh viện, đã xô cả lại: "Ôi trời, chị! Chị mà dận sẫm-pô, quần loe, đánh phấn, tô mắt vào nữa thì... *hết sảy!*". Chị cười, má hồng dâng, càng trẻ. Chị như còn rất trẻ, trẻ từ dáng điệu, vẻ người, tới phong cách, tính tình.

Trong gương, chị nhận ra mình đã mất đi cái vẻ lộng lẫy thời con gái. Bây giờ, chị như một khuôn hình đã ổn định. Tất cả đã định hình, sau những biến hóa và chọn lọc và sẽ giữ nguyên nét hình như thế mãi. Mũi chị cao, hơi hót lên, cũng như cặp mắt, giữ sự trẻ trung lâu nhất. Thời gian dường như không động chạm tới làn môi xinh, nồng hậu. Còn mái tóc thì chưa biết tuổi già. Dịp tết, các bà cùng tuổi ở bệnh viện, bỗng nổi "phong trào" rủ nhau đi làm đầu. Chị ngưỡng ngưỡng: "Mình có tuổi rồi... Với lại tóc mình... thưa quá!" "Ồi! Tóc chị dày, đẹp như thế, uốn điện nữa thì hết ý!". Các cô gái trẻ tán vào. Và bây giờ thì tóc chị đã uốn những búp to mềm

mai. Mái tóc ngắn làm chị gọn lại, thanh mảnh thêm và trẻ ra. Cũng không hẳn. Hơi nghiêng mình trước gương, chị nhận ra mình trẻ hơn, thanh nhã hơn vì đôi guốc cao và cái quần thun xấp may kiểu âu, gấu loe một cách ý nhị. Có những thời điểm người phụ nữ bỗng đẹp bỗng lên. Hôm nay, chị đang đứng ở cái phút giây thần diệu, hiếm hoi đó ư? Chị hát mái tóc, dáng điệu trẻ như nữ sinh và môi chị bỗng thâm thì câu hát:

Sau những ngày mưa, trời lại nắng

Trời lại vui tươi sáng hồng

Nhưng bài hát không đi hết, môi chị bật tiếng. Chị ngó ra căn buồng ngoài, qua cái màn trúc ngăn cách đang lay động trong hơi gió nhẹ. Hòa, con gái chị nằm trên cái giường nhỏ, mặt hướng về phía chị. Hòa đang ngủ, hai mắt nhắm nghiền.

Chị rời cái gương, khe khẽ ngồi xuống cạnh giường, vẫn ngó ra nhìn con gái và lòng chợt thấy dâng lên nỗi xôn xao rất lạ: Hòa đã là một thiếu nữ rồi!

Con gái chị đã là một cô gái. Sự kiện ấy đánh dấu bằng việc chia đôi căn buồng, khi Thuận, con trai lớn của chị lên đường nhập ngũ. Căn buồng dài chia hai, hai khoảng trống. Những cái chung cứ tách dần ra, bắt đầu từ cái chăn, cái màn. "Ồ, cái ảnh này ba chụp với con, của con!". Đó là ngôn ngữ của tuổi vô tư lúc Hòa mười tuổi. Chị nhận ra con bé bỏ qua tuổi vô tư lự thật nhanh, nó đã có ý thức trân trọng những kỷ vật của người cha. Ba nó, anh Phúc chồng chị mất đã mười hai năm rồi. Và con người thân yêu ấy, giờ như bị tách làm hai. Cô bé tham lam tranh phần lưu giữ gần hết những đồ vật có in dấu người cha. Còn chị, chỉ còn giữ được

những kỷ niệm thân thiết, êm đềm với anh, trong ký ức suy tưởng miên man.

Hòa tách ra khỏi chị khi nó vào cái tuổi mười sáu, lớn bổng dậy. Ôi chao! Đó là một buổi đi làm về, chị gọi cửa, và khi con bé ra mở cửa, chị bỗng giật mình lùi lại: đón chị là một thiếu nữ nuột nà. Thốt nhiên ùa vào chị một niềm vui sướng ngỡ ngàng.

- Mẹ uống nước chè nóng cho ấm người đi. Sao mặt mẹ tái xanh thế!

Chị nhận chén nước con đưa và run rẩy. Con chị đã bắt đầu nhận xét chị. Nó đã tách ra khỏi chị, giờ nó ở ngoài chị, từ phía ấy nó đánh giá chị. Mối quan hệ giữa hai mẹ con vốn hết sức tự nhiên, bỗng trở nên khó khăn, phải dùng ý thức để điều chỉnh. Hòa bắt đầu một đời sống có phần kín đáo, không thể sống lại nữa rồi cái thời thủ thả, ríu ran hai mẹ con với đủ mọi chuyện, nấu nướng, ăn uống, may vá, bạn bè, trường lớp, học hành. "Hay đó là tâm tính của đứa trẻ ở một gia đình không toàn vẹn các thành viên?". Chị nghĩ tới người chồng đã khuất, những bữa cơm có hai mẹ con, có thức ăn ngon, vẫn buồn bã. Chị chủ động gọi mở. Có lần hỏi thẳng: "Có gì băn khoăn nói cho mẹ biết, Hòa?". Nhưng nó nhìn chị, lặng lẽ: "Mẹ cứ tin ở con. Điều gì con thấy không tự mình giải quyết được, con sẽ hỏi mẹ". Chị thở phào. Nhưng vừa yên lòng, vừa thắc thỏm: con đã là một cô gái, nhưng con đã đủ nhân cách chưa?

Buồng ngoài, Hòa đã dậy được một lúc. Gạt cái màn trúc, bước ra, chị nhận ra con đang ngồi ở bàn học, hí hoáy viết.

- Hòa ơi, tối nay đi xem ca nhạc, con nhé.

Nghe tiếng mẹ, cô bé đặt bút xuống bàn, ngoảnh lại:

- Mẹ mua vé ạ? Ở đâu, hả mẹ?

- Mẹ có giấy mời. Ở rạp Hồng Hà. Nấu cơm ăn sớm, rồi hai mẹ con mình đi nhé.

Đáp lại những câu nói thân thiết và vui vẻ của mẹ, cô bé nhấc cái bút, mắt nhìn xuống trang giấy, như lơ đãng:

- Tối nay con bận, mẹ ạ.

- Con bận gì? Tối nay tối thứ bảy cơ mà. Đi với mẹ đi, Hòa.

Cô bé ngược mắt lên, nhận ra giọng nói người mẹ có sự khác thường. Cái gì đã xảy ra mà mặt mẹ bỗng trở nên hoang vắng và cặp mắt đẹp, trầm ấm của mẹ có cái vẻ khản khản thế?

- Con bận thật mà - Cô bé nghe hẩn hẩn lên, nhìn mẹ, mắt đầy vẻ trắc ẩn và lo sợ, rồi lại vội cúi xuống, khe khẽ - Vội lại... học xong, con còn về nhà bà. Bà nhắc con, nhắc cả mẹ nữa, tối nay về qua chỗ bà, bà bảo cái gì ấy.

* * *

Mười năm năm trước đây, nữ bác sĩ Duyên chuyển công tác từ một tỉnh miền núi về thủ đô Hà Nội. Chị đã sống, làm việc ở cái tỉnh nhỏ miền ngược ấy hơn hai mươi năm. Trong quyết định chuyển công tác của chị, người ta có ghi rõ như vậy, và nói thêm lý do đổi về Hà Nội là để nữ bác sĩ có điều kiện sống gần gia đình. Gia đình đây là bà cụ mẹ chồng, độc thân, sống

nhờ tiền tuất của con trai liệt sĩ và tiền góp của ba đứa con khác công tác ở xa.

Về Hà Nội, thật tình là nữ bác sĩ được gần gũi mẹ chồng và bà mẹ cô đơn quả là cũng có chỗ nương tựa để qua tuổi già buồn tủi sầu thương. Tuy vậy, trong sâu xa, nữ bác sĩ hiểu mình hơn ai hết: sự chuyển đổi nơi công tác của chị chính là do sự thôi thúc nội tâm của chính chị. Kỷ niệm về người chồng mới được báo tử ở đây nhắc nhở riết nóng quá. Và chị cảm thấy càng ngày mình càng bị trở trối trong một đời sống đơn chiếc. Nhất là khi chị chứng kiến cái cảnh bạn bè tiễn đưa con đi đại học - bao giờ tỉnh nhỏ mới có đủ các trường đại học như thủ đô? - Và trở về căn nhà với một mình một bóng vào ra.

Cả nhà đã háo hức khi nhận được quyết định chuyển vùng. Thuận mười lăm, Hòa mười ba. Nghĩ tới thủ đô với phố phường đông vui, nữ bác sĩ nghĩ tới một khung cảnh gia đình ổn định, ba mẹ con chung sống với nhau cho tới mãn đời. Nhưng tiền chị ở ga xe lửa, một người bạn gái ghé tai chị, tiếng nói thầm chen lẫn tiếng cười vui nho nhỏ: "Duyên ơi, chúng nó bảo cậu có chuyển được về Hà Nội thì mới có thể lấy chồng lại được. Còn ở đây ấy à, tỉnh nhỏ, đừng có hòng! Mà cậu vẫn cứ trẻ, cứ xinh như hồi mới lấy anh Phúc ấy". Mặt chị bừng đỏ, sợ hãi. Rất may, hai đứa trẻ đang nghênh nghênh mãi ngấm cái đầu tàu, chúng không nghe thấy câu nói ấy - cái câu nói làm chị lo sợ, nhưng lại như tiết nhạc mở đầu mang chủ đề một khúc ca cứ lay đi lay lại trong đoạn đời mới của chị.

Nữ bác sĩ chia tay với cuộc sống tỉnh nhỏ. Chị nhớ

xiết bao cái thị xã êm đềm, những căn nhà thân thiết, những khuôn mặt triu mến. Tỉnh nhỏ, cuộc sống vừa cởi mở và chật hẹp, nơi mọi người quen thuộc nhau như người cùng hộ, nơi đời sống yên tĩnh, bình lặng, không có cái gì trỗi bật lên, vượt khỏi sự phổ biến thường tình, nơi nhất cử nhất động âm vang và bị cuộc sống thường nhật biến hình đi. Tỉnh nhỏ, nơi con người, tính tình, gia cảnh bộc lộ giữa thanh thiên, trong bầu không khí trong suốt thân mật của sớm mai. Tất cả vẻ đẹp và sự hạn hẹp của nó đều là ở chỗ đó.

Người ta biết rõ chị từ lúc chị mười tám, lúc lác hai cái bím tóc nhí nhảnh đi theo con ngựa thồ thuốc quân y của trung đoàn 246. Người ta quen thân với Phúc, chồng chị, anh chàng đại đội trưởng trẻ trai nhất trung đoàn. Người ta còn nhớ năm nào anh chị cưới nhau, ngày anh đi B và cái lễ truy điệu anh tổ chức ở Ty Y tế, chị đã ngất lên ngất xuống ra sao.

Tỉnh nhỏ, đời riêng hòa trộn trong đời chung.

Còn ở thành phố lớn thì con người bỗng như là vô danh với những người khác. Cuộc sống ở đây nhộn nhịp, các sự kiện chuyển động với một tốc độ nhanh và đời riêng của mỗi người dường như bị chìm lấp trong cái bề bộn, ngổn ngang của bao tâm sự, lo toan.

Nữ bác sĩ sống những năm tháng đầu ở thành phố đúng như vậy, không ai biết thật kỹ về chị. Chị cũng từ bỏ rất nhanh nếp sống tỉnh nhỏ. Chị khuôn mình lại, khép kín đời sống riêng và do đó cảm thấy thoải mái, ít bị ràng buộc với ngoại cảnh hơn.

Cuộc sống như vậy là dễ chịu. Chị làm việc chu đáo, tận tình, có tín nhiệm với đồng nghiệp, được bệnh

nhân yêu mến. Hai đứa con học giỏi, ngoan ngoãn. Hai mươi tuổi, đang là sinh viên y khoa, Thuận tình nguyện nhập ngũ. Hòa lên lớp mười, qua cái thời tính khí thất thường, chững chạc dần. Còn gì mong mỏi hơn!

Thời gian lặng lẽ trôi và là người bạn tốt của nữ bác sĩ.

Nhưng sự yên tĩnh của chị, ngay cả chị cũng cảm thấy nó mong manh thế nào. Sự gợi ý ồn ào của bạn bè cùng lứa. Những câu nói nghịch ngợm táo tợn và đầy thiện ý của các cô gái trẻ. Tất cả tạo nên một mảnh đất ương hạt. Và cuối cùng một cái hạt vô tình đã lạc đến mảnh đất màu mỡ này.

Ấy là một buổi nữ bác sĩ khám bệnh cho một đứa trẻ lên tám. Con bé bị thấp khớp và có triệu chứng xấu về tim. Cha đứa nhỏ là một người đàn ông mang quân hàm thiếu tá. Tóc ông đã hoa râm, dấu vết cuộc sống vất vả nhiều năm in rất rõ trên khuôn mặt hơi dài, xanh xao của ông.

- Cháu phải nằm viện, anh ạ?

Nữ bác sĩ nói với thiếu tá, bình thản như nói với tất cả những người có quan hệ công tác. Nhưng, chị nhận ra ông nhìn chị với một vẻ chú ý đặc biệt, tuy kín đáo. Sau khi cảm ơn chị, hứa sẽ thu xếp đưa cháu đến nhập viện đúng hẹn, ông bỗng nhìn chị chăm chú và ngập ngừng:

- Chị ạ, tôi trông chị quen quen... Hình như tôi đã gặp chị ở đâu?

- Có lẽ anh nhầm - Chị tháo ống nghe mắc trên vai cầm tay.

- Trước chị công tác ở trung đoàn 246?

Nữ bác sĩ lắc đầu, mỉm cười một cách lịch sự. Chị đã nói dối. Nhưng, chị nhận ra ông thiếu tá không phạt ý, ông nhân ái, nghĩ ngờ trí nhớ của mình.

Chuyện ấy xảy ra không ngờ chị day dứt. Chị thấy mình có gì như là không phải, mỗi lần nhớ lại cái nhăn trán tội nghiệp của ông cùng cái cảnh ông công đưa bé ốm yếu ra khỏi căn buồng khám bệnh.

Nữ bác sĩ chờ đợi ông thiếu tá trở lại để trò chuyện. Gặp lại một người bạn ở đơn vị cũ cũng là điều thú vị chứ. Nhưng, ngày hẹn đã tới mà không thấy ông thiếu tá đưa đứa bé đến nhập viện. Sự ân hận đã thúc giục chị đi tìm gia đình đứa nhỏ, để nhắc nó vào nằm viện. Chị đã gặp cái gia đình ấy, một gia đình chỉ có đứa cháu nhỏ đau yếu và một bà cụ mù lòa. Bà cụ cho nữ bác sĩ biết: ông thiếu tá đã lên mặt trận biên giới. Ông ta là con trai cả của bà cụ, là người vất vả nhất trong những đứa con. Hết Tây Bắc lại sang Lào, Campuchia, lúc nào ông cũng có mặt ở những mặt trận gay go nhất. Đời riêng của ông ta, chẳng may mắn gì: lấy vợ, mãi chục năm sau mới có được một mụn con, và bà vợ chết cách đây đã dăm năm vì một trận cảm đột ngột.

Nữ bác sĩ công đưa nhỏ đến bệnh viện. Chị cố gắng như ông thiếu tá đã cố gắng nó. Và sau đó, điều phải xảy ra đã xảy ra, ông thiếu tá liên tục gửi thư cho chị, cảm ơn tấm lòng từ mẫu của chị. Chị trả lời thư của ông. Thoạt đầu, chỉ là những thông báo về bệnh tình đứa trẻ, sau thì hỏi han về cuộc sống của ông. Đôi bên cứ thế mở dần cánh cửa lòng mình mà không hề nhận ra.

Rồi đến ngày đứa trẻ lành bệnh, ra viện, ông thiếu tá từ biên giới về, đón con. Đó là một ngày vui của nữ

bác sĩ. Chị trở về nhà khi đêm đã khuya, lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm trời, có một người đàn ông đưa về đến tận cửa.

Nhưng, bước vào nhà chị bỗng giật mình. Hai đứa con đã đi nằm, nhưng chưa ngủ. Nghe tiếng chị mở lồng bàn đầy mâm cơm, Thuận ngồi dậy, mặt và giọng nói đều dừng đứng:

- Sao hôm nay mẹ về muộn thế? Cái Hòa nó làm nem dơi mẹ mãi. Hôm nay là... sinh nhật nó.

Lúng túng, chưa biết nói thế nào, chị đã thấy Thuận đi đến cạnh giường em, đập tay vào đỉnh màn:

- Dậy đi, Hòa! Mẹ về rồi! Mẹ bận, về muộn một tí mà mày thế à?

- Bận!

Con bé buông một tiếng hét sức tức tưởi. Chị rùng mình, lo âu. Hòa đang đứng giữa tuổi trẻ con và tuổi thiếu nữ.

* * *

Mối quan hệ giữa hai mẹ con bắt đầu có vết rạn nhỏ từ ngày đó. Những ngày tiếp theo, cũng chẳng có gì tốt đẹp hơn. Bây giờ, chi phối cuộc sống của chị không chỉ là hai đứa con. Một nhân tố mới đã lách vào cuộc sống riêng của chị.

Nữ bác sĩ bỗng trở nên thất thường. Chị hay nôn nao chờ đón. Khi vui, về đến nhà chị lại thấy niềm vui của chị cô đơn thế nào. Con gái chị đã tách hẳn ra khỏi chị. Đó là năm Hòa học lớp chín, cô bé rơi vào trạng thái tâm tính dở dang thông thường của lứa tuổi và

tình trạng dở chừng của cấp học. Sức học của cô bé sút kém hẳn. Mời chị đến trường, cô giáo chủ nhiệm thông báo: "Cháu có sa sút hơn trước, nhưng điều tôi băn khoăn hơn vẫn là... thấy nhiều lúc cháu như người mất hồn, buồn tủi thế nào ấy". Chị bối rối trong im lặng. Nhưng, sau đó xảy ra chuyện khác đau lòng hơn. Về nhà, chị đưa nhận xét của cô giáo chủ nhiệm ra, hỏi con gái. Nó đáp hồn: "Con chỉ thế thôi! Mẹ hãy hỏi mẹ ấy!". Giận dữ và đau đớn vì bị xúc phạm, chị đã tát con gái. Đó là cái tát đầu tiên trong đời làm mẹ của chị. Chị ân hận ngay sau đó. Hai mẹ con ôm nhau khóc suốt một đêm. Chao ôi! Chị nhận ra mình đã chênh mảng trong việc săn sóc con. Chị đã bỏ đi một hạnh phúc thật sự của người mẹ. Chị không còn trẻ nữa, vậy mà sao chị lại bị lôi cuốn vào một tình cảm xốc nổi như thế. Trời! Những giây phút thật là bông bột, thật là điên rồi!

Và bây giờ, chị lại rơi vào trạng thái bông bột, điên rồ nữa chăng?

Buổi ca nhạc đã tan. Thành phố mất điện. Mặt trăng đầy đặn nhô lên trên những căn nhà gác cao. Tiếng guốc dép của những người đi chơi đêm về đang tan ra, mất hút vào các ngõ phố.

- Lên hè đi, em.

Ông thiếu tá âu yếm nhắc chị, khẽ động vào tay chị và hai người cùng bước lên hè. Một chiếc xe phun nước rè rè rẽ vào con phố nhỏ, ánh đèn pha lướt qua bóng chị và bóng ông. Chị thốt bồi hồi. Ông vừa gọi chị là em và tiếng guốc của chị trên hè phố sao mà vang giòn, trẻ trung và xa lạ thế!

Hai người đi bên nhau.

Tối Văn Miếu, dưới bóng những cây phượng già, họ đi chậm lại và cả hai đều hiểu rằng đây là lúc họ có thể nói với nhau những điều cần nói, sau bao nhiêu năm tháng nấu nung, nấu nà.

- Duyên à! - Ông thiếu tá ngập ngừng. Dưới ánh trăng lấp ló sau vòm lá phượng thưa, mặt ông trắng bệnh ra và như vô hồn - Anh không nói thì em cũng hiểu rồi...

- Anh đừng nói!

Nữ bác sĩ lắc lắc mái đầu. Chị không muốn ông nói. Đây không phải là nỗi hồi hộp của mối tình đầu khi cả hai còn son trẻ. Ông cũng hiểu như vậy. Nhưng, hình như những câu nói đã được sửa soạn rồi nên ông không dừng được nữa:

Chúng ta không còn trẻ - Ông thiếu tá nói chậm rãi, cân nhắc - Chắc dư luận cũng rất phức tạp, nhất là với Duyên.

Chị đứng lại, nhìn ông. Mặt ông cố giữ vẻ điềm tĩnh.

- Anh chưa hiểu hết đâu. Ở cơ quan em, có một ông tục huyền. Bốn đứa con phản đối. Chúng xông đến nhà chị kia, mắng mỏ chị ta đến tội nghiệp. Ngày ông ấy cưới, chúng xếp quần áo, tư trang của ông vào một cái va ly và đưa ông ta ra khỏi nhà... Không, em không ngại bên nhà anh. Nhưng, hai con em...

Chị run rẩy, hơi thở lấp cả tiếng nói. Ông nhận ra mắt chị đã ướt nhoèn nước. Ông im lặng. Hai người lại đi, tới chân gác Khuê Văn, đứng lại trong bóng tối đè xuống cửa mái gác cổ.

- Hôm nay... em muốn Hòa cùng đi xem - Chị nói, hỏn hển - Để nó bước đầu làm quen với anh. Nhưng, nó từ chối. Hình như... nó biết. Nó không tán thành.

Ông thiếu tá khẽ thở dài:

- Mai anh trở lại biên giới rồi. Đạo này, trên đó căng thẳng lắm. Thuận, con em, nó vẫn ở đơn vị cũ trên đó à?

- Vâng.

- Ta đi dạo một lát nữa nhé.

- Thôi, anh ạ! Em còn phải tạt qua chỗ bà cụ.

- Anh sẽ viết thư về như cũ nhé.

Chị im lặng. Khi ông nói: "Được không, Duyên?", thì chị lắc đầu, đáp:

- Anh đừng gửi về nhà riêng của em.

* * *

- Tối qua mẹ có về nhà bà không?

- Mẹ có về. Bà gửi cho ít khế khô để nấu canh chua cho con. Bà biết con thích ăn canh chua.

- Thế bà không bảo gì mẹ nữa à?

- Có. Bà hỏi việc tìm mộ bố con đến đâu rồi. Bà hỏi sắp đến ngày giỗ bố con rồi, đã sửa soạn gì chưa?

Hòa ngược mắt nhìn mẹ. Và nữ bác sĩ thấy mắt con xuất hiện những tia nhìn dò xét. Chị thấy phật lòng. Nhất là chị biết nó đã không về nhà bà như nó đã nói khi từ chối đi xem ca nhạc với chị tối qua.

- Hòa, thế là con đã nói dối mẹ.

- Không phải con nói dối mẹ. Con sắp đi, thì bạn Hiền lớp con đến rủ con đến nhà bạn Thúy ngay, vì có việc gấp.

- Việc gì mà gấp?

- Bạn ấy bỏ học... - Hòa ngập ngừng, cúi xuống một

cách rất có ý thức - Bố bạn ấy hy sinh hồi giải phóng Buôn Ma Thuột. Mẹ bạn ấy đi lấy chồng. Bạn ấy buồn, chán cả học!

Hơi thở dường như ngừng lại đột ngột, mặt nữ bác sĩ nóng hực. Chị thấy ngáy ngáy như lên cơn sốt. Hòa ngẩng lên, nhìn mẹ. Sao nó lại kể chuyện ấy với chị? Vô tình hay có dụng ý? Thật hay nó bịa ra để thử dò thái độ của mẹ. Chuyện buồn như vậy mà sao mặt nó lạnh lùng và tai ác. Y hệt mặt bà cụ mẹ chồng chị tối qua. Bà cụ cũng có cái nhìn lạnh tanh và vẻ mặt tai ác như thế. Rồi bà cụ sụt sịt khóc kể về con trai, vẫn là những chuyện chị đã nghe rất nhiều lần rồi. Những là thuở nhỏ anh sung sướng ra sao, học hành sáng dạ thế nào. Đi bộ đội, anh giỏi giang, năm nào được thăng cấp, được thưởng huân chương cao quý gì. Và cuối cùng là nỗi ai oán anh để lại cho bà cụ và hai đứa con anh, để bây giờ cái đứa ngu si tọa hưởng thái bình và của cải, công sức của anh.

Lần đầu tiên chị nghe thấy bà cụ nói về của cải. Chị phải ghìm mình để khỏi nổi giận.

* * *

Ấy là những ngày giằng xé xót đau của nữ bác sĩ.

Đều đặn, tuần một lần, chị nhận được thư của ông thiếu tá. Ông bày tỏ chân thành tình yêu của ông với chị. Giọng thư đầm ấm. Ông đặt vấn đề đúng mực và phù hợp với lứa tuổi ông, hoàn cảnh chị. Ông không nghĩ rằng chị sẽ giúp ông chăm lo bà cụ mù lòa và đứa con gái ốm yếu. Việc ấy, ông và các em ông sẽ lo. Ông chỉ nói: hai

người cần có nhau khi họ vào lứa tuổi này và nhất là sau này, khi cả hai đã sang hẳn bên kia dốc của cuộc đời.

Chị viết thư trả lời ông, lá thư nào cũng giống lá thư nào. Đầu thư là sự khước từ, đoạn giữa bộc lộ nỗi ước mong có được một cuộc sống gia đình, cuối thư lại kể một núi khó khăn. Và... không một lá thư nào được gửi đi. Chúng đều bị hỏa thiêu. Chao ôi! Chị vẫn khao khát sống. Đoạn đời tiếp của chị còn dài. Nhưng, chị hiểu ba mươi năm chiến tranh, sự hy sinh không phải của riêng ai, tình cảnh của chị không phải là cá biệt. Và lại, lúc này, bên mối tình với ông thiếu tá, chị còn tình yêu và nghĩa vụ với hai đứa con. Chị yêu chúng. Tình yêu ấy thật đáng trân trọng, và những đứa con chị chúng không muốn chị chia sẻ cho ai. Buồn thay tình yêu này lại cản trở tình yêu kia. Người thân yêu này lại cản trở người thân yêu kia. Hạnh phúc không thể tìm lại được, một khi đã mất, có phải thế chăng?

"Chẳng có sự yên tĩnh nào mà không có hy sinh". Chị dần mình bằng ý nghĩ đó, và gắng quên đi hình ảnh ông thiếu tá.

Váng thư hồi âm, thư ông thiếu tá gửi cho nữ bác sĩ thưa dần.

Cũng là lúc Hòa vào học kỳ cuối của lớp mười. Việc săn sóc con gái cũng thu hút mất nhiều thời gian của nữ bác sĩ. Hòa bận rộn với bài vở nhiều hơn. Nhưng giữa cô nữ sinh và người mẹ vẫn có một khoảng cách tế nhị, dấu do hoàn cảnh hai người đã trở nên gần gũi nhau hơn. Sự kiện dễ nhận ra duy nhất là cô bé siêng qua lại nhà bà, giữa hai bà cháu hình thành một mối liên hệ mật thiết và... kín đáo.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Một hôm, đang ăn cơm, Hòa bỗng đặt bát xuống, nhìn mẹ:

- Mẹ à, hay là mẹ đón bà lên đây ở cho vui.

Người mẹ trẻ nhìn con, hơi sững sốt và sau đó, hai cánh mũi chị cay sè, nhức buốt. "Lại còn đến mức kèm cạnh mình nữa". Chị nuốt nghẹn:

- Mẹ mời mấy lần rồi, nhưng bà không lên. Bà bảo ở dưới phố hàng xóm quen thuộc, đi lại thuận tiện.

- Con thấy bà ở một mình tội tội thế nào ấy. Có hôm thấy bà lom khom nấu nồi cơm con tí, ngồi ăn một mình, con không cầm lòng được.

- Mẹ cũng đã bảo bà: bà ơi, bà lên cho vui của vui nhà mà bà cũng không phải vất vả. Cháu giờ khôn lớn rồi.

- Mẹ ạ, hôm qua bà kể con mới biết ông nội chết từ năm bà hai mươi tám tuổi. Bà cứ ở vậy nuôi ba con, Chú Đàm, cô Lộc, cô Lan. Giờ bà bảy mươi tám. Năm chục năm sống thui thủi một mình, con nghĩ mà thương bà quá!

- Rồi cũng quen đi, con ạ.

Chị đáp, tưởng như lấy lệ mà giọng nghẹn đắng. Nhưng Hòa nhắc bát cơm, chép miệng thật già dặn:

- Ông Nam Cao nói: khổ mà không biết khổ là thế đấy.

- Con nói sao?

- Ông Nam Cao, nhà văn nổi tiếng của nước ta ấy mẹ ạ. Ông ấy viết là...

- Ờ, đó là ngày xưa... Còn nói chung, người ta có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh.

Nữ bác sĩ thực hiện lời mình nói: thích nghi với hoàn cảnh.

Thời gian đang thử thách chị.

Cuối năm học của Hòa đã tới. Chị quên đời sống riêng, chăm chú, lo lắng cho kỳ thi của con gái. Bữa cơm nào cũng vội vàng, đầy ắp các câu chuyện về kinh nghiệm thi cử. Chỉ có hai lần có hai chuyện "lạc đề". Một lần, Hòa nói nhận được thư Thuận từ biên giới gửi về. Thuận kể chuyện đánh bọn Tàu và nói có một ông thiếu tá đến thăm, ông nói ông biết nhà ta. Thuận bảo Thuận rất mến ông ta. Một lần khác, Hòa nhắc lại chuyện cô bạn Thúy nào đó, cái cô bé chán học vì mẹ đi lấy chồng. Cả hai lần, chị đều tìm cách lảng chuyện, trong thâm tâm thật sự không muốn gây nên một mảy may xao xuyến cho mình và con gái.

Công sức của hai mẹ con đã không uổng. Kỳ thi tốt nghiệp phổ thông đã qua, tiếp đó Hòa đỗ vào Đại học Tổng hợp. Hòa vui cái vui nhân hai. Một đoạn đời mới thật đẹp đẽ ở trước mắt cô gái. Còn nữ bác sĩ, sau những ngày dồn sức lực, và sau những phút giây vui sướng của người mẹ chị đã được hưởng, chị cảm thấy có cái gì đó như là sự mệt mỏi chế ngự mình và trước mắt chị thoáng hiện ra một khoảng trống vắng ngẩn ngơ. Hòa, con gái chị sắp xa chị rồi!

Đó là một buổi chiều tháng Chín nắng rất vàng. Hòa đang thu xếp sách vở để mai vào trường, bắt đầu cuộc đời sinh viên, thì nữ bác sĩ từ bệnh viện trở về.

Cô bé nháy ra cửa đón mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ phải mừng cho con đi. Con và cái Hiền cái Thúy cùng học một lớp, mẹ ạ. Mẹ biết cái Hiền trưởng lớp rồi. Còn cái Thúy...

- Thúy dạo nào con kể là...

- Nó lại đi học rồi, mẹ ạ. Chúng con phải giải thích, động viên nó mãi...

Chị thở một hơi dài, mồ hôi ứa đầy trán. "Vậy mẹ Thúy thế nào?". Chị muốn hỏi con gái mà ngại ngùng.

Hòa bật quạt, rót nước mời mẹ, đoạn quay lại xếp dọn cái bàn. Vui, cô bé hát. Rồi, cô bé lục va ly tìm cái áo dài mặc, ra đứng trước gương. *"Xưa kia bà đẹp tuyệt trần. Ngày nay Bạch Tuyết muôn phần đẹp hơn"*. Cô bé ngân nga. Rồi đột ngột xô qua cái màn trúc.

- Mẹ ạ!

- Ối trời, làm mẹ giật cả mình, suýt nữa thì sặc nước.

Chị đặt cốc nước lọc xuống bàn. Hòa cười khe khẽ, ngồi xuống cạnh mẹ, quay đi, giọng nhẹ êm:

- Mẹ ạ, hôm qua con về bà, tự dưng bà hỏi con - cô bé ngáp ngừng. Bà hỏi: nếu nay mai mẹ đi bước nữa thì con về ở với bà chứ?

Mặt người mẹ tối sầm. Choáng váng quá. Cắn buống, cái giá sách, cái tủ gương quay vòng. Chị giữ chặt thành ghế, như sợ ngã và cố dùng nghị lực để trấn tĩnh. Giọng chị hụt hơi và đáng lẽ hỏi con: "Vậy ý con thế nào?" thì chị lại nói như là trách cứ:

- Sao bà lại nói thế?

- Con không biết - Hòa quay lại nhìn mẹ, hai khuỷu tay chống lên bàn, đột ngột lùa hai bàn tay vào mái tóc dày, cô bé cúi xuống, nghẹn ngào - Con không hiểu ý mẹ thế nào? Còn con, con bảo là con vẫn ở với mẹ thôi. Mẹ ạ, mẹ đừng giấu con, tội nghiệp mẹ. Anh Thuận viết

thư về cho con, trong thư ấy, có kèm cả lá thư của ông thiếu tá gửi mẹ. Mẹ, mẹ tha lỗi cho con..

Nữ bác sĩ ngồi lặng trên ghế. Hai hàng nước mắt chảy trên gò má. Chị khóc mà không che giấu trước mặt con gái. Con gái chị đã lớn khôn.

7-2-1981

Những mảnh vụn

Ngô Ngọc Bội

Chuyện đã cách đây hơn hai mươi năm. Trong một buổi chiều trời bắt đầu se lạnh, từ cơ quan Mơ ôm về chiếc vỏ chăn tiết kiệm. Nét mặt cô vừa sượng sùng vừa hân hoan, giờ trước mặt chồng.

- Em vừa mua được cái này. Cũng phải bình nghị mãi, nhà mình "hoàn cảnh" nhất mới được ưu tiên.

Biên dỡ cái vỏ chăn vội vàng giờ lên xem. Đây là cái vỏ chăn hai lớp, can từ hàng trăm những mảnh vải vụn, màu xanh công nhân. Những mảnh vụn từ xí nghiệp may nào đó, rồi một lớp người nào đó, chắp vá thành chăn. Biên mừng và thốt lên:

- Thế nhà ta "hoàn cảnh" gì mà được ưu tiên?

Nét mặt Mơ chợt xịu xuống, dằn dỗi:

- Anh còn không biết hoàn cảnh gì à?

Biên sực tỉnh liếc nhìn vợ: Ôi... Mơ đã sắp tới ngày.

- Anh xin lỗi em. Hoàn cảnh công tác của anh. Cái nghề phóng viên quèn trong chiến tranh này, suốt năm, suốt tháng lang thang, hết Quảng Bình, Vĩnh Linh, lại Hàm Rồng, Long Đại, ở nhà em tự lo như vậy, thật cảm ơn.

Nhưng còn nét mặt iu xiu trầm lắng của Mơ, không chỉ hàm chứa giận chồng về mặt vô tâm, nó còn khắc sâu nhiều điều khác nữa. Trong đó có một điều, từ khi

vợ chồng cưới nhau, cho tới nay đã hai năm, việc sắm sửa đầu tiên cho cái tổ ấm sáu mét vuông này chính là cái vỏ chăn tiết kiệm. Nó cũng trị giá bằng một phần tư số lương tháng của vợ anh. Biên ăn ủi vợ:

- Thôi, đừng buồn nữa em. Có cái vỏ chăn này chúng mình cũng đỡ lo một phần.

Bốn tháng đi phục vụ chiến dịch Quảng Trị, khi quay về thì Mơ đã sinh cái Lợi được hai tháng. Lúc ấy trời vẫn còn lạnh. Biên ôm chiếc vỏ chăn ra bàn làm việc của cơ quan căng màn ngủ. Anh thầm nghĩ: nếu không có cái vỏ chăn này không biết tới nay anh sẽ chui vào đâu.

Chẳng biết cái vỏ chăn có bao nhiêu mụn vải, mụn lớn nhất bằng bao diêm, nhỏ nhất bằng lá lúa. Có lúc lẫn mắt Biên đã đem ra đếm thử, nhưng lẫn lộn lung tung, nó chẳng ra hàng lối gì. Nó chỉ là cái vỏ chăn, nhưng nhờ những mảnh mép vụn còn ùn lại phía trong tạo thành một lớp mền dày, giữ hơi ấm tuyệt vời. Nó nặng tới bốn cân. Nó chẳng mỏng manh như vỏ chăn "con công" của các cô gái. Không đếm được rãnh mạch từng mảnh vụn, Biên lại nghĩ tới người nào đó, chẳng biết ở hoàn cảnh nào đã kỳ công khâu thành? Có phải là một cô gái đang "phục hồi nhân phẩm", hay một bà già không có công ăn việc làm. Người ấy chắc phải có tính kiên trì lắm. Khéo tay và sắt se lắm mới làm nổi. Đây là một công trình lao động. Công trình mỹ thuật, chứ không phải ở phạm trù "tiết kiệm" nữa.

Sống trên mặt bàn làm việc của cơ quan với cái buồng xếp sáu mét vuông, vợ chồng con cái Biên cũng trụ được tới chín năm. Vì cơ quan xa, sáng ra Mơ phải

đi rất sớm. Còn Biên trở dậy ôm tất cả chăn màn vào buồng vợ. Nhưng rồi anh phát hiện ra ngay ở kẻ tử, kẻ bàn làm việc có thể nhét chăn màn vào đấy và khê nói với bà phục vụ cho anh để nhờ. Rồi anh tình nguyện riêng buồng này anh sẽ chịu trách nhiệm làm vệ sinh. Khi anh em trong phòng đến làm việc, thì Biên đã chững chạc ngồi tại bàn mình. Anh em khen: "Ông Biên lúc nào cũng là người giờ giấc nghiêm túc nhất!" Biên chua chát "Tôi nhập được cách sống của loài chuột, loài gián đấy, ông ạ".

Thế rồi năm thứ mười vợ chồng Biên dùng cái vỏ chăn tiết kiệm, anh được cơ quan phân phối cho căn hộ mười tám mét vuông trên tầng năm - một ngôi nhà tập thể lớn, cạnh cái hồ nước mới đào của thành phố. Về nhà mới, hai năm đầu chưa có điện nước. Vợ đi làm xa, ngày nào Biên cũng phải đem quần áo của cả nhà xuống hồ giặt giũ, và gánh bẩy gánh nước lên tầng đổ vào thùng phuy cho vợ con dùng.

Sống như thế nhưng đời đâu hết hoạn nạn. Mơ lâm bệnh tim. Ba năm trời anh đeo vợ đi hết bệnh viện Tây y lại sang Đông y. Rồi Mơ qua đời. Chôn cất vợ xong anh không dám hủy bỏ thứ gì vợ chồng đã dùng. Kể cả những bộ quần áo tàu tàu của Mơ, anh đều giặt cẩn thận rồi gấp cất đi. Anh muốn giữ hơi hướng của Mơ mãi mãi. Cũng có thể những thứ ấy sau này cái Lợi sẽ phải dùng. Nếu không thì cho người thân của anh, của Mơ còn muôn vàn thiếu thốn. Cha con sống quá khổ cực thiếu thốn như vậy Biên chẳng bao giờ nghĩ mình sẽ đi bước nữa. Anh chỉ nghĩ chăm lo học hành cho con gái.

Mười bảy năm liền Biên dùng cái vỏ chăn tiết kiệm

cũng là cái Lợi vừa mười bảy tuổi, cái Lợi vừa học chữ lại vừa học máy khâu, đi khâu thuê. Một hôm nó ôm về cái vỏ chăn hoa vải Nam Định. Mặt Lợi tươi hơn hớn, chú không iu xiu như mặt mẹ nó ngày xưa ôm cái chăn tiết kiệm về.

Nó đưa cho Biên:

- Thôi, hôm nay thì bố phải vứt cái vỏ chăn đi, con biếu bố cái này.

Nó sầm sập ôm vỏ chăn tiết kiệm lao xuống cầu thang. Biên ngồi lặng đi, chẳng ra đồng ý cũng chẳng phản đối. Khi cái Lợi qua khỏi nhà. Biên quay ra ban công nhìn xuống bãi rác ở ven hồ. Nơi đó có hai ba người đang bới rác bằng cái cời sắt. Khi thấy cái Lợi ôm rác ra họ đều ngừng tay, ngóng chờ. Đứng trên nhà Biên cũng thấy hồi hộp. Khi cái Lợi vứt cái vỏ chăn xuống bãi rác, mọi người xúm lại lấy cời bới tung ra. Biên nghĩ thế nào cũng có người nhặt. Dầu sao thì vẫn còn dùng được. Nếu không đem bán được cho hàng giẻ rách cũng có giá. Nhưng lạ chưa, họ lại lấy cời cời lại lẫn với rác bẩn. Họ chỉ nhặt giấy vụn, ni - lông và những mảnh nhôm. Biên thấy ruột quặn đau, khi cái Lợi quay lên, Biên khẽ nói với con:

- Con ạ, con vứt đi bố thấy băn khoăn lắm. Vì dầu sao nó vẫn còn dùng được. Hơn nữa nó đã đi gần suốt cuộc đời bố mẹ. Khi con mới là hòn máu trong lòng mẹ con.

- Thì dùng mãi rồi bố cũng phải "hóa kiếp" cho nó chứ?

- Không, nhưng mà bố còn một băn khoăn lớn nữa. bố chưa gặp được cái người khâu ra nó.

- Ôi dà, bố hay cả nghĩ. Coi chừng, bố lẫn thần rồi đấy. Cái người khâu ra nó chắc cũng được hóa kiếp rồi.

Không, con phải xuống mang về cho bố. Nếu không bố sẽ không chịu nổi.

Thế bố định giữ tới bao giờ?

Bao giờ bố xuống lỗ thì con chôn theo cho bố. Về dưới ấy bố mẹ sẽ lại đắp chung.

Cái Lợi chạy xuống ôm vỏ chăn về, nó giao hẹn với Biên:

- Đem về thì đem nhưng bố không được đắp nữa. Nhà mình trống trải chẳng có buồn, chẳng có màn gió. Bố đắp, khách khứa đến chơi, người ta cười con.

Vụ rét tiếp theo Biên đem trải lên chiếu nằm. Cái Lợi sắn thêm cho bố cái ga bằng vải hoa, màu hoa cà phủ lên vỏ chăn cho khuất. Nó ý tứ vì biết bố nó rất yêu mẹ nó: Bố dùng màu hoa cà mới hợp.

Con gái Biên học giỏi. Tốt nghiệp đại học nó được phân công đi phụ giảng ở trường Đại học sư phạm Hai. Cách chỗ ở hơn ba mươi cây số. Thế là niêu cơm của hai bố con Biên phải chia đôi. Lúc này Biên đã ở tuổi năm mươi, sức khỏe thuộc loại B. Mỗi lần về thăm bố, cái Lợi tỏ ra sốt ruột:

- Thế bố vẫn chịu sống thế này thôi à bố?

- Thế con bảo bố sống thế nào?

- Chắc phải hóa kiếp cái vỏ chăn kia đi thì rồi bố...

Nói thế, nhưng không bao giờ cái Lợi dám "xúc phạm" tới cái vỏ chăn tiết kiệm. Biên nói với con:

- Thôi thì con cố ở trên ấy vài năm, rồi dần dần xin chuyển về gần bố. Mà có yêu thằng nào cũng phải yêu thằng có hộ khẩu ở nội thành. Rồi đưa nhau về đây mà ở.

* * *

Thế là qua đi vụ rét thứ hai mươi hai Biên dùng chiếc vỏ chăn tiết kiệm. Hôm nay trời nắng to, anh mang nó ra hồ giặt. Vừa mới xát bàn chải lên chăn thì từng đường chỉ khâu mủn tung ra. Hai mươi hai năm rồi còn gì nữa. Nhưng anh vẫn không chịu bỏ. Anh gượng nhẹ giặt cho sạch, rồi giăng lên bức rào gần đấy, phơi. Làm xong mọi việc vệ sinh trong nhà để đón mùa nắng ấm thì đã một giờ chiều. Anh hạ lưng nghỉ và chợp đi một giấc. Chợt có tiếng gõ cửa. Tiếng gõ vừa rụt rè, nhút nhát vừa hấp tấp. Biên rút chốt hé cửa. Trước mắt anh là người đàn bà rách rưới bẩn thỉu. Đầu đội nón mê, tay xách bị côi. Thấy Biên chị ta lắp bắp, sợ sệt.

- Em làm phiền bác quá!

- Ăn xin chứ gì? Biên đang định quay vào lấy ví thì người đàn bà nói nhanh:

- Vâng, em đi ăn xin, nhưng lúc này lên với bác em không phải để ăn xin. Bác là bác Biên có phải không ạ?

- Phải. Thế có chuyện gì?

- Cái vỏ chăn phơi dưới kia là của bác ạ?

- Đúng. Thế thì sao?

- Có phải bác đã dùng hơn hai mươi năm nay?

- Đúng. Làm sao mà cô biết?

- Chính tay em đã khâu ra nó!

- A... a.... a! Thật là! Thế thì mời cô tạm vào trong nhà. Người đàn bà len lén bước vào góc nhà.

Cô ngồi xuống kia tôi pha nước cô uống.

Người đàn bà trấn tĩnh dần. Và cố tranh thủ thanh minh để cho chủ nhà chóng tin:

- Nhìn thấy cái vỏ chăn ấy, người em sùng sốt nóng bừng bừng. Cứ thấy như cả cuộc đời đã qua của mình

hiện lên. Em đi gõ cửa từng nhà, từ tầng một đến tầng ba. Có một bà già phúc hậu bảo vỏ chăn ấy là của bác Biên trên tầng năm, nên em mới tìm lên chỗ bác.

Biên cảm thấy có cái gì như mộng ảo, như huyền thoại. Nhưng anh vẫn chưa dám tin và đang nghĩ cách thẩm tra.

- Có gì chứng minh là cô đã khâu cái chăn ấy?

- Em làm thì em nhớ, mặc dầu đã hơn hai mươi năm rồi. Bác đem về bác đếm nó sẽ là 1534 miếng vụn. Không đúng thì bác có quyền lột xác em.

- Làm sao mà đếm được, nó sẽ lẫn lung tung.

- Nếu vậy, em sẽ đếm cho bác coi.

- Chuyện là đây. Vậy cô ngồi uống nước, tôi sẽ mang lên ngay.

Nhờ trời nắng to, cái vỏ chăn đã khô cong. Người đàn bà ôm vỏ chăn vào lòng nước mắt dần dần:

- Bác cho em xin một viên phấn.

Biên mở ô kéo chiếc máy khâu của con gái, đưa cho người đàn bà viên phấn màu. Người đàn bà đứng lên.

- Bác cho em trải cái vỏ chăn lên giường của bác. Em cứ đếm đúng một trăm thì bác gạch một gạch vào mảnh giấy của bác.

Biên lấy giấy bút ra. Người đàn bà vạch phấn lên từng mụn vải một. Miệng đếm một, hai, ba, bốn... một trăm. Bác gạch cho em một gạch. Hiểu ra cách đếm của người đàn bà Biên oà lên sung sướng. Người đàn bà thấy chủ nhà vui cũng hồ hởi dần:

- Ngày xưa khâu xong cái nào em cũng phải đếm như thế này để ghi công. Tỷ nữa đếm xong em sẽ gõ cho bác xem con số mà em đã ghi ở trong lần trái cái chăn

này, sợ lâu ngày thế, nó có còn nhìn thấy hay không. Xong rồi! Bác thử cộng xem có đúng với con số em nói với bác không?

- Cô bảo là bao nhiêu nhĩ?

- 1534, bác ạ!

- Đúng. Chịu "thầy"!

Người đàn bà lại hăm hở lật trái chiếc chăn. Tít mãi tận góc cuối cùng có miếng mụn bằng con tem vẫn còn ghi nguyên con số trên, bằng mực cữu long, khá rõ. Hai người nghỉ tay và cùng uống nước. Biên nhìn người đàn bà, trầm ngâm:

- Ở hoàn cảnh nào mà cô chịu ngồi khâu cái vỏ chăn như thế?

- Chuyện dài lắm chẳng biết bác có chịu nghe hay không?

Lúc ấy trời đã gần tối. Nỗi băn khoăn của Biên hàng chục năm nay, lần này có cơ tháo gỡ.

- Thôi được. Nếu vậy thì hôm nay cô nghỉ lại đây. Chắc bây giờ cô cũng chẳng biết đi đâu.

- Ở lại đây rồi bác gái về bác ấy xé xác em!

- Vợ tôi mất từ lâu rồi. Hôm nay thứ tư, con gái tôi nó cũng không về. Cô ở lại với tôi không vướng bận gì. Rồi cô kể cho tôi nghe câu chuyện của cô. À, hàng ngày thì cô ở đâu nhĩ? Tên cô là gì nữa?

- Tên em là Xuyến, Minh Xuyến. Quê em ở dưới đồng bằng. Dưới quê em có một túp nhà, mẹ em để lại, và ba sào ruộng khoán. Nhưng mẹ em đã chết lâu rồi. Quê em có một tập quán xấu. Rồi rãi là hay rủ nhau đi ăn xin. Đi ăn xin người ta bịa ra đủ mọi hoàn cảnh: Bị bão lụt, bị hoả hoạn, bị nhỡ đường, bị trấn lột. Bị con ốm

nằm bệnh viện lâu, bây giờ ra viện không có tiền về quê.... Nghĩa là nói thế nào cho người ta xiêu lòng.

- Thế cô cũng đi "hành nghề" lâu rồi à?

- Cũng đã sáu bảy năm nay.

- Nhưng ở hoàn cảnh nào thì dễ xin nhất.

- Dễ nhất là có con mọn ôm trên tay.

- Thế lần này lên không có con thì nói thế nào?

- Cứ bảo là bệnh tật, là đi kinh tế mới, bị trấn lột ngang đường, cũng tùy cơ ứng biến. Nhìn từng đối tượng mình xin mà bịa ra cho hợp.

- Cô cũng nhiều kinh nghiệm đấy.

- Vâng. Nhưng lần này em lên là vì có con bạn nhả lên. Nó tên là Thu. Bạn từ ngày còn ở Thanh niên xung phong chống Mỹ. Nghe nói nó mới có con. Nhưng lên tới nơi thì buồn nó khóa cửa. Hỏi người ta họ bảo Thu bế con về thăm bà ngoại, em mới lang thang tới đây.

- Thế cô là thanh niên xung phong?

- Vâng. Cả cái Thu nữa. Chúng em đi đợt năm 1966. Hết đợt một, năm 1969 cái Thu quay ra đi học. Em đăng luôn đợt nữa đến năm 1972.

- Thế cô khâu cái chân ấy vào dịp nào. Nhưng thôi, để đến tối kể.

- Đồi cái Thu cũng khổ cực lắm, anh ạ. Nhưng nó hơn em là có con và được ở thành phố. Hơn bốn mươi tuổi mà có con được thì mừng lắm. Nhưng nó có con rồi lấy gì mà nuôi con. Cái cơ quan của nó suốt ngày "đoán gió dò mưa" nghèo như xơ mướp.

- Thôi được. Cô đi tắm đi. Tôi chạy ra chợ kiếm thức gì về thổi cơm.

- Em không có quần áo thay. Đi ăn xin em chỉ mặc thế này thôi. Về với cái Thu em thay bằng quần áo của nó:

- Gớm ghê lắm, bẩn thỉu lắm. Người đã may cho tôi cái chăn tôi đắp hai mươi năm nay, không được bẩn thỉu thế này. Vừa nói Biên vừa mở hòm lấy ra bộ quần áo của Mơ. - Đây là quần áo của vợ tôi ngày xưa, cô mang thay. Trong buồng tắm có xà phòng, có nước bồ kết. Cô tắm gội cho sạch tôi đi một lúc rồi về.

Đường từ nhà ra chợ, trong lòng Biên khắp khối: biết đâu đây chẳng là số kiếp. Ra phố, Biên có ý loảng quảng để cho Xuyên có nhiều thì giờ. Khi về, Xuyên đã mặc bộ đồ của Mơ đang đứng trước gương chải tóc. Trông Xuyên đã thay đổi hẳn. Xuyên nguyên là một cô gái đẹp. Nhưng nay thì đã quá tàn tạ. Nhìn thấy Biên về, Xuyên tỏ ra bẽn lẽn.

- Trông em có giống chị ấy ngày xưa chút nào không anh?

Chỉ giống đều là đàn bà thôi. Vợ anh ngày xưa đậm người, còn em thì mỏng như tờ giấy.

- Em ngày xưa to khỏe lắm, anh ơi. Ngày xưa em năm mươi ba ki-lô, bây giờ em chỉ còn bốn mươi ba ki-lô thôi.

Cũng là một cử chỉ rất tự nhiên, khi hai người khác giới cô đơn sống bên nhau, lại có những hoàn cảnh rất thuận lợi. Biên đi lại phía Xuyên, quàng vai qua Xuyên cùng ghé vào gương. "- Chúng mình cũng vừa đôi đấy chứ nhỉ". Xuyên liền ngả đầu vào Biên, hai người dìu nhau lại giường. Xuyên trở ra như một khúc gỗ mục.

- Em làm sao thế?

- Em chẳng làm sao cả.

- Như khúc gỗ mục thế à?

- Em không biết. Có bao giờ em...

Chợt có sự thức tỉnh của đạo đức, Biên buông Xuyến ra. Xuyến vùng lên ôm ghì Biên xuống.

- Em van anh, em lạy anh, anh đừng khinh em, đừng bỏ em. Gần chót đời em chưa biết thế nào là thế nào. Anh cho em được làm đàn bà với. Chả nhẽ chết đi em vẫn là.... Cái Thu nó đã có con. Nó đã mãn nguyện. Em tội lỗi gì mà đời hắt hủi em.

Thực tình Biên cũng không phải là người tuyệt đối đứng đắn. Các cụ bảo rằng "Rắn đến nhà chả đánh cũng quái..." Anh lại ôm lấy Xuyến và lăn lộn xoay sở đủ vánh. Nhưng Xuyến vẫn cứ trơ trơ.

- Khốn khổ, em không còn là đàn bà nữa rồi.

- Ai bảo anh thế, em còn tất cả.

- Đúng, nhưng nó chỉ là cái xác thôi. Không có cái hồn nữa. Ngực của em đã teo hết, chỉ có hai cái núm nhỏ như ngực đàn ông. Nó vô dụng.

- Thế hôm nay em được đắp chung với anh cái chăn tự tay em khâu. Đây là cả đời con gái của em.... Biết đâu trời Phật đang định trả công cho em. Đời em vất vả lắm, anh ơi. Bố em chết trẻ. Khi bị truy bức, bố em tự sát. Mẹ em ở vậy nuôi em ăn học. Bà ngầm vun vén em nên người để trả nợ cho đời. Năm mười lăm tuổi em đang học lớp tám nhưng người em đã phổng phao đầy đặn. Giữa lúc phong trào đi thanh niên xung phong, phục vụ chiến trường nổi lên rầm rộ. Em xin đi, mẹ em buồn nhưng không ngăn cản. Ông cậu ruột em lúc ấy là chủ tịch xã, khai tặng cho em hai tuổi để em được đi. Lúc đầu ra đi chúng em đóng quân ngoài Quảng Bình, sau dần dần chuyển vào tuyến trong. Những năm đầu

em rất khỏe. Ba năm liền không phải thuốc thang. Nhưng từ năm thứ ba trở đi em ốm quặt quẹo. Mái tóc rụng gần hết, kinh nguyệt thất thường. Thế rồi mất hẳn. Hồi ấy bọn nữ chúng em một trăm phần trăm mất kinh nguyệt. Nhưng tuổi thanh niên đang hăng hái của chúng em cứ ào đi. Không thấy kinh nó lại giúp mình đỡ phiền hà. Vì ở chiến trường đâu đâu cũng thiếu nước, thiếu điều kiện làm vệ sinh. Em đã mất tới gần một năm. Rồi một chị bác sĩ vào khám sức khỏe. Chúng em nói ra chuyện ấy, chị bác sĩ nghe, nét mặt cứ tái xám. Vội vàng đề nghị với cấp trên cho chúng em lui ra Quảng Bình điều trị. Hồi ấy chúng em gồm mười bốn chị em. Vì chúng nó mới bị nên chỉ vài tháng là phục hồi. Riêng em vẫn cứ trơ trơ. Trạm xá chuyển em ra điều dưỡng dài hạn ở đồng bằng. Trạm điều dưỡng toàn là người què cụt, hay thần kinh. Riêng em chẳng sao cả chỉ thấy người dần dần khô đi. Điều dưỡng gần một năm em thấy ngán quá. Suốt ngày chỉ chực hai bữa ăn, lại ngủ, lại đánh tú lơ khơ. Nhiều lần em đòi ra viện, nhưng chị trạm trưởng nhất định không nghe. Chị động viên: "Em cứ phải kiên tâm. Nhiệm vụ thanh niên xung phong là vô cùng cao quý, và đây hy sinh. Người chết thì đã chết rồi, ai thành thương tật thì đã có sổ Thương binh ghi thương tật. Còn em, em xin ra chị chẳng biết ghi cho em thế nào. Lương tâm chị là phải trả lại quyền đàn bà cho em."

Để cho chúng em đỡ nhàn rồi dễ sốt ruột, chán nản, chị trạm trưởng bày cho chúng em tập mấy khâu. Nhưng rồi lấy đâu ra vải mà khâu, trong chiến tranh cái gì cũng khan hiếm. Chị trạm trưởng liên hệ với xưởng

may cũng sơ tán gần trại. Người ta cũng chẳng có vải cung cấp cho chúng em khâu. Xưởng may này chuyên may quần áo bảo hộ lao động, họ cung cấp cho chúng em những mụn vải, hướng dẫn cho chúng em can thành những cái vỏ chăn, cái áo gối... bán cho người tiêu dùng. Chính là cái vỏ chăn này đây.

Em ở trại điều dưỡng hai năm, bệnh tình cũng chẳng khỏi. Hòa bình năm 1973, trại điều dưỡng giải thể, em xin về với mẹ em. Vì lúc đó mẹ em đã già yếu, mà chỉ có một mình em.

* * *

Thế rồi em nhận được thư của cái Thu gửi về qua địa chỉ của mẹ em. Nó cho biết, nó đã ra trường từ lâu. Về công tác ở cơ quan "Đoán gió dò mây". Nhà riêng ở khu tập thể X. Nó mong nếu em còn sống thì phải tìm lên chơi với nó. Đường từ quê em lên Hà Nội là 90 cây số. Con cái nông thôn như em nói tới lên Hà Nội có khác gì như tìm đường lên cung trăng. Sáu bảy năm trời em không dám thò mặt đi. Thế rồi trận bão lụt năm 1988. Mấy bà trong xóm em rủ lên Hà Nội ăn xin. Em đòi đi theo, lúc đầu thấy em lảnh lặn mọi người không cho đi. Em kiếm được cái bị rách và mấy bộ quần áo rách của mẹ em để lại. Hình như ngày xưa em còn đi vắng mẹ em cũng đi ăn xin. Đoàn chúng em đi có bốn bà già và con mẹ Soạn có con nhỏ vừa tám tháng. Con bé cũng kháukhinh, mẹ Soạn thì mới ba mươi hai tuổi. Người nhẹ nhõm chắc lẫn da dẻ hồng hào. Nó vào loại "gái một con... mẩy mảy sây hạt"... Nhưng ra đi nó chuẩn bị

rất chu đáo. Trong bị nó toàn đồ rách rưới. Nó mang theo cả nghề, lá han, phẩm xanh, nhựa xương rồng...

Từ nhà lên Hà Nội chúng em đi tập thể. Đến nơi trụ lại ở gầm cầu Long Biên. Trao đổi hội ý xong mỗi người đi mỗi hướng. Em chưa thuộc thung thỏ Hà Nội thì đi theo mẹ Soạn, em đóng vai chị gái Soạn đi trông nom cháu ở bệnh viện. Cháu gái được mẹ Soạn hóa trang rất khéo. Mảng đầu và bắp chân trái cháu, mẹ Soạn băng hai mảnh băng. Riêng mặt thì mẹ nó xoa mỏng một lớp nghệ. Vào nhà ai nó cũng thiếu não kể lẽ: Trận bão lụt vừa qua con nó bị tai nạn. Lên nằm bệnh viện nhi hơn tháng nay, giờ ra viện hết sạch tiền gạo giờ chẳng thể về được. Bà con "lá lành đùm lá rách, xin sinh phúc..." Thế là gần như một trăm phần trăm người ta cho. Có người cho vài trăm. Có người hào phóng cho cả ngàn đồng. Tối lại về tụ nhau ở gầm cầu. Em và mẹ con nhà Soạn chủ yếu hoạt động ở các khu vực bệnh viện. Hết Bạch Mai, rồi Việt Đức, Thanh Nhàn... vẫn cứ cái giọng điệu như thế.

Lần mò mãi em cũng tìm đến được chỗ cái Thu ở. Đây là một khu tập thể ba tầng. Tầng dưới là các gia đình. Hai tầng trên là độc thân. Mỗi gian mười sáu mét, ở bốn người. Bốn cái giường một, bốn cái hòm gỗ, bốn cái bếp dầu. Những thứ nổi niêu, thùng gạo thì lên dưới gầm giường. Đến bữa thổi nấu thì tíu tít. Bốn cái bếp dầu đốt bốn góc, khói bốc lên mù mịt sặc sụa. Em đã mò được tới buồng cái Thu. Nó ở một mình dưới gầm cầu thang lên tầng ba. Hôm ấy em nép vào một chỗ theo dõi nó. Đã xa cách nhau mười chín năm nhưng cái Thu là loại xinh gái, lại biết ăn diện nên nó cũng chẳng

già đi bao nhiêu. Hôm ấy em không ra mặt mà lại quay về gặm cầu Long Biên.

Hoạt động ở Hà Nội hơn mười ngày. Cuối cùng bà nào cũng được một bọc tiền. Các bà rủ nhau về làm mùa, em xin ở lại ít ngày. Riêng mẹ Soạn bọc tiền càng lớn thổ lộ với em: "Lần này về nó sẽ mua thêm ít sắt thép đổ nốt cái mái bằng. Từ sang năm trở đi thì không còn lo lụt bão nữa". Em đưa tiền mọi người ra bến xe, mẹ Soạn đưa cho em ba mươi ngàn đồng, bảo đấy là công của em. Số tiền ấy em đi sắm một bộ áo cánh cũng tạm tạm. Mua ít quà bánh, thuê xích lô đi thẳng tới chỗ cái Thu đang hí húi thổi cơm, em luồn tay qua đằng sau bịt mắt nó lại. Nó không cự mà cũng không kéo tay em ra. Nó hỏi:

- Ai đấy nhỉ?

Em ghé sát vào tai nó:

- Mày còn nhận ra ai không?

Ối cha mẹ, mày có phải là con Xuyên không? Tiếng mày thì thâm vãn y như hồi còn ở Trường Sơn! - Thu giật bung tay em ra, nó quay lại ôm chầm lấy em. - Ối trời đất, con Xuyên nó còn sống thật. Hôm kia nó đã giả làm ăn mày đến đây mà. Con Hảo nó nói: có một đứa ăn xin đến đây hỏi thăm tao. Con Hảo tả hình dáng, tao đoán đúng là mày. Đã đến đây thì thế nào mày cũng quay lại.

Hồi ấy em ở lại chơi với cái Thu ba ngày. Ở cái khu tập thể này còn tới mười sáu chị em luống tuổi chưa chồng. Cái ngành "Đoán gió dò mưa" này cũng có những thời kỳ lãng mạn. Đào tạo ở trường xong nhiều chị em xung phong lên Mèo Vạc, Lũng Cú, Sa Pa... rồi

thì hải đảo xa xôi, hết tuổi thanh niên trở về già người ta mới cho về xuôi. Cái Thu cũng là người còn "tốt" số. Vì có đôi chút nhan sắc, được ông trưởng phòng tổ chức bao thầu cho về công tác ở Hà Nội. Tưởng là nên vợ nên chồng. Ai ngờ anh ta bị tai nạn giao thông, chết. Cái Thu héo hắt mất mấy năm.

Thời nào thì con gái nhan sắc cũng hay gặp cuộc đời lận đận. Xong lận người yêu bị tai nạn giao thông, Thu vẫn còn được nhiều chàng trai dòm ngó. Nhưng các chàng trai đến chơi cứ thấy bốn cô gái độc thân nằm bốn góc nhà, anh chàng nào cũng ngán ngẩm bỏ đi. Cho đến năm ba chín tuổi, tuổi càng cao, má đào phai nhạt dần. Thấy nguy to Thu mới giở quẻ phá bình, gây mâu thuẫn với mấy cô cùng buồng. Cày cục mãi ban quản lý cơ quan mới thu xếp Thu ở dưới chân cầu thang. Ở một mình Thu lại trở nên đắt khách. Có một anh kỹ sư trạm trưởng trạm điện, tên là Sói tìm đến. Người anh ta thấp lùn cục mịch nhưng chân thực, thiết tha yêu Thu. Hai người đã cam kết. Sói đưa bạn đến, ra mắt người yêu. Anh này tên là Thắng. Thắng hào hoa, phong nhã đẹp trai, tiêu tiền như rác. Không ngờ Thắng bập ngay được Thu. Đạp thắng Sói ra ngoài. Hai người đã sắm sửa quần áo chuẩn bị làm lễ cưới, thì công an đến xách tay Thắng lôi đi. Một tên tù trọng án, vượt ngục lần trốn mấy năm nay. Chuyện ấy xảy ra Thu bị chị em chê bai hắt hủi cho là Thu "thả mối bắt bóng", đáng đời.

Nhưng rồi mới đây em lại nhận được thư của Thu báo: Thu đã có con. Nhận được thư nó em khóc rưng rức. Đời cái Thu thế là toại nguyện, còn đời em thì sao đây. Em chuẩn bị vội vàng lên với nó. Nghĩ là dịp may

hiếm có này vì nhờ có trẻ con, em sẽ bắt chước mẹ Soạn, bế nó đi ăn xin. Thế nào cũng kiếm cho cái Thu một khoản vốn. Ai ngờ lên đến nơi thì cái Thu lại vừa bế con về thăm mẹ mất rồi. Em mới lang thang ra đây lại gặp ngay cái vỏ chăn của anh phơi.

Lần ấy, Thu cũng hỏi em về hạnh phúc gia đình. Em kể hết đầu đuôi, nó bĩu môi chê em là phong kiến, là cù lần. Em kể về bệnh tật, nó bảo như thế là chả có bệnh gì. Nó bảo cơ thể mình cũng giống như cỗ máy để rỉ lâu ngày, bây giờ phải tìm cách lau dầu mà "khởi động" lại. Em hỏi thế khởi động bằng cách nào? Nó phá lên cười ngật nghèo. Nó hỏi lại em: Thế mày có biết ô tô người ta khởi động bằng cách gì không? Em trả lời là khởi động bằng bình ắc quy. Thế chẳng nhẽ lại đem bình ắc - quy mà cắm vào người mình. Nó ấn ngón tay vào trán em mà dần dỗi:

Sao mày ngu thế? Gần bốn chục tuổi đầu rồi mà vẫn còn ngu lâu. Mày là phải khởi động bằng những thằng đàn ông. Những thằng đàn ông hám gái: cổ to, ngực nở, lưng gù...

- Nhưng tao làm sao mà có được đàn ông?

- Chuyện đó là ở mày.

- Nhưng nào em có được như các chị. Đôi lúc em cũng dùng đôi mắt để lườm liếc. Nhưng ánh mắt của em nó vô hồn. Muốn dùng nụ cười để quyến rũ. Nhưng nụ cười của em nó méo mó gượng gạo. Muốn dùng lời nói ý nhị, thì câu nói của em cái giọng ồm ồm, sống sượng, vô duyên, Thế mà tại sao anh lại bỗng nhiên....

- Có thể vì em mặc bộ của vợ anh. Lúc đó anh tưởng là vợ anh hiện hình.

Biên nằm cùng với Xuyến, đắp chung cái chăn do Xuyến khâu. Mà cũng chẳng thấy có tác dụng gì. Cái chăn cũng là thứ vô sinh, đối với Xuyến. Nam nữ cùng nằm chung mà Biên thấy hoàn toàn nguội lạnh, y hệt như nằm với người bạn trai. Nhưng tình thương cảm của Biên đối với Xuyến lại càng trào dâng. Thấy mình phải có trách nhiệm đối với Xuyến. Phải thực sự đóng vai trò như một "Bình ắc quy", hay như một thầy thuốc.

Thế rồi hai người sống với nhau tới bảy ngày. Biên đã sử dụng hết khả năng nhưng vẫn không giúp gì Xuyến được.

- Thôi đành vậy em ạ. Chúng ta chẳng được làm vợ làm chồng thì làm người thân trong nhà, như các cụ ta nói: "Chuyến đồ nên nghĩa, buổi chợ nên quen". Cuộc sống của anh cũng là cuộc sống cô đơn. Từ nay em sẽ đi về với anh như tình ruột thịt".

Xuyến khóc và hứa với Biên: Xuyến sẽ đưa cái Thu đến, để cùng nhận anh, nhận em với Biên.

Cải Lợi về nhà nghỉ hè với bố. Nó cảm thấy có điều gì khác lạ trong nhà này. Thứ nhất nó thấy bố nó thay đổi tươi tỉnh, vui vẻ hơn. Nhà cửa gọn gàng ngăn nắp hơn. Nó thấy chiếc máy khâu của nó có ai sử dụng. Nó phát hiện ra cái vỏ chăn can hàng trăm miếng vụn đã có ai khâu lại từng đường chỉ đã mủn nát, gói gém cẩn thận, xếp gọn gàng trong ngăn tủ. Lợi gọi hỏi thì bố nó sẵn sàng kể lại hết. Lợi vội vàng bỏ thời gian đi tìm hiểu kỹ chuyện này. Thế rồi Lợi đề nghị với bố; cho mời cả dì Xuyến, dì Thu đến chơi. Lợi tổ chức bữa liên hoan. Trong bữa ăn Lợi đem chiếc vỏ chăn tiết kiệm ra, nghiêm chỉnh nói: "Mọi chuyện con đã biết hết cả rồi. Con cảm ơn gì

Xuyến đã khâu nên cái vỏ chăn này. Nó đã đắp cho cả bố mẹ con. Cả khi con còn là hạt máu trong lòng mẹ con. Con xin suốt đời giữ gìn cái vỏ chăn này. Con nhận gì Xuyến làm mẹ kế của con". Vừa nói, mắt cái Lợi vừa cháy bỏng lên, vì niềm hạnh phúc bất ngờ đem đến cho bố nó. Nhưng Biên thì nãy lòng. Biên không thể nói mọi điều sâu kín với con gái, vì nó còn ngây thơ quá. Nó chưa đến tuổi để nói hết những chuyện của đàn ông, đàn bà. Nó đang hồn nhiên dồn bố nó vào một bí kịch. Nhưng Xuyến đã đánh ánh mắt sang cho Thu, gỡ bí cho Biên. Nét mặt của Thu cứ dần dần đỏ tấy lên.

Biên đứng lên nhận những lời tốt lành của con gái.

Hà Nội, tháng 3 năm 1992

Trong vườn trúc

Trần Thanh Giao

Cuộc gặp bà người Mỹ tại Quán Trúc đối với tôi thật bất ngờ. Bữa đó, tôi đang lúi húi nấu cơm chiều thì có tiếng chuông điện thoại vang lên. Đầu giây kia, một giọng nói miền Bắc quen quen:

- Anh Minh phải không ạ? Em Quang đây!

Tôi reo lên:

- Vào bao giờ đây?

- Vừa vào tới nơi! La-Ry, nhà văn Mỹ cựu chiến binh mà anh đã gặp ở Sài Gòn lần trước có gửi cho anh một lá thư. Quan trọng lắm! Anh đến ngay Quán Trúc gặp em. Em đợi đây nhé!

- Gì mà gấp dữ vậy? Bảy giờ tối được không?

- Không được! Anh phải đến ngay! Em sẽ giải thích...

Thế là cúp máy.

Tôi bỏ cả cơm nước, lấy xe lao đi.

Quang đợi tôi ngoài cửa quán. Đây là một quán giải khát thanh lịch, với khoảng sân rộng trồng mấy bụi trúc ngà, mỗi lông trúc vàng óng, chạy dọc hai sợi xanh, ban đêm, những bóng đèn quả ớt đủ màu nhấp nháy trong vòm lá. Mỗi lần Quang đưa khách vào thành phố, chúng tôi hay gặp nhau ở đây. Quang vừa

bắt tay thật chặt, vừa lôi tôi đến cái bàn tròn đặt dưới một bụi trúc, cạnh bể cá bảy màu xinh xắn. Tôi hơi ngỡ ngàng, gật đầu chào một bà khách người Âu mắt xanh, gương mặt già nua mệt mỏi và mái tóc đã uốn bạc phơ. Cùng ngồi một bàn, còn có người đàn bà Việt Nam đứng tuổi, ăn mặc xềnh xoàng, đôi mắt đen lúc nào như cũng nhìn xa xăm... Quang giới thiệu với tôi và khách:

- Đây là bà Uyn-Xơn, người mà La-Ry viết thư gửi gắm cho chúng ta... còn đây là chị Lê Minh Hiền, nhà ngoại cảm, chắc anh đã nghe nói đến...

Tôi lơ mơ đoán ra vấn đề khi nghe tên nhà ngoại cảm này. Nhưng tôi cũng rất áy náy vì nghĩ mình sắp dính líu vào một chuyện rất tế nhị và nghiêm túc nhưng cũng hết sức mông lung.

Bà khách bắt tay thật nhiệt tình, hỏi tôi uống gì rồi mở xác lấy ra một bức thư. Đôi mắt mệt mỏi của bà ánh lên trong khoảnh khắc tia sáng của niềm hy vọng và sự khẩn cầu. Gió chiều thổi ào ào trong vòm trúc.

Tôi bối rối mở thư ra đọc. La-Ry viết đại ý: Bà Uyn-Xơn là mẹ của E-Ric Yun-xơn, bạn chiến đấu cùng đại đội với La-Ry trong Sư đoàn Tia chớp nhiệt đới. Hôm đó, một ngày hè năm 1967, đơn vị anh mở trận càn vào Củ Chi. Giao tranh ác liệt. Anh bị thương ở chân. Còn E-ric Uyn-Xơn cũng bị thương, nhưng ở bụng. La-Ry bỏ đi tìm cứu thương, sau đó ngất đi. La-Ry được đơn vị cứu sống. Còn E-ric thì....mất tích. Sau hơn 20 năm tìm kiếm tông tích con mình, bà Uyn-xơn lần tới đầu mối cuối cùng là La-Ry, người nhìn thấy con bà bị thương giữa trận chiến. Biết được anh mấy năm nay có quan hệ khá gần bó với Việt Nam, bà nhờ anh giúp đỡ. Đã

hiều năm, La-ry bỏ công tìm kiếm E-ric, mấy lần sang Việt Nam, anh cũng có ý tìm, nhưng chưa ra manh mối. Bây giờ, bà Uyn-xơn đến, sự day dứt đã đến mức không còn chịu đựng nổi. Vì vậy, "trăm sự nhờ vào các bạn Việt Nam!" Và dòng tái bút: Mọi chi phí, bà Uyn-xơn sẽ lo liệu chu đáo!...

Đọc xong thư, tôi cứ thần thờ, không biết nói năng ra sao, chỉ nhìn những lá trúc vàng khô cùng với thời gian rơi thành một tấm thảm dưới chân...

Bà Uyn-xơn gượng cười, lấy ra một tấm ảnh đưa tôi xem:

- Đây là E-ric.

Chàng trai trong ảnh mặc quân phục Mỹ, mũ ca-lô đội lệch, miệng nở nụ cười buồn. Bà Uyn-xơn tiếp:

- Nếu E-ric còn, bây giờ nó trạc tuổi ông Quang. Có phải không ông Quang nhỉ?

Quang gật đầu giải thích cho tôi:

- Mọi dữ kiện vồn vện có vậy. Anh em ngoài đó đi hỏi khắp nơi nhưng rốt cuộc thấy chỉ có cách là nhờ cậy chị Hiền đây. Em được giao việc này. Và em đưa bà Uyn-xơn về Thái Bình tìm chị Hiền. Chị nghe xong bảo: "Ít ỏi quá! Khó đấy". Bà Uyn-xơn đã thất vọng... Mà chuyện này tế nhị quá. Vì bà Uyn-xơn có thể không tin "con người ăn cơm dương gian lại có thể nói trúng chuyện âm phủ". Hơn nữa, bà có thể nghi ngờ về một chuyện... lừa đảo gì chẳng? Em lúng túng quá, cố giải thích cho bà... Bà nghe xong, trầm ngâm một lúc rồi bảo: "Tôi tin rằng ở Phương Đông có thể có chuyện thần bí. Dù sao, tôi cũng đã đến đây. Hơn hai mươi năm nay, tôi đã làm hết mọi cách. Bất cứ cách gì, dù khó tin đến

dâu, tôi cũng chấp nhận. Điều tôi cần là tìm ra hài cốt con tôi. Còn làm cách nào để tìm ra, dù là cách phi lý nhất, tôi cũng cho là không quan trọng...". Chị Hiền nghe em dịch lại, ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo: "Để em xem ý Thánh xem có được không...". Chị mượn tấm hình E-ric, đặt lên bàn thờ Thánh tổ của chị, rồi thành kính đốt hương lăm thắp khấn vái. Bà Uyn-xơn theo dõi mọi động tác của chị Hiền, nét mặt rất chăm chú và căng thẳng. Sau đó, chị Hiền cầm hai đồng tiền trong cái đĩa cổ trên bàn thờ, gieo quẻ. Chị gieo tới ba lần. Xong xuôi, chị quay lại nói với bà Uyn-xơn: "Tình mẫu tử của bà đã động đến đất trời! Thánh đã cho tôi giúp. Vậy thì thế này: ông nhà văn Mỹ nào đó đã vẽ cho bà cái sơ đồ chỗ ông ấy và con trai bà bị thương. Ta vào Nam, tìm đến nơi ấy, may ra tôi có thể lần dò được tin con trai của bà...". Đó là lý do bà Uyn-xơn và chị Hiền có mặt hôm nay ở đây....

Tôi ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi Quang:

- Vậy thì tôi giúp được gì trong việc này?

Quang cười, lúng túng:

- Em nghĩ... Chuyện này tế nhị quá... Cần phải có người quen biết với chính quyền địa phương. Bởi vì...một bà già Mỹ, một bà "thầy" Việt Nam... đi lang thang giữa đồng... Sẽ dễ có chuyện rắc rối... Rồi giả dụ như "thầy" tìm ra, tìm trúng... thì chuyện bốc mộ và hài cốt mang về Mỹ cũng thật chẳng đơn giản chút nào. Lại còn bọn người tham lam, cơ hội nữa... Chúng đánh hơi thấy thì thật nguy hiểm. Ai bảo vệ tình mẫu tử thiêng liêng? Ai bảo vệ lòng nhân cao cả chống sự tham lam độc ác. Rồi còn tình bạn vừa nhen nhóm nhưng đã tin

cây giữa chúng mình với La-ry. Phải có các anh ở đây. Nếu không e hỏng việc mất....

Tôi nhìn Quang, mỉm cười gật đầu và quay sang bà Uyn-xơn:

- Xin bà yên tâm, chúng tôi sẽ cố gắng hết sức mình...

* * *

Ít hôm sau, vào một buổi sáng sớm, đoàn chúng tôi rời thành phố, hướng về phía Củ Chi sau khi đã chuẩn bị khá chu đáo cho chuyến đi. Mấy bữa nay, trời mưa suốt, tuy chỉ mới vào đầu mùa mưa. Những đám mây nặng nề che khuất mặt trời hè nhiệt đới. Không khí ẩm ướt lùa ngược vào xe. Bà Uyn-xơn lặng lẽ quay kính cửa lên xe. Cô Hiền thì tựa đầu vào thành ghế, mắt lim dim. Mỗi lần xe xóc, cô lại mở mắt nhìn tôi, như muốn hỏi đoạn đường còn bao xa nữa. Tôi bắt chuyện:

Cô Hiền làm việc này đã lâu chưa?

- Cũng mới mấy năm thôi anh ạ. Từ sau cái vụ em chết hụt do điện giật. Chả là năm đó xã em kéo điện về.. Từ bé đến lớn, em đã biết dùng điện đâu. Lớ ngớ thế nào rồi bị...

Cô nở một nụ cười, và tôi thấy hai mắt cô bỗng trở nên dài dại. Quang ở ghế trên quay xuống nói:

- Chị Hiền, hồi chiến tranh, đi thanh niên xung phong làm đường gần Ngã ba Đồng Lộc. Bây giờ, thỉnh thoảng chị vẫn gặp và nói chuyện với mười cô gái ấy. Chị bảo: Họ đã hiển thánh cả rồi và thường giúp chị cứu mọi người trong những cơn tuyệt vọng!

Rồi anh kể lại cho bà Uyn-xơn nghe câu chuyện

mười cô gái trắng trong hy sinh vì bom Mỹ trong khi sửa đường chi viện cho miền Nam ở Ngã ba Đồng Lộc. Cuối cùng anh không quên nói rằng chính những cô gái ấy đang giúp Hiền trong việc tìm kiếm E-ric hôm nay! Tôi thấy bà Uyn-xơn nước mắt chảy dài qua câu chuyện.

Đến huyện lỵ Củ Chi, chúng tôi ghé vào Ủy ban để đón một anh cán bộ đã từng là du kích địa phương, rành rẽ địa hình tại đây mà tôi đã liên hệ được qua dây nói mấy ngày nay, sau khi dò hỏi bạn bè kháng chiến cũ.

Xe chúng tôi rời quốc lộ, tiến vào một con đường đất đỏ. Hai bên đường, đồng ruộng chạy dài. Mới đầu mùa mưa nhưng nần lát và cỏ dại đã bật dậy xanh um sau gần nửa năm ròng rắng hạn. Sáu Tâm - tên anh cán bộ huyện - ngồi phía trước, cầm sơ đồ do La-ry vẽ đặt trên đùi. Anh bảo xe chạy chậm chậm và bắt đầu quan sát hai bên đường. Xe chạy qua một cái cống thì Tâm đột ngột kêu dừng lại. Chúng tôi xuống xe. Tâm đứng quan sát cánh đồng, tiến tới trước chừng vài trăm mét, nghiêng nghiêng ngó ngó, phóng mắt ước lượng mọi cự ly xung quanh.... Bà Uyn-xơn không bỏ sót một cử chỉ nào của anh. Và, trong ánh mắt bà, tôi đọc thấy những ý nghĩ về hình ảnh đứa con thân yêu, hơn 20 năm về trước, cũng trong một buổi sáng trời âm âm như vậy, đang dần đội hình, lăm lăm tay súng tiến về cái xóm nhỏ nằm nép dưới những rặng trúc xa xa kia... Bỗng Tâm quay lại đi về phía chúng tôi một đoạn, rồi gọi, giọng quả quyết:

- Anh Minh, anh Quang! Chỗ này đây!

Chúng tôi chạy đến. Tâm nói, giọng xúc động:

- Đúng chỗ này! Mấy anh tham gia trận chống càn hồi đó nói chỗ này đã xảy ra giao chiến ác liệt! Sơ đồ La-ry vẽ cũng gần đúng. Còn cái cống, mấy năm nay đã làm mới lại, vì dòng kênh đã được nắn lùi xuống để lấy nước kênh Đông. Cái cống cũ nằm đúng nơi đây.

Tâm dậm dậm chân trên bờ đất. Quang và tôi đều đưa mắt nhìn Hiển. Hiển không nói năng gì, lặng lẽ rút nắm hương trong cái làn bằng mây cô xách theo tay và châm lửa. Nắng đã ửng. Trời đất oi nồng. Không gian không có một ngọn gió. Cây cỏ đều im phăng phắc. Bầu trời báo hiệu một cơn mưa lớn buổi chiều.

Hiển giờ cao nắm nhang. Mùi hương ngan ngát tỏa rộng trong không gian. Đôi mắt Hiển đứng sững, mở to, đồng tử giãn rộng ra, gương mặt trông dài dại. Tôi liếc nhìn bà Uyn-xơn. Gương mặt bà cũng thật lạ. Bà chột rùng mình, ghé vào tai tôi nói thầm:

- Gương mặt cô ấy giống hệt gương mặt một cô gái đồng trinh.

Tôi xác nhận:

- Tôi cũng thấy thế. Đó là gương mặt của một cô gái Đồng Lộc.

... Bà gạt đầu thật nhanh.

Bỗng Hiển nói giọng như vang từ xa đến:

- Tôi đã nhìn thấy anh ấy. Anh ấy ôm một khẩu súng, nằm đây...

Cô thong thả tiến mấy bước đến gần miệng chiếc cống. Và cô nói:

- Anh ấy đứng lên... Và anh ấy bị thương ở bụng, ngã xuống.

Bà Uyn-xơn kêu lên:

- Con ơi! Đúng nó rồi! Tôi cũng vừa nhìn thấy nó!

Bà vật vã, quần quai như chực đổ xuống. Tôi và Quang phải vội vã đến đỡ bà. Bà rên rỉ:

- Tôi vừa nhìn thấy nó! Các anh có tin tôi không?

- Cả hai chúng tôi đáp cùng lúc, như một tiếng vang:

- Chúng tôi tin. Hoàn toàn tin!

Hiển hầu như không để ý gì đến chúng tôi. Cô mãi mê theo đuổi cái bóng mà mình nhìn thấy:

- Tôi nhìn thấy rõ gương mặt anh ấy rồi. Đúng như bức ảnh. Nhưng gầy hơn và râu ra tua tủa... Anh bị thương và anh bỏ đi...

Giữa trời nắng hanh không một sợi gió, bỗng khói hương trên tay Hiển lay động và nghiêng về một hướng trước mặt, phía cánh đồng. Rồi chẳng để ý gì đến ai, cô bước thẳng xuống ruộng, nước lấp xấp, nấn lát và cỏ dại vừa lên xanh. Cứ thế, cô theo sự dẫn dắt của ngọn khói mà đi. Bà Uyn-xơn bước liền theo, chẳng kể giày dép. Chúng tôi cũng vội bước lên, nâng đỡ cho bà.

Khói hương bỗng đứng thẳng, Hiển lại dừng, lẩm bẩm: "Anh ấy mệt quá..." Một lúc, khói hương lại tỏa về phía trước. Hiển lại đi. Bà Uyn-xơn và chúng tôi, bước thấp bước cao, theo sau, chậm chạp như lần theo vết trườn đi của người lính Mỹ bị thương đang bò phía trước. Nhưng tôi chợt nhận ra một điều thật lạ: Hướng vươn tới tìm cái sống của người lính Mỹ bị thương nằm đó, lại là hướng đi về cái xóm nhỏ nằm nép mình sau những vườn trúc, cái xóm mà anh đã định xách súng lên, bắn vào. Nhìn bao quát chung quanh, tôi chợt hiểu: Đó là hướng gần nhất có con Người!

Cuộc đi bộ bằng đồng thật là vất vả và kéo dài

tưởng như vô tận. Song Hiền và bà Uyn-xơn, hai người phụ nữ của đoàn, trong đó có một người chưa hề biết lội qua ruộng nước, lại tỏ ra dẻo dai hơn cánh đàn ông chúng tôi. Tôi nhận ra đúng là có một sức mạnh siêu nhiên đang giúp họ vượt qua cơn tuyệt vọng. Có lúc khói hương bay thẳng đứng rất lâu, khiến tôi tưởng dưới đất này chính là nơi E-ric đã nằm lại. Nhưng không, khói hương lại tiếp tục tỏa về phía trước. Hiền, rồi bà Uyn-xơn lại tiếp tục bước đi, bất chấp cái nóng vàng ươm, oi bức khó chịu trên đầu và hơi nước hầm hập cùng gai góc đồng bùn đang cố níu chân họ lại. Tôi mệt mỏi, ngược mắt nhìn lên. Trước mặt tôi hiện ra một vườn trúc xa xa và một mái nhà tranh thấp thoáng...

* * *

Luôn qua mấy rặng trúc lá mỏng và dài, mảnh mai nhưng sắc bén, những cành trúc la đà, mềm mại ken dày, móc rách cả vai áo bà Uyn-xơn, khói hương đưa chúng tôi trở ra bên hông một ngôi nhà tranh nhỏ nhắn. Từ cái nắng trưa gay gắt, oi nồng, chúng tôi bước vào vùng bóng râm mát rượi của hàng trúc xanh um. Và tôi chợt ngạc nhiên, vui mừng, vì trước mắt tôi là một bà cụ già đang ung dung ngồi đan những chiếc rổ, nan vót từ thân trúc. Bà cụ dừng tay, nhìn chúng tôi, cũng không kém phần ngạc nhiên. Tôi bước tới, mở lời chào rất tự nhiên theo kiểu Nam Bộ:

- Má dươn rổ à?

- Ủ! Con đi đâu đây?

Má ngược nhìn tôi. Đôi mắt già hiền hậu lướt qua

tôi và mọi người trong đoàn, rồi ngừng lại nơi bà Uyn-xơn. Tôi thấy những nếp nhăn trên gương mặt má hiện rõ lên. Những nếp nhăn đó, tôi cũng thấy trên gương mặt bà Uyn-xơn, nếp nhăn như bị sự khắc khoải mong chờ vò đi vò lại qua năm tháng.

Chợt má đứng dậy, cho tay vào túi cái áo sờn gấu, vá vai, lấy chiếc khăn nhỏ ra lau mắt. Miệng má móm mém hỏi:

- Bà đây là ai?

Sáu Tâm nhanh nhẩu, trả lời vắn tắt. Nghe xong, má chợt sững lại, rồi lập cập nói:

- Mời, mời... vô nhà chơi...

Nhà cửa tênh toàng. Cái bàn, cái ghế ọp ẹp, long chân... Cái chén uống nước sứ mẻ... Một bàn thờ đặt trên nóc tủ cũ kỹ, một mẹt với một bát nhang và ba bức ảnh, nước thuốc đã ngả màu. Ba tấm bằng "Tổ quốc ghi công"...

Bà Uyn-xơn rút rề đưa tấm ảnh của E-ric và nói với giọng hồi hộp trong khi Quang dịch lại cho má:

- Thưa bà, đây là con trai tôi.... Bà có bao giờ nhìn thấy nó không?

Má run run đưa tay đón nhận bữa ảnh, ngắm nghía giờ lâu. Tôi thấy cả người má căng thẳng, run lên. Gương mặt má bỗng nhiên biến đổi. Từ đôi mắt già, hai giọt nước lăn xuống cặp má nhăn nheo. Bà Uyn-xơn cuống quýt hẳn lên. Bà lập cập nhắc lại câu hỏi, giọng nghẹn ngào vì nỗi tuyệt vọng dồn nén hơn hai chục năm giờ sắp vỡ trào ra:

- Lạy chúa!.... Bà có bao giờ nhìn thấy nó không?...

Má lặng lẽ gật đầu! Bà Uyn-xơn run lên cầm cập...

Má lặng lẽ mở chiếc tủ cũ kỹ, mộc mạc, lôi ra một cái bọc nhựa. Từ bọc nhựa đó, má lại lôi ra một bọc nhựa thứ hai, và từ bọc nhựa thứ hai, lôi ra một cái gói. Mở cái gói với hai, ba lớp giấy, má lấy ra một tấm *lắc* và một bức ảnh. Rồi má lại lặng lẽ, hai tay đỡ nhẹ, đến tận nơi, trao tất cả vào tay bà Uyn-xơn. Tôi nhìn vào bức ảnh và trong khoảnh khắc, tôi thấy rõ ràng, không thể nào nhầm lẫn, hình E-ric tươi cười chụp chung với vợ đang bế đứa con trai! Còn tấm *lắc* thì khắc mấy chữ ERIC WILSON. Bà Uyn-xơn hét lên một tiếng, úp những di vật ấy vào tim, rồi ngất xỉu....

Một lúc sau, khi chúng tôi giúp lay gọi bà Uyn-xơn, má vẫn lặng lẽ ngồi, nước mắt cứ chảy. Việc đầu tiên bà Uyn-xơn làm khi tỉnh lại là đến ôm chặt má, nước mắt đầm đìa:

- Cầu Chúa phù hộ bà! Xin bà cho biết thêm về con tôi... Mẹ nó hiện ở đâu? Bà có biết xin chỉ giùm... Cảm ơn bà, ngàn lần cảm ơn bà...

Má gạt đầu... Nhưng má chưa trả lời vội. Má lặng lẽ đứng lên, đến chỗ bàn thờ. Tôi thấy trong ít phút qua mà má như đã trải thêm hàng mấy năm trời, lưng còng thêm xuống. Má rút mây nén nhang, châm lửa thắp lên: Má đưa lên trán, khấn vái lâm thâm...

Rồi má gọi Quang đến, bảo dịch lời của má cho bà Uyn-xơn:

- Đây là hình của chồng tôi. Ông ấy là du kích chống thực dân Pháp, bị Pháp giết, hài cốt hiện đang chôn ở nghĩa trang liệt sỹ của huyện. Còn đây là thằng con lớn. Nó hy sinh trong kháng chiến chống xâm lược

Mỹ ở Tây Ninh. Một phần nó cũng hiện đang được anh em xây cất chu đáo ở trên ấy.

Bà Uyn-xơn nghe Quang dịch, vội đến bên bàn thờ, nắm chặt lấy tay má mà nước mắt chảy dài.

Má lặng lẽ cầm xuống cái hình thứ ba, nhìn vào mắt bà Uyn-xơn:

- Đây là đứa con trai út của tôi.... Nó bị mất tích trong chiến tranh. Bà có bao giờ nhìn thấy nó không? Xin chỉ giùm... Ngàn lần cảm ơn bà...

Bà Uyn-xơn ôm chặt tấm hình người con trai vào tim, nỗi niềm tuyệt vọng của người mẹ bỗng vỡ trào ra thành tiếng nấc. Và lần thứ hai, bà ngất xỉu.

* * *

Sau đó, má đưa chúng tôi ra vườn trúc. Trong buổi trưa oi nồng, lá trúc mảnh mai mà sắc bén đan dày, trùm lên khu vườn mát rượi. Một ngọn gió thổi nhẹ. Những cành trúc nhấp nhô. Lá trúc xào xạc, thì thầm. Má dắt bà Uyn-xơn đến dưới một khóm trúc già, chỉ vào một mô đất gò lên mà lá trúc rơi đầy phủ đầy qua năm tháng. Một hòn đá nhỏ, thay cho mộ bia. Má nói:

- Nó nằm đây. Chính tay tôi đã chôn nó. Chỉ có mỗi một mình tôi... Lúc đó, tôi nghĩ mình là mẹ nên chắc có một ngày, người mẹ sẽ đến tìm con...

Bà Uyn-xơn cắn môi, ôm chặt bà má Củ Chi. Rồi bà Uyn-xơn đổ xuống, phủ phục trên tấm thảm trúc che đầy gò mộ, cả người run lên vì nỗi đau đớn tột cùng của người mẹ.

Lâu lắm, bà Uyn-xơn mới đứng lên lau nước mắt và

lúng túng rút trong ví ra một cục tiền lớn, nhờ Quang nói giúp với má:

- Hết sức cảm ơn! Và xin bà cho tôi mang hài cốt con tôi ra khỏi vườn trúc này...

Má lắc đầu:

- Năm xương của đứa con út tôi, tôi chưa tìm được. Chẳng lẽ tôi lại bán cho bà hài cốt của con bà sao?

Bà Uyn-xơn vội xua tay;

- Không, không. Mong bà đừng hiểu lầm. Tôi mong muốn giúp bà tìm ra người con út...

Má lặng lẽ lắc đầu:

- Tôi chưa tìm ra. Nhưng con tôi đang nằm đâu đó trên đất nước tôi. Rồi cũng có người đắp diêm mộ phần cho nó, hương khói hàng năm cho nó. Làm việc nhân đức thì sẽ để đức cho con. Ông bà chúng tôi hay nói vậy...

Bà Uyn-xơn bối rối, quay sang cô Hiền:

- Mong bà cảm tạ... Đây là lòng biết ơn của tôi... Và nhờ bà tìm giúp người con của bà cụ đây...

Khi Quang dịch lại thì Hiền mỉm cười, lắc đầu:

- Thưa bà, tôi sẽ tìm nếu Thánh bảo rằng sẽ tìm được... Tôi làm vì mẹ tôi đây, tôi không thể lấy tiền!

Quang chỉ vào bà mẹ Củ Chi và nói với bà Uyn-xơn:

- Người duy nhất đáng được cảm ơn là mẹ chúng tôi đây, thưa bà... Còn người con của mẹ, anh ấy sẽ nhập vào hồn thiêng của đất nước chúng tôi mà nâng đỡ con người trước những cơn tuyệt vọng...

Bà Uyn-xơn cắn chặt môi, mãi mà không nói nên lời. Lúc sau, lấy hết cố gắng, bà nói giọng nghẹn ngào đầy nước mắt:

- Qua chuyến đi tuyệt vời này, tôi hiểu thêm được đất nước và con người Việt Nam. Bây giờ tôi đã hiểu vì sao các ông thắng trận. Chỉ tiếc là con tôi đã mất. Nếu không, tôi chắc chắn nó sẽ là một người bạn tốt của Việt Nam.

Trời đã ngả chiều... Gió nổi lên, hứa hẹn một trận mưa xua tan cái oi bức nặng nề. Vườn trúc cong những ngọn mềm mại, dịu dàng như múa. Lá trúc thâm thì, xào xạc... Vài cái lá vàng khô xoay tròn theo gió, rơi xuống phủ trên tấm thảm trúc dày...

Tháng 7 - 1993

Đêm nguyệt thực

Trung Trung Đỉnh

Tôi được cơ quan phân công tới làng Plei - O - K, nơi cách đây hơn chục năm, hồi còn đánh Mỹ có nhiều dịp qua lại. Nhiệm vụ của tôi là phải viết được một bài báo, phản ánh kịp thời về sự đổi mới của bản làng sau mấy năm giải phóng. Làng nằm dưới thung lũng, xung quanh toàn đồng cỏ. Cách đó không xa là nông trường chăn nuôi của huyện M. Nơi đây có nhiều sự tích đánh Pháp và nhất là đánh Mỹ.

Từ huyện lỵ về làng phải đi bộ mất non một tiếng.

Lúc ấy đã hơn sáu giờ tối. Hơn sáu giờ tối trong thung lũng trời chuyển hẳn sang không khí ban đêm. Gió se se lạnh. Tít xa chỉ thấy những mảnh đồi và vô khối đường viền lấp lánh do lửa cháy rải rác trong các khe núi hắt ra. Những vệt khói chuyển động dưới bầu trời sao chi chít. Tôi háo hức bước trên đường cái về làng. Phía trước có tiếng reo hò huyền ảo và tiếng chinh chiêng âm ỉ. Có cả những tiếng gõ nghe loạn xạ không ra bài bản, nhịp điệu gì. Mới đầu tôi nghĩ, chắc làng đang hội hè hoặc có cuộc vui nào đó. Nhưng càng tới gần càng cảm thấy không phải. Chẳng có cuộc vui nào lại nhiều tiếng gõ, tiếng hú, tiếng hò la đến vậy.

Tôi bước vào sân làng. Những bó đuốc sáng rực

cháy vội vã từ nhà này sang nhà khác. Những tiếng hú nối nhau thẳng thốt. Tôi chợt dạ lo ngại. Không phải là làng đang vui mà rõ ràng đang có sự cố gì. Vì biết nói tiếng địa phương, nên tôi nghĩ, mình đến có thể giúp gì được bà con.

Tôi hăng hái vào làng và gặp vài người. Tôi chào bằng tiếng địa phương. Nhưng họ chỉ ngoái lại nhìn rất nhanh rồi quay đi, tiếp tục la hét và gõ vào những đồ dùng đang cầm sẵn trên tay. Ngoài sân làng, một người hươ hươ đuốc. Nhiều người cùng cầm đuốc xúm lại. Tôi thấy một cái bóng cao to trao cây đuốc cho chú bé rồi bắc loa tay, hú một tiếng rõ dài. Mọi người im phắc. Người đó đứng giữa vòng, chỉ lên trời, nói rất to bằng tiếng Giai Rai. Anh ta giải thích cho bà con hiểu là, hiện tượng nguyệt thực chẳng qua là do mặt trời, trái đất, mặt trăng quay đến một chỗ thẳng hàng nhau, rằng ánh sáng của mặt trời tỏa ra khuất bóng trái đất, nên ta chỉ thấy mặt trăng có chút xiu thế kia. Sau đó anh ta bắt ba em nhỏ đứng thẳng hàng, đưa đầu cầm đuốc, hai đứa sau đứng nghiêm. Nhưng anh không nhớ, cả vòng người quanh anh, hầu như ai cũng có đuốc. Và vì thế, ba cái bóng nhỏ nhoi của ba chú bé ngả nghiêng, chĩa ra nhiều phía. Dân làng ồ lên rồi tỏa ra hò hét, la ó. Tiếng chinh chiêng càng dồn dập hơn. Tiếng hú càng dài hơn. Tôi bất giác nhìn lên khoảng trời trước mặt. Một quang sáng đen kịt như đang rung chuyển. Cái quang đen phát sáng ấy gây cho ta cảm giác rùng rợn. Phía sau quang đen, những ngôi sao sâu hút, le lói. Một mảnh ánh sáng sắc lẹm hơi cong, chập chờn hiện lên, như là rất rõ, lại cũng như là không thấy gì, khiến ta

tưởng như đang bị loạn thị vậy. Tôi dụi mắt, nhắm chặt một lúc lâu. Khi mở ra, cảnh tưởng tượng y như cũ. Đây là lần đầu tôi thấy hiện tượng nguyệt thực trên cao nguyên.

Chợt có một cánh tay huých vào ba lô tôi, nhắc nhở bằng tiếng Gia Rai: "Sợ à! Sợ thì làm theo người ta đi!". Tôi quay lại. Người nhắc tôi đã nhảy lên sàn cửa, gõ tới tấp vào mảnh máy bay Mỹ treo trên chái hiên.

Tôi quay ra tìm người cao to vừa giải thích hiện tượng nguyệt thực. Nhưng sân làng đã vắng hoe. Tôi đang phân vân không biết chọn nhà nào để lên, thì thấy nhiều người ùa ra. Cái bóng cao to khi nãy bây giờ chạy trước, tới giữa sân anh lại hú, lại huơ đuốc. Một đám đông xúm quanh. Anh hô to, bảo mọi người tắt đuốc. Đêm trở nên huyền ảo với những bóng người và tiếng bàn tán xì xầm. Người ta bê tới cho anh một cái cối gỗ để làm bệ đứng. Anh nhảy lên, châm một cây đuốc, rồi đồng dục gọi tên ba em nhỏ. Ba chú bé tranh nhau đứng trước. Nhưng chỉ cần một cái khoát tay của anh, chúng rất nhanh về đúng vị trí của mình. Dân làng kéo lại chờ đợi. Dường như anh đang dồn hết tâm lực, cố dùng những lời ngắn gọn, dễ hiểu nhất để giải thích một hiện tượng thiên nhiên, không phải dễ gì người ta chấp nhận được.

Anh mặc quần đùi, áo lót! - loại áo do các thiếu nữ Gia Rai thường dệt tặng các chàng trai dũng cảm. Lẽ ra áo ấy phải mặc đồng bộ với chiếc khố có nhiều tua, nhiều đường hoa văn sắc sảo. Chợt anh hú lên một tiếng ngắn gọn. Chú bé cầm đuốc vung mạnh rồi hạ xuống ngang người. Nó đứng trang nghiêm, hô to bằng tiếng

Gia Rai: "Tôi là mặt trời!". Lập tức hai em đứng sau lần lượt hô: "Tôi là trái đất!" - "Tôi là mặt trăng!".

Ánh đuốc hắt ba cái bóng dài chập vào nhau. Dân làng xúm lại chỉ trỏ, cười nói. Anh lại hú giật lên một tiếng ngắn gọn nữa.

Mọi người nín lặng. Cái nín lặng đột ngột khiến tôi cảm thấy như có một sức mạnh của uy quyền. Sức mạnh mà dù muốn dù không ta vẫn phải làm theo.

Anh lại bắt đầu giải thích. Tôi thấy lần này có hiệu nghiệm hơn. Ba em nhỏ vẫn luôn miệng hô: "Tôi là trái đất!" - "Tôi là mặt trăng!".

Tôi đứng ở vòng ngoài, chờ dân làng tản ra sẽ bám theo anh. Nhưng chỉ loáng một cái, sau khi hỏi người đứng cạnh, biết anh là cán bộ văn hóa xã, thì anh đã không còn trên sân làng nữa.

Người ta chỉ cho tôi nhà anh. Một ngôi nhà không làm sàn duy nhất trong làng.

Trăng sáng trở lại, nhưng phía chân trời xa còn vương một đám mây đỏ thẫm. Mọi người đã ai về nhà nấy. Đâu đó có tiếng chinh chiêng và tiếng hát trầm. Nếu ta chú ý lắng nghe, có thể nghe rõ lời bài hát.

* * *

Anh đang nằm trên chiếc giường tre nhỏ kê sát cửa, nghe tiếng động liên vùng dậy.

- Gì đấy? - Anh hỏi bằng tiếng Kinh.

- Báo cáo anh. - Tôi ấp úng. - Tôi là... nhà báo...

Anh vội vã ngồi dậy, bước vào nhà trong. Một lúc

sau anh cầm đèn dầu ra với vẻ lúng túng. Tôi giả lơ vô tình, đặt ba lô lên thêm và bắt chuyện:

- Nãy nghe anh giải thích hiện tượng nguyệt thực hay quá! - Tôi nói tiếng Gia Rai, hy vọng được anh đón tiếp vui vẻ.

Chợt anh đánh rớt chiếc đèn xuống nền nhà, vỡ tan. Tôi vội bấm đèn pin giúp anh thu lượm mảnh. Bàn tay phải của anh chỉ còn ngón trỏ và ngón út, một bên má sạm đen, bên kia tấy lên có những chấm trắng. Chắc anh là thương binh, tôi nghĩ. Tôi cố giữ thái độ bình thường. Anh lầu bầu câu gì đó không rõ. Thoáng có mùi rượu. Từ lúc vào tới giờ, anh chưa hề nói với tôi lời nào, ngoài câu "gì đấy" bằng tiếng Kinh. Hai tiếng ấy bật ra không hề ngượng nghịu. Chắc anh ta thạo tiếng phổ thông, tôi nghĩ. Liệu tôi có làm anh khó chịu không? Tôi băn khoăn mở cặp lấy giấy tờ, định nhờ anh liên hệ giúp với các đồng chí lãnh đạo xã. Anh ném mảnh giấy vào góc nhà, kéo xê chiếc giường con ra hiên, nói:

- Đồng chí chờ tôi một tẹo.

Anh nói tiếng Kinh, theo giọng miền Bắc. Tôi chưa thấy ai là người Gia Rai nói tiếng Kinh sôi hơn thế. Cái từ "một tẹo" anh dùng, phải là người thạo ngôn ngữ đồng bằng Bắc Bộ lắm. Nhưng tôi lại nghĩ, chắc anh là cán bộ tập kết về. Điều ấy cũng có thể xảy ra. Tôi có tật, mỗi lần lên lại Tây Nguyên, được tiếp xúc với đồng bào là nói tiếng địa phương. Phần vì dễ gây được cảm tình với bà con. Phần nữa, đây là dịp ôn lại vốn từ mà tôi đã có.

- Chắc anh đã ở nhiều miền Bắc? - Tôi vẫn hỏi bằng tiếng Gia Rai. Anh lặng lẽ đặt chai rượu trên giường và

hai cái ly nhựa. Anh rót đầy hai ly, không trả lời tôi mà nhận xét:

- Đồng chí nói tiếng quê tôi thạo đấy. Chắc là từng công tác ở đây?

Tôi khoe với anh là đã ở vùng này hồi đánh Mỹ. Rằng tôi đã từng được cử xuống làm cán bộ du kích một thời gian.

- Trước ông ở đơn vị nào? - Anh hỏi tiếng Kinh.

Không thể cứ một người nói tiếng Gia Rai, một người nói tiếng Kinh mãi được. Tôi trả lời:

- Trước tôi ở huyện đội M mà.

- Ủa! - Anh reo lên - Thế những năm nào?

- Dạ, từ sáu tám.

- Từ sáu tám? - Anh tiếp. - Còn tôi là lính K5. Nhưng trước đó kia. Mà thôi nào, mời ông. Chúng mình coi như anh em bạn cũ nhau. Trăm phần trăm nhá!

Tôi cầm ly rượu ráng uống hết. Anh cũng làm một hơi. Tôi lấy mấy cái bánh mỳ mang theo mời anh. Anh cứ ngồi ngây ra, một lúc bỗng đứng dậy vào nhà. Tôi liếc theo. Anh ăn ở chu đáo, gọn ghẽ. Chợt có tiếng trẻ khóc và tiếng phụ nữ nựng con bằng tiếng Gia Rai. Anh ra, tôi lấy giấy công tác đưa anh. Anh chỉ xem qua, nói:

- Cán bộ xã đi họp trên huyện cả, chỉ còn mình tôi ở nhà vì vợ tôi mới sinh cháu trai khi sớm.

- Thế ạ. Xin chúc mừng anh chị! - Tôi nói - Tôi hỏi thật: Hình như anh là người Kinh?

- Vâng. - Anh đứng dậy, linh hoạt hẳn. - Tôi là dân Bắc chính cống đấy ông ạ.

- Thảo nào...

- Hôm nay tôi lên chúc bố, - Anh tiếp. - Lại là bố

thằng cu. Mừng quá hóa ngớ ngẩn từ sáng tới giờ. Ông đến gặp dịp vui của tôi, cứ tự nhiên nhé.

Anh cười cởi mở rồi xoa xoa tay, chạy vào nhà trong với cái dáng tất bật đầy vui sướng. Tôi thấy miệng anh bị lệch, hàm răng trên không còn cái nào. Nhưng giọng vẫn bình thường. Anh vừa bước ra đã nghe tiếng chị gọi theo. Anh lật đật vỗ vỗ vai tôi mấy cái rồi quay lưng. Chị nói với anh bằng tiếng Gia Rai: "Ồ kìa, con gà đang muốn theo nước sôi nhảy ra khỏi nồi rồi!". Và chị bảo anh rút bớt củi trong bếp rồi lấy thêm rượu mời khách. Anh đề nghị chúng tôi uống rượu cần, nhưng chị bảo sợ người khách lạ cười. Anh ra hỏi, tôi đồng ý ngay. Anh lại quay vào. Có tiếng chị mắng yêu anh và tiếng cháu bé khóc.

Rồi lại lặng im.

Tôi cảm thấy lâng lâng, phần vì ly rượu vừa uống, phần vì lây cái vui của anh chị. Trăng giữa tháng sáng tới mức ta có cảm giác không gian rộng hẳn ra. Tôi rút cây kèn ác-mô-ni-ca ra thổi. Tôi thích thổi những bài dân ca Gia Rai. Những bản tình ca của người đi săn. Những khúc hát đối nhau của các chàng trai và các cô gái trong dịp hội hè. Những điệu nhảy mừng ngày mùa thắng lợi. Rồi tôi bỏ kèn, nghiêng người tựa vào thành giường hát. Chợt có bàn tay đặt lên vai tôi. Tôi ngừng lời. Anh bắt tay tôi bằng bàn tay lạnh và khen tôi hát tiếng Gia Rai khá chuẩn. Có tiếng chị nhắc:

- Ô người khách mới! Hát đi cho con nít mình mau lớn.

Tôi cao hứng hát tiếp.

Anh đặt ghè rượu sát cửa, lấy lá ỏ ra và cắm cần.

Chị bê tới một cái rá con bốc khói. Thì ra nãy giờ anh chị luộc gà. Tôi chào chị bằng tiếng Gia Rai. Chị bẽn lẽn gặt đầu. Anh lấy thêm đĩa rau thơm và muối ớt. Chị nắm tay tôi, bảo tôi ngồi xuống chiếu hoa - loại chiếu chỉ những nhà giàu xưa mới có. Anh nói:

- Cả ngày nay bà con mừng tôi hơn chục con gà, ba ghè rượu thơm, một gùi gạo nếp. Năm nay chúng tôi được mùa cả lúa ruộng lẫn lúa nương ông ạ.

Chị vít cần rượu cho tôi, mỉm cười nhìn tôi và anh uống chung một cang⁽¹⁾. Rồi chị vào nhà trong với cháu. Tôi cảm ơn chị. Anh kéo tay tôi, bảo tôi đừng làm khách. Tôi hỏi anh về công việc làm ăn của địa phương, anh cười:

- Khi nào làm việc xin ông tha hồ phỏng vấn. Còn bây giờ ta vui, ta nói chuyện đời...

- Vâng! - Tôi vít cần rượu - Xin chúc mừng anh chị! Chúc mừng cháu!

Tôi nghe rõ tiếng rượu chuyển trong ghè. Bỗng anh buông cần nói với vào nhà trong bằng tiếng Gia Rai:

- Ô em. Tui muốn say rồi! Ngày vui uống chút cho say, được. Ngày thường uống say, không phải người Gia Rai xã hội chủ nghĩa đâu cán bộ phụ nữ nhỉ?..

Rồi anh cười to và buông cần chạy vào nhà đòi bắt tay chị, khiến chị cười rữ.

Anh bước ra với quả bầu đựng nước. Chúng tôi chế thêm nước vào ghè rồi đặt cang. Anh bảo tôi uống hết. Tôi vít cần thâm nghĩ, phải cố gắng. Anh nhẩy quanh ghè rượu cổ vũ tôi. Cả chị cũng nói vọng ra cổ vũ tôi

⁽¹⁾ Cang: Đơn vị đo rượu cần của đồng bào Tây Nguyên.

nữa. Tôi đã làm hết bốn phạt. Đến lượt anh, anh ngồi xếp bằng diêm tĩnh, hút rượu từ từ. Cục yết hầu trên cổ anh đưa lên đưa xuống đều đặn. Rồi anh buông cần, nói:

- Ăn thịt gà đi. Vợ chồng tôi ăn từ trưa, uống từ trưa rồi.

Tôi cầm cái đùi gà anh đưa và bắt chuyện:

- Hồi tôi vào huyện đội M này thì K5 các anh chuyển đi đâu nhỉ?

- Bọn tôi vào trong nước La Pà.

- Thế từ ấy anh có gặp ai bạn bè cũ không?

- Không.

Anh vít cần uống thêm rồi tiếp:

- Mà gặp làm gì...

- Sao vậy anh?

- Chẳng sao cả. Nhưng tôi thích thế. Mỗi người có một hoàn cảnh, một niềm vui, nỗi khổ khác nhau. Nhưng chúng mình - Anh kéo vai tôi tiếp - Chúng mình đều là lính - Mà lại là lính cách mạng. Tất cả cái vui, cái buồn chung, phải không ông?

- Đúng thế, tôi nói - Anh vào Nam năm nào nhỉ?

- Tôi vào sáu năm.

- Anh đã về thăm quê chưa?

- Chưa. Mà mình không về nữa, ông ạ. Mình ở đây suốt đời.

Anh lặng lẽ rút tẩu thuốc rồi vào nhà lấy nhánh củi đang cháy. Anh bập thuốc có vẻ khó khăn, nhưng đúng kiểu của người Gia Rai. Tôi cũng xin anh một ít thuốc, dùng giấy pơ - luy quấn hút. Chúng tôi dường như bắt đầu chuyển sang một không khí mới - không khí tâm tình của đồng đội. Anh ngồi xích gần tôi bảo đồ

thêm nước từ quả bầu vào ghè. Rồi anh vít cần cho tôi, nói:

- Ông nên nhớ rằng, ông là người Kinh đầu tiên tôi tiếp từ khi bị thương đến giờ.

- Vậy ra anh...

- Chẳng ra sao cả, ông ạ. Tôi và Nam, đánh đắm được mười trận. Không phải nói khoe, tôi đã ba lần được bằng dũng sĩ diệt Mỹ, một lần dũng sĩ diệt cơ giới. Hai năm liền chiến sĩ thi đua cấp Quân khu. Từ tổ trưởng nhảy thẳng lên trung đội phó. Từ trung đội phó nhảy thẳng lên chính trị viên đại đội. Tất cả những cái đó đều đáng nói, nhưng cũng đều không đáng nói phải không ông?

Bỗng anh quàng tay qua vai tôi. Tôi cũng quàng vai anh.

Tôi nói:

- Anh nói hay lắm!

Chợt anh buông tôi ra, đẩy mạnh vai, nhìn tôi như người lạ:

- Sao? Ông bảo tôi nói hay à? Tôi không nói hay mà tôi nói đúng! Giải phóng rồi, ông được xuống đồng bằng, ông được ra miền Bắc với vợ con ông, với người thân của ông. Vậy mà ông dám bảo tôi nói hay? - Anh lay mạnh vai tôi - Tôi nói cho ông biết - Anh tiếp giọng dứt quãng - Ông sướng hơn tôi nhiều! Ông may mắn... hơn tôi nhiều!

Mất anh, qua ánh đèn sáp, đỏ sọc lên rồi mờ dần. Anh khóc. Tôi lúng túng không biết xử sự thế nào. Bỗng anh dụi mắt vào vai tôi rồi nhìn tôi chằm chặp. Môi anh mấp máy. Hai chúng tôi ngồi lặng thinh. Cái

lặng thình như có lỗ thủng. Trăng sáng ngần ngật. Có tiếng chị cựa mình và tiếng cháu bé khóc. Rồi thật bất ngờ, chị cất tiếng ru. Mà chị ru tiếng Kinh, theo đúng điệu của các bà mẹ miền Bắc:

À A...a...à.. ơi... i - i...

Em xinh... cái dáng á...á - à - à... cũng à... à.à xinh i - i..

Em giòn... cái tỉnh a...á...a tỉnh tỉnh... a... cũng à... giòn...á - à - à - ơi...

Tôi sững sờ cúi xuống. Chị đang ru con hay chị đang nhắc nhở chúng tôi? Chị đang ru con hay chị muốn góp điều gì cho vui câu chuyện? Anh bật cười to và sau đó trở lại trạng thái tỉnh táo hoàn toàn. Những người say rượu thường thế, tôi nghĩ. Thường có những phút tỉnh táo hoàn toàn. Anh đứng bật dậy chạy vào nhà trong lấy ra nải chuối đặt lên đùi tôi, nói:

- Ăn đi! Nhà tôi nó bảo chú ăn đi mà!

- Vâng, cảm ơn anh. Thế chị quê vùng nào nhỉ?

- Vợ tôi người Gia Rai, con Plei - O - K này. Trước công tác ở tỉnh, sau về huyện. Bây giờ thì về xã. Chúng tôi cứ rút dần vào cái tổ của mình ông ơi!

Anh cười rất hồn nhiên. Tôi hỏi:

- Anh dạy chị điệu ru con Bắc Bộ đấy à?

- Nhà tôi thích hát ru với lại thích hát chèo lắm.

- Thế anh có dạy chị hát chèo không?

- Có chứ - Anh vui hẳn - Tôi còn dạy chèo cho đội văn nghệ xã. Bà con Tây Nguyên nói chung rất thích hát chèo ông ạ. Đội văn nghệ xã tôi quyết đoạt giải hội diễn sắp tới đây!

- Tuyệt lắm!

Chúng tôi cùng vui vẻ vít cần.

- Ông mà ở lại đây lâu lâu thì hay quá.

- Tôi sẽ ở chừng nửa tháng.

- Được đấy! Thế ông đã đánh đám trận nào chưa?

Anh hỏi tôi.

- Dạ, cũng có nhưng chỉ đánh kiểu du kích. K5 các anh đánh thì khiếp lắm!

- Ôi dào! - Anh ngả người ra sau, nói - Trước tôi là chính trị viên đại đội. Bây giờ là "chính trị viên làng" - Anh cười.

- Hồi bị thương, anh nằm bệnh viện nào đấy?

- Chả bệnh viện nào cả. Anh kéo vai tôi xuống, tiếp

- Tôi nằm cái "bệnh viện Plei - O - K" này.

- Hay nhỉ!

- Hay gì ông? Các ông thì cái gì chả hay? - Anh chống tay ngồi dậy, tiếp. - Đùa chút cho vui chứ trận ấy, đơn vị tôi được trên giao là phải hốt ba cái đồn dân vệ trên trục đường quốc lộ. Hai kho đạn địch cách thị xã K ba mươi kilômet về phía Tây. Nhiệm vụ nhiều, lại phân tán mục tiêu. Đại đội tôi, thực ra chỉ còn hơn chục tay súng. Giờ nổ hiệp đồng với mặt trận không được cách nhau quá mười lăm phút. Tôi chỉ huy mũi chủ công, trực tiếp nắm tổ điểm hoả diệt kho đạn địch. Chúng tôi đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc, có thể nói như thế. Sau trận đánh, rút về gần tới khu rừng tập kết thì không may, chính ba anh em chúng tôi lọt vào ổ phục của địch. Tôi đi giữa, cậu Chung đi trước. Nó bị thương, tôi thoáng thấy thế. Nhưng nó vẫn phụt được một quả B40 rồi mới hy sinh. Thằng Châu cũng thế. Nó cũng bắn đâu được vài loạt AK. Tôi không hiểu

sao lại bật tít vào bụi, cách đó đến gần chục mét! Hình như chúng tôi bị mìn và cả ĐK nữa. Tôi bị ngất khá lâu. Tỉnh dậy, sờ lên mặt chỉ thấy máu. Bàn tay phải bị thiến phẳng mấy ngón, còn mặt tôi bị luồng lửa ĐK xoẹt qua! Vâng, chả hiểu sao lúc ấy tôi khỏe thế? Tôi kéo lê khẩu súng bên tay trái, bò quanh đó tìm Châu, Chung. Nhưng không thấy chúng nó đâu cả. Có thể chúng nó bị thương rồi dịch bắt, lúc ấy tôi nghĩ thế. Cũng có thể chúng nó hy sinh rồi bị dịch kéo xác đi! Tôi bò quần mãi, chỉ sờ mó thôi chứ mắt có thấy gì nữa đâu! Rồi cũng đến lúc phải tính, tôi bò theo linh cảm vào rừng. Không biết bao lâu nhưng đến khi mở được mắt đã thấy mình nằm bên đống lửa, chỉ có một khuôn mặt xương xẩu, già nua, râu tóc xồm xoàm cúi xuống. Người ấy dùng nước rễ cây tưới lên những chỗ bỏng và vết thương cho tôi. Sau này tôi biết điều ấy. Vâng, Ông già vợ tôi bây giờ đấy. Hôm đó ông đi săn, vớ được tôi và công về cứu chữa. Ông già chỉ sống có một mình. Hai người con trai là du kích đã hy sinh, còn mỗi cô con út thì công tác xa. Bà lão mới mất trước khi có mặt tôi vài tháng. Ông già sống lầm lì, suốt ngày chỉ nói vài câu cần thiết. Tôi khỏi rồi ở lại với ông, với dân làng. Tôi học tiếng Gia Rai, học việc của một người đàn ông Gia Rai. Tôi không về đơn vị nữa. Tôi về làm gì khi bàn tay không còn cầm nổi súng. Tôi về làm gì, tôi hỏi ông? - Anh lay mạnh vai tôi. - Tôi về làm gì khi đơn vị tôi, anh em đồng đội của tôi đang phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn? Ông ạ, gạo phải tính bằng tay, muối phải đong bằng nắp cù là, phải đếm từng hạt chia nhau. Mà nhiệm vụ chiến đấu thì cứ nổi tiếp nhau liên miên. Tôi

là cán bộ tôi biết. Một đại đội độc lập kiểu đơn vị tôi, lo được cho một thương bệnh binh khốn khổ lắm. Căng thẳng lắm. Vừa quần nhau với địch lại vừa phải bảo vệ thương binh, ông bảo đơn giản làm sao được? Mình thiếu thốn cần răng mà chịu, kiếm măng, kiếm rau ăn quáng ăn quàng cho xong. Chứ thương bệnh binh mà thiếu, mà đói thì có tội với không những đồng chí mình, mà còn mang tội với Đảng, với dân nữa. Tôi về, mất đứt bốn năm đồng chí chuyên môn lo cho tôi. Hơn thế, sỗ gạo, muối dự trữ phải trích ra chi cho tôi. Mà cái chính là tôi không cầm súng được nữa. Đúng thế. Tôi mà về, anh em mừng cho tôi nhưng lại phải lo cho tôi! Phải nai lưng ra gánh vác cho tôi. Tôi là cán bộ tôi biết ông ạ. Tôi về là chỉ để được thấy anh em mừng là mình còn sống thôi ư? Không! Tôi không về nữa. Thế thôi. Đồng đội hãy tha thứ cho tôi. Lúc ấy tôi nghĩ thế và tôi làm đúng theo ý nghĩ của tôi. Bây giờ cũng thế, tôi sẽ làm đúng theo tôi nghĩ...

Chợt có tiếng chị gọi. Anh chạy vào với chị. Một lúc sau quay ra, nét mặt có vẻ rạng rỡ hơn, anh tóm tay tôi:

- Ông ạ, chúng tôi mới sinh cháu trai. Tôi vừa bảo nhà tôi đặt tên cháu là Thực. Rơ Lan Thực. Mẹ cháu họ Rơ Lan, lại sinh đúng bữa nay có nguyệt thực, đặt thế nhớ ngày hôm nay được không ông?

- Tuyệt lắm! Xin chúc mừng anh chị. Chúc mừng Rơ Lan Thực!

Chúng tôi lại đổ thêm nước vào ghè và đặt cang uống chung. Tôi thấy anh có vẻ mệt nên bảo anh đi nghỉ. Anh cười:

- Ông mệt à? Nếu không thì lo gì tôi. Tôi đã trót nói

với ông rồi! Tôi ở lại đây và thành người Gia Rai. Tôi không về quê nữa. Nhưng ông ạ, hồi còn chiến tranh, mịt mù tin tức còn có lý. Giải phóng rồi mà tôi không về. Mà tôi nỡ bỏ quê - Điều ấy lúc nào cũng dằn vặt tôi...

Bỗng anh kéo đầu tôi xuống hôn. Anh vò tóc tôi tiếp:

- Tóc vợ cũ của tôi dày và đẹp lắm! Mỗi lần chải, cô ấy phải đứng lên giường mà buông tóc xuống. Vợ tôi đẹp nhất vùng, tôi dám nói thế. Cô ấy là kế toán hợp tác. Hôm về phép trước khi đi B, vừa xuống xe ngang đường, tôi gặp cô ấy. Chà, cô bé lên huyện có việc gì đó, lớp xe đạp bị xẹt. Thấy có người dắt xe, tôi đặt ba lô lên phóc бага. Đi được một đoạn mới có hiệu sửa, tôi bảo vào vá xăm. Cô ấy cứ lúng ta lúng túng. Thì ra cô nàng hết tiền ông ạ. Tôi nhận trả cho. Sửa xong, tôi đèo cô ấy về. Đến gần làng thì gặp nguyệt thực. Tôi dừng xe đứng xem. Tiếng gõ nông nia, thúng mừng từ trong làng vọng ra nghe mà rùng rợn. Cô ấy nép sát vào người tôi mà thì thầm: "Gấu ăn mặt trăng!". Hơi ấm từ người cô lan sang khiến tôi ngơ ngẩn. Vâng, tôi đã nắm tay cô gái ấy từ lúc nào. Đến lúc trăng sáng lại, chúng tôi sức nhớ ra là mặt dù cùng quê, nhưng mới quen nhau được vài chục phút!...

- Hôm sau cô ấy đem tiền trả tôi - Anh ngừng một lát, rồi tiếp - làm sao có thể nhận tiền trong trường hợp như vậy, phải không ông. Nhưng kể cũng hay! Cứ đưa dẫu mãi hóa ra tình cảm. Rồi chúng tôi yêu nhau. Cứ như tôi về phép chỉ để gặp cô ấy, để cưới cô ấy. Xưa nay, ba anh em tôi đi đâu về cũng ở nhà ông chú. Bố mẹ tôi mất sớm vì nạn lụt. Chú tôi trông nom chúng tôi thay cha. Hồi ấy thằng em tôi đã đi nước ngoài. Cô út cũng đã lấy chồng, dạy học tận một tỉnh sát biên giới phía

Bắc. Tôi định về nhà với chú thím chục ngày rồi lên ngược thăm em gái. Nhưng tình yêu đã níu chân tôi lại. Tôi cưới vợ, khoác ba lô sang nhà vợ ở, diện cho em gái về chơi. Vâng, tháng rưỡi phép cứ như trong mơ. Thời gian đối với tôi chưa bao giờ vụt nhanh đến thế. Khi quất ba lô lên vai chia tay vợ, chia tay làng xóm, lên xe rồi mà tôi vẫn thấy ngỡ ngàng...

- Rồi từ đó anh chị bắt tin nhau luôn? - Tôi hỏi.

- Không. Tôi là một thằng chịu khó viết thư nhất đơn vị. Hành quân trên Trường Sơn vất vả thế mà tôi vẫn gửi đều đặn mỗi tuần một lá. Đến đơn vị chiến đấu, bận hơn thì mỗi tháng một lá. Sau này vì quá căng thẳng, tôi gửi thưa dần, chỉ khi nào có dịp thuận tiện. Tôi cũng nhận được hai lá thư của vợ. Thế nhưng, từ ngày bị thương, từ ngày tôi quyết ở lại đây thì không thư từ gì nữa! Tôi đã thành người Gia Rai, thành người làng Plei-O-K này rồi. Mà đã thế thì thôi, thì còn thư từ làm gì? Tôi hỏi ông - Anh lay mạnh vai tôi - Tôi chỉ muốn - Anh tiếp - Ngoài bà con Plei-O-K ra, không ai nghĩ có thằng tôi trên đời này nữa. Hãy để cho vợ tôi, em tôi, chú thím và bà con dân làng quê tôi coi tôi là liệt sĩ. Có lẽ như thế tốt hơn. Tôi không có ý định lộ mặt ra, mặc dù nhiều lần tôi không chịu nổi. Ngoài nông trường chăn nuôi của huyện kia, khối anh em miền Bắc. Nhất là mấy sư đoàn bộ đội làm kinh tế gần đây lại càng đông. Vâng, đã vài lần tôi ra nông trường chơi, tới chỗ anh em bộ đội chơi. Họ không phát hiện ra tôi là người Kinh. Tôi lân la hỏi thăm, cũng gặp vài anh em cùng huyện. Có hai cậu cùng xã. Nhưng anh em còn ít tuổi quá. Hồi tôi đi B, chúng nó mới sáu, bảy tuổi. Tôi

hỏi chuyện làng xóm rồi đến chuyện gia đình. Nhưng hai cậu đồng hương ấy chẳng biết gì cho rõ ràng cả. Họ hỏi sao tôi biết quê họ với lại quen nhiều người thế? Tôi bảo tôi có được ra Bắc học và sơ tán ra vùng quê họ mấy tháng. Và thế là các đồng hương của tôi tin ngay! Một cậu bảo có biết "cái chị ấy" - tức là vợ tôi, và thậm chí biết cả "anh chồng chị ấy" - tức là tôi. Nhưng theo cậu ấy thì hiện nay anh ấy đã hy sinh ở chiến trường, còn chị ấy hình như vẫn ở vậy. Cậu kia lại bảo hình như chị ấy đã có con với ai đó. Trời đất, cái gì cũng hình như, hình như! Tôi không thể chịu được. Nhưng mà trách ai? Anh em người ta có việc của người ta. Mà dẫu tôi có hy sinh hay còn thì đối với họ cũng thế thôi. Tôi đã mời được hai cậu đồng hương về nhà chơi. Tôi cư xử với anh em theo đúng kiểu của người Gia Rai... Vâng, lúc gặp anh em thì tôi đóng kịch không đến nỗi kém. Vậy mà sau đó chỉ có một mình với kỷ niệm cũ, ông ạ, tôi không tài nào chịu nổi. Tôi như thăng tâm thần nhưng cũng rất tỉnh táo. Tôi nói dối ông già là được trên cử đi học hai tháng. Ông già bán con heo nái đang nuôi lấy tiền cho tôi, không hề nói gì. Thậm chí ông còn vui hơn thường ngày. Sau này tôi mới biết, ông già cũng tính ý gồm. Ông bảo lúc ấy ông đếm được trong đầu tôi nghĩ những mưu mẹo gì? Tôi chỉ nghĩ là đi chừng hai tháng. Về quê, tôi định thế. Nhưng với kế hoạch không lộ mặt cho ai biết. Tôi thêm biết tình hình vợ và hai em tôi, với lại được đi trên cánh đồng làng trong cảnh thanh bình quá! Rồi tôi vào, nhất định thế. Tôi không bỏ ông già và dân làng Plei-O-K của tôi được. Có lẽ như thế tôi sẽ yên tâm hơn, phải không ông? Hôm ấy tôi đi sớm. Ra khỏi

làng, trời còn mù sương, ngoái lại chỉ thấy những đốm lửa nhấp nhòe. Tôi vừa đi vừa chạy tới bến xe thì sáng. Tôi chỉ mặc độc một bộ đồ bộ đội. Vâng, rủi cho tôi mà, cũng thật may cho tôi.

Tôi lao vào xếp hàng mua vé. Chỉ còn hai người nữa đến lượt tôi thì bỗng cửa bán vé sập xuống. Hai chữ HẾT VÉ đập vào mắt tôi như một cái tát! Tôi bấm lòng chờ mua tuyến trưa. Tôi xếp đầu tiên và cố không nghĩ ngợi gì. Thời gian căng thẳng ấy rồi cũng qua. Cửa bán vé vừa mở tôi đã thọc tay, đưa tiền vào. Cô bán vé định bán thì một người nào đó, cũng phía trong phòng hỏi giấy. Tôi không có giấy tờ! Không có gì cả! Tôi bảo tôi là thương binh, đi thăm bạn cũng là bình thường! Người ta hỏi: "Thế thẻ thương binh của bác đâu?". Tôi ấm ngực: "Thế à? Tôi thế này mà cũng phải thẻ à?". Người ta vẫn nhẹ nhàng: "Vâng, đã là thương binh thì phải có thẻ thương binh, bác ạ". Tôi nuốt giận đi ra khỏi hàng. Tôi chộp mua một nải chuối bằng số tiền định mua vé nắm trong tay, không phải vì thèm ăn, mà tôi cứ mua, thế thôi. Tôi thấy một cháu bé chừng bốn, năm tuổi đứng nhìn. Tôi đưa cả nải chuối cho nó. Đứa bé bỗng khóc thét lên, còn mẹ cháu thì lao tới, ôm ghì lấy con. Tôi ngơ ngác giây lát rồi sực nhớ, mình không còn là người bình thường nữa! Tôi nuốt nổi cay cực xuống ngực rồi cầm đầu đi! Rồi tôi nằm vật trong một bụi cây. Ông già lại cống tôi về. Ông già theo dõi tôi, ông ạ. Ông bảo tôi đi lọt thì cho đi, nhưng nếu không lọt sẽ có chuyện xấu. Ông già đắp lá rừng mát cho tôi. Rồi tôi cũng trở lại bình thường. Có đến vài tháng tôi không được khỏe lắm, đêm nào cũng nằm mơ. Thậm chí cả lúc

thức, cả ban ngày nữa! Khi thì thấy thằng em tôi vào. Rõ ràng nó đang đứng ngoài cửa xách cái cặp sách ngày xưa nó vẫn đi học. Tôi chạy ra thì nó biến đi đâu mất. Tôi quay vào chỗ cũ lại thấy nó xuất hiện. Tôi ngồi im nhìn và nó cũng đứng ngoài cửa nhìn tôi. Tôi quát lên: "Sao chú lại đứng đó?" "Em vào tìm anh", nó nói nhẹ nhàng. "Không!" Tôi bảo nó: "Chú về đi. Về lo công chuyện của chú đi. Anh không còn nữa đâu!" - "Anh nói gì lạ vậy?", nó nói: "Anh vẫn còn sống. Hôm trước anh đã định về với chúng em kia mà!". "Không!" Tôi bảo nó: "Chú nằm mơ đấy". "Chính anh đang nằm mơ" - nó nói - "Chính anh đang tự dối mình. Anh ngu lắm!" Nó dám bảo tôi thế. "Anh không biết rằng anh đang làm khổ chúng tôi, làm khổ chị ấy và chính bản thân anh nữa: - "Trời ơi", tôi bảo nó. "Chú được học rộng biết nhiều mà hiểu về anh hạn hẹp quá. Anh đã là liệt sĩ rồi. Anh hy sinh ngày giờ, năm tháng nào chắc chú đã biết. Chú đã từng cũng giỗ và khóc anh. Vậy mà bây giờ chú nỗ mắng anh như vậy? Người ta có rất nhiều cách biểu hiện lòng thương yêu. Khóc là một kiểu và chú mắng anh cũng là một kiểu. Nhưng chú ạ, anh đã hy sinh rồi. Chú hãy cứ tin như thế như chú đã từng tin bấy nay!..." - "Không được!", nó lạnh lùng đáp. "Anh còn sống, em biết. Và chính vì thế, anh đã làm khổ bao nhiêu người. Bây giờ đã đến lúc phải nghĩ lại. Đất nước hòa bình thống nhất rồi. Và anh đã góp một phần xương máu vào sự nghiệp chung. Bây giờ anh có điều kiện được hưởng hạnh phúc. Anh cứ về với bọn em đi! Anh về với chị dâu của chúng em đi!" - "Này", tôi bảo nó: "Chú im miệng ngay đi!". Tôi cũng phải ra vẻ cứng với nó. "Anh

cấm chú không được nói năng như thế. Anh đã là liệt sĩ rồi. Nhất định đơn vị anh, bạn bè, đồng đội của anh đã làm chính sách đối với anh chu đáo" - "Không! Anh còn sống", nó vẫn một mực. "Anh hèn lắm! Anh không dám chấp nhận sự thật" - "Sự thật nào?". Tôi quát lên. Nó thì ngồi khóc, ông ạ. Em tôi nó khóc vì tôi là liệt sĩ thật rồi! Mà liệt sĩ không phải đã chết, rõ ràng thế. Tôi bảo nó: "Chú đừng tưởng, chú ạ. Chính liệt sĩ, chính những người anh hùng vô danh, những người không có tên tuổi; những người vì Đảng, vì dân, vì tổ quốc - họ đã chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Họ hy sinh. Đúng! Nhưng hy sinh không phải là chết! Họ sẽ sống lâu hơn chúng ta. Chú đừng tưởng. Tôi phải nhắc lại với chú: chú đừng nghĩ chú được học rộng, biết nhiều mà hiểu thấu mọi nhẽ. Chú đừng mong tôi phải ân hận, phải nghĩ lại gì cả. Mỗi con người được sinh ra, nếu chúng ta muốn thành người tốt thì trước nhất, chú ạ. Trước nhất phải làm trọn bổn phận của mình..."

Anh buông tay, ngả người ra sau tiếp:

- Tôi nói nhiều quá phải không ông? Có lẽ tôi say rồi. Cũng có lẽ quá lâu chưa có dịp uống rượu. Hôm nay vui quá. Thằng con tôi ra đời. Tôi đặt tên cháu là Rơ Lan Thực. Lúc ông vào tôi đang nằm mơ nhớ cái đêm nguyệt thực ở quê.

Bây giờ thì anh ngả hẳn người vào lòng tôi. Một lúc sau sức tỉnh, anh tiếp:

- Những ngày sau tháng Ba năm Bảy lăm, chắc các ông sướng lắm nhỉ? Còn tôi, ông ạ! Tôi không dám tự cho phép mình ra khỏi huyện. Đó là nguyên tắc mà tôi đặt ra, là kỷ luật mà tôi không cho phép mình vi phạm.

Có những đêm tôi cứ lần thân nhớ lại khuôn mặt từng anh em một trong đơn vị. Tôi đếm lại quân số những người đã hy sinh từ khi tôi vào đến lúc tôi bị thương. Tôi nhớ hết cả tính tình, khả năng từng người. Nói thật với ông, chỉ tính riêng đại đội tôi thôi, anh em mà còn cả sẽ thành lập gần đủ một tiểu đoàn với những tay súng kỳ cựu và dũng cảm. Có lần tôi mơ thấy tất cả anh em chúng tôi - những liệt sĩ cùng đơn vị - tất cả, dưới sự hướng dẫn của tôi. Anh em tập trung về làng Plei-O-K này để nghe tin tức trên đài, giống như hồi còn chiến tranh chúng tôi vẫn làm. Đây, ông là nhà báo, chắc ông dễ thông cảm với chúng tôi. Lúc nào anh em cũng muốn biết tình hình thời sự. Mà phương tiện thông tin thì chỉ có một cái đài của tôi. Báo chí thất thường và chậm lắm. Nhưng hiện nay thì đài của tôi đã gói kỹ rồi. Pin đắt lắm mà không phải lúc nào cũng mua được! Ông bảo ông cho tôi pin hả? Thế thì hay lắm, chút tôi sẽ mở đài cho cả thằng con tôi nghe. Chắc khi con chúng mình lớn lên sẽ không còn thiếu pin nữa?...

Anh nhanh nhẹn cầm hai viên pin đưa tôi, chạy vào nhà. Sau đó không lâu có tiếng đài rọt rọt. Chị nói vui với anh bằng tiếng Gia Rai:

- Không phải đài người ta cũng mới sinh con trai đâu, mà còn thức khuya để nói.

Anh cười hì hì:

- Đài không nói, mình nói. Mình mới sinh con trai, lại gặp bạn cũ, thức cả đêm chắc cán bộ phụ nữ giận một nửa, thương một nửa nhỉ?...

Rồi anh bước ra. Chúng tôi đổ tiếp nước vào ghè và vít cần. Tôi gọi chuyện:

- Đã bao giờ anh kể chuyện ngoài Bắc cho chị nghe chưa?

- Có - Anh buồn cần, nói - Lúc chưa cưới, tôi kể hết. Cô ấy khóc. Sau này thì thôi. Nói làm gì nữa ông? Chúng tôi đều là những người muốn có hạnh phúc cả. Nhưng bây giờ cái làm tôi sợ nhất là chiêm bao ông ạ. Có lần tôi mơ thấy em gái tôi vào và khi tôi tỉnh, tôi vùng dậy. Thấy tôi có vẻ hốt hoảng, nhà tôi ôm ghì tôi. Tôi kể cho cô ấy nghe và cô ấy khóc. Tôi phải an ủi, giải thích mãi. Chiêm bao là chiêm bao, còn sự thật phải là sự thật phải không ông? Tôi không tin chiêm bao phản ánh đúng sự thật. Cô em gái tôi vào, tôi thấy thế. Nó dẫn theo cả một đoàn cháu gái. Tôi mừng quá, reo lên. Nó thì đẩy vai tôi ra, nói "Bác còn sống đấy à?", nó dụi mắt và lao vào lòng tôi. "Anh đã hy sinh rồi em ạ", tôi bảo nó thế. "Vâng", em gái tôi tức tưởi. "Lúc nào anh cũng bảo anh đã hy sinh, đã là liệt sĩ! Thôi thì em tin anh. Nhưng sao anh là liệt sĩ mà chẳng phù hộ cho em? Cháu của bác đây. Bác xem lại đi, toàn cháu gái cả! Em sinh đến đứa thứ năm rồi mà vẫn con gái. Các chị nhắc em phải kế hoạch. Nhưng vợ chồng em muốn có một cháu trai quá. Bác bảo bác là liệt sĩ, sao bác chẳng phù hộ cho vợ chồng em? Chúng em dạy học trên miền núi có chục năm hơn rồi mà vẫn chưa xin chuyển được về quê. Bác thì bác đã hy sinh, bác V công tác xa lắm, ai là người lo giỗ chạp, hương khói cho ông bà, cho bác?". Rồi lại cả vợ tôi nữa, ông ạ. Cô ấy cứ buồn tóc xuống đất cho các cháu gái tôi tha hồ mà chải. Tôi đến thu lại thì cô ấy bảo: "Sao cả tháng giờ ăn ở với em, em muốn có con, anh lại gạt đi. Anh bảo anh không muốn em vất vả

mang thai, sinh con mà vắng mặt anh. Bây giờ anh là liệt sĩ, anh có biết em sống vò vố một mình buồn thế nào không? Anh bảo em đẹp ư? Trời đất, đẹp mà làm gì khi không có anh trên đời này nữa? Tóc dày, tóc xanh mà làm gì khi không có bàn tay anh luồn vào?...". Rồi cô ấy bảo tôi bạc. Rằng tôi sống như thế là không có hậu. Rằng ít ra thì cũng phải nghĩ tới vợ, tới em, tới công lao của bà con xóm giềng. Cô ấy bảo biết tôi còn sống, có một người mách với cô thế. Vợ tôi không bao giờ tin tôi có thể chết được, ông ạ. Trước hôm đi B, tôi có nói đùa: "Nếu anh có lỡ việc gì...". Cô ấy gạt phăng ngay: "Anh im đi! Không được nói gở thế. Chẳng bao giờ có chuyện gì xảy ra cả!". Bây giờ cô ấy nhắc lại với tôi điều ấy. Vâng, tôi nhìn vào mắt vợ tôi và cô ấy, cũng nhìn tôi chăm chú. Tôi bảo: "Em hãy bình tĩnh. Hãy đặt mình vào hoàn cảnh của người khác và suy nghĩ..." Cô ấy thét lên: "Anh không phải là người khác! Anh là của em! Hãy về với em đi!". Tôi bảo: "Em hãy nhìn vào mặt anh đây. Hãy nhìn vào tay anh đây. Bàn tay anh không còn luồn vào tóc em được nữa. Môi anh cũng không còn bình thường để đặt lên đôi má lúc nào cũng như rắc phấn của em được nữa!". Có thể tôi nghĩ thế là sai. Nhưng tôi nghĩ thế nào thì tôi làm đúng như thế. Ở đời, có những cái sai mà người ta cũng chấp nhận được. Nhưng em thì tuy. Em có quyền trách cứ tôi. Vì yêu em mà tôi xử sự với em không phải.

Bỗng anh ngửa cổ ra sau, nói:

- Không! Tôi là liệt sĩ rồi, ông ạ. Tôi là liệt sĩ như muôn ngàn đồng đội chúng ta là liệt sĩ. Em là vợ tôi, em là vợ liệt sĩ như muôn ngàn chị em có chồng đã hy sinh.

Và điều ấy an ủi tôi. Em có quyền tự hào về tôi và cả về em nữa. Chúng anh, những liệt sĩ, em ạ. Chúng anh không sống cho mình và cũng không chỉ chết cho mình. Nhưng anh mắc lỗi vì có em trên đời này. Biết làm thế nào khác được? Tổ quốc đối với anh là em, là bà con xóm làng mình. Nhưng lại không phải chỉ có thế. Tổ quốc còn là ông già Gia Rai đã cứu anh, còn là bà con dân làng Plei-O-K này nữa. Tổ quốc là tất cả. Là Đảng mình, dân mình, là tất cả!- Anh vươn tới chụp mạnh vai tôi, lay lay - Tổ quốc là những đêm chúng mình xuống đồng bằng cấy muối, gùi gạo. Thèm đồng bằng quá. Thèm chui vào bếp lửa quá. Thèm được nghe tiếng ruộng lúa dầm bùn, sặc sụa mùi phân quá. Thèm được nghe tiếng trẻ khóc, tiếng la rầy của mẹ quá. Thèm được phanh cúc ngực trên đồng hát nghêu ngao quá.

Chợt anh cắn mạnh vào cánh tay và sức ngẩng lên, nhìn tôi:

- Tôi đang nói chuyện với ông nhỉ? Thỉnh thoảng tôi lại cứ phải hoạc cắn vào cánh tay mình như thế. Hoạc đá vào cái gì đó cho rõ đau để biết mình đang tỉnh hay nằm mơ. Có lẽ thần kinh tôi yếu rồi. Nhưng tôi với ông là đồng đội, chúng mình hiểu nhau hơn. Từ ngày quyết định ở lại đây, tôi không nghĩ tôi sẽ lấy vợ. Thật thế, thế có mặt trăng đêm nay! Tôi ở với ông già gần chục năm. Mãi năm kia ông già ốm nặng rồi qua đời. Cô út về chăm sóc và chịu tang. Chúng tôi lo cho cụ chu đáo đúng với phong tục của người Gia Rai. Sau đó tôi mới biết cô ấy cũng đã có chồng và chồng cô cũng là liệt sĩ. Vâng, chúng tôi yêu nhau. Dân làng vun vén cho chúng tôi. Tôi được bà con tín nhiệm. Tôi đem hết năng

lực ra làm những gì có thể làm được. Rồi tôi được vào Đảng. Đúng hơn, tôi được chỉ bộ và Đảng uỷ xét cho sinh hoạt lại. Bây giờ tôi phụ trách công tác thông tin văn hóa xã, ông ạ. Đội chèo của chúng tôi không những đã vững vàng, có thể nói như thế. Chúng tôi còn đang ra sức tập tành để hội nghị văn nghệ quần chúng sắp tới đạt được giải một cách bất ngờ...

Anh ngả hẳn người vào tôi nhìn trăng. Anh lại kéo má tôi hôn tới tấp, Rồi anh thì thầm:

Vừa rồi tôi đã nói chuyện gì với ông, tôi không nhớ nữa. Có lẽ tôi say. Nhưng hôm nay vui quá! Suốt từ sáng dân làng tới mừng cho vợ chồng tôi. Chả có gì phải ân hận nữa phải không ông? Thằng con tôi đã xoá đi mọi cực nhọc cho tôi. Ông nên nhớ rằng, tôi không có ý định thay đổi lại cuộc sống. Chỉ có một điều, ông có điều kiện, khi nào về quê tôi chơi, ông thăm dò giúp tình hình vợ và hai em tôi. Nhưng mà bằng giá nào cũng không được để lộ ra là tôi còn sống. Tôi tin ông, ông giúp tôi nhé. Chúng mình sẽ thư từ cho nhau. Mai tôi ghi địa chỉ cho ông...

Và anh nằm gối đầu lên đùi tôi ngủ. Anh ngủ ngon lành như không phải vừa rồi đã nói ra những điều sâu kín của đời mình.

* * *

Sau chuyến công tác Tây Nguyên, tôi thu xếp xuống miền quê anh ngay. Trong thời gian đó, tôi ở nhà đồng chí chủ nhiệm, xuống các đại đội sản xuất lấy tài liệu. Lân la trò chuyện với bà con xã viên, tôi được biết chị P. Vợ anh, năm 1970 nhận tin chồng hy sinh. Người

ta kể rằng, chị bị ngắt nhiều lần khi nghe tin đó. Nhưng cũng như nhiều chị em có chồng hy sinh ở chiến trường, chị đã vượt qua. Chị lao vào công tác và được trên cử đi học đại học nông nghiệp tại chức. Năm 1975 chị tốt nghiệp và nhận công tác tại phòng nông nghiệp huyện. Năm 1977 chị lấy chồng, anh K, chồng chị cũng là bộ đội chuyển ngành. Họ đã có một cháu trai. Người ta còn kể rằng, anh K hiền lành, rất chu đáo với vợ con. Xóm làng, mỗi khi nhắc tới tên anh đều được nghe những lời tốt đẹp. Tôi còn biết thêm, anh V, em trai anh đã về nước, hiện đang công tác ở một viện nghiên cứu khoa học của Trung ương tại Hà Nội. Cô em gái anh chuyển xuống gần anh V. Vợ chồng cô có hai cháu, một trai, một gái.

Sau khi rời hợp tác xã quê anh, tôi còn ghé phòng nông nghiệp huyện, định tìm gặp chị P. Nhưng chị đã đi công tác phong trào. Anh K. đang nghỉ phép, dẫn cháu về quê nội. Tôi rất tiếc không được trực tiếp gặp chị. Nhưng kể thế cũng có cái hay. Điều gì cần biết về chị tôi đã biết rồi. Và tôi cũng đã báo tin cho anh. Tuy nhiên, tôi muốn nói thêm dòng cuối là, trong câu chuyện này, tên anh, tên chị, tên những người thân của anh và cả quê hương cũng như vùng đất của anh đang sống, chỉ là những chữ cái tình cờ mà tôi đặt ra.

Hà Nội, 10-1982

Vĩnh biệt mười chín con gà trống

Nguyễn Quang Lập

Giấy báo tử quân nhân Hồ Rúm: "Đã hy sinh anh dũng tại mặt trận B5" về làng Cò vào lúc bà Rúm đang xách đèn đi tìm gà. Con gà trống cuối cùng trong "Chuồng gà bất tử" của bà đã mất. Rõ ràng bà vừa cho nó ăn lúc năm giờ rưỡi, sáu giờ kém mười lăm nó lên chuồng, đúng lúc đài phát nhạc hiệu sáu giờ "Từng ni gạo, từng ni gạo, từng ni gạo. Ăn rằng cho đủ một tuần. Không ăn thời sẽ mất phần..." bà đi đóng cửa chuồng gà. Bà bước ra: Hối ôi, chuồng gà trống hoác! Mả cha nhà nó, cái thằng chết vợ ở sát nách nhà bà, chính nó đã cuôm nốt con gà trống cuối cùng của bà chứ còn ai vào đó nữa. Bà thời dí cái mặt nhóp của bà vào mõm nó cho mà xem.

Nói vậy chứ bà chẳng thềm dí nữa, mười tám lần trước bị mất gà, bà đã đòi dí vào mặt nó rồi mà nó cóc sợ, lại còn thè lè lưỡi, ra chiều thích thú lắm, thế mới tởm! Bà cũng không thềm nhảy bổ sang nhà nó chửi rửa làm gì. Thằng này rất đều. Mỗi bận mất gà, bà vén quần xĩa xối, la hét, ném vào mặt nó tất cả từ ngữ bẩn thỉu nhất mà nó cứ ngồi bó gối, trừng mắt nhìn bà, không thềm nói lại một lời. Đợi đến khi bà kiệt sức, bỏ về, nó mới nhảy ra hét lớn: "Hươ con mụ kia, có giỏi thì vào đây!" Lập tức bà quay lại, vừa nhảy chồm chồm vừa chửi như tát nước thì nó lại ngồi bó gối, trừng mắt nhìn

bà, không nói một lời. Bà càng điên, càng rống đến khản cả giọng. Bà bỏ về, nó lại nhảy xổ ra: "Hươ con mụ kia, tao giết cả họ nhà mày!" Bà chồm lại chửi, nó lại bó gối ngồi im. Sư cha nhà nó, lần nào mất gà, bà cũng khản giọng mất tiếng vì trò đùa của thằng chết vợ kia. Thằng đùa thằng mất dạy thằng khốn nạn thằng trời đánh thánh vật thằng chết đâm, chính nó đã khai tử cái "Chuồng gà bất tử" mười chín con gà trống của bà. Nó ngu lắm, nó tưởng bà nuôi gà để ăn, nó sắp mặt liếm láp cho lắm vào nên lú lấp, không hề biết bà đã vắng chồng mười chín năm, vợ nó chết bom cũng đã mười chín năm. Mười chín năm bà chết héo vì nhớ chồng. Xưa, chồng bà thường vùng dậy vui vẻ với bà vào lúc gà gáy sáng. Ôi ông chồng tuyệt diệu của bà, làm gì cũng hùng hục như trâu, đến nỗi mười chín năm qua hễ gà gáy là bà vùng dậy, không ngủ được, bụng dưới đau buốt trong khi lồng ngực như rỗng ra, gió lạnh lùa qua hun hút. Lại thêm cái con khỉ đột sau nhà, hú hí cho lắm vào, ngủ chết mê chết mệt, con khóc rên rỉ suốt năm canh mà nó không thềm hát ru lấy một câu, khiến bà càng điên tiết. Ông trời là cái thằng quan liêu, kẻ thềm con đến chết thì không có, đứa sợ đẻ kinh hồn thì cứ xồn xồn ba năm hai đứa. Vậy nên bà mới bỏ tiền ra mua đúng mười chín con gà trống về nuôi, vừa để đánh dấu mười chín năm thương nhớ của bà, vừa để đến cái giờ khỉ gió ấy chúng gáy rộn lên cho vui. Mà vui thật, vui ra phết, bà nghe rõ tiếng từng con một, mỗi con một giọng, mỗi kiểu gáy - con thì kêu: "Hươ bà Rúm... dậy" Con thì réo: "Mau mau lên kẻo... sáng!" Con thì la: "Bà muốn trai hay... gái!" Có con chẳng gáy,

cứ: "Được được được" hoài, đến chết cười. Bây giờ thì hết, sạch sành sanh. Bà xách đèn chạy cuống cuống hết ngõ này đến ngách kia vẫn không thấy. Cuối cùng bà lao vào nhà thẳng kia. Nó lại ngồi bó gối, trừng mắt nhìn bà. Bà khua đèn trước mặt nó, rồi bà nhảy chồm chồm, rồi bà nguyên rửa nó, rồi bà khóc hu hu. Vào đúng lúc ấy ông chủ nhiệm hợp tác xã làng Cò đến đặt vào tay bà giấy báo tử quân nhân Hồ Rúm: "Đã hy sinh anh dũng tại mặt trận B5". Mấy năm sau bà vẫn nhớ như in khi đó bà không hề khóc. Bà mê mê tờ giấy hồi lâu, miệng lẩm nhẩm: "Hy sinh anh dũng... tất nhiên có anh dũng mới hy sinh... hy sinh thì phải anh dũng rồi..." Và bà nhìn hai người đàn ông, kẻ ăn trộm gà bà, kẻ đưa chò bà tin đại họa... Họ rũ xuống, trông thật thảm hại. Hai cái mặt trước mắt bà bỗng to như cái mâm bỗng nhỏ như đồng xu bỗng nhăn nhúm như giẻ rách. Bà hét lên một tiếng gì đó thật kinh hoàng và rơi xuống sân như một trái bầu khô. Bà nhớ kẻ ăn trộm gà đã đặt bà lên tấm phản, rồi rít xoa dầu, xoa rất kỹ, hình như còn lật áo bà lên xát mạnh dầu vào cột sống. Bà cảm thấy mát, rất mát. Sau, bà cảm thấy nóng, rất nóng rồi lịm đi cho tới sáng. Đó là đêm đầu tiên sau mười chín năm xa chồng bà được ngủ ngon lành.

Bà không tin được, không cách gì có thể tin được, bà có thể ngủ được trong cái đêm kinh hoàng đó, cũng như không thể tin được tại sao bà không nhỏ được một giọt nước mắt nào khi cầm trong tay tờ giấy báo tử hầy còn thơm mùi mực. Bà thấp hương khăn, lại thấp hương khăn, một bát cơm trắng một đĩa muối trắng một chén rượu trắng bà cúng chồng bà rờn rã ba trăm

sáu mươi lăm ngày. Kẻ ăn trộm gà, người hàng xóm đơn độc, suốt ba trăm sáu mươi lăm ngày qua vẫn ngồi ủ rũ ngó qua, âm thầm ngửi mùi hương khói nhà bà. Rốt cuộc bà đã hiểu được tâm địa của kẻ đó. Ông ta cũng không ngủ được như bà. Hễ gà gáy là ông thức, gà nhà bà càng gáy, ông càng không tài nào nhắm mắt được, đến lúc ông phát khùng lên, quyết định đập tan cái "Chuồng gà bắt tử" nhà bà. Cuộc chiến tranh giữa "hai nước láng giềng" bùng nổ, kéo dài ba tháng mười ngày thì tin báo tử quân nhân Hồ Rút: "Đã hy sinh anh dũng tại mặt trận B5" rơi xuống đời bà. Bà trở thành vợ liệt sĩ duy nhất của làng Cò, và vì thế bà trở thành niềm tự hào duy nhất của làng Cò, và vì thế bà ngã bệnh, ốm liệt giường hai mươi sáu ngày chẵn. Người đàn ông mà bà ghét cay ghét đắng đã kiên nhẫn nấu cháo, thuốc men cho bà suốt hai mươi sáu ngày bà đau ốm. Ông ta như một kẻ câm, cứ đến buổi lại sang đặt lên đầu giường bà một tô cháo, một bát thuốc bắc đã hâm nóng rồi lẳng lặng rút lui. Lúc đầu bà chẳng nói gì, mãi sau vẫn chẳng thấy ông nói gì, vậy là bà buột miệng hỏi: "Tiên đâu mà ông giúp tôi nhiều thế?". Ông mỉm cười: "Tiên tôi bán mười chín con gà trống nhà bà đấy". Bà nhồm dậy nhìn ông. Ông thủng thẳng kể. Nước mắt bà hai hàng. Trời ơi, thế mà bà cứ đinh ninh trên thế gian này chỉ có mỗi mình bà là nửa đêm tỉnh giấc!

Bà lành bệnh, ông không sang nữa. Suốt ba trăm sáu mươi ngày bà hương khói cho chồng, ông ngồi co ro ở bậc cửa, ngó sang, âm thầm ngửi mùi hương khói nhà bà. Bà chờ ông sang để nói với ông một vài lời ân hận, một đôi câu cảm ơn. Bàn thờ nhà bà một bát cơm trắng

một đĩa muối trắng một chén rượu trắng. Bàn thờ nhà ông cũng thế, không hơn. Thế mà ông không sang, kiên quyết không sang, chỉ ngồi co ro ở bậc cửa ngõ sang.

Chiều nay bà ra vườn, vợ vẫn tìm cái gì đó ở mép hàng rào nhà ông, bà tìm hoài đến sẩm tối vẫn không biết mình đang tìm cái gì. Bà ngược lên, chợt thấy ông cũng đang loay hoay tìm cái gì đó. Hình như ông đã tìm rất lâu... "Làm gì thế?" - Ông hỏi. "Không!" - Bà lúng túng trả lời. "Trời sắp tối rồi" - Ông nói. "Ờ" - Bà thở dài. "Trời sắp tối rồi" - Ông lại nói. "Ờ" - Bà lại thở dài. "Sao độ này ông không sang nhà tôi nữa?" - Bà thở hắt ra và cảm thấy nhẹ hẫng cả người. "Tôi tôi sang" - Ông nói, giọng run run. "Nhé?" - Bà cười. Sẩm tối bà cứ loanh quanh bên bể nước - "Không biết tắm bây giờ hay nửa đêm mới tắm như mọi khi nhỉ". Bà vục gàu vào bể nước, ngấm ngội một chút rồi dội ào ào mấy gàu liền. Cha ơi là mát, giá bây giờ có tí xà phòng thơm nhỉ. Chợt tan rồi không thì bà chạy vù ra mua một cục "Luýt" ngay. Mát quá. Thôi kệ, tắm thế này cũng tốt chán. Cha ơi là mát, dù sao có thêm tí xà phòng thơm cũng hay hơn. Thôi kệ...

Ông đến đúng bảy giờ mười lăm. Sao hôm nay trăng sáng thế nhỉ. Bà vào nhà, ông vào theo. Bà xuống bếp, ông xuống theo. Khiếp, sao cứ đi sát người ta thế. Bà vụt quay lại, và bỗng nhiên thấy mình lọt vào vòng tay của ông. Họ thở hổn hển, lúng ta lúng túng như gà mắc tóc, luỳnh quỳnh rơi xuống nền nhà. Ông ghì chặt lấy bà. Mười chín năm là bao nhiêu ngày nhỉ? Bà mở mắt nhìn ông. Ngực bà đã che kín mặt ông. Bà thở mạnh. Chợt trước mắt bà xuất hiện một bộ mặt đàn ông khác. Bà dụi mắt, vẫn người đàn ông kia đang nhìn bà.

Bà giật thót người, đẩy mạnh ông lăn xuống đất. "Gì thế?" - Ông ngơ ngác. "Kìa! Chồng tôi!" - Bà vợ vội áo quần tấp vào mình. "Về đi! Về đi! Về nhanh lên!" - Bà tru tréo. Ông đã nhìn thấy mặt người đàn ông kia: tấm ảnh chồng bà vừa tụt dây chằng đang lủng lẳng phía vách trái. Ông rùng mình, bỏ chạy. Bà quỳ xuống vái lấy vái để. Bà vùng chạy ra sân. Trăng sáng quá, chui vào góc nào cũng thấy bóng bà. Bà òa khóc, ôm ghì cây mít khóc nức nở. Nước mắt chảy xuống mặt, lăn vòng vèo vào ngực bà giọt nóng giọt lạnh. Một giờ sau bà bình tĩnh trở lại, quay vào nhà cẩn thận treo tấm ảnh chồng lên ngay ngắn. Bà thắp hương lầm rầm khấn vái. Hình như bà xin chồng phù hộ độ trì cho bà được... được... được... Gần sáng bà vào buồng tung chăn trùm kín người. Phải ngủ, không ngủ được thì chết. Bà quay đi trở lại bốn góc giường. Không ngủ được, nóng quá. Bà đập chăn rơi xuống đất. Nằm một lúc thấy lạnh quá, bà kéo chăn trùm kín người. Lại nóng quá, bà đập rơi chăn. Lại lạnh quá... Bà lồm cồm bò dậy, chống cửa. Bà ngồi ở bậc cửa đến canh ba, nhìn xéo sang nhà người hàng xóm thấy đèn vẫn sáng, bà đứng vụt dậy, chạy sang. Được ba bước bà thốt nhiên thấy lạnh ở gáy. Bà quay lại, chồng bà đang nhìn bà, cái nhìn vừa dịu dàng vừa hờn dỗi. Bà ôm ngực nấc lên. Một luồng điện tê buốt chạy từ gót chân lên ngực bà. Bà rơi xuống. Trăng sáng quá, sáng đến nỗi từ xa, rất xa vẫn thấy máu trong ngực bà đang chảy.

Hà Nội, 9 - 1991

Phần II

*Còn mùa cuối mùa
Lúa đôi*

Con mưa cuối mùa

Lê Minh Khuê

Vào cuối tháng tám, nhóm chúng tôi gồm ba kỹ sư, có nhiệm vụ tới công trường để xem xét, thi công giai đoạn mới, theo bản thiết kế mà chúng tôi làm cách đây một năm. Trời sang thu nhưng thời tiết vẫn nóng. Đường nhựa bóng nhẫy. Cây cối im lìm và bạc phếch vì nắng. Những ngày thế này không ai làm chủ được bản thân. Cáu kỉnh, nóng nảy và đột ngột chán chường. Tuấn ngủ gà ngủ gật. Còn Mi, cô bạn gái thân của tôi đang nhìn qua cửa sổ xe. Có thể thấy rõ cái nóng đang tàn phá làn da mịn màng của Mi. Nhưng cô có vẻ bất cần. Cô không dùng son phấn. Cử chỉ uể oải, tẻ nhạt, dường như cái gì xảy ra cũng được hết. Tôi hỏi to:

- Sao? Có chuyện gì?

- Thế thôi, chả có chuyện gì đâu!

Cô nói và có vẻ không muốn tiếp tục. Cô đang rơi vào tâm trạng bứt rứt, không hẳn do trời nóng. Mi là kỹ sư giỏi, làm được khá nhiều tiền nhờ tài thiết kế công trình xây dựng, yêu con. Hay nói về con và là người vợ thực sự. Nhưng từ khi có những cái đó, cô hầu như sa lầy, cá tính và sắc đẹp tan biến. Lúc nào cũng bận rộn, lười thôi. Tôi rất giận, nhưng biết làm thế nào?

Xe càng đi xa thành phố, tôi càng thấy Mi bắt đầu

biến đổi. Về ử đột biến mất, thay vào đó là sự căng thẳng bồn chồn. Tôi cũng không để ý nhiều. Nóng quá, tôi chợp mắt lúc nào không hay.

Tối công trường, ông tổng giám đốc bắt tay từng đứa và nói những lời nồng nhiệt. Tôi nói với ông ta về những khó khăn sắp tới mà chúng tôi phải làm, vì nghe nói thi công có trục trặc sao đó. Ông tổng giám đốc cười, vỗ vai: cứ yên tâm, kỹ sư! Khi tôi quay lại, cả nhóm biến đi đâu mất. Tôi về căn phòng người ta dành cho hai thằng. Tuấn vừa tắm xong, nhe răng cười:

- Tắm đã, chưa gì đã lao vào việc, mệt lắm.

- Đồng ý. Cũng tại ông ta nói nhiều cái vô lý nên tôi phải cãi.

Tôi đi tắm. Nước thật mát. Nước truyền từ sông lên, không qua hệ thống lọc thành thử có cả mùi dầu máy, mùi rong rêu. Tắm xong tôi ra ban công đứng. Gió mát bắt đầu thổi từ sông lên. Không khí dịu lại nhờ ở khu này còn khá nhiều cây cối. Bên kia ban công cũng có một nhóm thanh niên mới ra hóng mát. Họ từ chiếc xe ca kia đổ xuống sau bọn tôi mấy phút. Có một bàn tay vẫy và gọi:

- Đúc phải không? Bình đây nè!

- Bình hả? Trời đất, cậu ở đâu ra vậy?

Chúng tôi cùng chạy xuống sân, cùng giơ tay ra, cùng cười. Bình bày tỏ cảm tình trong cái bắt tay.

- Ngộ quá, sao lại được gặp cậu ở đây?

- Ồ, tớ cũng đâu có ngờ.

Chúng tôi là đôi bạn làm việc cùng nhau hai tháng trên công trường B. Cách đây hai năm, làm việc, uống

bia, đàm đạo và cả nhảy nhót. Từ đó không có thư từ, nhưng nhớ nhau rất rõ.

- Ở đây có gì uống không?

Bình hỏi và nhìn quanh. Một người đàn ông đi qua chỗ chúng tôi, giơ tay chỉ về phía hàng cây trên bờ sông.

- Chỗ kia có quán, không thua Hà Nội.

- Cảm ơn ông! Ta đi.

Bình là vẻ đẹp điển hình của đàn ông phương nam. Anh là dân Sài Gòn chính hiệu. Các cô gái không bỏ sót một cử chỉ nào của anh. Họ bao vây anh bằng ánh mắt, bằng nụ cười, bằng giọng nói. Thế mà anh không hề bị phá phách, không hề có một dấu hiệu suy nhược nào trong tâm hồn. Điều đó thấy rõ trong đôi mắt nồng nhiệt, trong thân thể cường tráng và dẻo dai của anh. Tôi hỏi:

- Đoàn cậu về đây có việc gì?

- Về điện, như trước kia vậy đó.

Hai chúng tôi tới quán giải khát. Một căn nhà xây gạch vững chãi. Hai dãy bàn ghế nhem nhuốc những nước và tàn thuốc. Quán đông nghẹt người. Trên bảng thấy đề có bia, nước chanh, cà phê đá. Hai thằng đang loay hoay tìm chỗ ngồi, thì một giọng con gái trong vắt cất lên:

- Anh Đức ơi, lại đây.

Hai đứa chen tới nơi. Hóa ra cái giọng trong vắt ấy là của Mi. Lạ quá... Mi đang ngồi ở cái bàn đầy các chàng trai chúng tôi quen ở đây, ai cũng bưng bưng. Những cốc bia sủi bọt trước mặt họ. Như mọi lần, trong cả nhóm bia rượu, chỉ có một khuôn mặt tỉnh, đó là Mi. Cô thích ngồi giữa cái láo nháo của bọn ma men, nhìn

người khác say, để có một mình cho thật tách biệt. Nhiều lần cô nói với tôi cái cảm giác vụng chãi khi thấy người khác đang đánh mất mình.

Cô đứng lên khi bọn tôi tới gần. Cô cười thật tươi:

- Nhìn thấy hai anh từ xa. Thời buổi này mà trông thấy những người đàn ông phong thái đường hoàng như thế này thì thật lạ. Cứ như người ở hành tinh nào xuống chứ không phải ở nơi trần gian khổ ải này...

Cô cười khánh khách. Tôi kéo tay cô:

- Đi lại chỗ kia. Ổn thế này ngồi đây sao được?

Chúng tôi tìm thấy cái bàn ở ngoài quán. Trong khi sắp xếp ghế, tôi thấy Bình nhìn Mi. Cái nhìn kỳ lạ, dường như trên đời này chưa có gì làm anh ngạc nhiên đến thế. Mi ngồi thoải mái trên cái ghế khập khiễng:

- Anh Đức có người bạn như thế này mà em không được biết...

Tôi giới thiệu hai người với nhau. Một cái gì mau lẹ, bàng hoàng đang xảy ra giữa họ. Hai người nhìn nhau thật nhanh. Có tiếng gọi Mi trong nhà, ở nhóm uống bia. Mi quên cái ví ở đó. Cô chạy đi lấy. Bình thờ người:

- Chà, người đâu đẹp dữ!

Tôi ngạc nhiên:

- Đẹp hả? Gì mà đẹp?

- Quá đẹp! Ông không thấy sao?

Nghe Bình nói tôi ngẩng lên nhìn về phía bọn uống bia. Có hai thằng cha đang lè nhè gì đó. Một thằng nắm chặt cái ví không chịu đưa, ý muốn Mi ngồi với họ.

- Cậu hãy nhìn mái tóc, cái gáy cao, đôi vai... Có ai được thế đâu. Trông cô ta thật thanh khiết.

Giọng miền Nam của anh trầm lại. Mi đang đi lại

phía chúng tôi, tay cầm cái ví tung tẩy. Cái áo sơ mi có hai sọc trắng kẻ bên trái ngực làm thân thể cô như một ngọn cây vươn về phía mặt trời. Nét mặt rạng rỡ, hạnh phúc bất ngờ. Tôi thoáng hiểu. Mọi biến đổi mau lẹ kia là do Bình. Tôi chưa thấy người đàn bà đẹp này bao giờ. Mi đưa tay cho Bình để anh đỡ cô ngồi xuống một trong ba chiếc ghế. Bình ngồi ghế bên cạnh, không nhìn tôi. Tôi hỏi:

- Hai người uống gì?

Hầu như cả hai cùng trả lời:

- Gì cũng được, tùy anh.

Tôi lại chồ quây, bảo làm ba cốc nước chanh. Cô bé làm nước chanh có hai bàn tay thô, những ngón tay bần thủ.

Tôi chăm chú nhìn những móng tay dài câu bần, nhìn những con ruồi to tướng trên miệng lọ đường, những cục đá dính đầy trấu. Thời gian khá lâu. Tôi thấy họ nói chuyện. Khi tôi tới, Mi đứng lên đón mấy cốc nước. Cô đã hết xốn xang, bứt rứt. Trông đáng yêu như một cô bé con. Chúng tôi uống nước chanh và trò chuyện về bóng đá sắp tới, về công trường và về Mi. Tôi kể đôi ba chuyện tức cười về cô Mi lôi thôi khi nuôi con nhỏ. Bình có vẻ không tin. Anh nói chuyện bằng mắt với Mi. Còn tôi ngó chung quanh. Khu vườn cây tự nhiên này trải dài xuống bờ sông. Lúc này mọi thứ đều mát mẻ. Phần công trường ở bên kia sông, cùng với sắt thép, vôi vữa và cần cẩu. Bên này là khu nhà ở của công nhân, mọi thứ thiếu thốn nhưng mang nhiều dáng vẻ Hà Nội. Lớp trí thức trên công trường đều là dân Thủ đô. Bọn khách có hợp đồng như chúng tôi cũng là dân Thủ đô xuống. Nên mọi thứ đều dễ chịu.

Chúng tôi ngồi đã lâu, rất lâu. Dân tình trong quán đã vãn. Bình vừa nói gì đó vừa nhìn Mi không rời ra được. Còn Mi lại nhìn tôi. Cái nhìn căng thẳng, van nài. Tôi hiểu cái nhìn đó. Tôi uống vội cốc nước và đứng dậy. Bình cũng bật dậy:

- Cậu đi đâu, Đức?

- Ngồi chơi. Tôi phải đi gặp tổng giám đốc bàn việc của cả bọn ngày mai.

- Không vội đâu, anh Đức!

Mi yếu ớt nói, mặt đỏ bừng. Cô không bao giờ thành thực khi nói dối, như nhiều người đàn bà tôi biết. Đó là điều tôi ưa nhất ở cô. Tôi bảo:

- Vội chứ. Cứ ngồi chơi, kể chuyện Hà Nội cho anh ấy nghe.

Bình nhìn thẳng vào mắt tôi. Bọn tôi đứng, nhìn một giây vào mắt nhau. Một vẻ buồn thoáng qua trên mặt anh. Khuôn mặt rám nắng, điển trai, không phải loại điển trai tầm tầm. Một khuôn mặt bất cứ người đàn bà nào cũng thấy được yên ổn khi sống bên cạnh. Cô Mi thông minh kia đã nắm được cái đó và cô muốn tạm buông neo.

Tôi đi dọc bờ sông. Cảm thấy hai người đang nhìn tôi, để có cái mà nhìn. Cả hai đều đang ghen thối. Một thoáng, tôi có nghĩ tới chàng trai chồng Mi.

Nhưng rồi tắc lưỡi: Ôi dào, chuyện người khác, làm sao lo cho hết?

Làm việc với tổng giám đốc khoảng hơn tiếng đồng hồ. Hóa ra trước kia ông là đại tá trong quân đội. Chúng tôi nói chuyện thời chiến. Ông lắc đầu, phàn nàn về thằng con trai hai mươi tuổi:

- Nó buồn rười rượi. Hai mươi tuổi làm sao phải buồn?

Khi chia tay, ông còn cho tôi bao ba số, và rất muốn bọn tôi không bị sa vào những ràng buộc vô lý mà khi ký hợp đồng chưa nảy sinh.

Sau đó tôi đi lảng vảng. Về đến nhà ăn, thì khách đi vắng. Trên bàn của nhóm có để phần cơm tôi và Mi. Một đĩa đậu xào, một bát canh rau cải. Một xoong cơm đầy. Bà phục vụ người đẩy dĩa, quay ngược những cái ghế, úp ghế lên bàn và lau nhà. Bà vừa làm vừa khuyên tôi chờ ai thì cứ chờ, khi ăn xong cứ để các thứ vào chỗ kia cho khỏi chuột phá, sáng mai bà sẽ dọn.

Tôi ngồi chờ, rồi tôi lôi chồng báo và tạp chí mới mượn ở phòng tổng giám đốc ra xem. Các báo đều có ảnh về giải bóng đá sắp tới ở I-ta-ly. Tôi nhìn ảnh Ma-ra-đô-na. Không hiểu sao tôi thấy lo lắng khi nhìn thấy con người này đang đứng trên đỉnh cao chói vót, trong khi cả hành tinh nhìn vào anh ta. Không vui gì khi phải giữ thăng bằng trên cao, và tất cả mọi người bắt anh ta phải đứng như thế theo ý họ. Nếu là tôi, tôi sẽ biến mất, sẽ trốn đi, hoặc sẽ ngừng to tiếng khi đã lên đến đỉnh. Không một người nào lên mãi mãi, vĩ đại mãi mãi được.

Đọc hết cả đồng báo, nhìn đồng hồ đã mười giờ. Tôi từ biệt Bình và Mi lúc ấy là bốn giờ chiều. Tôi đang chăm chú xem ảnh một thiếu nữ vô danh, mặt phẳng dẹt và tàn tạ in trên một tờ tạp chí tỉnh, thì Mi bước tới sau tôi. Tôi muốn có cái nhìn thật nghiêm khắc với cô. Nhưng vừa thấy cô, tôi biết mình không thể làm chuyện đó. Khuôn mặt Mi tràn trề gió mát, sương đêm và ánh trăng. Hạnh phúc làm cô thở không được bình

thường. Cô nhẹ nhàng ngồi xuống. Cô là một vật thể bắt được điện ở một vật thể khác, và cô tỏa sáng, tỏa sáng mãi, mỗi lúc một sáng chói làm cho ta kinh ngạc. Cho đến hôm nay, sau bốn năm làm việc và là bạn thân thiết, tôi mới phát hiện ra cô duyên dáng, đáng yêu đến thế. Cô nhìn tôi qua mặt bàn. Miệng cười nhưng mắt nhìn đi đâu. Cả giọng nói cũng khác, đầy những âm sắc mới lạ:

- Anh ăn cơm đi!

- Tôi chờ. Ăn một mình có ra gì?

- Em không đói đâu. Từ nay em có thể nhịn hàng tháng.

- Em cảm thấy thế thôi.

- Không, em nói thật đấy... Đây, em mới nghĩ ra. Lâu nay em sống không ra sống nữa. Anh không thể hiểu được đâu.

- Tôi hiểu hết. Ai cũng vậy.

- Anh có muốn em kể chuyện chồng em cho anh nghe không?

- Không. Đừng kể.

- Em cũng nghĩ như vậy. Không cần kể gì hết. Nhưng trời ơi, cứ thế này mãi em chết mất.

- Không chết được. Sẽ không sao hết. Mấy hôm nữa ta về và mọi thứ đâu lại vào đấy.

Tôi ăn cơm. Cảm thấy ngon vì lúc này mới thấy đói. Mi nhìn tôi ăn chăm chú nhưng tôi biết rõ, cô không nhìn thấy gì hết.

- Anh ấy có vợ và một đứa con trai bốn tuổi.

- Ai? Bình hả? Ừ, anh ta có kể.

- Em thấy ghen với vợ anh ấy.

- Em đừng ghen. Chẳng ai sung sướng gì đâu.

Mi cười xòa, có vẻ chịu khi tôi nói như vậy. Cô hay kể cho tôi nghe những điều nhỏ nhặt, tủn mủn, và lúc nào cô cũng như giầy giữa trong những cái tủn mủn, lật vật ấy. Tôi thường khuyên cô những lời ngắn ngủi, đôi khi cộc lốc nhưng nó có vẻ giúp cô lấy lại bình tĩnh. Lúc này cũng vậy. Tôi bảo:

- Thôi, về cố ngủ đi. Sáng mai phải lên công trường.

- Em không ngủ được.

- Cứ đếm đến một trăm, rồi bắt đầu lại từ đầu.

- Không. Chuyện đâu có đơn giản như vậy. Nhưng sáng mai em lên công trường được, anh đừng lo.

Cô nhìn chồng tạp chí và báo ở trên bàn. Có tám ảnh của một vị tổng thống mới, chưa đến tuổi bốn mươi. Nghe nói rất nhiều tài năng. Một người đàn ông đẹp trai hiếm có. Nhìn cũng biết là nhân vật siêu phàm, ngôi sao sáng rực của một đất nước rộng lớn bên kia bán cầu. Mi ngắm ông ta rất lâu:

- Em không hiểu được những người thế này! Họ khác ta những gì? Họ quá xa xôi. Làm vợ, làm người yêu của những người thế này thì sao nhỉ? Phải khác thường, phi thường, đặc biệt. Như vậy đó.

- Chắc cũng thế cả thôi.

- Thế cả thôi là thế nào? Phải hạnh phúc, đích thực là hạnh phúc. Vì ông ta biết yêu một người đàn bà. Yêu từ tim óc. Đích thực là tình yêu.

- Ông ta không có thì giờ đâu. Tôi cam đoan như vậy. Ông ta còn phải làm tổng thống.

- Ông ta có biết nước mình ở đâu không nhỉ?

- Chắc biết!

- Thôi, em về phòng đây.

Tiếng thở dài của cô kèm theo lời than: Trời ơi, trời! Tôi lờ đi và về phòng mình. Tuấn đã ngủ. Một cốc cà phê phần tôi để trên bàn. Cà phê cũng có mùi dầu máy.

Tôi có thói quen dậy sớm. Mọi thứ còn mơ màng giữa làn sương tháng tám, báo hiệu một ngày nắng chói chang. Tôi cầm xà phòng, bàn chải, định ra sông bơi một chút. Không ngờ Bình cũng đã có mặt ở sông. Anh ngồi trên tảng đá, lấy sỏi dưới chân ném xuống nước. Trông có vẻ rất tư lự. Tôi gọi và nói đùa một câu. Anh ngẩng lên và tôi đang cười phải dừng lại. Tôi những tưởng được nhìn vẻ rạng rỡ của Mi phản chiếu nơi anh. Nhưng không. Anh rất buồn. Tôi đã sống với anh trên công trường B. Anh vui vẻ, đùa giỡn với các cô gái, làm các cô hy vọng, rồi lại phá đi những hy vọng của các cô, nhưng không ai giận anh. Anh cứ bốn cọt như vậy, tưởng như anh nhẹ nhõm đi qua cuộc đời với những cuộc vui không dứt. Lần đầu tiên tôi thấy một vẻ buồn đàn ông. Nó sâu thẳm, không thể dò tới đáy. Anh nghiêng người lấy bao thuốc trong túi quần mời tôi:

- Hút cho tỉnh ngủ!

Châm thuốc xong, tôi hỏi:

- Thế nào?

Tiếng đó có đủ nghĩa mà cũng không là gì hết. Bình hơi mỉm cười. Chúng tôi cùng xuống sông, cùng bơi sang bên kia rồi bơi lại. Mặt sông có vầng dầu, nước có mùi dầu máy rất khó chịu. Tắm xong thấy nhóp nhép, có lẽ cảm giác do mùi dầu gây nên. Tôi vừa mặc áo vừa cầu nhàu:

- Dở quá! Sông này ngày trước trong lắm.

-Ồ, nhà máy nhiều, sông ngòi sẽ tệ hại ngay.

Tôi chờ sau câu đó là những lời tâm sự. Nhưng Bình không nói một chút gì hết. Ở dưới sông lên trông anh buồn hơn nữa. Tôi không nhớ mình có bao giờ yêu để đến nỗi buồn như vậy không? Không. Có lẽ tôi chưa bao giờ yêu như anh đang yêu. May mắn lắm mới yêu được, đâu có dễ gì. Hai chúng tôi đi lãng quăng. Có quán cà phê bên kia đường. Hai đứa uống hai cốc nước. Vẫn mùi dầu máy, lại thêm cả khói bếp. Tôi bảo Bình:

- Hôm nay bọn này rất bận.

- Tụi này cũng thế. Có việc làm, dễ chịu quá hà.

Chúng tôi bắt tay nhau. Anh rẽ vào lối khu nhà nghỉ của đoàn anh. Nghĩ sao anh quay lại gọi tôi rồi chạy tới. Có vẻ anh muốn nói điều này từ lâu.

- Nay, cậu nghĩ sao? Tôi có xấu xa quá không?

- Cậu đừng điên!

- Đời mình sẽ ra gì, nếu không được sống với cô ấy?

Tôi nắm tay anh. Tôi chưa nghĩ mọi thứ đã đến mức trầm trọng như thế này. Tôi vẫn quan niệm những chuyện như thế này thường là đùa vui. Tôi cảm được cái trầm trọng qua bàn tay anh và tôi muốn anh bình tĩnh. Anh nói:

- Tôi yêu cô ấy. Đáng lẽ tôi phải gặp cô ấy từ lâu, như thế mới hợp lý.

- Chuyện bình thường thôi. Nhưng đến mức này nên xa nhau!

- Sao vậy?

- Vì yêu nhau, đơn giản vậy đó!

Bình cười. Anh hiểu tôi. Có cái gì quý giá thì phải nâng niu. Đời sống thực, đó là cú sốc mạnh có thể làm vỡ đá.

Anh nhìn qua vai tôi sang bên kia sông. Mặt trời lên từ phía đó. Sương chạy trốn ánh nắng, quần tụ vào các hõm trên bờ sông. Anh nhìn nhưng không thấy gì hết. Cái nhìn rất giống Mi...

Suốt ngày hôm đó cả nhóm chúng tôi phải ở trên công trường theo dõi thi công. Nắng khô tất cả, tâm trí dần dần mù mịt vì nắng và bụi. Thỉnh thoảng tôi nhìn khuôn mặt Mi lấp dưới vành mũ bảo hộ màu vàng, khuôn mặt tươi như một đoá hoa, gợi nhớ đến những gì êm dịu mát mẻ. Sắc đẹp của cô là thứ khó quên, không ăn nhập chút nào với khung cảnh xung quanh. Cô làm việc và sống trong thế giới riêng của mình, giữa gió tây, bụi xi măng và mùi dầu máy hăng xì.

Chiều đến, sau khi tắm rửa để đi ăn, chỉ có tôi và Tuấn ngồi ở bàn ăn. Ngày hôm sau, rồi suốt cả tuần trên công trường, Mi đều biến đi như thế. Tôi biết họ ở đâu. Phía trên công trường, dọc bờ sông chừng nửa cây số có khu rừng thông non tuyệt đẹp. Lá thông lọc hết bụi bặm. Không khí trong veo, như thửa khai thiên lập địa. Tôi vẫn có thói xấu hay tưởng tượng ra các trò tình ái của đám bạn hữu. Nhưng với Bình, tôi nghĩ đến anh một cách trân trọng. Anh luôn gây cho tôi cảm giác đó, từ trước kia, và cả trong mối tình này của anh.

Hôm nào tôi cũng chờ Mi tới khuya, bên mâm cơm, đọc báo để giết thì giờ. Hôm nào Mi cũng về rất muộn, tràn trề sương đêm và gió mát. Và hạnh phúc, nhẹ nhõm khi mới về, sau vài câu trở nên lo âu, bứt rứt. Như hôm đầu tiên... Tôi cũng thấy rõ Bình những ngày ấy. Anh đánh mất sự vui vẻ. Anh u sầu buồn bã như người có sự tuyệt vọng lớn. Có hôm, anh ngồi với tôi

buổi sáng trên bờ sông. Anh bóp tay tôi thật chặt, thở thật dài. Toàn thân anh đau đớn. Tôi rất biết, sau những chuyện này, người đàn bà có thể quên anh. Đàn bà thường như vậy. Còn anh, không bao giờ. Tôi lấy làm tiếc là họ đã biết nhau.

Chiều thứ bảy tuần đó, mọi việc xong xuôi. Công trường đón một đoàn chuyên gia lớn. Trong hội trường có chăng đèn kết hoa, có khiêu vũ. Tôi ngồi ở bàn gần cuối với Tuấn và hai cô gái quê mới lên công trường. Hai cô rất e thẹn. Một cô luôn che miệng cười. Cả hai đều đen, nhưng son phấn cả đống, trông rất ngố. Trang phục trên người toàn là thứ hàng chợ của Thái Lan. Mùi nước hoa gay gắt, cái vòng tay sặc sỡ. Tuấn đang tán tỉnh họ. Còn tôi sốt ruột chờ Mi. Từ ba giờ chiều đến giờ, Mi biến đi đâu cùng với Bình. Ngày cuối cùng chắc sẽ nặng nề với cả hai.

Ở giữa nhà, bọn thanh niên bắt đầu nhảy. Âm nhạc xóc thẳng vào tai. Tay đánh trống uốn cong người, lắc cái đầu rất nhiều tóc, mắt nhắm nghiền. Những cô gái mặc quần rộng thùng thình, vài cô mặc váy, chắc là dân phiên dịch nhảy với người châu Âu cao lớn. Trừ những người phương Tây, còn tất cả nhảy không có cảm xúc, chỉ cố gắng sao cho đúng nhạc, thành ra trông cứng như các khúc gỗ, vả lại khung cảnh chung có cái gì nhom nhem, không ra một vũ hội. Tôi bắt đầu chán ngán thì Mi xuất hiện, đi từ cửa trước vào. Cô đi lững thững, đầu ngửng cao. Lúc này tôi mới thấy thực ra cô là người đàn bà cao lớn, thân thể rất đẹp, cân đối, có tướng mạo nữ hoàng. Hàng ngày làm việc bên tôi, cô đầu tắt mặt tối, sâu muộn, tẻ nhạt vì đời sống đơn điệu và vất vả...

Mi đi qua những cặp nhảy. Một thanh niên tóc vàng nhìn theo cô. Anh ta đang nhảy với một cô nhưng mỗi lần theo vòng quay, anh lại nhìn về phía người đàn bà đẹp nhất vũ hội. Phải, lúc này Mi là người rất đẹp. Các cô nhỏ tuổi hơn không sánh được với cô. Cô ngồi xuống cạnh tôi, để tay lên bàn. Bàn tay run lẩy bẩy. Thấy tôi nhìn bàn tay, Mi bỏ xuống, cười xoa. Người thanh niên tóc vàng tiến lại phía bàn chúng tôi. Anh ta mời Mi nhảy. Mi trả lời bằng tiếng anh là không biết nhảy. Anh ta tò mò nhìn Mi bằng đôi mắt xanh lơ của người phương Bắc, chắc đang tự hỏi cô này nói thật hay nói dối. Mi thẫn thờ. Nhưng lúc đó, Bình đi vào với hai người bạn. Nhìn thấy Mi ngồi với tôi, Bình tiến lại mừng rỡ. Mi đứng phắt dậy, đưa tay cho người thanh niên tóc vàng và hai người ra sàn nhảy.

Cãi nhau rồi. Tôi nghĩ vậy. Mọi thứ tình yêu đều vậy hết. Ngúng nguẩy, hờn dỗi và quan trọng hóa những cái tưởng rằng quan trọng. Đó là thời kỳ đẹp và nên dừng ở đó. Bước qua đó, anh sẽ chẳng còn gì mà tiếp tục.

Bình đưa cho tôi điều thuốc. Cô gái quê liếc Bình một cái sắc như dao. Cô kia che miệng cười e thẹn. Cả hai cô nở bừng khi Bình ngồi xuống bên cạnh. Trong khi đó, Bình buồn bã rít thuốc lá. Tôi hỏi Bình:

- Sao? Chuyện gì rồi phải không?

- Vấn đề chính là cả hai không biết làm thế nào cho êm đẹp.

- Đừng làm gì hết. Tôi đã khuyên cậu rồi. Không nên làm gì.

- Nhưng đâu phải chuyện giỡn chơi, chuyện qua đường. Tôi không muốn như vậy.

Anh có vẻ khẳng khẳng. Trong khi đó Mi đang lướt đi trong tiếng nhạc êm đềm, cùng với người đàn ông xa lạ.

Ngày hôm sau bọn tôi không lên công trường. Tôi cho Mi nghỉ và Mi biến đi ngay. Tôi và Tuấn làm nốt một số việc. Chúng tôi ra về khi trời đã chiều, cho mát, vì ngày nóng rất dữ.

Mi lên xe trước. Bình đứng ở gốc cây. Anh xiết tay tôi.

- Bao giờ cậu vô Sài Gòn?

- Thứ ba tuần tới. Cũng có công việc gấp...

Anh có bàn tay mạnh. Tất cả tình cảm dồn nén và gửi gắm trong cái bắt tay. Bình nhìn vào trong xe.

- Em còn quên cái túi nhỏ, Mi. Chờ đó anh đưa ra.

Tôi không dám nhìn khuôn mặt tái nhợt của người đàn bà. Đôi môi cô mím chặt, trắng bệch như mất máu. Trên mái tóc uốn quăn, chỗ gần tai, còn vương một lá thông khô... Mi ngồi tít vào góc xe. Tôi ngồi góc bên này, cùng trên băng ghế sau. Tuấn, chàng trai thích đi xe cúp, ưa những điệu nhảy cuồng nhiệt của Châu Mỹ, ưa đùa bỡn và chóng quên.... ngồi ghế trên cùng người lái xe. Đêm qua cậu thức để tán một cô phiên dịch. Bây giờ cậu ngủ. Người lái xe chăm chú nhìn đường.

Tôi nắm tay Mi cho cô trấn tĩnh lại. Bàn tay lạnh giá run rẩy. Đôi mắt cô ráo hoảnh.

Xe đi qua barie của công trường, qua cái thị trấn giống hệt mọi thị trấn ở xứ này, lao ra đường giữa hai quốc lộ chạy giữa đồng lúa. Người lái xe có cái máy nghe nhỏ. Ông ta bật lên một băng ghi đó. Một giọng hát dầm dề khiến ta bực bội. Tôi hình dung ra khuôn mặt lả lướt của người đàn bà đang hát, cái cách cô ta nhắm nghiền mắt, ngửa đầu ra phía sau, truy lạc và đáng

thương. Mặt trời gần lặn. Tôi cố im lặng. Những lúc này biết nói gì? Lát sau, Mi hỏi như thoảng thốt:

- Máy giờ rồi anh?

- Khoảng sáu giờ hoặc hơn một tí.

- Em sắp về với thằng con em. Trời ơi, cả tuần nay em quên nó. Chết thật. Từ xưa đến giờ em đâu có như thế. Em hư hỏng mất rồi.

- Không sao đâu. Chuyện đó cũng bình thường thôi.

- Không bình thường được rồi. Tối đây em sẽ mang nó đi. Anh ấy bảo em mang nó đi theo.

- Đi đâu?

- Đâu cũng được hết. Anh ấy nói là bất cứ nơi nào hai đứa có thể sống cho nhau. Bố mẹ anh ấy đang ở Thái Lan. Bọn em sẽ trốn qua đó.

- Qua đó rồi đi đâu nữa?

- Liệu sau vậy.

- Theo tôi, em bỏ ý nghĩ ấy đi. Em có đi lên mặt Trăng, lên sao Hoả, thì em cũng không thoát được. Con người như vậy đó. Thời gian sau, em sẽ quay lại tâm trạng như bây giờ. Tôi tin điều đó.

- Nhưng em sống với Bình?

- Với ai cũng vậy hết...

Mi im lặng một lúc lâu. Lúc sau tôi thấy cô thốn thức:

- Nhưng em chết mất. Cứ thế này mãi, mãi mãi, thế là chẳng còn gì hết. Ngày nào em cũng thấy mòn đi, mỗi ngày một tí, một tí... Em trở nên dần độn, trì trệ, quần quanh ở xó bếp xó cửa, trở nên xấu xa, khốn nạn, quát con, cãi nhau với hàng xóm, tính toán một cách chi li từng đồng... Chỉ mười năm nữa, em thành một cụ già bốn mươi tuổi, không ai nhận ra em nữa.

- Em yên tâm, mười năm rất là dài. Em còn làm được nhiều việc.

- Anh ấy đánh thức em. Anh ấy bảo rằng anh ấy cũng như vậy. Anh ấy cảm ơn em đã cho anh ấy biết thế nào là tình yêu. Em yêu anh ấy vô cùng, chưa bao giờ như thế.

- Lúc em lấy chồng, chắc em cũng nói chưa bao giờ em yêu như thế, phải không?

- Vâng ạ!

- Như vậy đó. Vậy thì hãy mừng là đã được sống, phải không? Sống trên đời là nhất rồi, lại lành lặn, buổi tối được yên giấc trên giường, không nhịn đói, không lo lắng.

- Anh nói vậy vì anh đã qua chiến tranh.

- Cũng có thể.

- Em luôn luôn kính phục những người đàn ông cầm súng chạy trong làn đạn. Trời đất, lúc ấy anh nghĩ gì?

- Không thể nghĩ gì được hết. Vì lúc ấy có điểm để chạy tới. Khi có mục tiêu trước mặt, người ta giống nhau, không nghĩ gì nhiều.

- Khiếp, dạo này anh nói năng như mấy ông già. Anh Bình có như thế đâu. Anh ấy hoang mang hơn anh.

- Vậy hả?

- Cái đáng ghét ở anh là anh quá tự tin. Làm sao người ta tự tin được, khi mọi thứ đang rối tinh lên như thế này...

- Giã giụa, chả có ích gì đâu, các bạn ơi!

Sau đó chúng tôi im lặng khi xe đi vào đêm tối. Người đàn bà hát trong băng vẫn thế, hát mãi không thôi. Làm sao người ta cứ mê đắm vào những chuyện vô nghĩa như thế? Tình em, nước mắt, cõi đơn côi... Tiếng

nức nở nghẹn ngào mà không một chút khổ đau. Mi bật cười.

- Kinh khủng, hát gì lạ thế? Em muốn được như mấy cô đó. Ăn ngon, mặc đẹp, vô tư lự...

- Em cũng có kém gì?

- Em sẽ cố được như thế. Này anh, muốn đi đâu thật xa chắc phải có nhiều tiền.

- Nhiều lắm.

- Nhất định em phải đi.

- Em không nên đi đâu.

- Anh làm sao hiểu được?

- Tại sao lại không? Nếu là em tôi sẽ không bao giờ làm trò điên ấy.

- Trời ơi... Lâu nữa không thì về đến nhà?

- Chừng một tiếng nữa.

- Em ngủ đây... Nói chuyện với anh cứ như ông chẳng bà chuộc!

Sáng hôm sau tôi đến cơ quan sớm. Ông giám đốc công ty báo tin đề án thiết kế của nhóm chúng tôi đã được chấp nhận. Công ty được ba triệu. Dự định thưởng cho nhóm một triệu. Tin mừng quá. Tôi chờ Tuấn và Mi đến để họ biết tin và để báo cáo với giám đốc công ty việc làm trên công trường vừa rồi. Chờ đến mười giờ sáng, ông giám đốc bảo phải đi họp, hẹn cả nhóm đến chiều. Ông chắc cô Mi bận con cái sao đó, chưa đến được. Ông bảo:

- Cô Mi chăm chỉ thật. Vợ thế mới là vợ, mẹ thế mới là mẹ. Tôi chưa thấy cô nào được như vậy.

Tôi không muốn nói gì. Tuấn cũng bỏ đi, hẹn hai giờ chiều tối. Tôi ngồi ở bàn đêm chồng báo, thư ra đọc.

Tôi nghe tiếng chân Mi vào phòng, ngồi xuống chiếc bàn kê ở góc nhưng không ngẩng lên. Thực tình tôi sợ. Đau khổ của người đàn bà là cái gì đó tôi chưa hiểu được. Không biết nó có thật không?

Mi giở tờ giấy gì đó, viết cái gì đó. Đường như không chịu được sự im lặng, cô bắt đầu kể. Giống như mọi lần, lần nào cũng vậy, cô kể cho bọn tôi nghe những câu chuyện trong khu tập thể của cô. Một thứ ổ chuột chính cống, trong đó người ta sợ chuột như sợ cọp vì chuột vừa nhiều, vừa to, vừa già và dữ. Người cũng như chuột vì bạ chỗ nào còn chút không gian còn con cũng chui vào làm tổ... Một thứ tàu chợ lúc nào cũng rầm rĩ. Và ở những khu nhà như thế, đường như tập trung mọi thứ "tinh hoa" của loài người.

- Anh Đức này, tối qua em về có một chuyện quá tức cười. Cười ra nước mắt.

- Kể xem.

- Cái bể phân nhà xí ấy, bị đục thủng ra để lấy phân. Lúc nào nó cũng tắc, cũng tràn trề ra ngoài. Người ta quên đây cái lỗ lấy phân lại. Buổi tối không có điện, một ông khách mò xuống, thế là thụt xuống hố, gần hết người.

- Kể tiếp đi!

- Ông ta kêu như bò kêu. Phải lôi mãi ông ta mới lên được. Nước lại hiếm. Thế là phải dìu ông ta xuống cống để rửa bớt. Sau đó mỗi nhà phải cho ông ta một thùng nước để ông ta tắm. Ban đêm, ông ta lên cơn sốt dưng dưng, phải đem đi cấp cứu.

- Sao lại sốt?

- Chỉ vì quá sợ. Em mà như thế thì chắc chết.

Tôi nhìn mặt Mi. Mắt cô mở lớn. Không còn in dấu vết đau thương của tuần trước. Đây là khuôn mặt vẫn bày ra trước mắt ta. Khắc nghiệt, mệt mỏi rã rời và tức tối vì không thể tránh đi đâu được những ưu phiền của đời sống.

Cô kể sang chuyện "đại công tước", một lão già ghê rợn, kéo cả gia đình ở nông thôn lên, chui rúc trong cái hõm tám mét vuông. Lão làm ba tầng gác dè lên tám mét vuông. Gác chỉ ngồi được. Cuối cùng không làm thêm được nữa, lão đục trần nhà chui lên, vì trần nhà là của chung của rất nhiều gia đình. Lão thấp đèn trên đó, di lại cả đêm trên đó như loài ma. Có hôm trần sập, lão rơi vào nóc tủ của một đôi vợ chồng. Người ta van nài lão, chửi rửa lão. Lão nghiêng tai bên này bên kia, xem như điếc. Lão ra đường, nhặt chổi cùn, rế rách đem về. Lão đem tất cả về, xí chỗ trong khu tập thể. Hốc này lão để đôi lớp hồng, hốc kia lão để gốc cây khô. Các thứ lâu năm mốc meo, bốc mùi, chuột gián kéo nhau đến làm tổ. Nhưng không ai được đụng đến. Thách cả uỷ ban phường, cả uỷ ban nhân dân thành phố dám đụng đến đấy! Lão tuyên bố hùng hồn giữa sân. Và hàng trăm con người trong khu khiếp vía im lặng... Lão sống trong tám mét vuông tối tăm đó, hoàn toàn mãn nguyện, như một đại công tước sống trong trang trại, lâu đài bát ngát của mình. Lão tổ chức cưới con gái, con trai, mừng thọ bố... từng bưng trong ba tầng gác xếp. Khách lom khom cúi mình ngồi ăn trong ba tầng gác xếp, nóng đến nỗi khi ra ngoài ai cũng đỏ như tôm luộc. Có hôm ngoài trời nóng 39 độ, trong nhà còn nóng hơn nữa, lão cởi trần, ngồi uống rượu kèm với đầu cá, rung

đùi nghe dài. Mà dài lúc nào cũng mở hết cỡ. Lão là ác mộng của Mi, của nhiều người yếu bóng vía trong khu nhà đó. Hôm nào cũng có chuyện về lão và hôm nào chúng tôi cũng được cười. Mi kể:

- Hôm qua "đại công tước" thó được đầu miếng vải. Về nhà, lão gạ bán cho vợ. Hai vợ chồng cò kè bớt một thêm hai.

- Sau sao?

- Mụ vợ lão nhất định bớt năm trăm. Lão túm tóc vợ ném từ "tầng ba" xuống. Mụ vợ đập đầu vào cạnh ghế, phải đi bệnh viện khâu ba mũi bên thái dương. Lão để vợ nằm trong bệnh viện, về nhà lão đi dạo khắp trần. Lão táy máy cái dây điện của người ta, thế là bị điện giật.

- Chết không?

- Không? Trời đánh lão cũng không chết đâu!

- Vậy chắc chuyện lão còn dài.

- Làm sao hết được. Em sẽ kể anh nghe tiếp.

- Hoan hô! Chuyện của lão là thuốc bổ đấy. Cười là khỏe người lắm mà.

- Em đã có lần kể anh nghe về tay giáo sư triết học ở trường đại học, trẻ con gọi lão là "sâu đo"

- Em có kể mấy lần.

- Hắn có những ba bằng đại học. Một bằng trong nước, hai bằng ở châu Âu.

- Quá nhiều.

- Hôm qua hắn đang chọc lớp xe của ông thợ khóa thì bị bắt quả tang, vì hai nhà tranh nhau một chỗ để chấu rác. Hắn tức ông kia nhưng không nói ra. Hắn tức ai đều không nói ra. Hắn rình ban đêm sẽ dùng kim

chọc nát lốp xe của người ta. Có lần hắn còn đổ cả cứt con vào rổ rau muống của một bà, bị bà ta nhét vào mồm... Hôm nay hắn bị hai thằng con ông thợ khóa đánh cho một trận bằng đòn gánh. Cả hai nhà đến bây giờ vẫn còn ngồi ở đồn công an. Hắn lại có tính tắt mắt, hay ăn cắp vặt... Có một hôm hắn đang ăn cắp rổ trứng gà, bị trẻ con bắt được... Mà hắn lại có tới ba bằng đại học. Hắn khinh ai không có bằng đại học...

Cả hai chúng tôi cười chảy nước mắt. Mi nói:

- Chắc trước kia hắn cũng không đến nỗi tồi tệ thế. Hắn đang bị mài mòn, tự mài mòn và bôi bẩn lên mình. Em cũng thế. Đôi khi em thấy mình thật xấu xa.

- Không, em không thể như thế được.

- Không tránh đâu được anh ơi. Suốt ngày em rửa cho "đại công tước" chết. Lão là người trời đánh không chết. Lão sinh ra ở đồng quê, mò cua bắt ốc từ nhỏ nên lão có sức khỏe siêu phàm. Lão áp đảo tất cả mọi người bằng thân xác khổng lồ và tiếng nói như chuông đồng. Thế nhưng em rửa lão. Nhà lão ở sát nhà em quá. Lão như ruồi muỗi, không ai tránh được. Làm sao người ta có thể tránh được ruồi muỗi ở xứ này?

- Khó tránh thật!

- Rồi mình cũng là ruồi muỗi quấy đảo người khác.

- Không!

- Em sẽ viết thư cho Bình, bảo anh ấy thôi, đừng tính chuyện li dị vợ.

- Phải, không nên một chút nào, nên tiếp tục sống bình thường.

Em không thể làm gì được nữa. Mọi thứ đã xong xuôi rồi.

- Mi!

- Không, anh cứ để em khóc. Sáng nay thức dậy còn nằm trong màn, em nghe ai hát gì đó, một bài hát quen quen mà em không tài nào nhớ em đã nghe nó với ai. Em khóc òa. Phải tám năm nay, từ ngày lấy chồng, em mới lại khóc được như thế. Em mang tâm trạng bi thương suốt buổi sáng. Đến khi đi làm, vừa đạp xe vừa khóc. Nước mắt mờ cả đường đi. Ở chỗ chấn tàu người đứng chờ tàu qua đông nghịt. Em vẫn khóc, nghĩ rằng chẳng có ai để ý đến mình. Không ngờ có hai thằng cha đi xe máy trông thấy. Gã ngồi sau nhìn vào mặt em nhe răng cười. Hắn nói gì anh biết không?

- Chịu!

- Hắn bảo: "Nàng ơi, hôm qua chơi số mấy mà đến nỗi thất bại thảm thương như thế. Thôi, hãy nín đi, thua keo này ta bày keo khác". Thấy em im, hắn có vẻ nghiêm trang, ân cần. Hắn bảo: "Hôm nay em nên đánh con bảy tư. Anh thương em mới nói cho em con bảy tư. Em hãy chơi con bảy tư, nghe anh..."

Tàu qua, bọn nó lách qua dòng người rất đông rồi vù đi mất. Em nghĩ có lẽ mặt em lúc ấy giống dân chơi số đề. Mà lúc ấy em lại nghĩ tới Bình. Em nghĩ đến anh ấy, nghĩ rằng không bao giờ em được sống lại những ngày vừa rồi nữa...

- Thôi, đi uống cà phê đi.

- Đi! Đừng bao giờ nhắc đến chuyện này nữa.

- Phải đấy!

- Nhưng trời ơi, vừa mới tuần trước mà lúc này nghĩ tới anh ấy, em thấy như mọi chuyện đã qua lâu lắm rồi.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

- Em cứ xem đó như là một giấc mơ!
- Hoặc là trúng số đề, phải không anh?
- Cũng thế cả...

Mi vẫn thổn thức khóc. Nhưng đã có vẻ dịu dần. Chắc rồi sẽ quen đi thôi.

Sau đó bọn tôi ra phố. Hôm nay trời vẫn còn nóng nực ghê gớm. Không khí này làm cho tôi cảm thấy mọi thứ thật không dễ gì quen được. Người đàn bà đi bên tôi mới sa vào những phút xa xỉ, vô bổ khủng khiếp. Những phút giây ấy đâu có cần thiết cho tất cả mọi người? Lúc này, mọi giọt nước mắt chỉ còn chảy khi người ta hỏng số đề. Thế mà cô ta lại khóc vì tình yêu, vì những điều tầm thường của đời sống, vì những ước vọng dẫu dẫu.

1991

Giường đôi Xóm Chùa

Đoàn Lê

*Đường lên trời hai mươi cây số trong đêm
Ta trót nắm tay nhau đến là đại đột...*

Hạ Thảo

Tôi trở mình.

Một cái giường xét về phương diện thực dụng cũng như đạo đức vốn được đóng cho hai người nằm, nói rõ hơn, cho một người nam cùng một người nữ của Đấng-Tạo-Hoá. Khi phải chứa đến ba người thì độ bức bối chuyển thành giông bão không thể chịu đựng được. Tôi, chồng tôi, cô ta đã ở cả trên một cái giường. Đương nhiên chỉ hai người là có thực, còn người kia quanh quất giữa chồng tôi với tôi. Nhưng ý nghĩ chữ thực, chữ ảo cũng bất định như hai chữ số trên quân xúc xắc. Đôi lúc sự tồn tại của người ảo còn hơn cả người thực. Rất nhiều đêm tôi gặp ánh mắt chăm chăm của cô ấy nhìn đôi tay chồng tôi lần mở khuy áo lót tôi. Tất cả bỗng lạnh giá.

Nhạc đêm khuya thật hay. Người ta có sáng kiến đáng kể khi soạn thảo chương trình nhạc suốt đêm cho những cái giường mất ngủ. Đã lâu lắm tôi mới được nghe lại nét nhạc cũ... Kiệu công chúa từ xa đang tới gần khu chợ phiên ồn ào. Ai cũng biết đằng sau những

tấm rèm lụa lộng lẫy dính đầy châu báu là một nhan sắc khuynh thành, mơn mớn thanh xuân. Thần dân Ba Tư kính cẩn quỳ rạp bên đường chờ đám rước trang nghiêm với tiếng nhạc dìu dặt, với đoàn thị nữ tha thướt đi qua... Hồi nàng công chúa mười sáu năm xưa, nay nàng ra sao? Nàng hạnh phúc hay bất hạnh? Đời sống vương giả có cứu nàng thoát khỏi bi kịch cay đắng?

Chồng tôi trở mình.

Tôi bỗng nhớ chiều nay một con ong vàng mặt sẫm soi quanh quần bên cái vì kèo chạm đầu rồng của ngôi từ đường cổ kính nhà tôi. Tiếng vo ve dai dẳng khiến tôi sinh lo ngại. Tôi bảo anh:

Anh nhìn xem con ong tìm gì ở đó vậy?

Nó tìm nơi làm tổ. Em không thấy mẩu sáp bằng hạt lạc kia ư?

Chẳng lẽ nó không có tổ hay sao?

Sao lại không. Nhưng đến một lúc nào đó chúng chia đàn, đi tìm nơi làm tổ mới.

Tôi không nghe được hết những lời giải thích của anh ấy. Tự nhiên đầu óc tôi lảng đi. Tổ mới... chia đàn... Sau hai mươi tám năm chung sống có hai con ong cũng sắp chia đàn, tìm nơi làm tổ mới... Chuyện ấy thật khó tin. Phần lớn người ta sống theo thói quen. Như đêm tối cứ phải đi nằm dù không ngủ được. Như gần ba chục năm tôi quen sống bên cạnh anh ấy tựa bóng với hình, quen cả những lúc hình bóng co kéo vật vờ để giữ cho cái tổ chúng tôi đứng vững trước sóng gió muôn mặt đời thường.

Bởi vậy tôi thật bàng hoàng khi nghe anh ấy thổ lộ: "Em thể tất cho anh. Em thuộc con người của những

hoạt động xã hội. Anh lại cần một tình yêu tâm thường
thôi, một người để làm vợ anh theo nghĩa thông tục
nhất! "Tại sao anh ấy nhận một sai lầm khó bào chữa
như thế? Tôi thương anh. Giá anh chỉ nói đơn giản rằng
sau gần ba mươi năm rã rời vì cuộc mưu sinh, tình cảm
của chúng tôi đã rách tươm như lá cờ giữa trận tiền,
không thể vá víu được nữa.

Và sẽ không ai có lỗi nếu người ta phải chạy trốn
một đời sống nhàm chán đến phát sốt.

Dù sao con số hăm tám năm chung sống trong thời
buổi này cũng đã có một độ bền xấp xỉ mức kỷ lục. Pho
ái tình ấy xứng đáng đứng chung hàng ngũ những
chàng lực sĩ khổng lồ. Chàng đã chiến thắng mọi gian
khổ qua hai cuộc chiến tranh, cái thời chúng tôi tranh
nhau phần ngoài của hầm tránh bom, nhường nhau
nửa giường thoáng gió đêm sơ tán.

Chàng khổng lồ ấy chỉ vô ý xỉa răng bằng cái kim
sắt rỉ, do đó bị tê-ta-nốt chết. Đã đành cái chết luôn
diễn ra dưới muôn vàn màu sắc, nhưng chết kiểu anh
chàng ái tình to xác này thật quá lỗ bịch. Lẽ nào chỉ vì
một dịp chồng tôi đi công tác, một dịp tình cờ gặp cô ấy,
tình cờ phải nói dối. .. rồi tất cả tự nó chấm dứt, tất cả
sụp đổ trong lặng lẽ?

Tại sao lại ra thế này hử anh? Tôi hỏi chồng tôi đến
hàng ngàn lần và lần thứ ngàn lẻ một tôi vẫn đầy ngo
ngác.

Ông cụ bên ngành thứ, tôi thường gọi là cụ trưởng
tiểu tông, mấy hôm trước sang chơi với vợ chồng tôi,
khê khà chén chú chén anh một chập, ông già gần bảy
mười tuổi mới do dự bày tỏ:

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Thưa hai bác, dù hai bác có bảo em lần cần, em cũng cứ tình thực góp ý. Hai bác là trưởng ngành đại tông, tức thị trưởng cả Họ ta, lại đang giữ gìn hương khói từ đường thay mặt Họ tộc, làm sao đừng để trong Họ ngoài làng xì xào dị nghị. Họ ta đâu phải vô danh tiểu tốt. Các cụ Tổ được cả nước ngưỡng vọng, cả nước quan tâm. Nay di duệ sống không ra gì tránh sao khỏi tai tiếng. Xin mỗi bác cố gắng một chút.

Tôi thật cảm kích trước tấm lòng ông. Nhưng người, ta không thể cố gắng yêu. Biết đâu hăm tám năm chung sống đối với anh chẳng là một sự lưu đày. Biết đâu bây giờ anh lại tìm được một chút hạnh phúc cho tuổi về già... Tôi chỉ cay đắng tự hỏi những khoảng thời gian ít ỏi, tôi đã trải qua cùng anh rút cục là có thật hay cũng chỉ là một con số ảo trên mặt quân xúc xắc.

Với tôi như vậy sẽ là một kết thúc buồn. Tôi được anh dắt về đây từ một đêm huyền hoặc cổ tích. Hai mươi cây số ở một địa điểm sơ tán, chúng tôi cứ nắm tay nhau đi bộ. Tới bờ sông Hồng anh rút rè hôn tôi, cái hôn bị kìm nén sau bao ngày tháng... Nay tình yêu ấy đã bay mất, tôi còn lý do gì ở lại đây? Tôi sẽ chia tay anh. Một người đàn bà tự trọng phải biết rút lui đúng lúc.

Những lời cuối cùng đã nói với nhau. Tôi bảo rằng đã chuẩn bị một nơi ở mới, nhưng không báo trước sớm mai sẽ lên đường. Với mấy bộ quần áo, chẳng có gì phải chuẩn bị ồn ào. Sự ra đi sao cho giống những đợt công tác càng tốt.

Tôi sẽ tính cách đưa con cháu đi cùng. Khu nhà thờ hương hoả này anh ấy cần có mặt để gìn giữ. Tôi chỉ cần giữ lại căn phòng bên tả mặc nhà thờ, nơi đặt cái

giường đôi chúng tôi đang nằm đây. Không phải để phòng lúc quay về. Đơn giản tôi không muốn một người đàn bà khác bước vào phòng, nằm trên cái giường này và anh ấy sẽ nói những lời rất riêng, những lời ngổ ngán thơ dại, thứ ngôn từ của những đêm ân ái chúng tôi thường dùng. Để tránh xúc phạm cả tôi lẫn cô ấy. Dù sao mọi thứ đang còn nóng hổi. Là tôi vẫn nghĩ anh ấy thuộc diện đàn ông có tâm hồn nhạy cảm.

Tôi trở mình.

Tích tắc! Tích tắc! Tiếng cái đồng hồ treo tường kiên nhẫn đếm từng khắc mất ngủ. Gần nửa năm nay, nó thao thức cùng tôi, rất khế khàng, trung thành. Một tặng vật tôi giữ làm kỷ niệm. Ngày mai phải nhớ cho nó vào va li. Trong căn phòng rồi sẽ khóa cửa im ỉm, bụi bặm phủ dần mọi dấu vết tôi, nó ở lại sẽ giống như một trái tim thoi thóp giữa đồng phế tích. Tội nghiệp nó.

Gần nửa năm quãng thời gian không phải ngắn, đủ để anh ấy suy nghĩ quyết định. Và chồng tôi đã nói rằng anh trót lỗ nặng lời hứa hẹn với cô ta, anh không muốn trở thành người lừa dối.

Gần nửa năm, quãng thời gian đủ dài để tôi cân nhắc trước quyết định chia tay. Nếu phải ra đi, điều tôi sợ là ở phía đứa con trai duy nhất của chúng tôi. Tuy nó đã lấy vợ lại mới sinh một cháu bé gái đầu lòng, nhưng cái tiểu gia đình ấy thật mong manh dễ vỡ. Chúng đang còn như những đứa trẻ chơi trò chơi vợ chồng. Tôi đã không ngăn được một đám cưới xảy ra ba năm trước đây. Rút cuộc một thiên thần bé bỏng ra đời ngoài sự lựa chọn của chính mình.

Chồng tôi năn nỉ: Hãy ở lại với con cháu. Cũng đừng khát khe với anh. Coi như anh đã chết rồi vậy.

Chồng tôi tính lầm. Những ngày sống của tôi không còn dài lắm. Với thứ bệnh tai ngược tôi đang mang trong người, sự chịu đựng cùng những cơn trầm uất sẽ nhanh chóng cướp nốt cái mầu quý thời gian ít ỏi tôi còn lại. Mà với một quyết tâm sắt đá tôi phải sống, sống để vót vát gậy gộc cho đứa trẻ mới rời nôi kia. Như thể tôi đã nhìn thấy trước số phận nó...

Ôi hai con mắt đen láy tươi cười nhìn tôi như những đốm nắng rực rỡ chiếu sáng căn phòng u tối tâm hồn tôi. Ngay khi bà đỡ quấn vội mảnh tã cho nó rồi trao vào tay tôi, tôi đã linh cảm rằng cái sinh vật đỏ hồng vừa mới chào đời sẽ gắn chặt với đời tôi từ đây.

Những ngày đầu mẹ nó nhiều sữa quá, mỗi khi cho con bú chỉ dùng dăm phút đã phải dứt ra. Thời gian còn lại con bé mút mát vú bà cho đỡ cơn thèm. Và bao giờ cũng thế, khi con bé cuống quýt rúc vào ngực tôi, vỗ vập nún vú, nún lấy nún để, tôi bỗng muốn khóc vì một cảm giác sung sướng khó tả. Như thể thiên chức thiêng liêng của người đàn bà đơn giản chỉ là cái nhón nhột rạo rức dâng lên trong ngực tôi từ từ từng chút một... dâng lên nóng hai vai, lên cổ, lên má và tê dại xâm chiếm tận từng ngọn tóc. Tôi ngồi bất động thấm dầm niềm ngọt ngào nồng nàn của những bản thánh ca vang đâu đó trong một khoảng không gian mơ hồ... Rồi ngọn triều êm đềm rút xuống, rất chậm. Thân thể tôi thoát trong veo, mềm tựa bông. Con bé ngừng nún từng quãng nghỉ ngắn. Cái nốt nghỉ ngắn nga lâu dần đến lúc tự đôi môi nhỏ xịu rời ngực tôi. Nó đã ngủ. Tôi khe

khẽ hít lấy mùi thơm gậy của bàn tay bé tí nắm chặt. Tôi không rời mắt khỏi cái miệng ương ướng, đôi lúc vẫn nhóp nhép nún vú trong tưởng tượng.

Tôi ngồi như vậy hàng giờ, say mê không chán. Đó là quãng thời gian sung sướng nhất. Tôi thông thả ngẫm nghĩ về lẽ huyền diệu của trời đất, ngồi xem cái sinh vật mình đang bồng ẵm che chở lúc này đang nhích dần vào thế giới hỉ nộ ái lạc của con người. Mười hai bà mụ đang dạy nó nhúu mày, nhúu mắt, cười khóc trong mơ.

Đêm đêm tôi đặt tay lên đầu con bé thâm thì niệm Phật: "Nam mô Đại từ Đại bi Cứu khổ cứu nạn Quan thế âm bồ tát...". Lòng tôi thổn thức nhận ra sự mộ đạo chân thành của chính mình. Tôi chỉ nguyện một điều: Xin các Đấng từ bi hãy cứu mọi khổ nạn cho sinh linh bé bỏng này. Xin để tôi gánh chịu mọi tai ương nghiệp chướng của số phận nó. Trong giây phút huyền nhiệm ấy tôi có cảm giác một luồng điện từ lòng tay tôi đang truyền sang cơ thể con bé qua nơi được gọi là huyệt Bách hội, là luân xa số bảy.

Hỏi gia đình tôi chưa xảy chuyện, không hiểu nghĩ ngợi ra sao, tôi đã vẽ bức tranh Thiên Đường. Trên một hoang mạc cát có đừa hải đồng đang cô đơn, lưng quay về phía nắng chiều. Bên cạnh nơi nó ngồi rải rác những mảnh vỡ của một cái bình cổ. Những mảnh vỡ này ngập chìm dưới cát bụi làm biến mất một phần họa tiết được khắc trên đó. Chân trời mờ mịt gió lốc trắng xoá.

Dù tôi vẽ phía sau đừa trẻ nhưng ai cũng nhận ra con bé cháu nội chưa đầy hai tuổi của tôi. Tôi đã lấy nó làm mẫu. Nhìn về cô đơn đến thất lòng của Thiên

đường, sau này tôi chợt hiểu đó là một điềm báo chẳng lành. Lẽ ra tôi không được nảy ý nghĩ ví von Thượng đế với đứa trẻ cô cút, một mình lặng lẽ giữa hoang mạc với những mảnh vỡ quá khứ vàng son.

Tôi luôn tin vào những điềm báo. Tôi đã có những giấc mơ ứng nghiệm lạ lùng. Ví như tôi phát hiện chuyện gian díu của anh ấy cũng nhờ một giấc mơ báo trước. Trước giấc mơ tôi hoàn toàn tin vào sự thủy chung của chồng tôi. Nhưng tôi mơ thấy người đàn bà lạ đang uốn éo quyến rũ anh ấy vào chuyện sa ngã. Hai ngày sau nhờ một bức ảnh tôi tình cờ biết được sự thật như thế. Cũng những tình tiết y hệt tôi mơ.

Không thể giải thích được. Tôi biết rất nhiều câu hát ru, nhưng không hiểu tại sao cứ ôm cháu tôi lại buột miệng hát:

Con cò đi đón cơn mưa.

Tối tăm mù mịt ai đưa cò về...

Đến bây giờ con bé cũng ngọng nghịu véo von: "Ton tò đi đón cơn mưa..."

Đến bây giờ tôi mới hiểu cơn mưa giông mù mịt đang sắp ập xuống đầu con cò tội nghiệp của tôi.

Mỗi lời ru ẩn chứa trong nó một tâm sự riêng với nhiều biến đổi tùy theo cảnh ngộ của người hát. Ngày xưa ngày xưa cũng trên một cánh võng đay cũ kỹ, tôi nhớ như in tiếng mẹ trầm bổng với vợ hát ru em gái tôi:

Chàng ơi phụ thiếp làm chi.

Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng...

Con gái một cụ chánh tổng, mẹ làm dâu nhà nội tôi từ thừa mười lăm. Ba chục năm sau mẹ chiều ý chồng đội lễ đi hỏi vợ lẽ cho ông. Tôi cứ mãi hình dung con đề

chiều mùa thu, cỏ bông lau phơ phất, từ bãi dâu bên kia sông tiếng gọi dò tha thiết vẳng sang, mẹ cùng một bà cô già lẫm lũi đi. Tráp quả mang trầu cau, cân chè mẹ đội trên đầu đè nặng từng bước. Nặng hơn nỗi buồn nức nở trong lòng mẹ. Như thể mẹ đang mang trái tim mình đi tới nơi hiến tế cho một thói tục, âm thầm nhẫn nhục.

Mẹ ơi, cố sao mẹ cam làm hạt cơm nguội, cái hạt cơm hẩm hiu khiến tim con buốt nhói suốt một đời, khi con nghĩ về mẹ?

Chồng tôi trở mình.

Anh ấy cũng không ngủ ư? Hay anh đã đoán được sáng sớm mai tôi đi, lần ra đi mãi mãi? Càng hay. Tôi rất muốn tránh sự suốt mướt.

Nghe đâu cô ta đã ba con, đứa lớn sắp gả chồng. Năm ngoái anh chồng bỏ cô ta để sống với một cô gái mới ngoài hai mươi tuổi... Rõ cái vòng luẩn quẩn!

Thuở nhỏ tôi có người bạn trai tên Báu, con ông cụ hàng mã nổi tiếng phố chợ. Báu rất chiều tôi. Một rằm trung thu cậu tự tay làm cái đèn kéo quân thật đặc biệt để tặng tôi. Nhưng Báu không cho phép tò mò xem cậu chuẩn bị. Suốt nửa tháng trời tôi nài nỉ, giận dỗi đòi được tham gia, nhưng Báu nhất định giữ bí mật. Khi mọi thứ sắp xong, Báu nhặt những sợi tóc rụng dài nhất lúc tôi chải đầu để buộc lỗ hình nhân giấy. Báu nói phải buộc bằng chính tóc tôi đèn mới dễ quay. "Tò đã phù phép như thế đấy".

Đúng đêm rằm trung thu, mặc những tiếng trống thì thùng ngoài sân đình, Báu cầm cái đèn vẫn được che bọc kỹ rủ tôi ra cầu đá sông Cái để "làm lễ: khánh

thành. Tôi sốt ruột tưởng phát điên, luýnh quýnh chạy theo Báu.

Cầu đá ngay đầu làng tôi, nơi một dòng sông xanh biếc êm đềm chạy qua. Lúc này mặt nước gợn gió như mang trong lòng sông cả triệu ngọn lửa vàng rực.

Đã đến giây phút long trọng tháo gỡ giấy bọc món đồ chơi thần kỳ. Cậu ta vẫn còn hành tôi, bắt lấy tay che mặt, nhưng vừa nghe tiếng giấy loạt xoạt tôi đã mở bừng mắt. Trời ơi, quả thật trước mắt tôi là một báu vật chưa hề xuất hiện trên thế gian này. Dưới ánh trăng cái đèn kéo quân rực rỡ lóng lánh những giấy trang kim tựa hồ nó dát vàng dát bạc... Tôi mê mẩn không nói nên lời, thậm chí nghệt thở... Phải nói rằng cái đèn kéo quân ấy là món đồ chơi quyến rũ nhất tôi từng nhìn thấy. Cho đến giờ tôi vẫn không thể quên, dù nó chỉ tồn tại trong chốc lát.

- Rồi cậu sẽ thấy một điều tuyệt vời ngay bây giờ.

Báu khéo léo đốt một ngọn nến, cắm vào giữa trụ đèn hình lục lăng. Ngọn lửa làm bừng sáng màu đỏ huyền hoặc của giấy bóng kính. Màu đỏ ấy đột ngột choàng lấy hai đứa chúng tôi tựa hồ nó nhuộm cả không gian chung quanh, kéo chúng tôi vào thế giới bí ẩn nào đó. Và khi ngọn nến được thắp lên, trong giây lát tất cả lũ hình nhân bằng giấy cất bỗng rùng rùng chuyển động. Trước con mắt kinh ngạc của tôi thoát hiện ra đoàn kỵ binh với cờ bay phấp phới đang truy đuổi quân giặc. Tưởng đâu đây nghe rõ tiếng vó ngựa dồn dập, vũ bão. Tiếp đến chàng Kim Trọng nôn nóng lướt tới hàng liễu rủ, nơi... cô Thuý Kiều thướt tha e lệ lùi dần ra phía sau như thể chạy trốn.

Bên bờ sông Ngân Hà nàng Chức Nữ cầm cúi dệt vải để Ngưu Lang dắt trâu đứng ngóng. Cặp vợ chồng ấy trôi nhanh cùng dải sông sao giữa một khoảng cách trời dày. Rồi chú rể chuột gò lưng phóng ngựa nước đại, kéo theo sau một bầy rước dâu chấp chới...

Cái vòng quay đã hút tất cả hồn vía tôi. Thật bỡ công mồn mỗi chờ đợi. Tôi không còn biết đến trăng thu vàng vạc trên đầu, mặt nước lấp lánh phía dưới. Mất tôi dán chặt vào món đồ chơi phi thường để mặc cho Báu được nắm tay tôi vuốt ve dịu dàng.

Rồi đến phút thế giới mộng ảo của tôi sụp đổ. Ở giữa một vòng quay tôi bỗng rụng rời phát hiện nàng Thuý Kiều biến đâu mất. "Ồ này, cậu xem này..." Tôi chưa kịp chỉ cho Báu thì chú rể chuột cũng không còn. Vài vòng quay sau, đoàn quân dững mảnh rơi rụng dần tựa hồ bị địch bắn tĩa.

Tôi hét lên một tiếng.

- Nóng lâu quá tóc cậu bị cháy mất rồi... Tổ xin lỗi... Báu nói như khóc.

Phải mất một lúc tôi mới hoàn hồn, trống ngực dịu xuống, nước mắt tự dưng ứa ra. Một nỗi buồn giận xâm chiếm tôi. Và thường ngày đành hanh với Báu thành quen, tôi luồn tay xuống phía dưới lồng đèn, giật đứt mảnh giấy bám lủng lẳng, những hình nhân mới đó còn là Thuý Kiều, Kim Trọng, Ngưu Lang, Chức Nữ... Trước đôi mắt rầu rĩ của Báu, tôi thả từng hình nhân xuống dòng nước chảy xiết phía dưới, hồn dỗi, không để Báu kịp phân trần.

Hơn bốn chục năm đã qua, tự nhiên đêm nay tôi nhớ lại chuyện cái đèn kéo quân tới từng chi tiết... Ồ

vâng, sự Đứt là quy luật tối thượng. Rồi sẽ đến lúc định mệnh buông tha chúng ta khỏi vòng quay lẫn lẩn, từng người một rơi rụng chẳng khác lũ hình nhân giấy.

Tháng trước trong khi chờ đợi chuyện này ngã ngũ, tôi nhận lời đi làm bộ phim tài liệu ở Quảng Ninh.

"... Rất cần một khoảng không gian xa cách, một khoảng thời gian yên tĩnh để người nọ ngẫm nghĩ về người kia, bình tĩnh tìm giải pháp tốt đẹp nhất..."

Tôi đã đọc những lời khuyên đại loại như vậy ở hàng chục tờ báo. Dạo này tình hình ly hôn tới mức báo động, tờ báo nào ít nhất cũng có một bài khéo léo khuyên nhủ mọi người nên khôn ngoan, giữ lấy hạnh phúc gia đình. Tôi sinh ra vô vậ nhiều tờ báo mang chất tâm giao. Bài *Người phụ nữ làm gì khi có chồng ngoại tình* thậm chí được tôi cất giữ, coi như một cẩm nang.

Quảng Ninh là một vùng đất tôi bỏ quên từ thuở mười ba. Bởi duy nhất một lần năm mười ba tuổi tôi theo lớp học sinh đi nghỉ hè, tham quan mỏ than để trau dồi tinh thần lao động. Sau này tôi lang thang làm phim gần khắp đất nước, nhưng chưa một lần trở lại Quảng Ninh. Tôi hy vọng sẽ được gặp lại ngôi biệt thự màu vôi vàng sáng rực trên sườn núi với những vòm cột kiểu kiến trúc Gô-tích, gặp lại mảnh sân có cột cờ, những luống hoa sân nhà uỷ ban, nơi hồi đó tôi chôn cất một con chim chết.

Nhưng tất cả đã khác xưa. Không còn Bãi Cháy mơ màng giữa làn sương buông trắng đôi sim nữa. Bãi Cháy giờ ồn ào náo nhiệt với đủ mọi kiểu khách sạn, nhà nghỉ, nhìn đến chóng mặt.

Tuy vậy con đường xuống mỏ Mông Dương còn giữ

được vẻ hoang vắng thơ mộng của vùng thiên nhiên chưa bị khai phá. Mười mái nhà bên sườn non yên tĩnh. Một cây gạo đỏ rực giữa những mảng xanh uyển chuyển âm u. Tôi cho hạ máy quay, xuống ô tô, làm một cảnh toàn lia thật chậm.

Tôi nói với anh bạn quay phim người địa phương:

- Sau cảnh này anh cho máy vào gần ngôi nhà sát chân núi kia kìa. Đàn gà con đang tha thẩn giữa sân đấy. Giá có người mẹ trẻ cho con bú trên cái vồng ngoài thềm kia nữa thì tuyệt... Tôi rất thèm được ở một ngôi nhà nhỏ dưới chân núi như thế.

Anh bạn quay phim nhìn tôi một giây chăm chú, hơi mỉm cười.

- Chỉ có biết cơn bão năm ngoái đã cuốn rơi đá đè sập một ngôi nhà dưới chân núi. Hai vợ chồng trẻ cùng đứa con năm tuổi chết ngay bên mâm cơm.

Hình như bằng lời nói thiếu đồng cảm của mình, anh ta muốn dội một gáo nước lạnh vào thói lãng mạn tôi buột ra. Tôi bẽn lèn. Cảm ơn anh.

Tôi chẳng giữ được ấn tượng gì về cuốn phim tài liệu đó. Tôi hào hứng với chuyến đi vì một lý do riêng. Tôi muốn tìm kiếm một người đàn bà chưa biết mặt.

Cũng nhờ dò hỏi anh quay phim người địa phương, tôi may mắn tìm thấy ngôi nhà bên bến sông, nơi những thuyền gỗ, sà lan thu gom than trôi nổi tư nhân. Đó là một gian hàng bán tạp phẩm, thức ăn, gạo mắm cho những thuyền đỗ dưới bến. Chủ hàng, người đàn bà đứng tuổi với gương mặt héo úa bỗng rạng rỡ hẳn lên khi tôi tự giới thiệu mình ở Hãng phim X đang trên đường đi công tác.

- Thế ư? Ngày xưa khi còn trong đoàn văn công tỉnh, mình đã từng tham gia đóng phim đấy nhé.

Người đàn bà ấy không bao giờ biết chính vì lý do đó tôi đã lặn lội đi tìm chị ta. Đương nhiên chị cũng không biết tôi thực sự là ai, dưới một cái tên giả.

Câu chuyện thăm hỏi được tôi dắt dẫn vòng vo tới lúc chị nhắc tới tên chồng tôi.

- Em biết không, tay ấy trước là người yêu của chị. Gớm, mê nhau lắm, một hai sống chết quyết lấy nhau. Nhưng khi gia đình tay ấy mang lễ ra đây ăn hỏi, không hiểu ông bố mình nhìn tướng mạo thế nào, nhất định không nhận lễ, không cho lấy. Ôi chao, giá mà...

Chị ta bỏ dở câu nói, mắt đắm buồn. Tôi thương cho sự tiếc nuối đại đột ấy. Đôi khi dở dang không phải là không may mắn. Như tôi, thà dở dang ngay khi chúng tôi cùng nhau từ nơi cơ quan sơ tán về Hà Nội đêm đó!

Tôi không biết mình đã nhỏ nhen theo thói đàn bà, sợ người tình cũ của anh ấy hả hê, hay tôi muốn giữ cho hình ảnh anh ấy mãi đẹp trong tâm khảm người đàn bà này, tôi không hé lộ tí gì chuyện xảy ra giữa chúng tôi, mặc dù chị ta gắng hỏi tha thiết.

- Ở lại ăn cơm với chị đi. Ngồi đây buồn đến nhão người ra, chẳng biết trò chuyện cùng ai cả em ạ.

Chị ta không ngờ kém tôi đến ba tuổi, vẫn ngọt ngào xưng chị rất tự nhiên. Tôi không hề phản đối, sợ chị ngượng. Chị ta chóng phai tàn hơn tôi hình dung.

Tôi ra về vẫn không tìm được lời giải cho lòng hiếu kỳ. Anh ấy muốn tìm điều gì ở người đàn bà anh yêu? Những người đàn bà, kể cả tôi, đã đặt tình yêu vào con người này vì sao?

Tôi chấm dứt đợt quay ở đảo Khỉ, một hòn đảo cách bờ vịnh không xa. Tôi đã chụp được những cảnh sinh hoạt của lũ khỉ thật sinh động. Hàng ngàn con khỉ được nuôi dưỡng ở đây để cống hiến vắc-xin chống bại liệt cho con trẻ.

"Chúa đảo khỉ" là một người đàn ông dễ mến. Ở trên hòn đảo này cùng vợ gần hết đời người, anh đã thuộc tính nết từng thân dân của mình, chăm sóc chúng với một tình thương rất lạ.

- Chúng chẳng khác con người là mấy đâu chị. Kia, chị có thấy con khỉ vàng nhạt đang nấp ở cành cụt cây trướng cá kia không? Chị để ý kỹ nhé... Đây...

Con khỉ vàng nhạt ló đầu rình một cặp mẹ con khỉ khác đang ôm nhau quăn quýt trên chạc cây bên cạnh. Ông chúa đảo phát thứ tín hiệu bằng một âm thanh lạ hoắc, ném quả chuối đang cầm tay xuống gốc cây. Con khỉ mẹ do dự một chút rồi nhẹ nhàng đặt chú khỉ tí hon bám lấy cành cây, nó đu mình nhảy xuống nhặt quả chuối. Con khỉ vàng nhạt chỉ chờ lúc đó, lao vọt đến chỗ chú khỉ tí hon, vồ vập hít ngửi.

Con mẹ quay lại thấy vậy lập tức buông rơi quả chuối, lăn xả cào cấu kẻ trộm. Tiếng chí choé đan xen nhau. Con khỉ vàng nhạt xoay mình chịu trận lôi đình của khỉ mẹ, hôn hít chú tí hon đến cùng. Nhưng rốt cục nó vẫn phải bỏ chạy. Khỉ mẹ ôm chặt khỉ con sờ nắn, nâng niu. Thỉnh thoảng nó ngoái nhìn, nhe răng gừ con khỉ vàng nhạt vẫn còn lỏn vởn cạnh đó.

- Cô khỉ vàng nhạt vô sinh ấy suốt ngày rình mò đồ dành bẻ ẳm con của bạn nó. Tội nghiệp, lắm khi bị cắn xé máu chảy ròng ròng, phải bắt về băng bó. Đám khỉ

mẹ yêu con ghê gớm lắm chị ạ. Chẳng may con nó bị bệnh chết, nó cứ khư khư ôm chặt mà kêu gào kỳ đến lúc cái xác thối rữa, không cho gỡ ra. Tôi nghĩ khi sợ mùi mắm tôm có lẽ do vậy chăng.

Tôi ngẫm nghĩ về những con khỉ. May cho chúng không bị đảo lộn đời sống như con người.

Vị chúa đảo kể cho tôi nghe rằng chuyện tình của khỉ cũng đầy thi vị. Mùa thu, mùa tình yêu, những chú khỉ đực chia từng bộ lạc đánh nhau chí tử để tranh giành bạn tình. Những tình bạn đã gắn bó sẽ sống chết đến hết đời. Anh kể, hồi chiến tranh ác liệt nhất đàn khỉ phải chia đôi, sơ tán một nửa sang đảo đá bên cạnh, cách xa đây khoảng nửa cây số mặt biển. Người ta không ngờ đã chia rẽ những cặp tình nhân. Thế rồi đột nhiên có những con khỉ cứ leo lên tận tít ngọn cây cao, hướng về phía đảo đã kêu gào, không chịu ăn uống cho tới lúc chết lả. Ngược lại phía đảo cá có những chú khỉ đực nhào xuống biển bơi về đây. Người bạn tình bên này thương cảm các chàng trai đuối sức cũng lao ra. Chúng ôm nhau chết đuối giữa mêng mông sóng nước. Không phải lúc nào thuyền cứu hộ của chúa đảo cũng cứu được hết.

Ngồi trên thuyền rời khỏi đảo khỉ tôi chợt mơ mộng. Tôi hình dung lúc này người ta đang nhao nhác tìm tôi. Tôi biến đi đâu mất tích. Người ta lùng sục từng gốc cây ngọn cỏ khắp đảo vẫn không thấy. Cuối cùng mọi người đều nghĩ tôi đã gieo mình xuống biển... Ô không đâu, tôi không ngu xuẩn như thế. Tôi đang khúc khích trên một cành cao nào đó, khếch khếch chào từ biệt con người. Tôi đã ở lại đảo nhập đàn với đồng loại hoang dã tự do.

Tôi và chồng tôi cùng trở mình.

Gà gáy sáng. Một bàn tay tôi chạm vào tay anh. Tự nhiên những ngón tay tôi tìm xiết chặt lấy những ngón tay anh, đan vào nhau. Tôi thấy những ngón tay của anh cũng từ từ riết chặt. Ngỡ chẳng bao giờ chúng ta lạc mất nhau phải không anh? Vĩnh biệt. *Trăm nghìn xin gửi lại. Buồn thương vô tuyệt kỳ...*

Xóm Núi năm Mậu Dần

Thương

Phan Thị Vàng Anh

1.

Khi cô thương tới thì ông Hạo đang làm vườn. Cô thả phịch cái túi du lịch xuống giữa sân, thở phò một cái thật mạnh rồi vạch cổ áo ra, ghé miệng thổi vào đây luồng hơi dài để tự quạt mát. Trong khi ấy, ông Hạo lúu rúu, quăng con dao bết đất xuống cạnh khóm hồng, chùi cả hai tay vào quần, miệng lắp bắp: "Ui, ui, hay quá, hay quá! Vào đây, vào đây!".

Họ là bạn vong niên và phải đến ba năm rồi ông mới gặp lại cô Thương. Trông cô vẫn thế, có phần mập hơn, đuôi mắt như dao, miệng rộng, son đỏ chót, chân dài, đi lại khoan thai như một con báo... Ông Hạo hỏi cô đi đâu mà lại đến tận thị xã thăm thăm này, cô cười: "Buồn, em đi chơi thôi. Thế còn đến cái thị xã này là do một đứa bạn gợi ý, nó khuyên buồn thì nên đi cho xa, ở đây lại có núi, có biển. Lên đến xe rồi mới nhớ có người quen, may mà sổ địa chỉ có ghi cẩn thận". Ông Hạo cảm cúi pha nhân trần, hơi cụt hứng, rồi lập tức trách mình vô duyên mà vui vẻ trở lại. Hai người ríu rít bàn các chuyện lằng quằng, cô Thương có cách kể chuyện riêng, sau mỗi mẩu thông tin là kèm vài ba câu bình luận

nghe tếu và bất ngờ. Cô không cố pha trò (cái này khác bà nhà ông: khi bà còn sống, trong các ngày giỗ chạp hay Tết nhất, bà làm ông sượng tê người). Cô lại hay cười, mắt long lanh như có nước, hay gây giật mình, đang nói chợt ngừng lại, nhìn quanh nhà rồi lại hỏi ông ở đây với ai. Ông Hạo giả vờ cười buồn bảo: "Không có ai!".

Một mình ông một nhà, năm ngoái lũ con đã hùn tiền sửa sang, ông đòi tất cả rèm cửa phải màu xanh lá cây, thế là bọn chúng nó trêu ông "lẳng lơ", đua đòi theo trai thị xã. Ở nhà này, lần đầu tiên trong đời, ông có hẳn một phòng con cho khách từ xa đến ở. Cái thói đời, cứ có sẵn phòng rồi thì lại không có khách. Cô Thương có lẽ là người mở hàng. Ông Hạo hỏi cô có ngại không, không thì ở lại đây, cô cười vang, ngại gì, em lang bạt kỳ hồ bao nhiêu năm nay rồi chứ có phải gái mới lớn ra đường đâu... Thế là ông Hạo tíu tít trở lại, ông lôi cái quạt con cóc từ trong tủ ra, cái quạt cứ bật hết đêm thì vừa chạy vừa nhảy được vài vòng trong giường, ông để ông dùng, ông nhường cô cái quạt Thái hồng; ông lau phòng, trải lên giường cái chiếu hoa... rồi ông giấu tất cả, mắt tròn như trẻ nhỏ, hỏi cô "Còn thiếu gì không?". Cô Thương cười "Ôi, tốt lắm rồi, thế này là nhất rồi, bác ạ!"

2.

Cô Thương đi suốt ngày và cứ hễ về đến nhà là thấy giặt đồ, vui vẻ hát, những bài hát tiếng Nga du dương, như của một người lác lư trên xe bò, lơ đãng, (điều đó có vẻ không hợp thời nhưng nó tạo cho cô một vẻ khá trong

sáng và lạ lùng). Rồi cô vung vẩy con dao con ra vườn, cắt những cành hoa không tên, mấy bụi cỏ đã úa vàng...Để cắm những bình hoa đủ để làm cho ông Hạo thẹn thùng vì sự quê mùa và đơn điệu lâu nay của mình. Cô dễ ăn như một bà đi buôn đường xa mà vẫn có thể nấu những món cầu kỳ khi rảnh rỗi. Khi thằng Lâm cháu ngoại ông Hạo nghỉ hè từ thành phố về thăm, nó nằm dài trên võng thở ra bâng quơ. "Ước gì có vịt tiêm ăn bây giờ!", Thương đã nói gì (mà thật ra thằng Lâm từ lúc vào nhà cũng chẳng nói gì với cô), cô chỉ cười thầm: "Bây giờ thì chưa được...", nhưng đến tối thì ông cháu đã xì xụp với nhau quanh cái bàn gỗ con, nhấm nháp rượu mơ, Lâm nhặt hạt sen trong bụng vịt ra, hỏi ông: "Nhà cô Thương có bán quán hả?". Lâm đã đợi cô Thương về để khen, nhưng tối đó cô đi suốt. Mười giờ đêm, ông giục cháu về đi không cha mẹ lo, đường vừa dốc, vừa xa, mà cả họ chỉ có mỗi một thằng chui được vào đại học. Tiễn cháu ra cổng, ông Hạo cố thờ ơ, bảo: "Chắc cô Thương không về!". Lâm cười: "Cô này có vẻ bất kham" rồi đập máy xe, cái đèn ở đất xe đỏ rực lên rồi ngoằn ngoèo xuống dốc.

3

Khi Lâm tới, hai ngày sau, thì ông Hạo đang ốm. Ông ngồi giữa nhà, phủ chăn đỏ lù lù như sắp lên đồng, nói vọng ra bằng giọng nghệt mũi: "Lâm hả con? ông đang xông!". Rồi ông hắt xì một tràng dài, cô Thương từ nhà dưới đi nhanh lên nhà trên, mặt long lanh, mặt đỏ bừng, cười: "Thôi, khéo lại chúi vào nồi nước bây giờ!

Bác xuống nhà tắm trước đi, em bùng nước xuống ngay!". Lâm cúi chân trên di-văng đọc báo, vội thu chân, chào cô, rồi lại cúi xuống đọc tiếp. Chợt có cái gì đó thôi thúc nó phải ngược lên lại, cô Thương đang cúi mình vươn đôi tay dài nhắc nổi nước. Nhìn nghiêng, qua bộ quần áo mỏng tanh, trông cô đẹp như mấy pho tượng cổ xưa, màu mỡ và thanh khiết, kèm theo cái vẻ nhẵn nhụi trên gương mặt, rất đàn bà... Lâm vội nhảy xuống đất: "Cô để cháu bùng cho!", nó tự hỏi, sao thế này, sao tự nhiên thấy mình cao cả và đàn ông hẳn, nhất là khi cô Thương đưa nó hai cái giẻ lót tay, bộ điệu rụt rè mà phò thác... Lâm muốn nói gì đó, nó hỏi: "Cô hái lá xông ở đâu?", cô Thương đi sau nhẹ nhàng: "Trong vườn". Lâm tưởng tượng ngay cái cảnh cô cấp rổ, tóc bôi rối, vươn tay trần hái lá. Nó nói: "Cháu cũng muốn bệnh, không biết có nên xông không nhỉ?"

4

Thế mà đã ba ngày cô Thương không về nhà. Ông Hạo đã thử vào phòng cô, thấy đồ đạc còn nguyên như mọi khi cô chạy ra chợ mua vài thứ. Ông không làm gì cho đàn ông được, hết ra nằm ngoài ghế bộ, lại chui vào di văng, báo nào cũng lướt qua một tí, chẳng nhớ gì.

Xế trưa, ông đang lim dim thì nghe tiếng xe âm ỉ đầu ngõ. Ông Hạo không ngồi dậy, ông giận dữ, cô Thương cứ thất thường thế đấy, lúc thì cần mẫn và chu đáo như bà nội trợ hiền, lúc thì như gái bụi đời, bây giờ kéo về, chắc lại mấy ông văn nghệ mới moi được từ xó

xinh nào ra..." Ba ơi!"..."Ba ơi!"... Tiếng con gái ông như tiếng công an đến bắt quả tang, tỏ ra oai vệ hơn ngày thường. Lâm vào báo: "Ba má con sang" rồi đi xuống nhà dưới, nó lẩn quẩn một hồi rồi lên, không nói gì. Ngọc - con gái ông Hạo - hỏi đánh thếp: "Ba hết bệnh chưa?", rồi nhìn chồng, hất mặt như lập lại một âm mưu đã bàn trước: "Trưa nay mình ở lại ăn cơm với ba?"

Tiếng chặt thịt, tiếng múc nước rửa rau không làm ông Hạo quên đi được cô Thương. Cô hay mặc cái áo sát nách bằng vải hoa mỏng, vừa hát vừa kéo nước bên giếng nắng. Chiều tối, cô ngồi duỗi chân dài, nấu cơm, bên bếp lửa, làm ông có cảm tưởng hai người đang lạc vào hang sâu, chung quanh không tiếng người, duy chỉ tiếng lá dừa rơi mới làm ông tỉnh mộng...

Cứ thế, không ai đá động đến cô Thương, kể cả thằng Lâm, thế mà mấy hôm trước, hai cô cháu nó còn cười rĩ rượi ra với nhau, rồi đâu xa, mới hôm qua, Lâm còn ở với ông đến khuya, ra cổng còn hỏi ông: "Cô Thương hay đi chơi, ông nhỉ?". Phải đến khi đặt mâm cơm xuống bàn, Ngọc mới cười: "Cái cô Thương gì đó đi đâu rồi, hở ba?". Ông Hạo lừ đừ: "Ba làm sao biết được?". Ngọc so đũa, cấm cản: "Thế chừng nào cô ấy mới đi?". Ông Hạo đáp cụt lủn: "Không biết!" Anh con rể buông tờ báo, ra dáng ông chủ, bảo: "Thôi ăn cơm đi nào, mời ba!".

Mọi người ngồi vào bàn, không khí nặng nề không giống mọi bữa cơm con cái về thăm. Và ngay lúc Ngọc mở lời: "Chúng con muốn nói với ba..." thì cô Thương hiện ra ở cửa.

Trông cô đẹp và buông thả hơn mọi ngày, vẫn cử chỉ khoan thai như một con báo, cô khẽ cúi đầu: "Chào cả

nhà!", rồi nhìn anh con rể. Ông Hạo vội chỉ tay: "Đây là con gái và con rể tôi, còn đây là cô Thương!". Cô Thương lại mỉm cười, hướng về Phương - ba Lâm: "Vâng, chào anh!". Ông Hạo hỏi: "Cô ăn cơm luôn?". Thương lắc đầu: "Không, cảm ơn. Cả nhà cứ ăn, tôi ăn cơm rồi. ". Rồi cô đi ngang, cái xắc tay khế đụng vào ghế của Phương. Anh ta đang bần thần, nghĩ bụng: Trông cô ta vẫn thế.

Ông Hạo thấy nhẹ cả người, chẳng còn giận dỗi gì cả. Nghe tiếng kéo nước, ông muốn cản cô Thương: "Nghỉ tí đã hãy tắm, không cảm!". Ông bảo con gái: "Để ba xuống lấy quả ớt!" Lâm bảo: "Ông để cháu lấy!". Ngọc nói thêm: "Ông ngồi đi, để thằng Lâm nó đi lấy!". Lâm xuống nhà, mở trạn, nhón một trum ớt hiểm, rồi đi nhanh ra giếng, thấy cô Thương gội đầu, tóc đen dài, gáy trắng muốt, cái áo thun xanh rộng cổ, Lâm quên mất mình định nói gì, chỉ đỏ bừng mặt quay vào nhà.

5

Ông Hạo đã ngủ, miệng người già lập bập theo hơi thở. Ngọc nằm cong queo trên đi văng như một kẻ không nhà, không cửa nơi vỉa hè. Phương bỗng lại thấy vợ xấu kinh khủng và cô ta ngày càng giống mẹ, cũng lẩm lỏi, đùa nhạt, sống từ năm này qua năm khác, tíc tắc, tíc tắc, đơn điệu như đồng hồ.

Phương xuống nhà ngang, chân chừ nơi cửa phòng khép kín. Thương có lẽ đang ngủ, tóc chắc vẫn xoã đen phủ gối. Anh nhớ cô có dáng nằm bình thản như trên đồng hoa, thở nhẹ nhàng đến nỗi, đã có những lúc anh

giật mình, giữa đêm khuya, khế lay cô, để chắc rằng cô còn sống... Những ngày ấy đã lâu rồi, thế mà cô trông vẫn thế. Anh biết cô dễ dãi và anh chỉ là kẻ tranh thủ cái cách sống "như Tây" ấy của cô trong đợt công tác miền Tây ngắn ngày, cứ tưởng thế là đặc sách, ngờ đâu đó cũng chỉ là trò giải trí của cô, chính cái cách cô chia tay đã làm anh tổn thương, cô đứng đưng như thế anh là "gái điếm" không bằng, đã đến lúc cô chán rồi, cô bỏ rơi anh vậy. Ngày ấy, điều duy nhất an ủi Phương, là cho đến phút cuối, anh vẫn nói dối được là mình chưa có vợ. Thế rồi lại băn khoăn, lại không hiểu điều đó có giá trị gì với cái con người lang bạt ấy không mà lấy làm ăn ủi?

Phương cứ nhớ và nghĩ lẫn lộn như thế trước phòng Thương, nhưng ngay lúc anh định gõ cửa thì Thương bước ra, cô cười láu lỉnh, bảo: - "Ồ ồ, gan quá, lên nhà ngay, vợ dậy rồi kia!". Theo bản năng, Phương nhón nhác quay đi, rồi thấy mình lố bịch, anh quay lại, khế gắt: "Sao em ở đây?". Thương đứng chống nạnh ở cửa, tóc xổ tung, dáng khiêu khích: "Yên trí, không phải để tìm anh!". Có tiếng Ngọc ho trên nhà, Phương vội vàng: "Anh xin lỗi đã nói dối em, khi ấy, anh và vợ anh...!". Thương xua tay: "Ồ, không sao, không sao, có hay không thì đã có sao!". Rồi bất giác cô cười thật to, thật dài. Phương hoảng hốt giơ tay như muốn bịt miệng cô rồi anh vội chạy đi, vòng qua hông nhà bước thẳng ra vườn xa, vừa đi vừa lấy chân đá mấy quả dưa diếp rụng trên đất trắng.

Cả nhà đều thức giấc, Lâm đang chặt mấy bụi cây đại sau nhà vội xách dao chạy về, nó không hiểu cái gì làm cô Thương vui thế. Ở cửa bếp, Lâm thấy cô đang búi tóc, mắt long lanh, cô vẫy Lâm đến gần, dặn: "Ai hỏi, nói

cô cười với Lâm nhé!". Lâm khẽ gật đầu, đúng lúc mẹ nó bước xuống, mặt dăm dăm. Cô Thương rất dịu dàng, hơi cúi đầu: "Xin lỗi..." Ngọc đưa mắt nhìn con, Lâm bảo: "Tại con... tại con đùa...". Ngọc quát lên: "Lên ngay!". Thế là hai mẹ con, mẹ lùn con lêu đêu nối nhau lên nhà.

Chiều đó, cô Thương đi, cũng vắn cái túi du lịch to, vắn bộ quần áo như hôm mới đến. Ông Hạo như già sọm đi, một mực xác nhận chủ sở hữu căn nhà này là của ông, và cô có thể ở đây bao lâu tùy thích, Ngọc nó không có quyền gì với cô... Nhưng cô Thương chỉ cười, bảo: "chỉ tại em mới móc nối được một chuyến đi xa, chứ có gì đâu hả bác?".

Lâm bảo: "Để cháu đưa cô ra bến xe!". Nó đòi bỏ túi du lịch ra đằng trước để được ngồi gần cô hơn. Cái xe Honda lên dốc, xuống dốc giữa trời chiều, dưới kia, biển bao la, vô tâm. Cô Thương ngồi sau xe, lặng lẽ nhìn cái gáy non nớt của Lâm, loại tình cảm trẻ trung như cây non này đã bao nhiêu năm rồi cô chưa gặp lại? Cô thấy hình như mình sắp phiêu lưu rồi đây, sắp ú tím rồi đây. Lưỡng lự mãi, đấu tranh mãi, cô dặn: "Cô chưa về ngay đâu. Cô đến khách sạn Hồng Hoa, chiều mai nếu rảnh, Lâm đưa cô đi chơi biển?" Lâm bảo: "Vâng! mấy giờ?"

Chiều hôm sau, Lâm tới, năm giờ. Người ta bảo cô Thương đã đi rồi. Cô cũng mới đi thôi, lúc đầu có gửi cái thư rồi sau lấy lại... Và họ khuyên Lâm đuổi theo nhanh lên, nếu Lâm chạy nhanh thì may ra còn kịp...

25-12-1994

Cầu thang

Nguyễn Thị Thu Huệ

Một. Hai. Ba

Một. Hai. Ba.

Cứ bắt đầu đến chỗ rẽ là Trân lẩm bẩm đếm. Ba tầng gác đầu, cô còn đếm được một cách không dứt quãng. Tầng gác thứ tư. Trân hơi dừng để thở. Một .
..Hai... Ba.

Tầng năm. Chỉ còn tiếng thở.

Cổ họng Trân khô đắng và như bị cứa.

Còn những hai tầng nữa mới đến phòng làm việc. Trân cúi đầu, cố gắng bước lên và tự ghì hơi thở của mình cho khỏi bật ra.

Còn nhớ, hôm chọn phòng làm việc này, mấy đồng sự thắc mắc: Chị Trân, sao chị đồng ý mình ở tầng bảy, mà thang máy hay hỏng, chị biết rồi đấy.

Trân cười. Họ đâu biết là cô chỉ được cảm thấy mình là mình nhất khi đi ở những bậc cầu thang. Bao giờ bên trong những cánh cửa cuối cầu thang kia cũng là sự bất ngờ. Cuộc sống thời hiện đại, tìm phút tự do cho mình khó quá.

* * *

Đường lên nhà anh cũng qua sáu mươi tám bậc thang gỗ. Cầu thang hẹp, nhiều chỗ gỗ mục cho nên Trân phải đi dè dặt. Không bị cảm giác càng lên càng mệt mỏi như phòng làm việc hàng ngày. Qua sáu mươi tám bậc gỗ (có khi là sáu mươi bảy hay sáu mươi chín bậc) đấy là anh.

Để đến được sáu mươi tám bậc cầu thang, Trân phải đi qua một ngõ dài hun hút. Đầu ngõ là một hàng phố. Họ bán chui bán lủi nên phải giấu mỗi nơi một thứ. Bánh phở thì treo lủng lẳng ở giữa ngõ. Cuối ngõ thì có hai chậu linh sinh nước và những chiếc bát nổi cùng hành, ớt và váng mỡ. Và đặc biệt, chỗ tin tưởng nhất (dù đông người qua lại) có một con chó Nhật đen vì bản, một con mèo mắt long sòng sọc hay ngồi thì họ để gà. Những con gà công nghiệp béo căng nứt toác cả da, dòng nước mỡ ứ ra, chảy rì rỉ xuống bậu cửa, nổi sang bậc cầu thang thứ sáu. Bao giờ đến anh, Trân cũng gặp những con gà béo căng phao câu chống lên trời với những cái cổ cụt. Hai cánh nó sải ngang ra vẻ thách đố. Cảnh đấy là chú mèo ngồi ngay ngắn, liêm khiết vô cùng.

Cái gì chờ Trân ở cuối những bậc thang gỗ kia.

Lúc nào cô cũng tự hỏi mình điều ấy. Hành trình một ngày cô Trân thật đơn giản. Sáng. Leo đủ bảy tầng gác, đủ để nhiệt tình - nản chí và lại nhiệt tình. Các cuộc họp. Các khuôn mặt tưởng như thân với mình lắm nhưng chỉ để nói những câu chuyện vô thưởng vô phạt nhất. Rồi Trân sốt ruột. Buổi trưa về ăn cơm. Buổi chiều. Leo đủ bảy tầng gác để rèn nghị lực và rồi, đến anh, qua sáu mươi tám bậc bậc gỗ.

Bao giờ cũng thế. Anh luôn ở những trạng thái không lặp lại. Dù có cố đoán già đoán non chưa bao giờ Trân đoán đúng. Lúc Trân tưởng giờ này anh phải ngủ, thì anh lại kì cách chữa máy nước. Lúc tưởng anh ăn cơm thì đến bậc sáu mươi một cầu thang gỗ Trân nghe thấy anh hát vọng lên một bài gì đó. Anh thích hát karaôkê mà. Luôn luôn bất ngờ. Nhưng cái sự bất ngờ đó chẳng mới mẻ gì, chỉ làm Trân mệt mỏi hơn. Nhưng rồi, tất cả mọi chuyện lại xảy ra, lặp lại và như một thứ nạp điện cho Trân. Cô lại thấy ở anh điều gì đó để chạy xuống sáu mươi tám bậc thang và mong chờ ngày mai. Để lại chạy lên sáu mươi tám bậc đến với anh.

* * *

Chiều nay. Thay vì việc Trân mê mải đi trên đường, đầu óc tưởng tượng ra lúc đến với anh sẽ thế nào thì cô ở lại cơ quan. Tầng bảy lộng gió chiều. Dưới sân. Tất cả nhuộm một màu đỏ của mặt trời hắt sáng. Phía xa. Thành phố đã sáng đèn. Người đi lại thưa thớt. Chỉ có gió. Gió bốn bề từ phía. Tất cả lạnh ngắt. Trên chiếc bàn hình bầu dục là chiếc gạt tàn đầy những mẩu dầu lọc. Mẩu thì bị dí xuống bẹp dúm đó. Mẩu thì sẫm lại vì người hút có thói quen nhúng vào nước trước khi châm lửa. Rồi cốc, chén. Chiếc nghiêng chiếc thẳng. Vừa qua một cuộc họp. Người nọ nói người kia ngu. Người kia mắng người nọ hồ đồ. Suy cho cùng, tất cả, sau đó, để làm gì?

Họp xong. Mọi người hối hả thu gọn những gì là của mình tay xách nách mang, lao vút xuống bảy tầng

cầu thang, lên những chiếc xe máy và tóe ra các ngã. Mọi chuyện, chắc rơi rớt đi trên đường. Có một người đàn ông đứng lại. Người đàn ông cùng phòng của Trân. Cuộc họp vừa rồi, anh chủ trì, anh tung vấn đề ra, để mọi người bàn luận và anh chốt lại. Ngày mai anh lại chuyển vào làm đặc phái viên ở Sài Gòn. Anh chẳng ở đâu đó cố định. Anh đến bên Trân, cười như thể chưa có cuộc họp vừa rồi, bảo: Trân này. Anh đi đợt này cũng khá lâu. Em có nhận xét gì về cuộc họp hôm nay không?

Trân lắc đầu: Mọi cuộc họp đều thế. Có cảm giác là sắp thay đổi, nhưng sự thực, đâu lại vào đấy.

Anh cười: Em thông minh lắm. Anh có cảm giác, chúng ta tạo ra những điều may rủi và chính chúng ta gọi nó là số phận.

Trân đứng tựa lan can. Gió lùa mênh mang. Gió trải ra vô cùng vô tận.

Anh im lìm hút thuốc. Rồi anh giơ tay nắm lấy bàn tay Trân. Bàn tay anh bóp mạnh tay cô. Hơi ấm từ bàn tay đó truyền sang làm cô rung mình. Anh lại nói: Em có đoán được số phận em không? Trân nhìn anh, khẽ lắc đầu: May rủi đến với em là do người ngoài mang lại chứ em không tự tạo ra nó. Rồi Trân hỏi: Thế còn anh?

Anh cười nhìn xuống dưới sân. Đằng sau bức tường rào là đường đi làm. Đằng sau con đường đó là mặt hồ phẳng lặng. Anh thì thào: Đoán làm gì. Người ta bảo anh chỉ sống được một năm rưỡi nữa. Ba trăm sáu mươi lăm ngày cộng một trăm tám mươi ngày. Ngày nào dài lắm là như hôm nay. Còn ngắn hơn giống hôm qua. Sau tất cả sự ngắn dài đó, là mặt đất, giun dế, sâu bọ. Là các luồng nước triền miên chảy dưới lòng đất mà khi

chôn một ai đó xuống, họ bảo chỗ người đó nằm có long mạch.

Trân mở sững mắt nhìn người đàn ông mà hàng ngày cô gặp, cùng công việc và chẳng bao giờ nghĩ họ lại có lúc đứng với nhau như thế này. Tại sao là một năm rồi nữa?

Người đàn ông cười như mếu: Anh là sống lâu nhất so với những người đàn ông trong họ. Bố anh chết trận. Anh cả bị đụng xe. Em anh cảm nhập tâm. Người ta bảo, đáng lẽ anh phải "đi" từ lâu rồi.

Trân rùng mình, bỗng thấy người đàn ông bên mình có cái gì ma quái. Cô bỗng thấy rét. Rét không phải vì gió lộng của những ngày cuối đông mà lạnh ngắt từ trong ra. Suy cho cùng, những điều anh nói cũng có lý. Anh vẫn triền miên kể, như vào luồng vào mạch. Anh vẫn còn nhớ ngày anh cả chết. Họ bảo anh cả chết trùng. Đưa anh cả về quê. Đến nghĩa trang làng, mẹ anh mua được một chỗ đất ngay bên đường cái. Có sẵn một cái huyệt lớn với nhiều bậc thang dẫn xuống. Càng xuống sâu càng nhỏ dần. Anh còn bé. Có hiểu chết là gì đâu. Anh chạy lăng xăng mọi người. Anh thấy các cụ trong họ bê ra những bát máu đỏ tươi và nhiều người khác bê những cây trúc được vót nhọn. Họ khoắc một đầu cây trúc vào bát máu. Anh hỏi: Máu gì đấy chú. Ông chú quát: Máu chó đen. Anh lại hỏi: Để làm gì? Ông chú trợn mắt: Để cấm đường anh mày về bắt nốt chúng mày. Xê ra, hỏi lắm thế. Không ra kia mà khóc anh đi, chốc nữa hạ huyệt rồi. Trân rùng mình, nhìn sang người đàn ông. Chợt thấy gần vô cùng mà cũng xa quá.

Người đàn ông rút thuốc ra hút. Khói thuốc hơi quẩn lại rồi tản loãng ra. Có cảm giác nó mỏng và nhẹ như linh hồn sau khi lìa khỏi xác.

Trân nhìn người đàn ông, giọng khàn đi: Anh kể với em mọi chuyện để làm gì?

Anh lắc đầu, rút thuốc mạnh. Hai đụn khói từ mũi anh bay ra: Chẳng để làm gì cả. Tự nhiên anh muốn nói chuyện với em. Anh ít khi tâm sự với ai lắm.

Trân hỏi: Vợ anh chẳng hạn?

Anh cười, một nụ cười khó tả nhưng đủ để Trân hiểu rằng vợ anh ta là một cái gì đó anh cần phải có nhưng có cũng chẳng giải quyết được việc gì ngoài sự mệt mỏi.

Anh nói: Em phải thoát ra khỏi cuộc sống này đi. Đời người ngắn ngủi lắm. Em đã không thích cái gì thì cố gắng đừng làm mà phí thời gian, phí sức.

Trân hỏi: Tại sao anh biết?

Anh cười: Nhà anh đối diện với nhà người ấy. Có lần, anh thấy em khóc từ nơi đó ra. Rồi hôm sau, anh lại thấy em đến. Lúc về, có khóc nữa hay không thì anh không biết. Đúng không?

Trân gật nhẹ, người lại rét lên một cơn.

Anh nhẹ nhàng: Mọi cuộc tình đều thế cả. Hôm nay cứ hy vọng ngày mai khác hơn. Và cứ cố tìm cái này để bào chữa cho cái kia. Nhưng suy cho cùng, giống nhau cả.

Trân hỏi: Vì thế nên anh cứ đi đi về về?

Anh gật: Rồi chỉ tay xuống dưới sân: Em nhìn kia.

Trân nhìn xuống. Có một người đàn ông lao vút vào sân để xe và chạy lên. Người đàn ông đó ở phòng tôi. Anh châm thuốc và cười tủm tỉm. Có tiếng chân chạy

lên thang gác. Tiếng thở. Và ông ta hiện ra, tóc dựng đứng ở mái, bụi làm tóc ngả màu ghi đất. Ông ta sững lại khi thấy Trân và anh. Rồi cười bả lả (khuôn mặt khác hẳn cuộc cãi cọ quyết liệt lúc trước về việc phân chia lợi nhuận và trách nhiệm): Ô, các bạn chưa về à?

Trân hỏi cho có chuyện: Sao anh Khoa quay lại?

Người đàn ông tên Khoa chạy vụt vào trong phòng, thoảng cái mang ra một chiếc biến thế nhỏ, dứ dứ: Quên cái này. Tôi mua nó hơn triệu bạc để giảm điện đây. Mọi đường điện qua đây, coi như tắc luôn. Không có nó. Mỗi tháng hai, ba trăm nghìn thì ồm. Dùng dăm tháng coi như hòa vốn.

Rồi lút cút chạy xuống đây về hơn hở, sung sướng như cả thế giới thu lại trong chiếc biến thế dùng để ăn cắp điện.

Anh nhìn xuống sân. Trân cũng nhìn xuống sân. Người đàn ông tên Khoa gói gém kỹ càng chiếc biến thế, rồi phóng vút đi.

Anh cười: Đằng sau tất cả những gì quyến rũ của tình yêu, của những lời có cánh là cái đó đấy. Vì có cái đó, người ta mới sống được. Đừng thi vị bất cứ điều gì.

Trân nhìn người đàn ông: Vậy em phải làm gì?

Người đàn ông nhìn Trân. Rồi anh tựa người vào tường. Nhìn ra xa. Bóng tối âm thầm buông phủ, bảng lảng sương khói. Người đàn ông đứng bên Trân. Ôm lấy cô, thì thào: Em chẳng phải làm gì cả. Em nhắm mắt lại và đừng nghĩ đến đạo đức.

Trân nhắm mắt và tìm cô đập rộn ràng.

Môi cô bỗng khô ran, như muốn nứt ra vì bỏng. Cô thấy nóng toàn thân. Rồi cô chợt chùng người xuống khi

đôi môi người đàn ông đặt lên môi cô, cũng nóng bỏng và cuống quýt.

Hai người hôn riết nhau. Bên dưới. Đèn các nhà bật sáng. Gió lùa réo rắt. Và bỗng nhiên, họ như bay lên những tầng mây. Dưới kia là cuộc sống, là bon chen giằng giật là mưu đồ này nọ...

Rồi họ cũng buông nhau ra.

Trân ngượng ngùng đưa tay chùi môi một cách bản năng.

Người đàn ông châm thuốc hút. Im lặng.

Rồi người đàn ông nói, giọng khàn đi:

- Em đừng tìm những thứ em muốn. Cố gắng lắm thì em sẽ được một chút, một chút thôi là quý lắm rồi. Anh làm như vừa rồi là để em thấy, nếu em chỉ bị ràng buộc thể xác với anh ta thì sự ràng buộc ấy mỏng manh vô cùng. Em cũng đã xúc động với anh hơn xúc động với anh ấy vì anh mới hơn. Có nghĩa là chỉ nên cố yêu ai đó bằng tinh thần thôi, chứ còn vì thể xác, chóng chán lắm em bé ạ.

Thôi. Anh đi đây. Ngày sống của anh còn ngắn lắm.

Người đàn ông đưa tay bóp vai Trân. Cô lại rung mình, sự rung mình của một thể xác hồi sinh. Thể xác đàn bà.

Cô nhìn ra xa. Và nghe tiếng chân xuống cầu thang nhỏ dần.

Lại những bậc cầu thang. Chỉ lên hay xuống quanh quẩn trong một ngày, một tháng, một năm và một đời người. Leo lên thì khó. Càng cao càng chậm. Mà xuống thì nhanh quá.

Tối từ lúc nào. Trân không thấy người đàn ông ấy

đi ra. Bất giác, cô lấy tay đặt lên môi. Cảm giác nóng rẫy rần rật như bốc từ trong ra. Cả người Trân rung mình và cô như phát điên lên.

Trân chạy lao xuống cầu thang. Như để trốn chạy khoảng trống gió lửa hun hút của tầng bảy. Lại như chạy đuổi theo người đàn ông đếm thong thả những người còn lại của đời mình nhưng vẫn hôn rất nồng nhiệt.

Rồi một người chạy va vào Trân.

"Ô cô Trân. Cô lẫn thân ở đây làm gì? ". "Thế còn anh?". "À, tôi quên cái phong bì?". "Không. Tôi có sẵn một tập phong bì. Trong đó có năm mươi nghìn. Cứ tối nào đi em út, tôi phải thủ một cái để đem về còn đưa cho mẹ béo, bảo là đi họp được tiền". Nói rồi ông ta cùn cút chạy lên cầu thang với đầy niềm phấn chấn. Thế mới hiểu, sau những giờ mà người ta buộc phải tỏ ra công chức, họ dễ dàng tâm sự những điều thầm kín với nhau hơn. Và lần đầu tiên, Trân thấy ông ta không phải là ông ấy trông vẻ trịnh trọng, đạo mạo và đứng đắn.

Rồi đứng ở sân. Gió vẫn lùa qua tai. Gió vẫn lồng lộng bốn bề. Trân nhìn lên. Sau tầng bảy là trời. Ở đấy là những vì sao. Những số phận.

* * *

Một.

Hai.

Ba.

Những cây trúc quyết vào máu chó cắm quanh ngôi mộ của người chết trùng để người ấy hết đường về dù lúc sống, người ấy tốt vô cùng. Cả họ bây giờ sợ người

ấy vì người ấy có thể về bất di bất cứ ai mà lúc sống,
người ấy yêu quý.

Năm.

Sáu.

Những con gà béo cụt đầu chống mông lên trời.
Gần đây là một con mèo ngồi ngây ngất.

... Hai tư.

Hai năm.

Người đàn ông hôn như điên những vẫn không
quên những ngày được sống.

... Ba bảy.

Ba tám...

Ba chín...

Những dự án hợp tác với nước ngoài với số vốn
hàng tỉ đô la và chiếc biến thể con để ăn cắp điện.

... Bốn hai.

Bốn ba...

Những chiếc phong bì có sẵn để lấp liếm những
cuộc tình vụng trộm...

Sáu sáu.

Sáu bảy...

... Và sáu mươi tám...

2.1996

Chú Nghoẹo

Y Ban

Mẹ tôi là một người đàn bà nông dân thuần chất. Bà lấy con một ông đồ nho hàng xã sinh được chín chị em chúng tôi. Tám anh chị em đầu đều tròn vành như trăng rằm, còn một chú út trời không thương nốt nên chú cũng thành người nhưng không tròn vẹn. Chú hiền lành như cục đất, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ ngoẹo cái đầu cười. Mẹ không đặt tên cho chú, chỉ gọi là thằng Ngoẹo, cả nhà gọi theo thành tên.

Lúc mẹ sinh đến tôi vào đúng ngày cách mạng tháng Tám thành công, là đứa con thứ tư thì bố tôi đi thoát ly. Nhà chỉ còn mẹ tần tảo nuôi những đứa con khôn lớn. Rồi cho đến chú Ngoẹo là thứ chín là những khi cha đi công tác ghé qua hoặc những lần cha về phép. Thỉnh thoảng cha cũng gửi về cho mẹ đồng quà tấm bánh gọi là, còn đâu là sức mẹ nhọc nhằn trên đồng ruộng. Chúng tôi như cây lúa trên cánh đồng của mẹ. Cha về bảo với mẹ khổ mấy cũng cho chúng nó ăn học. Mẹ gật đầu. Mẹ tần tảo hơn.

Chúng tôi như lũ cá mè một lứa, ngày anh cả đi đại học thì cô tám học lớp bốn rồi. Chỉ có Ngoẹo vẫn ngồi một chỗ cười và chả ai tính tuổi chú cả. Rồi đến anh thứ hai đi đại học, 6 chị em còn lại thấy rằng cái sự học

hành là cái đích để vươn lên và cũng không còn là điều không tưởng. Nhà nông nghèo, một buổi đi học, một buổi làm đồng còn buổi tối lao vào học, thế là mọi việc nhà dốc lên đôi tay mẹ.

Buổi sáng mẹ dậy từ bốn giờ thổi cơm cho cả nhà, rồi đun cám lợn, cám gà.

Gà gáy tàn canh mẹ đánh thức cả nhà dậy. Chúng tôi ngồi vào mâm cơm cả rồi thì mẹ lại bón cho Nghoẹo ăn trước. Chú vừa ăn vừa ngả vào lòng mẹ ngật nghẹo, rồi chú cười. Chú gọi "U ơ". Lúc bình thường thì chú rất sạch sẽ. Mặt chú hiền lành và đôi mắt thì ngây thơ trong trẻo. Những lúc chú cười chú ngả vào lòng mẹ và gọi "U ơ" thì mặt chú méo mó và dốt dãi chảy ra dề dề. Tay chân chú của của rồi rít. Mẹ vội ôm chặt chú vào lòng "U biết rồi, biết rồi, con thương u nhất. U cũng thương con nhất. Thằng út khốn khổ của mẹ". Chỉ cần mẹ ôm chú vào lòng thì chú sẽ trở lại bình thường. Mặt chú lại thanh thản và hiền lành. Đôi mắt ngây thơ trong trẻo.

Chị em tôi cũng thương chú nhưng thấy mẹ vất vả quá thành ra lắm lúc ghét chú. Có lúc nào mẹ nhìn thấy chị em tôi không phải với chú, mẹ rầu rầu bảo "Chớ có ghét bỏ em, nó gánh hán, gánh hạn cho cả nhà này để chúng mày được lành lặn, ăn học cho nên người tử tế đấy". Càng lớn lên chúng tôi càng ngấm dần lời mẹ nói nhưng cha thì không thể nào chấp nhận lý luận của mẹ. Cha ghét chú Nghoẹo ra mặt. Mỗi bận cha về nhà có quà cho cả nhà thì riêng phần chú không có. Nhưng chú cũng chẳng lấy thế làm buồn. Chú nhìn cha bằng đôi mắt đầy vẻ ngây thơ và nét mặt hiền lành nhất. Chú cũng chẳng làm nũng mẹ như mọi khi. Chú

ăn uống sạch sẽ rồi ngồi vào góc giường nhìn mọi người bằng ánh mắt không tuổi của chú.

Chị em tôi lần lượt thoát ly cánh đồng của mẹ để ra tỉnh với những ngành nghề thành đạt nhưng phần đời không phải ai cũng được suôn sẻ cả. Trong đó có tôi là phận gái với đoạn tình lận đận. Tôi không có chỗ bầu vịu ở nơi thị thành nên quay về cánh đồng mẹ. Về nhà, gặp phần đời còn lại của mẹ lại càng chán nản hơn. Cha tôi nghỉ hưu, có một căn hộ trên thành phố muốn mẹ tôi lên đó để đỡ phần vất vả. Nhưng mẹ dứt khoát không chịu. Cha tôi thương mẹ nên về quê sống với mẹ. Phần kinh tế của cha mẹ và chú Nghoẹo ở quê bây giờ khá giả lắm vì mấy anh chị lớn tôi rất thành đạt gửi về, nhưng mẹ vẫn tần tảo như xưa. Sáng mẹ vẫn dậy từ 5 giờ sáng nấu cơm, nấu cám rồi đánh thức cha và chú Nghoẹo dậy. Mẹ dọn cho cha một mâm cơm, rót rượu rồi ngồi bên cho Nghoẹo ăn. Nghoẹo đã quen với cha ở nhà nên lại làm nũng mẹ, chân tay chú co rúm lại, mắt chú trợn ngược lên, mồm chú méo xệch dài dớt chảy dềo dềo "U ời con thương u lắm". Trí óc chú cũng phát triển theo năm tháng. Cha dần rót rượu xuống mâm rồi bỏ ra ngoài bờ ao ngồi. - Của tội, của nợ. Cha lắm bầm một hồi cho nguôi ngoai. Mẹ biết ý ngăn chú Ngoẹo mỗi lúc chú muốn tỏ tình cảm với mẹ. Mái tóc mẹ ngày một bạc dần thì tình cảm của chú Nghoẹo ngày càng tăng, mà mỗi lần chú tình cảm với mẹ thì cha lại buồn bực lắm nên mẹ chuyển chú vào buồng. Chú âm thầm ngồi trong buồng suốt ngày lủi thủi. Thỉnh thoảng thấy chú cười, nhìn vào thấy chú đang bắt nết. Những bông nắng tròn như quả quất chui qua mái rạ xuống chiếu.

Tôi không hiểu tình cảm của cha thế nào. Cha kín đáo ít thổ lộ. Tôi không hiểu tại sao cả nhà đều thương Nghoẹ mà cha lại không thương. Có lần tôi lân la hỏi cha, cha chỉ bảo - "Nhân đạo là tự sát. Người không ra người, ngợm không ra ngợm, biết gì mà thương với xót kia chứ. Để mà thương những đứa lành". Tôi nghĩ chắc cha ích kỉ chỉ muốn mẹ dâng hết tình cảm cho cha. Chính những tình cảm trái ngược của cha và Nghoẹ như thế làm cho lòng mẹ càng thêm. Mẹ cứ âm thầm khóc. Mẹ muốn cha vui nên mẹ phải dấu tình cảm của mình với Nghoẹ. Mẹ chăm sóc bữa ăn của cha cho ngon lành, đầy đủ. Phần mẹ, mẹ dấu vào tay nải để cho Nghoẹ nhớ mai kia mẹ chết.

Tôi trở về nhà mang nỗi đau của phần đời con gái không san sẻ được cùng ai thì gặp lúc cha mẹ và Nghoẹ đang buồn khổ vì định mệnh. Tôi vào buồng ngủ với mẹ, ôm tấm lưng gầy của mẹ mà lần lữa không dám thổ lộ cùng mẹ nỗi đau của mình. Ở trong buồng thấy mẹ chăm sóc Nghoẹ mà càng thương mẹ. Nhân ngày cha đi vắng, tôi đưa Nghoẹ ra trái hè ngồi bắt chấy bắt rận cho. Lúc đấy tôi mới biết trên đầu Nghoẹ có tóc bạc rồi. Nghoẹ không có tuổi nhưng thời gian vẫn cứ tàn phá cơ thể tật nguyên của Nghoẹ nhiều hơn. Tôi thương thân, thương em nước mắt rơi lã chã trên đầu Nghoẹ. Nghoẹ quay lại nhìn tôi một hồi rồi Nghoẹ lên cơn yêu thương như với mẹ "Thảo ơi, Nghoẹ thương chị lắm". Tôi ôm Nghoẹ kể lể nỗi đau. Tôi bảo Nghoẹ "Nghoẹ ơi, chị chỉ muốn chết thôi". Nghoẹ bảo "Thảo đừng chết, con chó nó còn muốn sống để ăn cứt nữa là. Về nhà với u, u thương chị, Nghoẹ thương chị là được". Nghe Nghoẹ nói, tôi bỏ ý định

chết. Nếu tôi chết, tôi diết luôn cả một sinh linh nữa đang muốn sống trong tôi.

Tôi mang lời khuyên của Nghoẹo ra đi để sống. Tôi tiếp tục công việc thành đạt của mình để dè bẹp dư luận lên án tôi với cái tội không chồng mà lại có con. Sẽ dễ dàng hơn nếu tôi cứ ở nhà với u với Nghoẹo nhưng cha tôi đã buồn khổ vì Nghoẹo quá rồi. Cha tôi mong cho Nghoẹo chết đi thì Nghoẹo cũng đỡ khổ hơn. Tôi cũng chẳng nói lại cho cha cái lời khuyên của Nghoẹo với tôi ngày nào. Nếu cha hiểu được thì cha đã hiểu rồi.

Tôi sinh con, một bé gái tròn trĩnh như trăng mười sáu. Tôi viết thư về cho mẹ nhưng bảo dấu đừng cho cha biết. Mẹ nhờ cô bé hàng xóm viết thư cho tôi "Mẹ không đến với con được vì thằng Nghoẹo".

Tôi càng hiểu mẹ hơn khi con gái tôi ngày một lớn khôn. Nó hiểu tình yêu của tôi với nó nên nó yêu tôi vô hạn. Tình yêu của hai mẹ con tôi với nhau lấp đầy vào khoảng trống của cả hai người.

Cha tôi mất trong nỗi buồn khổ mà chính vì người đa mang không trút bỏ được. Mẹ tôi khóc hờ chồng: ông ơi, đáng ra đời ông sướng mà ông lại không sướng. Ông cứ âm thầm buồn khổ làm gì. Có chín đàn con, tám đàn thành người tử tế có hiếu có thảo. Còn có nó, sao ông lại ghét bỏ nó để mang sâu vào thân. Ông chả xem người thiên hạ đó, để ra thành người tử tế mà lại thành ma thành quỷ để người đời cười chê. Còn nó, nó lành như củ khoai, củ sắn, mà nó lại biết thương cha thương mẹ lắm. Ông sướng mà chẳng biết mình sướng đó thôi. Nay ông chết đi rồi cầu cho ông được siêu thoát đừng mang thù mang ghét vào con người ông nữa ông ơi".

Cha mất rồi lưng mẹ gập lại, chân tay mẹ chậm chạp, run rẩy. Ai cũng ngỡ mẹ sống chẳng được bao lâu nữa. Nhưng mẹ vẫn cứ sống như mặt trời cần mẫn chiếu rọi cho trái đất. Mẹ không nuôi lợn và cấy ruộng nữa nhưng mẹ vẫn dậy sớm thổi cơm cho chú Nghoẹo ăn. Cha chết rồi nên chú Nghoẹo cứ lẻo đẻo theo mẹ. Mẹ đi đâu chú tha thân theo đó với gương mặt hiền lành và đôi mắt không có tuổi, chỉ có điều tóc chú đã bạc trắng như tóc mẹ. Mẹ và chú Nghoẹo đều không chống lại được sự tàn phá của thời gian.

Rồi chú Nghoẹo chết. Chú chết rất thanh thản khi lên cơn yêu thương mẹ. Hôm ấy hai mẹ con xuống bếp nấu cơm, chú cũng xuống tha thân bên mẹ. Cơm chín rồi mà đầu gối mẹ cứng quá không đứng dậy dọn cơm lên nhà được. Mẹ bảo chú kéo ít rơm rải lại gần bếp rồi ngồi ăn luôn ở dưới bếp cho ấm. Chú Nghoẹo cười rồi kéo rơm làm thành một cái ổ rất khéo. Mẹ bón cơm cho chú ăn.

Chú ăn ngon lành. Ăn cơm xong chú cười rất khoái chí rồi chú lên cơn yêu thương mẹ. Mắt chú trợn lên, đôi tròng mắt bỗng nhiên tích tụ bao nhiêu điều khôn ngoan và nó đã có tuổi. Tuổi năm mươi của một đời tạt nguyên. "U ơi, con yêu u lắm". Mẹ lấy bẫy không ôm được chú vào lòng như mọi khi mà chỉ vỗ về chú thôi. Chú nhắm mắt nằm yên trong cái ổ rơm bên cạnh lòng mẹ. Mẹ cũng thanh thản ngồi bên chú chờ đợi. Đến chiều mẹ đánh thức chú dậy thì mới biết chú chết rồi. Lúc đó mặt chú Nghoẹo thanh thản bao nhiêu thì mặt mẹ cũng thanh thản bấy nhiêu. Mẹ vuốt mắt cho chú rồi lẩm bầm" - Cũng một kiếp người con ạ. Chẳng biết rằng các anh chị con sung sướng hay con sung sướng hơn. Thôi con yên

phận con rồi giờ đến lượt mẹ đây. Mẹ mệt mỏi quá rồi, muốn nghỉ ngơi, mà phải sống vì con đó thôi".

Chú Nghoẹo mồ yên mả đẹp xong thì mẹ cũng mất. Mẹ thọ trên chín mươi tuổi, thọ nhất trong vùng. Theo tục lệ quê tôi, những người chết thọ trên tám mươi tuổi thì con cháu không ai được khóc cả. Chỉ có đàn sáo, hát chầu văn, hát chèo dò để đưa mẹ lên Tây Trúc. Con cháu vui vẻ cỗ bàn ba ngày để đưa tiễn mẹ. Ông trưởng họ luôn mồm nhắc chị em tôi không được khóc, nhà phải vui như hội. Ngoài cổng trẻ con tụ tập đông vui lắm. Khách khứa đến viếng thăm cũng chẳng muốn về ngôi lại góp vui. Tôi rơi vào trạng thái không kiểm soát được bản thân nữa. Tôi cười nói đi đi lại lại. Trong lòng tôi muốn khóc lắm, như một cái thác nước muốn vỡ ào ra cho thỏa thuê. Nhìn vẻ mặt các anh chị em khác của tôi cũng thế. Tôi chạy vào buồng của mẹ, tôi úp mặt xuống nơi mẹ vẫn nằm. Thay vì sự khóc thỏa thuê, tôi bỗng thiếp đi. Trong cơn mơ chân tay tôi co rúm như Nghoẹo, mồm tôi nhếch ra, mắt tôi trợn ngược. Hai tay tôi cưa cưa trước mặt "U ơi, con yêu u lắm". Mẹ bỗng ngồi dậy, chạy nhào đến ôm chặt lấy tôi "- U đây, u biết con yêu u lắm, thôi nào, đừng vậy nữa, tội lắm". Tôi thanh thản duỗi dài chân tay yên bình trong lòng mẹ. Chưa khi nào tôi cảm thấy mình được sung sướng đến vậy.

Ôi, giờ thì tôi biết chú Nghoẹo của tôi sung sướng đến thế nào rồi. Mẹ ơi, con sẽ không khóc. Con khóc, mẹ sẽ không yên lòng được phải không mẹ.

Tai tượng

Phạm Ngọc Tiến

Đó là một quán giải khát nhỏ nằm ở một phố khuất nẻo ngoại ô thành phố. Chẳng có gì đáng nói ở cái quán này cả, ngoại trừ người chủ của nó - một gã trung niên rất khó đoán tuổi, bởi bộ râu rậm rì của gã phủ gần kín nửa dưới khuôn mặt. Một khuôn mặt luôn lăm lờ, thách đố đầy vẻ bất cần và gây sự. Người gã vạm vạp và thật khó moi được ở gã một tẹo lời thừa nào, ngoài những gì cần thiết phải giao dịch mua bán. So với dung mạo, thì gã không phải là loại người tiết kiệm lời. Hẳn là gã ép mình như thế. Chưa một lần nào đến quán, tôi lại thấy gã rời khỏi vị trí.

Bao giờ gã cũng ngồi sát chiếc bể cá bằng kính. Cặp mắt gã luôn dán vào đó. Tất nhiên ngoại trừ những lúc gã phải làm bốn phận chủ quán của mình.

Tôi đến đây hoàn toàn không phải ý thích mà vì hoàn cảnh. Huyền chọn nơi này là điểm hẹn của nàng và tôi. Thường chúng tôi gặp nhau vào giờ gần trưa của mỗi ngày làm việc. Giờ đó, công việc nhiệm sở đã vãn. Đây là với Huyền, nàng làm tại cơ quan hành chính sự nghiệp chỉ rồi rỗi được vào buổi trưa. Chả bù cho tôi, thời gian là thứ tôi giàu có nhất trên đời. Tôi vốn là một

nhà văn ngoài biên chế, viết hợp đồng cho vài tờ báo nhỏ để kiếm sống.

Bao giờ tôi cũng đến trước Huyền. Chỗ của chúng tôi đối diện với chiếc bể cá đặt ở góc phòng.

Những cuộc gặp gỡ này kéo dài được vài tháng nên gã chủ rất hiểu khách hàng. Khi tôi đến, gã đang bất động bên bể cá. Không nói một lời, mắt không một tia chào hỏi, mặt không một thoáng biểu cảm, gã lặng lẽ đứng dậy, rót đầy một ly rượu thuốc, đặt trước mặt tôi rồi hí húi ra quầy pha tách trà nóng - thú duy nhất Huyền dùng ở quán này. Bao giờ cũng thế, khi gã đặt tách trà xuống bàn thì Huyền đến. Chính xác đến độ kinh ngạc. Sau đó, nếu không có khách hàng nào khác, gã lại về chỗ, mắt dán vào bể kính.

Hồi mới đến đây, tôi rất thắc mắc về thái độ của gã, sau thì vỡ lẽ, gã từng có một gia đình chứ không lông bông, cô độc như tôi. Nghe nói gã cũng đã làm đến một chức vụ kha khá ở một công ty lớn. Sau dính chuyện làm ăn mờ ám gì đó, nên bị tống vào tù bóc lịch mất ba năm, song điều đáng nói, chuyện vào tù của gã nằm trong kịch bản do chính vợ gã dàn dựng. Người đàn bà táo tợn kia đã thí gã để theo một người đàn ông khác, giàu có và quyền lực hơn. Ngôi nhà này, là chút ít sự thương tình còn lại của người đàn bà. Thị để cho gã sở hữu ngôi nhà. Chuyện đã xảy ra vài năm trước nhưng có lẽ còn hằn vết và ám ảnh nặng nề nên gã không thể nào quên được. Bởi thế gã luôn dán mắt vào chiếc bể với tất cả sự lạnh lùng và đam mê điên cuồng.

Tất cả là chiếc bể cá. Một chiếc bể cá kính trong suốt thông thường như những bể cá cảnh đang là một

thời thượng hiện nay của các công sở, nhà hàng và các gia đình khá giả. Thú chơi cá cảnh, bây giờ không còn độc quyền trẻ con nữa. Tôi còn nhớ như in chiếc bể cá bé tẹo của tôi hồi còn nhỏ, được ghép bằng những miếng kính thái - Dăm ba con khổng tước công vui nhộn. Đôi cá kiếm kiêu hãnh như những hiệp sĩ thực thụ của thời trung cổ còn sót lại. Chú thần tiên mang vẻ uyên bác của một họa sĩ nhân tản, hết thời... Rong rêu, đá cuội và những nhúm thủy trần vốn cục lua nhua... Nhưng chiếc bể cá của gã chủ quán thì khác. Tất nhiên nó cũng sang trọng, đủ hệ thống dưỡng khí như những chiếc bể cùng loại... Cái khác là cách chơi của gã. Trong chiếc bể kính, ngoại trừ con cá dọn bể đen mốc, mồm ngoác rộng dán chặt vào thành kính, trần sì chỉ có đôi cá tai tượng.

Tôi đã tìm hiểu, song không biết tại sao loại cá này lại có tên như vậy. Có lẽ chúng không liên quan đến loài cá cùng tên ở miền Tây Nam Bộ được nuôi để làm kinh tế.

Đôi cá sần sần bằng nhau. Cỡ một bàn tay vạt. Màu sắc của nó rất ma quái kiểu như loài bướm bướm ma, trong đó vằn vện xen kẽ hai gam màu chủ đạo đen và vàng. Đôi cá vạt vớ nhân tản trong bể. Chúng thuộc loài cá ăn thịt dữ tợn. Biết được điều này vì tôi chứng kiến.

Thông thường gã cho cá ăn vào buổi trưa. Đứng vào giờ tình tự của tôi và Huyền. Không nhìn ai, gã thả chừng dăm bảy chục con cá giống loại nhỏ vào bể. Đó là những con cá trôi hoặc trắm được vớt lên từ ao hồ nuôi cá ở ngoại ô. Thú thức ăn này của loài cá cảnh ăn thịt được đáp ứng tối đa ở chợ. Không biết gã mua từ bao

giờ, lúc nào tôi cũng trông thấy gã để riêng ở một cái công thủy tinh nhỏ đặt cạnh bể.

Đã thành quen, người ran lên, tôi nín thở nhìn lũ cá ngơ ngác khi chúng vừa được thả vào bể. Rất nhanh, bản năng bầy đàn giúp chúng tụ lại với nhau giạt vào góc bể. Đôi cá tai tượng lừ đừ nhìn những con cá nhón nhác vì sợ hãi. Với một vẻ lười nhác, chậm rãi, chúng uể oải dồn cá con sang góc bên kia. Miệng của cá tai tượng mím chặt. Khá khen tạo hóa sắp đặt. Khớp miệng của tai tượng khuyên xuống, khoắm vào khiến mặt cá khắc khổ và có phần hiền từ như mặt người già. Đã biết trước kết cục, nên bao giờ cũng vậy, đúng vào thời điểm này, tay tôi lần tìm tay Huyền. Ngón tay Huyền mảnh, dài. Bàn tay trắng hồng. Riêng những ngón tay điểm những lần gân xanh nhỏ chìm rất đẹp. Bạn đọc chắc lại khó chịu. Tưởng gì, cá lớn ăn thịt cá bé, lẽ tự nhiên là vậy, có gì mà phải bàn. Đúng thế, nhưng hãy nhìn cái cách thức thằn người, lòng đang chất chứa những ẩn ức riêng đầy thù hận kia, thực hành lẽ tự nhiên của hóa công mà xem.

Đôi cá tai tượng vẫn lừ đừ dồn đuổi. Gã nhìn vào bể cá cũng bằng một cái nhìn hệt như thế. Bất ngờ gã bật lửa châm một điếu thuốc. Không hút, gã giắt điếu thuốc vào tai bức tượng Thần Tài đặt ở cái bàn sát cạnh bể. Tượng Thần Tài kiểu cách như tượng ông Địa, miệng cười ngoác, áo phanh, bụng phưỡn. Tinh mắt, thấy ở bàn, chân que nhang cắm, đang rạc tàn lửa cuối cùng. Gã nhón tay vút vào bể vài mẩu thịt bò sống, còn nhuộm màu hồng máu. Hiệu lệnh đã được phát ra. Thành thạo theo phản xạ, cá tai tượng đớp mẩu thịt bò.

Và cứ thế chúng xông vào đàn cá. Mù mịt, tơi bời, quăng quật, dồn đuổi, chết chóc. Một thoáng, rồi một thoáng, cuộc chiến kết thúc, vài con cá sống sót, chết khiếp, lờ đờ nơi đáy bể, chỗ con cá dọn bể màu đen mốc, miệng vẫn đang dán chặt vào thành bể kính theo đúng chức phận. Gã không biến đổi khuôn mặt. Điều thuốc lá giắt ở tai ông Thần Tài vẫn đượm lửa. Và khuôn mặt ông Thần tài có vẻ như rạng rỡ hơn nhờ ánh hồng của điều thuốc.

Không quá xúc động, nhưng vào những lúc như thế, người tôi bao giờ cũng run lên. Không phải vì những tàn vẩy, mẩu đuôi, khúc đầu của những con cá bé nhỏ, rơi rớt vương vãi dưới đáy bể mà là vì khuôn mặt lạnh lùng như tạc của gã người và sự cười cợt vô tư của bức tượng. Bao giờ cũng thế, điểm tựa cho tôi bầu víu là những ngón tay trắng, mảnh, dài, có lần gân xanh chìm rất đẹp của Huyền. Tôi bóp chặt những ngón tay của nàng. Bóp thật chặt, thần thờ và cuồng dại. Thường thì Huyền là người xúc động. Nhưng nàng xúc động vì cú bóp tay của tôi. Nàng không một mảy may nhận biết được đó chỉ là kết quả của cuộc chiến vừa dứt. Hoặc giả nàng biết nhưng điều đó không tác động mấy đến nàng. Cũng có lần trong trạng thái bị kích động, tôi thốt ra một lời gì đó và Huyền lập tức dập tắt bằng một cử chỉ thật nồng nàn. Nàng thì thâm vào tai tôi thứ ngôn ngữ cụt lủn, chất lọc chỉ có ở người đang yêu:

- Anh...

Những lúc như vậy tôi đâm ra oán Huyền. Tại sao Huyền lại bắt tôi đến đây để phải chứng kiến cảnh chẳng mấy hay hóm này. Nhưng thú thực, không biết

từ bao giờ, tôi đã thật sự bị hút vào trò chơi của gã chủ quán. Đến độ, không có nó chưa chắc tôi đã kéo dài được cuộc tình với Huyền. Cũng có lần tôi nói chuyện này với nàng. Huyền không phản đối, chỉ cười rất hiền. Hình như Huyền có nói với tôi:

- Đàn ông các anh buồn cười thật. Chồng em cũng thế. Có cái gì mà cứ phức tạp lên. Cuộc đời vốn nó là thế, đừng hoảng...

Cuộc đời vốn nó là thế. Tôi đâm ra ngờ vực bản thân mình. Ngờ vực cả Huyền. Vì sao Huyền lại chọn tôi, một gã trai tầm thường, không có nổi một thứ gì cả, ngoại trừ món hành trang mấy chục tuổi đời bơ phờ và dầu dãi. Huyền có chồng. Một người chồng đầy đủ ở cả mọi nghĩa. Đừng nghĩ Huyền là kẻ lộn chồng. Chúng tôi đến với nhau chủ yếu là tinh thần. Tôi đang bơ vơ cần một chỗ dựa. Còn Huyền thì ngược lại, nàng muốn được che chở ai đó. Nàng bảo:

- Người ta cứ nhầm khi bắt đàn ông phải là kẻ mạnh. Chồng em ấy mà, anh ấy mạnh lắm. Nhầm, nhầm hết. Khi người đàn ông tư hữu sức mạnh, họ không còn là đàn ông nữa. Đàn ông thực sự thì không thuộc về cái gì cả.

Tôi không hiểu. Nhưng điều này thì tôi biết. Huyền sẵn sàng bỏ chồng để cưới tôi. Cưới tôi chứ không phải tôi cưới nàng. Mọi sự ở Huyền có vẻ như rất mâu thuẫn và ngược đời. Chính vì thế khiến tôi cảm thấy tủi nhục. Sau này tôi mới biết không phải Huyền vô tình dẫn tôi đến điểm hẹn chết người kia. Nàng muốn thế vì nàng tin thế. Nhưng rồi có một chuyện làm đảo lộn tất cả.

Vẫn là buổi trưa, vào lúc chuẩn bị cuộc tàn sát. Tay tôi đang lần tìm tay Huyền. Đôi cá tai tượng đang dồn lũ cá nhỏ vào góc bể bằng khuôn mặt hiền từ. Chính vào lúc ấy thì thằng bé hàng xóm quăng mười hai tuổi bước vào. Nó quan sát bể cá rất lâu. Cuộc chiến bắt đầu và kết thúc nhanh chóng. Mọi động thái vẫn như cũ. Chỉ riêng thằng bé mặt nhợt đi. Nó lấp bắp.

- Khiếp thật!

Chính lúc đó một con cá tai tượng vẫn còn say mồi. Nó lừ lừ bám theo đàn cá còn dăm con chờ dẫn giạt không theo một hướng nào cả. Con tai tượng há mồm. Con cá xấu số lọt vào tầm mồm. Có cảm giác nghe có tiếng khặc hàm của con tai tượng. Cái đầu cá bé xiu xiu lạng nước rút xuống đáy bể. Thằng bé, mặt tái nhợt, hực hực trong cổ. Nó chạy ra khỏi quán. Gã chủ quán vẫn nín thinh bất động.

Rất nhanh, thằng bé trở lại. Nhà nó ở liền bên cạnh. Trên tay nó là một chiếc cống đựng mấy con cá chọi tím biếc.

Có lẽ phải đến chục con. Đang cơn tức, thằng bé con dốc ông ọc lũ cá chọi vào trong bể. Tôi lo đến thất ruột vì biết ý định của thằng bé. Ngày nhỏ, tôi từng là một cây đầu cá chọi cự phách.

Gã chủ vẫn không thay đổi nét mặt. Quả nhiên, lũ cá chọi vừa kịp quây những nhịp đầu tiên, hai con tai tượng đã nhào đến. Cuộc chiến không cân sức kết thúc chóng vánh. Thằng bé dờ mắt nhìn những con cá chọi bị chết ngửa bụng. Nó lại chạy vụt đi. Lần này nó trở lại với chiếc lưới câu và sợi dây cước chắc vừa vào lưới. Tôi ngạc nhiên nhìn gã chủ. Gã không một tẹo phản ứng. Sự việc diễn ra quá nhanh. Con tai tượng ham mồi bị mắc vào lưới. Thằng bé giật nó ra khỏi bể. Con tai

tượng tuột lưỡi câu, giãy đành đạch trên nền nhà. Lúc này gã chủ quán bưng tỉnh. Gã giáng một cái tát cực mạnh vào thẳng bé. Không ngờ, nó ôm mặt, tôi cũng không hiểu nó nghĩ gì mà dám nhẩy mạnh lên, dẫm vào con cá và hét lên căm phẫn.

- Chú ác lắm!

Gã chủ đứng chết trân. Lần đầu tiên, tôi thấy gã thốt ra lời cảm thán: "Trời ơi!". Thằng bé giàn giụa nước mắt chạy vụt đi.

Bây giờ thì tôi biết nó khóc vì lẽ gì rồi. Đây cảm hứng, tôi rút tay mình ra khỏi những ngón tay của Huyền. Khác với mọi lần, Huyền nắm tay tôi rất chặt, phải giằng mạnh mới ra. Tôi nhìn thật sâu vào mắt nàng. Tôi nói bằng hết. Những gì tôi hiểu, được diễn giải bằng ngôn ngữ câm lặng của tình yêu thực sự. Thế có cao xanh, tôi yêu Huyền. Song tôi muốn trò chơi này phải có một kết cục dứt khoát. Tôi không thể, chồng nàng cũng vậy, mang thân kiếp của những con cá tội nghiệp kia. Nàng hiểu hết và tiếp nhận. Mặt nàng liên tục đổi màu. Đỏ, tái rồi trắng bệch. Bất ngờ nàng đứng phắt dậy, kiêu dòn nén của đồ võ, nàng ụp vào mặt tôi:

- Đồ hèn!

Rồi nàng thông thả bước ra khỏi quán.

Sau đấy không bao giờ tôi quay trở lại cái quán nhỏ ấy nữa.

Cũng không bao giờ tôi được gặp Huyền. Nàng có viết cho tôi một bức thư đoạn tuyệt. Đại loại, Huyền coi tôi như con cá dọn bể hèn mọn. Cũng chẳng sao, tôi bật cười vì ý nghĩ trẻ con của nàng. Nghe nói Huyền sống yên

bình bên chồng. Nàng đang theo chồng đi một chuyến công du dài bên Châu Âu.

Cuộc sống trôi đi, tôi đã chấm dứt cảnh sống lang thang để vào làm hẳn ở một cơ quan nghệ thuật. Tôi tạm hài lòng với những mối quan hệ đồng nghiệp và những nguyên tắc trật tự công việc mới. Thi thoảng cũng có lúc buồn, tôi chạnh nhớ về những ngày tháng trước của mình với niềm nuối tiếc khôn nguôi.

Một hôm có việc vướng mắc ở cơ quan, tôi chán nản rời nhiệm sở. Tôi lang thang trên đường chẳng biết để làm gì. Tự nhiên tôi nghĩ đến những ngón tay mảnh, dài có những làn xanh, mịn chím rất đẹp của Huyền. Và một sự dẫn dắt, bước chân lang thang của tôi lần về nơi quán nhỏ.

Tất cả vẫn thế. Gã chủ quán đặt một ly rượu thuốc trước mặt tôi và lộn trở lại quây hí húi pha tách trà nóng. Gã mang trà ra và rất tự nhiên thế chỗ của Huyền. Tôi giật mình. Không có bộ râu rậm, gã trẻ ra rất nhiều. Gã nhoẻn cười với một người đàn bà bụng chửa, từ ngoài vào xách một làn thức ăn đầy ụ. Tôi lồi mắt nhìn. Chiếc bể cá vẫn đặt chỗ cũ. Cả tượng ông Địa vẫn thế. Đến lượt gã cười với tôi. Đã quá quen gã, quả thật tôi có hơi bị bất ngờ về thái độ khác thường này của gã. Gã nói, giọng ấm và trầm:

- Tôi vẫn đọc bài của anh đều. Nói chung, cuộc sống là thế. Anh biết không, đôi cá tai tượng đạo trước là của Huyền mang đến. Cô ấy là bạn thân vợ cũ của tôi. Huyền muốn...

Tôi gật đầu. Người đàn bà bụng chửa đã trở ra.

Chị ta ngồi vào sau quầy. Gã cũng gật đầu với tôi:

- Vợ tôi đấy. Chúng tôi cưới cách đây một năm.

Đoạn, gã châm một điếu thuốc, đi đến bên bể cá và giắt vào tai ông Địa như dạo trước. Khói thuốc bay, tôi nhìn vào bể kính không ngạc nhiên một chút nào.

Không còn đôi cá tai tượng. Trong bể lượn lơ vô số loài cá quen thuộc. Đám khổng tước lau nhau. Đôi cá kiếm oai vệ. Con cá thần tiên hiền triết. Chú cá vàng mắt lồi, bụng to vật, lừ ngừ trể nải...

Và con cá dọn bể, miệng rộng dán chặt vào thành kính.

Bây giờ, tôi ao ước có Huyền bên cạnh.

Bố con là đàn bà

Vũ Bảo

Trong phòng có bốn chị em thì ba người đã lần lượt đi lấy chồng, chuyển về khu gia đình. Chỉ còn lại một mình Ngoan.

Ngát lấy một anh lái xe. Mới một tháng trời, Ngát đã lờ mờ như chuột phải khói. Một đêm, Ngát chui vào buồng Ngoan:

- Đêm nay tôi ngủ đây với cậu. Chán lắm rồi.

Ngoan ái ngại nhìn Ngát:

- Hai đứa lại cãi nhau hử. Thôi nghe mình, làm lành đi. Mình không có chồng, khổ lắm. Các cậu no vợ đủ chồng cũng lại làm khổ nhau.

- Số kiếp đàn bà là như thế. Có chồng cũng khổ, không có chồng cũng khổ.

- Thôi về đi, đừng bắt nó nằm một mình, nó cáu lên, đi theo đứa khác là mất chồng đấy.

- Ôi dào. Đứa nào thích bị tra tấn thì cứ việc chui đầu vào. Em sợ lắm rồi.

- Khỉ ơi, sợ cái gì. Cả khu gia đình, ai cũng bảo cậu được chồng chiều như bà hoàng.

- Chiều em có động cơ cả đấy. Chiều em để bắt em...

Ngập ngừng mãi, Ngát mới tìm được từ diễn tả...
"phục vụ".

- Vợ chồng nào mà chả thế.

- Đàng này ông tướng khỏe như trâu, dai như đĩa ấy. Đêm nào em cũng bị đóc dậy ba bốn lần. Em cứ phải nhắm mắt cho nó xong đi. Chẳng khác gì bị tra tấn.

Có tiếng gõ cửa, chẳng biết ai, Ngát đã nói nhỏ với Ngoan:

- Cậu cứ mặc kệ xem ông tướng ấy giở trò gì?

Chồng Ngát gõ cửa một lần nữa rồi lên tiếng:

- Cô Ngoan, Ngát có ở đây không?

Ngát bực mình ngồi trong giường vọng ra:

- Cái Ngát nó chết rồi.

Chồng Ngát cười hì hì:

- Vợ vẫn. Về trông nhà. Bọn cung ứng ở Hải Phòng giục anh xuống nhận hàng. Về trông nhà, cho người ta còn đi, mau lên.

Ngát vẫn nằm lẩn ra trong giường:

- Tôi biết thừa cả rồi. Đừng tạ sự nữa. Tôi mệt lắm rồi. Anh đi đâu cứ đi. Để yên cho tôi ngủ.

Chồng Ngát đứng ngoài cửa nói vọng vào:

- Cô không về, tôi tưới xăng đốt nhà cho mà xem.

Thấy tình hình bắt đầu căng thẳng, Ngoan gạt tay Ngát, ra mở cửa cho chồng Ngát vào. Anh chàng nóng máy móc túi đưa chùm chìa khóa cho Ngoan:

- Ngoan sang trông nhà hộ anh.

Với ông khách "cố đấm ăn xôi" như thế, Ngoan đành cầm chùm chìa khóa đi lên nhà Ngát, để mặc hai vợ chồng ở lại.

Về sau này, Ngát sinh con trai đầu lòng, những lúc ngồi bế con, thấy thằng bé ngậm vú mẹ, tay vờ đầu vú bên kia, Ngát lại vỗ yêu vào hông con trai mà nói với Ngoan:

- Chị thấy chưa? Khuôn mặt thì giống em, tính nết lại giống bố.

Còn Nghinh lấy anh trợ lý giám đốc nhà máy đã một đời vợ. Anh ta chiều vợ trước như chiều vong: đi công tác chuyến nào cũng thổ thổ sản địa phương về cho chị. Anh ta sống rất giản dị nhưng sắm cho chị đồng hồ mặt lửa, ba kim, hai cửa sổ; áo phong Thái; quần ka-ki Trung Quốc.

Không hiểu tại sao chị lại bỏ nhà đi theo một anh xe thô.

Dạo này Nghinh ăn diện hẳn lên: áo cánh dơi, quần bò "mưa bay", đồng hồ Citizen mười hai đèn, hai cửa sổ, xe đạp Mifa màu ngọc bích, thế mà Ngoan trông Nghinh lúc nào cũng rầu rầu như tàu chuối héo.

Mãi về sau, Nghinh ngồi than thở với Ngoan:

- Có khi em lại về đây với chị thôi.

Ngoan ngơ ngác nhìn Nghinh:

- Đừng nói nhảm.

Nghinh biết Ngoan không hay đùa chuyện, nên ngẫm sao nói vậy:

- Em phải công nhận anh ấy cực tốt. Bỏ anh ấy, em rất thương nhưng ở với nhau mãi thế này chẳng có tương lai.

Ngoan tưởng chồng Nghinh cũng thuộc loại dữ dằn như chồng Ngát nên lựa lời ăn ủi:

- Họ là đàn ông, cô là đàn bà, phải chiều chồng.

Nghinh thở dài:

- Chiều cái gì nữa nào. Cái cảnh chưa đến chợ đã hết tiền ấy à? Khốn khổ cái thân em, chẳng biết kêu với

ai. Em nói với chị là người đầu tiên: Anh ấy cứ như người hết hơi ấy, chị ạ!

Đêm hôm ấy, Ngoan không ngủ được. Thương Ngát, thương Nghinh và thương chính mình. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh.

Mười sáu năm trước, tổ lao động chủ nghĩa xã hội được tặng Huân chương Lao động hạng nhất. Đảng ủy coi chị là nhân tố mới trong phong trào ba sẵn sàng cần phải được xây dựng thành anh hùng, nên chuyện Ngoan yêu ai, Đảng ủy nhà máy đều tận tình góp ý kiến để cho chị khỏi mất tác dụng con chim đầu đàn. Một anh thanh niên chưa vào đảng yêu chị ư? Vợ là đảng viên, chồng là quân chúng, làm sao giúp đỡ chị tiến bộ được. Một anh vừa đệ đơn ra tòa xin ly hôn ư? Thì anh ấy vì mê Ngoan mà bỏ vợ, sau này gặp cô nào ưng ý hơn cũng đòi bỏ Ngoan. Gia đình lúng củng như vậy, làm sao Ngoan có thể yên tâm công tác. Một anh là cháu ngoại ba đời cường hào. Càng không nên. Một anh khác, gia đình chưa chịu vào hợp tác xã. Gia đình nhà chồng không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, Ngoan làm sao trở thành điển hình cho quân chúng học tập được. Một anh góa vợ đang dắt díu ba đứa trẻ thơ ư? Thế thì Ngoan luẩn quẩn vào chuyện gia đình, làm sao cống hiến xứng đáng với vai trò tiên tiến của mình? Khổ thật!

Mãi về sau, Đảng ủy trung đoàn kết nghĩa giới thiệu một anh sĩ quan đến tìm hiểu Ngoan. Tên anh ta là Lộc, đảng viên, chiến sĩ quyết thắng đang được bồi dưỡng lên anh hùng. Đảng ủy nhà máy duyệt lý lịch cẩn thận rồi nhất trí cho hai người tìm hiểu. Sau đó Lộc

đi B, không ai biết tin tức gì về anh nữa. Ngoan không dám lấy ai để giữ uy tín một tổ trưởng tổ lao động xã hội chủ nghĩa ba đảm đang có người yêu đi đánh Mỹ. Những lần cần tuyên truyền cho chính sách hậu phương quân đội, các nhà báo về nhà máy chụp ảnh Ngoan. Vinh quang đến với Ngoan lúc ban ngày thì ban đêm Ngoan đành cắn răng chịu một cái đau không kêu với ai được. Mà năm tháng cứ thế trôi đi.

* * *

Đầu năm nay, một số anh chị em theo lệnh tổng động viên lên đường nhập ngũ lần lượt trở về nhà máy. Ban quản trị hành chính xé lẻ số bộ đội nữ ghép vào các phòng trong khu tập thể. Mì được phân công về ở cùng Ngoan.

Ngay buổi đầu, Ngoan đã mướn Mì: Đúng là tác phong bộ đội. Mì đã bắt tay vào làm việc gì là làm đâu ra đấy. Vừa nhận buồng Mì đã xắn tay áo, xắn ống quần, lấy chổi quét nhà, quét tường, treo một loạt tranh diễn viên, cắm hoa vào vỏ đạn cao xạ 37 ly, treo gương mở neo, xé cánh tay áo đã rách lau giường, gấp chăn màn vuông bánh chưng đặt ngay ngắn ở đầu giường. Mì chạy đi mượn búa đóng đinh treo mắc áo, căng dây kéo ri dô, đóng lại đôi niềng cho khớp mộng rồi đặt chiếc va ly giả da lên mặt niềng.

Sáng sớm ra sân tập thể dục, Mì mặc may ô ba lỗ của cánh con trai và chiếc quần đùi xanh da trời viền trắng ở gấu. Ngoan ngoái cổ sang nhìn Mì. Bộ ngực đồ sộ cứ rung lên theo nhịp điệu bài tập. Hết bài thể dục

buổi sáng, Mì chạy một vòng ở sân vận động nhà máy rồi mới về ăn sáng. Ngoan bảo Mì: "Mì đi trước phong trào quần chúng rồi đấy". Mì gật gù: "Cho nó thêm rõ rãi ra. Chị xem cả buổi tối hôm qua, chúng nó đến đây chơi cứ nhìn em hau háu". Ngoan lại bảo: "Đã thế Mì còn rủ chúng nó đến đây làm gì". Mì phá lên cười: "Để hành chúng nó. Để trả thù cho cái hận đời". Ngoan lại hỏi: "Để trả thù một nửa nhân loại à (Ngoan khua tay ra trước mặt), không được. Đàn ông cũng nhiều người tốt lắm chứ". Mì lắc đầu: "Có thể họ tốt với chị. Còn những thằng đàn ông em gặp, chúng nó đến với em chỉ vì hai điểm trên, một điểm dưới". Ngoan gật đầu: "Bọn con trai thấy con gái như mèo thấy mỡ, mình có thân, mình phải giữ". Mì cũng gật đầu: "Bây giờ thì giữ được". Ngoan lại hỏi: "Tại sao lại bây giờ?". Bây giờ Mì mới chép miệng: "Tại bây giờ em tỉnh, em lì, em biết chân tướng bọn đàn ông rồi".

Rồi Mì kể:

- Hồi đó ở đơn vị, có một thằng có vợ rồi cứ lẩn lút yêu em. Em bảo nó dứt khoát đi, chỉ được yêu một người. Nó thề sống thề chết ở với vợ không có tình yêu, chỉ có nghĩa vụ, không lấy được em thì nó đến phải tự tử. Thương nó quá, mỗi lần nghỉ, em lại về nhà nó. Em sống với nó như vợ chồng, chỉ chờ tòa cho nó ly hôn em sẽ cho nó làm lễ cưới. Một lần được nghỉ, em lại đến với nó. Hàng xóm nói với em, nó đã yêu một con khác và hai đứa dặt nhau vào Nam. Em vào Nam tìm không thấy tăm hơi hai đứa.

Nói đoạn, Mì mở nắp va li lấy con dao găm, liếc liếc lưỡi dao vào lòng bàn tay rồi dứt một sợi tóc dặt lên lưỡi

dao găm, chum miệng thổi phù một cái. Sợi tóc đứt làm đôi. Mi đưa cho Ngoan mẫu tóc còn lại:

- Lưỡi dao sắc như nước.

Ngoan nắm lấy cổ tay Mi:

- Giết người thì bị tử hình đấy!

- Em không giết.

- Thế thì giữ dao làm gì?

- Em thiện. Em nhủ cho thằng khốn nạn ấy cởi quần áo ra. Em chỉ xoẹt một cái là xong.

Ngoan rợn người nổi da gà:

- Đừng làm thế!

Mi thông thả nhét dao găm vào vỏ da, ấn mạnh khuỷu bấm, rồi cất vào va li:

- Đến nợ nước, em đã đi bộ đội mười năm. Đến giờ em được phép trả thù riêng. Em đã nhờ bạn bè săn lùng địa chỉ thằng mất dạy. Nó lên trời, em cầm chân kéo xuống. Nó chui xuống đất em túm tóc lôi lên.

Ngoan khe khẽ thở dài.

Đêm hôm ấy, Ngoan nghĩ về cuộc đời mình rồi nghĩ đến số phận éo le từng đùa bạn, Ngoan trần trọc không ngủ được.

Bỗng Ngoan nghe tiếng Mi thét tên:

- Tao không giết mày, tao chỉ thiện mày!

Sau đó Mi ú ớ những câu gì không nghe rõ.

Ngoan chạy vội sang giường Mi.

Mi chỉ mặc chiếc may ô với chiếc quần đùi viền trắng ở gấu.

Ngoan khẽ lay Mi.

Mi mở choàng mắt nhìn Ngoan miệng thì thầm:

- Em Ngoan ơi, em xinh lắm.

Ngoan phát vào vai Mì:

- Khỉ ạ, nói mê rồi.

Mì vòng tay qua gáy Ngoan:

- Anh mê em thì có. Anh nắm em bao nhiêu lần, em không biết à.

Ngoan sợ quá, lay lay vai Mì:

- Tỉnh dậy đi.

Mì mỉm cười:

- Anh vẫn thức đấy chứ.

- Thức gì mà ăn nói bậy bạ thế.

- Sao em dám bảo yêu là chuyện bậy bạ?

Ngoan dấy ra không được, đành để mặc cho Mì hôn như mưa vào hai bên má mình, tay Ngoan vỗ nhẹ nhẹ vào vai Mì:

- Mặc quần áo vào, liêu thế.

Mì cười:

- Nóng lắm, em Ngoan của anh ơi. Nằm xuống đây với anh.

Đêm hôm sau, Mì chui sang giường Ngoan, Ngoan cứ giả vờ ngáy xem Mì định làm gì. Mì nhẹ nhàng nằm xuống chiếu. Tay nhẹ nhàng vuốt má Ngoan rồi kéo Ngoan quay mặt vào với mình. Mì thơm đi thơm lại vào má Ngoan làm Ngoan rùng mình một cái, nhưng vẫn giả vờ ngáy.

Mì ghì chặt Ngoan, vừa luồn tay vào trong áo Ngoan vừa hỏn hển nói:

- Ngoan ơi Ngoan. Anh yêu em lắm. Anh yêu em nhất đời.

Kệ, Ngoan cứ nằm yên như khúc gỗ cho Mì lắc đi lắc lại.

Mì rút tay khỏi áo Ngoan, sờ nhẹ lên môi Ngoan. Trong lúc Ngoan đang đoán xem Mi sắp làm gì thì Mi áp đôi môi nóng bỏng vào môi Ngoan. Tay Ngoan nắm chặt lấy Mi lúc nào không biết.

Mì hỏn hển nói qua hơi thở:

- Em Ngoan, anh yêu em lắm. Em Ngoan gọi anh đi.

- Mi.

- Không được. Gọi là anh Mi.

- Anh Mi.

- Em Ngoan nói em yêu anh nhất đời đi.

Người Ngoan như mê đi rồi. Mi bảo Ngoan làm gì, Ngoan làm đúng như vậy.

Sáng hôm sau, Ngoan tỉnh dậy nhìn thấy Mi, Ngoan cứ ngưỡng ngưỡng thế nào ấy. Mi cứ ngồi ngắm Ngoan, tay vuốt tóc, vuốt má Ngoan như người có quyền được làm như thế. Ngoan gỡ tay Mi ra:

- Tập thể dục đi không có ai nhìn thấy người ta cười cho.

Hai tay Mi ôm chặt má Ngoan.

- Anh Mi yêu Ngoan lắm. Ngắm em Ngoan cả ngày không chán mắt.

Trước mặt mọi người, Mi chỉ gọi Ngoan là Ngoan nhưng khi đi ngủ, Mi gọi Ngoan là "em Ngoan" và bắt Ngoan phải gọi mình là "anh Mi". Mỗi lần đi tắm. Mi gọi Ngoan đi cùng. Cài chặt then cửa, Mi bắt Ngoan kỳ lưng rồi bắt Ngoan quay lưng lại cho Mi kỳ lưng. Ở nhà có lúc nằm lăn ra giường, Mi đòi Ngoan phải bóp tay, bóp đùi. Mỗi khi Ngoan kê mỏi tay, Mi lại nắm chặt hai vai Ngoan kéo về phía mình rồi hai tay Mi ôm lấy hai má Ngoan. Mắt lim dim Mi nói qua hơi thở hỏn hển:

- Em Ngoan ơi. Anh chỉ thích nuốt em vào trong bụng để em chỉ được phép yêu mình anh thôi.

Ngoài giờ đi làm, Mì cứ giữ rịt Ngoan ở trong buồng. Dù Mì có việc khác phải chạy đi đâu, Mì cũng bắt Ngoan phải chờ bằng được. Một lần Mì được linh tiền thưởng, mua luôn nửa cân thịt lợn xách về. Ngoan phải đi họp Đảng ủy, Mì ở nhà quẹt lò than tàu nướng chả, băm thịt gói nem Sài Gòn. Rửa rau, pha nước chấm, dóm bún lên đĩa đã lâu, Mì chẳng thấy Ngoan về. Mì chạy ra sân đứng ngó nghiêng một lúc rồi chạy lên văn phòng Đảng ủy mới biết cuộc họp bế mạc từ mười một giờ, Mì chạy tắt đến nhà Ngát xem Ngoan có la cà ở đây không. Chồng Ngát ồm ồ ghẹo Mì, Mì đẩy chồng Ngát ngã lăn xuống giường. Chồng Ngát tung hai chân, ngồi nhồm dậy, hì hì cười:

- Câu lạc bộ vận tải tấn công trung lộ. Câu lạc bộ quần đen phá bóng, cầu thủ Mì chơi dữ phạm luật 12. Trọng tài thổi còi phạt. Nào đưa má đây cho anh phạt.

Mì đứng chống hai tay vào mạng sườn, khanh khách cười:

- Tiếc quá, anh và em không cùng nhóm máu.

- Mà nhóm máu gì?

- Em thuộc nhóm máu A, còn anh thuộc nhóm máu D (dê).

Chồng Ngát đứng dậy trở vào mặt Mì:

- Con ôn. Mà hỗn lắm. Tao sẽ cưa bằng được mày để giáo dục mày biết thế nào là lễ độ.

Mì đi ra đến cửa còn ngoái đầu lại:

- May quá, em có người yêu rồi. Người yêu em sẽ cho anh một chuông.

Mì sang nhà Nghinh.

Ngoan đang ngồi nhổ tóc sâu cho Nghinh.

Nhìn thấy Nghinh ngồi lọt thỏm vào lòng Ngoan, khuỷu tay tì lên đầu gối Ngoan, Mi ghen lồng lên, đứng ngoài cửa réo to:

- Ngoan!

Nghinh vẫy tay:

- Vào đây đã nào.

Mì nói như hét lên:

- Người đi không bực bằng người trực nồi cơm.

Nói đoạn, Mi quay ngoắt về nhà.

Từ khi sống bên nhau, lần đầu tiên, Ngoan thấy Mi to tiếng.

Ngoan rảo bước đi về nhà, vừa đi vừa gọi Mi nhưng Mi vẫn đi cùn cụt.

Đẩy cửa, Mi xăm xăm đi thẳng đến bàn, hất mâm xuống sàn nhà. Bún chả, nem, rau sống rơi tung tóe trên hàng gạch hoa. Chưa hả cơn ghen, Mi vốc từng mẻ bún ném vung vãi ra sân rồi nhảy lên giường mình mà nằm.

Ngoan nhìn cảnh tanh bành sợ quá vội hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Im lặng.

Ngoan nói tiếp:

- Miếng ăn là của ngọc thực. Vứt tung tóe ra nhà ra sân, vừa phí của trời, vừa mất vệ sinh. Chốc nữa chị em mình lại mất công dọn dẹp, vô lý thật!

Đêm ấy, Mi cứ nằm lì ở giường mình. Ngoan phải bò sang bóp tay bóp chân cho Mi đến lúc Mi phải vít cổ Ngoan xuống:

- Lần này, anh tha cho em Ngoan. Lần sau anh Mì thấy em ôm ai, cầm chân, cầm tay ai là anh cắt đứt đấy. Em Ngoan xin lỗi anh đi. Hai tay ôm chặt cổ anh, ôm thật chặt vào.

... Chồng Nghinh cầm lá thư lạ về tận phòng cho Mì.

Chẳng biết trong thư nói những gì, chỉ thấy hai đầu lông mày Mì nhíu lại. Hôm sau, Mì làm đơn xin nghỉ phép, thăm người nhà ở Buôn Mê Thuật. Chồng Nghinh lấy giấy phép và gửi Mì đi chuyến xe của nhà máy xuống Hà Nội.

Ngày Mì lên đường, Ngoan đưa tiễn ra tận xe.

Lên xe rồi, chờ xe nổ máy, Mì nhaoi người lên hàng ghế trên nói với anh lái xe:

- Anh chờ em một phút để em dặn Ngoan cái này một téo.

Mì nhảy xuống bậc xe, nắm lấy tay Ngoan:

- Em Ngoan, bây giờ anh mới nói được với em. Các bạn anh đã giúp anh truy ra địa chỉ thằng khốn nạn ấy. Anh phải ra đi để trừng trị nó. Anh đi xa, em ở nhà cố xin đứa bé về mà nuôi cho đỡ buồn.

Ngoan ôm chặt lấy Mì:

- Đừng đi.

Mì gỡ tay Ngoan ra, nhảy vọt lên xe đóng sập cửa lại.

Xe từ từ lăn bánh. Ngoan chạy theo xe vừa giờ hai tay vói về phía trước vừa gào:

- Dừng xe lại. Mì ơi, quay lại.

Ai cũng tưởng hai chị em gái nhớ nhau quá, Ngoan không cầm được nước mắt lúc chia tay.

Từ ngày Mì rời nhà máy, Ngoan chẳng nhận được tin tức gì về Mì nữa. Bây giờ, Ngoan mới hiểu tại sao

trước khi lên đường Mì dặn Ngoan phải xin bằng được đứa con về nuôi.

Nghĩa là xa "em Ngoan", "anh Mì" không muốn cho Ngoan yêu bất cứ một người nào khác.

Ngoan báo cáo với Đảng ủy nhà máy xin nghỉ phép về quê xin đứa con. Đảng ủy yên trí chuyến này Ngoan đi tìm một đứa bé để sau này chăm sóc Ngoan lúc già yếu. Đến ngày Ngoan trả phép chẳng ai thấy Ngoan bế đứa bé nào về.

Hai tháng sau, Ngoan xin tự kiểm điểm trước chi bộ. Chín tháng sau, Ngoan sinh đứa con trai kháu đão đễ. Không ai biết bố đứa trẻ là ai. Thân nhất là Ngát và Nghinh cũng không dám hỏi Ngoan điều đó.

Thằng bé hay ăn chóng lớn.

Một lần nó hỏi Ngoan:

- Mẹ ơi, bố con tên là gì?

Ngoan cũng nhiều lần đánh trống lảng nhưng cuối cùng thằng bé hỏi dồn đến cùng, Ngoan đành trả lời:

- Bố con tên là Mì...là Mì.

Mì đi biệt tích, chẳng ai biết Mì chết ở đâu, chết trong trường hợp nào nhưng Ngoan vẫn lập bàn thờ và lấy ngày Mì ra đi làm ngày giỗ.

Thỉnh thoảng, Ngoan vẫn nằm mơ thấy Mì chui vào giường, ôm ghì lấy Ngoan như những đêm nào. Ngoan tỉnh giấc, lại chép miệng nói về Mì như để nói về mình: "Cũng là một số phận đàn bà!".

Insulin

Phạm Thị Minh Thư

Chiếc quạt trần đã được lũ trò mở đến hết cỡ vậy mà Vi vẫn thấy mồ hôi túa ra trong chiếc áo contton trắng dài rộng lưng thùng. Trời với đất, nóng đến quái đản! Vi bất chợt lắc mạnh mái đầu có mớ tóc tủa gọn như con trai, rồi cất tiếng - cùng lúc chị nhận thấy cái giọng vừa vang lên đó cũng bức sốt cái kính y hết thời tiết và cơ thể mang nó:

- Các em lấy giấy ra làm bài kiểm tra. Phải, bữa nay tôi không giảng lý thuyết như đã định trước, bài làm mới rồi của các em khiến tôi phải soát lại kiến thức cũ của lớp ta lần nữa. Nào, lấy giấy ra đi, sẽ có nhiều việc phải làm đấy.

Những đôi mắt nhiều vẻ nhưng thấy đều linh lợi thôi giương lên "chiếu tướng" cô giáo. Tiếng rút giấy, tiếng xé vở đã loạt xoạt vang lên.

Sau ngót chục năm sống bằng lũ trò trung học đang nuôi chí vào đại học "khế nhật" trong đầu Vi cũng ra cả loạt mẫu bài, nào phải nghĩ ngợi gì mà... gây tới ba viên phấn chị mới chép được chữ đầu tiên lên bảng - Cả đến nét viết của Vi cũng có gì như dần xuống, bức bối...

Kết thúc những dòng chữ và số liệu xiêu. Vi lập tức rút vào sau tấm riđô vải lạnh ngăn cách các vật dụng

gia đình với phần trống giành cho lớp học. Vừa buông người xuống ghế bố chị đã nhồm phất dậy bước mau tới bật công tắc chiếc quạt cây Tàu. Khi gió đã vù vù thổi vào tấm thân bé tẹo, Vi trở lại chỗ cũ buông rơi mình xuống như một vật thể rơi rầm đang gây nên các phiền nhiễu bức sốt cho chính nó. Thọc bàn tay nhỏ có các khớp tay thô thô vào mớ tóc ngắn ngắn Vi tóm chặt lấy một món, dưới bàn tay làn da đầu được kéo căng ra. Bên ngoài nơi lũ trò đang làm bài thi thoảng vọng vào âm thanh thưa thớt này cùng tiếng quạt quay "vù vù" đơn điệu như càng tăng thêm những bức sốt bất an trong người đàn bà bé nhỏ. Hết tóm tóc lại đến cụng quây người trong chiếc ghế chả hề rộng rãi, rồi như thể càng thêm khó chịu bởi chính các động tác bất lực này, chị đột nhiên bật dậy, khẽ khàng đi tới chiếc bàn nhỏ thấp kê áp tường đối mặt với chiếc ghế bố, trên đó mặt bàn vừa đủ rộng để đặt một máy thu hình hiệu Sony và một đầu video hiệu Sharp. Ngồi quỳ chân xuống sàn nhà lát gạch men cũng khẽ khàng như các bước chân, Vi ấn nút, tua lại băng hình đã lấp sẫm trong đầu video. Chị lấy làm vừa ý khi tiếng tua băng rè rè chìm hẳn trong tiếng gió quạt. Trong mười phút băng tua đó gương mặt nhỏ hơi dài kín đáo của người đàn bà chột biểu lộ một trạng thái suy tính khá căng thẳng. Khi cuốn băng được tua đến một phần nào đó thì ngón giữa nổi gờ lên những khớp là khớp vươn ra ấn vội vào cái nút stop. Rồi một tay cầm cái điều khiển nhấn vào nút video, tay kia nhấn lia lịa vào bên âm của nút volume. Kết cục là khi hình vừa kịp hiện trên màn huỳnh quang cũng là lúc tiếng được giảm đến... tắt hẳn. Trút

ra một tiếng thở, vẫn nguyên cái tư thế ngồi quỳ chân gò bó. Vì chăm chú nhìn vào cái màn hình mười bốn inch, đôi mắt đen to đến choán gần hết chiều ngang của gương mặt hẹp căng thẳng rồi vào các hình ảnh đang nối nhau hiện ra của người đàn bà lúc này hết như mất một con thú rình mồi. Và bây giờ thì, đôi mắt quá cỡ đó không hề chớp trên màn hình đang hiện ra trường đoạn giết chồng trong cuốn phim tâm lý xã hội Mỹ: "Ngôi nhà quỷ ám".

Người đàn bà bơm rất nhanh cho chồng một mũi thuốc, rồi tay bông tẩm cồn bà ta dùng một nùi bông khô miết mạnh vào vết tiêm. Kéo ống quần người bệnh xuống, cầm cả ống thuốc rỗng không lẫn bơm tiêm bà biến vào toa lét. Gối các vật đem theo vào một mảnh bìa dày bà dùng một vật rắn ra sức đập vào nó. Tới khi giở mảnh bìa thấy trong đó đã có một mớ thủy tinh nhỏ li ti bà liền rũ tất cả vào bồn toa lét, xé nát mảnh bìa vứt luôn cùng. Giặt nước cho xối sạch.

Trở lại phòng người bệnh, ngó nhanh tấm thân dài ngoẵng bất động, người đàn bà xé một rẻo bông nhỏ giơ ra trước hai hốc mũi, thấy nó không hề động đập bèn hấp tấp mở tủ lấy ra quần áo, khăn trải giường, và một tấm khăn bông sạch. Phải chăng sự trút bỏ một linh hồn nào cũng là nặng nhọc? Ở cận cảnh, trên tấm thân đã lìa đời vừa được cởi bỏ quần áo, mồ hôi tía ra đầm đìa. Vất vả lắm người đàn bà mới lau khô được mọi ngóc ngách của tấm thân ướt sũng dài đến thế. Thay khăn trải giường. Mặc đồ mới cho cái xác trong lúc luồn ống quần vào một bên chân chồng bà cúi mặt nhìn như soi vào chỗ ban nãy đã chọc kim... vợ cả mớ những quần

áo khăn trải giường rồi khăn bông vắt bừa bãi dưới nền nhà tống vào máy giặt, xả nước, rót cho mình một cốc cà phê uống hết, rồi kẻ sát nhân chậm rãi nhắc điện thoại gọi cho bác sĩ riêng báo tin chồng mình vừa qua đời...

Băng vẫn còn khá dài nhưng tới đây thì Vi vội vã tắt máy. Nhỏm dậy, mang bộ mặt căng thẳng trên tấm thân còn ướt sũng sinh mồ hôi hơn cả nạn nhân trong cuốn phim, chị cứ đi tới đi lui giữa các đồ vật lộn xộn đang tìm kiếm một vật, hay điều gì mà chính chị chưa xác định nổi.

* * *

Vẫn ngồi nguyên trên chiếc Cub còn âm âm nổ máy, Lạng ngó ổ khóa trên cửa nhà, liếc nhanh đồng hồ đeo tay. Mười hai giờ rưỡi. Lớp học tan đã được tiếng rưỡi, chẳng lẽ Vi còn chưa ăn trưa xong? Nhưng trên đường về anh đã ngó cả lượt mấy quán cơm cô thường ăn đó sao? Lắc đầu, tắt máy, khóa xe, Lạng mở khóa cửa, uể oải bước vào.

Các bộ bàn ghế gấp của Nga đã được xếp đặt đúng chỗ, nhưng trên bảng đen các dòng chữ và con số xiêu xiêu của Vi vẫn còn nguyên, cũng như tấm ri đô đã được kéo ra để ngăn cách hai phần của gian phòng. Vệt tấm ri - đô về một bên, Lạng bước vào phần không gian thực sự thuộc về hai vợ chồng và đứa con. Đôi mắt tinh tường lập tức phát hiện ra cái gạt tàn đầy mẩu thuốc đặt dưới sàn nhà bên chiếc ghế bố. Vi hút thuốc, mà hút tới mức này đây? "*Anh. Em đã không thể chờ. Hiểu rằng việc là thế, hy vọng khác đi chỉ rồi đầu. Em tới*

một cô bạn cũ. Chiều đón con họ em. Không phải nấu cơm, bữa tối cả nhà ra quán. Vi".

Nhắc chiếc gạt tàn đặt lên bàn, vo tròn mảnh giấy ấn vào đó. Bật quạt, Lạng ngồi phịch xuống chiếc ghế bố. Vậy mà sáng nay anh đã phải lật đặt ra đi từ bảy giờ sáng để kịp có mặt ở phòng làm việc ngay đầu giờ, rồi từ đó cho đến mười hai giờ đã không dám rời phòng nửa bước chỉ sợ tuột mấy cú điện thoại đã mong ngóng từ nửa ngày trước, đến mức sau bốn tiếng rưỡi "làm việc" sự căng thẳng của nhiều nỗi đã khiến Lạng phải đâm bổ vào toilet, rồi từ toa lét lại đâm bổ về nhà hòng... chia xẻ với cô những thất vọng của sự chờ đợi! Lại thêm lần nữa trong lúc đầu óc anh đang rối tinh lên, tiêu huỷ vô số năng lượng vào những bức dọc nôn nóng thì cô đã lảng lạng chạy vượt lên, tính toán xong một điều gì đó để kịp thản nhiên trước chính sự cố của mình. Nhưng có thật đầu óc Vi tỉnh táo khôn ngoan đến vậy hay cô đã chỉ sớm "tự vệ" bằng cái cách tối đơn giản: "mặc thâm sự đời", cứ lý ra mà đón đợi?

Lạng bất chợt thở ra, hai năm biết Vi, chín năm làm chồng thử hỏi anh đã biết được những gì về người vợ bé nhỏ kín đáo?

Cô hay quên, cất vật gì đâu chỉ nửa ngày sau muốn có đã phải bối lộn lung tung mới thấy nổi. Cô rất khoái bún riêu tra mắm tôm và thật nhiều ớt chưng mỡ, chỉ bực lộ hứng thú ăn uống ở mỗi món này, hể sáng nào ăn được đúng nó cô vui vẻ cởi mở hẳn. Ham nghiên tiểu thuyết và bất kỳ cuốn sách nào liên quan tới cái gọi là lịch sử. Trừ những lúc phải chấm bài, đọc thêm các loại sách để bổ sung vào các chương trình dạy các mẫu bài

luyện thi mới ra trong tay cô bao giờ cũng có một trong các cuốn sách loại này, bởi thế việc dọn tất quần áo bẩn của cả nhà tới vài ba ngày mới đem giặt là hiện tượng... bình thường trong sinh hoạt gia đình họ. Khi ngủ hể cứ nằm xuống là theo một quán tính nào đó tay phải cô cứ co dần lên ngực, co đến hết có nghĩa là đã gác hần nó sang mé ngực trái thì lao ngay vào giấc ngủ với cả tràng ú ớ khiếp đảm, nhưng không thể cô sẽ phải dùng seduxen sau cả hồi trần trọc nghiêng người hết bên này lại tới bên nọ, mà hể cô phải dùng seduxen là Lạng rất mệt mỏi bởi những trần trọc trước đó của vợ thường vừa đủ để chống tuột khỏi một cơn buồn ngủ. Khác Vi, Lạng không bao giờ mớ tới bất cứ loại thuốc ngủ nào, độc được thường khiến anh khiếp đảm.

Còn gì nữa đây trong tính tình, sở thích, thói quen hàng ngày của Vi? Hết rồi chẳng hay lúc này, do mệt mỏi Lạng đã chẳng thể nhớ ra hơn?

Quá khứ, quan hệ gia đình và xã hội của Vi ư?

Cô mất mẹ từ năm lên tám. Nửa năm sau ngày vợ chết, thu xếp xong cho đứa con gái tám tuổi rưỡi đến sống với người chị gái, và đứa con trai tròn ba tuổi đến sống với cô em muộn chồng, ông bác sĩ bố gia nhập quân ngũ để vào chiến trường B. Trong cách chăm nom nhiều ít thất thường của một bà bác đông con, một bà cô lỗ dờ, với hai nửa suất lương thoát đầu là một bác sĩ đại uý, rồi sau của một bác sĩ thiếu tá, hai chị em cứ thế mà lớn lên. Năm bảy năm, tháng tư tiến vào Sài Gòn thì tháng bảy ông bác sĩ bố gửi quà và thư ra. Quà khá nhiều, cho không chỉ hai chị em, còn thư lại rất ngắn và chỉ cho riêng cô. Ông bác sĩ bố vẫn tất hỏi

thăm con gái, vẫn tắt thông báo, rằng do công việc đòi hỏi ông sẽ phải lưu lại Sài Gòn, trong quân ngũ, thời gian bao lâu chưa rõ, rằng tốt nhất cho hai chị em cứ tiếp tục sống như ông đã thu xếp. Vì đã không cho em đọc thư đốt luôn nó và lập tức ngấm ngội các cách để thuyết phục bác và cô cho hai chị em về sống trong ngôi nhà mà bấy nay vẫn khóa cửa. Việc đã được thu xếp theo ý cô muốn. Năm đó, Vi học lớp chín, Cự học lớp bốn. Vốn thông minh. Vi chẳng tốn mấy thời gian cho học hành, cô chị vất vả nhiều, rất nhiều vì đứa em trai đã ngỗ nghịch chậm tiếp thu lại còn lười học. Một năm sau ngày đưa em về nhà, Vi nhận được thư bố. Lá thư thứ hai tính từ khi cô biết thế nào là thư, và nó lần này cũng chẳng dài hơn lần trước. Viên bác sĩ cho hay ông đã giải ngũ, hiện làm tại một bệnh viện ở Sài Gòn, ngoài giờ làm ông còn hành nghề đông y, nên từ nay hàng tháng hai chị em sẽ được nhận nhiều tiền hơn. Ông cũng cho con gái số bis của ngôi nhà mình đang ở trên con đường Huỳnh Tịnh Của thuộc quận Ba Sài Gòn, dặn có việc gì cần cứ điện vào cho ông. Cũng như lần trước, Vi lại đốt ngay lá thư không có lại hóa hơn này. Rồi cô thi vào khoa Sư trưởng Đại học Tổng hợp. Ngày cô hay tin mình đã đỗ thủ khoa, cũng là ngày đứa em trai lần thứ nhất sa lưới pháp luật, nhảy tàu điện móc túi bị nạn nhân tóm cổ nó phải ngồi trong đồn công an phường một đêm cho muỗi cắn...

Rồi Vi tốt nghiệp đại học, được nhận ngay về một trung tâm nghiên cứu khoa học xã hội quốc gia khá lớn. Cô đi làm được hai năm, Lạng hoả hồng lại được căn buồng dài ngoẵng trên tầng hai ngôi nhà phụ cách tòa

nhà chính có căn phòng rộng rãi của hai chị em một khoảng sân hẹp, họ trở thành hàng xóm. Lạng đã dọn đến nhà mới cùng "lò" luyện thi đại học của anh. Hàng ngày ngoài công việc của Viện, thời gian còn lại Lạng thuộc về "cái lò" có nghĩa vụ trả một món nợ mua nhà và thêm vào ba đồng lương phó tiến sĩ còm để "mang vác" cái bao tử, đã nhà quê lại còn xuất ngoại tới... mười năm! Vì sau những giờ ngồi như bắt vít ở đủ loại thư viện về tới nhà, thì chỉ những lo đi tìm em ở hết các tụ điểm chơi bởi lại các đồn công an phường này quận nọ đã đủ bã bời, mê mụ cả người. Tóm lại, hàng xóm đấy, nhưng họ, một gã trai... ba mươi lăm tuổi và một cô gái không thể xem là còn trẻ, chả còn hơi sức nào để biết tới nhau ngoài hai cái vỏ người thi thoảng chường ra cùng lúc trên một lối đi. Cứ thế cho đến một buổi tối của ngày trước Noel năm nọ... Đang ngồi chấm bài kiểm tra, thi thoảng lại rùng người vì lạnh. Lạng chợt nghe tiếng gõ cửa. Cộc... cộc... cộc! Ba tiếng gõ tách khỏi nhau vừa đủ cho lịch sự cần thiết nhưng vang lên mới rành rẽ dứt khoát làm sao... Người hiện ra trên cây cầu thang hẹp dốc ngược khi cửa mở là cô hàng xóm bé tẹo thường mang một gương mặt hoặc vô cảm hoặc khép lại, kín đáo đến lạnh lùng.

"Tôi đủ sức tự vệ, anh cứ khép cửa vào cho ấm". Khi đã vào tới bên trong với một túi xách nặng trong tay Vi đã ngoảnh nhìn cánh cửa còn mở và nói thế, cùng lúc, đôi mắt cô vụt sáng lên cõi mở hồn hậu. Vị khách không chờ này đã lập tức gây cho Lạng một ấn tượng mạnh về một nữ tính là lạ... bây giờ sau này và khi đã là chồng Vi, anh đã được chứng kiến không ít

những thành công của năng lực thu phục đối tượng cần thuyết phục bằng lời nói giản dị, tự tin, sôi nổi và chân thành đến đột ngột này. Nhưng... chỉ là khi cô muốn, cô định mà những cái "muốn", cái "định" ấy nảy sinh vào những lúc thế nào, với ai và do đâu, thì Lạng chịu!...

Nhớ lại. Tối đó, sau khi đột nhập vào phòng Lạng, sau vài ba câu chuyện lật vạt về đêm Noel, về tạp chí Sputnhik - cuốn tạp chí chả hiểu do đâu lại có mặt trên bàn anh, về cách khắc phục những đường rạn trên mảng tường vàng khè đã tróc tiết vôi đang nằm trong tầm nhìn của họ, đôi mắt vẫn sáng ngời trên gương mặt xanh gầy - một gương mặt hoàn toàn mới mẻ so với hai dạng thức chán ngắt thường nhật. Vì đã chuyển câu chuyện vào ngay chủ đề cô muốn. Vẫn giản dị, tự tin, sôi nổi và... chân thành. Vì cho Lạng hay về công việc nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận đại của mình, những gọi mời hấp dẫn của nó với cô trong suốt bốn năm học và ba năm làm việc, rồi vô số ngán ngẫm, điên đầu nó đã đem tới khi... triển khai công việc. Sau ba năm làm việc cật lực cô thấy thật vô ích và ngớ ngẩn nếu cứ tiếp tục còm lưng đan len thuê tới ba giờ sáng để húc đầu vào các... sự thật lịch sử. Cô đã làm đơn xin thôi việc. Và vài tháng nay đã chuyển lao động sang một nẻo khác... Nói tới đây, Vì lôi từ dưới gầm bàn lên chiếc túi mà Lạng đã chẳng còn nhớ tới, cô lần lượt lôi ra từ đó bày trước anh các cuốn sách dày cộp cả tiếng Việt lẫn tiếng Nga, bộ cẩm nang mà không một ông thầy luyện thi toán nào có thể thiếu. Vì đã mê sử từ nhỏ, nhưng suốt mười năm toán lại là môn cô đạt điểm cao nhất trong khi thời gian giành cho nó chẳng bao giờ vượt quá

các tiết học trên lớp... Tóm lại, trong tình trạng thất nghiệp tự nguyện này, để không phải mưu sinh bằng đôi kim đan của mấy bà già rồi việc, cô đề nghị Lạng giành cho một chân trong lò luyện thi nếu sau khi kiểm tra thấy kiến thức của cô là đủ...

Một tuần sau tối Noel một nghìn chín trăm tám tư, Vi đã có chân trong lò luyện thi của Lạng, cô được giao dạy các lớp đầu của cấp học phổ thông cuối.

Hai năm sau họ cưới nhau. Lạng thành thoi trở lại "cống hiến" toàn bộ mình cho Viện, bởi Vi lúc này đã đủ sức thể chân anh trong cái lò mà uy tín mỗi ngày một được củng cố. Nếu không có những suất kèm theo của "gánh nặng lịch sử" thì đời sống vợ chồng họ kể như hoàn hảo. Phải, nếu sự cởi mở tâm hồn, những dịu dàng sôi nổi ấy được bộc lộ vừa chân thành vừa nồng nhiệt nơi Vi đã lập tức hấp dẫn Lạng trong ngày đầu gặp gỡ thì sau này khi thường xuyên mất hút trong vẻ khép kín thường nhật nó luôn nhắc anh nhớ đến những bốn phận làm người thật nặng nề, nó khiến anh thương cô, thương thân, rồi lại khiến anh thù ghét chính cái lòng thương quá đổi nhọc nhằn này.

Nhưng chẳng lẽ Vi có thể khác được khi phải làm mẹ một cậu em từ các trò trộm vặt quậy phá đã "vụt lớn lên trong nháy mắt" để thành một tay cờ bạc chuyên chày túi? Tiền nong cùng vô số nhục nhã kèm theo các cuộc trả nợ dầy dã khiến Vi sau những giờ làm việc cật lực chỉ còn biết... lặng thinh trước số phận hẩm hiu, giải tỏa và quên đời bằng các cuốn sách chẳng rõ cô lôi về được từ những đâu. Thậm chí cô đã không dám có con khi chưa tìm ra một lối thoát... Đã không ít lần

Lạng rụt rè gợi ý đến ông bác sĩ bố nhưng lần nào Vi cũng lập tức loại bỏ khả năng... không tưởng này. Vẫn biết với đầu óc luôn tỉnh táo (mà bằng chứng hiển nhiên là cuộc "kết hợp" đầy đủ chủ động với anh!) Vi không bao giờ sống bằng những sự... chúng tỏ, nếu cô đã phải chịu có nghĩa là sự việc không thể khác. Thì đấy, chẳng phải trước ngày họ cưới nhau anh đã tìm cách đọc lá thư của ông nhạc hết ý trước khi Vi kịp đốt nó là gì?... "Bố rất đau lòng khi phải bó tay trước lời cầu cứu của con, biết rằng phải căng thẳng tới mức nào con mới thốt lên nó. Nhưng bố hoàn toàn bất lực. Cự đã trượt quá sâu vào một thói quen, đến mức thói quen tệ hại ấy đã trở thành bản tính chính yếu nhất của nó. Con suốt từng ấy năm làm cái bổn phận người mẹ với nó, yêu thương, đau đớn và nỗ lực đến thế, mà... vậy thì thử hỏi một người bố từ lâu đã không tham dự vào cuộc đời các con, phải chịu hầu như toàn bộ trách nhiệm trước thực tế tai hại này, chẳng lẽ giờ lại có thể cất nổi một lời để dạy dỗ em nó? Bố chỉ làm được cho con một việc thôi, nhưng từ lâu rồi cả nó và con cũng đã khước từ..." Vẫn biết và vẫn biết... Nhưng nổi mọt mỗi triền miên không lối thoát thỉnh thoảng lại khiến Lạng gợi nhớ tới "ông Lung" đang thần nhiên hành nghề tại một bis nào đó trên đường Huỳnh Tịnh Của để rồi lại phải sống nhiều ngày ân hận, mệt mỏi hơn, bởi cứ sau mỗi lần thế Vi lại càng thu mình lại, khép kín gương mặt hơn, tha lòi về nhiều hơn các cuốn sách "quên đời" của cô và xếp xó quần áo thay ra trong các chậu nhiều ngày hơn, đối mặt với chúng nhiều lúc ông phó tiến sĩ Hải Dương tưởng mình có thể hóa điên.

Nhưng tạo hóa đã có thể bày đặt ra các có thì ông ta lại càng có thể đẹp sẵn nó theo lối riêng của mình; bé Ái đã hình thai trong một lần mẹ nó... sơ suất. Nếu không có sự can thiệp kịp thời này, Lạng hai đời vợ là cái chắc. Thiên thần bé nhỏ xuất hiện khiến được Vi hướng tình mẫu tử vào đúng chỗ. Cự không còn chi phối được đời sống người chị như trước nữa. Cái vỏ cam chịu đã vỡ ra từng lúc. Và đâu chỉ đem lại sự hồn nhiên thanh thản trên nét mặt trong tâm hồn mẹ nó. Huyền bí, khó tin đấy, nhưng quả là bằng một cách nào đó đứa con gái bé bỏng đã có một can thiệp thật quan trọng đến số phận bố mẹ. Khi con bé tròn một tuổi thì ông cậu sau những đợt nghiện, cai luân phiên, mà số tiền chi vào các đợt là cân bằng, đột nhiên bằng lòng với phương án "làm lại cuộc đời" ở một nước Đông Âu nào đó mà người chị đưa ra ngay khi trong nước những người không ngoan thay vì liều mạng trong các chuyến vượt biên đã tràn sang đó dưới đủ mọi dạng thức. Sáu tháng sau cái ngày cứu thế đó, nghĩa là khi Ái vừa tròn tuổi rưỡi, vợ chồng Lạng nhượng xong căn buồng của anh bấy lâu vẫn thuộc về Cự, cũng lo xong một suất đi Nga...

Ấy thế rồi, dùng một cái, sáng qua Lạng nhận được một cú điện thoại chết người của bạn Cự: nếu sáng mai không điện lại thì chỉ một hai ngày sau Cự sẽ lên máy bay về nước. Hẳn tiền oan nghiệp chương sao đấy chứ, cái quả bom tưởng đã ký thác xong cho đất Nga này lại lộn về. Buôn uranium bị bắt và trục suất nghe đã đủ rùng mình, nhưng rùng mình hơn rất nhiều là họ lại bị cầm tù ngay tại chính bốn chục mét vuông của mình cùng quả bom hẵn còn nặng ký hơn thuở nào.

Đấy, cả một tai họa có kém gì AIDS đang lù lù tiến đến, hỏi sao đầu óc anh không mệt mỏi và rối tinh rối mù lên. Vậy mà, trước cả nó lẫn anh, cách ứng xử của Vi là vậy: lẳng lặng đốt chín điều Vina, rồi ra phố "tới một cô bạn cũ!".

* * *

Trong mơ Vi thấy gương mặt một người đàn ông đang cúi xuống, một gương mặt thật quen mà chị không sao nhớ nổi là của ai, đã gặp ở đâu? Còn đang cố bối lộn trong mơ hỗn độn mịt mù các hình ảnh chị bỗng lạnh toát người nhận ra sự đụng chạm của hai bàn tay đàn ông vào tấm thân lớp nhóp của mình. Hồng rồi, hai bàn tay này đang sắp sửa lật nghiêng người chị, sắp sửa tuôn vào tấm thân đang ngấp nghé sống chết này một tấm khăn bông khô tiếp theo sẽ là cái chết, là im lặng vĩnh viễn cho một sự thật... Trong lúc cần phải hét lên thật to, thật mau cho bé Ái, cho Lạng đến kịp thì sao đầu óc mê mụ của chị lại quay sang tìm hỏi xem gương mặt vừa xa lạ vừa thật quen đang cúi xuống này là của ai? Trời ơi, sao lại ngu ngốc thế? Không kịp rồi! Con tôi, Ái của Mẹ ơi... Có cái gì cứ chặn lấy họng Vi trong lúc chị dồn hết sức lực vùng quẫy nhằm thoát khỏi tấm khăn bông dối trá, độc ác... Vùng quẫy, cứ vùng quẫy mãi rồi bỗng nhiên chị thấy mình chuôi khỏi hai bàn tay nọ, cùng lúc, một vùng sáng mờ đột ngột dội vào đôi mắt vụt mở của chị. Hiện ra trong vùng sáng này là gương mặt cứng cứng với các đường nét

cũng cứng cứng như thế của Lạng. Anh đang cúi xuống chị, phả vào chị hơi thở nồng nặc mùi thuốc lá.

- Em mơ gì khiếp thế. Quấy lộn lung tung, đập cả vào con.

Lúc này Vi mới nhận ra họ đang trong màn, cái vùng sáng mờ dọi vào mắt chị là ánh sáng ngọn đèn ngủ, Lạng nửa nằm nửa ngồi, bàn tay đang nhoài qua bé Ái đặt lên Vi chắc đã vừa thôi chị khỏi giấc mơ... Lạng mặc pizama, có vẻ anh cũng đang lâng lâng trong một giấc mơ nào đó bởi cái giọng lầu bầu nghe sền sệt ngái ngủ.

Vi nhấc tay Lạng ra, nhòe dậy. Chị chợt thấy đầu mình nặng trĩch còn bụng thì chộn rộn một cảm giác khó chịu vô tả.

- Máy giờ rồi nhĩ?

- Ai mà biết! - Lạng nằm xuống, cọ quây tẩm thân kênh càng hông lựa một tư thế dễ chịu trong phần giường còn lại.

- Em ngủ lâu chưa?

- Lâu. Từ những buổi chiều cơ.

Cố dần xuống cái cảm giác càng lúc càng chộn rộn trong dạ dày, Vi nhúu mày cố nhớ ra một điều gì mà không nói.

- Sao lại từ "những buổi chiều"?

- Thì em đi những đâu đấy từ trưa. Tối bảy giờ tối được cô Muội chở về trên một xích lô. Cô bảo em uống tối chín mười chén rượu gì đấy rồi nằm vật ra ngủ từ chiều. Thấy trời đã tối lại sắp mưa nên cô thuê xe đưa em về. Hai cô cháu em có dễ vui vẻ tối cả lít? Cô ấy cứ dí miệng vào mặt anh mà nói, phả ra toàn những rượu và mắm tôm, khiếp quá. Anh đã phải thanh minh với

hàng xóm hộ cô giáo rằng: "Cháu đến thăm cô, đi đường nắng nóng, tắm rồi bị cảm...".

Giờ Vi mới hiểu do đâu dạ dày đang bị khuấy lộn. Chị cất tiếng, và đột nhiên thấy trong giọng mình một vẻ thận trọng dè dặt nào đó:

- Thế cô Muội còn nói... có bảo gì nữa không?

- Không. À có! Bảo anh lấy dầu cao con hổ xoa vào gan bàn chân và thái dương. Bảo lấy khăn lau mồ hôi cho em kéo ngấm vào sẽ nguy. Mồ hôi thì vã ra như tắm mà nào có lau nổi? Mới lau khăn vào, em đã quấy lộn, đập, rồi lảm nhảm như điên. May con hôm nay không ngủ trưa nên chưa hết Bông hoa nhỏ đã ôm cổ bố ngủ lặn chử nó mà trông thấy cái cảnh đó thì em hết đường dạy dỗ nhé.

- Thôi, nằm xuống đi. Anh ngủ đây, mệt lắm!

Nói rồi Lạng trở người quay mặt vào tường. Đường như chỉ ngay sau đó anh đã cất tiếng ngáy. Lúc này Vi mới nhận ra tiếng mưa rơi rào rào, tiếng quạt số thấp chạy êm êm đều đều, nhận ra bầu không khí vây quanh chị đã khác hẳn ban ngày, ảo giác nào đó chợt khiến chị luồn tay vào áo, nhưng tấm lưng chị vừa chạm phải thật khô ráo, mát mẻ. Cúi nhìn con đang dúm mặt vào gối ngủ, ngủ đến ngoan và ngon, nhớ lại giấc mơ vừa thoát khỏi Vi bất giác rùng người. Tiếp ngay đó chị vội vã nhắc màn toài ra. Vừa vào kịp buông tấm là chị ngồi thụp xuống, ôm bụng nôn thốc tháo từng đợt. Người rũ ra sau mỗi đợt nôn hết thì nhẹ hẳn.

Vã nước lạnh vào mặt. Lau khô. Chậm chạp chị rời buồng tắm. Cũng chậm chạp thế chị đi tới bên bàn làm việc, ngồi xuống chiếc ghế đã kéo sẵn. Rót một tách trà

nguội uống, rồi một tách khác, tách nữa... Giờ thì chị đã có thể hiểu được điều gì đã diễn ra.

Phải, ngay sau lúc chia tay Khuất, Vi đã tới thẳng nhà cô Muội. Một mình với các đôi kim đan trơn bóng bà vẫn sống trong căn buồng bé tẹo giữa các đồ đạc mà kể từ ngày Vi tới đón Cự về nuôi đến giờ vị trí kê đặt chúng vẫn không hề thay đổi. Sau vài ba câu chuyện giao đãi Vi móc túi lấy ra hai chục nghìn đồng, nói, cô đi mua đồ ăn và bia để "vui vẻ" nhân dịp cô cháu gặp nhau.

Bà cô vừa khấp khởi xách chiếc rổ nhựa ra khỏi nhà Vi đã bước ngay tới bên chiếc tủ áo gồm nhất nhiều ô kéo có tay nắm bằng đồng. Vừa kéo cái ngăn dưới cùng ra Vi đã sững người trước mùi băng phiến hắc lờm đang xốc thẳng vào mũi mình, nhìn các viên băng phiến đã mòn đến chỉ còn bé tí ti trắng trắng hiện ra ở lượt quần áo, lòng chị nao nao. Lẽ nào tới giờ bà cô nghiện rượu vẫn chưa thôi bỏ băng phiến vào những quần áo có để đã mòn mủn?

Khi thọc tay vào giữa các mớ lạnh lạnh hình ảnh Cự trong cái ngày xa vắng lúc nó được đưa đến đây cùng các bộ quần áo này vụt hiển hiện. Bấy giờ Cự mới lên ba, lên ba nhưng nó còn ngọng lịu, ngây ngô chứ đâu được như bé Ái sau này? Rồi đề lên những hình ảnh bé bỏng đó là vẻ ngơ ngác đáng thương của đứa em trong bộ đồ complet chững chạc xa lạ với nó chả khác nào quang cảnh đang diễn ra trên sân bay Nội Bài buổi trưa ngày ra đi năm nào...

Nhưng Vi cũng đã kịp trấn tĩnh, dẹp sang các cảm xúc vẩn vơ để bắt đầu vào công việc tìm kiếm đã định. Lần lượt nhắc từng bộ đồ ra khỏi ô kéo xếp vào lòng,

nhắc cho đến khi nó chỉ còn rỗng không, rồi mau chóng xếp trả lại theo trật tự cũ. Xong ô kéo thứ nhất, thì chuyển sang ô kéo thứ hai, thứ ba... Thất vọng đến mức đồ dẫn chị đóng trả ô kéo cuối cùng. Với sự cẩn thận quá đáng của bà Muội thì chỉ còn một cách giải thích: vuông vải cào bông màu hồng nhạt có in các dây hoa trắng, bốn xung quanh viền vải cùng màu trắng đã không cùng Cự tới ngôi nhà này, mà vuông vải đó vốn là chăn đắp của thằng bé lên ba trong những ngày chớm lạnh...

Nếu lúc rút hai mươi ngàn đồng đưa cho người cô Vi chỉ nhằm xua bà ra khỏi nhà thì khi bà trở về với một rổ đầy nem chua, lòng lợn, bún, mắm tôm và linh tinh các loại ớt, rau thơm, hành củ, việc ăn uống với bà đã hóa một nhu cầu thực sự. Họ đã uống, đã ăn. Cháu hỏi, cô nói. Người ngập ngừng thận trọng, người ồn ào vô tư. Quá khứ đã được gọi lại sống động, rành rẽ. Thoạt đầu là quá khứ của Cự, những kỷ niệm nhói lòng trong suốt tám năm trong trắng, vô tội. Không, cũng không hẳn hoàn toàn vô tội, thằng bé đã một lần, à hai thì đúng hơn, phải thằng bé đã hai lần lấy trộm tiền của người cô để mua ô mai sấu, nó rất khoái loại ô mai trắng xoa muối, mặn chát... Xa hơn là quá khứ của một gia đình. Vụn vặt, lộn xộn đấy nhưng trong điều bà cô trả lời, kể lẽ tình không có một lời ca thán nào về người chị dâu tuyệt đẹp, về cả người anh trai giỏi giang hay vợ lấy việc của thiên hạ vào mình. Phải, cái gia đình đã tồn tại cho đến ngày một thành viên của nó lìa đời trong hồi nhớ của bà cô càng uống càng tỉnh đã hiện ra không một tỳ vết.

Chính sự bất lực chứ không phải buồn thương đã khiến Vi liêu xiêu từ chén rượu này sang chén rượu khác. Một gia đình yên ấm, hạnh phúc? Ô hô!

Nhưng dấu sao, trong trắng, vô tội, Cự đã sinh ra và lớn lên ở đó cho đến tuổi thứ hai rưỡi của nó. Dem cái mốc tuổi thơ ngây này đặt bên những tháng năm dày đặc các tình thế kinh hoàng mà nó đã đặt Vi vào, rồi tới bây giờ là nhà tù của một xứ sở xa lạ, là lệnh trục xuất, là chuyển một về không trở đi nay mai của đứa em, chị bỗng thấy lòng trống hoang, lạnh ngắt. Sao sự đời lại có thể xoay ra tới nông nỗi ấy? Sao tạo hóa lại cứ nhằm vào gia đình chị mà chọn người để "giao phó" các việc ghê gớm làm vậy?

Bên ngoài mưa vẫn rào rộ rơi. Trong mưa các ý nghĩ âm ỉ u tối cứ âm ỉ trong đầu Vi. Âm ỉ, trường nở... lấp đầy các bản thể trống hoang rồi bùng lên bi phẫn, cuồng nộ. Như chợt hiểu cái việc mình phải làm, ngay lúc này đây, người đàn bà bé nhỏ mang gương mặt đang hằn lên các suy tính lạnh lùng, quyết đoán hấp tấp khoác lên mình chiếc áo mưa màu ghi xám, hấp tấp mở ngăn kéo bàn lấy ra dưới tập vở một tờ bạc năm mươi ngàn đồng, nắm rõ chặt tờ bạc trong tay chị mở cửa bước ra, mất hút vào cơn mưa tối đen.

* * *

Mưa vẫn rơi thật lớn nhưng hoàn toàn câm lặng bên ngoài cabin kín mít. Mất tới vài ba phút quan sát sự câm lặng tuôn chảy trên các bức tường kính Vi mới tính ra được mình bước vào đây làm gì?

- Alô!... alô! Ai đấy, sao cứ im lặng thế?

- Chào bố. Con, Vi đây... - Sau cả hồi im lặng giọng nói Vi vang lên lạnh lùng, tách bạch.

- Ồ ra là Vi. Con đang ở đâu vậy? Có việc gì khẩn cấp mà gọi muộn thế?

- Con đang ở trong một cabin điện thoại công cộng. Cửa cabin đóng rất kín, bên ngoài lại đang mưa lớn...

- Sao con lại nói thế? Bố hỏi vậy vì chợt nghĩ hay con đã vào đây, đang ở đâu đó trong Sài Gòn.

- Không, con đang ở Hà Nội, gần nhà. Bố, ngày kia Cụ sẽ có mặt ở Hà Nội. Nó buôn Uranium, bị bắt, rồi bị trục xuất về nước.

Im lặng.

- Chiều nay con tới cô Muội. Bố có hiểu để làm gì không? Con tới để tìm vương vãi cào bông vốn là cái chặn của Cụ trước ngày mẹ chết.

- Bố hiểu Cụ về sẽ là một gánh nặng quá sức con. Bố giờ có rảnh rang hơn, con có thể để em vào đây ngay sau khi nó về nước.

- Bố, con đang nói... - Giọng Vi chợt gắt lên - Con nhớ rất rõ, buổi sáng đó, khi từ trường về con đã thấy bố đang dùng nó lau người mẹ. Khi con vào bố vẫn tiếp tục lau. Rồi bố ngồi xuống ôm con vào lòng, bảo: "Con lại với mẹ con đi". Con bước tới. Chỉ thấy mẹ đang ngủ. Với một đứa bé lên tám thì sự nhắm mắt của một con người chỉ có nghĩa là ngủ. Các việc sau đó có lẽ chẳng cần gọi lại.

Im lặng.

- Mẹ con đã chết vì một mũi insulin, có đúng vậy không?

...

- Con sẽ im lặng, nhưng bố thì phải trả lời con. Trả lời ngay đi, con không thể chờ hơn được nữa đâu.

- Đúng, insulin, đúng là nó đấy...

Rồi rạc, mất trí, sự thật vang lên rồi mất hút. Đường dây đã bị cắt.

Ngón tay bệch bạc dẫn dùm vì ngấm nước mưa giận dữ nhấn liên tiếp vào các con số nhưng vừa nhấn xong con số thứ chín thì bàn tay không mang nó bất đồ gác máy.

Chùng giữa buổi sáng của ngày hôm sau khi Vi còn đang nằm bệt dưới tấm chăn mỏng, người cứ lạnh run lên từng đợt bởi cơn sốt cảm lạnh mà chỉ mình chị biết khi chiếc Cup của Lạng chọt âm âm lao về. Xồng xộc bước vào, vệt tấm ri đô, cúi nhìn gương mặt đỏ bừng của Vi, vừa thở anh vừa hồi hả tin cho vợ hai cú điện thoại mới nhận được. Một: chiều tối nay Cự sẽ lên máy bay, bảy giờ sáng mai nó về tới Nội Bài. Hai: bố Vi mất hồi đêm - các con bệnh đến cắt thuốc đã phát hiện ra, người gọi điện là một cảnh sát khu vực, anh ta nói thấy số điện thoại của Lạng ghi trên bì chúc thư. Trong nhịp hồi hả này Lạng cũng tin luôn anh đã kịp mua hai vé máy bay chuyến ba rưỡi chiều nay, một cho nhà họ, một cho cô Muội...

* * *

Viên bác sĩ nghỉ hưu bấy lâu nay vẫn hành nghề đông y tại một bis trên đường Huỳnh Tịnh Của đã chết vì các viên gardenan. Trong thư để lại cho cảnh sát khu

vực ông đã nói rõ điều này, lại nói quyên sinh vì biết mình đã mắc phải một chứng bệnh nan y. Do bức thư này, do quá trình mọi hoạt động của ông đều rõ ràng, lương thiện nên việc khám nghiệm tử thi không diễn ra, cái chết được xem là tự nhiên. Các việc chuẩn bị cho tang lễ đã được các con bệnh mang ơn cứu nạn của người đã khuất lo liệu đầy đủ, thành thử sau khi đã có mặt tại ngôi nhà nhỏ, sạch sẽ, luẩn quẩn đủ mùi của các vị thuốc bắc, chẳng tồn tại một gia đình nào ngoài thi thể cứng ngắc đã được khâm liệm nằm rất gọn trong cỗ hòm màu xác pháo, điều Vi phải làm chỉ là bóc phong bì đựng chúc thư trước sự chứng giám của cô Muội và anh cảnh sát khu vực.

Ra chúc thư đã được hoàn tất từ nhiều năm trước, vẫn gọn đến không thể hơn, nó chỉ đem tới cho ba người sống hai thông tin: ngôi nhà, các tài sản trong đó cùng số tiền có trong sổ tiết kiệm sau khi viên bác sĩ chết sẽ được chia thành ba phần bằng nhau, thừa hưởng mỗi phần ba này là người chị gái tên Mân, người em gái tên Muội, Vi và Cự. Phần ba thuộc về Vi và Cự sẽ do Vi phân định.

Trao hai trong ba bản chúc thư cho bà cô, Vi xin phép được ra phố đi dạo. Người thương xót, kẻ ái ngại, cả bà cô già lẫn viên cảnh sát khu vực đều thấy việc thoát khỏi bầu không khí chết chóc trong chốc lát thật cần thiết đối với người đàn bà bé nhỏ xanh tái này, họ chỉ ân cần khuyên chị cố gắng bình tâm và chớ nên đi xa.

Phải chăng lời khuyên là hiệu lực? Ra khỏi con phố ngắn, vừa bước sang ngã bên của con phố cắt ngang nó, Vi đã vội vã tạt vào một tiệm café, vội vã ngồi ngay xuống chiếc ghế đầu tiên bắt gặp.

- Cho một ly nóng.

Vừa dứt lời với bà chủ quán lạch bạch bước tới rồi lại lạch bạch bước đi. Vì lập cập xé bì thư để lại cho mình.

Không ngày tháng, không cả tên Vi trên dòng đầu trang giấy nồng nặc các vị thuốc bắc hẳn đã được xé vội từ một cuốn vở ghi tên các con bệnh.

Bức thư bắt đầu ngay, nó như thế này:

"Ngày mẹ con bị bệnh, một căn bệnh ít người qua khỏi, mọi người đều hiểu rõ điều này, rõ như ta biết khả năng vượt qua nó của cơ thể bà. Nhưng chính trong những ngày đó ta đã phát hiện ra cả con và Cự đều không do ta sinh ra! Người đàn bà đang phải hầu hạ và sẽ còn phải hầu hạ vất vả, nỗ lực trong nhiều năm nữa đã phản bội ta nhiều lần, với nhiều người khác nhau... Ta có đủ cơ sở để khẳng định: con và Cự được sinh ra bởi hai chứ không phải một người bố.

Con hãy đặt mình vào vị trí của ta lúc ấy?

Con nói sẽ im lặng chỉ cần ta công nhận sự thật đó với con. Thì đấy, ta đã nói, nhưng cái chết của người đàn bà đó đã đeo đẳng, đầu độc, suốt hơn một phần tư thế kỷ sống của ta, được thoát khỏi nỗi ám ảnh này âu cũng là tốt.

Con đã mơ ước trở thành một sử gia, rồi đã phải mau chóng từ bỏ nó. Thử nhớ lại mà xem, những ngày con gặp bế tắc trong công việc cách nay bao lâu?

Vừa đúng mười hai năm! Sau một chu kỳ sống số phận lại bắt con đối mặt với cái nghiệp của mình, phải thế không? Con đòi hỏi sự thật ở ta ư, thì đấy, con đã đạt được nó. Nhưng ai đã sinh ra con? Ra Cự? Tiếp tục

đào bới quá khứ lần tìm các sự thật này chẳng, hay dành tấp nó lại giành sức cho mưu sinh, cho cuộc vật lộn mai này với đứa em nghịch tử của con?

Ta đã có tám năm yêu thương và gắn bó với con. Lại là đàn ông, đã trải qua hơn sáu chục năm sống, nên thực sự ái ngại cho cái gánh nặng mà rồi đây con sẽ phải mang, nhưng chỉ đành thở dài cho con trước khi từ giã cái phận làm người cũng chẳng nhẹ gì với ta này. Thật buồn, ra những thông minh của con vẫn chưa đủ để vượt ra khỏi cái bẫy của lòng tự thị. Lối thoát của con người ngày nay trước các sự biến đường như không ngoài những thỏa hiệp, con là ai mà muốn vượt khỏi kích cỡ của bề dày kinh nghiệm đã đúc rút từ biết bao nhiêu trả giá này?

"Người ta thường u mê trong sự khôn ngoan của chính mình" - Ta chợt nhớ ra một câu đã đọc ở đâu đó, hoặc được nghe từ miệng một người nào, chép lại cho con thay lời giã biệt".

Phần III

Tiếng khóc và tiếng hát
Tình yêu thời đổi mới

Tiếng hát và tiếng khóc

Trang Thế Hy

Chị bán thuốc lá hỏi tôi:

- Chắc cậu cũng là họa sĩ như ông Hải, chủ nhà này?

- Không. Nhưng nghề ổng và nghề tôi có bà con gần với nhau. Tôi viết tuồng. Dem một kịch bản lên sân khấu đòi hỏi sự góp sức của nhiều người trong đó có ông họa sĩ.

- Hèn chi!

- Hèn chi là sao?

- Mới quen nhau có mấy bữa đã hỏi tùm lum đủ thứ chuyện mà toàn là chuyện bá láp. Thành ra tôi cũng phải đáp lại bằng những chuyện... tầm ruồng để phá huề... Nhưng có cái này hơi khó hiểu là cách lắng nghe của cậu: chăm chỉ không ra chăm chỉ mà lơ đãng cũng không ra lơ đãng, rồi có lúc lại nhìn tôi chăm bẵm coi kỳ cục lắm.

Tôi cười gượng, hơi mắc cỡ:

- Xin lỗi chị nếu như...

- Cậu đừng ngại, tôi nhiệt tình lắm. Đàn ông nào lẳng lơ sàm sỡ với tôi, tôi "trị" liền trước mặt và tại chỗ chó không để bụng rồi chê bai, cười nhạo sau lưng người ta đâu... Tôi nói "kỳ cục" tại vì tôi không hiểu nên không biết nói thế nào cho đúng. Bây giờ thì tôi biết rồi...

- Biết cái gì?

- Lúc lơ đãng chắc cậu nhớ đến một người nào đó có giọng nói giống tôi...

- Giỏi! Phải nói là cực kỳ giỏi. Được một người như chị đi guốc trong bụng là một hân hạnh lớn.

Chị bán thuốc lá mỉm cười thân ái, môi dưới hơi trề ra theo kiểu cách của một người phụ nữ đứng tuổi biết rõ nhan sắc đang suy tàn của mình vẫn còn sức quyến rũ, muốn chê bai một câu nịnh đầm rẻ tiền mà không nỡ nói ra lời vì thương người đối thoại. Chị nói tiếp:

- Lúc chăm chỉ lắng nghe chắc cậu nghiệm để đánh giá coi giọng nói của tôi có "ăn micro" hay không, nhất là còn ma lực câu thính giả nữa hay không... Còn chăm bẵm nhìn tôi là để cân nhắc coi có nên mượn ánh đèn sân khấu dụ dỗ bà già trầu chưa hết duyên này bỏ bán thuốc lá để học làm đào già chuyên đóng vai mụ hay không.

Tôi lắc đầu:

- Tôi không yêu nghề đến mức như chị tưởng đâu. Lúc ngồi nói chuyện với chị, cái nghề bạc bẽo của tôi nó bỏ rơi tôi để "đi chỗ khác chơi" và đi rất xa... Thực ra, tôi hỏi chị những gì tôi quên hết rồi, còn những lời chị nói, tôi có nghe đâu mà nhớ hay không nhớ. Tôi gọi chị nói cốt để nghe giọng nói của chị thôi. Giọng của chị lạ lắm. Ngồi bên cạnh chị, nghe chị nói, có lúc nhìn thẳng vào mắt chị nữa, mà lại giống như ngồi một mình sau giấc ngủ, hồi tưởng lại giọng nói mơ hồ của một người nào đó rất thân nhưng không nhớ là ai, nghe được trong một giấc chiêm bao buồn...

Chị bán thuốc lá quay mặt nhìn thẳng vào mắt tôi, đưa một ngón tay trở lên, đe:

- Tán hả? Mới được khen đứng đắn đó đã "được

mọi" trở mồi dê rồi! Mấy tuổi? Ba mươi tám à. Vậy là phải biết phận làm em. Nè, nói trước cho mà liệu, lỡ đã khai nghề nghiệp rồi thì đừng có "dê" tôi nghe chưa. Tôi bể mấy ông văn nghệ sĩ lắm. Hồi trước đã bể rồi, bây giờ tưởng đỡ hơn, té ra càng bể thêm.

- Bể vì vụ gì?

- Lúc còn nghèo khổ, hể mở miệng là bình vực người nghèo khổ, tới khi ngồi nhà hàng, uống rượu Tây, đi xe hơi, nghĩa là khi đã chen lấn, bươn quào thoát ra khỏi cái kiếp nghèo rồi thì những người nghèo khổ không còn có mặt trong cuộc đời này nữa. Hóa ra cái khối người nghèo khổ trước kia đầu lưng lại làm diễn đàn để họ đứng lên đó mà kêu ca rên xiết cho cái thân phận riêng của chính họ mà thôi.

- Chị có chữa chỗ cho một ngoại lệ nào không?

- Rất tiếc là ngoại lệ hơi ít, nhưng cũng có. Như ông họa sĩ Hải, bạn của cậu, nhờ cậu giữ nhà giùm đây nè. Hồi mới quen, tôi rất ngán ổng. Một con người ít nói dễ sợ! "Chọc lét ổng hồi đầu hôm, ổng đợi tới khuya ổng mới cười". Một chị bán đậu hủ non, ngày nào cũng ghé xin nước rửa chén, gheo ổng như vậy rồi lặp đi lặp lại hoài, ổng làm thính. Một bữa nọ ổng quật lại "Cũng còn tuy là chọc trúng nhằm chỗ nào... Chị tưởng chị ăn nói với đàn ông như vậy là có duyên lắm hả?". Chị bán đậu hủ hoảng hồn luôn. Tôi hỏi sao ổng ghét phụ nữ quá vậy, ổng biểu tôi đừng có gieo tiếng dữ, ổng sợ phụ nữ chứ đâu dám ghét. Cho đến lúc cưới vợ, gần bốn mươi tuổi, ổng chỉ có thiện cảm với một người phụ nữ duy nhất mà thôi. Đó là mẹ ổng. ổng nói ổng mang ơn bà xã đã chữa lành giùm ổng một chứng bệnh tưởng đâu nan

y: bệnh sợ phụ nữ. Bây giờ thêm được một cô thầy thuốc nhỏ nữa là đứa con gái mười một tuổi.

- Phải đếm thêm chị nữa chứ.

- Cũng có thể. Ông có vẽ tặng cho tôi một tấm hình. Ông nói chân dung nghệ thuật vượt thời gian, không phải hình truyền thần kiểu hình thờ. Do ông cao hứng chớ tôi đâu dám đeo bông. Lúc cầm tấm hình, tôi ngạc nhiên đến sững sờ rồi sau đó là buồn. Gương mặt của một bà già nào chứ không phải gương mặt của tôi mà tôi nhìn mỗi ngày trong gương soi. Ông nói: "Nếu chị không chết sớm, năm năm nữa chị sẽ giống tấm hình này - chị nhớ kỹ lời tôi nói nhé - chị sẽ biến dạng để giống tấm hình, còn tấm hình là vật vô tri, nó sẽ cứ y nguyên như vậy hoài". Tôi đem về nhà, lồng kiếng, treo một chỗ rất khuất trong buồng ngủ không dám cho ai thấy vì tự ái. Tôi không nhìn nó thường rồi tôi quên nó đi. Cách đây vài tuần, tôi lau bụi phủ mờ mặt kiếng, nhìn kỹ và cảm động đến ứa nước mắt. Ông nói năm năm, mới có một năm mà tôi đã thấy tôi bắt đầu giống tấm hình rồi. Và chắc chắn bốn năm nữa, gương mặt tôi sẽ giống y như vậy. Không biết ông dòm kỹ tôi hồi nào, nhìn lên tôi cũng chưa hề bắt gặp. Vậy mà lúc vẽ tôi, ông vẽ thuộc lòng. Điều làm tôi cảm động là ông vừa vẽ vừa phải ánh chừng coi trong năm năm, dung nhan vốn không mấy gì xinh đẹp lắm của tôi sẽ tàn tạ, héo úa đi cỡ nào, trong cuộc sống bấp bênh này nó làm cho người nghèo già đi rất nhanh... Sao? Có nghe tôi nói không hay là nghe ai nói trong chiêm bao?

- Nghe chứ. Nghe rất kỹ.

Tôi đáp cầm chừng rồi lặng im. Đột nhiên tôi

chạnh lòng thương người họa sĩ nghèo, một nghệ sĩ đàn anh, bạn thân của anh tôi chứ không phải của tôi nhưng rất thương tôi. Giờ này, vợ anh và đứa con gái nghỉ hè đang ở nhà bà nội tại quê anh. Còn anh thì chắc đang gầy một đồng un lớn, lửa ít khói nhiều để đuổi muỗi tại một cụm rừng đước ở mũi Cà Mau. Hôm mượn tôi đến ở giữ nhà giùm trong một tháng, anh khoe mới nhận được đơn đặt hàng của một Việt Kiều. Ông này gốc người Cà Mau muốn đem về Pháp một bộ bình phong sơn mài vẽ cảnh rừng đước. Ngoài chức năng trang trí, nó sẽ giúp ông chống chọi với nỗi buồn xa xứ.

Hộ của anh Hải gồm một cái nhà để xe hơi, bây giờ là xưởng vẽ và một căn phòng nhỏ vốn là chỗ ở của bồi bếp. Trước kia, cái cơ ngơi nhỏ bé này là bộ phận của một biệt thự lớn mà người chủ bây giờ là một viên chức nhà nước cao cấp đã về hưu. Ngôi biệt thự và hộ của anh Hải được ngăn tách biệt ra bằng một dãy tường cao mới xây từ khi ngôi biệt thự được tân trang thành khách sạn mini.

Mới có hơn tám giờ tối, con đường đã im vắng như phố nhỏ tỉnh lẻ mặc dù cách đây chỉ ba trăm mét, nó giao tiếp với một con đường lớn giờ này xe cộ còn nườm nượp, ồn ào. Mưa lất phất từ chập tối, bây giờ coi mỗi muốn nặng hạt.

- Ướt, ướt! Nhắc xít cái ghế đầu vô - Chị bán thuốc là vừa ra lệnh vừa chỉnh lại tấm bạt làm mái che chiếc xe đẩy của chị... - Mắc cỡ hả? Tôi ăn nói dữ dần vậy chớ hiền khô à. Cậu em dám làm hỗn, dè bà chị, bà chị và miệng thôi chứ không ăn tươi nuốt sống đâu mà sợ.

Xéo xéo bên kia đường, dọc theo dãy tường cao của một cụm biệt thự, dưới tàng một cây bã đậu mà gai

nhọn đã bị gạt bỏ để nó không đâm vào lưng người đứng dựa, một cặp nam nữ thanh niên đang mua bán ái tình theo vị thế người bán đứng mà người mua cũng đứng. Chị bán thuốc lá nói, giọng buồn gần như khóc:

- Đừng dòm! Người ta mắc cỡ tội nghiệp. Chẳng qua cũng chỉ vì nghèo. Lột bỏ hết các thứ tiện nghi sang trọng, phơi trần ra, thì cuộc mua bán thịt người tại những khách sạn nhiều ngôi sao cũng tũn đơ hầy như vậy mà thôi... tôi nói nghèo đây là nói về phía người bán, phía người mua đôi khi cũng có kẻ không nghèo nhưng cao lương mỹ vị mãi sanh nhàm, muốn ăn thứ cá hủng hình kho khô quệt coi nó ngon ra làm sao... Nhắc xít cái ghế vô, tôi nói tiếp về ông họa sĩ Hải cho nghe. Hồi tôi thương lượng gửi chiếc xe đẩy này, ông biểu tôi coi góc sân nào vừa ý, cứ việc đẩy vô đó, đừng nói chuyện tiền bạc gì hết. Ba tháng sau, tôi mới mở miệng: "Anh Hải à, tôi nghèo thật, nhưng anh cũng không khá gì hơn tôi đâu...". Ông nạt tôi liền: "Chị còn nói chuyện tiền bạc nữa, tôi nghỉ chơi với chị luôn. Chị không tin ở tấm lòng của một người cùng giai cấp với chị sao... xin lỗi chị, tôi quen miệng... phải nói là cùng thân phận dễ nghe hơn, mình đang sống trong một xã hội không có giai cấp mà nói giai cấp nghe "quê" quá! Người như vậy khi thoát khỏi kiếp nghèo sẽ không bao giờ quên người nghèo... nói cho đỡ buồn thôi, ông đầu thai biết mấy kiếp nữa mới hết nghèo... Biểu đừng có ngó qua bên, à mà quên nữa, nghề của cậu đòi hỏi cậu phải nghe nhìn không bỏ sót một thứ gì... muốn nhìn ở tầm gần không? Bữa nào tôi giới thiệu cho một con nhỏ câm?

- Câm à?

- Cầm bầm sinh, nhưng không điếc. Mẹ bà thương, bù lại cho nó gương mặt và một vóc hình coi được lắm. Mỗi tối, một thằng ma cô chở nó bằng xe đạp, cõ mười một giờ đến rước nó về. Đêm nào không kiếm được khách, thằng ma cô đánh nó, nó khóc. Tiếng khóc của đứa con gái cầm bị đánh khó ai nại giống lắm, nó thảm thiết quá chừng, nghe hoài hằng đêm, vậy mà hể nghe là ruột gan mình quặn thắt. Đêm nào kiếm được khá tiền, thằng ma cô khen nó giỏi, ôm hun nó, nó cũng la ó ó gần giống như nó khóc, nhưng người nào nghe quen như tôi ông Hải thì biết là nó hát chứ không phải khóc. Ông Hải còn phân biệt được là nó thuộc tới ba bài hát nữa kia. Đưa cái này lên sân khấu chắc là hơi khó, nhưng đó là nghề của cậu, lo gì... Thôi mình vô, mưa lớn quá rồi.

Chị bán thuốc lá đưa cho tôi một điếu thuốc thơm không đầu lọc. Chị biết thói quen của tôi chỉ hút một điếu thuốc thơm lúc sáng sớm với tách cà phê rồi suốt ngày toàn hút thuốc đen loại nặng. Chị hỏi:

- Sao? Phân biệt được chưa? Hơn nửa tháng rồi. Nghe nhiều rồi.

Tôi lắc đầu:

Xin chịu thua. Khóc cũng la ó ó mà hát cũng la ó ó làm sao phân biệt nổi.

- May mắn cho những người nghèo khổ vì cậu chỉ là một người viết tuồng. Không phân biệt được tiếng khóc với tiếng hát, chỉ báo hại cho cái phận bất tài của mình thôi, không báo hại ai. Nếu rủi ro cậu được giao cho một chức tước gì đó có dính dáng tới số phận của những người nghèo khổ...

Bị xúc phạm hơi đột ngột, tôi nổi nóng và u mê, nói bậy:

- Số đông người nghèo khổ biết nói nhiều hơn cầm.

Chị bán thuốc lá nhìn tôi, mỉm cười, độ lượng:

Nhưng họ không nói. Tiếng la ó ó của một cô gái điếm cầm dẫu sao cũng là những âm thanh để cậu nghe mà phân biệt cô khóc hay cô hát. Một người nghèo khổ biết nói mà làm thính không nói đưa cho cậu mảnh giấy ghi câu đó:

"Đố ông thầy tuồng biết trong bụng tôi đang khóc hay đang hát?". Đó mới là chuyện hiểm hóc... Cậu em à, hôm nọ, em nói rằng nghề viết tuồng của em là một nghề bạc bẽo. Chị biết em không nói thật lòng đâu mà em nói lầy. Bây giờ, chị nói thật lòng với em đây: nếu như em thật sự yêu nghề... thì em phải lắng nghe cho được ngôn ngữ lặng thầm của những người đau khổ biết nói mà làm thính không nói.

Khi bắt đầu xưng chị, gọi tôi bằng em, giọng nói của chị bán thuốc lá ngọt ngào hơn, gây xao xuyến mạnh hơn vào bản sinh nhạy cảm của tôi. Nhưng lạ thay, cái thói mơ mộng vật thường ngày của tôi lại bay bổng đi đâu mất. Tôi không nghe lời nói của chị vang vọng mơ hồ từ một giấc chiêm bao buồn. Tôi nghe đó là lời răn dạy rất nghiêm có giá trị thức tỉnh cao của một hiện thực đau buồn nhắc nhở người cầm bút đừng bao giờ đánh mất cái điểm tựa đáng tin cậy của mình là nỗi đau khổ lớn của số đông thầm lặng.

8.1990

Chiếc thuyền ngoài xa

Nguyễn Minh Châu

Trưởng phòng tôi là người sâu sắc, lại cũng lắm sáng kiến đến cái mức có khi bọn chúng tôi trong cơ quan phát mệt vì anh.

Trước đây chừng dăm tháng, để chuẩn bị cho tấm lịch năm sau, anh tỏ ý không bằng lòng với cách làm ăn từ trước tới giờ - Sang năm chúng ta sẽ đem đến cho mỗi gia đình một bộ sưu tập chuyên đề về thuyền và biển - anh nói quả quyết - Thôi bỏ cái lối mỗi thứ một tí đi. Phải có một bộ sưu tập chuyên đề. 12 tháng là 12 bức ảnh nghệ thuật về thuyền và biển. Không có người. Hoàn toàn thế giới tĩnh vật...

Chúng tôi xách máy lên đường, suy nghĩ, chọn cảnh, bấm máy suốt năm tháng. Và tất cả những gì thu được bằng ánh sáng đen trắng trên giấy ảnh đang được trình bày ra la liệt trên hai chiếc bàn ghép lại, và quả tình lúc đó tôi đã lấy làm bằng lòng lắm, đoán chắc không còn phải xách máy đi chụp bổ sung như mọi năm nữa.

Làn khói thuốc lá cuộn phun ra mù mịt trước cặp mắt đầy tinh khôn của trưởng phòng đang nheo lại sau mắt kính lão. Đột nhiên trưởng phòng quay sang phía tôi hỏi:

- Bây giờ đã là tháng mấy nhỉ?
- Tháng bảy. - Tôi đáp với một vẻ dè chừng.
- Tháng này ở biển vẫn còn sương chứ?
- Chỉ có bão táp với biển động. Muốn lấy sương thì

phải nghĩ đến từ tháng ba cơ.

- Này anh Phùng - trưởng phòng dường như đã nhìn thấy rõ mọi ý nghĩ ngần ngại của tôi, cho nên anh vừa nói vừa nhăn nhó cái mặt lộ vẻ đau khổ - tôi cho anh một tháng, một tháng là đủ chứ gì?... Anh giúp tôi thêm một cảnh buổi sáng có sương đi.

- Trời ơi - tôi nhật một bức ảnh ngay trong tầm tay - với hàng trăm bức ảnh đẹp, chụp công phu thế này mà anh... - Đẹp thì đẹp thực - anh cướp lời tôi - Và nhất là lại có hồn nữa. Đúng là những bức ảnh nghệ thuật. Nói thực tình năm nay các anh đi về, khác với những năm khác, tấm nào ít nhiều tôi cũng thích. Nhưng không thể chọn đủ cho mười hai tháng, vẫn đang còn thiếu một tờ.

Ở đời cái gì cũng thế, con người bản tính vốn lười biếng, đôi khi mình hãy cứ để cho mình rơi vào hoàn cảnh bị ép buộc phải làm, không khéo lại làm được một cái gì.

Năm ngày sau tôi đã có mặt ở một vùng biển cách Hà Nội ngoài sáu trăm cây số. Tôi vác máy tới một dải bờ cát nằm "phục kích" thiên nhiên ở cái khoảng giao điểm ngày vừa rạng, đêm chưa tắt hẳn, bấy giờ cũng là lúc những chiếc thuyền đánh cá bằng vỏ bè hiện ra trong khoảng mờ tỏ của bình minh.

Thực ra đi chuyến này tôi còn có ý muốn trở về thăm một chiến trường cũ ở đây tôi có một thằng bạn vừa là đồng hương, vừa là đồng đội đã từng mười năm ở

với nhau trên rừng A So, trước đây là một trung đội phó bộ binh nổi tiếng hay đùa tếu và bây giờ, lạy trời, ở ngay cái vùng biển ấy hẳn ta đang làm một thứ công tác... nghiêm túc đến mức chẳng ai có thể tưởng tượng, chính hẳn lại có thể làm nổi, mà trong thực tế hẳn ta đã làm hai ba năm nay chứ không ít. Đời chúng tôi cái đám lính của một thời chống Mỹ, từ sau *bảy năm* thật chẳng ít chuyện trở trêu và bất ngờ.

Thật ra ở đây chưa phải là biển mà mới chỉ là một vùng phá ăn sâu vào đất liền chạy quanh quất như chơi trò trốn tìm giữa các thôn ỏ, chợ búa trong một phạm vi hàng mấy chục cây số. Chẳng phải nói, cái vùng nước mà tôi vừa vác máy ảnh đến để chụp bổ sung cho bộ sưu tập thật là thơ mộng, và nhất là dường như trong suốt dải bờ biển của khắp cả nước, chỉ ở đây vào giữa tháng bảy là còn sương mù. Nơi đây, nếu bỏ ra ngoài tầm mắt những bãi xe tăng do bọn thiết giáp nguy vút lại trên đường rút chạy hồi "tháng ba bảy năm" (bây giờ sau gần mười năm, đã bị hơi nước mặn gặm mòn và làm cho sét gỉ), vùng phá nước có một cái gì đấy thật là phẳng lặng và tươi mát như da thịt của mùa thu đang áp vào tâm hồn anh. Tôi trở nên ngây ngất vào mỗi buổi sáng, bầu trời không xanh biếc, cao thăm thăm mà đượm một màu sắc giữa xanh và xám, bầu trời như hạ thấp xuống và như ngưng đọng lại; giữa trời và nước ấy chỉ có một chiếc thuyền của một gia đình làm nghề vó bè đang tỏa khói bếp giữa phá - chiếc thuyền đứng im như làm bằng các-tông dán vào cảnh vật êm ả.

Hai ngày đầu, suýt nữa tôi đã quyết định đưa vào tờ lịch tháng bảy khung cảnh người ta đẩy một chiếc

thuyền xuống nước. Đó là một chiếc thuyền mới đóng xong vẫn còn thơm mùi gỗ lẫn mùi dầu rái. Tôi đã chọn được một thằng bé khoảng lên năm có đầy đủ ngoại hình con trai của một hàng chài, lại có cặp mắt thật đen gọi cho tôi nghĩ đến con mắt người ta vẽ trên đầu mũi thuyền, thằng bé đánh trần, lội ra đứng giữa những làn sóng bạc đầu giăng tay vút một nắm phoi bào ra thật xa. Trong khi đó, ở trên bờ, bố mẹ nó và những người lớn đứng xếp hàng dọc ghé vai vào hai bên mạn chiếc thuyền mới. Tôi chỉ cần chụp đặc tả những chiếc vai trần của ngư phủ cùng với một hàng bàn chân to bè của họ dậm lún vào cát.

Nhưng tôi vội thay ngay cảnh đẩy thuyền đầy không khí vui nhộn hơi thô lỗ và thật hùng tráng. Thất bại thấy trước là tôi đã không làm sao thu được vào ống kính khoảnh khắc chiếc thuyền đập mình xuống nước làm vỡ tung tóe từng đám bọt sóng trắng xoá.

Tôi cũng quyết định thôi không lấy cảnh sương và cát như trường phòng ở nhà đã gợi ý, mặc dầu có những đêm thật lý thú, tôi ra ngủ ngay giữa bãi cát ven bờ phá, theo lời rủ rê của một thằng bé mặt mũi xấu xí nhưng có một trí nhớ khác thường, quần áo dính đầy nhựa cây, nó là đứa cháu ngoại của một ông lão làm nghề sơn tràng ở tận trên miền rừng A So, hai ông cháu lái một chiếc xe Reo của gia đình chở gỗ về bán cho xưởng đóng thuyền. Trong những đêm như thế, thằng nhóc tận trên rừng xuống và tôi như hai nhà hiền triết nằm kê đầu trên mười ngón tay đan vào nhau, nằm ngửa sóng đôi bên nhau, mắt nhìn dăm dăm vào khoảng mờ trắng của sương đêm, cùng hồi hộp chờ một

tiếng vạc rất nhỏ kêu thảng thốt trong bầu trời sương tít trên cao, nghe như vọng về từ một thời hồng hoang nào đó, cái thời chung quanh vùng biển này chỉ có lau lách và tiếng sóng vỗ, chưa có người.

Thế rồi cuối cùng, tìm đi kiếm lại, vác máy ảnh tha thần suốt một tuần lễ, tôi quyết định thu vào tờ lịch tháng bảy của năm sau cảnh thuyền đánh cá thu lưới vào lúc nhập nhoạng sáng. Ai đã cầm máy ảnh có kinh nghiệm đều biết đó là một cảnh chết cháy - một đề tài đã có quá nhiều người khai thác, đã từng để lại những bức ảnh thật đẹp, đầy chất thơ của những người cầm máy ảnh có tên tuổi.

Cái gì đã xui khiến tôi tự thách thức bằng cái việc mạo hiểm ấy? Có lẽ trước hết, không phải do sự hấp dẫn của hình ảnh mà chính là những tiếng động đầy vẻ náo nhiệt ở cách xa hàng cây số cũng nghe tiếng của một nhóm thuyền đánh cá đêm bằng vỏ bè. Tôi chỉ được nghe cái âm thanh của sự làm ăn có cái gì như ma quái ấy vào những đêm thật tối trời và chỉ được nghe thấy vào quãng gần sáng, vào lúc mà thằng Phác - thằng bé từ trên rừng "hạ sơn" xuống đã nép vào sườn tôi ngủ say như chết sau khi nó cặn kẽ giải thích cho tôi nghe cuộc sống của những giống chim trên rừng, trước mùa thu, trước mùa giá rét rất lâu, chúng đã sẵn xỏ rìi tổ xây trên các lùm cây dễ um tùm để làm những cuộc di cư.

Không phải ngay trong mấy ngày đầu mới đến mà về sau khi đã chụp trọn gần một cuốn phim, tôi mới có dịp hiểu đôi chút về cách làm ăn lâu đời của những "tổ hợp tác" gồm những chiếc thuyền đánh cá không có bến này. Bao giờ họ cũng chỉ liên kết với nhau chỉ trong một

đêm hoặc một ngày chứ không lâu. Thường thường mỗi thuyền là một gia đình, ngoài thuyền lớn còn vài chiếc mủng để đi lại. Cuộc sống cứ lênh đênh khắp cả một vùng phá mênh mông. Cưới xin, sinh con đẻ cái, hoặc lúc nhăm mắt cũng chỉ trên một chiếc thuyền. Xóm giềng không có. Quê hương bản quán cả chục cây số trời nước chứ không cố kết vào một khoảnh đất nào.

Vào một buổi sáng tôi thức dậy. Đàng đông đã sáng trắng. Trên một nửa vòm trời sao đã lặn hết. Những đám mây hình vỏ sò cứ hồng lên dần, trong khi đó, mặt biển tuy đã sáng rõ, đến cái mức đứng trong bờ cũng nhìn thấy từng đường gấp nếp lăn tăn trên mặt tấm thép dát màu xám đục, nhưng sao mà tẻ nhạt, tiếng sóng ồ ồ dội vào giấc ngủ suốt đêm chạy trốn đi đâu hết, biển im thít và không màu sắc, như một con sứa khổng lồ giạt vào bãi.

Ngay chỗ bãi các xe tăng nhìn ra, một nhóm chừng dăm chiếc thuyền vó vừa tắt đèn. Những chiếc mủng sông treo thông giữa lòng các tấm lưới đã tắt hết nhưng những đợt tiếng la hét vẫn cứ vang lên. Đó là đám người đã được phân công làm công việc xua cá vào lưới. Phần nhiều đàn bà, trẻ con, họ ngồi trên những chiếc mủng lúc nào cũng thả trôi lượn lơ mé ngoài. Có khi tản mát mỗi nơi một chiếc. Số mủng bất chợt được tập hợp lại, từ bốn góc hời hả chèo tới. Đến cự ly cách mũi thuyền chừng trăm mét, tất cả buông chèo vó lấy hai gióng tre khô vút trong lòng mủng gỗ âm âm, có người dùng ngay bơi chèo gỗ vào thành mủng, tay gõ miêng hét:

- Hối, hối...

Trong mấy cái phút ấy, tôi quỳ một chân trên nền cát ướt, máy đã đặt sát vào mắt như một người đi săn chỉ rình ít phút nữa con thú sẽ tuông ra khỏi cánh rừng, tôi chờ cái lúc năm sáu chiếc lưới vó cùng một lúc từ từ dâng lên.

Tôi bấm máy lia lịa. Qua khuôn hình ánh sáng, tôi đã hình dung thấy trước những tấm ảnh nghệ thuật của tôi sẽ là vài ba chiếc mũi thuyền và một cảnh đan chéo của những tấm lưới động đầy những giọt nước, mỗi mắt lưới sẽ là một nốt nhạc trong bản hòa tấu ánh sáng và bóng tối, tượng trưng cho khung cảnh bình minh là một khoảng sáng rực rỡ đến mức chói mắt, trong khoảng sáng đó sẽ hiện lên trong tầm nhìn thật xa những đường nét của thân hình một người đàn bà đang cúi lom khom, sải cánh tay thật dài về phía trước kéo tấm lưới lên khỏi mặt nước, và phía sau lưng người đàn bà, hình một ngư phủ và một đứa trẻ đứng thẳng trên đầu mũi thuyền, dùng lực toàn thân làm đòn bẩy nâng bổng hai chiếc gọng lưới chĩa thẳng lên trời.

Nói chung tôi đã tìm được một bố cục chặt chẽ, và tôi lại có tính duy tâm nghề nghiệp, tôi lại còn tin vào cái ngẫu nhiên đây "số đỏ" của tôi nữa. Tôi nghĩ rằng với những tay nhiếp ảnh nghệ thuật, nếu không có thêm sự sắp đặt đầy tài tình của ngẫu nhiên thì với tài ba đến bao nhiêu, anh cũng chỉ... thu được những tấm ảnh vô hồn.

Cũng như lúc tụ lại, cái đội hình của sự làm ăn trôi nổi trên mặt nước tản ra rất nhanh. Đây là mẻ lưới cuối cùng. Trong nháy mắt, trước mặt tôi chỉ còn một khoảng phá nước trống không.

Lúc bấy giờ trời đầy mù từ ngoài biển bay vào. Lại lác đác mấy hạt mưa. Tôi rúc vào bên bánh xích của một chiếc xe tăng để tránh mưa, đang lúi húi thay phim lúc ngẩng lên thấy một chuyện hơi lạ: một chiếc thuyền lưới vó mà tôi đoán là trong nhóm đánh cá ban nãy đang chèo thẳng vào trước mặt tôi.

Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh "đất" trời cho như vậy: trước mắt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hòa và đẹp, một vẻ đẹp thật đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào? Chẳng biết ai đó lần đầu đã phát hiện ra bản thân cái đẹp chính là đạo đức? Trong giây phút bối rối, tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lý của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn.

Chẳng phải lựa chọn xê dịch gì nữa, tôi gác máy lên bánh xích của chiếc xe tăng-hồng bấm "liên thanh" một hồi hết một phần tư cuộn phim, thu vào chiếc Pratica cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn mình, do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa mang lại.

Tôi chắc mẩm ngay trong ngày hôm nay hoặc sáng hôm mai đã có thể nhảy lên tàu hoả trở về, nếu cái anh bạn đồng ngũ không cố níu giữ ở lại chơi thêm vài bữa.

* * *

Ngay lúc ấy, chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông nói chồm lên thuyền như quát: "Cứ ngồi nguyên đấy. Động đậy tao giết cả mày đi bây giờ".

Chắc chắn họ không trông thấy tôi. Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rõ mặt. Khuôn mặt mệ mỗi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tầm lưng rộng và cong như một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà.

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mười bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mỹ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một

cánh tay lên có lẽ định gỡ hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngự ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyên rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn: "Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!"

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vút chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác - thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó khi chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt như người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi mới biết là nó khỏe đến thế!

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khóa sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền giang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lão đảo ngã dúm xuống cát. Rồi lão lẳng lặng bỏ đi về phía bờ nước để trở về thuyền. Không hề quay mặt nhìn lại, chỉ có tảng lưng khum khum và vạm vỡ càng có vẻ cúi thấp hơn, nom lão như một con gấu đang đi tìm nguồn nước uống, hai bàn chân chữ bát để lại những vết chân to và sâu trên bãi cát hoang vắng.

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn - vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

- Phác, con ơi!

Miệng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ cho đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rỏ xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khế sờ trên khuôn mặt người mẹ như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chẳng chít.

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi cát xe tăng hỏng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

Khoảnh khắc sau, bãi cát lại trở về với vẻ mênh

mông và hoang sơ. Giữa tiếng sóng ngoài khơi dội những tiếng kêu ô ô vào cõi im lặng, chỉ có tôi và thằng bé đứng trơ giữa bãi xe tăng hỏng, trên tay thằng nhỏ vẫn cầm chiếc thắt lưng, hai chúng tôi đưa mắt ngơ ngác nhìn ra một quãng bờ phá vừa ban nãy chiếc thuyền đậu.

Như trong câu chuyện cổ đầy quái đản, chiếc thuyền lưới vó đã biến mất.

* * *

Tôi bước về phía nó. Nhưng thằng bé không cho tôi lại gần. Tự nhiên thằng nhỏ đâm ra vô cớ thù ghét cả tôi - hết sức thù ghét, nhìn vào hai con mắt của nó, tôi đọc thấy được điều đó.

Mà tại sao từ trước tới giờ tôi không để ý nhỉ, lần đầu tiên tôi sực nhận thấy nó chính là một thằng bé vùng biển. Những món tóc vàng hoe có chỗ đỏ quạch như mớ lưới tơ đã bọt bọt đang tỏa ra mùi nước mặn che lấp gần hết khuôn trán nhỏ và cặp mắt đầy vẻ ngây thơ, lúc này chả khác nào cặp mắt của một chú hổ con từ miền rừng vừa lạc về.

Mấy ngày sau thằng Phác đối xử với tôi như một kẻ hoàn toàn xa lạ, như chưa bao giờ trò chuyện, ngủ chung với tôi. Mỗi lúc bắt gặp tôi khoác chiếc máy ảnh đi trên bãi cát, nó vẫn nhìn tôi bằng con mắt âm thầm dấu kín đầy một sự thù ghét - và tôi hiểu rằng tất cả lỗi lầm của tôi chính là ở chỗ tôi đã trót có dịp biết được tất cả mọi việc trong nhà nó, cái thằng trẻ con lạ kỳ nhất trần đời.

Tôi đang tìm cách dỗ dành để gần nó, lại bắt đầu làm quen trở lại với nó một lần nữa, cái chú chó sói con ấy, thì đến là quá quắt, thằng bé thông minh và dễ thương đã hoàn toàn biến thành một đứa trẻ độc ác và mất dạy, nó hét lên trước mặt tôi bằng giọng the thé đầy giận dữ: "Hãy cút đi! Cút đi!" Chính lúc ấy là lúc chiếc thuyền vó bè lại hiện ra trong làn sương sớm của một buổi mai, sau lần trước ba hôm.

Tất cả diễn ra y như lần trước. Chiếc thuyền đâm vào đúng quãng bờ phá ngày hôm trước - từ đó đi bộ vào bãi xe tăng hỏng rất gần.

Và vẫn như lần trước, người đàn bà lội xuống trước với cái khuôn mặt cúi gằm xuống, và những bước chân thoăn thoắt đi trên bãi cát. Nhưng khi lão đàn ông vừa rời thuyền để đuổi theo người đàn bà thì trong lúc ấy, ngay sau lưng lão, một đứa con gái cũng tụt xuống ở đằng lái, bơi vào.

Đứa con gái trạc mười bốn, mười lăm tuổi. Đây là trông vóc người và mái tóc xoã ngang vai - chứ cũng có thể con gái vùng biển ở cái vóc dáng ấy, chỉ mới mười hai, mười ba. Nó mềm mại và nhanh như một con vượn đen tuyền trong bộ quần áo đen ướt rượt bó sát vào mình. Trên đôi cằm rậm nắng, con bé chạy như bay về phía chỗ thằng Phác đứng.

Ngay từ đầu hình như thằng bé muốn tránh giáp mặt đứa con gái nhưng không thoát, thực sự là đứa con gái lớn hơn và có vẻ rất khỏe.

Hai đứa trẻ vật nhau. Có một lúc thằng Phác vùng ra được khỏi đứa con gái, định bỏ chạy, nhưng chỉ sau vài sải chân rượt sát ngay sau lưng, đứa con gái đã

nhanh nhẹn giơ tay túm được vạt áo thằng Phác, lôi giặt lại.

Đứa con gái - mà tôi đoán là chị - dè giữa thằng bé ra giữa bãi cát và đến bây giờ thì tôi mới hiểu, đứa con gái đã rút ra được từ trong cặp quần đùi của thằng bé một vật sáng loáng. Trời ơi, đó là một con dao găm.

* * *

Đầu, anh bạn chiến đấu cũ lái Hon-da đến đón tôi ở một trạm xá xã. Những người thợ xưởng đóng thuyền đã dìu tôi từ bãi tăng về đây chưa đầy một ngày.

Lão chồng - cái lão đàn ông độc ác và tàn nhẫn nhất thế gian ấy đánh tôi hoàn toàn vì mục đích tự vệ. Tôi nện hấn cũng đã khiếp. Tôi nện hấn bằng tay không, nhưng cú nào ra cú ấy, không phải bằng bàn tay một anh thợ chụp ảnh mà bằng bàn tay rắn sắt của một người lính giải phóng đã từng mười năm cầm súng. Tôi đã chiến đấu trong mấy ngày cuối cùng chiến tranh trên mảnh đất này. Bất luận trong hoàn cảnh nào tôi cũng không cho phép hấn đánh một người đàn bà, cho dù đó là vợ và tự nguyện rúc vào trong xó bãi xe tăng kín đáo cho hấn đánh.

Đầu đưa tôi về cơ quan của anh. Cô y tá của cơ quan tòa án huyện, một cô gái chưa chồng, đã luống tuổi và béo phịch phịch nhận lệnh của thủ trưởng Đầu mang túi thuốc tới.

Dưới mắt cô y tá, mấy vết thương xoang trên trán tôi chả khác nào những vùng hào quang của một người anh hùng. Vừa băng lại các vết thương cho tôi cô vừa kể

lẻ bằng tất cả giọng phần nộ thói tàn nhẫn của dân đàn ông đánh cá trong địa phương này - do phong tục để lại.

- Hãm bớt ngọn lửa căm thù xuống bà chị ạ, dù sao thì đàn ông cũng cần, đôi khi rất cần - dù là chánh án của tòa án huyện, Đẩu vẫn không chịu bỏ cái thói hay bông phènh.

- Thà tôi chết già, các anh đừng tưởng, thà tôi làm gái già suốt đời! - Cô y tá luống tuổi cứ chĩa mũi kéo đang kẹp một dúm bông đã tẩm cồn vào giữa mắt Đẩu. Anh chỉ nhe răng cười. Vừa tha được tôi về đến nơi là Đẩu đã chúi mũi vào giữa hàng núi hồ sơ. Những vụ kiện tụng. Những vụ án hình sự lật vật cũng có, những vụ nghiêm trọng cũng có.

Vài ngày sau, những vết thương của tôi đã lên da non. Ngồi soát lại tất cả những cuộn phim đã chụp, dù sao thì tôi cũng đã thấy yên tâm về công việc. Tôi tin là nếu chiếc Pratica trung thành với tôi thì phen này tôi có thể đánh ngã bất kỳ một bức ảnh mô tả phong cảnh biển nên thơ nào từ trước.

Tôi ngờ ý với Đẩu muốn trở lại cái xưởng đóng thuyền nằm ngủ giữa trời với thằng bé một tối, trước khi trở về Hà Nội. Nhưng Đẩu bảo tôi nán lại với anh thêm vài ngày.

Vào một buổi sáng có một chiếc máng chở hai người đàn bà ghé vào bến tòa án.

Tôi thầm cảm ơn Đẩu đã giữ mình ở nán lại. Nếu thiếu nữ không đi theo mẹ đến tòa án - người đàn bà mặt đỏ hai lần tôi giáp mặt trong bãi xe tăng hỏng - thì chắc chắn tôi không thể nhận ra đó chính là đứa con

gái ướt sũng từ đầu đến chân, đã vật nhau với thằng Phác để tước lấy con dao găm.

Thiếu nữ mảnh dẻ trong tấm áo cánh màu tím nhạt. Lại một cặp mắt như cặp mắt của đứa trẻ lên năm mà tôi đã chọn để cầm vút một nắm phoi bào ra giữa ngọn sóng bạc đầu - một cặp mắt đen của chiếc thuyền mới đóng. Tuy chẳng hiểu chút gì về nghệ thuật điện ảnh, nhưng bất giác tôi cứ nghĩ giá sau này cần một vai như kiểu nàng tiên cá thì nhất thiết phải chọn người thiếu nữ này. Tôi tự hỏi chẳng lẽ cái nhan sắc đang độ trẻ con như đúc từ trời biển trong suốt, nên thơ này lại được tách ra từ da thịt của một người đàn bà hàng chài xấu xí và đau khổ?

Người đàn bà dặn con gái hãy ở lại dưới thuyền rồi với dáng đi mệt mỏi, chậm chạp như một bà già, trèo lên những bậc đá xếp từ bờ phá lên một con đường nhựa đã long lở, hai bên đường phơi đầy lưới chài, của phố huyện vùng biển.

Người đàn bà vẫn mặc chiếc áo màu bạc phếch vì nước mặn, một miếng vá bằng vải xanh bằng bàn tay trên vai, những nốt rỗ trên mặt có vẻ thừa ra, đứng trong phòng làm việc của Đẩu, tôi nhận ra ngay mục. Hôm nay người đàn bà rời chiếc thuyền vỏ bè "đỏ bộ" lên tận đây theo giấy triệu tập của tòa án huyện.

Đây là lần thứ hai, người đàn bà được Đẩu mời đến về công việc gia đình.

Cũng không phải là lần đầu đến một nơi công sở nhưng người đàn bà vẫn có vẻ sợ sệt, lúng túng - cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc mục đứng giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có.

Người đàn bà chỉ quen sống dưới mặt nước vừa đặt chân vào trong phòng đầy bàn ghế và giấy má liền tìm đến một góc tường để ngồi.

Ngồi sau một chiếc bàn lớn, Đầu nhổm dậy chỉ chiếc ghế mây trước mặt, cố làm ra vẻ thân mật:

- Chị ngồi lên đây, sao lại thế, hãy ngồi lên chiếc ghế này...

Đầu phải nói đến lượt thứ hai, mặt mới dám rón rén đến ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại.

Đầu hỏi:

- Thế nào, chị đã nghĩ kỹ chưa?

Người đàn bà ngược lên nhìn Đầu, rồi lại cúi mặt xuống.

- Thưa đã...

Đầu gật đầu. Anh đứng dậy. Tự nhiên anh rời chiếc bàn đến đứng vịn vào lưng chiếc ghế người đàn bà ngồi giọng trở nên đầy giận dữ, khác hẳn với giọng một vị chánh án:

- Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hấn. Tôi chưa hỏi tội của hấn mà tôi chỉ muốn bảo ngay với chị: chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu. Chị nghĩ thế nào?

Người đàn bà hướng về phía Đầu, tự nhiên chấp tay vái lia lịa:

- Con lạy quý toà...

- Sao, sao?

- Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...

Lúc bấy giờ tôi đang ngồi sau giấu mặt sau bức

màn vải hoa ngăn chỗ làm việc bên ngoài và phòng ngủ bên trong của Đẩu. Sau câu nói của người đàn bà, tôi cảm thấy gian phòng ngủ lỏng lẻo gió biển của Đẩu tự nhiên bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt quá. Tôi vén lá màn bước ra.

Người đàn bà nhận ra được tôi ngay. Mụ nhấp nhúm xoay quanh chiếc ghế như bị kiến đốt, và về sau tôi mới sực nghĩ ra, mụ nghĩ rằng tòa án đã bố trí sẵn tôi ngồi phía sau để chuẩn bị làm nhân chứng.

- Chị cứ ngồi nguyên đấy! - Đẩu nói và với về đây hào hứng của một con người bảo vệ công lý vừa có thêm người đến tiếp viện, anh chạy sang phòng bên xách một chiếc ghế cho tôi. Bấy giờ dưới con mắt của người đàn bà hàng chài, vị chánh án không phải là Đẩu đã trở về ngồi sau chiếc bàn lớn mà là tôi, với mấy vết thương đã lên da non nhưng vẫn để dấu vết trên mặt,

- Tuỳ bà! - Đẩu thay đổi cách xưng hô, khoác lên mình cái cung cách bề ngoài của một vị chánh án - chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hòa thuận...

Đang ngồi cúi gục xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người từng người một, với một vẻ ban đầu ngỡ ngàng.

- Chị cảm ơn các chú! - Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khản thiết - Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu phải người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của người đàn bà làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Diện bộ khác, ngôn ngữ khác.

Cũng phải nói thật, những lời ấy, nhất là đấy lại là lời một người đàn bà khốn khổ, không phải dễ nghe đối với chúng tôi. Dầu mặt hãy còn trẻ, Dầu cũng là một chánh án huyện. Còn tôi, một người đáng lẽ mù phải biết ơn...

Nhưng người đàn bà để lộ ra cái vẻ sắc sảo chỉ đến thế, chỉ vừa đủ để kích thích trí tò mò của chúng tôi. Mụ đưa cặp mắt đầy vẻ mệt mỏi nhìn ra ngoài bờ phá bên kia con đường chính của phố huyện ở đấy, thiếu nữ mặc áo tím vẫn ngồi đợi mụ trên chiếc mủng.

Trong phút chốc, ngời trước mặt chúng tôi lại vẫn là người đàn bà lúng túng, đầy sợ sệt, nhưng có vẻ thông cảm với chúng tôi hơn. Mụ bắt đầu kể:

- Từ nhỏ tuổi tôi đã là một người con gái xấu, lại rõ mặt, sau một bận lên đậu mùa. Hồi bấy giờ nhà tôi còn khá giả, nhà tôi trước ở trong cái phố này. Cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai con nhà hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả⁽¹⁾ về đan lưới. Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi.

Người đàn bà bồng chếp miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình:

- Giá tôi đẻ ít đi hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đói khổ chút trước kia vào các vụ bắc⁽²⁾, ông trời làm động biển suốt cả tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...

⁽¹⁾ Bả: Sợi đan lưới.

⁽²⁾ Bắc: Mùa động biển.

- Lão ta trước hồi bảy năm có đi lính nguy không?

- Tôi bỗng hỏi một câu như lạc đề.

- Không chú à, cũng nghèo khổ, túng quẩn đi vì trốn lính - bỗng mù đỏ mắt - nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật.

- Vậy sao không lên bờ mà ở - Đẩu hỏi.

- Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có thể làm được cái nghề thuyền lưới vó? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được!

- Ở trên thuyền có bao giờ lão ta đánh chị không? - Tôi hỏi.

- Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ... Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão... đưa tôi lên bờ mà đánh...

- Không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được! - Đẩu và tôi cùng một lúc thốt lên.

- Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nỗi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...

- Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu, - bất ngờ Đẩu trút một tiếng thở dài đầy chua chát, - trên thuyền phải có một người đàn ông... dù hấn man rợ, tàn bạo?

- Phải - Người đàn bà đáp - Cũng có khi biển động sóng gió chứ chú?

Lát lâu sau mù lại mới nói tiếp:

- Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng

đặng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó!/- Lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của mụ chợt ửng sáng lên như một nụ cười - vả lại, ở trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận, vui vẻ.

- Cả đời chị có một lúc nào thật vui không? Đột nhiên tôi hỏi.

- Có chứ, chứ! Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...

Viên chánh án huyện rời chiếc bàn xếp đến phát ngót lên những chồng hồ sơ, giấy má. Đẩu đi đi lại lại trong phòng, hai tay thọc sâu vào hai bên túi chiếc quần quân phục đã cũ. Một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ.

Người đàn bà đã khóc khi nghe tôi nhắc đến thằng Phác. Nhưng tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc hiểu thấu các lẽ đời hình như mụ chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bên ngoài. Trong cái đám con cái đông đúc đang sống ở dưới thuyền, mụ không yêu một đứa nào bằng thằng Phác, cái thằng con từ tính khí đến mặt mũi giống như lột ra từ cái lão đàn ông đã từng hành hạ mụ, và không khéo sẽ còn hành hạ mụ cho đến khi chết - nếu không có cách mạng về.

Mụ cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì dại dột đối với bố nó, mụ đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hễ rời ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bà ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.

Chiều hôm ấy trong khi Đầu gặp lão đàn ông để giáo dục rắn dạy lão thì tôi trở lại xưởng đóng thuyền. Vắng thằng Phác, dù sao cái bãi cát cũng như cả vùng phá nước trở nên trống trải thế nào ấy. Đêm, những đàn chim di cư vẫn vỗ cánh trong sương, bay qua vùng phá. Tôi khoác chiếc máy ảnh đi lang thang cho đến tận khuya, đã mỏi cả chân, tôi đến ngồi bên một ngọn lửa. Nhúm phoi bào bắt cháy sang mấy cái đầu mẩu gỗ cửa ra từ các lẻ ván của một chiếc thuyền mới vớt lên được, sau vụ đắm thuyền trong vụ bắc năm ngoái.

Gần sáng trời trở gió đột ngột, từng tảng mây đen xếp ngổn ngang trên mặt biển đen ngòm, và biển bắt đầu gào thét, sóng bạc đầu ngoài cửa lạch nổi cồn lên cao như những ngọn núi tuyết trắng.

Trong phá, các thứ tàu thuyền đều tìm vào bờ để trú, duy ở giữa phá chẳng hiểu vì sao vẫn còn thấy một chiếc thuyền vỏ bè đang đậu.

Gió rú ào ào chung quanh chiếc xe Reo vừa mới ở trên rừng xuống, chưa dỡ gỗ xuống hết. Cái ông lão đã ngoài sáu mươi mà vẫn còn theo đuổi nghề sơn tràng đang ngồi bên bếp lửa giữa trời, vẫn đặt hai con mắt lo lắng ra ngoài mặt phá, nơi có chiếc thuyền.

Cái bếp lửa cũng bị gió ném tung ra khắp bãi cát,

những tàn lửa đỏ rực bay quần lên chung quanh chỗ tôi và ông lão ngồi. Tôi xem lại xoong cơm đã sống nhận hộ ông lão đoạn gào lên:

- Chiều gió này không khéo bão cấp 11 rồi?

- Ừ, ừ...! - Ông lão lẩm bẩm, vẫn không rời mắt khỏi chiếc thuyền đang chống chọi với sóng gió giữa phá.

* * *

Những tấm ảnh tôi mang về, đã được chọn lấy một tấm. Trưởng phòng rất bằng lòng về tôi.

Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kỹ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch tấm lưng áo bạc phéch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt rõ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hòa lẫn trong đám đông.

8-1983

Quãng vắng

Nguyễn Kiên

Biết ông già rời thị trấn đi lên đê, lập tức gã bám theo. Con đê dài hun hút. Góc trời, mảnh trăng sông tỏa quang sáng mờ hồ, cảnh vật ngoài bãi trong đồng đều nhòe lẫn. Ông già có vẻ ngập ngừng. Hình như có tiếng bước chân người không xa lắm, phía sau ông. Ông già nấn ná chờ...

- Chào chú, gặp chú thật là may cho tôi quá. Chú về đâu?

- Thế bố già định về đâu?

- Tôi định về làng Viêng.

- Tôi cũng về gần đó. Nếu bố già không ngại tôi là người lạ, ta cùng đi cho vui.

Ông già cười khẽ:

- Trước lạ sau quen, ngại gì. Tôi từ xa tới, chẳng có ai thân thuộc ở khắp vùng này. Còn chú, hẳn chú làm việc ở ngay thị trấn?

- Tôi làm thợ xây, đang xây cái nhà ba tầng ở gần bến xe...

- À, cái nhà ba tầng... Ban chiều thoát vào đến thị trấn tôi đã nhìn thấy...

- Đấy, nó đấy. Người ta xây để làm khách sạn mi-ni đấy!

Gã giả vờ vấp làm chiếc giày vãi bên chân trái văng ra. Đúng là giày của dân thợ xây, dưới ánh trắng sông lù mù vẫn nhận ra được vết vôi vữa và chỗ rách nơi mũi giày. Gã cúi xuống, tra chân vào giày, cố ngo nguậy ngón chân cái thò ra ở chỗ rách. Gã tự nhắc mình: Mày không phải là mày, mày là thằng Khỏ, thằng thợ xây. Nhớ chưa?

Ông già không chú ý đến gã. Đối với ông, gã là gì thì cũng thế thôi, ông chỉ cần có bạn đường để thêm vững tâm là mình đang đi tới Viêng. Lâu, lâu lắm rồi, cái làng Viêng ấy ở xa tít đoạn đầu đời ông. Năm mười một tuổi, chú bé Tảo theo cha là hương sư, về dạy học ở Viêng. Trẻ em ở đây phần lớn không đi học, chúng giương mắt nhìn ông giáo già và hòa nhau bắt nạt Tảo. Tảo cùng bọn trẻ làng chơi trò đánh đáo, đánh khăng, chú chơi giỏi hơn bọn chúng nhưng vẫn phải giữ nước lép để khỏi bị chúng tẩy chay. Nhưng vẫn có đứa tai ác, kiếm cớ nạt nộ, đâm đá Tảo. May mà có chị Nhạn thường bệnh Tảo. Nhạn thực ra cũng chỉ mới là cô bé mười lăm tuổi, người đen nhẻm và danh sát. Cô bé xông vào giữa đám ồn ào, không nóng nảy cũng không run sợ, nhẹ nhàng kéo Tảo đứng nép vào bên mình. Tảo coi Nhạn như bà chị lớn. Chị Nhạn có người cậu họ tên là Báu, lái buôn bè. Cậu Báu lấy bà vợ bé còn trẻ, liền đưa bà ta về Viêng. Đưa cả chị Nhạn về theo để cơm nước, hầu hạ mợ. Mợ Báu mở gian hàng tạp hóa, ngồi cái họ và cho vay lãi. Mợ nói cười thơn thớt nhưng thâm hiểm và diết nghiệt. Chị Nhạn đầu tắt mặt tối, vừa lòng mợ thì mợ cười hi hí, hể trái ý mợ một tý là mợ hét: "Con quạ tha gà mổ, tao nuôi mày không phải để mày báo

hại tao!" Chị Nhận chỉ thấy lòng nhẹ nhõm mỗi khi được bênh vực, được chơi đùa chốc lát với chú bé Tảo. Hai đứa trẻ cùng ngơ ngác, cùng bơ vơ dựa dẫm vào nhau. Tảo mê trò chơi đế. Cứ xế chiều là chú bé ra bãi sông, đi tìm hang đế trong các vạt cỏ rậm, bắt đế nuôi trong những cái vỏ bao diêm do chị Nhận giấu mợ Báu đem cho. Chị còn cho Tảo những cái vỏ hộp các-tông nho nhỏ, có thể thả đế vào cho chúng chơi nhau, trên miệng hộp đặt miếng kính vỡ, tha hồ nhìn ngó mà không sợ đế nhảy ra ngoài.

Dọc theo chân đê, tiếng đế kêu râm ran. Ông già hơi chếch choáng bởi những xao động trong lòng, do tiếng đế gọi lên:

- Thuở tôi còn nhỏ, ở Viêng, tôi nuôi đế chơi đế vào hạng cự phách. Mỗi lần chú đế của mình thắng trận, nó đứng rung cánh gáy vang, mình cứ mê đi!

- Ủ, ừ... Trẻ con đứa nào chẳng mê mẩn một trò gì đó.

Gã nói bâng quơ. Gã không nhớ hay nói đúng hơn là không muốn nhớ những gì đã qua thuộc đời gã. Chắc hẳn cũng có điều đáng nhớ nhưng chẳng để làm gì. Gã chỉ cần cái hiện tại xô bồ, nhốn nháo, tất cả cứ lộn tung phèo, trong đó gã suýt bị chìm ngấm, cuối cùng gã đã ngoi lên được. Ở thị trấn gã từng thử làm việc này việc khác nhưng vì thân cô thế cô, rút cục vẫn chẳng nên cơm cháo gì. Một buổi gã đang ngồi dài mặt trong quán nước ở xế cửa chợ thì có một ông mặt đỏ tung bùng, khệnh khệnh đi tới, vỗ vai gã: "Này chú, chú đi theo anh!". Gã nhăn nhó. Rồi gã gượng cười, nặng nhọc đứng lên. Ông mặt đỏ vốn là một cán bộ Nhà nước, đang còn khỏe như vâm thì xin về mất sức. Bây giờ, tuy ông ta

chẳng có chức tước gì nhưng lại khuynh đảo đời sống cả thị trấn, ông ta lập công ty, làm đại lý, môi giới ngầm... nói tóm tắt là biết xoay xở đủ kiểu, rất giàu có và thần thế. Ông mặt đỏ đẽ mặt đến gã, chọn gã. Gã làm những việc ông chủ sai bảo, thoát đầu còn xấu hổ, lâu dần thành quen. Ông chủ đã ghét ai, gã tung tin bôi nhọ người đó. Ông chủ muốn kiềm chế, đe dọa ai, gã mượn hơi men, dàn mặt kẻ kia, nói cạnh nói khỏe xa xôi, nếu cần thì chửi bới vung lên, gây xô xát, ẩu đả. Nói tóm tắt: Gã trở thành kẻ đâm thuê chém mướn, theo nghĩa bóng hoặc nghĩa đen, tùy vụ việc, tùy tình hình.

Ông già vẫn mãi nghe tiếng đế kêu râm ran dưới chân đế. Ông gần như quên gã bạn đường tình cờ hay cũng có thể nói là kẻ dẫn đường mà ông đã vội vàng bám víu.

- Tôi mê trò chơi đế - Ông già khẽ nhắc lại - Nhưng chị Nhạn nhỏ bé của tôi hồi ấy, hình như chỉ có niềm say mê là được săn sóc tôi. Chị phải giấu mợ Báu, đem cho tôi những cái vỏ bao diêm vỏ hộp để tôi nuôi đế. Tuy nhiên chị lại không thích nhìn thấy những con đế bị tôi nuôi nhốt trong vỏ bao diêm. Tôi có một con đế chơi hay lắm, bọn trẻ làng gạ đổi bằng những đồng xèng, đồng xu, đồng cái dao, những hòn bi đá, bi ve... đủ thứ, nhưng tôi đều lắc đầu. Tôi muốn khoe con đế chơi với chị Nhạn, vừa he hé mở cái vỏ bao diêm chị Nhạn đã xua tay, thôi đi, giá em thôi trò chơi đế, em thả con đế này ra thì chị thích hơn. Tôi yêu quý chị Nhạn nhưng làm sao tôi có thể thôi chơi trò chơi đế, cái vỏ bao diêm nhốt con đế chơi lúc nào cũng nằm trong túi áo tôi.

Tảo yêu quý chị Nhạn. Chú bé mồ côi mẹ, ông hương sư già là cha chú, lúc nào cũng rầu rĩ, lại quá nghiêm khắc nên tâm hồn thơ ngây của chú có một khoảng trống hoang. Tâm hồn chị Nhạn hình như cũng có một khoảng trống hoang. Cậu Báu của chị tuy giàu có, thao lược nhưng lại sợ bà vợ trẻ đành hanh. Mẹ Báu thì chỉ coi chị là đứa ở trong nhà. Mẹ Báu mê chần cạ, là một trò bài bạc của đàn bà. Mẹ chơi thạo, cũng biết ngón nghề, có thể bịp những con bạc còn ngờ nghếch nhưng gặp phải mụ cái bạc chuyên nghề bịp thì mẹ bị lột sạch. Cậu Báu mải chuyện sông nước, cứ sau mỗi vụ buôn bán trót lọt mới về với mẹ dăm ba hôm. Mẹ Báu thích khoe mẽ, không muốn mang tiếng với chồng là kẻ thua bạc. Mẹ thường cười cợt, nói với chị Nhạn: "Đêm hôm qua tao ngồi chiếu chần với con mụ bên chợ Đình, đến hai giờ sáng. Mày thức hầu chúng tao, hử mày biết những lúc tao vợ tiền. Cứ gọi là chặt hầu bao. Mai kia cậu mày về, mày khoe với cậu mày rồi tao may cho cái áo mới!" Chị Nhạn thản nhiên: "Thưa mẹ, mẹ thua bạc hay được bạc thế nào con không biết, con không dám khoe!". Mẹ Báu đành mặt, nhổ toẹt bãi nước bả trâu, không thèm nhìn cái giống tôi đòi hèn hạ lại dám lên mặt ta đây chính đĩnh. Cậu Báu về vào lúc chập tối. Mẹ Báu cười nói đon đả với chồng rồi gọi chị Nhạn lên, ra vẻ dễ dãi: "Mấy hôm nay mày vất vả, tao thương mày, tối nay cho mày đi chơi. Muốn đi đâu vui về thì đi!"

Có bao nhiêu buổi tối chú bé Tảo được theo chị Nhạn lên chơi trên bờ đê. Hai chị em ngồi bên nhau. Tảo kể về những vui buồn trẻ con giữa chú và bọn trẻ làng, chị Nhạn thì lăm bằm, giá chị em mình cứ được

gần nhau mãi như thế này thì sung sướng quá. Chị dùng năm đầu ngón tay chải vuốt mái tóc rối bù của chú em, dùng lòng bàn tay xoa sạch những vết bùn dính trên mặt, trên cổ chú. Tảo ngồi ngoan ngoãn, mặt hơi ngửa lên, cánh mũi phập phồng. Chú bé cảm thấy khuôn mặt chị Nhạn cúi xuống, rất gần chú; cảm thấy hơi thở, mùi da thịt, mùi mồ hôi của chị lẫn với mùi cỏ ngai ngái trong làn gió thổi tràn qua đê. Tảo muốn nũng nịu với chị Nhạn, chú bé còn tưởng tượng ra khuôn mặt người mẹ mất sớm của chú giống y như khuôn mặt chị Nhạn. Rồi chú mơ hồ ao ước, sau này chú lớn lên, lấy vợ, khuôn mặt vợ chú cũng giống khuôn mặt chị Nhạn. Tảo ngả đầu lên vai chị, hai mắt diu diu, như muốn được ngủ yên trong bầu không khí tràn ngập mùi cỏ ngai ngái lẫn với hơi thở, mùi da thịt và mùi mồ hôi của chị Nhạn. Bỗng chị Nhạn nói: "Thôi, chị em mình về đi!".

Ông già đi chậm lại, chăm chú nhìn vạt cỏ dề dề và những lối mòn sườn đê chênh chếch. Ánh trăng vẻ như sáng hơn rồi lại nhạt và chợt tối sầm. Mảnh trăng mỏng mảnh bị mây che.

- Này, sắp đến Viêng chưa, chú em nhỉ?

- Còn lâu, bố già ạ!

- Tôi chắc không lâu đâu - Ông già cãi yếu ớt - Nhưng con đê này đã đổi khác, trời lại tối, khó đoán định quá. Lúc nào sắp đến Viêng chú nhớ nhắc tôi.

Gã bạn đường kéo sụp cái mũ cối mất chóp, dính đầy vết vôi, để vành mũ che tối khuôn mặt, chỉ lộ ra hàng ria mép rậm rì.

- Bố già cứ yên trí, đi với con thì nhất định phải đến Viêng.

Gã khịt mũi, giọng nói hơi ngán ngát. Gã liếc xéo ông già rồi sải chân, tự bằng lòng về bộ ria mép rậm rì rất giống bộ ria mép của thằng Khỏạ thợ xây. Còn đôi giày vải rách hở ngón chân, chiếc mũ cối mất chóp mà gã đã cố tình chiềng ra trước mặt ông già thì đúng là của Khỏạ. Ông già vẫn rì rầm trò chuyện với riêng ông. Gã thì lơ đãng. Đối với gã cái trò của ông già chỉ là trò lẩn thần. Lòng gã đã chai sạn, đã trơ trơ. Ông mặt đỏ, bước đi khệnh khạng, tức ông chủ hay ông anh gã, gọi thế nào cũng được, ông ta thường bảo gã: "Chú em cần phải biết lạnh lòng, đời chú em sẽ khá!". Cứ nhìn đời ông ta thì biết, ngày càng phơi phới, mặc cho thiên hạ thêm thuồng hay bài bác. Ông ta chỉ có một nỗi buồn chán là bà vợ sồn sồn, béo nẫu hay dở chứng cả ghen. Vô số ả mắng tở sớm trưa ghê, chỉ ao ước được chiều ông ta. Mỗi lần ông ta chọn một ả, đưa đi đủ đốn tặn đâu xa ông ta đều buộc gã cũng phải biến luôn khỏi thị trấn. Để khi nào vợ ông ta nổi máu ghen thì gã đứng ra, vừa bậm trợn vừa rụt rè: "Bà chị ơi, vừa rồi ông anh đi công chuyện, có thằng em đây đi hầu, thằng em xin chứng thực... Nói có đèn giời soi xét, ông anh lúc nào cũng nhớ bà chị, nhớ sôi sục. Bà chị tin em đi!" Bà chị, hay bà chủ của gã tất nhiên không dễ dàng tin gã. Nhưng gã cứ thể thốt, cứ lem lém nói dối y như thật, càng nói càng trợn tru khiến cơn ghen dưng dưng của bà ta cuối cùng phải dịu đi. Ông chủ gã ngày càng khoái gã. Còn gã, cũng có lúc gã giật mình tự hỏi: "Mày là ai? Sao mày đổ đốn ra đến nỗi này!". Rồi gã lại cười xòa: "Là ai mà chẳng được. Nào có mất gì!".

Ông già bỗng dừng lại, nhìn ngơ ngác:

- Ta đi đã khá xa, có lẽ sắp đến Viêng?

- Có lẽ... Nhưng chưa thật đến, bố già ạ!

- Ừ, ừ... làng Viêng ở cách dê chỉ một tràn ruộng hẹp. Lúc nào tôi cũng trông thấy lũy tre làng Viêng mờ mờ ở phía trước, đến gần nhìn kỹ hóa ra lại không phải.

Mảnh trăng vốn đã suông nhạt lại bị mây che, trời đất lẫn lộn, đầu óc ông già cũng lẫn lộn. Ông buồn nỗi tuổi già của chính mình và vẫn không ngừng tìm kiếm theo mỗi bước chân. Những buổi tối chú bé Tảo được cùng chị Nhạn ngồi chơi trên dê không còn nữa. Mợ Báu lại thua bài, thua liếng xiếng vì con mụ chợ Đình rủ thêm được vài con bạc bịp, quây vào lột mợ. Phen này thì mợ không thể loanh quanh nói dối chồng. Mợ buồn nẫu ruột nhưng ngoài mặt mợ vẫn tươi cười, lại còn tỏ ra xởi lởi, dễ dãi với chị Nhạn. Nhân có có bà bạn đến chơi hoặc có khách đến mua hàng, mợ giao chùm chìa khóa thường vẫn giắt lưng quần cho chị Nhạn, sai chị vào buồng mở tủ tìm cho mợ một thứ đồ lặt vặt gì đó. Nhạn lại chùm chìa khóa, mợ cứ chênh mảng như không. Hôm cậu Báu về, cậu đang cần có thêm tiền để hùn vốn mua một bè gỗ lớn, cậu hỏi mợ. Mợ cười khinh khỉnh rồi đưa chùm chìa khóa cho cậu, bảo cậu: "Tiền tôi còn nhiều nhưng chưa kịp kiếm, cậu lấy cái tráp đựng tiền ở trong tủ ra mà kiếm". Cái tráp rỗng không. Mợ Báu há hốc miệng, lu loa lên: "Ôi giờ ôi, hóa ra là ở trong nhà này có trộm, nó lén mở tủ, nó khoắng hết tiền của tôi!" Mợ gọi chị Nhạn lên, vặn hỏi chị: "Muốn sống thì khai ra, tiền mày ăn trộm của tao, mày cất giấu ở chỗ nào?". Vặn hỏi mãi không được, mợ Báu đẩy chị về phía cậu Báu: "Cháu ông mới tý tuổi đầu đã là

giặc. Tôi giao nó giả ông. Tôi phải tay, để xem ông dạy bảo cháu ông thế nào?". Chị Nhạn nuốt nước mắt, nói rành rọt: "Thưa cậu mợ, cháu không ăn trộm tiền của mợ. Cháu oan..." Mợ Báu hét: "Mày còn dám kêu oan, hử. Tao xổng xểnh, hớ hênh, tao đã giao chùm chìa khóa tử cho mày. Có đúng thế không?". Chị Nhạn cắn môi rồi bật nói: "Thưa mợ đúng. Nhưng như thế là mợ cố tình lừa cháu để vu oan cho cháu. Bây giờ mợ muốn làm gì cháu thì làm!". Thế là mợ Báu chồm lên, vừa chửi vừa đánh chị Nhạn đến tơi tả. Cậu Báu thương cháu, cố gỡ mợ Báu ra nhưng cậu sợ mợ, nói lào phào, ấp úng: "Ừ thì cứ cho là cháu không ăn trộm, nhưng cháu nói năng cứng cỏi quá làm mợ giận. Cháu xin lỗi mợ đi, rồi cậu sẽ nói thêm vào cho!". Chị Nhạn lắc đầu: "Không, cháu không có lỗi. Cháu không phải xin lỗi. Nhất định không". Cậu Báu đứng xạm mặt, còn mợ Báu thở dốc lên từng cơn, mợ lòi tuột chị Nhạn xuống nhà ngang, bẻ quặt hai tay chị vòng qua cây cột, trói chặt lại.

- Này chú, đời người là gì? - Ông già bỗng ném ra một câu hỏi chẳng ăn nhập vào đâu.

- Ha ha, đời người là gì? - Gã quay mặt, né tránh cái nhìn đau đầu của ông già. - Sao bố già không nói thêm về con người, con người là gì? Toàn là những câu hỏi mung lung, vô tích sự!

Gã nghĩ như thế thật nhưng gã nói ra, vẻ bông phèng cốt để che giấu một bản khoản chột nhói lên trong lòng gã. Gã từng ăn không nói có, từng đánh dẹp ra trò, bằng miệng lưỡi và khi cần bằng cả tay chân, gã đã cúc cung tận tụy hầu hạ ông chủ gã để đổi lấy miếng

cơm, manh áo và những cuộc chơi bời. Coi như đặc chí. Gã có một cô em họ xa, sống ở một phố nhỏ gần thị trấn. Trời xui đất khiến thế nào, ông chủ gã trông thấy cô ta, lập tức nổi cơn thèm muốn. Ông ta nói: "Anh đã chán những ả bề ngoài mỹ miều nhưng bên trong nhão nhoét. Cô em họ của chú xem ra còn tươi rói, ngon lành. Chứ nói với cô em rằng anh đã hứng chơi thì chơi hào phóng, cô em muốn gì, muốn bao nhiêu anh cũng O.K tuốt!" Tưởng xong ngay, không ngờ gã vừa mở miệng, cô em họ của gã đã sa sầm mặt: "Anh có đi chùi dít hầu ai tôi cũng mặc anh, tôi không chấp. Nhưng đừng có giả trò ma cô, tởm lắm". Gã lải nhải, cố đấm ăn xôi. Cô em họ không thèm lên mặt giận, mặt người, chỉ cười nhạt: "Tôi đã có người yêu. Anh có hiểu tình yêu là thế nào không? Chắc là anh chưa hiểu, nói với anh cũng bằng thừa. Thôi, anh về đi!". Gã thâm nghĩ, trời ơi, một con nhãi ranh mà lên giọng mới khiếp chứ. Lại cái thằng người yêu của nó nữa, thằng Khỏạ thợ xây, quanh năm quần quật mà vẫn xác như ve, bấu cái nổi gì. Gã nhố toẹt bãi nước bọt, coi khinh, định bỏ cuộc. Nhưng ông chủ của gã lại khích vào cái tính tự ái nghênh ngang của gã. Gã muối mặt, vờ nhơn nhơn đến nhà cô em họ lần thứ hai. Rồi lần thứ ba. Thì gặp Khỏạ. Khỏạ đứng chắn ngay trước cửa: "Tao với mày tuy trước đây là bạn nhưng mày khốn nạn. Đây là nhà vợ chưa cưới của tao, cũng tức là nhà tao, tao cấm cửa mày!". Gã cười gằn, quay đi. Vừa mệt mỏi vừa sôi sục; gã không thể chấp nhận mình thua cuộc nhưng cũng không nghĩ ra phải xoay xở cách nào...

- Bố già đã mỗi chân chưa? Tôi tuy sức lực nhưng

suốt ngày đứng phơi nắng trên giàn giáo, tôi mới rồi. Chỗ kia có cái điểm canh đê, ta cố đi tới đó rồi ngồi nghỉ một lát, bố già ạ!

Ông già cười gượng:

- Ô, chân tôi còn dẻo lắm nhưng tôi chiều ý chú, muốn nghỉ thì ta nghỉ thôi!

* * *

Cái điểm nhỏ trống hoang, tường xây bị lở từng mảng lớn, cửa điểm nhìn về phía bãi sông. Họ ngồi ngay trước cửa điểm. Ông già thở hổn hển, thỉnh thoảng húng hắng ho. Gã bạn đường cũng phải làm ra vẻ mệt, gã ngồi lùi sau ông già, lưng tựa vào tường, hai chân duỗi thẳng. Gã nghĩ, mình chỉ cần nghiêng bàn tay, chặt một nhát vào gáy ông già là tấm thân còm cõi của ông ta đổ gục. Nhưng gã vẫn ngồi im. Trên trời cao, đám mây mù xám che mảnh trắng đã tan loãng, vẫn ánh trắng suông nhưng tỏ rạng ra đôi chút. Ông già nhấp nhòm nhìn xuống bãi sông, bãi sông rộng phẳng, có thể phân biệt được một lối mòn len lỏi giữa những bụi cây rậm và những vạt rau màu. Không, đây không phải là cánh bãi mà ông tìm kiếm nhưng dù sao ông vẫn xúc động:

- Chú biết không, cánh bãi làng Viêng thời thơ ấu của tôi, nó là cánh bãi non, nhiều chỗ bùn nước còn lồm bồm, chỉ thuần có lau lách và cỏ dại...

- Bây giờ đất chặt người đông, bãi già hay bãi non người ta đều khai phá tất, bố già ạ.

- Ừ, ừ... đã hẳn là thế!

Ông già không một chút nghi ngờ gã bạn đường, hay cũng có thể nói là kẻ dẫn đường rất đáng khả nghi. Ông đang trở về với chị Nhạn bé bỏng của ông. Chị Nhạn bị trói quặt hai tay vòng qua cây cột rồi bị bỏ qua đêm ở dưới nhà ngang nhà mợ Báu. Chú bé Tảo thương chị, rình lúc ông giáo già, cha chú chong đèn chấm bài cho học sinh, liền lén ra khỏi nhà. Tảo đi loanh quanh rồi nấp bên bờ rào nhà mợ Báu. Có lẽ đêm đã khuya, nhà mợ Báu tối om. Ở chỗ Tảo nấp, bỗng có tiếng đế gáy vang. Tảo đập khế xuống đất. Tiếng đế vẫn gáy vang. Hóa ra là con đế nhốt trong cái vỏ bao diêm Tảo vẫn bỏ trong túi áo. Tảo ngẩn ngừ giây lát rồi thả con đế ra. Đế ơi, tao mê mày lắm nhưng mày không thể theo tao đi cứu chị Nhạn của tao, nhờ người lớn trong nhà họ nghe thấy tiếng gáy của mày thì nguy cho chị em tao lắm! Con đế nhảy tách. Tảo ngẩn ngơ mất một lúc rồi chú bò qua vườn, lách cửa vào căn nhà ngang bề bộn và tối như hũ nút. Chị Nhạn ơi, chị bị trói ở cây cột nào? Em Tảo đến với chị đây. Em cởi trói cho chị. Mối dây trói chặt quá. Nhưng em cởi được. Cởi được mà!

Một lúc lâu sau, hai chị em dắt díu nhau ra được tới bãi sông. Cánh bãi chìm trong bầu không khí mù mờ của vàng trắng sông lẫn với sương đêm băng lạnh. Chị Nhạn âm thầm:

- Từ lúc chị bị trói, bị bỏ mặc một mình, chị chỉ nghĩ đến em. Mà đúng thế, lúc này chị chỉ còn có em.

Rồi chị bỗng ôm chặt lấy Tảo, nói như dỗ dành:

- Nhưng chị phải đi. Chị nhớ em lắm. Nhưng nhất định phải đi. Đi ngay bây giờ...

Tảo ngẩng lên, khuôn mặt trắng mờ của chị Nhạn bao phủ lên tầm nhìn và trái tim run rẩy của chú:

- Chị định đi đâu? Em muốn tìm chị thì tìm ở đâu?

- Chị không biết. Chưa thể nào biết trước. Nhưng nhất định chị em mình sẽ còn gặp nhau. Chắc chắn là như thế mà.

Chị Nhạn càng ôm chặt Tảo, hai cánh tay chị bé nhỏ, chú em Tảo càng bé nhỏ hơn nhưng linh cảm mách bảo chú rằng đêm trăng sông này, trên bãi sông này sẽ còn theo chú suốt đời.

Gã bạn đường vẫn ngồi lúi sau ông già, lưng dựa tường, đầu óc quần quanh với cái ý nghĩ mình chỉ cần nghiêng bàn tay, chém một nhát vào gáy ông già là tấm thân còm cõi của ông ta đổ gục. Một đoạn đường đê dài đi cùng với ông già, rút cục chỉ nhằm một âm mưu. Gã đã thua cô em họ và anh chàng thợ xây tên là Khỏ, thua tình yêu của họ. Gã nổi khùng để vót vát lại một chút sĩ diện hão trước ông chủ gã: "Tôi sẽ giết thằng cha Khỏ láo toét. Rồi tôi đốt nhà con em họ ngu si, cho nó ra ngủ ở lề đường!". Ông chủ gã nhếch mép cười: "Chú khá lắm. Nhưng như thế là không khôn ngoan. Chú hãy tính toán lại đi. Không cần vội vàng!". Ông chủ gã quả là trí lự hơn gã thật. Ông ta cứ nhớn nhoe rồi bỗng dưng tuyên bố một câu xanh rờn: "Này chú em, cần phải học cách giết người hoặc tàn phá cuộc đời người khác mà bàn tay mình vẫn sạch sẽ, thơm tho". Gã dần mặt ra. Ông chủ gã nheo mắt, như giấu cợt gã: "Chú có thể thó được một vật dụng gì đó của thằng Khỏ thợ xây không? Được hả? Một cái mũ, một đôi giày... Ừ, thế là đủ. Chú hãy đóng vai thằng Khỏ thợ

xây. Chờ đêm tối, chú lên rình ở trên dè, gặp ai đó lạ thì tìm cách làm quen, đi với người ấy một đoạn đường... Chú không cần giết người ấy, chỉ cần tạo ra một cuộc hành hung, trấn lột. Xong chú vất cái mũ, đôi giày của thằng Khỏạ thợ xây vào bụi rậm. Rồi chú biến đi. Đã có anh đứng đằng sau vụ này. Tang chứng rành rành: Thằng thợ xây nhất định sẽ phải vào nhà đá, đòi nó khốn nạn, con bé người yêu của nó cũng phải khốn nạn theo!". Lòng dạ đen tối, gã không hề cảm động trước cái vẻ lẩn thẩn, cả câu chuyện gã coi là lẩn thẩn của ông già. Nhưng có cái gì đó khiến gã bị hẫng, bị mất đi sự căng thẳng cân não gã thường trải qua trước khi làm điều ác. Gã chán nản, hờ hững nói:

- Sao tôi lại gặp bố già, trở thành kẻ dẫn đường cho bố già nhỉ? Thật kỳ cục!

- Chú đừng nói thế. Tôi được gặp chú là vui cho tôi. Gần suốt một đời người tôi mới có dịp may trở lại được vùng này. Chắc là lần cuối cùng... Tôi đi nhờ xe một ông bạn, ông ta làm to, sáng mai ông ta đã lại về xuôi rồi. Nhưng không sao... chú còn trẻ, chú chưa hiểu được đâu. Người già, sống ở đoạn chót cuộc đời thì tâm tưởng lại hay đi ngược lại. Tôi vẫn hình dung, vẫn thổn thức với cái giây phút chị Nhạn ôm chặt tôi trong vòng tay bé nhỏ của chị. Tôi vẫn là chú bé con...

Gã cười thâm trong bụng, quả là mình đang đi với một chú bé con và giọng gã hơi chùng xuống:

- Ngắn gọn thôi, bố già. Rút cục, bà chị yêu quý của bố già phải trốn đi. Rồi sao nữa?

- Tôi không biết. Một đời tôi, bé theo cha đi dạy học lang thang, lớn đi hoạt động ở hầu khắp các miền đất

nước, đến đâu tôi cũng dò hỏi về chị Nhạn nhưng bắt thăm hơi...

- Vậy là bà chị yêu quý của bố già dù ở đâu, còn sống hay đã chết thì cũng thế thôi. Quá vắng rồi. Xưa rồi, bố già đừng lảm nhảm nữa. Quên đi!

Ông già bỗng đứng phắt dậy, đôi vai gầy rung lên, giọng gay gắt:

- Chú nói lạ. Làm sao tôi quên được khi cái câu nửa như tâm sự, nửa như dặn dò của chị Nhạn vẫn vắng vắng trong đầu tôi: "Tảo ơi, cuộc đời muốn dồn ép chị đến chỗ sống không ra người. Nhưng chị quyết chống chọi, không để ai có thể khinh mình!". Đấy, thế đấy, chú nghe rõ chưa? Muốn thiên hạ không khinh được mình thì mình phải biết tự xấu hổ - Ông già bỗng nắm ngực áo mình, giật giật và khê kêu lên thống thiết - Đã có những lúc tôi ngấm ngấm tự xấu hổ về sự hèn yếu, mê muội, lỗi lầm... nói tóm tắt là những lúc mình sống chưa ra người. Nếu như chị Nhạn tôi biết, cũng có thể chị sẽ tha thứ và khuyến khích tôi. Nhưng riêng mình đối mặt với mình thì đừng có loanh quanh bào chữa. Phải sòng phẳng. Đúng không?

Gã cũng nặng nhọc đứng dậy, lật đật bước lên rồi lại lùi lại:

- Đúng... tôi với bố già đi với nhau đến đây là hết đường rồi. Tôi phải xuống xóm trại ở dưới bãi sông kia. Còn bố già cứ xuôi theo đường đê, chỉ một quãng ngắn nữa là đến làng Viêng. Chào bố già nhé, tôi đi đây!

* * *

Gã xuống bãi sông. Dưới bãi chẳng có cái xóm trại nào. Nhưng gã vẫn đi vội vã, len lỏi giữa những bụi cây rậm, xuống tận mép nước. Minh không thể hại ông già, để rồi phải tay, đổ vạ sang cho thằng Khỏạ thợ xây, dù mình đã phải chịu nhục trước nó. Gã tháo đôi giày vải có chỗ rách hở ngón chân, lột cái mũ cối mất chỏm, những thứ gã đã lấy trộm của Khỏạ, vút tòm xuống dòng sông. Đôi giày trôi được một quãng thì chìm, còn chiếc mũ nổi lập lòe mãi mới mất hút ở chỗ nước xô ào ào. Mặt sông như dựng đứng lên trước mặt gã, bàng bạc màu trắng suông. Gã rùng mình, hấp tấp quay lên đê. Lúc này, ông già xuôi theo đê chắc đã gần ra tới đường đá - đoạn đường đá từ chỗ này thẳng lên thị trấn, như đoạn dây cung mà quãng đê lượn vòng như cái cánh cung. Minh là tên khốn nạn, lúc mình và ông già đi qua Viềng mình đã lờ đi, dự ông già đi quá xuống tận chỗ này, chỗ có cái điểm canh đê. Minh lừa dối ông già. Ông ta ra tới đường đá chắc sẽ phải loay hoay tìm cách nhanh nhanh về lại thị trấn, nơi ông ta xuất phát. Ông ta có thể ngờ vực, cũng có thể chẳng hề ngờ vực gì mình. Nhưng mình vẫn là tên khốn nạn... Gã bước chệnh choạng, đầu óc chột rỗng không, cái trạng thái gã chưa từng gặp bao giờ.

1994

Vật lạ ở trên đầu

Mai Sơn

Thủ trưởng Liên hiệp Xí nghiệp X từ nước ngoài về đến sân bay Tân Sơn Nhất vào buổi trưa. Và ngay đêm hôm ấy, một cuộc họp mặt tại tư gia của thủ trưởng đã diễn ra sôi nổi. Từ đây không ngớt tuôn ra những tràng pháo tay.

Được một lát, phu nhân của thủ trưởng, một người đàn bà lộng lẫy phấn son từ trên lầu bước rõ từng bước đi xuống. Mọi người ngược nhìn lên. Không khí hồi hộp nhưng thật dễ chịu bao trùm lấy căn phòng. Đột nhiên, ai đó reo to:

A! Mũ phốt!

Thủ trưởng đứng dậy đỡ từ tay vợ chồng mũ cao có đến gần một thước, rồi nhìn mọi người, cười thật to, nói:

Vâng, đây là quà cho các cậu. Món quà tuy nhỏ mọn nhưng tôi trộm nghĩ ý nghĩa của nó thì không nhỏ đâu. Tôi đã đề tặng và ký tên bên trong mũ. Xin các bạn nhận giùm cho... Đây, của Dũng... Đây, của Tôn...

Mọi người quanh bàn đứng dậy, lần lượt nhận mũ, bắt tay thủ trưởng. Người nào cũng rưng rưng cảm động. Một lát sau, hai mươi cái mũ đều tìm được chủ của mình. Quả là một loại mũ ít kén chọn cái đầu, ai đội xem ra cũng phù hợp cả. Chỉ có một ngoại lệ là

Đoàn: khuôn mặt và mái tóc đặc biệt của anh rõ ràng không phải là chỗ cho cái mũ ấy trú ngụ. Anh đội cái mũ ấy không giống ai cả.

Mũ này các chính khách cỡ bự phương Tây hay đội lắm đấy.

Nói chung, những người đứng đắn, tử tế hay dùng loại mũ này.

Không riêng gì chính khách đâu, nghệ sĩ lớn các nước cũng dùng thứ này. Như ca sĩ nhạc pop Elton John đấy.

Tóm lại, dưới cái mũ ấy thường là những cái đầu... tầm cỡ.

Những chiếc ly thủy tinh, những tràng cười đục ngầu va đập vào nhau hỗn độn.

Thủ trưởng cũng có một cái chứ?

Như muốn kết thúc buổi họp mặt, thủ trưởng lạnh lùng đáp:

Không, tôi không quen đội mũ.

* * *

Trời ơi, anh Đoàn ơi! Sao anh lại đội mũ? Không được đâu anh, trông kỳ cục lắm!

Vợ Đoàn kêu lên, tiếng kêu có gì đó đau đớn, khi lần đầu tiên chị trông thấy Đoàn sửa soạn đi làm với cái mũ lạ lắm nằm trên đầu.

Anh chỉ có thể để đầu trần là coi được thôi, đội cái gì lên cũng hỏng hết. Anh Đoàn, anh khùng rồi hay sao vậy? - Con ầm ục của vợ Đoàn đang dâng lên, chị bắt đầu lớn tiếng.

Đoàn lúng túng, gỡ mũ xuống, rồi lại đội lên:

Không, cái mũ này thủ trưởng đi Nga về làm quà. Anh không đội không được.

Vợ Đoàn tròn xoe mắt, cặp môi run run. Chị tưởng mình đang nhìn thấy một Đoàn khác không phải như bao năm nay gần gũi: Một Đoàn xa lạ, dị dạng không chỉ bề ngoài do một vật lạ nằm trên đầu anh, mà cả tâm hồn anh nữa, cũng đã trở nên xa lạ. Chị vừa thấy xấu hổ vừa buồn rầu như thể sắp mất anh đến nơi.

Đoàn đến trước gương, nghiêng đầu, vuốt tóc, sửa mũ. Trong mắt anh đầy vẻ ngạc nhiên, khó hiểu. Anh đứng lặng im thật lâu đối diện với chính mình trong gương mặc cho vợ anh tha hồ rên rỉ, chì chiết. Đoàn cũng vừa nhận ra là mình đội mũ không hợp, cái mũ làm mất hẳn vẻ đẹp tự nhiên trên khuôn mặt và mái tóc bông bênh của anh. Nhưng cũng vừa lúc ấy, trong anh vang lên một mệnh lệnh: "Không đội mũ là không được!" Thủ tướng tượng anh đi đầu trần đến cơ quan trong khi mười chín người kia đều đội mũ thì chuyện gì sẽ xảy ra? Có phải là anh tự giết mình không chứ? Không thể được! Phải đội nó trên đầu thôi. Mà cho dù bọn họ cả gan không đội mũ đi nữa thì phần anh, anh cũng không thể bắt buộc làm theo họ được. Với Đoàn, thủ trưởng là người ơn số một. Từ lúc Đoàn mới chấp chững bước chân vào cơ quan với hai bàn tay trắng và gần như thất học, thủ trưởng đã nâng đỡ, dìu dắt, rồi sau đó cất nhắc anh lên dần những bậc thang chức vụ. Trước sự kinh ngạc và ghen tông của nhiều người, mới đây anh đã leo lên đến cương vị phụ trách một phòng trực thuộc Liên hiệp Xí nghiệp. Dư luận xì xầm bảo rằng anh không xứng đáng, anh không đủ năng lực

chuyên môn. Anh mặc. "Cứ làm theo chỉ thị riêng của tôi" - Thủ trưởng đã dặn dò như vậy khi quyết định đề bạt anh. Cho nên nói thủ trưởng là người ơn chẳng qua nói cho khéo, là nói cho có văn vẻ, chứ cứ gọi đúng tên sự vật thì ông ta chính là cái ô che chở cho anh. Vả chăng, trong ngoài cơ quan người ta cũng gọi đúng tên sự vật như thế từ lâu nay rồi, nói ra công khai cũng có mà rầm rì truyền tai nhau cũng có. Anh vờ như không biết gì, cố bỏ ngoài tai tất cả lời ong tiếng ve ấy và mạnh dạn tiến bước, mạnh dạn sống, mạnh dạn làm việc. Vợ anh như một đứa bé vô tư, trong sáng không thể hiểu hết mức độ phụ thuộc của anh vào thủ trưởng. Do vậy, nếu bây giờ phải giải thích với nàng vì sao anh không thể không đội mũ đi làm thì dài dòng, rối rắm biết bao mà chưa chắc nàng đã hiểu nổi.

Hãy cứ để anh đội, xấu một chút có sao đâu? - Đoàn quay lại, bất chợt thấy vợ đang lặng lẽ khóc - ô hay, tại sao lại khóc?

Mãi một lúc lâu mới nghe thấy câu trả lời ngập ngừng của vợ:

Em cũng không hiểu vì sao... Nhưng mà anh quyết định đội mũ thật à?

Có gì ghê gớm lắm đâu mà phải quyết định với không quyết định?

Anh chỉ đội nó một thời gian thôi chứ? - Vợ Đoàn vừa hỏi vừa ngược lên nhìn chồng, khẩn khoản.

Em thật buồn cười... Thêm cái mũ trên đầu thì đỡ chút nắng mưa, chả có gì hệ trọng để em phải bận tâm cả.

Không. Em van anh. Anh đừng đội cái vật ấy lên đầu, xấu xí lắm, không ra anh nữa đâu.

Thôi đi! - Đoàn gắt, quyết định cắt đứt câu chuyện ngớ ngẩn với vợ.

Vợ Đoàn bỗng đứng thoi khóc, thoi van vủ. Bằng một giọng rần đanh, chị hỏi:

Anh không đội cái mũ ấy thì thủ trưởng có giết anh không?

Đoàn bất giác gật đầu:

Có thể lắm chứ!

Khuôn mặt thủ trưởng hiện ra trước mắt Đoàn làm anh muốn mềm nhũn người ra như gặp phải một cơn lạnh bất thần xâm chiếm. Bỏ mặc vợ đứng như trời trồng, Đoàn bước vội ra khỏi nhà. Chiếc mũ màu đen chễm chệ bám chắc trên đầu anh.

Cái sân rộng trước văn phòng Liên hiệp Xí nghiệp X sáng hôm ấy diễn ra một cảnh tượng ngoạn mục: thường xuyên có dăm, ba bóng người đội mũ phớt đen mới toanh đi qua đi lại chậm rãi. Những bóng người ấy có lúc chụm lại bàn bạc gì đó, có lúc tản ra đi loanh quanh trong khoảng sân rộng... Bỗng có một người tách ra đi về phía phòng làm việc của Tổng Giám đốc. Người ấy là Đoàn. Anh vừa nhận được cái ngoắt tay của thủ trưởng gọi vào gặp...

Thủ trưởng ghé sát tai Đoàn:

Đêm qua vội quá tôi quên dặn cậu... Cậu không nên đội mũ đi làm.

Đoàn giật bắn người, hai tay đưa lên cầm chặt vành mũ như sợ gió thổi bay mất.

Tại sao vậy, thủ trưởng?

Cậu ngây thơ lắm. Người ta đang đồn âm mưu về quan hệ giữa tôi và cậu. Cậu đội cái mũ của tôi tặng chẳng khác gì... "lạy ông tôi ở bụi này". Cậu không đội thì người ta nghĩ rằng... cậu đã cắt đứt với tôi rồi.

Thế tại sao thủ trưởng lại tặng mũ cho em trước mặt mọi người?

Tôi đâu có định làm vậy. Cái con bé văn phòng nó gọi điện cho cậu báo tin tôi về chứ gì?

Dạ phải.

Đấy! Thế cho nên đêm qua khi thấy cậu lù lù bước vào nhà, tôi đã giật mình, lăm lăm trong bụng: thôi bỏ mẹ rồi, hỏng rồi. Tôi đi nước ngoài lần này học được nhiều bài học về sự cảnh giác, không ngờ ngay khi về nhà đã bị vấp vố đầu tiên. Tôi nói vậy cậu hiểu chưa? Cái mũ cứ giữ đấy, cất một chỗ nào đó thật kín đáo trong nhà để làm kỷ niệm. Đừng có đội nó đi làm. Nhớ nhé!

Vâng, em nhớ - Đoàn cúi đầu trả lời, lòng day dứt khổ sở.

Nào, vùi nó vào cạc-táp đi!

Đoàn lóng ngóng mở cạc-táp, bóp méo chiếc mũ, nhét vùi vào. Ngoài sân những chiếc mũ đen vẫn còn đang dật dờ đảo qua đảo lại.

Đoàn không muốn nhìn thấy cảnh ấy chút nào. Anh cảm cổ chạy lên lầu. Cái cảm giác "lạnh lưng, hổ sùng" lan khắp người anh. Về đến phòng làm việc, cảm giác "mất an toàn" ấy mới tan dần, thay vào đó là một thứ cảm giác kỳ lạ nóng bỏng của kẻ vừa ghen tuông vừa đau đớn vì bị phụ bạc.

Đoàn đóng tất cả các cửa lớn, cửa sổ phòng làm

việc. Anh mở cạc-táp, lấy chiếc mũ ra, vuốt ve, nâng niu rồi đội lên đầu.

Một mình trong phòng, Đoàn đi qua đi lại với chiếc mũ ụp sâu xuống che gần kín mặt.

* * *

Nhìn sững vào chiếc mũ treo trên vách gần sát với khung ảnh ngày cưới của mình, mặt Đoàn buồn rười rượi. Lẽ ra, như thường lệ, giờ này anh đã có mặt ở cơ quan. Nhưng hôm nay, Đoàn không thể nào bước ra khỏi nhà được: Chiếc mũ treo trên vách như một khối nam châm hút chặt anh như hút một thanh kim loại yếu ớt. Anh cứ chôn chân đứng đấy, không biết phải làm gì.

Về phần mình, vợ Đoàn bắt đầu cảm thấy cái bóng đen to lớn của bất hạnh đang sắp sửa phủ chụp xuống căn nhà bé nhỏ của chị. Chị biết cả đêm qua Đoàn trằn trố không ngủ được. Rồi từ sáng tới giờ, nhìn cái hành vi lạ lùng của Đoàn, chị muốn nói gì đó nhưng lại ngần ngại. Cuối cùng, khi trông thấy chồng cúi gập người trong một cố gắng tuyệt vọng, bước từng bước ra khỏi cửa mà trên đầu không có chiếc mũ phớt (chiếc mũ vẫn còn treo trên vách), lập tức chị kêu lên thất thanh, vùng dậy khỏi giường:

Anh Đoàn, cái mũ của anh? Sao hôm nay anh không đội?

Đoàn lắc đầu, không nói, khuôn mặt giống hệt như mặt trẻ con mới ngủ dậy. Vợ Đoàn lắc mạnh tay chồng:

Hôm qua em có nói tào lao về chuyện cái mũ, thôi,

anh đừng chấp. Anh hãy cứ đội mũ mà đi làm... Để em lấy cho anh.

Không được. Không đội mũ đi làm được!

Ồ sao thế? Em không hiểu gì cả. Hôm qua anh có nói điều gì đó khủng khiếp lắm mà?

Chị nhìn thấy miệng anh méo xệch, đôi gò má giật giật liên hồi. Có lẽ một cơn đau nào đó đang bứt xé lòng anh. Anh cứ hết lắc đầu lại co tay thành một nắm đấm... Chị lay vai anh. Cơn ác mộng nào, cơn hoang tưởng rùng rợn nào đang vây chụp lên ý thức anh vậy?

Không phải lỗi tại em chứ, anh?... Vậy thì anh cứ đội đi, có xấu xí một chút cũng không sao đâu.

Không! Anh không thể đội mũ đi làm được.

Anh cứ đội xem có ai làm gì được anh không?

Không được đâu, em a ô- Dường như đã thoát ra khỏi trạng thái căng thẳng, giọng Đoàn chột dịu nhẹ trở lại.

* * *

Vợ Đoàn thấy thương anh ghê gớm. Tội nghiệp anh, cái mũ kia là cái quái quỷ gì mà nó hành hạ, dày vò anh đến thế? Làm sao có thể chấp nhận được ma lực của nó ngự trị lên gia đình chị? Làm sao có thể chịu được khi mà anh đi làm rồi thì chiếc mũ kia, cái vật vô tri đen ngòm kia vẫn còn nằm im lìm trên vách? Chị không kìm giữ được:

Anh đừng để chiếc mũ ấy ở nhà, em sợ lắm. Anh mang nó đi đi.

Không được! - Đoàn cứ lảm bảm lặp đi lặp lại "không được", "không được" như một cái đĩa hát cũ kỹ.

Tại sao lại không được? Thủ trưởng giết anh ư?

Hết như buổi sáng hôm qua, từ nét mặt cho đến giọng nói, Đoàn trả lời hấp tấp:

Có thể lắm chứ!

Vợ Đoàn rung mình, tưởng như đang nghe thấy những âm thanh lạnh lẽo từ một cõi nào.

* * *

Câu chuyện đến đây tưởng đã hết rồi, và bạn đọc hẳn an tâm vì đã phần nào hiểu được cái bi hài kịch của anh chàng Đoàn kia. Nhưng thật không ngờ, chuyện vẫn còn một đoạn cuối nữa do vợ Đoàn kể lại.

Một buổi tối thứ bảy, trong lúc đang ngồi trước tivi chờ xem chương trình kịch nói thì chị giật mình khi nhìn thấy chiếc mũ đen rời khỏi vách, đậu xuống trên đầu Đoàn. Chị sững sờ. Lại chuyện gì nữa đây? Nhưng chị quyết định không nói gì. Chị không muốn một lần nữa bị sa vào cái vòng luẩn quẩn khó hiểu do chiếc mũ đen kia tạo ra. Hơn một tuần nay, từ sau buổi sáng anh để đầu trần đi làm, chị cố trấn tĩnh xua khỏi đầu óc câu chuyện về chiếc mũ đen. Chị nhanh chóng lấy lại niềm vui khi thấy Đoàn đã trở lại với nguyên vẹn khuôn mặt và mái tóc cố hữu của anh. Và chiếc mũ đen trên vách kia dần dà trở nên quen thuộc như một vật trang trí trong nhà. Nhưng đột nhiên tối nay, khi chiếc mũ đen rời khỏi cây đinh trên tường đến ngự trên đầu anh một cách chễm chệ thì chị cảm thấy nó như có linh hồn và

nó đang chuẩn bị tác yêu, tác quái vào sự bình yên của gia đình chị.

Chờ cho anh ra khỏi nhà một hồi lâu, chị tắt tivi và quyết định bí mật đi theo anh.

Đoàn đạp xe đạp chậm chậm, chậm chậm rẽ vào những con đường vắng vẻ, thỉnh thoảng dừng lại lấy mũ xuống nhìn ngắm. Có lúc chị không thấy anh đâu nữa. Nhưng có lúc trước mắt chị, trong bóng tối nhờ nhờ, chiếc mũ đen trên đầu anh tự nhiên lớn dần, lớn dần trùm kín cả người anh...

Sau cái đêm lạ lùng đó, mọi chuyện bình thường trở lại. Cứ đêm xuống là Đoàn bắt đầu "trò chuyện" với chiếc mũ và sau đó anh đội nó lên đầu ra đi lang thang đến tận khuya mới về. Vợ Đoàn quen dần, không còn cảm thấy khó chịu hay lo lắng gì nữa.

Không thời gian

Ngô Thị Kim Cúc

Mỗi tuần có một lần nàng được bay lên vào tối chủ nhật, khi đến với anh. Anh luôn chờ trước ở điểm hẹn, và khi nàng vừa xuất hiện đã ôm siết lấy nàng hôn đắm đuối và giữ nàng trong tay hàng mười phút không để nàng kịp thở. Nàng mặc sức cho anh vuốt ve âu yếm, hưởng thụ cơn mê say cuồng nhiệt từ anh, nhập vào nỗi điên rồ hạnh phúc chỉ có ở những người tin chắc rằng tình yêu của mình là duy nhất. Họ cứ đứng ôm nhau như thế, tìm lại thân thể người yêu và thân thể mình sau một tuần thất lạc, rồi chậm rãi diu nhau qua những con đường vắng, thăm thì những câu hỏi, lời đáp, những chuyện kể chẳng đâu vào đâu luôn bị cắt ngang bởi những nụ hôn không kìm nén, ngắt ngảy trong một men say khiến nàng quên sạch mọi nỗi lo toan buồn phiền của cả một tuần nặng nhọc. Họ sẽ tìm chiếc ghế đá trống nào đó ngồi xuống và không còn để ý gì đến thời gian nữa, cho đến khi những chiếc xe đón công nhân ca ba xuất hiện, nhắc họ rằng đã đến lúc phải chia tay. Nàng luôn quẩn quýt, bịn rịn, tưởng có thể chết vì nhớ mong khi nghĩ đến việc lại phải cách xa nhau. Đôi khi nàng thút thít khóc khiến anh phải dỗ dành. Rồi anh đưa nàng đến đầu hẻm và nàng đi vào một mình, mang cái

tài sản quý giá là thân thể trinh trắng của nàng trở lại nhà, vẹn nguyên, như một nỗi ân hận khôn nguôi.

Tối nay không thấy vóc dáng lênh khênh của anh ở cái góc quen thuộc. Nàng thế vào chỗ ấy. Chưa kịp lấy lại nhịp thở đã thấy một gã lưng gài rà xe lại.

- Đi?

- Nàng cau mặt. Bóng tối không cho hấn thấy cái cau mặt đó.

- Bao nhiêu? - Miệng hỏi, tay hấn làm một động tác hết sức tục tĩu. - Tối đàng kia đi! - Hấn hất hàm về phía góc tường, nơi những đám cỏ hoang um tùm luôn sẵn sàng làm đồng lõa cho những cuộc mua bán chớp nhoáng kiểu ấy.

Nàng không thêm đáp, hất mặt lên, bỏ đi. Hấn kè xe chạy theo, vui vẻ huýt sáo một bài lính chiến rẻ tiền. Hiểu rằng hấn tưởng lầm mình đồng ý, nàng quay ngoắt lại, cầm đầu bước như chạy. Hấn chưng hửng nhìn lui, xuy một tiếng khinh thị rồi lừ đừ đạp tiếp. Chờ hấn đi khuất, nàng trở lại chỗ cũ, thụt sâu thêm vào bóng tối. Nhưng những cặp mắt cú quen với bóng đen của bọn đàn ông vẫn sục ra nàng. Những câu thăm dò, trả giá liên tiếp ném vào nàng. Nàng tức đến phát khóc lên. Sao anh vẫn chưa đến? Nàng không tin rằng anh có thể quên. Bởi niềm vui duy nhất họ có được trong cuộc sống thảm hại này là được nhìn thấy nhau.

- Ê, áo xanh, lên đây! - Hai gã thanh niên chờ nhau trên xe máy dừng lại - Cả đêm, bao nhiêu?

Nàng nhìn chúng. Có lẽ chúng chỉ chừng mười tám hai mươi. Lũ trẻ ranh này đang qua mắt cha anh chúng với những trò động đất động trời mà người lớn không

bao giờ hình dung nổi. Nhưng hai thằng này trông có vẻ mới tập tò. Nàng trả lời chúng, giọng dãi dớt:

- Một giờ năm triệu. Có giờ có tiền.

- Bao nhiêu, nói lại coi! - Thằng lái chồm người tới trước.

- Năm triệu một giờ - Nàng nhấn mạnh, suýt phì cười trước vẻ mặt ngẩn ngơ của hắn nhưng cố làm tỉnh, đóng đưa người, lúc lắc đầu về đằng điếm.

- Năm đồng? Năm đồng cứng à? - Hắn gặng lại.

- Năm triệu! Có điếc không? - Nàng quát lên hết sức xác xược.

- Điên hả? Bộ mắc si đa rồi à? - Chúng cười ầm lên sau câu trả dũa, rô ga chạy mất.

Nàng ngẩn người nhìn theo chúng. Anh sẽ bỏ mặc nàng ở đây đến bao giờ? Nhưng nàng sẽ không bỏ đi đâu. Nàng cứ chờ, chờ cho đến lúc không thể chờ được nữa. Sẽ không bao giờ nàng là người bội tín. Cho dù nàng đang trở thành gái điếm trong mắt bao nhiêu đàn ông khác.

Đang rữ người với nỗi buồn phiền, nàng bỗng giật nẩy mình. Một cánh tay mạnh mẽ từ phía sau ôm quàng lấy nàng, ghì lại. Nàng hét lên, và thấy gương mặt anh kề sát bên mình.

- Trời ơi, anh cứ sợ em bỏ về rồi.

- Thôi đi. Bắt người ta chờ cả tiếng đồng hồ - Nàng phụng phịu, nước mắt tủi thân đã ràn rụa trên má.

Anh hôn lên mắt nàng, giụi mũi khắp mặt và nhận ra nàng đang khóc.

- Đừng khóc nữa em. Có phải anh muốn trễ đâu. Em xem này.

Anh cầm tay nàng, áp lên má mình. Nàng nhận rõ trong lòng bàn tay những vết thương nham nhám. Nuốt nước mắt nàng hỏi dồn:

- Anh làm sao vậy? Có đau lắm không? - Nàng áp má mình lên má anh, bằng cách đó vuốt ve vết thương còn mới.

- Ba anh làm đó. Ông không chịu cho anh đi, túm lại, cào xé. Cho đến lúc ông mệt dừ, buông ra, anh mới đổ thuốc cho ông rồi chạy tới đây. Chỉ sợ không còn được gặp em.

Anh siết chặt nàng, cắn lên vành tai. Còn nàng run lên, nép sát vào anh hơn. Người đàn ông này là của nàng. Mái tóc dài biếng chảy này, đôi mắt khép hờ này, bờ vai cứng cáp này, đôi môi ham hố này, trái tim đang đập dồn trên ngực nàng này... Nàng có thể làm gì cho anh? Còn cào trong nàng một nỗi xót thương quay quắt. Nàng hình dung cảnh anh trần mình chịu đựng bao cơn bạo ác của ông già bệnh hoạn kia, con người nghiện rượu sau tai biến mạch máu não chỉ còn thứ tri giác duy nhất là đòi ăn, bất kể giờ giấc, bất kể no đói... Đồng lương còm cõi của anh và cả số tiền làm thêm hình như chui tọt cả vào mồm ông, để chỉ được nhận lại những cơn điên vô duyên cớ, và những khổ hình dường như chỉ dành cho các bậc thánh nhân. Nàng đã chia sẻ với anh, chịu đựng cùng anh tất cả, nhưng đến bao giờ mới có thể thoát ra...?

Nàng để anh diu di, qua rất nhiều con đường thiếu điện. Bao nhiêu đàn ông đàn bà đang mê mải chìm vào nhau. Có lẽ hầu hết là những khách tìm hoa và những cô gái ăn sương. Họ tìm được một ghế trống và ngồi xuống. Nàng ngã vào lòng anh, thấy sức lực như vợi

hắn. Người ta có thể sẵn sàng đương đầu với mọi tai ương nếu còn hy vọng thoát. Còn anh và nàng? Có lẽ chỉ đến lúc cha anh, ông già khủng khiếp đó, chết đi...

- Cố vui lên em. Có vui thì mới đủ sức mà sống - Anh thì thảo - Dù sao, ông cũng là ba anh...

Nàng vít đầu anh xuống, khép mắt lại. Không, nàng không muốn nói gì nữa hết. Tình yêu trong nàng không thể diễn đạt bằng lời. Nàng hôn anh, nước mắt đầm đìa. Cuộc hẹn lại chấm dứt bằng nước mắt, nhiều hơn những lần trước.

Họ lại chia tay ở đầu hẻm và nàng bước gập ghềnh một mình vào trong tối. Lúc nàng sắp đến nhà, ánh đèn loé lên từ một cửa nhà kèm với một cái nhìn dò xét. Nàng vấp vào tia nhìn đó, suýt ngã vào cái bóng của mình. Nàng chốt ngay cửa, đứng yên một lúc lâu để cảm nhận được sự yên ổn khi ở trong nhà, cho dù trong căn nhà ván liên vách này, nông và trống trải đến nỗi cả ngày lẫn đêm nàng đều sống trong cảm giác bị theo dõi bởi những cặp mắt hàng xóm tò mò. Nàng thay quần áo trong tối, bật đèn, rồi đến bên giường em quỳ xuống. Mắt nhìn vào gương mặt trắng bệch bạc, hốc mắt sâu hõm, cái mũi xanh tái và khoé môi vô cảm của em, nàng những muốn tỏ bày cùng em tất cả những gì đang ngổn ngang trong lòng. Rằng nàng yêu anh, yêu đến mức có thể chết được nếu thiếu anh. Nhưng nàng chẳng biết phải ra khỏi tình thế tuyệt vọng này bằng cách nào. Em nàng đã từng yêu, hẳn em nàng có thể hiểu được.

Bốn năm rồi, em nàng đã nằm đây, xoá sạch khỏi ký ức của cuộc sống hình ảnh một cô gái xinh đẹp và một tình yêu ngỡ rằng lý tưởng. Cô y tá trẻ đã yêu điên cuồng

một gã bác sĩ đáng tuổi cha mình. Cô dễ dàng để gã đàn ông đó chiếm đoạt trinh tiết và dẫn cô đến những khách sạn nổi tiếng truy lạc ở khắp nước. Cuối cùng, hắn đưa cô xem loạt hình cô trần truồng trong các tư thế kinh khủng nhất mà hắn đã chụp sau những bữa rượu. Hắn định dùng loạt hình đó để khống chế cô thay vì làm lễ cưới như cô vẫn tưởng tượng. Cô gái đã kể cho chị nghe tất cả và chấm dứt bằng câu "Em giết hắn nghe chị?". Nàng đã can ngăn, đã nói rằng hắn đáng tội chết thật nhưng hãy để người khác làm việc ấy, chắc chắn sẽ có những nạn nhân khác thực hiện điều em nàng mong mỏi. Còn chị em nàng, những kẻ duy nhất còn sót lại của nhau thì hãy cố sống và cố quên chuyện đó đi. Em nàng chỉ lặng thinh lắng nghe. Nhưng sau đó, cô đã rình hắn với một lon a-xít và đã tạt trượt. Rồi hắn biến mất.

Một đêm kia, nàng giật mình thức giấc vì những tiếng động lạ. Mừng mền tung tóe trên giường còn em nàng thì quần quai như một con giun bị giày xéo. Nàng đưa em đến bệnh viện. Nhưng lượng thuốc ngủ cộng với clorokin được tính toán kỹ đã ngấm gần hết vào lục phủ ngũ tạng cô gái hai mươi tuổi. Nàng đưa về nhà một xác người hoàn toàn bất động, chỉ tồn tại bằng những muống thức ăn loãng được đưa vào tận miệng. Chính trong những ngày ở bệnh viện, anh và nàng đã quen nhau. Đó là sự đặt định của mệnh số, nàng vẫn nghĩ như thế.

Nàng kéo bàn tay lạnh ngắt của em ủ trong tay mình. Trời ơi, phải chi em nàng có thể hiểu được dù chỉ một câu nói của nàng, vào đúng lúc này. Nàng nhẹ nhàng lau những giọt nước mắt chẳng biết vì sao ngày nào cũng trào ra từ đôi mắt vô hồn của em, rồi nàng

đứng lên, lặng lẽ trở lại giường. Theo thói quen, nàng lại nhìn lên đồng hồ. Kim giờ đã mất, chẳng biết mấy giờ. Chiếc đồng hồ cũ kỹ của gia đình, vật duy nhất không bị mang bán để chạy chữa cho em nàng vẫn tiếp tục những vòng quay với cái kim phút và kim giây còn lại, để nhắc nhở rằng thời gian vẫn đang trôi, thúc nàng dừng để vượt mất thời xuân xanh. Nàng đã hai mươi bảy tuổi.

Trần trở mãi, nàng vẫn không sao ngủ được. Cuộc hẹn hò vẫn chưa hề qua với nàng. Bàn tay anh vẫn còn ấm nóng trên ngực và môi anh vẫn còn gắn chặt trên môi nàng. Nàng nhắm mắt lại, tan nát ra vì nhớ anh, như chưa bao giờ nhớ đến thế. Anh đang làm gì, đúng lúc này đây? Nàng thì thầm: "Trời ơi em nhớ anh, nhớ anh quá. Sao anh không đến với em..."

Chập chờn trên đường biên mù mờ giữa thức và ngủ, nàng chợt nhận ra anh. Anh đã có mặt, theo lời nàng gọi. Nàng vò rối tóc anh, miên man: "Em yêu anh, yêu anh, yêu anh...". Anh chỉ mỉm cười, thở vào tóc nàng. Những cái hôn thay cho lời đáp. Từ thân thể anh, những đợt sóng dào dạt, êm ái tràn vào thân thể nàng. Nàng kêu lên, tiếng kêu không còn thuộc về mình. Cả thân thể nàng loãng tan ra, bay lên. Nàng không còn thở, không còn hiện hữu nữa.

* * *

Nàng ngủ quên và dậy trễ. Ở phòng làm việc, khi chạm phải đôi mắt nheo nheo của lão giám đốc, người nàng muốn rúm lại. Mặt nàng nóng bừng, cảm giác như lão đọc thấu được chuyện xảy ra với nàng hồi đêm trước

giấc ngủ. Dưới mắt lão già nhìn thấy ở đâu cũng toàn chuyện mây mưa ấy, bao giờ nàng cũng là một phụ nữ phóng dăng không muốn ràng buộc chồng con để nhằm hưởng đến tối đa những thú vui vật dục. Nàng không cải chính mà còn củng cố thêm sự đánh giá ấy nơi lão. Bởi nàng biết lão thích tin vào sự bọm bãi hơn là sự trong trắng. Và nếu biết được sự thực tình yêu của nàng, chắc lão sẽ cho rằng họ là một thứ không bình thường, một dạng bệnh lý.

Khi công việc đã được giải quyết phần lớn, trong căn phòng vắng, nàng sẵn sàng đương đầu với lão.

- Sao, cô Yên, chủ nhật rồi thế nào? - Giọng lão hăm hở, suồng sã.

- Dạ, buổi sáng bọn em lên khu du lịch Đông Hải bơi thuyền, còn chiều về nhà ảnh nhậu qua loa - Nàng nói nhỏ nhẹ.

- Chỉ nhậu suông à? Đừng có giấu tôi nghe - Lão cười một cách rất cáo.

- Thì thủ trưởng đã biết phải có gì rồi, đâu cần em phải kể nữa - Nàng mủm mỉm cười, làm bộ lấp liếm, e lệ.

- Có định cưới không đó? Tôi thấy để vậy hơi lâu à nghe.

- Dạ... thì cũng phải cưới chứ thủ trưởng, có điều để từ từ...

Nàng trả lời, tức sôi lên. Đâu ai cũng phủ phê thừa mứa như lão. Chiều nào sau giờ làm việc, lão cũng cùng một đám thân cận sà vào các nhà hàng, quán nhậu có gái, tiêu hàng triệu đồng và hối hả tận hưởng những gì mà lão còn có cơ để hưởng. Đời sống của lão làm bằng những thú vui tiếp nối ngày qua ngày, làm sao lão cảm thông được tình yêu đầy cơ cực, bất trắc của nàng.

Một người không gõ cửa, điềm nhiên bước vào phòng. Đó là một cán bộ vẫn cộng tác làm ăn với lão. Họ nói với nhau ngắn gọn vài ba chuyện bán mua, còn sau đó chỉ rất chuyện gái và gái. Sự có mặt của nàng không gây trở ngại nào cho họ. Đối với họ, cô thư ký xoàng xĩnh cả về nhan sắc lẫn gốc gác chẳng là gì đáng để quan tâm.

Nàng giận điên lên khi nghe hai lão nhắc tới một lão giàu sụ nào đó với ngôi biệt thự có những phòng toàn kính dành riêng để đón gái, và những thứ thuốc kích dục giúp lão già sắp hưu đó ăn nằm cùng với ba cô gái trẻ ngay trước mũi bao nhiêu người khác. Rồi lão giám đốc của nàng hào hứng kể tiếp chuyện một con bé mười sáu dưới quê lên thành phố bán trinh. Nó đã được gặp người môi giới với giá thỏa thuận là hai chỉ, được nhận sau một tuần mua bán. Nhưng chỉ tới ngày thứ ba, con bé không chịu nổi đã phải bỏ trốn, chẳng lấy được đồng xu teng nào cả. Lão kể xong, cười ha hả, mắt tít lại.

- Tôi đổ ông rồi tiền bạc được thanh toán thế nào?

- Chắc phải trừ bớt phần trăm chớ. Có đúng bảy ngày như hợp đồng đâu mà.

Những tiếng cười thỏa thích vang lên. Lũ chó má, nàng chửi thầm, thế mà cười được. Đột nhiên tiếng cười ngưng, rồi lão giám đốc quay sang nàng:

- Cô Yên đừng để ý mấy chuyện bọn tôi nói vui nghe. Tôi coi cô là người nhà nên bọn tôi mới tự nhiên như vậy.

- Dạ không sao đâu thủ trưởng. Em còn đọc trên mấy tờ báo bá láp nhiều chuyện tệ hại hơn nhiều.

Nàng cúi xuống chiếc máy chữ, giữ vẻ mặt bình thản như đang rất bận rộn, trong khi chỉ muốn đứng

phất dậy sập cửa ra khỏi phòng. Nhưng nàng dâu được phép làm thế. Đồng lương chẳng đáng một suất nhậu của lão râu sao vẫn rất lớn đối với nàng, dù nàng đã phải đánh máy thuê thêm đến mờ cả mắt mới kiếm đủ tiền đóng gạo, mua thuốc cho em và may quần áo. Nàng rất cần cái chân thư ký ở đây, bởi nếu mất việc nàng sẽ không biết phải làm gì. Ngay cả với nghề bia ôm, người ta cũng chỉ tuyển những cô gái từ mười sáu đến hai mươi tuổi.

* * *

Tối chủ nhật. Nàng lại là người đến trước. Không thèm để ý gì tới bọn đàn ông cứ xán đến như ruồi, nàng ngóng như muốn rơi cả mắt về phía đầu đường, mừng hụt cả trăm lần khi tưởng đã trông thấy anh. Nàng đi đi lại lại như một kẻ chán đời đang rình lúc nhảy sông, muốn khóc mà không khóc được, muốn bỏ đi mà không cách nào giơ chân lên nổi. Cuối cùng, những chiếc xe đón công nhân ca ba chạy qua và nàng hiểu rằng đã hết hy vọng. Cổ họng đắng ngắt, nàng trù trù một lúc trước khi quyết định đi đến nhà anh. Nàng không tin rằng ngay cả ngày chủ nhật anh cũng đi làm thêm. Có lẽ anh lại đang giằng co với ông già điên loạn đó. Nàng sẽ gọi anh ra và nói thẳng với anh tất cả những gì mà chưa bao giờ nàng để bụng ra mồm từ khi họ bắt đầu yêu nhau. Rằng nàng đã quá mệt mỏi với cái tình yêu hầu như không có đoạn kết này, vì những sỉ nhục khi hẹn hò nhau ngoài đường sá như những kẻ mèo mả gà đồng, và dù nàng không hề có ý định cũng như không thể yêu

ai khác ngoài anh thì nàng cũng sẽ không tiếp tục những gì khiến nàng phải khốn khổ như buổi tối này. Phải, nàng sẽ nói đúng như thế, cho dù nàng biết sẽ khiến anh hết sức khổ tâm và có lẽ sẽ nghi ngờ mình.

Nàng vừa đi vừa chạy trên những con đường không điện đã vắng. Quãng cuối con hẻm nhà anh, người ta đang xúm đông xúm đỏ. Không còn thấy căn nhà gỗ bé nhỏ của cha con anh nữa. Thay vào đó là một đồng tro than tan hoang. Hai chân nàng hầu như biến mất. Nàng tấp lại phía sau những người đang bàn tán, cố hiểu nhưng chẳng hiểu được những gì họ đang nói. Phải một lúc lâu nàng mới có thể mở miệng để hỏi người bên cạnh:

- Chuyện gì vậy hả dì?

Người đàn bà không nhìn nàng, đáp to về quan trọng:

- Đốt nhà chó gì. Cái ông già nằm liệt đó không biết mắc chứng gì mà liệt đổ cây đèn dầu, bắt cháy cả nhà. Đã vậy, ông còn níu chặt vô giường, không chịu cho cứu. Thằng con trì kéo với ông cũng bị cháy luôn.

- Cháy luôn rồi hả? Trời ơi...! - Nàng run lên như cây sậy.

- Có điều chưa chết, đem vô nhà thương rồi... Còn ông già kia kìa, có tới coi thì coi!

Chân nàng bước từng bước nhỏ về hướng người đàn bà đang chỉ. Trên một đồng tro than và giữa những người tò mò, cái xác phồng nứt, khét lẹt, co quắp lại dưới đất. Nàng quỳ xuống nhưng không dám nhìn thẳng vào ông già. Từng có lúc hình như nàng đã cầu mong ông chết đi. Vậy mà, giờ đây, trước cái chết thực hiển nhiên này, nàng chẳng thấy chút vui mừng nào cả. Trong nàng trĩu nặng nỗi buồn thương không duyên cớ.

Hình như ông không hề liên can và vì thế chẳng chịu trách nhiệm gì trước nỗi bất hạnh của nàng.

Nước mắt trào ra, nàng khóc một cách lén lút, không để ai nhìn thấy. Ôi, tội nghiệp cho ông, cái xác đói ăn đã nằm dài suốt bốn năm qua với những cơn đói chưa bao giờ được thỏa. Tội nghiệp cái xác cháy đen nứt toác như củi than này. Suốt cuộc đời ông, liệu đã có được ngày nào vui sướng? Tội nghiệp ông, tội nghiệp anh, tội nghiệp em nàng, tội nghiệp chính nàng...

Nàng nói thầm: "Xin bác tha lỗi cho con, tha lỗi cho anh ấy". Rồi nàng chậm rãi đứng dậy, chậm rãi lách khỏi đám đông, bước ra. Nhiều người nhìn theo nàng, vẻ hiếu kỳ, dò xét. Họ hoàn toàn không hiểu được thái độ của cô gái rõ ràng xa lạ.

Nàng không còn đủ sức để đi bộ. Ra đến đường, nàng gọi một chiếc xích lô, bảo chạy đến bệnh viện. Rồi nàng ngồi lên, úp mặt vào lòng tay và khóc.

Nỗi buồn của nàng còn lớn hơn cả những tháng ngày vừa qua cộng lại.

Sài Gòn, 12-1991

Thầy giáo dạy Triết

Lê Minh Khuê

Thanh Hà! Ở một vùng quê xa tít tắp gần biển, giữa những cái tên nôm na, ông giáo làng ước ao con gái mình sau này có thể vươn ra khỏi lũy tre, đi đến đâu cũng hòa nhập được. Ước mơ của cha gửi vào tên khai sinh cho con - Thanh Hà.

Vào đến trường đại học, ngoảnh đi ngoảnh lại chỗ nào cũng thấy Thanh Hà. Thậm chí hai cậu con trai cùng lớp cũng tên là Hà. Thầy giáo dạy môn triết năm cuối của trường đại học kỹ thuật mà Hà đang học, tên là Dương Hà.

* * *

Cứ đúng mười giờ sáng, Hà lên bến xe buýt từ phía Nam thành phố để đến trường đại học ở phía Bắc thành phố. Đứng ở nhà chờ xe vốn là nhà ngủ của cánh lang thang, Hà nhìn sang bên kia đường, nơi ngồi chờ việc của một toán đàn ông khỏe mạnh. Trong đám chờ việc đó có cả những anh chàng đã tốt nghiệp đại học. Chỗ nào cũng có sinh viên tốt nghiệp đại học mà chưa biết đi đâu. Chị Thế bảo: thì phải có nhiều người đi học mới có việc cho thầy chứ. Thầy đông lắm. Chị Thu thì bảo ở

lớp chị có anh chàng tốt nghiệp đại học mà viết thư cho chị toàn lỗi chính tả!

Chị Thu chị Thế người cùng làng, đều đỗ đại học giờ đi làm tiếp viên nhà hàng, cho Hà ở nhờ, không phải trả tiền nhà. Chị Thế thường ngồi đánh phấn rất dày trước khi màn đêm xuống - Chị làm ở nhà hàng gần ga. Chị nhìn Hà bình thản: cứ học đi em ạ, đằng nào cũng nên có cái bằng.

Nửa đêm về sáng hai chị đèo nhau về, nằm ngủ trên cái giường một. Hà kê ghế băng ngủ lối ra vào. Phòng mười hai mét. Muỗi tấu nhạc inh tai. Cái ao trước nhà, nhà chủ đã bán cho một ông trên phố. Người ta sẽ lấy cái ao. Loáng một cái, sẽ ngheo ngheo một cái nhà bốn tầng như cái đình chọc lên một cách chướng mắt giữa đám nhà thấp mái, lồi lõm như hàm răng sâu. Chỗ nào cũng thấy những cái đình. Ghê quá!

Chiếc xe buýt to kênh cang, chạy nổi nam và bắc thành phố. Nhân viên nhà xe mặc đồng phục nhưng không thể nào đồng phục nổi sự lờm khờ của đám đông đi xe. Những cái ghế bị lật trần. Sàn xe như có cái xe rác đi qua mà đánh rơi rác. Vỏ bưởi lẫn với bùn đất, mẩu thuốc lá. Một nàng rất vạm vỡ lên xe ngồi cạnh Hà. Nàng có vẻ dân buôn xuyên tỉnh. Nàng gác chân lên bao tải ăn như hổ vồ từng miếng to tướng, véo một cái hết hai cái bánh chưng. Nàng vắt lá xuống chân ghế. Rồi nàng toe toét nói cười với bà hàng rau. Bỗng nàng bưng mồm ngồi im mắt trợn trừng. Một lúc sau nàng thốc nàng tháo. Bánh của nàng dính nhoe nhoét vào lưng áo đồng bào. Nhưng nàng hồn nhiên như chần trâu cắt cỏ. Nôn hết hai cái bánh nàng chùi mồm đầu

gối rồi thiu thiu ngã người ra ghế. Nhịp xe đưa nàng vào giấc mơ nhà mái bằng xe máy Trung Quốc. Nàng kệ mẹ nó đồng nôn nhầy nhựa sàn xe buýt nhà nước... Hà lẳng lẳng rồi ghé lên đứng cạnh anh tài. Lòng thần thờ buồn vì có cho ngồi tàu vũ trụ hàng xóm láng giềng của mình vẫn như ngồi cạnh ao rau muống. Cái sự văn minh cũng chả bỏ tới "đầu làng"... Hà thở dài nhìn sang... Nhìn cái cách người ta lái xe, Hà thấy phực sát đất. Làm sao có thể giữ cho cái xe đi được khi bao nhiêu người đi dưới đường kia đều có vẻ muốn tự sát. Những cái xe máy lạng vào sườn xe buýt. Những kẻ đi bộ thần nhiên coi khinh tiếng còi. Mặt anh tài lạnh tanh. Có lẽ phải có máu lạnh mới làm được nghề này, giữa những đường phố ven đô mù mịt nhể nhại những người. Một ông lạc quan đứng cạnh Hà, bắt chuyện với anh tài: xe máy nhiều thật! Vâng! *Ri di pi* của thành phố năm nay tăng bất ngờ! Vâng! Chà, chà, ta nằm trên đất tiên mà không biết, chú ạ!

Vâng! Anh tài vâng vâng, mặt lạnh tanh. Ông lạc quan im dần.

Xe buýt chết cứng trước cổng trường giao thông. Như mọi thứ trở trêu ở đời, đoạn đường trước trường giao thông hôm nào cũng tắc. Sáng. Trưa. Chiều! Nửa tiếng đồng hồ. Hà lấy vở xem lại bài mà chẳng chữ nào vào nổi. Mọi thứ rối tinh rối mù.

* * *

Lại có một người bình thần đi từ khu nhà ở giáo viên ra cổng trường. Thầy giáo dạy triết. Giữa những

ông thầy dạy các môn thiết thực bạn tối mắt tối mũi vì chỗ này vời chỗ kia gọi, thầy dạy triết rồi rồi đến độ lười biếng, áo sơ mi nhàu nát khoác ngoài may ô màu cháo lòng, tóc đã lơ thơ bạc. Chẳng có vợ con, thầy không thiếu tiền. Nhưng cái vẻ buông xuôi của thầy nhắc tới sự nghèo hèn. Thường khi Hà tới trường chuẩn bị học của chiều, thầy đi ra quán cơm bụi. Tóc bù xù, mặt như chưa rửa, thầy lúi lúi vào quán ăn. Như đã thừa riêng một chỗ. Hôm nào thầy cũng ngồi chỗ đấy, với một suất cơm cũng thừa sẵn. Chẳng hiểu sao Hà hay quan sát thầy. Có lẽ do tâm trạng: một kẻ như Hà giữa chốn thị thành - Không muốn quay về gốc. Lại chẳng biết bám vào đâu ở cái ngọn này! Và do cả cái cách chẳng giống ai của thầy. Khi lên lớp, thầy gọng gàng hơn nhưng trông vẫn là người chẳng thiết gì. Thầy nói, lúc đầu còn rời rạc, sau cứ hay dần lên. Về những điều mà bọn trẻ chẳng còn mấy quan tâm nữa. Thầy nói cứ nói. Trò nghe thì nghe. Dù sao cũng phải nghe vì không đạt điểm môn của thầy, có mà húp cháo. Thầy nói. Nói mà biết là người ta thờ ơ. Hà cũng đã từng ở vào số thờ ơ với thầy.

* * *

Thế sao nghe được. - Chị Thu nghe Hà tả về thầy, bỗng như giạt nẩy người. Làm sao để ông thầy như vậy ở một mình?

- Cũng có nhiều đứa đến với thầy rồi. Nhưng đến lại đi! Chúng nó bảo thầy vẫn chẳng khác gì thời thầy còn là lính.

Hà trầm ngâm ngồi bó gối trên cái giường một của hai chị, nhìn mưa rơi xuống ao, nền tảng của cái đình tương lai. Tâm trí Hà hỗn loạn: sắp thi. Sắp ra trường. Việc làm...

Hai cựu sinh viên, hai tân tiếp viên nhà hàng bỗng nhìn Hà chăm chăm. Chị Thế tỉnh táo hỏi: phòng thầy ở bao nhiêu mét?

- Em chỉ đi qua. Không nhìn kỹ. Nhưng có vẻ rộng lắm. Phòng khách độ hơn mười mét. Còn phòng trong không rõ.

Chị Thế nhún cao đôi lông mày đã sửa gầy gọn như lông mày người mẫu:

- Nghe các chị ra lệnh này. Em phải vào ở trong căn hộ của ông giáo triết!

- Không. Em chịu thôi. Thầy già khú.

- Hơn mày bốn mươi tuổi là cùng chứ gì? Tao sẵn sàng lấy một ông tám mươi miễn là có việc làm...

- Các chị nói vớ vẩn. Em gái quê. Thầy chả chịu đâu.

- Lại tự ti rồi. Soi gương mà xem. Nếu thầy như em mô tả thì em là hợp đấy. Nền nã, hơi rụt rè. Lại có vẻ hơi ngô ngố. Cứ thử xem!

Chị Thu cười khanh khách:

- Mất gì của bộ? Em nên ở lại thành phố này!

Lời qua tiếng lại. Câu nọ câu kia đùn đẩy. Cuối cùng, hai chị ra một nghị quyết: Hà phải đi tối trường sớm hơn. Và phải ăn cơm bụi.

* * *

Quán cơm làm thấp hơn mặt đường. Những cái bàn phủ ni lông kẻ ka rô đỏ. Hà nhìn đồng hồ và ngồi vào chiếc ghế thầy vẫn ngồi, một cái ghế băng dài hơi cập kênh. Hà gọi món đậu rán, món canh, hai lát thịt. Suất cơm ba ngàn đồng. Suất cơm tươm tất của sinh viên.

Thầy không nhớ Hà là sinh viên của khoa nào. Trường hàng ngàn sinh viên. Môn dạy của thầy hiu hắt, tháng một tiết học. Nhưng một cô sinh viên cứ ngày nào cũng vậy, vào đúng giờ thầy đi ăn đã thấy ngồi ăn ở đó, ít nói, ý tứ và rụt rè... bỗng làm thầy chú ý. Rồi một hôm thầy hỏi tên. Em tên Hà. Trùng tên với thầy rồi. Thú vị nhỉ. Quê em ở đâu? À, nói vậy thì thầy nhớ ra em rồi. Tháng tới này thầy có tiết ở lớp em!

Rồi một hôm nữa thầy bảo: "Ngồi lại gần đây. Thầy ăn một mình cũng buồn".

Thầy gọi thêm món ăn. Thầy gấp sang bát cho Hà. Thầy ăn ít. Chỉ thú vị nhất là món đậu sốt cà chua ăn với dưa muối. Thầy nhâm nhi một ly rượu trắng. Thầy bắt đầu nói chuyện. Bắt đầu là những trận bom B52 của Mỹ. Rồi những lần "có ai đó cứu thầy" khi thầy chiến đấu ở đường Chín năm sáu chín. Rồi chuyện quê thầy mùa này chỉ thấy lụt là lụt. Thầy ở một mình nhưng mỗi khi có khách là rộn cả nhà. Thầy phải tiếp tế cho trẻ con trong nhà, cũng bỏ hơi tai. Người ta thấy thầy có một mình, cho là giàu. Người ta cứ nhận của mình mà chẳng ơn huệ gì sất.

Hà kể chuyện quê. Chuyện đi xe buýt. Chuyện cái ao, chỗ trọ. Vào buổi trưa nóng như hắt lửa vào mặt, thầy và trò bỏ dở cả cơm. Thầy rủ: vào nhà thầy uống nước!

Phòng khách phía ngoài, thầy để đầy sách. Những ông thầy dạy triết lúc nào cũng đọc nhiều sách. Các ông cũng hay viết lách vớ vẩn. Ông nọ thuổng của ông kia. Nhật nhạnh khắp các xó xỉnh cho vào cái cối của mình, giã thành thứ gọi là tư tưởng riêng. Triết học thời này nó thế. Nhưng thầy Dương Hà không viết lách gì. Thầy vẫn là người thờ chữ tự trọng như ông gàn. Chung quanh thầy người ta đua nhau làm hàng giả. Đến thời này vẫn có kẻ bóc từ hố nọ sang hố kia trộn lẫn dán mác rồi đi lòe lấy tiền lấy danh hiệu làm le với thiên hạ. Thầy giữ mình để rồi nghèo cả danh hiệu cả tiền. Chả sao. Thầy bỏ quân phục, đi học triết ở nước ngoài, học nhiều vẫn thấy mình như ếch ngồi đáy giếng. Thầy đọc sách cho đỡ buồn. Có thì giờ thầy đánh cờ với thầy giáo dạy sử, trường trung học, nhà ở ngoài phố gần trường. Hai ông đánh cờ miệt mài. Cứ thế rồi tuổi trẻ đi qua. Bây giờ thầy đã "đầu bốn dít vô tư" - Bốn chín tuổi còn gì?

Thầy cười buồn. Hàm râu có vẻ được thầy mất công săn sóc nhất. Vì cứ năm ngày không cạo râu, chắc chẳng ai nhận ra thầy. Hà pha nước trà. Cái tủ lạnh thầy để cóc cáy, trống không, được cái đá là nhiều. Sờ đến cái gì cũng thiếu. Thực ra thầy chăm cũng chẳng để làm gì?

Thầy chưa uống nước đã ngả ra thành ghế ngủ la đà. Do nóng quá. Cái quạt phả ra toàn hơi lửa hầm hập. Hà nghe phảng phất trong nóng bức cái mùi nồng nặng của một người đàn ông lớn tuổi, ít tắm rửa. Cái mùi đặc trưng. Mùi già. Nhưng đã phiêu lưu, nhảy xuống hố với cũng phải nhảy.

Trong khi thầy ngủ, Hà ước lượng diện tích căn hộ. Dự định sẽ kê cái giường ngủ vào giữa phòng, một bên kê bàn viết, một bên để cái đèn chụp chân cao. Có đèn chụp, căn phòng trông khác ngay. Sẽ quét màu vôi xanh. Treo vài bức tranh thiếu nữ. Bếp không thể kê thế này... Nói tóm, phải làm lại tất cả.

* * *

Chị Thu, chị Thế cười sảng sặc khi Hà nói tới bàn chân thầy. Móng dài. Đen sì. Đôi dép nhựa của thầy cũng đen sì. Cổ áo của thầy mới khùng khiếp. Thầy chả thiết...

Còn mọi chuyện thì tiến triển khá tốt. Em định tháng tới đây đỡ nóng, rủ thầy nấu cơm ăn. Em chỉ ăn cơm, chưa nên tính gì vội. Phải không?

- Cũng được. Mà nên nhớ năm nay ra trường rồi. Bọn học cùng môn như mày đông như lợn con. Hay đi làm tiếp viên như bọn chị?

Chị Thu hỏi. Chị Thế nhăn mặt:

- Tiếp viên bây giờ cũng bèo lắm em ơi. Cái thời các sếp nhà quê lấy tiền công đi chơi đã qua rồi. Thời bây giờ nhiều sếp phải móc túi uống cà phê đã đau hơn hạn. Đi hát đi hò tiền túi móc ra đâu có rộng rãi được. Xem bọn chị đây này, vẫn chưa thuê nổi cái nhà ra hôn để chui rúc. Dành dụm vài trăm một tháng gửi thầy u đã thấy xiêu vẹo rồi. Em phải tính cách khác thôi. Bắt cho được thầy!

Hà bần thần lên xe buýt. Bần thần tính toán. Ngày lại ngày. Nóng và bụi. Hà kiên nhẫn chờ thầy ở quán

cơm. Thầy đưa tiền cho Hà tiện thanh toán phần thầy. Hà sòng phẳng đưa tiền thừa cho thầy cuối mỗi tuần. Trong câu chuyện cơm bụi, thầy cũng hé mở cái bí mật đời thầy. Cũng có một mối tình thời chiến tranh, yêu một cô lính thông tin. Lính pháo yêu lính thông tin thì đẹp quá. Nhưng cô ấy chuyển ngành, chê thầy cái gì cũng chẳng nói ra.

Rồi từ đấy, như cái dớp, chẳng hiểu sao thầy không giữ nổi một cô nào. Họ cứ đến nhà thầy riu rít được ít lâu lại chuồn mất. Có lẽ do cái vía của thầy nó dữ sao đó. Hơn ba mươi tuổi thầy cũng cố như người ta. Cố chẳng được. Thôi thì đánh cờ cho qua ngày!

Hà cười buồn buồn. Trong những bữa cơm ngày nào cũng lặp lại đúng giờ, Hà thấy thầy hình như cứ mới dần lên. Mỗi ngày một chút. Thầy đã đi giày. Và tóc thì cắt ngắn. Dường như thầy đã chăm tằm.

Chị Thu bình: cá đang lừ đừ bơi gần mũi lưới câu! Chẳng hiểu sao Hà không thích các chị nói như thế nữa. Hà quay ra làm việc khác...

* * *

Gặp thầy ngay ở chỗ xe buýt đỗ. Thầy đi xe máy mượn của ai. Nhìn thấy Hà, thầy vui vẻ gọi: hôm nay ăn cơm một mình nhé, thầy "nỏ ăn mô"!

- Thầy đi đâu đấy?

- Ra ga - Thầy cười hóm hỉnh - Đón "*chùm khế ngọt*". Đợt này có thằng cháu gọi bằng bác sắp cưới. Thầy phải dẫn "*chùm khế ngọt*" đi mua sắm. Rồi về quê. Ở quê cưới xin cả vào mùa nóng.

Thầy vừa nói vừa cười. Hà nhìn thấy trong mắt thầy có cái gì như ngọn lửa. Nó lấp lánh, hồn nhiên. Cái áo sơ mi của thầy hôm nay trông cũng tươi tắn. Có một vẻ mới lạ làm Hà hoang mang. Hay là thầy có ai?

Hà chào thầy, quay đi một lúc thì nghe tiếng thầy gọi: Hà! Quay lại, Hà thấy thầy vẫn đứng chỗ cũ. Khuôn mặt thầy có vẻ trầm ngâm, trầm ngâm chứ không phải cái vẻ "thầy kệ sự đời" như trước. Hà bỗng thấy bước chân ngập ngừng.

- Ngày mai thầy về quê mấy ngày. Em ở xa, đi học vất vả quá. Em tới nhà thầy quét dọn hộ. Nhân thể cho con mèo nó ăn hộ thầy. Cứ ngủ lại. Tự nhiên!

Thầy đưa chìa khóa, Hà nhận và tự hỏi: đến nhà thầy mấy lần rồi, đâu có thấy mèo chuột gì?

Hóa ra con mèo cũng y như chủ, chẳng mấy động cựa. Đi loanh quanh đâu đó ở ngoài, lúc về chui vào cái thùng thầy lót vỏ chăn, yên phận nằm ở đó. Thấy Hà mở cái thùng, nó rụt đầu nhìn ra. Cũng chẳng thèm có một tiếng meo!

Những ngày thầy về quê, sàn gạch được lau, đầu tiên phải cạo đất đi, lau bằng bao tải gai nhúng ướt, dội nước cho trôi bớt đất. Và lau đi lau lại cho đến khi màu men nâu sẫm chói ngời lên. Thứ gạch men nâu cũ kỹ này người ta lát nền nhà từ những năm bảy mươi. Từ đó đến nay nó chưa hề biết đến mùi nước. Nhìn cái màu gạch tự dưng Hà xúc động. Nó cũng quá bụi, cũng tự lẩn đi giữa cuộc đời, y như thầy.

Trên tường thầy còn treo một cái thắt lưng của lính. Có lẽ đó là kỷ vật hợp với thầy nhất. Nó không mới, cũng chẳng bao giờ cũ. Còn mọi thứ đồ đạc khác,

cứ như rời rạc với thầy. Hà lôi cái bình gốm dẹp thầy dùng đồ bã chè, lau rửa xong, cắm mấy bông sen tươi. Tấm màn cửa mới tinh lay động khi cái quạt cây quay tới nơi. Dọn dẹp mất đứt ba buổi chiều. Chăn chiếu đã khô, Hà làm giường cho thầy. Nhìn cái gối đơn côi trên chiếu, lại thấy mình cũng thật vớ vẩn. Sợ gì chứ! Nghiễm nhiên căn hộ đã là của mình. Cứ ở lại với thầy. Có sao?

Con mèo rón rén đi dưới chân Hà. Cái vẻ khinh khỉnh của nó làm Hà chột dạ.

* * *

Chị Thế lại cười khanh khách: tao như mày, giặt giũ chăn màn xong tao chui vào nằm ngủ. Cứ thế mà chờ!

Các chị chẳng phải chai sạn gì. Các chị thích đùa với mọi chuyện. Xem nhẹ mọi chuyện ở đời. Đơn giản thế thôi. Thầy gặt thì ở. Thầy lác thì đi. Nhưng trái tim Hà bắt đầu bướng bỉnh. Nó thức từ từ, chậm chậm. Có lẽ cái hôm đầu tiên thầy rủ về nhà uống nước. Nước chẳng có, phải tự mình tìm lấy. Quay ra thầy đã ngả mái đầu lốm đốm trắng đen lên thành ghế ngủ gà gặt. Trong cái dáng ngồi ngủ của thầy có gì đó như một đứa trẻ thất vọng. Rồi hôm Hà nhìn thấy cái cổ sơ mi đen sì thầy mặc ở nhà? Hay là hôm nào nữa nhỉ, đến đúng lúc thầy dùng cái que gậy đất ở móng chân. Cuộc đời thầy lẻ loi như quả trứng luộc thầy hay ăn trong quán cơm bụi... Hà đã tính bẫy thầy, tìm cách vào nhà thầy còn đời thầy không đáng kể. Nhưng lâu dần mọi chuyện lại khác đi mất rồi. Hà thốn thức khi thấy đã năm ngày mà thầy chưa về. Hay thầy đã có ai?

Chị Thu chị Thế nháy mắt cho nhau, cả hai nhìn Hà.

- Mày đến nhà thầy ngủ đi chứ. Thầy nhờ trông nhà cơ mà. Quái nhỉ? Dọn dẹp xong khóa cửa để đấy!

- Nhà thầy chẳng có gì để mất đâu. Thời buổi này ai lấy trộm sách?

- Nhưng mọi thứ đang tiến triển cơ mà!

- Em không đến nhà thầy nữa đâu. Em gửi chìa khóa cho thầy rồi.

- Con điên! - Hai chị cùng thốt lên.

Hà đi ra cửa, nhìn sang cái ao. Hóa ra họ đã đổ cát lấp gần hết cái ao. Giá như đời mình cũng được thu xếp nhanh chóng như thế nhỉ. Thôi vậy. Hôm qua vừa nhận được thư cha. Cha bảo thi xong thì về quê giúp cha làm nắm rơm. Đang có mối lấy nắm của nhà mình. Thôi thế cũng được. Càng đỡ phải gặp thầy.

- Em ơi. Ky cốp cho cốp nó xoi. Mày dọn nhà dọn cửa cho thầy, mày giặt giũ cho thầy mới tinh lên để cho đứa khác nó vô. Ngu vừa vừa thôi em ạ!

Chị Thế vừa bồi phẩn vừa ngân nga như hát.

* * *

Tình yêu cũng bất ngờ như nỗi đau. Nó len lén, êm dịu rồi bóp nghẹt lấy tim ta. Hà đứng dựa vào thành xe buýt, chẳng cảm xúc gì khi anh chàng phụ xe mặc đồng phục cứ chốc chốc lại nhổ toẹt xuống sàn xe. Ngang nhiên như đứng trên bãi rác... Hà đi lối khác vào trường. Chắc hôm nay thầy đã ra. Đã mở khóa vào nhà. Có lẽ cốc sữa đây Hà để cho con mèo chưa hết. Hà đã làm đúng lời thầy nhờ...

Một bọn cùng lớp lao nhao gọi Hà ở lối đi.

- Này Hà ơi, thầy triết cứ đi tìm mày như lính cứu hỏa tìm vòi phun ấy. Thầy dặn mày đến thì về chỗ thầy ngay.

- Hà ơi, mày mua sơ mi cho thầy đấy hả?

- Sao em mua cho thầy cái "thắt cổ" đẹp thế em ơi. Học với nhau mấy năm rồi, anh không ngờ em lại chọn màu siêu thế...

Cả lũ thi nhau nói, thi nhau cười. Như một lũ khờ! Hà như say rượu, cứ là đà nửa tỉnh nửa không. Nói với lớp trưởng xin nghỉ học hôm nay, ngày cuối tuần, Hà ra cổng sang bên kia đường chờ xe buýt. Hà không đi thẳng về phía nam thành phố. Hà cấp cạp đi dọc con đường vắng ở khu phố trung tâm. Hàng cây đẹp nhất thành phố như có một bầu trời riêng ở bên trên. Không khí xanh sẫm vì màu lá trong sạch. Những biệt thự nằm sâu bên trong hàng rào sắt với những vườn toàn cây... Thế giới ấy cũng chẳng bao giờ mình được biết... Hà nghĩ vẫn vợ, tự dưng buồn muốn khóc. Oái oăm thay khi người đàn ông Hà yêu đầu tiên lại là thầy. Nói cho cùng chẳng nên thử vận may kiểu này!

Lang thang trong phố tới chiều tối. Hà lên chuyển xe buýt đã vắng người trở về nơi ngủ trọ. Cái ao trước sân lấp xong. Nhiều người đứng lố nhố bàn bạc. Có đèn trong phòng của mấy chị em. Quái. Có lẽ khách của chị Thu. Giờ này đáng lẽ các chị đã khóa cửa đi làm rồi chứ.

Chị Thu ngồi quay lưng ra cửa. Trên cái ghế băng Hà vẫn ngủ, một người đàn ông lạ lẫm ngồi nói chuyện với chị Thu. Một người đàn ông phong trần tóc cắt cao, áo sơ mi xắn cao tay. Cái áo sơ mi Hà đi chọn mua, để sẵn trên

giường giữa những chăn chiếu được Hà giặt giũ với bao nhiêu trầu mền.

Chị Thu quay lại cười xòa: - Đây rồi!

* * *

Hóa ra cốc sữa con mèo ăn hết nhẵn. Thầy về muộn một vài ngày nữa chắc cu cậu phải đi tìm chuột mà chén.

Trời hôm nay mát dịu. Giữa mùa hè thỉnh thoảng có một hôm khác lạ. Trắng trắng xanh trên bầu trời. Phảng phất mùi hoa lan. Hai người đoán xem mùi hoa lan ấy từ đâu. Và rồi ngạc nhiên quá khi tự dưng cứ muốn thăm thì.

Hà ngồi vào cái ghế mây thầy mới mua, có lưng tựa. Một cái gì tròn tròn âm ỉm rúc vào chân cô. Ô, con mèo! Lên đây nào! Thế, ngồi yên. Thầy ơi, con mèo y như thầy, nó đã hoạt động rồi này!

Hà đùa. Tiếng cười trong trẻo như tiếng những hạt thủy tinh va vào nhau. Thầy im lặng đứng ở phía cửa nhìn vào căn phòng sáng trưng, thấy lạ như nhìn vào nhà ai. Đời thầy tưởng là ngổn ngang nhưng rồi lại thu xếp được.

Thôi. Cũng cố mà sống như người ta.

Vũ điệu của cái bô

Nguyễn Quang Thân

Thế là không hy vọng gì nữa rồi. Nhà máy đóng giấy phá sản. Cả năm nay Hảo sẽ không có việc làm. Đề tài, số tiền trợ cấp ban đầu và bản quyền bán cho nhà máy tan thành mây khói. Khách hàng đã tẩy chay thứ giấy bong mũi của nhà máy trước khi loại keo dán tuyệt vời của Hảo qua được bát quái trận thủ tục.

Vậy mà cũng phải ăn, phải gửi tiền cho con gái lên Hà Nội học thêm, phải nuôi cái xe đạp tàng, hể mó đến là ăn vạ tiền nghìn. Rồi chén cà phê đen buổi sáng, quên nó một bữa là Hảo thấy mình đang mọc đuôi ra.

Thế nào cũng phải làm một cái gì! Nhưng ngoài cái chuyên môn được ghi trong mảnh bằng phó tiến sĩ, Hảo không biết làm gì khác. Cũng không thể như Tú, họa sĩ ở tầng dưới. Tú thường không biết ngày mai mình ăn gì, ăn ở đâu. Tú nói: "Đói là con hổ, đừng nhìn nó, nhìn là nó vồ ngay".

Nhưng Tú đã bước vào phòng đúng lúc Hảo đang nghĩ đến anh, nhem nhuốc như cái xơ mướp nhúng vào thùng bột màu.

- Này cậu, có việc này hợp với cậu lắm. Nhưng pha cà phê uống cái đã.

Hảo lóng ngóng múc cà phê vào phin. Hay là Tú rủ

mình làm bạc giả? Trông mặt y như đang thu vén quần áo để vào hỏa lò.

- Việc gì thế?

- Giữ trẻ! Tháng một trăm tì có ăn trưa. Được chưa?

- Tốt quá - Hảo nghi ngờ, chùn rẻ quạt tõe từ mắt xuống đôi gò má - Món thơm thế đâu đến phần mình. Với lại cơ quan...

- Thì đã bảo người ta cần mà. Chăn một thằng bé ba tuổi, nó tập tõe. Vừa chăn vừa dạy tiếng Anh để lớn lên biết đọc tên các công ty trong phố và phân biệt được nhà vệ sinh nam nữ ở sân bay. Việc cơ quan thì để tớ gả cho. Đăng ký một đề tài thật kêu, đại khái thế này: "Ném một cái nhìn vào quy trình chế tạo keo dán mũi giấy ở địa phương ta", nhớ là phải có chữ ta, không cần xin trợ cấp, xin hai năm ngồi nhà nghiên cứu, được chưa?

Không bị Tú rủ đi làm bạc giả là phúc rồi. Hảo đăng ký đề tài, anh có chữa lại vài chữ của Tú. Ném một cái nhìn, không được. Cuối cùng: *Tiếp cận hyperbole tính duy vật biện chứng...* song ngữ: *Faire une hyperbola...* (tiếng Pháp) và *To take a hyperbole...* cộng thêm hai trang đề cương (cũng song ngữ). Được rồi, rất có e! Hảo qua mặt được chủ nhiệm ủy ban khoa học kỹ thuật tỉnh vốn trước là giáo viên cấp III. Trong bản dịch đề cương tiếng Anh có mấy tiếng khó dịch, Hảo bịa ra, nhưng chắc là ông không biết. Ông thường bắt cán bộ làm thuyết minh song ngữ nhưng bản thân ông không phân biệt được tiếng Pháp với tiếng Anh, trừ tiếng Nga nhờ những chữ N ngược kỳ lạ của nó. Ông nói: "Cậu khá lắm, tính tư tưởng, tính địa phương, đề

tài của cậu ưng cái bụng mình lắm rồi. Nhưng có xin trợ cấp không đấy? Không hả. Tốt, nhớ khao nhé!". Ông ký một cái rẹt, chữ ký như con bò cạp đang bò.

Thế là Hảo có hai năm rồi rỗi. Sẽ khao, sẽ khao. Ông chủ nhiệm và cả Tứ nữa, những nhà Mạnh Thường Quân của khoa học.

Một chú chó Nhật sửa lách nhách rồi te tái luôn dưới chân hai người. "Ồ, Mi-mô-sa, ngoan nào... Xin mời hai bác...". Chị chủ nhật vội con chó lên, nghi ngại nhìn cái ống quần lem nhem của anh họa sĩ dắt mối. Tứ xăng xái:

- Tôi dẫn anh Hảo đến như đã hứa với chị. Bảy giờ tôi phải đi treo cờ mừng một tháng năm. Xin hai vị cứ tự nhiên.

Hảo nhìn chị chủ nhà. Chị đẹp, sang trọng và thừa thãi, áo quần, mỡ phần, không gian và thời gian.

- Chắc anh Tứ đã nói với anh. Cháu cần một người có học trông nom, bố cháu nói ở Nhật người giữ trẻ đều phải qua đại học. Tôi giao cháu cho anh ban ngày, anh ở lại ăn trưa, ngủ với nó hai giờ mỗi ngày, nhất thiết phải cho nó ngủ hai giờ như ở nhà trẻ. Và dạy tiếng Anh cho cháu. Tôi định muốn một cô giữ trẻ. Nhưng chồng tôi lại muốn có một người đàn ông, anh ấy nói cháu phải có nam tính mạnh mẽ để đua ganh với đời.

Mọi việc đã xong xuôi. Chị nói: "Ban đầu hãy biết thế. Còn sau này...". Rồi chị nhìn xoáy vào mắt anh (anh khẽ rùng mình) khuôn mặt lặng lẽ, buồn chán và sung mãn của chị bỗng bừng sáng. Có lẽ chị cũng có học, không phải loại muốn vua về múa như anh nghĩ. Anh hỏi: "Cháu đâu?". Rõ ràng là chị đã quên mất

thằng bé. Chị ừ hừ: "Tôi cho cháu về bên ngoại. Anh cứ gọi nó là thằng Cu. Chúng tôi vẫn gọi cháu thế cho dễ nuôi. Mai xin mời anh đến".

Sáng hôm sau chị chủ nhà và thằng Cu đón anh ở cửa. Con Mi-mô-sa đứng cạnh. Nó có vẻ ngạc nhiên khi thấy anh dầm dãi một chiếc xe đạp như thế vào cái sân rải sỏi. Chị thì nuốt nà trong bộ mứt-sơ-lin màu thiên lý, thoa sơ sài một lớp phấn mỏng lên mặt. Chị đẩy thằng Cu lại cho anh: "Nào, Cu chào bác đi, chào thầy đi!" Cố gắng như một cái máy không nhạy, nó nói: "Cháu chào cô ạ!". Chị chữa: "Chả là tôi đã cho cháu vào nhà mẫu giáo mấy ngày. Con nói lại đi, chào chú ạ!". Chị dẫn anh và nó sang một phòng nhỏ cạnh phòng khách. Một cái bàn học cho trẻ. Chiếc đi-văng gỗ mà anh sẽ ngả lưng buổi trưa. Cốc và những chai nước lọc. Chị nói: "Nghe anh Tứ bảo anh nói tiếng Anh như người Anh phải không? Hôm nào về mà hai bố con bi bô được với nhau là anh ấy mừng lắm. Anh ấy nói tiếng Anh như gió". Hảo định cải chính: "Tôi nói tiếng Anh như người Việt" nhưng thằng cu đòi ị. Nó nhăn mặt, duỗi ra và lấy tay bưng dít. Chị chủ nhà nói: "Bác để tôi" - chị nhăn mũi - "Quên đưa vào đây một cái bô, bà Múi ơi!". Người nấu bếp chưa vào chị đã bế thằng Cu ra ngoài. Lát sau chị vào, tay thằng bé, tay cái bô. "Đọc hành lang một đoạn là toa-lét. Anh cứ đổ vào đó rồi giặt nước là được". Chị đặt cái bô vào góc nhà như người nhạc trưởng cất gậy lên giá. Điệu vũ chấm dứt. Hảo nhìn cái biểu tượng nhà nghề trắng muốt, chỉ mong chị chủ nhà đi khuất. Năm năm trước đêm nào anh cũng

nằm mơ thấy mình trong bộ quần áo tiến sĩ cổ truyền. Chị đưa anh hai chiếc chìa khóa: "Đây là khóa phòng. Đây là cổng. Thỉnh thoảng bác dẫn cháu đi chơi, tùy ý bác". Rồi chị lên lầu, vẽ tự hào đã hoàn thành nhiệm vụ người đạo diễn.

Hảo hỏi thằng Cu: "*Oắt xi-ô nê-mơ?*". Nó nhìn anh trân trân một giây rồi tái mặt: "Đ... bu mày!". Nó tưởng anh vừa chửi nó. Phải nói là nó chửi rất du dương. Ngày hôm nay phải dạy bằng được câu này cho nó. "*Oắt xi-ô nê-mơ*, tên cháu là gì chứ không phải câu chửi tục. Nhân loại chưa đổ đốn đến mức biến một câu vắn danh thành câu chửi". Chấm dứt buổi học tiếng Anh đầu tiên.

Mọi thứ dù phi lý đến đâu mà lặp đi lặp lại mãi thì vẫn chấp nhận được dễ dàng. Việc anh thành người giữ trẻ thì cũng chỉ cần một tuần để trở thành dĩ nhiên. Dĩ nhiên như một giáo sư nổi tiếng ốm đau kéo dài phải đốt sách để sưởi, như việc cái xe đạp lúc nào cũng phải tòn teng một tấm biển số thời nào. Hai mươi tờ giấy năm ngàn đủ sức mạnh biến Hảo thành người giữ trẻ mẫn cán trong ba mươi ngày. Chị chủ nhà không chú ý đến anh hơn bà Mùi, người nấu bếp lắm lủi như cái bóng. Từ ngày có anh đến làm, chị được giải phóng khỏi thằng con trai nên rồi rãi hơn. Chị lên lầu xuống lầu, đọc sách, trong khi anh túi bụi trong phòng với thằng Cu và cái bô, đã bắt đầu nhớ cái giá sách, và những ngày nhàn rỗi đọc chữ thánh hiền. Thỉnh thoảng chị pha một cốc nước chanh mời anh với dáng vẻ của người làm việc thiện rồi cũng tiện mồm kể lể chuyện nhà

chuyện của. Chồng chị trước đây là thuyền trưởng viễn dương. Nhờ anh mà chị nhìn thấy đồng đô-la xanh rờn đầu tiên và hình những tổng thống Mỹ quá cố. Khi túi đã hơi nặng, anh tìm cách lên bờ. Anh bảo chị: "Thời nay chỉ leo được lên mới thắng, dưới đất bao giờ cũng thua". Anh biết đầu tư chiều sâu và lên dần. Bây giờ anh phụ trách một văn phòng đại diện ở Hồng Kông, môi giới mua những con tàu hàng vạn tấn đến những chiếc nịt vú. Anh nói: "Một chuyến đi Nhật cắt dải cùng mình chỉ thắng một hai cây. Bây giờ ký xạch một cái tôi có bạc triệu!". Hảo không biết chị kể một cách thành thực những chuyện ấy với anh để làm gì, chị có tâm đầu ý hợp với người chồng ở xa hay không. Chị kể một cách buồn chán, mệt mỏi; là người tiêu tiền, chị không có cái say mê của những con sói săn mồi. Chị là con kèn kèn cái lười biếng rửa xác một con voi. Chồng chị thỉnh thoảng có viết thư, nhưng hai năm nay anh không hẹn ngày về. Hảo cảm thấy, với chị thì anh vĩnh viễn không về nữa.

Thằng Cu có người trông, sạch sẽ hơn. Nó học tiếng Anh cũng khá và mền thây. Để giải quyết chuyện cái bồ, Hảo đã tập cho nó ra toa-lét mỗi khi có nhu cầu. Cuối tháng đầu chị trả lương cho anh, đưa luôn cả tháng sau, tặng thêm cho anh năm mươi ngàn. Thấy anh lưỡng lự, chị nói: "Anh cầm đi. Chúng tôi giàu có lắm. Anh không tưởng tượng được chúng tôi giàu như thế nào đâu. Nhưng ở cái đất hay nhòm ngó nhau thế này mình cũng phải giữ ý".

Một sáng, anh đang ở trong phòng với thằng Cu thì

ông Vị đi xe máy đến. Qua cửa sổ anh nhìn thấy ông chải chuốt hơn ngày thường tuy ít đường bệ hơn so với những lúc ông đi lại dọc hành lang nghe một cán bộ khoa học thuyết minh cái gì đó sau lưng mình. Chị ngồi tiếp ông hàng giờ trong phòng khách. Buổi chiều trước khi Hảo ra về, chị mời anh uống trà. Chị nói: "Ngày mai tôi phải vắng nhà mấy ngày. Anh giúp tôi ngủ lại và trông hộ cháu được không?". Anh đáp được. Suy nghĩ một lúc, chị hỏi: "Anh có biết cái ông hồi sáng đến thăm tôi không? ". Anh nói: "Không". Chị nhìn anh vẻ tin cậy: "Thôi, chẳng giấu anh làm gì, sợ anh nghĩ tôi không đáng hoàng. Ông ấy là bồ tôi đó". Thấy Hảo cảm động vì lời thổ lộ ấy, chị duyên dáng nín nhẹ ống tay áo anh: "Nhưng tôi đã quyết định dứt ông ấy ra. Ngày mai chúng tôi cùng đi Sầm Sơn. Lần cuối cùng rồi thôi. Anh giúp tôi nhé?". Chị kể trước đây mấy năm chồng chị khéo léo đưa chị đến với ông ấy. Đối với sự nghiệp của anh, cũng là của thằng Cu, chị không nề hà. Ông ấy giúp đỡ chồng chị đến nơi đến chốn nhưng không hề để mắt đến chị, món mớ nước miếng mèo. Đã có ai ở thành phố này dám coi chị như củ khoai cơ chứ? Lòng tự ái nổi lên, chị tìm cách khám phá con người mẫu mực kia và chị yêu ông ấy lúc nào không biết. Khi chị hiểu ra sự cao đạo của ông ấy là một cái bẫy chinh phục nguy hiểm của những người có tuổi thì cũng là lúc chị chán ông ta. "Cuối cùng thì chồng tôi thắng, nhưng tôi chẳng được gì. Anh giúp để tôi làm chuyện chia tay với ông ấy trót lọt". Anh đáp: "Vâng, tôi trông nhà hộ và kín miệng nữa". Chị cười buồn: "Chẳng cần đâu. Cả thành phố

biết chuyện tôi với ông ấy rồi. Họ chưa đưa lên ti-vi là may". Hảo nói: "Chị đừng mang theo con chó nhé". Chị ngạc nhiên: "Vì sao vậy?". Bỗng chị mỉm cười: "Tôi nhớ ra Sê-khốp rồi. Anh yên tâm. Thời nay không ai dùng chó làm môi giới cho yêu đương đâu!". Ngừng một chút, lần thứ hai Hảo thấy khuôn mặt chị rạng lên. Chị nói hấp hối: "Tôi sẽ mang theo con chó. Tôi là một con mù mà lại muốn đi tìm ngọc quý. Mi-mô-sa sẽ dẫn đường cho tôi". Chị mang theo Mi-mô-sa thật. Chị còn tin có một người nào khác đang chờ chị ở Sầm Sơn ư?

Ba ngày sau chị và ông Vị về nhà. Một chiếc Toyota đậu trước cổng. Nghe tiếng còi Hảo ra mở cổng như một người gác gian mẫn cán. Anh bất ngờ chạm mặt ông Vị. Nhưng cả hai không chào nhau, không nói gì. Ôi tiền giấy và sắc đẹp, những lá bài của số phận éo le.

Nhìn nét mặt cau có, dồn nén và thân thể sung mãn của tuổi già đang chín một lần trước khi rụng của ông Vị, Hảo biết là mấy ngày ở Sầm Sơn ông chỉ được xơi thịt thỏ. Túi tiền có thể vui chút ít, nhưng cái túi tục lụy kia thì chắc vẫn còn nguyên. Nó làm ông cáu giận. Hảo nghe tiếng cãi cọ trên lầu, ở phòng khách.

Nhưng rồi ông cũng phải ra đi. Chị gọi dây nói cho xe đến đón ông, tươi tỉnh, lịch sự đưa ông ra hàng hoàng. Ông thì hầm mặt vì tiền mất tật mang, chỉ biết tự an ủi là đã giữ gìn được phẩm chất trong chuyến đi biển đầy rẫy những trò ăn chơi tư sản.

Hảo biết không mấy người vui vẻ khi bị người tình buộc về hưu.

Chị chạy đến gặp Hảo sau khi ông đi khỏi, mời anh

sang phòng khách uống trà. "Thế là trút được món nợ Liễu Thăng!". Chị nói, ve vuốt con Mi-mô-sa, nó liếm tay chị, kiêu hãnh vì đã giành lại được chị và tự hào vì ông già giàu có, oai vệ kia đã ao ước được một số phận như nó hôm nay mà không có: được chị ve vuốt, nâng niu. "Sao có một dạo ông ấy dễ thương thế - chị nói - Bây giờ thì chỉ dạy dỗ, khuyên bảo suốt ngày!". Chị lại vuốt con Mi-mô-sa, thì thầm: "Sầm Sơn năm nay đẹp lắm, mày có nhớ Sầm Sơn không con, Mi-mô-sa?". Hảo thầm đoán ở Sầm Sơn con chó nhỏ này đã đóng được một vai trò gì đó.

Anh không nhầm. Ba hôm sau một chàng trai trẻ hơn chị vài tuổi, đến nhà. Anh ta dắt chiếc CBT 125 màu nòng súng vào sân, cởi chiếc mũ mô tô khỏi đầu rồi nhoẻn cười với ngôi nhà. Hảo vì nể nhìn chiếc xe mới lần thứ hai trong đời, lần đầu Tứ giới thiệu nó cho anh ở bãi xe, nói rằng ở cái thành phố ăn chơi đồ Nhật này chỉ mới thấy xuất hiện vài cái. Anh gọi chị xuống, bàn giao khách cho chị rồi vào phòng với thằng Cu. Người khách nhìn anh không chút ngạc nhiên như chính anh ta đã từng mượn vài chục thằng đầy tớ cỡ đó.

Họ nói chuyện với nhau trong phòng khách. Rồi chị thết bà Mùi ra chợ. Bữa trưa có bún chả, ốc nhồi thịt và một chai Giôn bộ giá nửa chỉ vàng khách mang tới và những gói kem vừa đông lạnh trong chiếc máy làm kem sau cốp xe. Hảo cùng ngồi ăn với họ. Hợp đồng đã ghi có ăn trưa. Chị uống vài hộp rượu quý, nói luôn mồm, cười luôn miệng, trông chị trẻ ra mấy tuổi so với ngày hôm qua. Chị giới thiệu khách với Hảo: Anh X. đây là con

ông Y, gọi ông Z bằng bác. (Hảo nghe tiếng họ từ lâu), tốt nghiệp đại học ở Ba Lan, mười năm nay đi đi về về, không quốc tịch, không hộ khẩu, hộ chiếu ba năm đổi một lần (Cái khoản này thì chính tôi cũng không biết vì sao mình có - anh nói - lúc cần cứ hỏi pa-pa) nay là nhà kinh doanh bự, nguồn vốn không xác định rõ nhưng lớn lắm và đảm bảo là "không có chuyện Nguyễn-Văn-Mười-Hai", buôn bán từ đầu vi-ê-ô đến chổi đốt xuất khẩu... Anh đây còn có một căn hộ ở Vác-xa-va, giữ thường xuyên một phòng ở Pa-lạt Sin-ga-po và vừa bay từ đó về tuần trước. Chị nói: "Ở Sầm Sơn ông Vị tâm sự với tôi rằng không có các ông thì bọn trẻ bố láo đảo lộn cơ đồ lên mất. Nhưng khốn nỗi ông ấy không phân biệt được cá thu khô với cá thu tươi ở chợ cá Sầm Sơn, phải không Mi-mô-sa?". Con chó vắt ngang trên đùi chị ư ử đồng tình. Chị bảo: "Theo tôi, những người như anh X. đây...". Anh X. đây đưa bàn tay lên. "Hăng khoan, hồi nãy em nói gì nhỉ. À, ông ấy đã đang và sẽ... còn anh thì ngay cả khi dùng tiếng Anh, anh không bao giờ chia động từ theo quá khứ và tương lai cả. Tôi đang nói, tôi đang sống. Thì hiện tại muôn năm". Anh hạ bàn tay xuống và nhón một con ốc nhồi thịt. "Để em nói hết đã mà! Theo em thì chính những người như các anh sẽ đưa chúng ta ra khỏi cuộc khủng hoảng. Có phải thế không anh Hảo?". Hảo nghĩ, không biết chị nói cuộc khủng hoảng nào, của đất nước hay của chị? Anh đáp: "Tôi không sành chính trị nhưng tôi chắc là muốn giải quyết vấn đề thì ai cũng phải cứng rắn". Chị là người thông minh. Chị cười hồn nhiên: "Anh nói đúng chóc! Phải

thế, chứ như ông Vị thì... như con sứa ấy!". Người khách tỏ ra kém thông minh và ghen tỵ nhỏ nhen khi thấy chị vừa khen anh người làm nói leo. Anh nhìn cái miệng đỏ hồng rất nóng, nhìn đĩa trứng vịt lộn chưa ai đụng tới rồi quay sang chị: "Vấn đề là tiền! Em mua quả vịt lộn này bao nhiêu? Bảy trăm à? Tôi hứa, nếu em ra lệnh, trong ngày mai tôi sẽ (lại sẽ rồi - Hảo nghĩ) có đủ tiền hạ giá trứng vịt lộn ở thị trường thành phố này xuống một nửa. Và tôi giữ giá đó trong một tuần, em chịu không?". Chị lại cười ré lên, lần này vì lòng tự ái được ve vuốt. Hảo nhăn mặt cố nghĩ xem vị anh hùng này làm cách gì và sẽ bỏ ra bao nhiêu để hạ giá trứng vịt lộn xuống còn một nửa. Nếu anh ta làm được thế, Hảo sẽ cố tranh thủ ăn lấy vài quả, mấy lâu nay anh quên mất thứ thực phẩm dành riêng cho những tay bá chủ heo nọc này rồi. Nhưng thật ớn những trò nói khoác. Suy cho cùng là do lỗi của đế quốc Anh. Chúng sản xuất ra thứ JHONNIE Walker ngon quá. Sau khi chấm nước mắt do trận cười, và không ngừng bị ám ảnh bởi từ "cứng rắn" anh vừa phát hành, chị hỏi Hảo: "Còn anh, anh nói nữa đi, ý anh thế nào?". Hảo đáp: "Xin lỗi, tôi không sành chính trị". Nhà kinh doanh giơ tay lên như ông giáo trẻ dạy cho chú học trò chậm hiểu: "Đây không phải là chính trị. Đây là chuyện làm cường dương cả một thành phố. Chúng ta xẹp như dãn quá lâu rồi!". Chị lại cười, làm một cử chỉ e lệ gọi là rồi nói: "Anh yêu, thế thì anh hạ giá trứng vịt lộn đi!". Hảo muốn tìm sự hưng phấn đang quá đà do chai rượu Anh gây ra. Anh hỏi "anh yêu": "Bao giờ thì anh định cư hẳn trong nước

để làm ăn? ". "Anh yêu" lấy khăn lau miệng, nói qua kẽ răng: "Khi nào chúng tôi có đại biểu trong quốc hội - anh cười tỉnh quái - Nếu không thì ai bảo vệ vốn liếng của chúng tôi chứ?".

Sau bữa trưa họ lên phòng của chị. Hảo trở về cái đi-văng. Thằng Cu đã ngủ, cạnh nó là một cái xô đầy. Anh múa tiếp điệu vũ của mình rồi nằm xuống cạnh nó. Tiếng nhạc êm dịu lọt qua bức trần xuống tai anh. Đó là những bài hát tiền chiến rất quen thuộc. Anh nhớ mẹ lạ lùng. Cái hố trống trong ngực anh to dần ra, to mãi đến hư vô. Bữa cơm quá tải làm anh khó ngủ. Anh nhớ mẹ cũng giàu, cũng sang trọng, sang trọng cả lúc không còn giàu nữa. Cả trong những ngày chiến tranh liên miên. Tất cả vàng bạc, hạt soàn mẹ đưa anh, lúc đó mới ba tuổi, để tự tay anh thả vào khe của cái hộp gỗ sơn son trong Tuần lễ vàng. Mẹ bảo với bố: "Tôi gánh gạo đường xa cho các con". Miếng vườn cả nhà vỡ hoang ven bờ suối dưới sự chỉ huy của mẹ, tiếng vo gạo buổi sáng, nước gạo chảy men bờ như sữa. Chim họa mi hót sau mấy cây ổi mẹ trồng, con rắn mai gầm lâu lâu lại xuất hiện, chạy qua sân rồi biến mất trong đám hương nhu, làm thành một sự kiện trọng đại. Rồi cái tang đầu tiên: bố chết vì bom bi trong một trận oanh kích. Cái tang thứ hai, người anh cả ở Trường Sơn. Đến lượt anh, đứa con yêu của mẹ cũng biến mất ở chân trời Đông Âu, mang theo hy vọng về một cuộc sống tử tế của cả nhà. Lúc anh về thì mẹ đã mất. Và cùng với mẹ là cả một vũ trụ đáng kiêu hãnh và nuôi tiếc cũng mất nốt. Hảo như đui mù. Anh không được chuẩn bị cho sự nghèo khổ và

bệ rạc, không được chuẩn bị để sống với người vợ trước đây, để sống trong cảnh ngộ hiện nay. Không chuẩn bị để thành người ở, làm công cho người đàn bà thông minh nhưng tinh quái, có lương tri và dâm dăng nữa. Anh cố nghĩ một tính từ khác nhưng không được. Thú thực là anh ghét và ghê tởm khi chị dám cả gan và sai lầm khi đồng lõa đánh giá nền chính trị thông qua những người đàn ông liệt dương trên giường mình, dù trong đó có cả một ông xếp không ra gì của Hảo. Và cũng thật khó chịu thấy mắt chị sáng lên khi con dê con dầm đô-la kia đòi có ghế trong quốc hội của nền vô sản chuyên chính. Khi đó anh tưởng nếu có cuộc bầu cử thì chị sẽ bỏ cho y ta mười phiếu một lúc. Nhưng tại sao chị vẫn cho phát tiền công cho anh hàng tháng? Tại sao chị vẫn làm cho anh có cảm tình và nhiều lúc thêm muốn chị nữa? Tại sao chiếc CBT 125 giá ba mươi triệu ở ngoài sân kia vẫn đề cái bóng cao cả của nó lên những giấc mơ nghèo khổ của anh? Tại sao cái thế giới êm dịu và lung linh những ước mơ của mẹ, và cũng cả của anh nữa lại biến mất dễ dàng đến thế? Phải chăng sau một sự kiện kinh hoàng năm đó, lời lão thầy bói đã ứng nghiệm? Mùa hè ấy thời tiết bình thường, mẹ cho ấp một ổ gà, khi nhắc xuống, trong ổ lúc nhúc một bảy rần con, còn mấy cây ổi sau nhà thì ra mười ba quả bứa chua loét. Hôm đó một lão thầy bói ôm tay nải qua làng. Mẹ làm thịt một con gà giò, ông ta xem chân gà rồi nói: "Ông tổ nhà này ngày xưa nhiều thất đức. Bà hãy cẩn thận. Trong nhà này rồi sẽ có người đi ở!". Ông ta còn nói những chuyện nhảm nhí khác. Dân quân

xóm trối ông vào một cái cọc, phơi nắng nửa ngày rồi mới cho đi. Năm đó bố chết, rồi đến anh cả. Gia đình trĩu nặng tang tóc. Bây giờ đứa con út của mẹ đi ở.

Tiếng nhạc buồn phòng trên ngừng bật. Cái đầu vi-đê-ô bắt đầu rên rĩ những pha phim xéch (trước đây chị vẫn dùng cái hộp nhựa Nhật bản ấy để khởi động nhà đạo đức luống tuổi của chị). Rồi tiếng rên điện tử cũng im nốt nhường chỗ cho nhạc dơi hang động. Con Mi-mô-sa bị bỏ rơi buồn bã vào phòng, liếm bàn tay Hảo buông thông xuống đi-văng. Anh nhắc nó lên, kéo tai nó, tên ma cô mất dạy, thằng mối lái vô phúc, những con chó nhỏ vô tích sự thời Sê-khốp hay thời hiện đại đều thế cả. Nằm trong lòng Hảo nó nhìn lên trần như anh, có thể nó còn thấu suốt hơn anh bằng bản năng chó của nó.

Một tuần lễ liên ngôi nhà yên tĩnh ở góc phố ròn rã tiếng CBT 125. Những bữa cơm trưa quá tải với sự đồng lõa tội lỗi của những chai rượu Anh và kỹ nghệ vi mạch Nhật Bản. Nhưng chủ nhật anh ta không đến. Chị đưa tiền lương cho Hảo, tăng lên hai trăm ngàn (để bù trượt giá, chị nói) và giữ anh ở lại ăn cơm tối với chị. Chị buồn, nét mặt căng thẳng tuy vẫn kiêu sa. Hảo đã nếm mùi những cơn cố tâm sự của chị. Họ lấy ghế vải ra ngồi ở sân sau. Chị nói: "Anh tiên tri thật! Giá mà không mang Mi-mô-sa đi thì tôi đâu có rước ngừ ấy về nhà!".

Chị nhìn anh với đôi mắt của người vừa thoát khỏi tai nạn. Như một nhà thám hiểm Nam cực sống sót, chị kể cho Hảo nghe chuyện mấy ngày ở Sầm Sơn. Hôm ấy, chị để Mi-mô-sa trên bờ biển để xuống tắm với ông Vị.

Họ tìm một góc vắng. Vì hễ hai người mặc áo tắm đi vào đám đông là y như lũ trẻ la lối: "Bố ơi, bố nhường chúng con đi bố!". Tuy khó chịu vì thứ ngôn ngữ máy nước ấy, nhưng từ cái góc vắng kia chị vẫn nhìn về phía một bộ phận nhân loại trẻ trung và thô bỉ một cách chân thành ấy. Còn ông Vĩ thì tìm mọi cách để sử dụng đôi bàn tay vàng. Ông cầu nhàu: "Tại sao em lại không mặc bộ bi-ki-ni hai mảnh của Thái ấy?". Ông vẫn thường phàn nàn mốt Hà Nội dạo này quá hở hang, nhưng trong một chuyến đi Băng Cốc về, chính ông đã mua tặng chị hai bộ bi-ki-ni ấy. Hôm đó, chị cố ý mặc bộ đồ tắm cổ điển được mậu dịch quốc doanh đứng đắn của chúng ta phát hành những năm bảy mươi sáu khi mẫu đã được sở văn hóa xét duyệt. Một bộ đồ tắm có thể cấp bằng tiết hạnh khả phong. Ông Vĩ đành đầu hàng bộ đồ ông từng duyệt mẫu trước đây. Bực bội vì ông lão sắp bị giảm biên chế ngầy ngà, chị quên mất con Mi-mô-sa. Trời lại đổ một trận mưa. Thế là họ lạc mất con chó. Đến chiều tối, sau khi ăn cơm xong, khi ông Vĩ đang cầu nhàu lên án bộ đồ tắm khốn nạn, trút lên đó những từ người ta thường chỉ dùng trong các cuộc tranh luận triết học và đạo đức thì anh ta đến. Anh ấy ôm con Mi-mô-sa trên tay. Trong khung cảnh biển sau cơn mưa, chàng trai thật tuyệt vời. Chiều hôm sau, trong khi ông Vĩ đi nói chuyện về vai trò người phụ nữ mới (bài tử của ông) cho công đoàn công ty du lịch thì chị với anh đi vào rừng thông. Chị cảm ơn anh vì đã tìm hộ con Mi-mô-sa. Anh cảm ơn chị vì đã làm cuộc đi biển cô đơn của anh có ý nghĩa. Anh gọi chị là bà làm

chị kiêu hãnh, sau đó là *chị* làm *chị* ấm lòng và cuối cùng là *em* làm *chị* sung sướng. Cuộc cách mạng về xưng hô ấy chỉ diễn ra trong vòng mười lăm phút. Phút thứ mười sáu thì anh nói là anh đã thuê hai héc-ta rừng thông chiều nay để không ai được phép lai vãng qua. Phút thứ mười bảy thì lưng *chị* đã lấm đầy cát và sau đó *chị* bắt đầu cuộc hành trình vào thiên đường lần đầu tiên trong đời. Trước đây ông *Vị* chỉ mô tả cái thiên đường ấy cho *chị* bằng lý thuyết. Những pha mô tả của bọn nhà văn ba xu thường thay bằng những dấu chấm cũng không làm thỏa mãn *chị*.

Tối đó, *chị* sang phòng ông *Vị* (họ vẫn thuê hai phòng từ lúc đến Sầm Sơn). Ông rất mừng vì *chị* đã tự nguyện nộp xác, vì buổi diễn thuyết thành công, "*chị* em nuốt từng lời" và theo cá nhân ông thì cần phải khôi phục khí thế của phong trào ba đảm đang trước đây. *Chị* ngắt lời ông: "Anh yêu em đi!". *Chị* quyết định tặng ông một bữa tiệc chia ly no xôi chán chè như bữa cơm người ta vẫn thường cho tử tù ăn trước ngày ra trường bắn. Ông sưng sò vì hạnh phúc, cũng như kẻ tử tù kia đang nằm mơ thấy cái cọc thì bỗng thấy trước mắt mình một con gà mái quay, nghen ngào nhìn nhưng không ăn được. Ông cũng không ăn được. Ông đổ tội cho tính đấng trí, bỏ quên chai rượu tắc kè ở nhà, chửi sự quản lý khách sạn xuống cấp vì cái giường cứ kêu cọt két, chửi rửa cả cái váy ngủ của *chị*, làm gì mà phải dùng đến hai cửa ra vào làm ông lấm lẩn lung tung, sự xa xỉ điển hình của nền dân chủ tư sản!

Cũng như mọi lần, ông chẳng bao giờ chịu trách

nhiệm về bất kỳ sự thất bại nào. Tuy vậy ông vẫn trấn an chị: "Em hãy tin, tôi đã, đang và sẽ cố gắng..."

Sáng hôm sau chị giục ông ra về để kịp ngày hẹn với anh ấy, người đã mua hai héc-ta rừng thông một chiều cho chị.

Chị thở dài:

- Nhưng tôi lại chán ngấy anh ta rồi! Thằng tư sản mới cũng chẳng hơn gì lão đạo đức giả! Sao cái số tôi nó nhỏ thế này?

Hảo tự chửi mình vì quả thật trong anh có lóe lên một chút hả hê dễ hiểu. Anh đứng lên, xin phép chị ra về. "Đừng vội, anh. - Giọng chị thân mật khác lạ - Anh về bây giờ thì tôi chết buồn mất. Tại sao tôi chỉ gặp phải lũ dở hơi? chúng chui ở đâu ra lắm thế hả anh?".

Hảo cảm thấy sự chán chường của chị là thành thật. Nó lan tỏa trên da thịt anh cùng mùi nước hoa Pháp và hơi thở thơm tho của chị. Suy cho cùng thì chị cũng đáng thương. ít nhất chị cũng có cái can đảm và hào phóng làm việc phân phối lại của cải đã trấn được của những thằng đại gái. Chị đã nuôi được một phó tiến sĩ bằng ba lần số lương chính của y, vớt y ra khỏi cảnh thất nghiệp dài dài được mã hóa bằng cụm từ "ngiên cứu có tính chiến lược" trong cái vỏ những đề tài không ai cần đến. Nhưng anh cứ rần trở lại, kiên trì sự đổ ky muôn thuở của người nghèo, sự ghê tởm của hàn sĩ bị phỉ báng. Rồi anh khôn khéo đứng lên.

Số phận xô đẩy anh theo hướng khác. Mấy tuần sau chị ốm. Thốc mách như một thằng ở thực thụ, anh đoán thăm nhà kinh doanh không quốc tịch đã kịp đầu

tư một "vật lạ" vào nội địa trước khi bị trục xuất. Anh lên thăm chị, vừa là phải phép vừa bị lòng nhân ái thúc bách. - Chị nằm bất động trên giường, tay duỗi ngoài chiếc chăn mỏng. Chị đập nhẹ bàn tay như cánh bướm bảo anh ngồi xuống mép giường cạnh mình. Vì mấy cái ghế xếp Nhật Bản đã bị thu lại và cũng không thể ngồi lên cái "táp-đờ-nuy", vật duy nhất có thể ngồi lên trong phòng, anh đành chiều ý chị. Tay anh run lên khi nắm cái mép giường. Chị nhìn thấy tất cả trong một cái liếc mắt rồi cầm lấy tay anh, bàn tay chị dịu dàng như cánh bướm cầu xin sự giúp đỡ. Chị nói: "Anh có thể thu xếp đi với tôi một vài ngày không?". Anh nhìn con Mi-mô-sa nằm duỗi dưới chân không đáp.

Rồi anh đi với chị sau khi hai người đã thu xếp được người trông thẳng Cu và nhà cửa. Anh sẽ phải đưa chị về một bệnh viện nhỏ nào đó ở Hà Nội. Đúng như anh đoán, chị cần tổng khứ nhanh chóng giọt máu được đầu tư một cách vội vã của nhà kinh doanh trẻ. Chị cần anh đóng vai một người chồng cho đỡ tủi thân và hợp lý. Từ khi mới đi lại với nhau, ông Vĩ đã yêu cầu chị làm việc này ở bất kỳ chỗ nào cũng được trừ thành phố ông đang nổi tiếng và có quyền lực. Bởi vì dù đứa con trong bụng chị là của ai thì dư luận cũng sẽ nghi là của ông, điều ấy rất bất lợi cho ông trong những cuộc bầu cử. Vậy là quá đủ lý do để anh phải đưa chị đi.

Họ xuống tàu vào lúc xẩm tối rồi vào một khách sạn gần nhà ga. Cô tiếp tân nhìn họ một cách tình tứ, bảo họ có thể thuê một phòng cũng được. Chị thuê hai. Anh ghi nhận với chị cách làm ăn thoág của ngành du

lich. Rõ ràng mọi việc đang đổi mới. Chị nói: "Nhà trống thì phải thoáng!". Họ ở đêm đầu tiên trong bầu không khí hòa hoãn, không xâm lấn biên giới của nhau. Hôm sau chị vẫn không vào nhà thương ngay. Chị đòi anh đưa thăm các địa điểm nổi tiếng của Hà Nội. Anh đưa chị đi Văn Miếu để tỏ lòng yêu mến văn hóa nước nhà, đến cầu Thăng Long để ngưỡng mộ tình hữu nghị Xô - Việt. Cuộc đi chơi kết thúc ở hàng chả cá nổi tiếng giữa những ông Tây bà đầm trả bằng đô-la. Thế là nhờ chị mà anh đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 9 năm trước thời hạn. Anh định đúng vào năm 2000 sẽ tập trung toàn lực đi ăn một bữa chả cá đầu tiên và cuối cùng trong đời. Ăn xong uống cà-phê xong, cái hóa đơn đặt lên bàn làm anh suýt ngất tưởng như mình vừa mua cả tháp ép-phen. Nhưng chị rút ví ra kịp thời, trên bộ mặt hơi xanh xao không chút cảm xúc. Anh nhẹ nhõm thầm nhận xét rằng, chị là người đàn bà đầu tiên đi ăn với anh mà anh không phải mó tay vào ví lần nào. Chị đòi đi Hồ Tây. Họ lên Hồ Tây. Cô bán hàng mang đến cho họ hai cái ghế mây cạnh gốc cây tù mù và hai chai nước ngọt do Viện kiểm sát nhân dân thành phố X. sản xuất.

Chị nắm tay anh: "Anh mệt không?". Anh nói: "Văn hóa chỉ khác tình dục ở chỗ nó làm con người ta hào hứng mà không mệt". Chị mỉm cười: "Thế thật! ở Hà Nội có người đã chi cho tôi hai triệu một ngày nhưng không hề dẫn tôi đến một di tích văn hóa. Trí thức các anh dễ thương thật". Anh nghĩ: có lẽ công thức trước đây của họ là: Quán đặc sản - giường ngủ. Còn trí thức: Văn Miếu - Nhà triển lãm Ngô Quyền. Vào cửa hai trăm đồng một

vé, kem que cạnh đó cũng hai trăm mà những ba màu. Trí thức nói chung là ít phải trả tiền dù đi với mỹ nhân. Chỉ hơi tốn nước bọt mà thôi. Thời nào cũng vậy.

Chị không để anh có thì giờ suy nghĩ lan man. Chị xiết mạnh tay anh, bàn tay chị ấm nóng: "VẬY mà tôi chưa bao giờ lọt vào mắt xanh một anh trí thức". Anh nói: "VÌ chị quá đẹp còn họ thì quá nghèo. Thánh nhân dãi khù khờ chứ đâu có phù hộ người hay chữ". Chị bình luận: "Thánh ghen tỵ đấy mà! Chắc cũng có một nữ thánh nào đó ghen ghét tôi. Tôi cố tìm lấy một người mà không thấy...". Chị thở dài. Cái khuynh hướng phủ nhận sạch trơn ba bốn mạng đàn ông một lúc của chị làm anh khó chịu. Nhưng anh thấy mũi lòng, bản chất hay giao động của trí thức. Anh nói: "Rồi chị sẽ tìm thấy". Chị đột ngột nhìn vào mắt anh: "Anh có biết tại sao chồng tôi nằm lỳ ở Hồng Kông không về? Anh thử đoán xem!". Anh im lặng. Chị nói:

- Anh ấy bị SIDA! Thật tồi tệ. Hành động yêu nước cuối cùng của anh ấy là đề nghị HU đăng ký mình vào danh sách bệnh nhân của Hồng Kông, chứ không phải nước ta. Gian lận thêm cho bọn tư bản một người sa đọa cũng chẳng oan gì.

Anh cảm thấy chạm được vào xúc giác nổi đau khổ của chị. Giọng chị trở lại bình thường:

- Tôi đòi ly dị, nhưng ông VỊ khuyên tôi: "ĐỪNG có đánh mất lòng tin. Khoa học sẽ chữa được cái bệnh tai quái đó. Rồi ngày nào đó chồng em sẽ về. Như thơ Xi-mô-nốp vậy. Tôi thì biết thừa tim đen của ông. Nếu ly dị, lỡ tôi đòi lấy ông, như thế thì sự nghiệp ông tan

tàn. Vả lại ngân sách ái tình của ông ấy được tư bản Hồng Kông trợ cấp một nửa, nửa kia moi ruột nhà nước thì tiện bao nhiêu. Tôi nói về ông ấy như vậy anh có coi thường tôi không?

Anh đáp: "Tôi là nhà khoa học. Tôi thích có dữ kiện trong mọi vấn đề".

- Tôi căm ghét ông ấy còn vì câu chuyện khủng khiếp này nữa. Hôm đó chúng tôi đi xem xi-nê với nhau. Lúc chen chúc vào rạp, một bà nọ dẫm guốc bẩy phân lên chân tôi. Tôi la trời. Đáng lẽ một câu xin lỗi là xong, chị ta lại chối bay biến và còn chửi tôi nữa. Chúng tôi túm tóc nhau lời qua tiếng lại. Không biết vì vô tình hay cố ý, chị ta chửi tôi là "con đĩ non xí xốn với thằng dê già!". Ông Vĩ tím mặt. Người ta mời chúng tôi vào phòng vé. Khai tên tuổi, nơi làm việc và xin lỗi nhau. Tối hôm ấy, trên giường nhà tôi, ông ấy chỉ vặn hỏi tôi về người đàn bà ngoa ngoắt nọ. Ông rút sổ tay ra ghi. Ba tháng sau, tôi gặp lại chị thân tàn ma dại ngồi bán rau. Chị buộc phải thôi việc, chồng chị nghỉ "bảy mươi phần trăm", hai con nhỏ. Tôi hỏi chị vì sao nên nổi thế. Chị làm thủ kho, để thất thoát hai mươi mốt miếng xà phòng bảo hộ lao động. Tôi thì tôi biết con nhện nào đã giết tám lưới bắt con ruồi cái ồm ồm kia. Tôi van xin ông ấy. Nhưng ông chỉ cười gằn: "Phải nghiêm để nâng cao dân trí". Thế đấy. Ông trả công tôi bằng cái quyền chính là thứ tôi và anh, cả chị thủ kho kia nữa đã cho ông ấy. Còn thằng cha đầu tư? Nó làm tôi sung sướng nhưng nó trả tiền tôi từng ngày, có khi hàng triệu, nhưng trả từng bữa, nghĩa là

trả theo sản phẩm!". Rồi chị vòng tay qua cổ anh, chị hôn anh.

Đêm ấy chị sang với anh. Ngon lành và thơm như một múi mít và thanh thảo nữa. Anh không dối mình là đã hơn một lần anh thèm muốn chị. Nhưng giờ đây anh lạnh băng. Cũng chẳng phải anh trinh bạch như gã chăn cừu của Đô-đê nâng niu giấc ngủ của cô chủ trên vai mình. Chị cũng không phải là một vì sao lạc. Chị phô bày cái bản năng dữ dội nhưng bao giờ cũng hồn nhiên của một người đàn bà. Nhưng anh không thèm chị. Giá chị để cho anh bình tĩnh anh sẽ an ủi chị như một người anh. Nhưng chị đã quỳnh lên và câu: "Trí thức chỉ là thế này thôi à? Trong sách người ta không dạy anh ư?". Chị hạ mình trước anh, làm cả những điều chị chưa hề làm với người khác. Nhưng anh chỉ rúm ró lại trong nỗi đau của một hàn sĩ. Chị trần truồng đi ra cửa để về phòng mình, ném đại mảnh vải Thái Lan nhỏ xíu vào mặt anh rồi rít lên trong cơn giông bão đàn bà: "Lại một con sứa nữa! Tôi còn căm ghét anh hơn cả ba thằng kia!".

Một tháng sau, khi đã bình phục sau trận ốm, chị cho một anh xích-lô gửi nhờ xe. Anh ta kể: nhà, vợ con anh bị cháy thành tro, hai tháng nay anh ngủ trong xe ở sân ga, chân cầu. Bà Múi thăm thì với Hảo: "Cứ cách một đêm hấn lại lên phòng ngủ của cô. Thằng khốn nạn!". Hảo bảo bà: "Ờ-rê-ka! Cô chủ đã tìm thấy!". Bà ta chưa được học tiếng Hy Lạp, tưởng anh điên, chạy biến vào bếp.

Tiếng Anh cuối cùng Hảo dạy cho thằng Cu là *The man* - người đàn ông. Hôm sau anh thôi việc. Anh lững thững đi bộ về nhà. Trời sẩm tối. Một đoàn tàu hàng

dừng lại sân ga. Anh nhìn thấy công nhân xếp dỡ đang chuyển xuống đất mười hai toa tàu trứng vịt lộn. Những sọt trứng tỏa ra một vòng hào quang, những quả trứng nhú khỏi đám cọng rơm như đầu dương vật của một loại người hùng mạnh chưa từng có. Cũng chưa từng có công ty nào ở thành phố này buôn về một số lượng trứng nhiều ghê gớm như thế.

Sáng hôm sau trên các phố nhan nhản biển hàng viết bằng phấn: "*vịt lộn - hạ giá năm mươi phần trăm!*". Người ta lo ngại xì xào rằng, một năm nữa dân số của thành phố chắc sẽ phát triển vô tội vạ.

Kim Giang, 7 - 1991

Mây mưa mau tạnh

Hồ Anh Thái

Tôi lên Đoài Na. Gọi là lên nghe cứ tưởng xa, thực ra Đoài Na chỉ cách Hà Nội bốn mươi cây số đường bộ. Nhưng cũng đúng là lên thật, Đoài Na là một cái hồ rộng trên một vùng núi không cao lắm, nhiệt độ bao giờ cũng có quyền thấp hơn ở Hà Nội vài ba độ C. Cái hồ trên núi thành ra nơi sơn thủy hữu tình cho dân Hà Nội kéo nhau lên, vừa giải trí cho cá nhân vừa đáp ứng chủ trương giãn dân đô thị. Anh bạn tôi đã xây một khách sạn. Rồi khách sạn chuyển thành nhà nghỉ. Khách sạn và nhà nghỉ là hai khái niệm khác nhau, ai chẳng biết. Anh còn định dẫn dụ tôi dính dáng vào vài ba cái nhà nghỉ anh đang mở thêm. Vài ba còn là ít, Đoài Na là thành phố vệ tinh của Hà Nội, dân đô thị đang ùn ùn đổ tới. Anh hứa cho tôi mượn một căn phòng hướng ra mặt hồ lãng đãng sương giăng lơ thơ thông ba lá. Anh thích thế, thích chơi đẹp với dân làm văn chương làm khoa học.

Thế là tôi lên Đoài Na. Lần đầu tiên. Bốn chục cây số và lần đầu tiên. Ngang dọc khắp nơi trong nam ngoài bắc, nhưng lần đầu qua quãng đường hai giờ xe máy. Phải mất hai giờ, có mấy cái dốc vắng xuống thì người tan đàng người xe tan đàng xe.

Anh bạn mở cho tôi vào căn phòng dành riêng, đúng là nhìn ra hồ sương giăng như khói, đúng là nhìn ra một triển thông bao bọc quanh hồ. Rồi anh có bạn tới bàn chuyện làm ăn, anh để tôi lại tự do với căn phòng và tự ý thăm thú cả vùng Đoài Na một ngày cho biết.

Tôi ngồi bên cửa sổ chưa được bao lâu thì một đôi trai gái loạng choạng đi qua. Loạng choạng vì bốn chân cứ dịch chuyển những bước ngắn, hai thân người cứ dúi vào nhau, hai cặp môi cứ dính bết vào nhau như dán keo con voi. Rốt cục, khi chúng lọt vào giữa khung cửa sổ thì keo con voi rã rời quá đất, gã trai háu đói nhả môi đưa con gái ra, quay lại thấy tôi bên ô cửa. Gã cười láu lỉnh. Chú cũng lên đây thuê phòng phải không, đã lừa được em nào tàn bạo chưa, chưa à, để cháu giúp, không cần à, thế thì sang phòng cháu uống rượu, rượu tàn bạo.

Gã trai tên là Bảo, quen miệng nói câu nào cũng đệm hai tiếng tàn bạo, mà thành tên là Bạo. Tôi từ chối để cho gã tự nhiên, nhưng gã xưng xưng nói "phòng cháu" rất tự nhiên, nằng nặc mời tôi sang uống rượu tàn bạo rất tự nhiên. Thì uống vậy, uống xong thì tôi sẽ đi để cho gã tự nhiên dán keo con voi.

Bạo và cô bạn gái tên gọi Bi Bi (chắc hẳn phải tên thật, tên chúng nó gọi nhau) đã mua sẵn đồ ăn nguội. Gã trổ tài pha vodka với nước cà chua thành rượu Bloody Mary, một thứ rượu tôi cũng thích. Gã gọi người phục vụ mang thêm vào ba cái cốc to. Cô phục vụ khuênh khoàng đi vào, trút cả khay cả chén lên mặt bàn, vỡ tan cái cốc Bloody Mary đã pha sẵn. Thứ dung dịch màu đỏ sền sệt bắn tóe lên chiếc váy màu kem của Bi Bi. Một vệt đỏ loang rộng ở đúng vào nơi tế nhị nhất.

Tôi kịp giữ tay thằng Bạo trước khi nó giáng cho đứa con gái kia một cái tát. Tao cho một mồi "lửa thiêu quán trọ" thì chủ tớ nhà mày phải đăng ký địa chỉ từ thiện mà ngửa tay ăn xin. Hoảng hồn vì suýt bị đánh, đứa con gái ôm mặt khóc, đôi bàn tay gái quê to múp như quả Phật thủ. Tay ấy chỉ để thay vải trải giường thay áo gối và giặt giũ sau khi khách thuê phòng theo giờ đã ra đi. Tay ấy bưng bê đồ ăn làm sao được.

Cô gái vẫn đứng khóc. Còn cách nào hơn? Chửi mắng loại người như vậy mãi cũng bằng thừa, thằng Bạo quay lại quát Bi Bi. Cởi váy ra. Bi Bi đưa mắt nhìn tôi như cầu cứu. Cởi váy ra, bắt nó giặt dên. Em gột tạm cũng được. Không việc gì phải tạm bợ, bắt cả lò chúng nó giặt là, từ giờ đến chiều sẽ có đồ mặc lại.

Đến thế thì tôi phải nghĩ ra cơ để đi. Lòng dạ nào ngồi uống một cốc Bloody Mary khác, trong khi chiếc váy loang màu đỏ cứ đập vào mắt. Đi đi cho cô ta cởi bỏ bộ đồ khó chịu cho kịp giặt là, cho kịp chiều tối quay về Hà Nội.

Tôi đi lang thang ven hồ. Đã gần trưa, những cặp những đôi bắt đầu ngày nghỉ ở đây bằng cuộc dạo gót bên hồ bây giờ đã sơ tán bằng hết về các nhà nghỉ. Ở đó gã đàn ông chỉ cần chìa ra cái bằng lái xe máy là cả đôi vào phòng, không cần chứng minh giá thú của thế giới động vật cổ xưa. Phóng xe bốn chục dặm đường, leo lên mấy cái dốc để mà đi dạo một mình như tôi lúc này thì đúng là một thứ lãng mạn ngu lêu. Ở chỗ cho thuê xe đạp nước và thuyền đôi vắng thảm vắng hại. Có đúng một đôi hăm hấp đang lục cục trật trội với mái chèo trên hồ nắng. Có đúng một đôi nữa chắc cũng dở hơi đang vờn vã đuổi nhau qua các gốc cây. Có đúng hai đôi

không hơn không kém. Hai đôi Romeo và Juliet cuối mùa đang ố á ối ái té nước vào nhau, đang vụng về đuổi chộp nhau, nhưng công đoạn cuối cùng chắc chắn là kết thúc trong các phòng nghỉ trọ đằng kia. Anh bạn tôi cũng đã nói rằng ba cái nhà thuyền ba cái đu quay ba cái trò chơi điện tử bày ra cho có chuyện, thực ra cứ tự động mà đẹp tiệm. Dân Hà Nội bây giờ chẳng có ai đạo đức giả lên đây để mà tản bộ, để mà bơi thuyền chơi đu chơi điện tử. Phóng xe lên là phóng thẳng vào phòng ngủ, từ choai choai chíp chíp cho đến sồn sồn trốn vợ trốn chồng, từ tám giờ sáng đến năm giờ chiều là bội thực tình yêu, đường trở về xuống dốc cứ phơi phơi tương lai.

Tôi chả bội thực tình yêu, chả nước non gì với cái phòng cho nhà văn ngồi viết mà cứ lũ lượt kéo qua cửa sổ từng đôi từng đôi ư ử chút chút. Thế mà phải gần sáu giờ chiều tôi mới dứt được bữa rượu của ông chủ để ra về. Như có phép lạ, đường vắng ngắt, tất cả các cặp đực cái đồng loạt xoá sổ khỏi nhà nghỉ và con đường rừng.

Xuống lưng chừng một con dốc, tôi thấy Bi Bi. Cô ta không nhận ra tôi, cứ vẫy tay rồi rút như vẫy một gã xe ôm. Bên cạnh cô ta có một gã xe ôm thật, gã đang loay hoay với chiếc xe máy trên cái khoảng đất dành cho người xuống dốc hổng phanh, cứ tạt ngang vào khoảng đất ấy thì dừng được xe và thoát được tai nạn. Tôi dừng xe lại ngay trước mặt, Bi Bi mới nhận ra, mắt long lanh nước. Chú ơi, suýt nữa thì cháu tan xác dưới vực sâu rồi. Thằng Bạo đâu mà phải đi xe ôm? Cứ tưởng oà lên khóc thì mặt Bi Bi rần đanh lại. Anh ấy bảo đi mua bao thuốc, cháu yên tâm ngủ thiếp đi, tỉnh

dậy, xuống phòng tiếp tân hỏi thì hóa ra anh ấy đã thanh toán tiền phòng và biến từ lâu.

Tôi đưa Bi Bi đi, bỏ lại anh chàng xe ôm đang lục cục sửa bộ phanh. Trên đầu những đám mây đen lừ lừ mong nước. Đi hết quãng đường đèo dốc, vừa chớm vào quốc lộ thì như có cả một thác nước ập xuống. Chúng tôi lao ngay vào một tiệm giải khát bên đường. Đôi ba món tóc dính bết vào trán vào thái dương và xù lên chỗ đỉnh đầu, trông Bi Bi rũ rượi như chim sẻ gặp mưa. Chiếc váy màu kem bị nhăn nhúm một khoảng ở ngực. Vừa bắt gặp cái nhìn của tôi vào chỗ đó, Bi Bi vội giải thích rằng Bạo buộc cô tụt váy ra ngay lập tức để con bé nọ đem đi giặt là. Trước khi rời nhà nghỉ, Bi Bi gọi điện cho người ta mang trả váy thì váy đã bị là cháy ngực. Chả lẽ lại cởi váy ra lần nữa đôi co đến bồi ở đó cho đến đêm.

Chúng tôi ngồi uống một thứ nước dừa nhạt thết cho qua cơn mưa. Tắm váy nhăn nhúm khoảng ngực cứ phơi lộ trước mặt mà tôi lại chỉ quen nhìn thẳng, không quen lảng nhìn đi nơi khác. Tôi có cảm tưởng cái vết loang đỏ vẫn chưa gột sạch. Những nhà nghỉ kiểu ấy chỉ quen giặt là áo gối vải trải giường, ai dám liêu mình gửi vào đấy một bộ váy áo sang trọng để cho nó tàn tạ như thế này.

Cơn mưa cho thời gian. Ánh mắt chỉ biết nhìn thẳng của tôi cho sự tin cậy. Bi Bi kể rằng cô ta quen cháu của chú (thằng Bạo không phải cháu tôi, nó là con trai một anh bạn) vào một ngày khủng khiếp. Hôm ấy cô đang trên đường tới lớp học tiếng Pháp thì bất chợt nhận ra vẫn là hai gã trâu mộng bám theo từ buổi sáng. Hai thằng đều đầu đinh quần soóc, đều lừng lững cỡ mét tám, đều đi trên hai con tôm (custom) kênh

càng. Chỉ có khác một thằng may ô đen một thằng may ô đỏ, một thằng kính đen nước cống đêm trắng một thằng kính xanh nhót nước Hồ Gươm. Buổi sáng chúng bám theo Bi Bi đến tận văn phòng của cô. Buổi trưa chúng kè kè theo đến tận quán cơm bụi, chờ ở đâu đó, rồi áp giải trở lại văn phòng, giữa đường thỉnh thoảng chúng rô ga phóng vọt lên, choé một cái chẹt lòi ruột một con chó Nhật chạy ngang đường. Đến chiều thì chúng ép hai bên hộ tống cô sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu.

Bi Bi hoảng quá, cho xe đi chậm lại rồi tạt vào một tiệm giải khát, mong cho hai gã xã hội đen chờ không nổi phải bỏ đi. Một người con trai vào theo ngay. Anh chàng này còn cao to hơn hai gã nọ, đi một cái xe máy còn to hơn xe chúng, nhưng không may ô đen may ô đỏ kính đen kính xanh, gương mặt cũng dễ tin hơn. Anh ta đang hoàng ngồi xuống cùng bàn với Bi Bi, cũng uống chanh muối, như hai người quen biết hện hò. Uống hết cốc chanh muối thì Bi Bi được biết hết ngọn ngành. Người thanh niên tình cờ nghe được chuyện của hai gã kia khi chúng đang nhậu. Chúng được thuê theo dõi để tạt axit Bi Bi. Ai thuê thì anh không biết.

Vậy là Bi Bi quen Bạo. Cô phải bám lấy anh vì chẳng có ai khác để bám. Gã bạn trai của cô nghe chuyện thì hung hăng nói giọng run run rằng phải đi báo công an, rồi lặn không sủi tăm, chẳng thấy gã bén mảng tới lần nào nữa. Hôm ấy Bạo phải kèm xe cho Bi Bi về tận nhà, những ngày sau anh đón cô ở đầu phố, chở đi làm đi học, rồi đi bơi thuyền đi xem hát. Hai gã kính nước hồ kính nước cống cũng dần dần lảng mất, nghe đâu Bạo đã nói với chúng rằng đất rừng nào có chúa sơn lâm ấy.

Dù sao đi với Bạo cũng thật yên tâm. Cho đến hôm nay. Bạo đúng là chúa sơn lâm hoành hành trên lãnh địa chủ quyền của mình. Chuyện anh định tát cô gái phục vụ là có thể hiểu được, cũng có thể hiểu được chuyện anh quát Bi Bi tụt váy bắt chúng giật là, chuyện suốt một ngày anh vùn vò năm lần bảy lượt như một con hổ đói. Nhưng không sao hiểu nổi việc anh lặng lẽ biến đi trước, bỏ mặc Bi Bi ở lại một mình.

Thế là hết. Bi Bi nói một câu khô khốc. Bên ngoài cũng đã khô. Cơn mưa rào cũng đã tạnh được một lát. Tôi an ủi cô ta rằng chắc có chuyện hiểu lầm gì đó và mọi chuyện chưa hẳn đã hết. Nhưng thâm tâm tôi nghĩ đã hết thật và hết cũng phải. Cái gọi là tình yêu bốn chục cây số như thế, quần đảo cả một ngày trời trong phòng trọ như thế thường cuốn theo chiều gió với chuyện xác thịt. Chính vì thế mà tôi thấy Bi Bi trở nên phù phiếm hồn nhiên khi cô xuống xe trước cửa nhà mình và vót vát nhờ tôi nói với Bạo rằng cô không giận anh ta, cô vẫn yêu anh ta, cô vẫn chờ cú điện thoại giải thích của anh ta.

Tôi đến thẳng nhà Bạo ngay. Nở cười ha há, lại còn vặc tôi đã chở Bi Bi về Hà Nội. Nó chủ ý cho con bé hôm nay phải đi xe ôm về, lẽ ra phải bắt nó chờ gã xe ôm sửa cho được phanh, mà sửa được phanh rồi đường rừng vắng như thế thì xe ôm nó cũng xơi tái. Chú tưởng chúng mày yêu nhau? Có mà yêu cá trong niêu cho mèo tiêu một bữa. Chú có biết hai thằng trâu mộng may ô đen may ô đỏ ấy chui ở đâu ra không? Bạn cháu cả đấy, hai thằng hiền khô, làm quái gì có axit với lưỡi dao cạo, vũ khí của chúng nó chỉ có trên răng dưới cát tút.

Điện thoại di động bỏ trên mặt bàn reo. Bạo bấm

nghe nói cười toe toét, thế à, sắp đến rồi à, phụ tùng dụng cụ chu đáo rồi à, chúc vui vẻ nhé. Nó tắt máy, rồi chột như có chút ngẩn ngơ. Cái ngẩn ngơ chuyển sang đắm chiều. Rồi trầm giọng kể.

Bạo không gặp may. Nó và hai thằng bạn vừa tốt nghiệp được nhận vào một cơ quan bộ. Sau một năm hai thằng kia được ký hợp đồng dài hạn. Một mình Bạo rớt lại. Thế mà Bạo đạt điểm cao nhất cả ba đứa trong cuộc thi sát hạch, cũng năng nổ được việc hơn. Chẳng qua chuyện bắt đầu từ hôm lão Phụng vụ phó bị hóc khóa toilet, gào thét la hét trong đó gần một giờ đồng hồ mà đám nhân viên văn phòng chân yếu tay mềm không sao giải thoát cho lão được. Phải đến khi Bạo xuất hiện và ra tay, cái tay thành thạo các loại cấu tạo động cơ và cấu tạo cơ thể. Phụng dầm dìa mồ hôi thoát khỏi phòng biệt giam. Bạo đã không được một lời cảm ơn thì chớ, theo cái lý sự âm ỉ của lão Phụng thì kẻ dễ mở chính là kẻ dễ khoá. Lão càng nghi ngờ và căm Bạo khi trong cơ quan lan truyền cái biệt danh về một lão Phụng thủ cựu "lão không được mà cứ ôm lấy cái chuồng xí". Lão đâm ghét một thằng thanh niên không biết nhũn nhận che đậy thế thủ - những đức tính công chức mà lão phải thực hành gần ba chục năm nay. Bạo hồn nhiên bộc lộ có người yêu ở Huế - Phụng lập tức dựng chuyện ngày nào nó cũng dùng điện thoại cơ quan nói chuyện đường dài trắng hoa. Bạo sây sát chân tay vì ngã khi đang sửa mái nhà - Phụng tức khắc dựng chuyện nó tham gia một đội đua xe máy cảm tử. Khi đã chấp nhận thì chuyện bé xé ra to. Trong các cuộc họp đầu não cơ chế ba mặt bốn mặt, Phụng là người quyết liệt

phản đối việc tuyển dụng Bạo, bất kể quy chế kiểm tra sát hạch. Rồi chính lão tuyên bố cho Bạo đội nón ra đi.

Phụng có võ của Phụng thì Bạo có võ của Bạo. Có cao thủ thì phải có cao nhân. Bạo đã lần mò biết được gia cảnh của Phụng. Phụng có một đứa con gái. Đứa con gái ấy là Bi Bi.

Chúng chóng vánh cặp đôi với nhau. Bi Bi không biết cơ quan bố mình từng có một gã trai tên là Đắc Bảo. Phụng không biết con gái mình mới có một vệ sĩ tên là Bạo. Hà Nội bằng bàn tay mà Hà Nội cũng là cả một thế giới. Thế giới ấy có cả những người không cùng ngôn ngữ, có cả những tình cảm được dần xếp sắp đặt. Gọi là sắp đặt, nhưng kè kè quen hơi bén tiếng một thời gian thì thú thực Bạo cũng thấy thương. Bạo đã tự nhủ hay là bỏ mỗi chạy lấy người, bịt mũi một cái lặn không sủi tăm, coi như người hành tinh khác đến thăm chớp nhoáng rồi mất hút cùng đĩa bay. Bạo đã định thế nếu Bi Bi không tỏ ra đoan chính khi tranh cãi về chữ trinh, cái thứ mà một kẻ sành sỏi như Bạo cảm thấy là cô ta không có. Bi Bi xưng xưng dè bủ những gã đàn ông phong tình nhăng nhít, những người đàn bà uest tập dễ dãi, những con người giả dối vô đạo.

Tới mức ấy thì Bạo quyết đưa Bi Bi lên Đoàn Na. Nếu quả thực cô ta trinh trắng thì Bạo sẽ đưa đi đến nơi về đến chốn, biết đâu cái sự dan díu có lòng thương sẽ chuyển dần thành yêu. Nhưng mà mỡ dầu khí ở nơi thêm lục địa đã có kẻ tới khai thác từ lâu, chẳng kiêu sa báu bỏ gì đâu. Bạo đã phát hiện ra và ném thẳng vào mặt Bi Bi những lời như thế. Nó thậm quyết định để cho con bé phải về Hà Nội bằng chuyến xe ôm cuối ngày.

Bạo nói rằng như vậy vẫn chưa tàn bạo, một thằng bạn nó đã từng cho một con phải dốc sạch vốn liếng trả tiền khách sạn cơ.

Thấp thoáng trong đầu tôi hình ảnh Bi Bi, chiếc váy loang lỗ vết đỏ, rồi lại nhăn nhúm một khoảng ngực. Chắc giờ này con bé đang tuyệt vọng ngồi nhà, vẫn chưa hiểu nổi vì sao sự thể lại đến nỗi như thế.

Như hiểu được ý nghĩ của tôi, thằng Bạo bật cười khanh khách. Chú có muốn nói chuyện với cô cháu gái Bi Bi bây giờ không? Ở nhà ư, chú nhầm rồi, bây giờ nó có cuộc hẹn với một thằng bạn cháu ở cà phê vườn. Thằng này vừa mới bắt đầu được cháu sang tay kể từ tối nay. Bi Bi đang được thằng kia an ủi vuốt ve trong một lô biệt lập. Nó đang được thằng kia hứa hẹn sẽ bắt cháu nộp phạt. Vũ khí của thằng kia bây giờ cũng chỉ là trên răng dưới cát tút. Con bé đang nằm trong tay thằng kia ở một nơi xa lạ mà chú gọi đến thì mới thật là tàn bạo.

Bạo bấm một số điện thoại di động. Hình như ở đầu đẳng kia đôi trai gái đang mê mẩn bổng giật thót vì chuông reo. Thằng Bạo a lô a lô tao đây, cho ông chú tao nói chuyện với cháu gái một chút, rồi chìa ống nghe cho tôi kèm theo cái nháy mắt.

Nhưng có chuyện gì mà nói nữa?

Mưa

Nguyễn Huy Thiệp

"Phong vận kỳ oan ngã tự cư"

(Nguyễn Du)

Em

Anh bắt đầu truyện ngắn này lúc 8 giờ sáng trong một quán cà phê tồi tệ nhất thành phố. Quán vắng khách, không ai quấy rầy anh. Trời đang mưa.

Anh ngồi viết... Khuôn mặt em hiện ra trong anh. Em đang ở xa. Em đang ở đâu? Những ý nghĩ của anh hướng cả về em. Em hiển hiện. Em ngồi bên cạnh và sắp xếp những dòng chữ rời rạc.

Hôm ấy trời cũng mưa, mưa như trút. Anh và em ngồi trong xó tối. Trước chúng ta có hai người phụ nữ, một người thấp, một người cao, cả hai đều đẹp. Anh nhắc em chú ý đến cô gái cao, để tóc xoã, mỗi khi cười lại hay ngả người vào ghế. Em hỏi anh tên người ấy. Anh bảo: "Gọi gì mà chẳng được? Tên người cũng là một thứ ký hiệu thôi. Anh gọi cô ta là N." Em bảo: "Thế người ngồi cạnh là M. à?" Anh bảo: "Phải".

- Mình biết không? - M nói. - Mình chẳng hiểu gì về hần. Đời mình sẽ tan nát vì hần mất thôi. Tổ van mình, mình đừng yêu hần!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng đại... - N. cầm một bông hoa trên bàn xé nhỏ. - Nhưng hấn hiền lành và thông minh lắm. Gần hấn, tớ sẽ học được cái gì chẳng?

- Với bọn đàn ông thì người phụ nữ chẳng học được cái gì đâu. Chúng chỉ chăm chăm một việc là đè mình ra giường rồi tử tế những lời đường mật. Chúng mình tưởng bỏ, chúng mình tưởng đấy là tình yêu, là tính người. Thế là hết đời.

- Sao mình ác khẩu thế! - N. thở dài. Họ yên lặng một lúc. Nghe rõ tiếng mưa rơi. N. nói:

- Hấn đọc thơ, bằng một giọng trầm, hay không tả được.

- Lại thơ nữa! Thằng đàn ông nào khi quyến rũ đàn bà mà chẳng làm thơ? Chúng làm thơ suốt từ thời người vượn nguyên thủy đến nay, được những bốn nghìn năm rồi.

- Mình hôm nay thế nào ấy. Thế mình lấy chồng, mình có hạnh phúc không?

- Ừ... ừm... không biết. Nhưng mà chắc có đấy. Có điều tay chồng tớ đều kinh khủng. Tớ biết hấn lừa tất cả mọi người. Thế mà trước khi lấy hấn, không hiểu sao tớ thấy hấn cao thượng thế!

N. cười khế. Khi cười, mái tóc xoã ở bên thành ghế.

- Mình cho tớ xin điều thuốc lá. Từ khi lấy chồng, tớ phải hút trộm... Chồng tớ thấy, hấn sẽ đánh tớ.

- Tại mình cả thôi. Tớ đã bảo đấy là một thằng đàn ông đê tiện cơ mà! Tớ rất ghét chồng mình, tớ chưa bao giờ thấy chồng mình nói thật bao giờ.

- Thôi, số kiếp cả thôi. Làm sao được? Thân tớ thế

là coi như xong rồi đấy. Rồi tớ sẽ đẻ con, vào bệnh viện, không hiểu sao tớ nghĩ sau này tớ sẽ bị liệt, thế là hết đời. Nhưng mà mình, tớ van mình, mình đừng yêu hắn!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng dại...

- Mình thể đi. Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn.

Em hỏi: "Sao thế nhỉ?" Sao người ta lại đi can gián tình yêu" Anh bảo: "Em đừng sốt ruột". Một người đáng kể thế kia thì chẳng bao giờ thể thốt gì đâu".

M. ngồi hút thuốc. Ánh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực.

- Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn. Mình thể đi!

- Không! Mình đừng bắt tớ thề. Buồn cười lắm!

- Mình có hiểu một người như hắn tệ hại đến thế nào không? Hắn thích gì hắn sẽ làm làm nấy. Hắn có thể đánh nhau đấy!

- Ừ...

- Tớ đã biết hắn. Hắn rất khinh người. Một người như thế là không tôn trọng ai đâu.

- Nhưng hắn đối xử với tớ rất tốt... Dễ thương nữa.

- Mình chẳng hiểu hắn gì cả! Ai mà hắn chẳng tốt! Hắn bịp bợm đấy! Hắn chẳng coi cuộc sống ra gì. Mình có thấy cách chi tiêu của hắn không? Nếu có một quốc gia trong tay thì hắn cũng chỉ chi tiêu trong năm phút.

- Thơ của hắn lạ lắm!

- Lại thơ! Mình cứ mơ mộng thế là chết đấy! Hắn ham chơi lắm, mình đã thấy hắn đá cầu với một thằng bé con sáu tiếng đồng hồ! Mình cứ tưởng tượng xem, sáu tiếng đồng hồ người ta làm được bao nhiêu việc!

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ? Có mà điên!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Tổ van mình. Mình cẩn thận đấy! Mình có hiểu tình yêu của một tay đàn ông như thế là thế nào không?

- Không... Tổ biết sao được.

- Nó sẽ làm lòng dạ mình tan nát như chơi... Mình chẳng hiểu gì cả... Hắn chỉ làm mọi việc theo ý hắn thích mà thôi. Khi hắn yêu hắn sẽ quên hết... Mà như thế thì khổ lắm... mà ngượng lắm!

- Sao lại ngượng?

- Thế mình chỉ sống có mỗi một mình thôi à? Mình còn có bạn bè, bố mẹ, lại còn bà, rồi còn sự nghiệp nữa.

- Ừ, bà thì rắc rối lắm!

- Chứ còn gì nữa? Hắn sẽ gạt tất cả sang bên. Hắn sẽ cười vào mũi tất cả, cười rất khà ố... Hắn chẳng coi mọi sự là cái gì đâu! Tổ cấm mình yêu hắn đấy!

- Ừ!

- Tổ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Thơ của hắn rất lạ... chẳng có đầu có đuôi gì cả.

Này nhé:

"Chính bởi thế mà nửa đêm ta dậy

Lang thang khắp phố phường..."

- Bởi cái gì?

- Ma nào mà chẳng biết? Tổ cũng hỏi hắn thế... Hắn cười, hắn cũng không biết nốt. Hắn chỉ lên trời...

- Lại thế nữa... Thế là điên rồi đấy!

- Mà còn thế này nữa:

"Ta nhớ một cái lông chân

Đem so xem nó có giống lông trâu không?

Ta ký một hợp đồng

Và ra sức lừa gió về

Trong căn phòng trống trải của ta..."

M. nhòm người lên.

- Ký hợp đồng với ma quỷ đấy! Chắc chắn thế! Tôi biết mà... Hắn không chơi với người đâu, hắn chỉ chơi với ma quỷ thôi...

- Hắn có thể chết bởi những điều rất vớ vẩn... Mà hắn cả tin lạ lùng.

- Thôi đi... Tôi van mình. Mình đừng mơ mộng nữa. Cả tin với không cả tin. Tất cả đều một giuộc!

- Quả thực, tôi chưa thấy người nào đáng kể như hắn. Hết sức nồng nhiệt, tối thăm như đêm tối... chính trực nữa...

- Mình yếu đuối lắm!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Bây, tôi van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ...

Em hỏi: "Tình yêu là gì?" Anh bảo: "Đây là nét phong nhã của đức hạnh. Không phải người nào cũng hiểu được đâu". Em hỏi: "Sao khi yêu nhau người ta lại làm thơ?" Anh bảo: "Tình yêu sinh ra tài năng. Thơ là thứ tài năng tầm thường nhất". Em bảo: "Tài năng nào mà chẳng tầm thường..." Anh bảo: "Có một thứ tài năng không tầm thường" Em hỏi: "Anh biết à" Anh bảo: "Biết". Em hỏi: "Anh có nó không?" Anh bảo: "Có". Em bảo: "Thế thì em yêu anh".

- Này, tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ...

- Để tớ kể nghe chuyện này. Ngày xưa hắn đã yêu một thiếu nữ. Cô ấy con nhà gia giáo. Mình có biết thiếu nữ trinh thực là thế nào không? Môi cô ta lúc nào cũng thắm đỏ. Đáy mắt cô ta ánh xanh như vỏ trứng chim sáo. Cô ta được nuôi dưỡng bằng truyện cổ tích và toàn cơm tám giò chả. Một thiếu nữ được nuôi như thế thì da trắng hồng...

- Thôi, mình bỏ trò miêu tả ấy đi. Khó chịu lắm. Một thiếu nữ trinh thực là rất khó chịu...

- Ừ, thật thế đấy. Hắn đến... liệu hắn có biết thứ quà tặng gì đối với cô ta có thể làm chết người như là tình yêu của hắn hay không? Tớ cũng tin hắn yêu say đắm. Một cô gái như thế thì sao lại không yêu được? Có thể khi đến với cô ta, lòng hắn sẽ yên tĩnh lại, sẽ không sôi réo nữa. Hắn sẽ tu tỉnh, hắn không du côn và lêu lổng nữa.

M. im lặng, cô ta lại chăm một điệu thuốc lá. Ánh lửa ở đầu điệu thuốc đỏ rực. Nghe rõ tiếng mưa rơi...

- Thế... Không thể nói rằng hắn là kẻ vô giáo dục được. Hắn chỉ hơi dám đến gần cô ta. Không phải là hắn yêu đâu, hắn chiêm ngưỡng, hắn thờ phụng cô ta như thể người ta thờ phụng Đức thánh Trần.

- Sao lại Đức thánh Trần?

- Tại vì đây là một thứ tình yêu chẳng có hôn hít gì cả. Chỉ có tình yêu với Đức thánh Trần mới như thế chứ...

- Ừ... Tớ hiểu rồi. Kể cũng kì lạ đấy. Hình như bây giờ hắn bạo hơn...

- Mình im đi! Tổ van mình, mình không được nghĩ gì về hắn nữa đấy.

- Ừ...

- Thế... hắn với cô ta như thể hai người trong mộng. Cô ta héo hắt đi vì hắn. Mình tưởng tượng xem. Một cô gái mới lớn, lần đầu tiên biết yêu. Còn hắn, một côn-dê xồm mồ hôi dầu, cười nói thản nhiên như côn đồ. Hắn có thể trồng cây chuối trước mặt bố mẹ cô ta. Bố cô ta là một trí thức, ông treo ảnh danh nhân trên tường, yêu thích văn học cổ điển, nhạc cổ điển và chính trị cổ điển. Còn hắn, hắn biểu diễn âm nhạc bằng cách thọc hai ngón tay vào miệng...

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ... Hắn bắt một con thạch sùng rồi để lên bàn. Hắn trình bày thế giới bằng cách miêu tả con thạch sùng ấy. Thượng tầng kiến trúc là đầu, hạ tầng cơ sở là chân, khúc đuôi là đạo đức. Hắn cho rằng đạo đức rụng rồi lại mọc, đạo đức có thể ngoe nguẩy một mình, còn toàn bộ sự sống chuồn mất...

- Thật quá quái!

- Đấy... Mình bảo như thế thì ai chịu được.

- Không chịu được thật...

- Tổ van mình... Mình đừng yêu hắn!

- Được rồi... Thế tình yêu của hắn với cô gái kia thế nào?

- Hắn quyến rũ cô ta, hay là cô ta quyến rũ hắn...

Cũng chẳng biết được. Họ say mê, quyến luyến nhau... Xa cô ta một ngày là hắn gây sự. Kể ra cũng không thể phàn nàn gì về một tình yêu như thế. Quả thực, nếu đấy không gọi là tình yêu thì tổ cũng không biết thế nào là tình yêu nữa...

- Tôi hiểu rồi... Tôi biết rất rõ.

- Mình lại nghĩ đến hấn phải không? Tôi cấm đấy.

Tớ van mình... Mình đừng yêu hấn...

M. lại hút thuốc. Im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

Em hỏi: "Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không?"

Anh bảo: "Không có tình yêu buồn". Em hỏi: "Hai cô gái kia thì ai hạnh phúc?" Anh bảo: "Một cô vừa đánh buột mất hạnh phúc. Còn cô kia đang có hạnh phúc trong tay, nhưng không khéo cũng đánh buột mất".

M. kể tiếp:

- Họ yêu nhau. Hấn đính hôn với cô ta. Mọi người ngăn cản. Hấn khuyen cô ta trốn...

- Trốn đi đâu?

- Chắc là phải trốn đến nơi nào thật lạc hậu.

- Sao thế?

- Thì những nơi vắng mình ai chứa được những người như hấn? Không có gì với hấn là quá cao, cũng chẳng có gì với hấn là quá thấp...

- Họ trốn chứ?

- Đúng vào giờ phút cuối cùng thì họ từ bỏ ý định, từ bỏ lời thề.

- Khốn kiếp?

- Ừ...

- Hấn có quay lại không?

- Một người như hấn thì đời nào quay lại? Lòng cao thượng của hấn là lòng cao thượng của quỷ chứ đâu phải của người! Hấn biết rằng chỉ vì một cô gái thì không đáng để hấn hi sinh cuộc đời, dù rằng đấy là một

cô gái trinh thực, mỗi lúc nào cũng đỏ thắm, da trắng hồng...

- Hấn đi luôn à?

- Phải! Hấn đi luôn... mất tâm mất tích. Hấn đặc biệt nhạy cảm với sự nhục mạ...

- Sau đó thì sao?

- Cô ta ốm lẫn lóc nhưng không chịu uống thứ thuốc hấn gửi đến, thuốc mà làm gì... Thời gian trôi đi... Cô ta bắt đầu tiêu phí đời mình. Cô ta hiểu rằng không có một người đàn ông thứ hai như thế...

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Đây... Tở van mình. Mình đừng yêu hấn. Hấn không có lòng đại lượng. Hấn không tha thứ cho ai... Mình, mình đừng yêu hấn... Hấn là quỷ sứ!

N. lục lọi đâu đó trong túi rồi đặt lên bàn một tấm ảnh nhỏ.

- Ảnh hấn đấy...

- Mình... tớ van mình... Mình đừng yêu hấn. Mình hãy đốt tấm ảnh ấy đi... Hãy xé đi...

- Mình...

- Không! Phải tự tay mình! Mình xé nó đi!

N. cầm bức ảnh trên bàn lặng lẽ xé nhỏ.

Chớp loé sáng. Có tiếng sấm rền. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Khốn nạn!

- Mình bảo ai khốn nạn?

- Mình không hiểu đâu... Mình không biết rằng sau mỗi tình ấy cuộc đời trở nên khốn nạn thế nào?

- Cô ta còn sống à?

- Không, cô ta chết rồi! Tâm hồn cô ta chết rồi. Cô

ta chỉ còn hình hài. Cô ta thành kẻ dề tiện. Cô ta lấy chồng. Chồng cô ta cũng dề tiện nốt. Hắn ăn cắp rất giỏi. Hắn đánh cô ta mỗi khi cô ta hút thuốc.

- Tôi không hiểu... Thế là thế nào?

- Mình. Tôi xin lỗi mình... Mình đã xé tấm ảnh đi rồi... Mình đã làm điều mà tôi mong muốn...

Họ ngồi yên lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Bỗng nhiên cả hai khóc oà. M. nói, giọng đầm nước mắt:

- Tôi xin lỗi mình. Thế mình tưởng tôi tha thứ cho mình vì mình xé tấm ảnh đi ư?

- Mình... mình sao thế?

- Mình chẳng hiểu gì cả? Mình tưởng tôi kể như vậy là lòng tôi thư thái hay sao? Sẽ thanh thản hay sao? Mình không biết tôi đã rút từ tim tôi từng mảnh thịt một...

- Mình... mình... Sao thế mình...

- Mình tưởng tôi sẽ tha thứ cho mình vì mình độc ác thế à? Không, mình hiểu không? Nếu cần, tôi sẽ bỏ chồng, bỏ hết để đi theo hắn. Hắn vào tù thì tôi đưa cơm. Tôi sẽ theo hắn cùng trời cuối đất... Chỉ cần hắn quay lại... Nhưng hắn sẽ không bao giờ quay lại.

- Giờ ạ. Sao mình lại kể, sao mình lại kể?

- Vì sao ư? Vì tôi không muốn... Mình hiểu không, tôi không muốn hắn rơi vào tay một người đàn bà nào khác, rơi vào tay mình.

N. đứng dậy đi ra ngoài trời. Một lúc sau, M. cũng đi ra nốt. Tiếng mưa rơi buồn không tả được.

Em hỏi anh: "Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không?" Anh bảo: "Không" Em hỏi: "Người đàn ông mà

hai người nói chuyện ấy là ai?" Anh bảo: "Không biết"
Em hỏi: "Là công nhân, nông dân hay thợ thủ công?"
Anh bảo: "Không biết" Em bảo: "Chắc là nghệ sĩ. Vì cô ta
đọc thơ". Anh bảo: "Thơ gì lạ thế? Em có muốn nghe thơ
anh không? Thơ của anh cũng có nhở lông..." Em bảo:
"Thôi, để khi khác. Nhưng em áy náy quá, không biết hẳn
là ai?" Em bảo: "Em thấy cô ta cầm tấm ảnh in trên tờ
báo. Chắc là một nhà chính trị". Anh bảo: "Không biết".
Em bảo: "Hắn thật đáng kể".

Mưa.

Ngoài kia trời vẫn mưa. Khuôn mặt em hiện ra
trong anh. Em đang ở xa. Em ở đâu? Những ý nghĩ của
anh hướng cả về em. Bây giờ là hai giờ chiều. Anh đã
ngồi viết truyện ngắn này sáu tiếng đồng hồ. Sáu tiếng
đồng hồ liền.

Sáu tiếng đồng hồ. Nhân vật chính trong truyện
của anh đá cầu sáu tiếng đồng hồ. Cái thằng vô lại ấy!
Một tên cao cầu bất hủ!

Em ở đâu?

Ngoài kia trời mưa.

Bao giờ thì em về? Hả em?

Mưa tối

Nguyễn Thị Ngọc Tú

Tiếng gõ cửa rụt rè.

- Ai đấy?- Tôi hỏi.

- Cháu ạ!- Tiếng đáp rất nhỏ

- Cháu hỏi ai? Cháu là ai?

Ở khu tập thể lâu năm tôi có kinh nghiệm chẳng nên quá sốt sắng trước những tiếng gõ cửa. Biết bao thảm họa đã xảy ra trong tình huống ngẫu nhiên, bất cần, ít nhất cũng khó chịu vì sự nhầm lẫn nào đó. Tôi chẳng đã nhiều lần tức điên vì một ông lạ lao cái xe bê bết bùn vào nhà, đang hoàng vào ghế ngồi, oang oang nói chuyện để rồi giật mình choáng choàng đứng lên rồi rít xin lỗi, vì sự nhầm lẫn rồi lao xe ra khỏi nhà.

- Cháu là ai?- Vậy nên tôi hỏi lại.

- Cháu là Bình, cái Bình con bố Thân, cô ạ!- Tiếng con gái thì thầm.

- Bố Thân ở trên gác năm cơ mà!- Tôi đã nhận ra tiếng ngoài cánh cửa và đồng thời ngạc nhiên vì sự nhầm lẫn. Bình là con gái Thân và sống ở đây bao năm sao lại có thể nhầm lẫn?

- Cháu lên gác năm nhé!- Tôi nói to.

- Cháu biết rồi. Cháu muốn gặp cô, cháu có việc muốn nhờ cô. Cô mở cửa cho cháu vào, nhanh lên không có người ta nhìn thấy.- Giọng năn nỉ vội vã sát bên

cánh gỗ. Cả tiếng thở dồn dập giống như vừa chạy gấp lại giống như đang bị săn đuổi.

Rồi cửa mở toang khi tôi vừa kéo chốt.

Một cô gái nhỏ nhẩn ủa vào nhà như cơn gió. Người cô ướt đầm. Bình đứng sát vào cánh cửa vừa đóng lại, vừa bắt đầu vuốt quần áo. Thoảng chốc dưới chân Bình nước đọng vũng.

- Chà, nhà cô thích quá! Vừa ấm vừa sáng.- Bình nói và đứng ngây nhìn căn phòng của tôi. Đồ đạc sơ sài chẳng có gì đáng kể nhưng gọn gàng, yên tĩnh. Hai con tôi chỉ ngẩng lên chào Bình bằng cái gật đầu rồi lại cúi xuống những cuốn sách. Trên ti vi, một người đàn ông đang hát:

Bằng lòng đi em, bằng lòng đi em, anh đón qua cầu...

- Sao cháu không mặc áo mưa hay trú tạm để ướt thế này?- Tôi ái ngại đưa khăn bông cho Bình.

- Cháu có việc cần nhờ cô, cháu phải đi ngay bây giờ.

- Cháu uống chén nước cho ấm người đã.- Tôi pha chè đưa Bình một chén. Bình nhận nhưng không uống, hỏi:

- Bố cháu về chưa, hả cô?

Tôi tròn mắt. Làm sao tôi có thể biết một người ở cách tôi mấy tầng gác đã về nhà hay chưa khi mà cửa nhà nào cũng đóng cả ngày.

- Giờ này chắc bố cháu về nhà rồi.- Tôi nói cảm chừng - Cháu lên đi.

- Cháu nhờ cô lên nói bố cháu xuống đây cho cháu gặp một lúc. Cháu có việc cần lắm. Cháu muốn gặp bố cháu. Cháu đứng đợi ngoài đường rất lâu chờ bố cháu đi qua mà không thấy.

- Sao cháu không lên nhà gặp bố, sợ gì?

- Không được đâu cô ơi! Dì ấy không muốn nhìn thấy cháu, thấy cháu mà về nhà bố dì cháu lại cãi nhau. Có khi các em cháu lại bị đánh oan vì chúng nó thích chơi với cháu mà.

- Cháu cứ trốn tránh mãi sao được?

- Được đến bao giờ hay bấy giờ.

Tôi bước một, lên cầu thang. Vừa đi vừa nghĩ cách làm thế nào để gọi ông Thân xuống nhà tôi mà vợ ông ta không nghi ngờ?

Họ đã lên xuống cầu thang này bao nhiêu lần trong những năm tháng hạnh phúc ấy? Chiếc khăn voan mỏng đỏ rực che lên khuôn mặt đứa con gái ngồi trên chiếc ghế mây bố bên mẹ, bao giờ cũng qua trước cửa nhà tôi để đi hoặc về giống như một cặp đối xứng.

Bằng một thời gian tôi không thấy họ đi đôi nữa. Qua lại trước cửa nhà tôi chỉ là một người - Hoặc chồng, hoặc vợ - Đứa con gái không được ngồi ghế mây, mặt trùm khăn voan đỏ nữa. Nó đi một mình nép vào các vĩa hè. Thằng hoặc nó đi theo bố hoặc mẹ, nét mặt lầm lì.

Một lần, tôi giật mình nghe tiếng trẻ khóc trên tầng cao. Tiếng khóc đặc biệt làm tôi chạy bổ lên cầu thang. Người mẹ tay dắt xe đạp, vai đeo ba lô, túi vải căng phồng buộc sau xe đạp. Bình nằm lăn dưới đất, giữ chặt chân mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ đừng bỏ con!

- Mẹ không bao giờ bỏ con.- Người mẹ nói, giọng lạnh lùng, mắt hoe đỏ.

- Mẹ đừng đi! Con lạy mẹ!

- Mẹ phải đi. Mẹ không thể ở đây được!- Người mẹ

gỡ tay con ra. Gỡ rất lâu giống như giàng xé mới dứt ra khỏi đôi bàn tay nhỏ nhưng có sức níu chắc như một loại kìm. Người mẹ dắt xe lao xuống cầu thang. Tôi chỉ kịp nhìn thấy thoáng qua cửa một khuôn mặt còn nhiều nét đẹp của tuổi trẻ và một đôi môi mím chặt quả quyết. Nhìn nét mặt ấy tôi bỗng cảm thấy lẽ phải thuộc về chị và cuộc ra đi của chị là hợp lý mặc dù tôi chẳng hiểu rõ nguyên nhân. Nét mặt ấy ám ảnh tôi mãi cho đến khi tiếng pháo nổ dưới chân cầu thang hẹp, một buổi chiều.

- Pháo gì thế nhỉ? - Tôi giật mình.

- Đám cưới bác Thân! Hoan hô cô dâu chú rể đội rế lên đầu! - Tiếng trẻ con reo hò.

Một khuôn mặt không già không trẻ, tròn trặn và hân hoan, cô dâu mặc chiếc áo dài hồng ôm bó hoa trắng đang cúi đầu trong khói pháo. Đi bên cạnh, tay giơ đỡ hờ lưng cô dâu là chú rể người cứng nhắc trong bộ comple màu mằm tôm trẻ trung trang trọng bất ngờ, khác hẳn người đàn ông hàng ngày, tôi vẫn gặp. "Vì sao họ bỏ nhau. Họ lấy nhau? Có đau khổ không? Có hạnh phúc không?" Những ý nghĩ của tôi không được ai giải đáp.

- Thời buổi đổi mới, bỏ nhau dễ ợt. Chỉ cần một bên không còn tình cảm muốn ly hôn tòa cũng giải quyết! - Thân nói với hàng xóm về măn nguyện, một lần đứng hứng nước dưới chân cầu thang.

- Còn đứa con?

- Ô, nó có cuộc đời của nó!

Mọi việc đơn giản thế thôi ư? Sao tôi cứ phải nghĩ. Cổ hủ! Bảo thủ! Tôi tự mắng mình.

Rồi lướt qua cửa phòng tôi không phải là một cặp

song đôi mà một người đàn ông gò lưng đeo một người đàn bà bụng to phồng như ôm bóng, chậm chạp đi qua. Tôi lẩm nhẩm tính từ ngày nghe pháo nổ đến nay mấy lần trăng tròn.

- Bà lại cổ hủ, thời đại đổi mới, làm sao cứ phải chín tháng mười ngày trẻ con mới ra đời!- Chồng tôi chép miệng. Tôi không hiểu anh nói thật hay đùa.

- Em chấp nhận mọi đổi thay, chỉ thương đứa con.- Tôi thở dài. Rồi cứ phập phồng lo ngại điều gì sắp xảy ra bên cạnh tôi.

Mẹ bỏ đi, bố lấy vợ khác. Bình như cái bóng lẫn khuất. Khi một rổ thức ăn nặng vẹo sườn, khi chống đòn gánh chờ nước. Khuôn mặt lo âu già sớm.

- Đừng có gánh sớm, vẹo xương sống đấy, cháu ạ! Một bà cụ ở cầu thang nói. Đầu Bình gật gật.

Rồi người ta thấy nó vung vẩy chiếc cặp lồng nhôm đi mua phở ở chợ.

- Dì cháu đẻ em trai rồi!- Nó cười nhe hàm răng sún. Lâu lắm mới thấy nó cười.

Và sau đó, gần như suốt ngày nó ở dưới máy nước. Người nó ướt đầm bên cạnh cái chậu to tướng và những cái tã vàng khè.

Rồi một thằng bé bụ bẫm góp mặt với cầu thang trên vai Bình.

À ơi... Cái bóng mà ngủ cho ngoan...

Tiếng nó ru. Bàn tay nhỏ gầy teo vỗ vỗ lên cái lưng tròn mát rượi của em.

Ba tháng lấy, bảy tháng bỏ. Khi thằng bé lẫm chẫm chạy đi thì Bình bỏ học. Dì phải đi làm và còn kiếm thêm mới đủ sống bằng công việc gì đó luôn vắng

nhà. Bố cũng vậy. Lưng Bình như cong xuống. Ai hỏi thăm sức khỏe, bố cười:

- Có con trai rồi!

Rồi bố không đi làm nữa.

- Thời buổi này phải năng động!

Anh mang về nhà một cái loa, cặp và túi bạt cùng với những chồng báo đủ các loại.

- Báo mới đây! Báo mới đây! Hôm nay tòa phúc thẩm xử lại vụ án ngoại tình giết nhau. Một vụ giết người ly kỳ rùng rợn. Mua ngay! Mua ngay không hết...

Tiếng loa vang lên góc chợ đầu phố, bến tàu, sân ga. Bình tha em đi khắp nơi. Cái bụng của dì chưa kịp nhỏ sau sinh nở đã lại phình to.

- Lại một ông tướng nữa!- Một buổi sáng, Thân gõ cửa các nhà hàng xóm, khoe.

- Sản xuất nhanh nhĩ?

- Thôi chứ?

- Để xem đã...

Cũng chẳng ai hiểu anh xem cái gì, chỉ biết từ ngày có thêm đứa con thứ hai nhà anh rất ồn ào và luôn có những tiếng đổ vỡ.

- Chuyện gì thế?- Hàng xóm hỏi khi có dịp gặp anh, lúc bên máy nước, khi lúc chợ chiều.

- Ôi chuyện đàn bà ấy mà!

Anh đáp qua loa rồi lảng sang chuyện thời sự. Tình hình quốc tế, phe ta, phe nó. Đô lại lên, vàng cũng lên.

Vẫn tiếng đập vỡ. Tiếng khóc gào, chửi bới, quát hét vang vẳng trên tầng cao. Bóng cái Bình chập chờn chạy đây đó. Một lần cả cầu thang xô ra khi dì cầm dao

phay đuổi theo Bình. Những tờ giấy trong cuốn vở học trò bị xé vụn tung từ trên cao xuống như xác pháo.

Sau hôm ấy, tôi không nhìn thấy Bình. Tôi hỏi, nhân một lần mua báo Phụ nữ của Thân.

- Nó về với mẹ nó để đi học rồi!

Ít lâu sau lại thấy Bình xuất hiện ở cầu thang với những thùng chậu và quần áo các loại to nhỏ.

- Sao cháu không ở với mẹ mà đi học?- Tôi hỏi, trong lúc chờ hứng nước dưới cầu thang.

- Ông ấy uống rượu nhiều, cháu sợ lắm.

- Ông nào?

- Chồng của mẹ cháu ấy.

Tôi câm nín. Tôi luôn răn mình phải bỏ tính mau mắn chuyện trò của mình, cố tập thói quen bình thản trước cuộc đời người khác. Nhưng điều ấy sao mà khó.

- Uống rượu say ông ấy đánh cháu à?- Tôi lại hỏi khi nhìn nét mặt buồn bã của con bé.

- Không. Ông ấy rất hiền lành...

- Thế sao mà sợ?

- Cháu sợ lắm!- Con bé nhìn quanh,- giọng thấp xuống - Say rượu chẳng hiểu sao ông ấy cứ nhăm cháu với mẹ cháu.

* * *

Cửa phòng Thân mở toang. Mâm cơm tanh bành trên chiếu. Đám trẻ con vừa ăn vừa la hét. Tì vi mở tiếng to hết cỡ. Người vợ đang đếm tiền bên cạnh những tờ báo.

- Anh Thân cho tôi mua tờ Hà Nội mới...- Tôi thu hết can đảm để giọng khỏi run và chìa những tờ tiền lẻ ra.

Thân cầm lấy tờ báo đưa tôi, đơn giản:

- Vào nhà uống nước đã, chị.

Tôi ghé gần anh, nói nhanh:

- Cháu Bình đang ở dưới nhà tôi, nó có việc cần gặp anh.

- Nhà chị có bản tin cho tôi mượn đọc một lúc nhé!

Thấn nói sau một lúc đứng thộn ra nghĩ ngợi.

- Vâng, mời anh xuống.- Tôi đáp và bước nhanh.

- Tin với chả tức. Hàng chục thứ báo đọc không chán à?- Tiếng người vợ cần nhằn.

- Nhiều chuyện báo không nói!- Thân đáp yếu ớt.

- Báo đã không nói thì biết để làm gì cho rách việc!- Tiếng người vợ gắt gỏng ở phía sau.

Rồi Thân hiện ra trong nhà tôi trong bộ quần áo nhàu nát ngày trước, nét mặt lẫn lộn giữa vui và lo âu.

- Con gái đấy à? Có việc gì đấy con?

- Con đến thăm bố. Bố có khỏe không?- Bình ngồi sát cạnh bố, nắm tay bố, nhìn vào mắt bố - Sao bố gầy thế?

- Bố vẫn vậy, gầy béo gì đâu.- Thân lúng túng xốc xốc tóc.

- Các em có ngoan không?

- Nghịch như quỷ sứ cả lũ.

Bình lấy gói giấy trong túi ra đặt vào tay bố.

- Con có ít tiền, bố cầm lấy ăn quà cho đỡ mệt.

- Mà lấy tiền ở đâu thế này?

- Con làm ra. Đan, thêu, bố biết đấy. Tháng mười rồi, nhiều người đan may, con chịu khó tí là có tiền thôi mà.

- Bớt thì giờ ra mà học thêm lấy ít chữ, con ạ.- Thân đặt tay lên vai con - Ít chữ sau này khổ lắm.

- Vâng. Con vẫn học ngoại ngữ...

- Ở đây thế nào?

- Bác ấy là người dưng mà dễ chịu bố ạ. Người ta cần mình, mình cần người ta, hai bên giúp nhau...

- Thế thì bố yên tâm rồi...

- Cũng chỉ ở đây được đến cuối năm thôi.

- Tại sao vậy?

- Con giai, con dâu với cháu bác ấy ở bên Đức về là con phải đi.- Bình nói và thở dài.

- Con yên tâm. Từ nay đến cuối năm bố sẽ tìm được nhà khác cho con ở nhờ.

Bình ngồi im, người hơi thu lại. Một giọt nước mắt nhỏ bé rời khỏi mắt thấm nhanh qua vạt áo.

- Bố ơi, suýt nữa con quên mất, mới có một tạp chí vừa phát hành, con nghe nói bán chạy lắm vì toàn viết những chuyện cần với người ta, con nhận một trăm đem đến cho bố bán đây!

Bình nói và lấy ở ngoài cửa vào một gói ni lông, mở ra. Nhìn chồng báo tôi hiểu vì sao Bình ướn.

- Báo này, bán dễ đây, nhưng làm thế nào để cầm về?

- Thân gái đầu - Khổ quá, cái con mẹ quái gở, ghen với vợ trước đã đành lại cứ như ghen cả với con chồng.

Có tiếng trẻ con léo nhéo trên cầu thang. Thân đứng vụt lên:

- Bố, bố lên ngay đây. Làm thế nào với đám báo này?- Thân nhìn chồng báo.

- Thì anh cứ để đây, sáng mai đem đi bán luôn.- Tôi nói.

- Thế thì hay quá! Cảm ơn chị!

Thân nắm tay con:

- Con về đi!- Rồi nhìn đồng hồ - Chưa nói xong câu

chuyện đã mất gần một giờ, lên nhà tôi nói thế nào bây giờ?

- Anh cứ nói nhà tôi có cãi nhau, anh xuống can nên ngồi lâu?

- Cãi nhau? Ai cãi nhau?- Thân thẳng thốt, mặt biến sắc - Tôi không thích cãi nhau, chán lắm rồi!

- Ấy là giả vờ thế!

- Tôi không giả vờ được. Nói dối hay cùng.

Phút chốc, mặt Thân già sạm xuống trong nỗi lìm lìm lòng.

- Con ơi!- Thân đến gần con giọng như rên.

- Dạ!

- Con về đi. Đi đường cẩn thận nhá. Mọi việc phải cẩn thận. Mai kia cần gì cứ nhắn, bố sẽ đến, đừng về đây làm gì.

- Vâng.- Bình cúi đầu không ngẩng lên khi bố bước ra ngoài. Đợi tiếng chân bố mất hẳn trên cầu thang, Bình chào tôi rồi ra về.

Nhìn cái bóng nhỏ đi xiêu xiêu trong mưa tôi bỗng muốn nói to lên một điều gì mà tôi chắc cũng vì điều đó mà Thân buồn rầu, ấp úng. Nhưng thôi. Tôi là một người ngoài, người đứng thiên hạ của những nỗi đau. Nói ai tin, ai nghe. Rõ chuyện đàn bà! Có khi họ lại nhận xét.

Hà Nội, tháng 10 - 1993

Không nhan sắc

Nguyễn Thị Anh Thư

Người đàn ông không rẽ vào đường Tràng Thi như Hương tưởng. Anh ta tụt xuống đằng sau Hương rồi qua bên phải đi song song với cô. Hương hơi ngạc nhiên về hành động này. Không lẽ anh ta lại đi theo cô? Một cô gái khảng khiu, hao gầy từ khuôn mặt cho đến hình hài, như hiện thân của một nhành bàng trụi trụi trong mùa đông. Từ khi ý thức được mình cũng thuộc giới đàn bà, cô chưa từng thấy một người phía bên kia nào đi qua cô mà không dừng dừng, không thờ ơ như đi ngang qua một bà già đã tàn. Vậy mà giờ đây có một người đàn ông đã đi theo cô. Trái tim trống vắng của cô đang rung lên trước hiện tượng bất thường: Lẽ nào tình yêu đã bắt đầu gõ cửa cuộc đời của mình? Hương gắng đem hết ý chí ra để giữ cho dáng vẻ của mình được bình tĩnh, tự nhiên. Cô vẫn đi theo hướng về nhà mình. Thẳng qua một ngã tư. Hai ngã tư. Rồi một ngã tư nữa. Cả một phố dài Quang Trung sắp trôi qua, họ vẫn đạp xe sát bên nhau, lặng lẽ cùng một tốc độ. Hương thấy mình mỗi lúc một tiến sâu hơn vào làn hương hoa sữa nồng nàn quá mức. Hương hoa đậm đặc gây cho cô cảm giác hăng hăng trong mũi, trong cổ, vừa ngọt ngào, vừa bồn chồn. Có lẽ đã quá khuya. Đường phố vắng teo,

lạnh lẽo. Đó đây, vài bóng người vội vã guồng xe, cổ áo dựng lên chắn những ngọn gió lạnh mát đầu mùa thu từ hồ Thuyền Quang thổi về. Không còn nén nổi tò mò. Hương khẽ đưa mắt liếc sang. Anh ta khoảng gần bốn mươi tuổi, mặc quần bò, áo bludông, giày thể thao. Anh ta vắn to cao dù đã đi trên một chiếc xe Liên Xô nam. Dáng vẻ của một người hoàng đế, tự tin.

- Xin lỗi, chị cho tôi hỏi phố Trương Định đi lối nào?

- Người đàn ông phá tan sự im lặng bằng một giọng thiếu tự nhiên.

Hương bàng hoàng. Không lẽ đi cùng một đoạn đường dài như vậy bên cạnh nhau, lại đây về thân mật chỉ để hỏi đường? Trái tim cô út của cô suýt tan ra vì thất vọng. Vậy mà nó đã vội mơ tưởng... Thật tội nghiệp cho nó biết bao! Mà hình như anh ta là người Lào! Đã là người Hà Nội, lại gần ấy tuổi, ai không biết đường đến phố Trương Định! Cô mỉm cười nhìn sang, dù sao thì anh ta cũng là người nước ngoài, phải lịch sự.

- Anh cứ đến đầu phố kia rồi rẽ trái - Hương thành thật chỉ dẫn - Đến một phố song song với phố này, anh đi tiếp lên phía trước. Đến cuối phố lại rẽ trái, gặp phải phố nữa thì rẽ phải. Đi thẳng sẽ tới phố Trương Định.

- Chao ôi! Cứ như đang đọc truyện " Đồi mắt " của Nam Cao vậy! - Người đàn ông thốt lên vẻ ngao ngán, buồn phiền.

Hương suýt phì cười trước lời nhận xét của anh ta. Có vẻ như anh ta khá rành về văn học Việt Nam.

- Tôi cũng đi về hướng đó. Cô buột miệng và ngay lập tức lấy làm hối tiếc. Nhà cô ở trong ngõ Mai Hương

thật, song cô không muốn đi với một người nước ngoài, dù rằng, trông anh ta cũng giống người mình.

- Chị sẽ không thấy phiền nếu tôi đi theo chị một đoạn cho dễ tìm địa chỉ chứ?

- Cũng chẳng sao lắm đâu! - Hương cố nén sự chán nản.

- Kia! Có chắc rằng em không nhận ra người quen cũ? - Người đàn ông nói với vẻ trách móc.

- Người quen? - Hương ngơ ngàng. Chẳng lẽ anh ta là người Việt! Làm gì có!

- Đúng thế đấy! Em cứ nghĩ kỹ xem!

- Hay anh là một ca sĩ? Hoặc một diễn viên? - Cô nhún vai - Những người đó luôn có cảm giác rằng trên khắp đất nước này đến cả con kiến cũng biết họ là ai.

- Sao mà mình không ưa cái lũ ấy thế! - Anh nói giọng ghét bỏ.

- Vậy thì chịu đấy! - Cô ngừng lại giây lát thăm dò.

- Lại " Những người thích đùa" rồi!

- Ô, A-zit Nê-xin bên Thổ Nhĩ Kỳ kia!

Nghe lời khẳng định đó, Hương vui hẳn lên. Anh ta là người Việt và lại có học thức. Bằng chứng là chỉ có những người có học làm công tác nghiên cứu mới có kiểu tư duy: Nhắc tới tác phẩm là nhớ tên tác giả. Anh ta có vẻ rất hóm hỉnh. Cô nhận thấy những người có tính hài hước thường tốt bụng. Như vậy có thể giao tiếp mà không đáng ngại.

- Nhà em cũng ở Trương Định à?

- Ô kìa, anh là người quen của em kia mà! - Cô giễu cợt.

- Anh đùa đấy mà! - Người đàn ông ngượng ngùng - Vừa nhìn thấy em ngay lúc đầu anh đã linh cảm thấy

có một điều gì đó thật lạ lùng. Nếu không nói vậy, làm sao anh có thể làm quen với em. Còn từ lúc anh hỏi thăm em đến giờ thì chúng ta chẳng đã biết nhau rồi sao? Có đúng không?

- Anh quả là lém lỉnh. - Cô mỉm cười - và thông minh nữa.

- Em cứ nói như mẹ anh vậy! Chỉ có khác tí xiu. Mẹ anh bảo: " Cái thằng Minh ranh con thật láu cá". Cảm ơn em đã khen anh.

Cô thầm nghĩ, chắc anh ấy rất yêu quý mẹ mình, nên ngay cả lúc như thế này cũng nhớ đến mẹ. Những người đàn ông kính phục mẹ mình thì cũng coi trọng phụ nữ. Cô cảm thấy yên tâm vô cùng khi đi bên anh. Câu chuyện của họ trở nên cởi mở, chân thành. Nó ngược về thời thơ ấu của mỗi người rồi lại lùi về thuở sinh viên. Minh học đại học Thủy Lợi bên Nga mấy năm, về nước đi bộ đội. Hết nghĩa vụ, anh được vào làm ở Học viện Thủy lợi. Còn cô: " Em tên Hương - Thu Hương, từng là học sinh trung cấp văn thư lưu trữ nay đã bỏ nghề. Hiện em là nhân viên đánh máy của một tờ báo nhỏ của ngành". Rôm rả, vui vẻ, họ mỗi lúc một thân mật hơn.

Quãng đường trôi qua thật nhanh, chẳng mấy chốc cô đã phải phanh xe đột ngột trước ngõ Mai hương.

- Sao thế? - Minh chống chân xuống đất, lo lắng hỏi. Sự chăm sóc đó trong giọng nói của anh làm trái tim cô thắm đẫm nỗi ngọt ngào. Từ xa xưa tới nay, trừ bố mẹ cô ra chẳng có ai quan tâm, lo lắng ra lời với cô như thế. Ngay cả các anh chị em cô cũng vậy. Mặc dù vô cùng yêu thương nhau, nhưng hễ phải nói chuyện

với nhau là y như rằng cọc lốc, cục cằn. Dường như họ sẽ bị yếu đuối đi, trái tim họ sẽ bị móc ra, phơi bày trước bàn dân thiên hạ, mất hết lớp vỏ bảo vệ, dễ tổn thương, nếu như họ dịu dàng với nhau. Nói với nhau những lời yêu thương da diết ư? Nó gần với tội lỗi. Nó gần như loạn luân vậy.

- Rất tiếc là em đã phải về! - Cô khẽ cười vẻ buồn rầu - Nhà em ở trong đó.

- Chẳng lẽ chúng ta chia ta nhau như thế này sao?
- Anh hốt hoảng.

- Biết làm thế nào được - Cô thở dài - Có lẽ mười một rưỡi rồi.

- Anh biết ngay mà. Ngay từ đầu anh đã nói với em rằng anh linh cảm thấy một điều gì đó thật kỳ lạ. Bây giờ anh mới biết đó là gì! - Anh than thở.

- Nó là gì? - Hương ngạc nhiên.

- Nó là Ngày-Bất-Hạnh-Nhất-Đời-Anh! - Anh nhấn mạnh từng từ - Ngay từ đầu anh đã biết em là một cô gái giàu nghị lực. Em không kết bạn với một kẻ ngang đường như anh - Anh lắc đầu, nhếch mép buồn bã - Nào đi vào. Ít nhất em cũng ban cho anh một niềm vui là được tiễn em thêm một đoạn đường nữa chứ?

- Chỉ đến quãng đường ngoặt kia thôi nhé! - Cô lí nhí thanh minh - Em sợ mọi người trong nhà nhìn thấy em đi với một người đàn ông lạ hoắc trong lúc quá khuya. Ở đó có thể nhìn thấy nhà em được. Em sẽ chỉ cho anh.

- Anh rất tiếc là ngày mai anh đã phải đi công tác xa, chưa thể đến nhà em chơi được - Anh trầm giọng.

- Anh đi? - Cô rùng mình, cảm thấy buốt hết sống lưng.

Cô đã chờ bao nhiêu năm để được một người đàn ông để mắt tới. Vậy mà vừa nói chuyện lần đầu, anh ta đã phải ra đi.

- Em buồn ư?... Em này, chính vì thế mà em có tin rằng có những quyết định trong giây lát mà đúng đắn không?

- Có thể lắm chứ - Cô quả quyết. Cho tới trước tối nay cô chưa từng thấy có chút tự tin nào trong người. Mới chỉ từ lúc gặp anh đến giờ, cô cảm thấy mình như được lột xác. Cô không còn nhận ra mình nữa.

- Còn anh thì chưa bao giờ quyết định sai. Vậy anh muốn biết ngay bây giờ! Em có yêu anh không?

- Kia anh! - Cô sững sờ - Chẳng lẽ vừa gặp, anh đã hỏi thế sao?

- Bởi ngày mai anh đã phải đi xa. Anh không muốn mất em. Anh muốn có một người con gái chờ đợi ở quê hương. Anh đã từng đi qua bao nước nhưng chưa có một cô gái nào bắt được anh dừng lại. Vậy mà anh đã không đi qua được em. Anh muốn em trả lời: Em có chờ anh không?- Minh nôn nóng.

- Có! - Hương nhắm mắt run rẩy đáp. Mặc dù cô chẳng biết anh đi đâu. Có lẽ anh đi ra nước ngoài. Anh vừa nói " ... anh từng đi bao nước... ". Nếu cô hỏi " Anh đi đâu?" Anh sẽ cho rằng cô cũng như các cô gái khác: Tò mò. Mà cô lại chẳng muốn giống bất kỳ một cô gái nào. Bởi anh vừa nói cô bắt được anh dừng lại vì cô thật đặc biệt. Cô phải thể hiện cho anh biết rằng: Cô sinh ra trên đời này chính là để cho anh. - Em sẽ... Chờ.

Họ đứng lại ngay chỗ quăng ngoặt. Anh dựa chiếc xe của mình vào tường rồi đỡ lấy chiếc xe Sài gòn của cô

xếp bên. Hai chiếc xe một nam, một nữ xếp nép bên nhau như cặp tình nhân âu yếm. Cô nhắm mắt lại để trấn tĩnh. Khi mở mắt ra cô thấy mình trong vòng tay anh. Và một đôi môi nóng bỏng cúi xuống. Cô rùng mình bủn rủn chân tay. Đôi môi đàn ông đầu tiên trong đời một cô gái hai mươi chín tuổi... Mọi chuyện diễn ra như trong tiểu thuyết văn tả. Anh đã dạy cho cô biết thế nào là hôn theo kiểu Tây... Lúc chia tay không thể trì hoãn thêm được nữa, có lẽ đã mười hai rưỡi, hoặc một giờ sáng. Cô nắm chặt tay anh như bám một chiếc phao trong cơn bão biển.

- Đừng đi chơi buổi tối nhé bé! - Anh thì thăm - Anh sợ người ta sẽ ăn cắp mất bé của anh khi anh đang ở xa.

- Sẽ không có ai ăn cắp được em. Trừ một người - Cô khe khẽ trả lời, giọng tràn ngập trong nước mắt - Người đó là anh!

- Cảm ơn em! Nhưng anh sẽ không ăn cắp. Anh sẽ đến đón bé thật đông đảo, có xe hoa, có pháo nổ thật long trọng.

- Em sẽ chờ ngay đó! - Hương lặng đi rồi thì thào - em sẽ hạnh phúc biết bao... Đừng tàn phá niềm tin của em, nghe anh!

- Đừng coi thường anh như thế! - Anh cau mày, vờ giận - Hãy luôn cầu mong sự bình an cho anh bé nhé!

- Vâng!

- Sẽ không có sự thay đổi chứ?

- Không! - Cô bặm môi. Một giọt nước mắt lăn dài trên má.

- Sẽ không có sự phản bội chứ? - Anh làm cho cô cảm thấy mình như một bà hoàng.

- Vâng! Hãy nhớ đến em!

Anh lên xe vẫn còn nghe cô nói với theo:

- Hãy nhớ đến em!

- Đợi anh nhé, dù anh không về.

- Em sẽ đợi! - Cô gái nhắc lại lời thề mà không hề biết: Từ lúc nhấn chân lên bàn đạp, anh đã chẳng còn tên là Minh.

* * *

... Quang hít một luồng không khí mát lạnh, khoan khoái, mỉm cười hài lòng. Bao giờ cũng vậy, trước một cú làm ăn to ở xa, anh luôn tìm cho mình một vì sao hộ mạng. Không biết như vậy có mê tín không, song anh luôn nhận thấy: mỗi lần có một cô gái mới ngoan ngoãn, nhân hậu thành tâm cầu nguyện cho anh thì thế nào anh cũng vào cầu lớn. Những cô gái cả tin bao giờ cũng là những người bảo trợ vĩ đại. "Chỉ tiếc nỗi, - Quang tặc lưỡi - lần này hình thức hơi kém!"

Nô tỳ được trang sức

Trần Thị Trường

Chúng tôi hôn nhau dưới ánh trăng mùa thu, trong vòng tay xiết chặt nồng nàn của nhau. Tôi nghe rõ tiếng kêu nho nhỏ trong cổ họng anh, tiếng đập gấp trong lồng ngực anh. Tôi áp mặt vào đó, hít sâu vào mùi quen thuộc của cơ thể anh, của chiếc áo sinh viên có mùi nắng. Người anh rung lên.

- Anh làm sao thế? Tôi hỏi.

- Ừ... hừ... không. Không làm sao cả... Anh yêu em quá... Em yêu quý của anh...

Tiếng thở dài nén lại, anh khẽ đẩy tôi ra.

- Anh làm sao thế? - Tôi hỏi lại.

- Khô...ng! em không hiểu đâu, em không hiểu anh, không hiểu đàn ông... à... ừ... mà làm sao em hiểu được, em còn trẻ quá, mới mười mấy tuổi đầu... Nhưng, thôi, anh không muốn em phải hiểu... chưa... và không nên... chúng ta sẽ cưới nhau. Em sẽ là vợ anh. Em yêu quý của anh. Anh chờ đợi được...

- Anh, em chẳng hiểu gì cả. Em... chỉ biết rằng em cũng rất yêu anh.

- Bây giờ chúng mình bàn chuyện cưới nhé?

- Ấy chết! Bố mẹ chưa biết chúng ta yêu nhau. Mà em sợ lắm, chưa dám nói, hình như "các cụ" muốn

chàng rể có công ăn việc làm, "các cụ" sợ rằng chúng ta rồi sẽ khổ.

- Anh cũng nghĩ rồi, ở với bố mẹ hay cưới nhau về một nhà chúng ta cũng phải có ăn. Làm sao chúng ta nhờ bố mẹ được mãi... Nhưng biết đến bao giờ, nếu cứ chờ cho có việc làm... Em chẳng hiểu gì về anh cả... những lúc thế này...

- Sao thế! Sao anh không nói cho em hiểu?... Em vừa mới học xong, em đã biết rằng không có nơi nào nhận em cả. Bây giờ họ cần những âm thanh cực mạnh, những vũ điệu điên cuồng... ba-lê, nhạc kịch làm gì có đất sống...

- Thôi, quên tất cả những điều đó đi em ạ, quên tất cả đi. Hãy biết lúc này chúng ta đang ở bên nhau dưới ánh trăng đẹp đến thế này, đêm đẹp đến thế này...

- Không, em không quên được, nói đến đời sống là em thấy chán nản quá, bế tắc quá. Em không còn thấy trăng đẹp. Yêu nhau mà không được sống với nhau, nhà không có, ăn không có thì nói trăng mà làm gì nữa.

- Anh sẽ cố gắng. Ngày mai anh sẽ đi xin việc. Có một nơi đã nhận anh rồi. Lương rất cao.

- Thế sao anh không nhận lời?

- Nếu nhận lời thì chúng ta phải xa nhau. Họ bảo anh phải lên miền Tây.

- Trong bao lâu hả anh?

- Ba năm!

- Ba năm - Biết bao là ngày!

- Biết bao là giờ nữa cơ. Mỗi giờ xa nhau anh thấy thật khủng khiếp.

- Thôi không đi nữa!
- Làm thế nào để được cưới nhau?
- Tại sao ở đây anh lại không thể có việc làm, mà nghề anh học thì lên miền Tây anh làm gì được?
- Anh đi đào mỏ... cũng như ba-lê của em ấy, ở đây khoa học đang thừa.
- Trời ơi.

* * *

Chúng tôi rời vòng tay nhau. Ánh trăng trễ nải ngã trên thảm cỏ. Gió dùng dằng chơi với mặt hồ. Tôi nhìn vào đôi mắt anh mênh mang buồn. Lồng ngực thấy nhói buốt. Bỗng nhiên tôi ôm choàng lấy anh, ghì xiết, như thể không ghì thật chặt thì anh sẽ bay ngay đi mất.

- Anh, chúng ta không cần cưới nữa, sống ở đây làm bất cứ việc gì vậy. Vứt bỏ ba-lê, vứt bỏ khoa học, vứt bỏ...

Anh cũng ghì lấy tôi.

- Bình tĩnh lại nào em! Chúng ta dám vứt bỏ tất cả, nhưng dù có vứt bỏ hết những cái đó cũng chưa sống được...

Chúng tôi lại ôm hôn nhau. Lần này thì nước mắt tôi ướt đầm trên khuôn mặt anh. Anh hôn lên má tôi, lên mắt tôi. Nụ hôn của môi ngọt lịm. Tôi không muốn rời nụ hôn ấy. Dường như nếu rời ra mọi nỗi thất vọng có chỗ ùa về vò xé trái tim.

Nhưng rồi cũng phải rời nhau. Anh và tôi thỏa thuận rằng anh sẽ ra đi, anh sẽ kiếm tiền nơi miền Tây

xa xôi. Tôi sẽ chờ đợi, thủy chung, sẽ viết thư, sẽ vọng ước đợi chờ.

* * *

Những ngày đầu mới chia tay, tôi nhớ anh vô cùng. Nhớ vẻ mặt say hạnh phúc, nhớ cả sự đau khổ tuyệt vọng, nhớ vòng tay ghì xiết, hơi thở nồng nàn. Nhớ ánh trăng thấm đẫm thăm cỏ. Mặt hồ lung linh. Nhớ gió, nhớ cả lời thề ước.

Tôi thấy cần phải lao vào việc gì đó mới hòng kiếm ra tiền để cùng anh rút ngắn thời gian xa cách.

Tôi đến nhà hát định bụng xin một vai phụ nào đó. Tôi đã từng diễn "Cái chết của con thiên nga". Những lần ấy, từ bí thư sứ quán đến các phu nhân đều tặng hoa và thân ái bắt tay. Cái bắt tay không phải của nhà ngoại giao mà của lòng xúc động.

Người bảo vệ nhà hát hỏi tôi:

- Cô đi đâu, muốn gì?

- Cháu muốn... - Tôi ấp úng hồi lâu... tóm lại cháu muốn có việc làm, làm gì cũng được, ở đây, để có tiền ăn, để có thể sống.

- Ở đây ư?... dù là diễn viên nổi tiếng thế giới có đến diễn cũng không đủ tiền để ăn đâu.

- Thế sao... thế sao người ta bảo muốn vào đây chẳng dễ dàng gì? Cũng chẳng ai muốn bỏ việc?

- Ô, đấy lại là chuyện khác, nếu không được ở đây mà bị rơi hẫng ra ngoài kia, ngoài biên chế, thì người ta sẽ còn gặp phải nhiều điều phiền toái, khó lường, vì thế mà người nào cũng sợ... Cháu không hiểu à?

Tôi năn nỉ:

- Bác cho cháu vào, cháu muốn được gặp giám đốc nhà hát, may ra. - Trong đầu tôi loé ra một ý nghĩ tội lỗi "May ra... hoặc là nước mắt, hoặc là nhan sắc của mình sẽ làm ông ấy mềm lòng".

Tôi đã nghe nói về ông giám đốc này, một người lịch lãm, giàu có và quyền thế. Tôi nghĩ tiếp "... nếu tất cả điều đó cũng không nói được gì với ông ta, để ông xếp cho một vai diễn thì ta xin ông ta chân quét nhà cũng được".

* * *

Giám đốc đi qua nhìn tôi vẻ lơ đãng. Tôi thiếu tự tin hẳn khi bị người ta nhìn như thế. Tôi định bụng ra về. Nhưng bác bảo vệ gọi tôi bảo: "Cháu chuẩn bị gặp giám đốc nhé. Khoảng nửa giờ nữa". Tôi vô cùng ngạc nhiên vì không thấy hai người nói với nhau trong khoảng khắc mà ông giám đốc đi qua. Đường như bác bảo vệ hiểu được thắc mắc của tôi: "Ông ấy vừa ra hiệu cho bác bằng mắt. Cháu chịu khó chờ, có lẽ đây là dịp may cho cháu".

(Mãi đến sau này tôi mới hiểu được thủ pháp tâm lý, nghĩa là muốn làm cho ai hoảng sợ, tự đánh mất bản thân thì chỉ cần bắt họ chờ đợi trong hoang mang là đủ)

Tôi được bác vệ đưa tới một căn phòng đầy đủ tiện nghi, thừa thãi uy quyền, thừa thãi tiền. Bác bảo vệ lui gót khi ông giám đốc từ cửa bên đi sang. Ông ngồi xuống ghế pho-tôi, trên mặt mang chiếc kính rất đẹp mà tôi chưa từng thấy. Ông hạ kính xuống, một thoáng ngáy người. Cả tôi và ông cùng sững lại, tôi thì vì thấy ông xấu hẳn đi khi không có kính.

Ông chỉ chỗ cho tôi ngồi đối diện với ông, rồi hỏi:

- Cô muốn gì? Tại sao đòi gấp giám đốc.

- Dạ! Dạ! Cháu không muốn gì!- Tôi lí nhí. Đúng là khi nghe ông hỏi thế, tôi còn muốn gì nữa cơ chứ.

- Em muốn gì cứ nói đi! Nếu thấy cần phải giúp, anh sẽ giúp ngay... chà... em đẹp quá! Đẹp là một giá rồi!

Hình như ông biết nói câu nào vào lúc nào thì phải. Song tôi tự ái khi thấy giá trị của cái đẹp được quảng diễn như một giá trị hàng hóa qua lời của ông. Nhưng tôi cũng mạnh bạo hơn.

- Dạ, không ạ - Dạ cháu, à em, em đã học suốt mười hai năm từ lúc bảy tuổi trong trường nghệ thuật ba-lê trung ương, đã đạt huy chương vàng hội diễn ở sân khấu Tu-lu-dơ với tiết mục *Thiên nga chết*. Bây giờ cháu, à em không có việc làm nơi diễn... Bây giờ cháu, à em, à không có việc làm, nơi diễn...

- Ô!... anh hiểu rồi! Bây giờ điệu ba-lê không hợp nữa. Thiên nga ư - tượng trưng cho trong trắng à? Cho tình yêu à?... những thứ đó... xa xỉ quá, ai dùng?... Không nói đúng hơn là có một số ít sẽ dùng, nhưng dùng với quy luật thị trường thôi... Có thể em không hiểu đâu... nhưng muốn nhập cuộc em phải hiểu, phải hiểu!

Có lẽ mặt tôi nhăn nhúm lắm nên lời ông bị ngắt quãng ra. Ông nói tiếp:

- Em tưởng nhà hát của anh mọi người sống bằng vở diễn thật à? Không! Những vở diễn câu được khách thì anh ngưng. Còn những vở diễn mà cả anh, cả đạo diễn lẫn người diễn đều thích thú dàn dựng thì cái ghế giám đốc của anh lập tức lung lay... Hoặc giả là có tình trạng thất thu vì ít người dám xem.

- Dạ thưa...

- Không phải cái hay của vở diễn không vươn tới người xem. Muốn hiểu được cái hay của vở diễn, những cái cao quý, sâu sắc thì tâm hồn người xem phải có sự thanh thản cần thiết. Bây giờ mọi thứ cứ nháo nhào cả lên, người ta phải lo ăn trước đã. Ăn còn chả đủ mà em!

- Dạ thưa! Nhưng em tưởng ở đây ai cũng có thu nhập cao, ai cũng khen anh năng động.

- Cũng có thể gọi thế là năng động! Tôi không nỡ để diễn viên trong đoàn kịch của tôi chết đói. Đời sống, miếng ăn là một thách đố cam go, cô ạ. Song không rõ cô có biết về "chương trình hoạt động" của tôi chưa. Biết thì hãy thông cảm, nếu không nhập cuộc. Nhưng ai có đủ gan để ra khỏi chương trình mà đứng bên lề? Tôi vừa "chơi" thời của tôi vừa cố gắng giữ nốt chút lương thiện còn lại ấy mà, tôi giúp cho kẻ khác sống được nhờ vào sự năng động ấy đấy.

Tôi cúi xuống. Từ lúc nói chuyện với ông ấy, tôi luôn mở to mắt nhìn ông. Trong tôi, hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác hiện ra chồng lớp lên nhau. Có lúc tôi nghĩ ông là kẻ thúc thời dê tiện, có lúc tôi lại thấy ông là người tử tế biết che đậy những ý nghĩ chân thật giữa loài người, và đóng vai kẻ cứu vớt trần gian.

Ông đẩy hộp cô-ca đến trước mặt tôi.

- Uống đi cô, uống thẳng từ hộp ngon hơn. Hay cô cần ly cốc pha lê? - những đồ xa xỉ. Cô đẹp và trong trắng quá. Có hai điều đó con người sẽ phải chịu sự bất hạnh lớn nhất trên đời này. Đã vậy, cô còn có cả những ý tưởng về nghệ thuật, về tình yêu, thật tai họa quá.

- Thưa ông! Cháu chẳng mấy hiểu những điều ông nói. Cháu chỉ biết rằng cháu cần việc làm, cần có tiền

nuôi nổi bản thân. Cháu đã lớn rồi gần hai mươi tuổi. Chả lẽ cứ để bố mẹ cháu phải gánh nuôi cháu mãi. Cháu có thể quên đi tất cả mà, cả thiên nga, nghệ thuật, tình yêu... Ông tìm việc cho cháu trong cái chương trình năng động ấy. Còn về tình yêu, cháu nghĩ rằng tình yêu không đáng gì đến địa vị xã hội, cháu có là diễn viên nổi tiếng cũng vậy hay nhân viên lau sàn cũng vậy, tình yêu của cháu không mất đi đâu được.

Tôi nghe rõ tiếng ông thở dài.

- Cô ạ! Ở đây. Kể cả kéo phong hay lau sàn nhà cũng đã kín chỗ. Người thất nghiệp nhiều lắm... Nói chung dù có kéo phong hay lau sàn nhà mọi người vẫn kiếm thêm một việc khác mới đủ ăn. Ở đâu cũng vậy, hiện nay con người là thứ thừa nhất cơ đấy.

Tôi khóc. Tay vân vê quai túi. Tôi muốn đứng lên mà toàn thân trĩu nặng, không đứng nổi. Tôi nhớ đến người yêu tôi đang ở xa xôi. "Anh ơi" - trong tim tôi vang lên lời cầu xin. "Anh ơi, ở miền Tây có nhận diễn viên múa ba-lê vào đào mỏ không anh. Cho em vào đó với, anh có còn thương nhớ em không?".

Ông giám đốc đi lại nhẹ nhàng trong phòng. Ông để yên cho tôi khóc. Để yên cho tôi ngồi. Rồi ông quay lại chiếc ghế ban nãy, đối diện với tôi. Tôi tưởng ông muốn tôi đứng dậy. Tôi cố hết sức để đứng lên, thì ông bảo:

- Ngồi thêm một chút cô ạ, chà nhìn phụ nữ khóc tôi không sao chịu nổi. Cô đẹp quá, khi khóc càng đẹp hơn, nhưng làm trái tim tôi khó chịu ghê gớm: một là để mặc cô với cuộc đời, hai là chỉ cách cho cô đi trong đó. Cuộc đời có khi chỉ là một vực thẳm, chỉ cho cô đi chẳng khác nào tự tay mình đẩy cô xuống vực ấy.

Nhưng tôi cũng được an ủi rằng cô sẽ hết khóc và chắc hẳn hết đói. Có nhiều người sống trong vực thẳm mà vẫn đói liên miên cơ.

Tôi im lặng nghe và mở to mắt nhìn ông. Ông như nói một mình:

- Khổ nỗi tuổi trẻ còn đam mê tình yêu. Bây giờ giá của tình yêu đắt lắm. Nó đổi bằng cái điều mà nó cần nhất. Giá cuộc sống cũng vậy, đổi bằng chính cuộc sống... Tóm lại. Lẽ ra tôi có thể nhận cô vào làm ở nơi tôi, nghĩa là không làm gì cả, hãy giúp tôi vui hơn một chút trong sự nhàm chán, tẻ ngắt và dè dặt của cuộc "chơi đời" này. Như thế cô vẫn được ghi danh điểm số bằng lương như những viên chức khác của chúng ta. Nhưng chỉ một việc là... làm cho tôi vui, thế thôi, như tôi đã từng có nhân viên giúp việc như thế. Sẽ có tiếp tục nếu tôi muốn. Nhưng đó là người khác. Với cô, sắc đẹp và sự trong trắng của cô làm tôi không dám. Tôi đã từng làm nghệ sĩ nghĩa là từng là người, tôi không dám... hưởng thụ bằng chính nỗi đau khổ của cô...

Ông ngừng lời một lúc rồi nói tiếp:

- Song cuộc sống, nếu cô muốn sống, muốn ăn mặc, ngủ, ở thì cô vẫn phải bước vào con đường mà người ta định hướng dù một định hướng nào đó của những đạo diễn tồi mản kịch đời sống... Tóm lại, tôi có thể giúp cô một "chỗ làm" nhưng người thuê không phải là tôi.

- Nghĩa là thế nào ạ?

- Nghĩa là tôi đang có một khách hàng nhờ môi giới. Ở đây, nhà hát, việc diễn kịch chỉ là chuyện đùa. Còn làm dịch vụ "môi giới tình cảm" mới là chuyện thật. Khách hàng của tôi là một tiến sĩ kinh tế vừa đi học ở

phương Tây về, vợ bỏ đã lâu mà chưa muốn tiếp tục lấy lần nữa, nhưng cần có đàn bà. Người anh ta cần phải đẹp, phải có danh tiếng, phải biết chiều đàn ông, không tất mắ t và nhất là không có họ hàng, anh em thân thuộc... Càng cô đơn đàn bà càng phụ thuộc, anh ta bảo thế. Người đó phải biết yêu khi anh ta muốn, phải biết dừng lại khi anh ta không cần... Để đổi lại, anh ta trả lương gấp bốn mươi lần lương viên chức nhà nước hiện nay. Ăn, ngủ quanh năm trong biệt thự ba mươi sáu buồng, năm lầu. Các buồng đều buồng rèm, cửa kính thấp thoáng nhìn ra hồ sen. Sân thượng đủ chỗ cho hàng trăm người nhảy vũ điệu lăm-bát-đa. Và chiều chiều rồi hoàng hôn cũng sẽ đi qua... Cô được chọn vào thì cô cũng sẽ được hưởng tất cả những cái đó khi anh ta ở nhà, còn khi công du, anh ta sẽ tính cho cô sau, anh ta bảo sẽ mua thêm con chó... Tóm lại, anh ta nhờ tôi kiếm một người như thế. Tôi không biết đây là vận may cho cô, hay đây là chỗ chết của cô. Tôi không biết tùy cô lựa chọn.

Giám đốc vừa nói vừa nhìn tôi. Đôi lúc ông nhìn ra cửa sổ. Còn tôi, từng lời của ông như kim châm vào da, mỗi lúc mỗi đau đớn âm thầm. Hết thổn thức, nước mắt khô lại. Nhưng trái tim tôi lại như từng giọt từng giọt khóc. Tôi cúi mặt suy nghĩ từng lời ông nói. Lúc này tôi thấy câu nói của ai đó "Tư duy thì tồn tại" là câu sai bét.

Ông giám đốc chậm rãi:

- Cô trong trắng quá, lại có học nữa, nguy hiểm lắm... Thực ra, tôi cũng không hề muốn nói với cô những điều ban nãy đâu. Tôi không muốn tự tay mình đẩy cô vào vực thẳm, đành rằng, chẳng nào thì một cái vực cũng đang chờ cô. Tiền "Hoa hồng" từ dịch vụ này cũng giúp tôi duy trì được ít ngày. Song không giới

thiệu cô thì tôi giới thiệu người khác... Chỉ vì tôi ái ngại cho cô quá, tôi thành thật nói với cô rằng, tôi chỉ vì thương cô quá, tuổi trẻ...

* * *

- Cô biết việc của cô rồi chứ? - Tiến sĩ kinh tế sững người trong giây lát nhìn tôi, rồi hỏi, vẻ như chống lại sự vô vấp của cặp mắt chính mình.

- Dạ vâng tôi hiểu. Anh đang cần người "giúp việc" nói theo ngôn ngữ hiện đại còn nghĩa đúng của sự việc thì anh muốn thuê "người ở" cho anh, và tôi đã đồng ý.

- Ông Thụy nói thế à (Thụy là tên ông giám đốc). Ông này không biết nói rồi. Nhưng thôi, nếu cô đã hiểu như thế, song cũng đã bằng lòng... Rồi ở với tôi cô sẽ thấy cảm thông và thú vị: Tôi sợ gọi tên sự việc ra lắm, sự việc bao giờ cũng cần được nói lái đi mới ổn được trong cái thời lắm kẻ tình nghi này... Bây giờ, chúng ta thỏa thuận rằng: Hợp đồng của chúng ta là đem lại sự dễ chịu cho nhau... Tôi đáp ứng điều cô thiếu, đó là tiền và ngược lại tôi thiếu tình cảm của đàn bà, cần giải thoát cái ức chế bản năng và đôi khi cũng là tâm lý nữa thì tuyệt vời... Hà... hà... cô ngồi xuống. Cô có hài lòng phòng khách này của tôi không? Bộ ghế này nữa và tất cả những tiện nghi này. - (Anh ta vừa nói vừa chỉ vào những đồ đạc bày biện trong căn phòng, phải nói là nhiều không kể được.) Cô cứ tự nhiên sử dụng như ở nhà mình, làm bánh, quay gà. Tôi ăn, cô ăn. Ăn ở hiệu tôi chán lắm, những nụ cười cất cổ và nhạt nhẽo.

Tôi còn nhìn thấy gì nữa khi bản thân tôi cũng đang dần thân làm đồ đạc cho anh ta. Tôi ngồi xuống chiếc ghế

êm như nhưng một cách cóm róm. Có lẽ kẻ nô tỳ thường ngồi trong tư thế như vậy. Tiến sĩ dường như hiểu ra, nói:

- Nếu chưa quen, nếu cô chưa chuẩn bị cho mình một tinh thần để "công tác" thì cũng khó nhĩ. Nhưng thôi cũng không sao. Tôi sẽ đợi, khi nào cô thấy ổn, thấy quen thì ta sẽ bắt đầu. Phụ nữ Việt Nam thích thật, muôn thuở e lệ thẹn thùng, kiếm đâu ra được ở bên Tây những người như thế. Tôi đã từng đi khắp thế giới cô ạ - Tiến sĩ nói tiếp - Cũng phải nhờ vào bố tôi lúc đầu đấy, chứ tôi hồi nhỏ học hành lan man lắm. Nhờ bước đê-pa thôi, chứ đi rồi thì tôi tự xoay sở lấy. Người Việt mình ma lạnh lắm, Tây toàn là dân ngố cả... thoát cái tôi kiếm cái bằng tiến sĩ, về nước tôi có đủ thứ. Phục vụ tôi cô sẽ thấy vui. Bọn con gái bên kia làm thân với tôi được là tự hào lắm, thấy vinh dự lắm. - Ngừng một lát, anh ta nói tiếp - Còn cô xinh đẹp và hơi kiêu kỳ. Nhưng tôi lại thích thế, tôi sẽ thưởng nhiều. Lương không phải như ông Thụy nói đâu, sẽ gấp một trăm lần tất cả các ông thủ trưởng cơ quan nhà nước hiện nay trả cho nhân viên. Mà lấy gì làm chắc các tay thủ trưởng ấy không phải là những thằng không ham gái.

- Thưa ông.

- Tôi còn trẻ thôi, ba mươi lăm. Cô dù chưa đôi mươi thì cũng gọi nhau là anh em cho có mùi tình cảm.

- Thưa anh. Tôi thường thấy trên mặt đất này toàn những kẻ hiện hữu nhân danh người khác, nhờ vào người khác. Trong đó có thể kể đến các cô lấy việc được ngủ với tiến sĩ là điều vinh dự. Riêng tôi tôi thấy việc đó thật ê chề, nhưng hiện tôi đang là kẻ khốn cùng... đúng là tôi chưa quen, nhưng đã ở cái phận này thì thế nào cũng chịu, xin anh cứ "phân công công tác".

Mặt anh ta chưa vui lên được bao nhiêu, nhưng anh ta có vẻ đủ khả năng kiềm chế:

- Cô xinh đẹp, lại còn biết nói hay nữa. Gì nhỉ "những kẻ hiện hữu nhân danh người khác" à... ờ phải nhưng ở đời chỉ nhân danh con người không thôi thì yếu ớt lắm, bế tắc lắm. Con người hiện thời vô danh biết bao... Thôi dừng chuyện ấy ở tuổi chưa đến đôi mươi đi. Đến ba mươi cô sẽ thấy khác. Lúc ấy cô sẽ biết nhân danh tước vị, phương tiện, nhân danh cả những danh nhân có hạng... dù sao cô cũng làm tôi rất hài lòng ngày hôm nay. Vậy cô cứ nghỉ cả ngày. Tiền ứng trước đây cô đi mua trang sức đeo vào nhé... Đừng áy náy. Cô đẹp cho tôi, chứ không phải cho cô.

Câu nói của bà hàng xóm "chó gầy hổ mặt người nuôi" bỗng vắng đến tai tôi. Tôi ngượng ngập cầm gói tiền ở bàn rồi đứng lên. Tiến sĩ nói theo:

- Ngày mai cô đến đúng giờ nhé và ở lại đây luôn. Khi nào cần về tôi sẽ đưa xe hơi chở cô về, cốt sang với xóm làng chứ thương nhớ làm quái gì.

Mãi sau này tôi mới biết rằng số tiền đó anh ta hàm ý trả cho sự trinh trắng của tôi: Anh ta bảo "cô không ý thức được về mình đáng giá bao nhiêu mà tôi đã tự nguyện trả cho cô chính vì tôi cao thượng đấy"!

* * *

Thực ra thì tôi không vất vả quá như tôi hình dung. Thậm chí còn có dịp ôn lại vũ điệu "thiên nga" cho bạn bè anh ta và cho riêng anh ta thưởng thức. Đồ ăn thức uống chẳng thiếu gì, nhưng lại thừa một câu nói kèm "Người Đức bao giờ cũng tiết kiệm nên họ là một cường quốc cô ạ".

Chỉ có nổi ê chề là ngày càng tăng lên trong tôi.

Như một kẻ lao động nặng trong những giờ anh ta ân ái, tôi thường khóc âm thầm. Dừng dừng mà mặc kệ "Những chuyện riêng không bao giờ tôi để ý". Nhưng cũng có đôi lần anh ta trách tôi không biết điều: "Cô xem đây, gái nhà hàng làm việc căng thẳng hơn cô nhiều thu nhập chẳng được là bao mà có ai dám bỏ việc. Là người hay nghĩ cô hẳn đã hiểu: Người ta bảo rằng: để thích nghi con vượn nhờ vào công cụ sản xuất và trải qua lao động để tiến hóa thành người, bây giờ công cụ sản xuất không đào đâu ra, không có việc làm, để thích nghi con người lại tiến hóa thành... con vượn... Cô cứ dần vật, cứ lý tưởng hóa cô tự làm khổ và làm người khác mất vui... Nước mắt là cái xa xỉ, rồi cô sẽ thấy hối tiếc...

Tôi muốn tát cho anh ta mấy cái, nhưng giờ tôi cũng kiềm chế lại. Không phải là bởi được sinh ra trong gia đình có giáo dục mà tôi đã có được cảm ứng thời đại: Nếu phản ứng là rơi ra ngoài vực thẳm khác ngay lập tức.

Đêm đêm sau khi thỏa thuê, anh ta cho phép tôi về phòng riêng (một trong ba mươi sáu phòng trong nhà). Tôi nằm với nỗi đau đớn khôn nguôi. Nước mắt tràn ngập đêm, tràn ngập hồn, tràn ngập thế giới. Trong nước mắt có bóng hình của người tôi yêu. Tôi tiếc rằng ngày đi bên nhau dưới ánh trăng năm nào tôi đã không hiểu nhịp đập gấp gấp trong trái tim anh, để tặng anh điều quý giá nhất của đời người con gái.

Không biết tôi đã trở thành vượn hay chưa?

Người đàn ông duy nhất

của Võ Thị Hảo

- Mai tôi lấy chồng, Rân ạ!

Nàng cúi nhìn hần lệt thỏm trong chiếc xe lăn tay. Khoé mắt màu biển tối mà nàng rọi xuống hần chan chứa vẻ âu yếm cười cợt của cô chủ động đánh đang nhìn xuống chú cún nhỏ.

Mắt hần vụt đỏ ngòm lên làm xấu khuôn mặt tuần tú với khoé miệng vuông. Tay hần bấu vào thành xe, run rẩy cố đứng dậy. Nhưng đôi chân bé xíu như trẻ con ba tuổi cứ chảy xuôi vô dụng trên sàn xe. Hần ngược nhìn nàng với những tia mắt có góc.

Nàng càng nghiêng xuống thấp hơn, đến độ có thể nhắc bổng được hần ra khỏi lòng chiếc xe lăn nhỏ bé. Nàng ngồi xuống và đặt hần lên đùi, mặc cho hần cứ vùng vằng giẫy giụa. Hai tay hần dụi về phía trước như đôi càng cua tuyệt vọng cố đẩy nàng ra.

Nàng đặt hần lên đùi như một đứa trẻ. Một đứa trẻ ba mươi hai tuổi có khuôn mặt đàn ông tuyệt đẹp như mặt lục sĩ ném đĩa. Khuôn mặt ấy được gắn trên chiếc cổ và đôi vai của một đứa trẻ tám tuổi. Thân mình ấy kết thúc không có hậu bằng đôi chân của bé ba tuổi trắng muốt chảy thông.

Và hần đã ngợp trong chói chang ánh sáng tỏa ra

từ chiếc áo màu cam chín nàng mặc. Hấn chỉ còn cách ngược mắt lên nhìn nàng và cực kỳ bất mãn khi thấy nàng ngật đầu ra cười khanh khách. Nàng vốn có tiếng cười sang như một quý phu nhân lọt lỏi trên trường giao tiếp và lả lơi như một gái lầu xanh. Chính cái vẻ sau ấy của tiếng cười nàng giết chết chất sang trọng của vẻ trước. Hấn rất sợ những khi nàng cười như thế. Tiếng cười ấy là nghiệp chướng của mẹ nàng truyền lại mà nàng thừa hưởng vô ý thức. Nàng nhặt được tiếng cười ấy ở tuổi mười lăm, khi mẹ nàng chưa mất và nó đeo riết lấy nàng suốt cả cuộc đời.

Thế là chỉ trong giây lát, hấn đã khóc. Nức nở khóc như một trẻ nhỏ thoát nhận ra mình vừa mồ côi. Tiếng khóc hấn đánh thức nàng, giật nàng ra khỏi cơn cười điên loạn. Nàng bỗng chăm chú nhìn tận mặt hấn và cất giọng êm đềm:

- Đời này... chỉ còn Rân thực bụng thương tôi...

Nàng hồi hả hôn lên trán hấn, cũng với cái cung cách cô chủ thơm con cún nhỏ. Trán hấn lập tức hấn lên nụ hoa bốn cánh bằng son môi màu sen.

Nàng chăm chăm nhìn nụ son in trên trán, rồi đột ngột đặt hấn vào lòng xe và vội vã bỏ đi.

Hấn bàng hoàng nhìn những chùm nắng chiều rớt màu rơm ủ nhẫy băng láng trên đôi gót chân nàng. Đôi chân mà hấn biết rất rõ là gót trái hơi lõm và có một chiếc bớt đỏ như quả ớt chỉ thiên nhỏ xíu.

Để đã đến hơn ngàn lần hấn ước. Phải chi hấn có đôi chân lành. Đôi chân đó sẽ nổi vào thân trên lực lưỡng. Thân trên lực lưỡng ấy được dùng để đỡ lấy khuôn mặt đẹp hiện giờ hấn đang có. Khi đó hấn sẽ cúi

xuống, nâng gót trái nàng lên và đặt môi vào chỗ cái
bớt đỏ ấy. Bấy giờ chắc nàng không thể cười giấu hẩn.

* * *

"...Trắng tay

Tôi rao bán trái tim

Ai mua tim gầy ra mua..."

Chiếc xe lăn của hẩn dừng ở góc chợ. Cây đàn ghi ta
lên nước bóng lộn che khuất thân hình hẩn. Mấy tờ bạc
nhỏ quần queo trên cặp đùi xẹp lép bơi trong đôi ống
quần màu xám. Hẩn hát. Hát bằng giọng khàn rề.
Giọng đó bây giờ đang chuộng. Cây đàn ghi ta nức nở
điệu nhạc do hẩn nghĩ ra. Lời vẫn lời ấy, nhưng hẩn hát
một trăm lần thì một trăm lần khác. Đám các bà các cô
gạt nước mắt, dúi vùi cho hẩn vài đồng lẻ. Có gã hàng
thịt nhe răng cười:

- Bao nhiêu một lạng tim? Đây mua!

Hẩn cúi đầu nhẩn nhục lăn bánh xe. Hẩn phải
kiếm sống.

Bố mẹ hẩn khá giả, thuê người đưa đón cho hẩn
đến trường học hết phổ thông trung học rồi ngồi xó nhà.
Khi không đến trường nữa, hẩn suốt ngày giáp mặt bố
mẹ và hẩn bắt đầu sợ. Sợ cái không khí ngột ngạt trong
nhà, không ai nói với ai một lời. Cặp môi mím chặt của
bố hẩn và cái cách mẹ hẩn thỉnh thoảng lại nhìn hẩn và
thở dài sườn sượt. Một hôm, hẩn đã trốn nhà với đôi
guốc tay bằng gỗ và cứ thế lết trên tàu, lẩn vào trong
này cho biệt tăm biệt tích.

Chẳng qua chỉ vì tính hay tự ái của hẩn nên mới

khốn khổ thế. Hôm ấy, hấn một tay vịn tủ, một tay khều khều với xem chiếc bình cổ từ đời ông nội để lại mà bố hấn cất kỹ trong tủ. Ngật ngưỡng thế nào, hấn ngã bổ chửng. Chiếc bình cổ đập vào sàn vỡ tan. Bố hấn chạy đến đấm ngực, mắng hấn là "đồ của nợ". Hấn không nói không rằng, nghiêng chặt răng và đợi đêm khuya cả nhà ngủ say, lén ra đi theo tiếng còi tàu ảo não, trong người không một xu dính túi.

Hấn thấy mình sống được đến giờ cũng là một sự lạ. Đôi khi, hấn nghe văng vẳng trên đài: "Con là Trần Anh Dũng... ở đâu thì về với gia đình. Bố mẹ đang mong". Trần Anh Dũng là tên thật của hấn. Rân là cái tên hấn chưa chát tự bịa ra mà thôi. Hấn nghe thế, văng vẳng không biết thật hay hư, và đổ tiếng khóc, lòng quặn lên một nỗi nhớ. Nỗi nhớ ước được làm con chó nhỏ quẩn bên chân mẹ của những trẻ mồ côi. Nhưng nhất định không. Không bao giờ hấn về lại. Khát một mái nhà nhưng hấn không chịu đựng nổi ý nghĩ sống ăn bám người khác.

Đêm đêm hấn ngủ thiếp đi trong lều chợ cạnh nhà nàng, với ảo ảnh ru say như một liều thuốc phiện: Một ngày nào đó người ta gọi cha mẹ đến nhận xác hấn. Đã có bọc tiền và bức thư đề sẵn địa chỉ mà hấn giấu kỹ sau lần áo ngực. Cha mẹ hấn sẽ bóc thư và đọc: "Xin gia đình tha lỗi cho con. Nhưng con đã ra đi, đã sống và chết bằng đôi tay mình". Cha mẹ hấn sẽ âm lên khóc, có lẽ thế, và hối hả đi đến để nhìn mặt hấn một lần cuối. Hấn sẽ dặn người ta liệm hấn bằng vải thật dày, che khuất thân mình còm cõi và đôi chân tàn tật, chỉ để hở khuôn mặt. Khuôn mặt mà hấn biết rằng rất đẹp và chỉ có thể chết mới làm được công việc kỳ diệu là tách khuôn mặt ấy ra

khỏi thân mình không xứng kia. Và cha mẹ hẳn sẽ nhìn thấy hẳn lần cuối. Trong đau khổ biết đâu họ chẳng được an ủi vì thấy con mình gần như không tàn tật, nằm đàng hoàng trong quan tài dưới mộ. Đêm đêm hẳn thỏa mãn vì ảo ảnh ấy. Cuộc đời khốn khổ đã dạy hẳn điều đó. Rằng, đừng mơ hạnh phúc để xoa dịu nỗi đau. Cái cung cách này hẳn đọc được trong những đám tang. Người ta thổi kèn khóc để an ủi những người sống, chứ không phải cho người chết. Và chẳng ai cười lên khanh khách trong đám ma để an ủi người sống cả.

Đó là ban đêm. Còn ban ngày, hẳn trôi dạt những ý nghĩ về nàng. Gần như hẳn chỉ sống để thấp thỏm theo dõi bước chân nàng đi. Mà bước chân của cô gái nhẹ dạ ấy quá bập bồng. Thừa hưởng sản nghiệp kha khá của mẹ nàng - một gái làng chơi có hạng đã chết trẻ, nàng thừa hưởng luôn cả sự nhẹ dạ. Hẳn không thể hiểu nổi tại sao đàn ông hót gì nàng cũng tin. Hẳn biết nàng đã năm năm nay. Thì trong năm năm này hẳn chứng kiến nàng lấy ba lần chồng. Những thằng chồng không mấy may bén gót nàng - hẳn nhủ thế - Và, người chồng sau thì cứ thấp cấp hơn người chồng trước.

Những người đàn ông tử tế không bao giờ muốn lấy con của một gái làng chơi. Hẳn biết vậy, và cứ thất ruột lại, mỗi khi có một người đàn ông nào đó bắt đầu vè vè quanh nàng. Theo hẳn, gã đó không đào mỏ thì cũng thuộc hạng ba xu. Mỗi lần nàng lấy chồng là một lần hẳn thấy mình bị nhục mạ. Đàn bà có mỗi một nghề nhân nhất mà đem lại mỗi lợi lớn nhất là lấy chồng. Giỏi nghề thì một bước lên bà. Chẳng may sa cơ lỡ vận thì một bước xuống ăn mày. Hẳn thấy là nàng chẳng

hay biết một chút gì về nghề này cả. Và cái cách lấy chồng của nàng hành hạ hấn đến nỗi có lần hấn đã phải gào vào mặt nàng: "Lần sau có lấy chồng thì lấy cho tử tế! Đẹp thế mà không biết giữ giá! Chúng nó lừa thế nào cũng tin". Nàng ngớ ra, tròn xoe mắt nhìn hấn. Đó là lần đầu tiên hấn dám quát nàng. Nàng ngớ ra một lúc, rồi phá lên cười. Từ đó, nàng chọc hấn bằng cách thỉnh thoảng lại dọa đi lấy chồng.

"... Kia trắng tay

Kia, tìm gậy...

Rao hoài nào ai..."

Dây đàn lại cất tiếng. Cây đàn này hấn đã chi chút mua được bằng cách mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Còn xe lẫn là hấn mua được bằng tiền nàng cho vay. Không ai tốt bụng đến dở hơi như nàng: dám cho một kẻ không chân và không xu dính túi như hấn vay tiền mua cả một chiếc xe lẫn. Cầm bằng cho không! Nhưng khuôn mặt đẹp với đôi mắt to buồn và giọng hát khèn rè đã cứu hấn. Hấn gom góp trả đủ số tiền mà nàng cho vay và neo lại khu chợ nghèo nàn này hơn năm năm. Năm năm là một quãng dừng khá lâu và khá tổn hại so với đời của một kẻ hát rong.

* * *

Lần này thì nàng lấy chồng thật. Người chồng thứ tư. Lấy cái gã độc ngược ấy. Hấn khinh bỉ gọi gã chồng nàng như vậy. Gã này may mắn được nằm trong một dây thâu buôn lậu gỗ xuôi ngược do bác gã đứng làm chủ. Tiền gã nhiều ời là nhiều những khi đếm tiền triệu thì gã

phải có một sợi dây thắt nút. Mỗi triệu là một nút để khỏi quên: gã không biết chữ. Ngày đến ve vãn nàng, gã cầm tờ báo nhưng cầm ngược. Được cái gã si nàng ngay từ đầu, và gã không hề có ý định "đào mỏ" nàng. Tay cầm ngược tờ báo mà miệng gã cứ há hốc nghe nàng cười nói. Hôm cưới, gã uống rượu say rồi hể hả ứng khẩu:

"Bò bê bò bê - anh đưa em về

Anh đưa người đẹp về ngủ chung giường..."

Mặt Rân nhăn nhúm như uống phải dấm. Hắn cay đắng nhìn nàng. Thế mà nàng vẫn cười được. Vẫn cái giọng cười cao sang nhưng không thoát nổi dư vị gái lầu xanh. Cái dư vị mà hắn biết nàng sợ hãi và căm ghét. Nhưng càng căm ghét, cái dư vị ấy càng ám.

Nhìn giấy lát, rồi bị vẻ lộng lẫy của nàng cuốn hút, như bao nhiêu lần trước. Hắn tự nhủ, những người đàn bà không nhẹ dạ như nàng chắc hẳn là chẳng hấp dẫn gì. Tim hắn ứa máu một lần nữa để thấy nàng trong vòng tay của một kẻ có chân nhưng không xứng. Để rồi rốt cục, thêm một lần nữa hắn tự tha thứ cho nàng và tiếp tục giấc mơ hôn lên cái bớt đỏ nơi gót trái nàng.

* * *

Buổi ấy chợ chột đông. Hắn đang ngồi hát trên xe lăn dưới gốc cây me già quen thuộc. Những ngón tay nhỏ của hắn âu yếm vuốt trên phím đàn. Hắn yêu cây đàn này lắm. Đêm đêm hắn ôm đàn ngủ như ôm người tình và mỗi lần hắn trở mình, phím đàn lại run rẩy rung lên khiến cho lũ chuột sợ hãi chạy mất dạng.

Bỗng có tiếng la hét ồn ào. Mấy bà bán đậu phụ bỏ

mệt chạy nháo nhào, những miếng đậu phụ vỡ vụn bệt lại thành một đồng. Hấn ngừng dần, cau mày nhìn lên, rụng rời tay khi thấy nàng đang chạy về phía hắn. Áo nàng rách toạc, để lộ một mảng lưng và ngực trần màu kem hồng. Trên má phải bầu bĩnh như má trẻ con của nàng hằn vết đỏ tím của bốn ngón tay hộ pháp. Nàng vừa chạy vừa khóc nức nở.

Đằng sau là gã buôn gỗ đang đuổi: "Con đi! Tao đã cấm mày không cho đàn ông vào nhà khi tao đi vắng rồi cơ mà! Bất kỳ thằng nào! Cái giống mèo mả nhà mày! Về đây ông cho mày biết tay!" Gã la hét, mắt trợn trừng trắng dã, điệu bộ hung hãn như ông Ác ở cửa chùa. Một tay gã nắm lại thành nắm đấm, một tay lăm lăm sợi dây điện đập ba.

Nàng vừa chạy vừa kêu cứu. Nhưng chẳng ai cứu nàng. Những người đàn ông đi đường đang mãi giữ chặt chiếc xe của họ. Còn nhiều kẻ bán hàng gần đó nhăn răng ra cười. Chuyện đó xảy ra trong nhà họ như cơm bữa. Nàng chạy len lỏi qua những hàng rau, hàng trứng, hàng bánh rán, đến gần một người đàn ông lực lưỡng đang dắt một chiếc xe máy đỏ chói. Đôi mắt nàng, hắn thấy rất rõ đôi mắt màu biển tối của nàng mở to đến lạc trùng để cầu khẩn sự che chở ở người đàn ông đó, đến nỗi tim hắn thót đau buốt. Nhưng người đàn ông ấy đã né ra một bên. Ông ta vào số xe và vù đi.

Chỉ vài bước nữa là gã chồng đuổi kịp nàng. Nàng khóc hụt hơi, bốn phía không một cánh tay chìa ra thương xót. Nàng đành chạy quanh, núp sau chiếc xe lăn nhỏ nhoi cô độc của hắn. Chiếc xe của chàng Rân hát rong không chân và nhỏ xíu như một cậu bé tám tuổi.

Nàng thụp xuống nấp sau chiếc xe. Nhưng gã chồng nàng đã vươn tấm thân hộ pháp qua đầu Rân, qua chiếc xe lăn, túm lấy tóc nàng. Và "vút! vút!..." Sợi dây điện chập ba bắt đầu ca cái bài ca mặt kiếp của nó trên tấm lưng màu kem hồng.

"Khốn nạn! Khốn... nạn...!" Rân gào lên như một con thú bị thương. Hắn thấy cái bụng mỡ của thằng chồng nàng rung giật kỳ quặc theo nhịp roi. Cái bụng ấy làm thành một vòm ngọt ngọt trên đầu hắn. Và hắn nghe tiếng nàng không khóc được nữa, mà rên rĩ. Tiếng rên rĩ của nàng bóp nghẹn lấy lồng ngực hắn. "Ta sẽ chết!". Hắn nghĩ. Và dùng hết sức bình sinh, hắn rướn người, giơ cao hai tay, đập cây đàn vào đầu gã buôn gỗ. Nhưng cú đập của hắn chỉ đủ sức tạt qua má trái của gã vũ phu. Cây đàn rung lên một bè trầm cuối cùng, rồi đập vào thành chiếc xe lăn, vỡ nát.

Gã chồng nàng ngạc nhiên dừng tay. Gã ngó trân trân như cách gã khổng lồ ngó một con chim chiến chiến đang tính cách đá gã. Gã thấy lạ lẫm lắm. Không ai dám, mà thằng hát rong không chân này dám chống lại gã. Gã tóm hai tai hắn nhắc bổng lên: "Khá lắm! Thằng tim gầy! Cứ việc rao bán tim, việc gì đến mày!" Gã cười sảng sặc, đặt hắn xuống rồi bỏ đi, quên cả việc đánh vợ còn đang dang dở.

Hắn tìm đôi guốc tay bằng gỗ và cố toài xuống. Hắn lết trên mặt đường, lấy bẫy thu nhặt những mảnh đàn vỡ vụn. Có một bàn tay bỗng nhiên giữ hắn lại, đặt vào lòng bàn tay hắn một cuộn dây gỗ ra từ chiếc đàn vỡ. Hắn ngược nhìn lên. Nàng! Đó là nàng. Áo rách tả tơi. Lưng vẫn ngang dọc những đường đỏ tứa máu.

Nhưng nàng như quên hết tất cả những thứ đó. Nàng cũng đang lết trên mặt đường, gom nhặt những mảnh đàn võ. Những mảnh võ duỗi thẳng đủ mọi hình thù trên tay nàng. Chúng chẳng thể ca lên thêm một lần nào nữa. Khi mắt hần bắt gặp mắt nàng, lần đầu tiên hần thấy trong đó chỉ còn vẻ âu yếm, không còn ánh giễu cợt. Và thậm chí, còn có một chút gì đó như là sự nể trọng.

Chỉ cần thế thôi, ngay lập tức hần quên cả cây đàn võ. Quên rằng ngày mai không đàn, hần sống bằng gì. Quên cả đám đông đang quây lấy hần và nàng cười chế nhạo. Và hần sung sướng thấy nàng ngẩng phất đầu lên, không kéo áo che ngực, nhìn thẳng vào đám đông rồi cao ngạo bước, tay ôm những mảnh đàn võ.

* * *

"Tôi đi đây! Rân ạ. Vĩnh biệt Rân! Người đàn ông duy nhất mà tôi vịn trên đời này. Tôi phải bỏ ngôi nhà của mẹ tôi. Cầu cho linh hồn Người được an nghỉ nơi chín suối. Ở trong ngôi nhà ấy tôi như bị ma ám. Tôi muốn làm một người đàn bà quý phái như gương mặt tôi mà không được Rân ạ. Tôi biết Rân căm ghét cái cung cách lấy chồng rẻ mình của tôi. Nhưng giả như Rân biết, tôi luôn luôn phải lấy một ai đó để thường xuyên có người canh giữ tôi. Từng giờ, từng phút, tôi đều thấy chồn chồn cảm thấy rằng cái bấy lâu xanh luôn rình rập tôi đâu đó. Mẹ tôi đã chết trẻ. Nhưng sắc đẹp của bà lừng danh đến nỗi, những khách làng chơi ngày xưa nhớ bà, nay thỉnh thoảng vẫn đến tìm, nhìn lại chân dung bà treo trong phòng tôi, khen tôi đẹp và giống bà như lột.

Tôi đã run lấy bầy khi nghe những lời ấy, tổng cổ ông ta ra khỏi cửa rồi hôm sau, quơ đại một ông chồng.

Rân ơi! Tôi phải đi thôi. Tôi đã quá vụng dại trong nghề lấy chồng, để đến mức đã lấy phải một gã đọc ngược mà còn bị đuổi đánh giữa chợ. Tôi không thể hiểu nổi tại sao tôi lại vụng đường chồng đến thế. Thôi thì mình làm mình chịu. Kêu ai!

Tôi gửi lại Rân chút tiền này để mua cây đàn mới. Rất tiếc rằng con người tôi chưa đủ thiện để có thể ở bên Rân suốt cuộc đời. Đã nhiều lúc tôi nghĩ: "Ta tứ cố vô thân. Trên đời này chỉ mỗi Rân là thực bụng thương ta. Thôi hãy đón Rân về. Ngày ngày đẩy xe cho Rân và lấy sự hy sinh cho kẻ khác làm niềm vui sống cho đời mình vậy". Tôi đã định thế, mà không làm được thế, Rân ạ. Tôi nguyện rửa mình vì mình không đủ tốt để có thể ở bên Rân suốt cả cuộc đời.

Ra đi. Tôi mang theo những mảnh đàn vỡ. Mảnh đàn đã khiến tôi quên cả đau đớn tủi nhục bị phoir bầy giữa chợ. Vì, lúc ấy, tôi vừa nhận ra sự che chở của người đàn ông duy nhất: tôi vừa được núp trong đôi cánh tay bé nhỏ, nhưng là đôi cánh tay đàn ông thực sự của anh. Rân ạ.

Biết đâu chẳng có ngày thân tàn ma dại, tôi gặp lại Rân và xin nường nấu trong cánh tay anh. Tôi chắc khi ấy anh sẽ sung sướng, vì anh biết lúc đó anh có thể che chở cho tôi thực sự và chỉ có anh làm được điều đó thôi.

Mà nói mãi làm chi những chuyện buồn. Một điều Rân có thể yên tâm là tôi bây giờ không cười như trước nữa. Tôi ra đi không phải để lấy chồng, mà để trốn chạy một lần xanh. Điều đó cũng đáng giá, phải không Rân?!"

* * *

Rân bỏ giấc mơ liêu mình để chờ cha mẹ đến nhìn hấn trong quan tài lần cuối. Với hấn, từ bỏ được chất ma túy này không dễ. Giá như nàng biết hấn luyến tiếc khi chia tay với giấc mơ ấy như thế nào. Rân đã mua đàn mới. Và lên đường với chiếc xe lăn. Hôm ra đi, hấn thấy gã chồng nàng đang vật vờ uống rượu ở chợ, say lên rồi hu hu khóc: "Tao đánh mất nó rồi! Con vợ đẹp nhất đấy! Chúng mày biết nó ở đâu thì chỉ cho tao! Tao cho cái này này!" Miệng nói, tay gã cởi sợi dây chuyền vàng nặng trĩu đeo chiếc nanh hổ ra huơ huơ trước mặt. Đám trẻ con thích chí cười âm lên trên chóc gã. Mặt gã đỏ gay và mắt ngơ ngác như người mất hồn.

Rân lang thang trên những nẻo đường của người hát rong. Đạo này hấn dành dụm đủ lắm. Thực bụng hấn ước cho nàng gặp may. Nhưng đôi khi, hấn tự rửa mình vì bất chợt mong một ngày nào đó gặp nàng, thương như một con cún đã bị cuộc đời này đuổi xua bầm dập, ngược lên nhìn hấn: "Anh Dũng!" rồi tin cậy ngả đầu trên ngực tìm gầy.

Tháng 5 - 1993

Nhà bên mồi

Nguyễn Mạnh Tuấn

Ồ! Chú Tuấn!

Nghe tiếng gọi cổng, từ trong nhà ló ra, tôi ngạc nhiên khi thấy ông già Tư Xích. Chắc lại mấy con gà, con ngỗng nhà ông qua đường lọt rào sang vườn nhà tôi. Từ ngày lên ở vùng làng hoa Gò Vấp, ngoại vi bắc thành phố, tôi thành hàng xóm chung con hẻm với ông Tư. Nhà tôi ở bên trong, mé trái, nhà ông ở bên ngoài, mé phải, hàng ngày gặp mặt đều gật đầu hoặc mỉm cười chào tôn trọng, song vì ở ông, từ thái độ đến lối sống luôn có sự xa cách, không chỉ với riêng tôi mà cả với bà con lối xóm, nên chưa lần nào giữa tôi và ông có dịp thăm viếng và trò chuyện.

- Việc gì thế, bác Tư? Tôi ra mở cổng: Bác vào chơi uống miếng nước đã... Xã giao thì mời vậy chứ tôi không hy vọng ông già thuận lời.

- Chú về đây lâu mà hôm nay tôi mới qua, kể cũng là vô ý... Ông Tư lúng búng: Tôi có tật vô ý...

Lòng tôi đầy nghi hoặc. Lúc mời ông Tư vào phòng khách, tôi cũng thanh minh:

- Nói thật với bác, tôi thì không vô ý. Là dân mới cư ngụ, được quan hệ với xóm giềng càng rộng càng tốt, nhưng muốn bước chân qua nhà ai chơi, cũng phải biết

trước chủ nhà có thích khách đến hay không, nên mặc dù quen lâu và cũng quý trọng bác, vợ chồng tôi vẫn ngại ngại...

- Tôi hiểu mà... Ông Tư móc túi lấy bao thuốc Zet mới nguyên, bóc mời tôi: Chú hút thuốc...

- Cảm ơn bác, tôi không hút thuốc.

Ông Tư vóc nhỏ con, tóc bạc trắng, ở cỡ tuổi ngoài sáu chục, dáng dấp còn nhanh khỏe, gương mặt dài thuộc loại lộ cốt, nước da đã lên đồi mồi và nhàu nát bởi những nếp nhăn và chấm tàn nhang, đôi mắt vẫn đen sáng, miệng hơi móm nhưng hàm răng còn đủ và đều. Tôi phát hiện hôm nay ông không mặc chiếc áo pun xanh và chiếc quần lính nguy đã chiến màu lá úa, bộ đồ cũ bạc gần như gắn cố định với hình ảnh hằng ngày của ông kể từ khi tôi biết. Trước mặt tôi là ông Tư Xích mặc quần tuyết xi màu ghi đá, áo sơ mi cộc tay cổ to, cứng, màu nâu nhạt, sọc trắng to, loại vải tốt. Cả quần lẫn áo đều kiểu cổ thoáng thoải mái bằng phien như thể được cất lâu trong hòm, còn nguyên những nếp gấp. Tôi nói đoán:

- Chắc bác đang có chuyện vui vẻ?

Ông Tư khẽ khịt mũi:

- Ngày mốt, tôi dọn về phố ở, nên trưa mai làm bữa cơm chia tay với bà con lối xóm, mời chú và cô sang cho vui.

Lại thêm điều bất ngờ.

Ở xóm vườn này, tiếng là giáp với thành phố nhưng nhiều tập quán tình nghĩa láng giềng kiểu thôn quê vẫn giữ nguyên. Nhà ai có việc lớn như làm nhà, ma chay, cưới hỏi là cả xóm đến giúp. Ngày giỗ, ngày tết, tân gia, thôi nôi con cái, nhà nọ ới nhà kia, quây quần

vui vẻ cứ như tiệc chung, nhà nào tách khỏi tập quán chẳng khác gì sự lập dị, không sao tránh khỏi tiếng chê trách. Vậy mà ông bà Tư Xích, theo như bà con ở đây lâu cho biết, kể từ khi cư ngụ, hơn hai mươi năm, nhà ai có việc gì cần góp thì bỏ tiền ra góp, chứ tuyệt nhiên không đến nhà ai và cũng chưa mời ai bữa cơm nào. Nhìn sự bất thường từ thần sắc đến hình thức của ông, con người quanh năm ngày tháng chỉ thuần một nét âm thầm bơ vơ, tôi cảm thấy cái việc dọn về phố ở và việc ông bỗng nhiên mời cơm bà con lối xóm chưa phải là tất cả sự đổi thay trong ông.

Đầu ngã ba đường từ mặt phố theo con hẻm đất đỏ vào nhà tôi, một bên là quán cà phê bình dân Út Thi, một bên là cửa hàng Tư Trước bán vật liệu xây dựng. Nhà tôi ở phía sau, kế mảnh vườn rộng nhà Tư Trước. Còn sau nhà Út Thi là khu mộ gia tộc chừng hơn chục ngôi, ngôi nào cũng cần đá ốp lát hoặc đúc đá rửa kiểu cách bề thế sang trọng, hình bán thân của người quá cố đều được tráng men sứ gắn chìm vào bia mộ. So với đường vào hẻm, khu mộ chỉ chiếm chừng mười lăm mét bề ngang, nhưng bề sâu dài tới bốn chục mét lan sang tận mặt hẻm bên kia. Hồi tôi mới lên ở, từ khu mộ trở vào toàn vườn tiếp vườn. Mấy năm nay, dân vườn đua nhau bán đất lấy tiền xây nhà, sắm đồ, người tứ xứ đổ tới mua đất từng lô, từng khoảnh cũng cất nhà ào ào, cả vùng vườn cây, ruộng hoa bỗng chốc thành phố xá, nhưng khu mộ chí vẫn còn nguyên như khoảng di tích lạc lõng và ương ngạnh. Nhà ông Tư Xích ngụ trên chính lề đất hẹp mặt tiền khu mộ. Giữa xung quanh san sát những nhà xây, nhà đúc lợp tôn, lợp ngói, ngôi

nhà tranh thật đúng nghĩa chỉ sơ sài như loại nhà lán của vợ chồng ông Tư cũng mang nặng tính di tích như khu mộ. Gia đình ông thường xuyên chỉ có mặt vợ chồng ông và cô gái Út, một cô gái khoảng 21, 22, nhỏ người, da trắng, có đứa con gái 3 tuổi, không hiểu sao không ở bên nhà chồng. Thỉnh thoảng người chồng cô Út, một thanh niên còn trẻ, hiền lành về ở một thời gian rồi lại đi vắng. Ông bà Tư còn hai người con gái trên cô Út, nhưng cả năm mới thấy đưa chồng con về chơi đôi lần. Với đời sống kín đáo ít cởi mở với hàng xóm của chủ, ngôi nhà như thêm tiêu tụy, bơ vơ người đời đặt ra ngoài tầm con mắt. Ban đầu, nhà chỉ ngang chừng ba mét, một vì kèo gác nhờ vào tường bao vườn nhà ông Bảy Khá, bên kia gác đuôi lên đầu trụ bê tông một ngôi mộ, phần bếp núc, tắm rửa, ăn uống của người trong nhà chung một chỗ với nơi yên nghỉ của người cõi âm. Hơn hai năm nay, từ khi sâu trong hẻm mọc lên xí nghiệp may đồ xuất khẩu chừng ba trăm công nhân, ông Tư mới tận dụng nốt phần mặt tiền còn lại làm thêm ngôi nhà ngang cũng kiểu thô sơ nhưng rộng hơn, cột kèo toàn bằng cây tràm, mái, vách lợp và thưng bằng lá dừa nước, tuy vẫn là sự chấp vá nhưng che khuất được hoàn toàn khu mộ, nên toàn cảnh nhà cũng bớt đi vẻ u tịch hoang sơ. Cũng từ đó, buổi sáng ông bà Tư bán hủ tiếu, bún bò giò heo, bánh mì kẹp thịt, trưa bán cơm, còn tối cho số công nhân trong xí nghiệp may ở nhà mãi tới quận 4, quận 8, Thủ Đức trải dất gỗ ra ngủ trọ.

Khi ông Tư mở quán, bà con lối xóm mới nhìn nhận được nguồn thu nhập của gia đình ông, từ trước đó, kể từ khi ông tới cư ngụ, không ai biết đích xác người

trong nhà làm việc gì mà cả nhà vẫn sống được năm này qua tháng khác. Phàm ở đời, sự gì bí ẩn thường là mầm mống sinh ra những lời dị nghị không mấy thiện chí. Có người nói, ba người con rể cùng dân buôn lậu, lâu lâu về cho tiền. Người khác thì thào: thỉnh thoảng ông bà Tư vẫn nhận được thùng hàng của người bà con từ nước ngoài. Vài kẻ ác độc còn khẳng định vẫn thấy cô Út cứ chiều muộn lảng lảng rời nhà vào nội thành đi khách, bỏ con qua đêm cho ông bà ngoại trông. Chiếc Mét xê dec đời mới vài tháng xuất hiện một lần trước nhà ông Tư, gã đàn ông bảnh choẹ cao lớn, tuổi chừng bốn chục rời xe là lẩn luôn vào nhà suốt từ sáng đến chiều không ló mặt, lúc về, ra khỏi cửa lại tụt lẹ vào xe đông thẳng chính là thằng bồ, dân áp phe bụi ở Chợ Lớn vẫn bao cô Út lâu nay.

So với ông Tư lúc nào cũng như "người vô ý" không nói, không cười với ai, bà Tư hòa nhã, ít xa cách với bà con lối xóm hơn. Tuy tóc đã thưa, sợi bạc nhiều, da dễ đã khô, vẫn dễ nhận ra khuôn mặt tròn phúc hậu của bà những nét đẹp bên thuở xưa, và dù nhà cửa lụp xụp không có dấu hiệu gì bảo chứng cho đời sống no đủ, người bà vẫn đầy chắc, dáng dấp vẫn cứ như của người an nhàn, không có vẻ gì lam lũ vất vả. Ưu điểm đó của bà được cô Út thừa kế khá trọn vẹn. Ngay cả khi mặc bộ đồ cũ bông bế con chơi trong hẻm, người không quen ít ai dám tin cô là con gái nhà nghèo. Khi mở quán, bếp nấu với hai nồi nước lèo lớn đặt chường ngay trước cửa, bà Tư là đầu bếp, ông Tư và cô Út lo phụ việc và bưng dọn cho khách. Bàn ghế của quán, những bộ bày dọc lẹ hẻm toàn loại bàn ghế cóc cũ kỹ, có lẽ từ hàng quán

bình dân nào đó sấm đồ mới sang hơn thả ra được ông Tư lượm về, còn trong ngôi nhà ngang chính là những sập gỗ buổi tối dùng làm giường cho đám công nhân ở trọ, ban ngày được tách ra đặt trên các chân gỗ cao biến thành dãy bàn dài, phủ tấm ni lông ca rô đỏ.

Bà con lối xóm kháo nhau:

- Mặt phố còn ế dài, mở quán trong hẻm, ai vô ăn?

- Bàn ghế thì cái nọ chửi cha cái kia, thấy mà khiếp, ai ngồi có ngày sập ngã rách đất.

- Quán xá ngay bên mộ, khách ngu mới vô ngồi ăn chung với ma.

- Xe chạy qua lại suốt ngày, hủ tiếu bún bò giò heo có bụi khỏi cần nêm bột ngọt.

Người nghèo đến bước đường cùng phải xoay cách kiếm sống là chuyện cần cảm thông. Nghe những lời nói ra, nói vào mang ít nhiều mùi vị dèm pha đổ kỵ, tôi không khỏi thấy tội cho vợ chồng ông Tư, nhưng mặt khác, phải thừa nhận những điều thiên hạ nói đều có lý. Tôi cũng cho rằng hàng quán nhà ông Tư chẳng mấy lúc phải dẹp...

Vậy mà sự thể đã diễn ra ngược lại. Kể từ ngày mở hàng cứ như có thần thánh phù hộ, khách ăn suốt từ sáu giờ sáng đến hai giờ chiều, lúc nào cũng đông chật con hẻm. Ban đầu là đám nam nữ công nhân xí nghiệp may, sau đến bà con trong hẻm, trong đó không ít tác giả của những lời đàm tiếu, sau nữa là khách từ ngoài phố và các vùng vườn lân cận. Vào đầu sáng và giữa trưa, xe đạp, xe xích lô, ba gác, xe gắn máy của khách xếp kín hai lề hẻm đến mức xe hơi ra vào xí nghiệp may phải chạy chậm, lách khéo mới đi lọt.

Hai đứa con lớn của tôi thấy đông, lên bố mẹ vào quán ăn sáng trước khi đi học, về khen ngon, khiến vợ chồng tôi cũng ra ăn thử trước khi quyết định mắng con. Hóa ra ngon thật. Tô bún bò giò heo đầy, nóng cháy lưỡi, vị ngọt, cay, chua, béo ngậy quện nhau thơm lừng, chưa suýt soát húp, nước miếng đã ứa đầy chân răng, ngon không kém bất cứ tiệm nổi tiếng nào ở trung tâm thành phố. Ăn xong, trả tiền chỉ hai ngàn một tô, trong khi ở khắp nơi giá phổ biến từ ba đến năm ngàn. Cung cách sửa soạn, nấu nướng của hai mẹ con bà Tư rất sạch sẽ, nguồn nước truyền thẳng từ bể chứa nước giếng khoan nhà ông Bảy Khá, xa hẳn khu mộ cả trăm mét. Để khắc phục bụi, ông Tư gần như suốt ngày hể mặt đường hẻm vừa thoáng khô, lại cầm vòi xịt nước từ đầu ngã ba vào quán nhà hơn ba chục mét. Tôi hỏi bà Tư Xích:

- Bác bán rẻ thế còn đâu ra tiền lời?

Bà Tư cười đơn hậu:

- Lời chút đỉnh thì mới bán chứ, chú.

Tôi hỏi lại:

- Trước đây, bác có làm nhà hàng không mà nấu ngon thế?

Bà Tư khiêm tốn:

- Thấy mấy người bạn làm, mình đến học lóm thôi mà chú.

Hàng quán khác đông khách như thế chẳng mấy lúc mà giàu, rồi lên nhà, lên xe, nhưng ông Tư mở quán hơn hai năm, cả nhà lẫn quán vẫn tiếp tục tiêu tụy, khi nào đột nát xiêu vẹo quá thì dặm vá, buộc chống lại tạm bợ. Ông Tư và cô Út đi đâu vẫn thấy đập cái xe cọc

cách không chần bần, chần xích. Nước sơn lâu ngày không được sơn lại đen xỉn cùng với màu rỉ sắt.

Quán hủ tiếu đang đà đông khách, tiếng thom đồn xa, đến nỗi khách từ ngã năm Nguyễn Oanh, ngã ba An Nhơn, Hạnh Thông Tây, Xóm Mới cũng tới, thời gian bán phải mở đến chiều tối, thì cô Út sanh đứa con thứ hai, lại nghỉ cái rụp. Con hẻm trở nên vắng hắng, buồn tẻ.

Bà con lối xóm lại được dịp kháo nhau:

- Mượn chuyện con gái sanh, kỳ thực nghỉ bán để chuẩn bị lên lầu đúc đó.

- Con gái sanh thì thuê người giúp việc, chớ buôn có thời, bán có vận, dễ mất khách, sau này mở lại, chắc gì đông như cũ. Người dâu mà tính cạn.

- Quán ông Tư nghỉ, mấy hôm rày ra phố ăn mới biết hàng nào cũng mắc ơi là mắc. Dám phải kêu mấy người lối xóm thúc ông bà Tư mở lại cho bà con được nhờ. Ăn quen đâm ghiền.

Toàn những lời nói tốt, những lời trách yêu, như thể người ta không hề có sự xa lánh, phân biệt về cái nghèo khổ và lối sống lập dị của ông bà Tư cách đây không lâu. Hóa ra đám công nhân ở trọ nhà ông lúc đầu ai cũng tưởng ở thuê, lại là ở không mất tiền.

Tôi pha ấm nước chè Thái mời ông Tư:

- Bác xơi nước. Thật tiếc. Đúng lúc qua nhà nhau trò chuyện lại là lúc chia tay. Tôi để ý bàn tay kẹp diều thuốc của ông Tư hay hươ ngang sau khi rời diều thuốc khỏi miệng, một cử chỉ của người sang: Bác Tư này... với tôi, bác vừa là người đáng quý trọng lại vừa có nhiều điều khó hiểu. Tiện bác qua chơi, hỏi bác vài câu được không?

Ông Tư khẽ ho:

- Bây giờ tôi không có điều gì phải giấu. Nếu chú muốn biết nhiều, tôi cũng kể nhiều à.

Lại thêm bất ngờ nữa. Tôi hỏi luôn:

- Thỉnh thoảng tôi có được nghe người này, người khác nói ngày xưa bác rất giàu, chỉ vì vung tay cho thiên hạ nhiều quá mới vào cảnh cạn kiệt, phải về đây tá túc? Thấy ông Tư trầm hắt mặt, nghĩ mình bắt sai mạch, tôi vội điều chỉnh đề ông khỏi động lòng: Tôi cho là họ chỉ nói mò, căn cứ từ khu mộ sang trọng...

Ông Tư rời điều thuốc khỏi miệng, lại huơ ngang, ngắt lời:

- Họ nó đúng cả. Hai mắt ông nheo nheo tư lự: Chuyện bắt đầu từ thằng con tôi, thằng Hưng. Vợ tôi, tức bà vợ trước là người hiểm muộn. Lấy nhau bốn năm, bả sanh được nó. Trước đó phải chạy chữa đủ thứ thuốc bắc, thuốc tây, cúng viếng khắp cửa chùa, cửa Phật. Vợ chồng tôi quý thằng bé hơn cục vàng. Nhưng không rõ trời cho mình rồi bắt mình trả giá hay do mong mãi mới được đứa con, mình chiều quá nên nó sinh hư. Từ lúc mười hai tuổi nó đã hội đủ tính cách của quỷ sứ, không từ bất cứ trò phá phách nào, từ trong nhà ra ngoài phố rồi trường học. Nó ham đua theo những đứa lớn chơi bởi đánh lộn, tiêu xài hoang phí; có tiền ba má cho rồi, nó vẫn lấy cắp đồ đem bán. Không chỉ một lần nó bị trọng thương vì những vụ đâm chém, phải đưa vào bệnh viện đổ hàng núi tiền chữa chạy, điều trị cả tháng. Ra viện lại chứng nào tật ấy, sau tuổi mười bốn, mười lăm thì không sức nào dạy nổi. Một lần bị má nó cản không cho đi chơi, nó nổi khùng lấy dao chém rồi

bỏ nhà đi luôn. Má nó khi đó đang mang bầu đứa thứ hai sắp đến ngày sanh, uất quá bị hư thai rồi qua đời luôn. Tôi đau đớn tưởng giết nó luôn vì chuyện này, nhưng rồi đến giận nó lâu cũng không dám. Hạt máu của mình đâu dễ bỏ được. Tôi như người mê muội, càng đau buồn lại càng tìm mọi cách cung phụng chiều chuộng, hy vọng vào lúc nào đó nó biết nghĩ lại. Nói thật với chú, đối với nó, không phải tôi chỉ thương mà còn sợ, sợ nó hờn giận, sợ nó mất lòng, ngày một xa mình hơn. Nhiều lần, tôi dò tìm được nơi nó ở, vừa khóc vừa van nó về. Đòi tôi không có nước mắt để khóc vợ chết, khóc mình nhục, nhưng đầm đìa nước mắt khóc thằng con sống... Nhưng nó trơ như đá. Nó chỉ coi tôi là cái kho tiền. Chẳng bao giờ tôi dám để nó thiếu. Tôi phải thuê riêng một người lạng lẽ theo sát đời sống của nó, mỗi khi nó khó khăn, vận hạn gì thì thông báo kịp thời để tôi lo cách gỡ. Thật khốn khổ cái thân làm cha u mê vì con, những lúc biết tin nó đang gặp chuyện hên, đang vui vẻ, dù là chuyện tội lỗi, suy đồi, tôi cũng nhẹ nhõm theo. Hai lần tôi gỡ nó ra khỏi nhà tù vì án cướp của, mà tôi biết nó tham gia chỉ vì đua đòi ham mê những trò kích động phiêu lưu, bạo lực. Một lần khác tôi phải bỏ khoản tiền bồi thường khá lớn để gia đình nạn nhân bãi nại vì nó đâm trọng thương con người ta.

Ba năm sau khi má nó mất, tôi đi bước nữa với con gái một chủ tiệm ăn là bà nhà tôi bây giờ. Lễ cưới chiều ngày mai tổ chức, thiệp mời phân phát cả tuần trước, thì tối nay nó về. Lúc này nó đã mười chín. Theo nó khoảng chục thằng lính và du đảng. Hôm đó đúng mừng một tết dương lịch năm sáu chín. Nó nói:

- Ông cưới vợ bé tức là hết tình hết nghĩa với má tôi, giờ muốn sông phẳng, ông phải chia đôi tài sản, tôi và ông mỗi bên một nửa, nếu không sẽ không có đám cưới và... rất có thể không có cả ông trên cõi đời này. Nó vừa dứt lời, một thằng lớn tuổi mặt mày bặm trợn từ phía sau bước lên thả ra bàn một viên đạn súng lục. Ông Tư u tối như đang chịu lại cơn đau: Nửa tài sản! Chú có hình dung nó là gì không? Tôi bắt đầu cuộc đời từ hai bàn tay trắng, mười bốn tuổi đã xa nhà đi phụ chèo ghe chở gạo thuê từ Long An lên Chợ Lớn. Khi bắt đầu có ghe máy, tôi cũng làm phụ rồi làm tài công, dần dà lợi dụng chuyển đi võ vẽ học buôn theo, lúc đầu nhỏ, sau lớn. Có vốn lớn, tôi thành chủ ghe. Một chiếc, hai chiếc, ba chiếc, chỉ mấy năm, tôi có cả đoàn tàu và sà lan buôn gạo và ngũ cốc từ các tỉnh miền Tây về Sài Gòn. Tôi là người ý chí mạnh mẽ và rất say mê làm giàu. Từ năm sáu năm, Sài Gòn trên đà mở mang, tôi tung vốn kinh doanh địa ốc... Tôi mải miết kiếm tiền. Đêm quên ngủ, ngày quên ăn. Tôi thích trở thành một ông vua. Thế lực càng lớn, tôi càng bắt đồng tiền quay cuồng để sinh sôi nảy nở. Chưa bao giờ tôi có một phút ngưng để định vị tài sản, kết quả bao nhiêu năm ăn sống cả đắng cay, điểm nhục, đổ mồ hôi, sôi nước mắt. Chính sự có mặt đêm đó của thằng con mà tôi đã đặt tên là Hưng đầy tự tin và hy vọng ở tương lai, đã khiến những mao mạch chứa đầy máu làm giàu đang sôi sục nơi tôi đột ngột ngưng lạnh. Cũng chính lúc này, tôi mới đau đớn nhận rõ mình đã mất thằng con... Không. Không thể được. Cơn đau khiến tôi muốn vỡ tim. Nhưng lúc này lời nói nào có thể giúp nó tỉnh ngộ? Mắt nó đang nhìn tôi đục

ngẫu những dục vọng tội lỗi. Nó sẵn sàng giết tôi nếu tôi trái ý. Tại sao trời nỡ dồn cha con tôi đến chỗ như vậy? Vì tôi giàu có? Vì tôi còn là cha nó?

- Được rồi... Tôi lạnh lùng nói với nó: Tao cũng là thằng từng ba chìm bảy nổi, những lời đe dọa của mày, tao không sợ đâu... Nhưng có thể mày có lý khi muốn tao chia đôi tài sản. Ba ngày nữa vào giờ này, mày quay lại đây mọi chuyện sẽ xong.

Nó đứng yên định thần. Rồi nhếch mép:

- Ông mà lừa tôi thì sẽ trả giá đắt đấy.

Khủng khiếp nhất viên đạn bỏ vào túi, nó hất hàm ra hiệu đồng bọn rút lui, đồng ý để tôi yên ba ngày. Nửa đời làm giàu, là nửa đời vật lộn giành giật. Vào những lúc phải một mất một còn, tôi cũng là kẻ lọc lõi lì lợm, chưa bao giờ chịu chùn bước. Chỉ một đêm suy nghĩ, tóc tôi bạc quá nửa. Tôi hiểu mình và thằng con mỗi bên đều đặt lên chiếu bạc toàn bộ cuộc đời mình để đánh canh cuối cùng. Tôi cho mời ông luật sư cố vấn pháp lý cho tôi việc làm ăn từ nhiều năm, dặn dò mọi chuyện. Và hôm sau, dù chẳng còn bụng dạ nào trong vụ hôn nhân, tôi vẫn tổ chức lễ cưới linh đình, mời cả thằng con tôi và băng đảng của nó tới dự. Trong lễ cưới, nhân lúc tiệc đang vui, tôi tách ra và cho người mời thằng đại ca của thằng Hưng tới gặp riêng. Tôi nói với nó ngắn gọn:

- Tao thừa tiền để thuê một băng khác mạnh hơn thanh toán mày nhưng tao không muốn làm thế. Bây giờ, tao cho mày mười ngàn đô la chỉ để làm một việc: sau khi thằng Hưng về gặp tao, mày nện cho nó một trận, nhớ nện đau nhưng không để cho nó mang tật, rồi

xua nó đi. Nếu mày từ chối, tao đành phải chọn cách thứ nhất.

Thằng đại ca có bề ngoài rất thư sinh lịch lãm, giương đôi mắt sát nhân nhìn tôi đầy vẻ cân não. Sau khi hiểu ra tôi dám nói thì cũng dám làm, nó nói khẽ:

- Đưa tiền đây.

Hai ngày sau, thằng con trai tôi quay lại với hai thằng đồng bọn. Mặt nó vênh vênh tự tin:

- Tôi đã chơi đúng luật, để ông yên trong ngày cưới.

Tôi chỉ một mình tiếp chúng nó:

- Tao cũng đúng luật. Nhưng có mấy vấn đề cần ngã ngũ. Tôi nói: Thứ nhất, tao với mày chỉ có thể chia đôi con số không. Thằng Hưng tím mặt tức giận, rút phăng khẩu súng đặt xuống bàn vỡ tan mặt kính lót năm ly. Hai thằng đi theo lập tức tản ra đứng hai bên chỗ tôi ngồi. Tôi điềm tĩnh nói tiếp: Điều thứ hai: Mày không phải con đẻ của tao. Do vợ chồng tao hiếm muộn, đã nghe theo thầy xin mày từ trại trẻ mồ côi về nuôi để đánh lừa thần linh... Tôi mở ngăn kéo bàn lấy ra cặp hồ sơ đẩy về phía nó: Tất cả tính pháp lý của những điều tao vừa nói nằm cả ở đây, không tin mày hãy đọc đi.

Thằng Hưng ngồi chết lặng. Dường như quên hẳn khẩu súng. Nó run tay mở cặp hồ sơ, giở từng tờ cố đọc bằng đôi mắt u tối. Đó là những giấy tờ xác nhận nguồn gốc thằng Hưng như tôi vừa nói, những giấy thế chấp toàn bộ tài sản với ngân hàng để rút tiền, những biên nhận các khoản tài trợ của các cơ quan, quỹ từ thiện, các trường học... tổng cộng vừa hết sạch núi của khổng lồ của tôi, không dư lấy một xu. Người luật sư giỏi của tôi đã phù phép chỉ trong hai ngày xong tất cả các thủ

tục với đầy đủ giá trị công chúng, pháp lý. Thằng con tôi như bị điểm huyết, khờ dại trên chiếc ghế đối diện. Tôi bỗng nôn nao niềm thương cảm. Con trai ơi! Ba vẫn thừa sức một lần nữa từ hai bàn tay trắng làm ra số của cải gấp đôi, gấp ba số ba vừa cho đi để chuyển trọn cho con, chỉ cần con thương ba, trở về nhà với ba, chỉ cần con phục thiện. Suýt nữa tôi mở miệng kêu gọi. Suýt nữa tôi đứng dậy, vòng qua bàn sang đỡ nó đứng dậy. Quả thật, tôi đã đánh nó một đòn sát ván. Nếu nó nổi khùng lên lại là chuyện khác, đằng này nó tê lạng, tức là nó vẫn còn biết đau đớn, trông nó vẫn còn những vùng nhân tính. Dù trúng với điều mình muốn, nhưng thấy con tổn thương lòng cha lại ê ẩm. Dù chính nó đã dồn tôi phải chơi canh bạc đánh đến cháy túi, phần mất hẳn nó lớn hơn nhiều lần phần được, song khi tính chất cuộc chơi lộ rõ chất tàn bạo tôi bỗng thấy hối. Vâng. Chỉ chút xíu nữa, tôi xoá ván cờ, nếu như đúng lúc đó, sau cơn bàng hoàng, mắt nó không tóa lửa. Vừa đẩy đồng giấy tờ về phía tôi, nó vừa lừ đừ đứng dậy.

- Mọi chuyện mày đã rõ rồi. Tôi rất nhanh trở lại cuộc chơi: Nếu sự thật làm mày tức giận, mày cứ dành cho tao viên đạn như hôm trước đã tính. Mày cầm súng lên. Tao chờ đây.

Thằng Hưng nhắc khẩu súng lên. Nhét lại vào túi quần. Giọng nó hờm hờm:

- Chính ông đã bắn tôi chết. Tôi sẽ không bao giờ quên thù này.

Dứt lời, nó lăm lăm bỏ đi. Hai thằng kia cũng xiu xiu khệnh khạng bước theo. Chúng vừa đi khỏi, tôi chỉ đủ sức ra đóng sập cửa rồi khuyu luôn tại chỗ.

Tôi hỏi ông Tư:

- Bác không giữ lại một xu nào thật?

Ông Tư Xích dường như cũng nóng người theo hồi tưởng, băng khuâng gặt đầu:

- Không còn xu nào. Nếu mất đứa con, trong tay có bạc triệu cũng vô nghĩa, còn kéo được nó về mình thì làm lại từ đầu có hề chi. Xong chuyện với thằng Hưng, tôi mới kể với vợ tôi. Bả khóc khá lâu vì thương tôi. Nhưng bả cũng chấp nhận đời sống mới pha màu tiểu thuyết, đúng là một túp lều tranh... Chúng tôi lên Gò Vấp chọn nơi đây cư trú đơn giản chỉ vì đây là khu mộ gia tộc, nơi yên nghỉ của ông bà hai bên nội ngoại, ông bà già tôi và những người thân khác, một tay tôi cất lên, nơi mà thằng con tôi không thèm coi đó là tài sản để đòi chia, còn tôi không thể thế chấp vì bất cứ lý do gì. Sống gần với những người thân đã khuất, tâm mình nó cũng yên tĩnh hơn, chú ạ.

Vợ chồng tôi từ đấy quyết tâm sống thanh đạm, làm việc thiện, không chạy theo sự giàu có. Chắc chú cũng biết, với một kẻ từng sống giàu sang, say mê với công việc làm giàu hai chục năm có dư, giờ phải co lại trong nếp sống khắc kỷ sẽ bút dút khổ tâm thế nào. Nhưng tôi phải thế để thằng Hưng chỉ có một con đường. Tôi vẫn âm thầm tin rằng, nếu vẫn còn mang dòng máu của tôi, nó sẽ không chịu để sự nhục nhã ủ lâu trong lòng. Tôi và bà bây giờ sanh được ba đứa toàn là gái, mỗi đứa đều có nơi chốn khá giả. Tôi không phân biệt con trai, con gái, nhưng không hiểu sao tâm thần tôi hàng ngày hàng giờ vẫn đau đáu nghiêng nặng về thằng Hưng...

Tôi sốt ruột:

- Nhưng anh ta phục thiện chứ?

Ông Tư lại huơ ngang điều thuốc Zet cháy dở:

- Hai mươi một năm. Kể từ cái hôm quyết liệt đó đến nay hai mươi một năm. Sau lần gặp tôi, không cần phải đến trận đòn và sự xua đuổi của thằng đầu đảng, nó đã tự ly khai và bắt đầu cuộc sống mới từ... lẽ hè. Cái đói, cái nghèo hèn túng quẫn, rồi những cơn tự ái vì nhục đã thúc nó sống tích cực. Nó bắt đầu như tôi hồi mới lập nghiệp: bốc vác, đạp xe ba gác, bán báo... không từ một nghề lam lũ nào. Hai năm sau sang chế độ mới, nó nhảy đi thanh niên xung phong ra vùng biên giới với Miên, rồi lên cả Tây Nguyên. Khi giải ngũ nó về thành phố cùng bạn bè hùn hạp làm ăn. Nó lấy vợ, có con, hiện nay có ba đứa, hai trai, một gái. Bây giờ nó đã tậu nhà, sắm xe hơi đời mới, làm chủ một xí nghiệp may hàng xuất khẩu và một cơ sở làm đồ gỗ và sơn mài. Suốt hai mươi một năm, tôi vẫn lặng lẽ theo sát từng bước chân của nó, vừa mừng nó đã đi đúng vào con đường mình mong muốn, vừa lo từ cơn tự ái và căm thù quá lớn hồi trước, nó sẽ không chứa cho tôi một cơ hội thanh minh, hòa giải. Ông Tư bùi ngùi: Ngót hai chục năm khắc khoải, cứu được một thằng người mà mất luôn một thằng *con*, là kết quả không muốn chờ đợi. May sao, ba năm nay nó chủ động tìm lại tôi. Cái thằng lâu lâu vẫn đi xe Méc-xê-déc lên thăm tôi chính là nó. Lòng tự ái thúc giục nó quyết làm nên sức mạnh. Nhưng càng mạnh mẽ, nó càng thấy thiếu một cái gì đó. Ít nhất nó cũng đã có thời được sống trong mái nhà ấm cúng, tình cha con, mẹ con đầy đủ, tốt đẹp. Càng

vượt lên, nó càng nghĩ nhiều về điều đó, về nguồn gốc, cội rễ... Sự tìm lại của nó, với tôi giống như sự giải toả... Tôi và nhà tôi mở lại cái quán chỉ để thử lại khả năng kiếm tiền vì sợ rằng mình đã quên, chuẩn bị trước cho ngày này. Hôm vừa rồi, điều vợ chồng tôi mong đợi đã đến. Nó đã đưa vợ và các con lên thăm vợ chồng tôi. Nó nói: Sự thực đến nay, vẫn chưa ai biết con chỉ là con nuôi của ba, vậy con xin ba má được cho con coi ba má như ba má ruột. Con đưa cả nhà lên để chính thức mời ba má về ở chung cho chúng con thờ phụng...

- Bác đã nói cho anh ta rõ mọi chuyện chưa?

- Tôi sẽ nói vào giờ phút long trọng, sau khi làm lại các giấy tờ trên cơ sở pháp lý. Những nếp nhăn trên mặt ông Tư thoáng ra theo nụ cười. Đổi tất cả tài sản để lấy một đứa con... không đắt.

Tôi vui theo:

- Mừng cho hai bác từ nay đổi đời.

Ông Tư lắc đầu:

- Sự đổi đời với vợ chồng tôi thì cần gì. Chúng tôi đã quen bằng lòng, và vẫn tìm thấy niềm vui trong sự thanh đạm. Về chung một mái nhà với vợ chồng thằng Hưng chỉ để ghi nhận sự đoàn tụ, nghĩ cho cùng, cũng chẳng phải là điều nhất định phải thế. Hai mươi một năm xa cách giữa hai đời sống khác biệt, tình nghĩa mấy cũng khó mà hòa hết những cái không hợp nhau, có khi cứ xa một khoảng lại vẫn có cái tốt. Ông Tư trầm ngâm: Đây là điều vợ chồng tôi cân nhắc rất kỹ. Cuối cùng chúng tôi vẫn quyết định về phố là vì lũ cháu nội. Mất ông Tư hơi nhòa: Trước hết để chúng có thói quen tình cảm mới: trên ba má còn có ông bà. Loài cây, rễ

càng sâu, bóng càng rộng, sức sống càng mạnh mẽ. Với con người, gia tộc càng lớn, gia đình càng bền vững, chú ạ. Mặt khác, chắc chú cũng đồng tình với tôi, đến thế hệ của thằng Hưng còn dùng cái thanh bạch của người nghèo, nổi nhẵn nhụi của kiếp nghèo như là khí phách để cảnh tỉnh ý chí, chứ đến thế hệ con chú, hay con thằng Hưng, vẫn lấy mái nhà tranh xiêu vẹo, bộ quần áo tuềnh toàng, bữa cơm toàn rau dưa ra làm nền móng cho chí hướng vươn lên của chúng thì chỉ có đồ khùng. Mấy đứa cháu ngoại tôi toàn ở tuổi lí nhí nhất định không đứa nào chịu ở với ông bà trọn một ngày chỉ vì chúng tin chắc nhà ngoại có... ma. Chuyện tưởng nông cạn trong đầu óc con nít đó, đủ để tôi phải nghĩ về lối sống khác làm sao cho những thế hệ cháu chắt sau này không coi mình là ma quỷ, và mình còn sống thêm một ngày phải ráng để con cháu nó thân thiết với mình một ngày. Nói thật với chú, về phố, vợ chồng tôi lại tiếp tục làm giàu. Sợ tôi không tin, ông Tư nhấn mạnh: Tôi không nói giỡn đâu. Đúng là mình già rồi, đáng phải nghỉ ngơi rồi, nhưng vì các cháu, chú ạ.

Tôi nghĩ đến cái quán hủ tiếu và bún bò giò heo của ông bà Tư đã biến con hẻm heo hút trở thành nơi sầm uất, từ sớm đến chiều lúc nào cũng đông nghịt khách. Với ông Tư mọi nét trong cuộc đời đều sáng tỏ, tôi hoàn toàn tin điều ông đã nói là ông làm được. Tự nhiên tôi băng khuâng lưu luyến:

- Từ nay, may ra vào dịp hai bác và cô Út lên thăm mộ gia tộc, chúng tôi mới được gặp lại.

Ông Tư nói:

- Rồi chú thấy, có lúc nào nhớ là chúng tôi lại lên

chơi với bà con lối xóm thôi à. Còn về khu mộ... Ông Tư nói chậm rãi: Về phố ổn định chừng một năm, tôi sẽ bốc hết các phần mộ về quê ở Long An. Ngày xưa đây là đất mới khai phá, mình mới mua lập khu mộ, ai ngờ nay nhà cửa phố xá liếm dần, để người chết ở lẫn với người sống là điều không nên chút nào.

Tôi ngạc nhiên, suýt nữa buột miệng hỏi: Chính bác đã ở bên người chết bao nhiêu năm?

May mà tôi tìm lại được. Mọi con đường đi đến tận cùng đều sẽ không còn là con đường nữa.

Gò Vấp, 23-12-1994

Có một người nằm trên mái nhà

Phan Triều Hải

Khi mà sao chổi Hale-Bopp đi qua thì tôi nằm trên mái nhà. Ban đầu tôi thấy nó rất mờ, rất nhạt. Tôi thấy nó như vừa chui khỏi đám mây, trước là một cái đầu nhỏ, tiếp theo sau là một chùm sáng đục mà càng lúc càng mượt mà hơn, uyển chuyển như một cái đuôi chồn dựng ngược. Tôi biết chắc là chính nó cho dù chỉ nhìn bằng mắt thường, bởi so với những chùm sao quen thuộc khác thì nó có một vẻ kỳ dị, như một thiếu nữ chung diện bộ áo váy sáng rực kim tuyến đi dự hội đêm hè. Tôi không biết nó xuất hiện đã bao lâu rồi trước đó. Lẽ ra tôi đã phải leo lên mái nhà sớm hơn, như mọi ngày, để đáp lưng trần xuống cái mái tôn quen thuộc ấy, nơi mà tôi chỉ buộc phải rời khỏi đó vào những đêm mưa. Nếu không, thì tôi đã được chiêm ngưỡng lâu hơn nữa cái cảnh tượng cực kỳ hiếm hoi chỉ diễn ra sau hàng bao nhiêu đời người. Nhưng tối hôm đó, tôi đã bất chợt chớp mắt, không chỉ vì mệt mà còn vì cái lạnh đầy quyến rũ tỏa ra từ những mái tôn nghiêng nghiêng hai mươi ba độ rưỡi ấy.

Chính xác là hai mươi ba độ rưỡi. Khi xây nhà, cha tôi đã không hề tuân theo bất kỳ một kiến trúc nào cả.

- Tao đã ở cái nhà này hai mươi năm nay. Tao biết cần phải xây thế nào. Ông nói.

Những bản vẽ của các kiến trúc sư kinh nghiệm lẫn những ý kiến đóng góp của đám sinh viên xây dựng đang tập tành đi vào thực tế đều bị gạt bỏ không thương xót. Không có gì lay chuyển được ông. Và cứ dựa trên tinh thần lãnh đạo đó mà ngôi nhà mọc lên từ từ, chậm rãi, bởi không ai muốn làm trước những mệnh lệnh tùy hứng và thường đi trái ngược với những nguyên tắc cơ bản của vị chủ nhà vừa uy quyền, vừa chủ quan ấy. Trưởng nhóm xây dựng là người hết sức cẩn thận và biết điều khi nhường hẳn quyền quyết định cho cha tôi ngay sau những xung khắc đầu tiên, và vào một đêm của tháng thứ sáu kể từ ngày ngôi nhà cũ bị đập nát để làm nguyên liệu cơ bản cho cái nền của ngôi nhà mới, thì cha tôi, lúc bấy giờ hãy còn ngủ ở ngoài trời trống hoang hoác vì mùa khô năm nay quá sức nóng nực, không hề có một ngọn gió lẫn giọt mưa, đã bị đánh thức bởi người đội trưởng tận tình và cẩn thận.

- Ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu làm mái nhà. Ông đội trưởng nói nhỏ.

Cha tôi gật gù.

- Ừ, làm thì cứ làm.

Người đội trưởng có quá thừa kinh nghiệm trong những trường hợp này.

- Tôi hỏi xem ông muốn làm như thế nào. Làm mái nhà là một việc quan trọng, tất cả mọi người trên trái đất này đều phải sống dưới những mái nhà. Có tương lai hay không cũng tùy thuộc vào mái nhà.

- Đúng đấy. Cha tôi ngẫm nghĩ. Vậy thì, tôi muốn có một mái nhà màu sáng, và nghiêng.

- Mái tôn màu sáng, và nghiêng. Tất nhiên rồi.

Người đội trưởng vẫn nghiêm nghị. Nhưng nghiêng như thế nào. Bao nhiêu độ?

Cha tôi lộ vẻ hoang mang, nhưng vốn là người không bao giờ muốn để người khác thấy sự mất chủ động của mình, ông hỏi ngược lại.

- Trái đất này quay theo một trục nghiêng. Cái trục ấy nghiêng bao nhiêu độ?

Lần này đến lượt ông đội trưởng lúng túng, và phải mất hai giây cho câu trả lời.

- Hình như hai mươi ba độ rưỡi.

- Vậy thì làm cho tôi một cái mái nghiêng hai mươi ba độ rưỡi. Thật chính xác, không sai một ly. Cha tôi ra lệnh, kết thúc vấn đề hệ trọng ấy bằng cách nghiêng lật người sang một bên, và như thường lệ giấc ngủ đến với ông nhanh ngay lập tức.

* * *

Cuối cùng thì mái nhà cũng đã làm xong, nó nghiêng nghiêng theo một góc nào đó mà bất kỳ ai khi nhìn ngắm cũng không thể không nhận thấy sự hòa hợp dễ chịu của nó đối với mình.

- Mái nhà trông rất thoải mái. Mọi người nhận xét.

- Bởi vì nó nghiêng hai mươi ba độ rưỡi. Cha tôi khẳng định.

Tuy nhiên, những ngày đầu tiên ở trong ngôi nhà mới luôn luôn có một cảm giác lạ thật khó chịu. Mùi vôi vữa, mùi sơn cửa, mùi của vecni đánh trên gỗ chưa kịp khô khiến không ai có thể ngồi lâu được nửa ngày.

- Đó là do nhà mới. Cha tôi trấn an. Chưa kịp có hơi người.

Vợ tôi đã sửa chữa những thiếu sót ấy bằng những sai lầm. Trước tiên là vào dịp cuối năm, nàng đã hào phóng trích hẳn phần tiền dành dụm còm cõi để mua những cái chậu hoa kiểng sắc sỡ, với tham vọng không hề che giấu.

- Qua năm, em sẽ trông chúng thành một rừng hoa trong nhà.

Nhưng tham vọng ấy nhanh chóng lụi tàn chỉ mười ngày sau. Nàng đã phải nhọc công đi hốt hết lá khô cành khô rơi rụng mỗi ngày, mà lòng vẫn hy vọng những cây ấy chẳng qua đang tiến hành một quá trình thay da đổi thịt, để cuối cùng có một phát hiện muộn màng là những cây kiểng ấy được người bán trồng đơn giản bằng cách cắm thẳng vào đất mà không hề có một cọng rễ nào khả dĩ có thể nuôi sống được chúng cho đến mùa ra hoa tới. Sau đó nàng tiếp tục thực hiện sai lầm kế tiếp là mua một chiếc lồng chim tuyệt đẹp có trạm trổ vài đường viền theo phong cách lãng tử của vua quan triều Nguyễn.

- Để cho vui cửa vui nhà khi gia đình ta chưa có trẻ con.

Chú chim nhỏ bé mà lanh lợi, cứ lú lo hót suốt những ngày mới về. Thế nhưng chàng chim ấy cũng chỉ mua vui được một vài hôm. Sau đó là một cảnh tượng ảm tử, với lông cánh, lông đuôi xơ xác rơi xuống sàn. Và để tránh một kết cục bi thảm đang diễn ra từng ngày từng giờ trong ngôi nhà, vợ tôi đã vội vàng giúi cái lồng son với con chim tội nghiệp đang thoi thóp cho thẳng bé đổ rác vào một buổi trưa.

- Nó sẽ biết cách chăm sóc chim.

Vợ tôi nói, rũ sạch nỗi ăn năn với sinh vật bé bỏng ấy một cách nhẹ nhàng như vậy.

* * *

Nhưng sau những câu chuyện ấy thì mọi người cũng đã bắt đầu quen với ngôi nhà mới. Tất cả nhận ra rằng, cái hơi người cần có thường được nói đến, chính là kỷ niệm, không có gì gần gũi với người hơn là những kỷ niệm. Giờ thì mọi người đã có những kỷ niệm mới, đã có thể nhìn quanh mà nhớ được những sai lầm của vợ tôi đang diễn ra ở đâu. Đây là ở bốn góc nhà, nơi từng đặt những chậu kiểng, đây là hiên nhà, nơi từng trú ngụ của con chim tội nghiệp với chiếc lồng son. Chỉ có tôi là không quen được với nơi ở mới, không quen ở mà trên đầu bị che bởi một mái nhà, và xung quanh là những bức tường có cửa sổ trở ra lưng những tường nhà hàng xóm. Tôi đã nhiễm phải thói quen sống ngoài trời trong suốt thời gian xây nhà, ấy là thói quen được ngắm những ngôi sao hàng đêm. Cái thói quen mới đã dễ dàng xoá đi hoàn toàn những thói quen và sở thích khác mà tôi đã tích lũy được trong suốt mấy mươi năm sống trên cõi đời này. Và thế là hàng đêm, tôi leo lên mái nhà, tựa cái lưng trần vào mái tôn lạnh lạnh nghiêng hai mươi ba độ rưỡi, hai chân khép lại xuôi theo sóng tôn về dưới, hai tay khoanh trên ngực và mắt ngược nhìn lên bầu trời đen thăm thẳm đầy sao. Mỗi đêm tôi cứ nằm như thế hàng giờ liền, sung sướng vì chung quanh không có những bức tường, trên đầu mình

chỉ một bầu trời, một bầu trời lớn mênh mông, và không hề bị chia xẻ. Có rất nhiều sao trên bầu trời đó, cứ mỗi ngày lại có một bố cục những sao khác nhau. Và cứ hàng tháng lại có trăng xuất hiện. Nói chung tôi không thích trăng, vì nó sẽ luôn luôn to quá, tròn quá, sáng quá. Trăng cứ như một thiếu nữ đến hoặc sẽ đến trước ta với khuôn mặt đầy son phấn, nhìn thẳng vào ta với cái nhìn lạnh lẽo và bốn cột, rồi nói: Tôi rất đẹp, đúng không? Mà ta thì không thể có một lời nào khác ngoài việc phải thừa nhận sự thật đó. Tôi không thích cái kiểu sỗ sàng ấy, tôi chỉ thích tìm những ngôi sao. Phải tìm. Có những lúc ngay nơi ấy không hề có một ngôi sao nào, nhưng trong chớp mắt lại có một đốm sáng xuất hiện bé tí như đầu kim, để rồi khi bạn chưa kịp kìm giữ lại thì chỉ một cái chớp mắt, nó biến mất khiến không thể biết được thực hư. Và cứ như thế, bạn có thể chơi cái trò này mãi, mà càng chơi càng bị hút vào, như một thú đam mê không sao dứt ra được, để rồi mỗi buổi sáng bạn lại buộc phải mong chờ đến đêm tối để được ngắm, được chơi cái trò trốn tìm bất tận đó.

* * *

Vợ tôi rất không hài lòng với đam mê này của chồng. Đối với nàng, tất cả những lý do tôi đưa ra đều không thể biện minh được cho một hành động điên rồ như thế, dù đó là một lối thoát cho những công việc cụ thể mà đơn điệu, hay nhằm chống đỡ những rỗng tuếch mơ hồ cứ ngày lại ngày gặm mòn hết những ý chí muốn được suy nghĩ một cái gì đó thật riêng biệt

cho mình. Nàng tuyên bố rằng không có gì tồi tệ cho bằng việc hàng đêm chống cừ len lén leo lên mái nhà mà ngắm sao trời, bỏ mặc vợ ngồi tù túng ở dưới nhà trong tiếng choang choang của hết bình luận viên thể thao đến bình luận viên thời sự trên truyền hình. Nhưng nàng cũng chưa thể tìm ra được một lý do nào đủ mạnh để kết liễu công cuộc leo trèo tìm tự do của tôi cho đến một ngày tháng Tư nóng bức, lúc ấy tôi đang ở trần, đặt bước đầu tiên lên nấc thang tre dẫn từ bếp lên mái nhà thì nàng thông báo.

- Trong tháng này sẽ có sao chổi Hale-Bopp đấy, độ cao từ mười đến hai mươi lăm độ Tây Tây Bắc.

Tôi sửng sốt. Tôi chưa hề ngờ đến điều này bao giờ. Tôi đứng cheo leo trên thang, hoang mang. Hale-Bopp. Tôi sẽ được trông thấy nó sao. Vợ tôi bình tĩnh tiếp.

- Và anh sẽ không bao giờ được leo lên mái nhà nữa sau khi ngắm được nó.

Đó là một sự thỏa thuận hợp lý. Bởi Hale-Bopp chỉ quay lại với trái đất sau mỗi hai ngàn bốn trăm năm. Tôi biết rõ như thế. Tôi còn biết rằng cho dù cái đuôi của nó dài đến hơn một triệu kilômét thì không dễ gì mà bắt gặp được bằng mắt thường, nhất là trong những tuần trăng sáng này.

- Anh phải lên mái nhà sớm hơn một chút vì nó chỉ xuất hiện khi trời vừa tối. Vợ tôi nhắc nhở.

Vào giờ ấy, mái tôn hãy còn âm ỉ nóng bởi giấc trưa dài mênh mang nắng. Phần da lưng của tôi dính vào mái tôn cứ rịn rịn mồ hôi. Khi tôi nằm dài, tôi có thể trông thấy hai mũi chân của mình chúc lại ở phía dưới kia. Tôi nằm nghiêng đầu qua hướng Tây Tây Bắc

một chút, và chọn một tư thế nhẹ nhàng nhất với những khớp xương ở khuỷu tay, khuỷu chân sao cho có thể nằm lâu được mà không mỏi. Và trong những ngày chờ đợi khi nằm như thế, thỉnh thoảng tôi bắt gặp một làn khói nhẹ nhẹ đi lên từ mái nhà bên, một vài ngọn lá khô trượt xuống máng nước và một bãi cứt mèo còn mới tươi.

Lúc chưa có sao chổi xuất hiện thì tôi thường hay nghĩ. Tôi nghĩ tôi sẽ làm gì vào năm ba mươi tuổi. Có lẽ cũng không có gì thay đổi nhiều. Rồi tôi nghĩ là tôi sẽ làm gì vào năm bốn mươi tuổi. Lúc ấy có lẽ tôi đã chậm đi nhưng chắc vẫn đang đi làm thôi. Người ta nói tuổi ấy mới là tuổi chín muồi. Khi tôi chín muồi vào tuổi đó thì tôi sẽ có gì trong tay nhỉ? Tôi không rõ. Nhưng nói thiệt tình là tôi không biết, bởi bây giờ tôi cũng đã có thể ngồi ở nhà mà biết chiến sự đang diễn ra ở đâu qua cái tivi, tôi đã có thể uống bia lúc nào cũng sẵn trong tủ lạnh. Tôi đâu cần kiếm thêm hai cái tủ lạnh hay hai cái tivi để trong nhà mà làm chi. Lúc ấy điều quan trọng nhất có thể có được là những đứa con. Có lẽ lúc ấy tôi sẽ lo cho những đứa con. Rồi tôi nghĩ là tôi sẽ làm gì vào năm năm mươi tuổi. Lúc ấy tôi không thể ôm mãi cái cặp mà đi đến người này người nọ chào hàng như bây giờ. Vả lại người ta cũng không cần một nhân viên già nua như thế cho dù là mẫn cán tuyệt đối đi nữa. Nói chung, những khi nằm chờ sao chổi tôi thường nghĩ rất nhiều như vậy. Nhưng không phải lúc nào cũng nghĩ quá xa, đôi khi tôi nghĩ rất thực tế, chẳng hạn như tôi bây giờ là một gã rất to rất khỏe. Chẳng hạn như tôi không thích ở trong nhà, mà thích ở ngoài trời. Tôi thêm hít thở khí trời ghê lắm. Nói cái này hơi bậy,

nhưng hồi còn nhỏ, lúc nào tôi cũng thích ở truồng. Tôi ở truồng mọi nơi nào có thể được, nhất là những khi chạy ngoài mưa. Những đêm hè không có mưa thì tôi thích tắm ngoài trời, tôi thích dội nước ào ào, nước lạnh ngắt kéo lên từ giếng. Tôi cũng thích ngủ dưới tán cây, nhất là những đêm có gió luồn qua ngực, qua tóc. Tôi thích những điều đó ghê lắm.

* * *

Sau một tuần tôi canh giữ sự xuất hiện của Hale-Bopp trên mái nhà, cha tôi tuyên bố.

- Mày sẽ chẳng làm một cái gì cho ra hồn được.

Nhưng đây không phải là lần đầu tiên tôi nghe một câu như thế. Đối với cha tôi thì người ta sinh ra trên đời này không phải để ăn, ngủ, kiếm tiền phục vụ chuyện ăn ngủ rồi chết. Theo ông thì làm một con người còn khó khăn hơn nhiều. Và không chỉ có mỗi một mình cha tôi có ý kiến như thế. Có lần tôi nghe người ta ca ngợi một nhà thơ trên truyền hình.

- Ông ấy không chỉ là một nhà thơ mà còn là một con người.

Là một con người. Tôi chắc chắn khi mà thốt ra một câu trúc câu như thế thì con người đang được viết hoa, và nhấn mạnh rằng không phải ai cứ sống là đã đảm bảo thành một con người được. Phần tôi thì tôi rất tiếc, tôi mong được nói một trăm ngàn lần để xác nhận với một trăm ngàn người mà tôi có thể gặp từng người, từng người một, tất cả đều là những con người. Có những người mà tôi rất ghét, nhưng tôi cũng sẽ nói với

họ như thế, bởi tôi thấy làm con người tưởng cao ráo lắm, nhưng ê ảm có thừa. Người ta phân biệt nhau ra người tốt, người xấu, trong khi xấu hay tốt gì thì cũng đều do chính người nhào nặn nhau mà nên. Tôi biết cái sao chổi Hale-Bopp không phải lần đầu tiên đến trái đất này, nó đã từng du hành ngang qua đây hơn bốn ngàn năm trước. Tôi không hình dung được bốn ngàn năm trước có những ai là ai, có tên tuổi gì, có địa vị gì, có những vinh quang hay thống khổ gì. Tôi cũng không biết hai ngàn bốn trăm năm sau thì những ai là người sẽ là gì. Tôi không biết những điều đó bởi tôi sẽ thành cát bụi chỉ chừng năm mươi năm nữa. Tôi muốn chia xẻ ý nghĩ mà cha tôi gọi là điên rồ ấy cho những ai tôi gặp được. Nếu mà tôi có thể bỏ công việc trong một thời gian dài mà không bị chết đói, thì tôi sẽ đi xa. Đi chỉ để làm một công việc hết sức đơn giản. Trước tiên tôi sẽ đến nhà thơ nọ và xin được nói lại: Ông không chỉ là một con người mà còn là một nhà thơ. Tiếp đó là bất kỳ ai tôi gặp trên đường. Tôi sẽ xin phép xác nhận với từng người một.

- Anh không chỉ là một con người mà còn là thợ mộc.

Hay:

- Chị không chỉ là một con người mà còn là một phụ nữ đẹp.

Và nếu có thời gian, tôi sẽ tán gẫu với họ rằng, khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng là ba ngàn kilômét. Từ quả đất đến mặt trời là một trăm năm mươi triệu kilômét. Từ nhà tôi đến nhà bạn là một trăm mét mà chúng ta gặp nhau mỗi năm chỉ có một

lần. Và như thế thì chúng ta mới nhỏ bé làm sao. Quá nhỏ bé để có thể phân cấp hay so nhau một tiếng nói. Cho dù ta có đáng là người hay không đi nữa thì ngay cả khi tựa vào nhau rồi, chính quả đất cứ mang tất cả mọi người cũng nhỏ bé nốt. Đã có số liệu rõ ràng rồi đấy.

* * *

Cứ như thế mà tôi đã nằm suốt nhiều ngày liền trên mái nhà từ mỗi sáu giờ bốn mươi lăm chiều mỗi ngày, trong khi niềm tin của mọi người đặt vào cái sự kiện ấy dần dần lụi tàn.

- Nếu có trăng thì sẽ không nhìn thấy sao chổi. Vợ tôi đã bắt đầu muốn chấm dứt những lý do chính đáng cho việc nằm trên mái nhà của tôi.

Tôi không biết là nếu không leo lên mái nhà nữa thì tôi sẽ làm gì ở dưới mái nhà. Vợ tôi thì lúc nào cũng có việc để làm, những công việc vất vả của một phụ nữ chuyên lo cho cái tổ ấm của mình. Hoặc ngay cả khi hết việc rồi, nàng vẫn có thể bận rộn la hét con mèo với nhiệt tình không đổi cũng như thể đang loay hoay bên cái chảo bốc khói nghi ngút. Tôi cũng có thể trông thấy cha tôi vun vén cho những bụi cây con con trước cửa, miệng phàn nàn về đám con nít hàng xóm ngày càng coi thường cái uy của ông mà cứ bẻ ngang mấy cành hoa. Tôi có thể hình dung ra mọi điều thật chính xác, trừ việc tôi sẽ làm gì trong khoảng thời gian đó. Suốt một ngày sống trong khói bụi, trong tiếng động cơ xe máy, trong tiếng nói cười của những đám đông, thì đêm

về tôi chỉ muốn yên lặng. Mà yên lặng thì không nơi đâu yên lặng bằng bầu trời. Thật đấy.

* * *

Hôm nay trời cứ nắng như lửa. Dưới cái nắng ấy, tôi đã chạy hết mười chín vòng để giao khung tranh cho khách hàng. Người ta trả cho tôi mười lăm ngàn một vòng. Hôm nay tôi kiếm được hai trăm tám mươi lăm ngàn. Hiếm khi nào tôi kiếm được từng ấy tiền trong một ngày, nhưng tôi cũng không kịp vui sướng với điều ấy. Tôi mệt quá. Về đến nhà mới thấy mệt, bao nhiêu thứ trong đầu quánh lại như một trái tennis, cứ lăn và nảy từ góc này sang góc kia, từ mang tai trái sang mang tai phải. Tất cả là tại nắng, nắng như lửa. Tôi mệt đến nỗi chỉ muốn nằm dài ra và quả thật tôi đã nằm dài ra. Vợ tôi cởi áo cho tôi, chậm rãi lau người tôi bằng một cái khăn khô cứng vì suốt ngày phơi ngoài nắng, những sợi lông của khăn sát lên người rất bồng. Tôi muốn nói với nàng là hình như nó đang làm trầy xước da, và nàng hãy làm ơn đi nhúng nước cái khăn ấy, nhưng tôi cũng không phản ứng được, tôi không cử động được cả bàn tay.

* * *

Tôi thức dậy khi vợ tôi đang ngồi ở góc bàn. Nàng đang đếm tiền, đang xếp những tờ năm ngàn thành từng xấp một trăm ngàn và buộc mỗi xấp bằng một sợi

thun mỏng. Rồi sau đó nàng lại gỡ dây buộc, nàng xếp thành từng xấp năm mươi ngàn và buộc mỗi hai xấp bằng một sợi thun mỏng. Rồi sau đó, nàng lại gỡ dây buộc, nàng xếp thành từng xấp mười ngàn và buộc tất cả bằng sợi thun khác lớn hơn. Nàng làm tất cả những công việc đó một cách chậm rãi, cái ngực lớn tì sát vào bàn. Nàng thông thả đếm, thông thả buộc, tóc nàng loã xoã sau gáy, màu tóc không còn tươi như ngày trước. Ngày trước tóc nàng đen nhánh, giờ thì hoe hoe vàng. Tôi không biết vì sao tóc nàng lại nhạt đi. Có những điều mà tôi không bao giờ thiết tha tìm hiểu đến nơi đến chốn, bởi những việc ấy cũng chẳng có ích gì.

- Em cảm ơn anh. Nàng cúi xuống, thì thầm. Hôm nay nhiều tiền quá. Hàm răng nhỏ của nàng cắn vào tai và cái lưỡi vòng quanh khiến tôi rùng mình.

- Anh ngủ lâu chưa.

- Chỉ mới một lát thôi. Nàng nhẹ nhàng.

Tôi thở ra.

- Máy giờ rồi.

- Tám giờ.

Nàng nói. Tôi bất chợt nghe lạnh suốt lưng. Tôi ngồi phắt dậy, đầu óc quay cuồng như mụ hẩn đi, chỉ trừ duy nhất một điều còn lại, là nó. Sao Chổi. Chưa bao giờ tôi có một cảm giác lạ như thế về nó, tim tôi đập dồn và hai tay lạnh có mồ hôi nhè nhẹ túa ra. Tôi tựa cái thang tre vào tường.

- Anh điên à. Anh không thể nào trông thấy nó vào giờ này đâu. Vợ tôi gào lên khi tôi đặt chân lên nấc thang đầu tiên. Đã trễ rồi, anh lên làm gì. Suốt cả

tháng nay anh ở lý trên đó chưa đủ sao. Nàng càng lúc càng giận dữ. Nhưng tôi cắt ngang.

- Mặc kệ anh.

* * *

Chân tôi đã chạm lên mái nhà, tôi bò chậm chậm về chỗ mình, chân tôi giẫm phải một cái gai bông giấy khô, nhói lên. Mặc. Tôi nằm xuống, người duỗi song song theo những sóng tôn, nghiêng một góc hai mươi ba độ rưỡi, đầu quay về hướng Tây Tây Bắc. Lúc này trên bầu trời phía ấy chỉ có những đám mây bàng bạc trôi trên nền đen thẫm trông như những bụi cây. Tôi cố mở mắt lớn hơn, nhìn xoáy vào đó. Dường như chỉ có một vài chấm sáng quen thuộc đang nhấp nháy cùng nhau. Tôi không định vị được những chòm sao Andromède lẫn Persée hay Pégasse, nhưng tôi luôn có một cảm giác rất thật rằng, nó ở đó, như thể Persée ở gần Hale-Bopp chứ không phải ngược lại. Và cứ thế tôi nhìn, hơi lạnh từ mái tôn tỏa ra nhẹ nhẹ lan man trên da thịt, và tôi thấy mắt bắt đầu mỏi, mí mắt sụp xuống. Tôi không muốn mí mắt sụp xuống vào lúc này, nhưng không thể cưỡng được. Tôi xuôi hai tay bên hông, tôi ngủ.

* * *

Tôi nằm mơ thấy mình đi trên một miền đất sáng. Mỗi bước chân tôi đi giẫm lên một thứ đất sáng như bạc. Ở đó không có nhà máy, không có nhà ở, không có thú vật, không có cây cối. Chỉ có một màu duy nhất là

màu sáng, y như màu của giấy bạc mà tôi vẫn thường dùng làm thủ công ngày còn bé. Lúc ấy mẹ tôi là cô giáo. Mẹ tôi dạy rất nhiều đứa nhỏ trong một cái lớp nhỏ, cuối phòng có một cái tủ nhỏ chứa đầy giấy làm thủ công. Có giấy trơn, giấy thô, giấy bóng. Mẹ cho tôi rất nhiều giấy bóng đủ màu xanh, đỏ, tím, vàng, nhưng tôi chỉ thích mỗi một màu, màu bạc. Tôi thích ngắm nhìn nắng loang loáng trên màu bạc đó óng ánh như vàng ròng, màu lá cây trên nền bạc đó lóng lánh như sương, và cả màu của khuôn mặt tôi ngoan ngoãn, đen và nâu. Còn bây giờ, trong giấc mơ, tôi không soi gương mặt của mình mà đi những bước chân lên lớp đất bạc xốp mịn như bánh kem khô ấy, thấy mình không hề già đi mà vẫn như ngày trước, vẫn là cái thằng bé đang loay hoay cắt dán những tờ giấy bạc trong cái lớp học nhỏ và oi nồng của buổi trưa miền Trung, thỉnh thoảng lại ngóng cổ nhìn ra ngoài sân nắng chói chang mà mơ màng. Và tôi nhìn ra ngoài, đơn giản như thể mở cửa sổ mà nhìn ra, và thấy quả đất thân thuộc của mình đang chậm chậm xoay, xoay quanh mình chứ không theo một cái trục nghiêng có sẵn nào cả. Mọi người đứng ở đó ngược lên, họ nhìn thấy tôi và hét: Về mau, về mau!

Tôi mở mắt ra khi nghe tiếng cửa nhà bên khép lại. Khi cửa của mỗi nhà khép lại thì đó cũng là giờ khắc được xác định. Mỗi cánh cửa hàng đêm khi đóng lại cũng khép lại một ngày cho mỗi ngôi nhà. Có những cánh cửa khép sớm, có những cánh cửa khép trễ, nhưng tôi chưa bao giờ thấy có những cánh cửa nào không khép suốt đêm. Thời gian như một dải băng giấy dài, được gấp lại, từng chút một, như những cánh cửa cứ lần

lượt hàng đêm đóng lại, sớm mai mở ra, đều đặn mãi như thế với cùng một nhịp điệu, không đổi, chỉ có những người đóng cửa là thay đổi. Những người đóng cửa luôn là bậc trụ cột trong nhà, phải cẩn thận, phải trách nhiệm. Khi họ chết đi sẽ có những thế hệ tiếp theo trưởng thành hơn kế tục công việc đó, đóng cửa và mở cửa. Chính lúc tôi lan man như thế thì rất chậm rãi và điềm tĩnh, Hale-Bopp lộ dần qua những áng mây, nhỏ nhắn và khiêm tốn, khiến tôi không thể hình dung ra được đó là một kẻ khổng lồ với cái đuôi dài hơn một triệu kilômét. Nhưng khi vừa mới thoát ra hẳn đám mây, thì càng lúc nó càng sáng hơn, lộng lẫy hơn so với những chòm sao xung quanh, nó đã thành một kẻ khác, âm thầm nhưng quyền lực, phi không gian, phi thời gian.

Hai tay bám vào máng xối, tôi cúi đầu xuống nhà, thét lên.

- Sao Chổi.

Cha tôi bực dọc.

- Sao Chổi cái con khỉ. Xuống mau.

Giọng ông khản đặc như mọi khi, nhưng so với những gì tôi nhìn thấy được thì không có một tí quyền uy nào nữa. Vẫn đầu chúc xuống nhà, tôi lặp lại.

- Sao Chổi.

Lần này thì mọi người bước ra ngoài, ngược nhìn theo hướng tay tôi chỉ, chăm chú. Tôi thấy Hale-Bopp càng lúc càng sáng hơn, lộng lẫy hơn. Mọi người đứng đó một lát, nhìn đắm đắm vào bầu trời và cha tôi nói.

- Thôi, vào. Chả thấy cái mẹ gì.

Vợ tôi dịu dàng.

- Thôi, xuống nào.

Tôi lạnh mình vì sự thờ ơ đó. Mọi người đều phải được thấy nó. Mọi người không biết rằng họ chỉ là một trong hàng bao nhiêu tỉ tỉ người đến rồi đi khỏi trái đất này trong hơn hai ngàn năm qua được điểm phúc chiêm ngưỡng nó sao. Tôi vội vàng về chỗ của mình, tôi hồi hải nhìn theo nó. Tôi biết rằng nó đang chậm chậm trôi qua khoảng trời này, trước đôi mắt thần phục và tuyệt vọng của tôi. Cái sao chổi ấy nó biết như thế, thế mà nó vẫn trôi đi.

* * *

Và thế là nó đi mất thật rồi, mất dạng. Tôi cứ ngồi mà lục tìm nó hết trong đám mây này đến đám mây khác, nhưng vô ích. Trên bầu trời lúc này chỉ tuyến những đám mây. Chẳng mấy chốc trời sẽ sáng, những cánh cửa ở những ngôi nhà sẽ lần lượt mở ra, những người chủ nhà sẽ cất những then cài bên tường, tiện tay bóc một tờ lịch nhỏ, trong khi Hale-Bopp đi càng ngày càng xa, lặng lẽ một mình, âm thầm để rồi hai ngàn bốn trăm năm nữa tình cờ nó sẽ quay lại đây, ngang qua trái đất này như đi ngang qua hàng tỉ tỉ những hành tinh nhỏ bé và vô vị khác, mà không hề biết, không hề nhớ nơi ấy những ngàn năm trước đã từng có những ai, có những tên tuổi gì, có những chức vụ gì, có những mưu toan gì, hay đã từng có lưu truyền những câu chuyện kể nào không. Trời sẽ sáng, và mọi chuyện sẽ như thế, nhưng bây giờ hãy còn tối, tôi cần phải ngủ.

Tôi leo xuống thang, tôi chui vào nhà, rón rén nằm xuống, mắt ngược lên chạm phải cái trần nhà còn trắng sáng màu vôi mới. Ngày mai tôi sẽ không được leo lên mái nhà nữa. Ở dưới mái nhà tôi không biết làm gì cho hết ngày, nhưng dù sao tôi cũng nhìn thấy nó rồi, cái sao chổi ấy, nó đẹp thật đấy, và thiệt tình tôi chẳng biết còn phải đợi chờ điều gì hơn thế nữa.

6-1997

Phần IV

Cô gái Dầm Sen
Tình yêu đã mất

Cô gái Đầm Sen

Nguyễn Phan Hách

Ngày ấy Tuệ học trường *Thành Chung* trên tỉnh, xa nhà hơn mười cây số, phải ở trọ. Một lần về quê, tránh nắng, anh khởi hành đi bộ từ gà gáy tỉnh mơ.

Đường cái quan trải nhựa thẳng tắp, hai bên là hồ sen dài xa mênh mông đang mùa nở hoa. Tuệ đi giữa một rừng hoa sen trắng muốt vây bọc.

Sương sớm mù mịt. Gió nhẹ hây hây đem theo mùi sen thơm ngát. Đang đi, trong ánh trăng mờ, Tuệ thấy một cô gái từ đầm sen bên đường bước lên, người ướt đầm, quần áo lụa trắng dính sát, lồ lộ đường nét cơ thể.

- Chào anh. Đường vắng quá, cho em đi cùng với.

Tay cô gái cầm một bó sen trắng. Không biết có phải hoa mắt không mà Tuệ nhìn thấy gương mặt cô gái cũng trắng gần như hoa. Tóc đen dài rũ rượi dính đầy nhị vàng. Tuệ hỏi: "Nhà cô ở đâu?". "Dưới đầm sen này" - Cô chỉ rồi cười vang. Tiếng cười lan vọng trên đầm sen rất xa như một gợn gió mạnh làm những bông sen mở nhị ào ào rụng cánh.

Vừa đi cô vừa nháy nhót, chân không bấn đất, mái tóc bay vẩn vút. Tuệ chưa bao giờ thấy một cô gái đẹp thế. Miệng cười tươi, hàm răng lấp lánh sáng.

Mới đi được một quãng, cô bảo:

- Em nóng lắm. Nóng đến héo cả người mất. Chờ em xuống tắm tắm một cái đã.

Tuệ dừng lại hơi ngượng ngùng. Cô gái trút quần áo xuống vệ cỏ, da thịt sáng bừng lên át cả ánh trăng non thượng tuần. Rẽ hoa sen, cô chìm mình trong làn nước trong vắt.

- Anh ôm quần áo hộ em với, kẻo gió bay mất, chốc lấy gì mặc - Cô bảo.

Bất giác Tuệ đưa tay ôm mở quần áo vào lòng. Quần áo mong manh nhẹ như tơ nhện, trắng như cánh sen.

- Xuống đây tắm với em - Cô gái rủ.

Nhưng Tuệ không dám. Cứ đứng trong sương, khư khư ôm quần áo.

Cô gái bước lên kéo tay. Nhưng Tuệ chần lại, đứng tẩn. Không kéo được Tuệ, cô gái một mình vùng vẫy trên đầm sen. Rồi khi bước lên, tay cầm những bông sen đuổi đánh anh cười khanh khách.

Tuệ bắt đầu thấy sờ sợ. Làm gì có cô gái nào táo tợn quá thế này. Kinh hãi nhất là mỗi lần cô nói hương hoa sen từ miệng phả ra sức nức xộc thẳng vào mặt Tuệ. Làm sao lại như thế được nhỉ? Dưới đầm sen hay có những cô gái đi hái sen ngã chết đuối biến thành *ma đầm sen*. Người ta vẫn bảo thế. Tuệ rùng mình. Anh há mồm kêu và bỏ chạy. Cô gái túm anh lại.

- Sợ gì anh. Em đẹp thế này. Anh sợ vì em đẹp quá à.

- Cô là ma - Tuệ lú cả lưỡi chân tay bủn rủn.

- Sờ vào da thịt em xem có phải ma không?

Cô cầm tay Tuệ đặt lên ngực trần của mình. Bầu ngực nõn nà nóng ấm.

Tuệ ngơ ngợ. Da thịt ma thường lạnh buốt cơ mà.

Cô gái lại cười vang. Tuệ trần trần nhìn thân hình cô. *Ma* làm sao có thể đẹp thế này được. Nhưng *Người* cũng không thể đẹp thế được. Hay là Tiên. Sách "Quốc văn giáo khoa thư" có chuyện Tú Uyên gặp tiên, lấy tiên, đẻ con với tiên, lúc rượu say còn đánh cả tiên...

Tuệ dần bình tĩnh. Muốn chạy cũng không thoát. Phải đi nốt đoạn đường.

Trăng thượng tuần ngày càng lệch dần. Những ngôi sao đang chìm mờ trong sương. Cô gái vẫn vừa đi vừa nháy nhót ríu rít quanh Tuệ.

Quần áo thì đã mặc. Nhưng hình như có mặc cũng như không. Trắng như cánh sen, mỏng như tơ nhện.

- Em muốn gánh gạo lên tỉnh nuôi anh ăn học. - Cô gái nói - Bao giờ thi đỗ làm quan đừng quên em. Nhớ đến tìm em ở Đầm sen này.

Ma sao có thể nói được câu này. Chỉ người trần mới nói được. Hay là mình thần hồn nát thần tính. Đầm sen thường có người canh đêm, sợ khách qua đường hái trộm hoa. Đêm vắng, giữa đường, chả có ai, nên con gái mới dám ra táo tợn thế này...

Đi đến ngã ba, đoạn cuối cùng của hồ sen dài, cô gái dừng lại.

- Bây giờ em lại thấy nóng đến héo cả người. Chờ em xuống tắm.

Lần này cô không rủ Tuệ. Một mình cô vùng vẫy, nô nghịch với những bông sen. Đây là cơ hội Tuệ có thể ụt té chạy thoát thân. Nhưng lạ sao, cứ đứng ngây nhìn, cảm giác tê dại trong người. Có lúc Tuệ đã định cởi áo nhẩy ồm xuống nô nghịch cùng cô. Nghĩ đến chuyện ma "rủi" người chết đuối, anh kìm lại được. Tắm xong, cô gái bước lên nũng nịu.

- Anh mặc quần áo cho em đi.

Tuệ vừa choàng áo lên vai cô thì cô lại phụng phịu:

- Vuốt hết những giọt nước và nhị sen vàng dính trên người em đã.

Tuệ đưa bàn tay đặt lên bờ vai như mảnh trăng. Cô khẽ run nhẹ giụi người vào ngực anh. Tuệ vuốt từ vai xuống eo lưng cô. Xuống đùi cô. Những giọt nước long lanh như những giọt sương tan. Phấn nhị vàng dính trên núm vú hồng. Tuệ thổi nhẹ nhẹ, phỉu những bụi phấn. Cô gái héch mặt lên nhìn trời lim dim mắt.

- Anh vuốt nữa, đừng để sót một giọt nước, một bụi phấn nào.

Tuệ cúi xuống tiếp tục làm theo lời cô nói. Rồi phải ngồi xuống để vuốt trên đôi cẳng chân trắng muốt.

- Xong chưa anh. Bây giờ mặc quần áo cho em - Cô gái cúi xuống, Tuệ đứng dậy, cầm tay cô xỏ vào áo, nhắc chân cô xỏ vào quần...

Chợt một tiếng gà trong làng vọng đến. Cô giật mình đẩy Tuệ ra.

- Thôi. Trời sáng rồi, anh về đi.

- Cô không đi cùng tôi nữa à.

- Không. Đắm sen đến đây là hết rồi, em đi sao được.

Trời đã chuyển sang màu bụng cá. Hình như tia nắng đầu tiên sắp bật lên. Cô gái nhìn anh, mắt cười cười, rồi quay gót. Bất giác Tuệ đưa tay nín lấy vạt áo.

- Anh làm gì thế. Anh làm cho hoa sen bị rách rồi.

Cô gái đẩy nhẹ, mà Tuệ có cảm giác như gió hút người mình đi, không sao mà trần lại được. Còn cô gái thì lùi xa, chân không bén đất. Bóng dáng nhòe tan rất nhanh trong sương.

Tuệ đứng ngẩn ngơ như trời trồng. Hôm đấy về đến nhà, Tuệ như người mất hồn. Những gì vừa xảy ra có phải là giấc mơ không. Tấm áo dài trắng của anh còn phảng phất mùi hoa sen. Và chiếc mũ cát đánh phấn trắng vẫn vương mấy đốm nhị vàng.

Tại sao khi trời sáng, cô gái lại vội vã từ biệt anh. Ma. Nhưng Người thường cũng có thể thế chứ. Bóng đêm, đồng không mông quạnh, cô gái mới dám bộc lộ hết mình.

Cô gái có phải là ma hay không, Tuệ cũng không cần biết nữa. Từ đấy cuộc đời Tuệ luôn mang niềm khát khao gặp lại cô gái đắm sen, nhưng chẳng bao giờ được.

Điều kỳ lạ chỉ có một lần. Hư hư thực thực để suốt đời mơ tưởng.

Đại Yên - Ngọc Hà, 1999

Lá quốc thư

của Hồ Anh Thái

Thế là cuối cùng chúng tôi cũng tới được Thủ đô Malastan. Hai thầy trò. Thầy: Tibor Bucaseli, đại sứ Hamania tại ấn Độ, kiêm nhiệm Malastan. Trò: Chính là tôi, Santo Manna, Bí thư thứ ba, thêm một cái chức danh thêm đẹp là Thư ký đại sứ. Trò thắp tùng thầy tới đây để thầy trình quốc thư lên người đứng đầu nhà nước. Lá quốc thư tôi giữ khư khư trong chiếc cặp ngoại giao xách tay. Cặp nhẹ mà thành ra nặng vì là thư của tổng thống gửi cho tổng thống. Bây giờ ngồi kể lại, tôi vẫn còn thuộc vanh vách nội dung lá thư uỷ nhiệm ấy:

*Kính gửi: Ngài Tổng thống,
Nước Cộng hòa Dân chủ Malastan,*

Thưa ngài,

Tôi bổ nhiệm ông Tibor Bucaseli, một công dân ưu tú của nước Cộng hòa Hamania, làm đại diện cho tôi với tư cách là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Hamania trước Chính phủ nước ngài.

Ông đại sứ hiểu rõ lợi ích chung của hai nước chúng ta và cùng chung mong muốn chân thành như

tôi là củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước.

Phẩm chất cá nhân và năng lực của vị đại sứ khiến cho tôi hoàn toàn tin tưởng rằng đại sứ sẽ thực hiện nhiệm vụ của mình theo cung cách làm cho ngài tổng thống hài lòng.

Xin ngài hãy thiện chí tiếp nhận ông đại sứ và tuyệt đối tin cậy những điều ông phát ngôn nhân danh nước Cộng hòa Hamania, đồng thời xin nhận từ đại sứ lòng mong muốn thiết tha nhất của tôi về một nước Cộng hòa Dân chủ Malastan phồn vinh và hạnh phúc.

Chủ tịch nước Cộng hòa Hamania

(Đã ký)

Bộ trưởng Ngoại giao nước CH Hamania

(Tiếp ký)

Đại sứ không biết tiếng Anh. Ông thuộc lòng nội dung quốc thư bằng tiếng mẹ đẻ. Ông tấm tắc khen lời văn của một bức thư hoàn toàn theo công thức lễ tân là sinh động, là chân thành, là hữu nghị. Tibor không phải là nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Đây là lần đầu tiên ông được gửi đi làm đại sứ. Có lẽ cũng là lần cuối cùng. Người ta bảo ông được cho đi chuyến tàu vét. Từng là bộ trưởng Bộ Nông trang Tập thể, tất nhiên ông có tên trong danh sách những người có hàm bộ trưởng đến tuổi về hưu. Ai nào? Ai dám lên tiếng mời những cây đa cây đề về hưu? Thôi thì lần lượt giải quyết cho các vị ấy một nhiệm kỳ đại sứ. Kết thúc

nhệm kỳ thì đưa các vị bay thẳng từ sứ quán về tư dinh ở nơi cố hương.

Đường công danh của Tibor là một con đường cao tốc tiêu chuẩn quốc tế. Có một ông chú đầy công trạng trong chiến tranh thế giới thứ hai ở Đông Âu. Ông chú ấy là đồng đội của nhiều uỷ viên trung ương hiện nay. Bản thân Tibor thì đi nghĩa vụ quân sự ít năm. Rồi trở thành kỹ sư cơ khí, phụ trách đội máy gặt đập liên hợp của nông trang. Rồi lên giám đốc nông trang. Rồi lên Bộ nông trang. Bốn mươi tuổi trở thành bộ trưởng.

Bốn mươi ba tuổi là năm hạn của Tibor. Ông bị giáng xuống làm thứ trưởng ngay chính trong Bộ nông trang. Chưa tròn một năm thì bị đưa đi làm Chủ tịch Liên hợp các Nông trang tập thể. Du học nhiều, bằng cấp nhiều, nhưng ông vẫn là một người thiếu năng lực. Vì vậy, ông đặc biệt tâm đắc với cụm từ lễ tân trong quốc thư "phẩm chất cá nhân và năng lực của vị đại sứ" khiến cho chủ tịch nước "hoàn toàn tin tưởng".

Chủ tịch nước hoàn toàn tin tưởng ở ông. Ông hoàn toàn tin tưởng ở tôi khi thấy và tớ vừa mới hôm trước hôm sau đã rơi tõm xuống cái thành phố trong thung lũng lòng chảo, núi non trùng điệp vây bọc xung quanh. Ở nơi đất lạ xứ người, có mất có mồm có tai mà phải làm người cảm người điếc người mù thì cảm giác hoang mang bơ vơ lắm. Khi ấy mà có kè kè một gã thông ngôn thì thà chết không buồn. Cũng vì đánh giá quá cao khả năng của tôi mà một buổi chiều, sau khi trao bản sao quốc thư cho ngoại trưởng, ông sứ húng chí ra lệnh:

- Cậu gọi thẳng giặt là xử lý cho tôi bộ complet xám chắc chỉ nội nhật ngày mai sẽ trình quốc thư.

Khẳng định "nội nhật ngày mai" như đinh đóng cột là ông lấn sân của vụ trưởng lễ tân. Và giẫm lên chân chánh văn phòng phủ tổng thống. Còn việc giặt là thì, lạy chúa, ông không đọc được bản thông báo tiếng Anh của khách sạn đặt trên bàn điện thoại ngay ở đầu giường: Khách sạn chỉ nhận giặt là vào buổi sáng hôm nay và trả đồ đã giặt vào sáng hôm sau. Nghe tôi dịch lại, ông lắc đầu đầy hiểu biết:

- Đạo tôi là bộ trưởng tôi đi Thụy Điển ở đấy người ta giặt là suốt ngày quần áo sạch sẽ con người thân thiện mến khách khách sạn quy định thì mặc nó quy định phải có ngoại lệ tôi là đại diện một nước anh em.

Ông là chuyên gia làm món thập cẩm ngôn từ. Nhiều lúc nghe ông nói tiếng mẹ đẻ mà chả hiểu ông nói gì. Đọc một văn bản do ông thảo cũng chả hiểu ông viết gì.

Chả tranh cãi với một người có năm giác quan thì hỏng mất ba vì không nói không đọc không nghe được. Cũng chả nên đứng mãi mà nghe một cái giọng còn rơi rớt tàn tro quyền uy bộ trưởng. Tôi gần như đã làm náo động toàn bộ tổ tiếp tân, tổ dịch vụ mà chẳng ăn thua. Phải tới khi gặp được Hossen, chủ khách sạn. Anh ta còn là giám đốc điều hành. Kể ra cũng có chút phiên toái, chúng tôi phải gửi đi giặt là đột xuất ở khá xa, nhưng với đại sứ từ Hamania tới thì cũng đành.

Chủ khách sạn hóa ra là người hay chuyện. Trẻ. Lịch thiệp. Cởi mở. Tôi thắc mắc rằng tại sao một thành phố năm triệu dân, ba đầu người có một ô tô, ô tô chen chúc như cánh cam với bọ xít trên đường như thế mà ở ngã tư ngã năm vắng bóng đèn xanh đèn đỏ.

Người qua đường mạnh ai nấy chạy, lợi dụng lúc lái xe sơ ý mà chạy thoát thân qua trước mũi xe. Không chạy liều thì không qua đường được. Chủ khách sạn bắt lấy câu hỏi của tôi mà khái quát rằng dân Malastan suốt đời chỉ có chạy. Chạy mới thoát. Câu nói khiến tôi ngờ anh ta đã từng nghiên cứu triết học và là kẻ thuộc phái bất đồng với chính phủ đương cầm quyền.

- Kể ra thời còn quốc vương thì có đủ đèn xanh đèn đỏ đầy thừa ông. Nhưng rồi cách mạng đến. Thế là có tự do dân chủ. Kể cả tự do chạy qua đường.

Tôi đến từ một xứ sở có thói quen quy kết. Trong thâm tâm tôi đã chụp cho Hossen cái mũ cánh hữu thực sự.

Hossen đâu cần biết tôi chụp cho anh ta cái mũ gì. Anh ta thản nhiên giải bày. Như bày cho tôi xem sơ đồ các phòng trong khách sạn, phòng nào đã có người, phòng nào chưa, giá cả từng loại phòng ra sao. Khách sạn bốn sao này được xây từ thời ông nội của Hossen, khi còn cố vương. Anh ta được nhận quyền thừa kế hai năm thì quốc vương bỏ chạy. Nền cộng hòa được thành lập. Chính quyền mới mãi lo đối phó với nhiều thế lực muốn giành quyền, kể cả những lực lượng đấu tranh vũ trang vẫn thỉnh thoảng câu pháo tầm xa từ trên những ngọn núi ven đô vào thành phố. Phát triển kinh tế trở nên không đáng kể. Ai mà dám du lịch ở cái xứ súng đạn ừng oàng quanh năm như vậy. Nghề kinh doanh khách sạn trở nên không đáng kể. Cuối cùng Hossen phải chật vật lắm mới bỏ của chạy lấy người sang Ấn Độ.

- Ở bên Ấn Độ, tôi đọc báo thấy tình hình Malastan đang ổn định - Tôi đưa đây câu chuyện lấy đà để thu nhận thông tin.

Hossen bật cười:

- Ông đọc tờ *Thời báo Malastan* ư? Đây là tờ báo tiếng Anh duy nhất của Chính phủ nước này. Giọng văn bao giờ cũng là ổn định và phát triển.

Dạo tị nạn ở Ấn Độ, Hossen cũng đọc chính tờ nhật báo ấy. Đọc liên vài năm. "Malastan đang ổn định và phát triển". Thế là anh trở về sửa sang nâng cấp khách sạn. Làm ăn được dăm bữa nửa tháng thì pháo của lực lượng kháng chiến câu như mưa vào thành phố. Quân đảo chính chiếm được ba trong số mười hai quận nội thành. Hossen phóng thẳng ra sân bay. Nếu có biến động lớn thì anh vẫn bay được chuyến sớm nhất sang Ấn Độ đoàn tụ gia đình. Anh luôn có sẵn trong người một chiếc vé máy bay chưa diễn ngày giờ cất cánh. Đêm ấy quân chính phủ đẩy lùi được quân đảo chính. Hossen bị đuổi khỏi sân bay, phải quay trở về khách sạn. Mắc kẹt luôn. Xin phép ra đi nhiều lần mà không được.

- Ông đã đăng ký ngày trở về ấn với hãng hàng không chưa? - Hossen hỏi khi tôi chào để về phòng.

- Ngày trình quốc thư chưa được ấn định, chúng tôi chưa thể biết được ngày về.

- Thì hãy tạm đăng ký một ngày nào gần nhất. Nếu chưa xong việc, ông có thể bảo hoãn lại.

Lời dặn dò chu đáo của Hossen làm tôi hoang mang. Nói lại những điều vừa thu thập được với đại sứ, nhất định ông sẽ gạt đi. Cậu lại lấy tin tức sai lệch từ bọn bất mãn. Thông báo của Bộ Ngoại giao ta với Bộ Ngoại giao bạn đều khẳng định rằng tình hình Malastan là vững chắc và không thể đảo ngược. Ông đã nói thế từ khi ở Ấn Độ, lúc các cán bộ ngoại giao sứ

quán gần ông nên hoãn trình quốc thư một vài tháng để nghe ngóng thêm tình hình.

Hôm sau, tôi lẳng lặng đi đăng ký ngày về. Tôi cứ lấy hú họa sau đó năm ngày.

Thực tế là chuyến ấy tôi phải gia hạn vé thêm hai lần năm ngày nữa mà ông sứ vẫn không trình được quốc thư. Hôm trước, ngoại trưởng tiếp đại sứ, nhận bản sao quốc thư, hứa sẽ báo cáo lên để tổng thống sớm tiếp nhận thư uỷ nhiệm. Hôm sau đã thấy báo chí đưa tin ngoại trưởng lên đường đi thăm hữu nghị chính thức một nước bạn Đông Âu. Cái nước bạn Đông Âu ấy là láng giềng của nước tôi. Hai hôm sau nữa báo đưa tin quốc vụ khanh ngoại giao, có vụ trưởng lễ tân tháp tùng, đi thăm thiện chí một nước bạn châu Phi. Cái nước bạn châu Phi ấy cũng là nước bạn của chúng tôi.

Thầy trò tôi ở trong tình trạng bị Bộ Ngoại giao nước sở tại đem con bỏ chợ vô thời hạn.

Đại sứ không chịu ngồi yên. Xin cho tôi gặp trưởng đoàn ngoại giao. Xin cho tôi gặp đại sứ Liên Xô, đại sứ Trung Quốc và đại sứ một vài nước lớn. Xin cho tôi gặp đại sứ Mông Cổ, đại sứ Cuba và đại sứ một vài nước nhỏ. Chúng ta sẽ thu được một bức tranh toàn cảnh về Malastan. Hai người đàn bà và một con vịt thành một cái chợ. Mấy ông sứ với nhau thành nơi buôn chuyện tầm cỡ quốc tế. Tin tức của các đại sứ nhỏ có vẻ khách quan hơn của các đại sứ lớn. Có đại sứ còn bảo tình hình Malastan khác xa ấn tượng mà tờ báo chính phủ gieo rắc cho người đọc. Lập tức ông sứ của tôi buông một câu:

- Lão này hữu khuynh bỏ mẹ.

Tôi dịch sang tiếng Anh cho vị đại sứ bạn:

- Xin cảm ơn những thông tin của ngài.

- Cậu dịch câu ấy đây à?

Ông sứ của tôi tái mặt đi.

Sau một tuần, cuộc sống ở thủ đô Malastan vẫn êm đềm tới mức tôi bắt đầu ngờ rằng cả Hossen lẫn các đại sứ đều nghiêm trọng hóa tình hình. Hossen nhắc tôi xin Bộ Ngoại giao cấp cho một cái giấy đặc biệt để tiện đi lại vì chúng tôi không có sứ quán thường trú ở đây. Tôi xin. Người ta cấp ngay. Một cái thẻ đỏ.

Sự chờ đợi đã bắt đầu bị kéo dài một cách vô lý, không sao hiểu nổi. Bộ trưởng Ngoại giao và Vụ trưởng lễ tân vẫn đi vắng. Mà suy cho cùng thì họ cũng đã báo trước rằng thời gian này tổng thống rất bận, nhưng vì ông sứ của tôi vẫn nằng nặc đòi sang (xong sớm nghỉ sớm) nên họ đành phải "mời ngài cứ sang, chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp". Mình làm mình chịu kêu ca nổi gì. Tôi đã xoay ra hỏi Hossen xem ở đây có những hộp đêm, những trung tâm giải trí theo kiểu Patpong ở Bangkok hay không. Kể ra thời mô ma cố vương cũng có đấy, chẳng kém cạnh ai đâu. Nay thì không. Cách mạng về rồi. Trai gái bất chính bị bắt lần đầu: Năm chục roi. Lần thứ hai: Năm chục roi. Lần thứ ba: Treo cổ. Mà treo cổ cùng lúc cả đôi.

Tôi hết ngo ngoe. Quên hẳn ý đồ tìm nơi tiêu khiển giết thời gian.

Ông sứ của tôi thì chỉ có cách duy nhất tiêu sầu: uống vodka Nga với cá trích nướng. Phòng ốc khách sạn như thế lấy gì mà nướng? Khó chẳng bằng khôn. Những tập sách giới thiệu khách sạn, sách hướng dẫn

du lịch, thực đơn quảng cáo của tiệm ăn, tập giấy góp ý cho khách sạn... Ông vợ tất, đem vào toa lét đốt dần. Mới nướng được ba con cá thì có tiếng chạy rầm rập bên ngoài. Rồi chuông cửa kêu liên hồi. Ông hoảng hồn tống hết tàn tro vào bồn toa lét, xả nước, rồi mới mở cửa. Hơn chục người nhao nhao trước cửa, ra hiệu đòi vào phòng. Chẳng hiểu họ nói gì. Ông sử dưng ngôn ngữ chân tay bảo họ đứng yên đấy, rồi chạy sang bấm chuông gọi tôi.

- Cậu ra xem chúng nó hỏi gì mà cả lũ đầu trâu mặt ngựa đứng đầy trước phòng tôi thế kia?

Đám đầu trâu mặt ngựa có đủ giám đốc khách sạn, bà quản trị trưởng, đội trưởng bảo vệ và bốn nhân viên tay xách bình cứu hoả.

- Phòng này đang có hoả hoạn, xin ngài cho chúng tôi vào chữa cháy - Hossen cuống quýt nói.

Tôi dịch lại cho ông sử.

- Không không cháy gì cả bảo chúng nó vào mà xem.

Quả nhiên phòng ở nguyên vẹn. Sạch bong. Để ý kỹ mới thấy một màn khói trắng xanh giăng mờ trong phòng. Trên mặt bàn có ba con cá nướng. Chúng nằm ngác ngơ. Vô tội.

Đâu phải chỉ thế mà xong. Ít ra phải có một lời giải thích cho cả ban quản lý khách sạn đã hộc tốc chạy lên tận tầng mười hai. Họ đã nghe còi báo hoả hoạn rít lên và đèn đỏ báo hiệu toạ độ là phòng 1223. Thế này nhé thưa các ông các bà, ông sử của tôi ưa nhắm rượu với cá trích nướng. Đây, chai vodka đây. Nồng độ rất cao. Chỉ rót một chút rượu này vào cái gạt tàn, châm một que

diêm là có lửa để nướng cá, cá nướng xong thì gạt tàn cũng sạch bóng. Không để lại dấu vết.

Đám đông thở phào, xin lỗi ngài đại sứ rất nhiều lần để đi.

Tôi cũng chia tay ông luôn. Để ông ngồi lại một mình với ba con cá trích và một ly rượu. Tâm hồn cô đơn ấy muốn tìm về ký ức xa xưa, khi ông được đích thực là ông, kiếm một chỗ ngồi bên đụn rơm ở trạm máy gạt đập nông trang, giải sầu với chút rượu và mấy con cá nướng lửa rơm.

Tiêu sầu mà sầu chẳng vội. Cái sự cố đêm ấy hình như còn làm ông sứ diên lên. Sáng hôm sau ông xồng xộc gọi tôi, bắt tôi đi với ông lên vụ lễ tân ngay lập tức. Đại sứ lên bộ ngoại giao không có điện báo hẹn trước, đường đột vậy sao? Không sao hết, tôi vốn giản dị, tôi vốn bình dân, gọi điện cho chúng nó, thế nào chúng nó cũng tìm cách trì hoãn không tiếp.

Hóa ra là vụ trưởng lễ tân mới đi công cán về chiều hôm trước.

- Cậu bảo lão ấy tôi rất phiền lòng đợi mòn mỏi ở đây gần hai tuần chẳng ai ngó ngang tới trình quốc thư được thì trình không thì bảo một tiếng tôi về bao nhiêu trọng trách cao cả đang chờ.

Ông vụ trưởng xin lỗi vì hiện tại có quá nhiều hoạt động đối ngoại nên để ngài đại sứ chờ đợi hơi lâu. Xin ngài hôm nay thường trực ở khách sạn chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp để ngài trình quốc thư trong thời gian sớm nhất.

- Nói thế là thế nào trả lời một tiếng được hay không được thế thôi lèm bèm nhiều thế.

- Cảm ơn ngài vụ trưởng - Tôi dịch - chúng tôi hy vọng sẽ không phải chờ lâu nữa.

Ông và tôi ngồi chờ ở khách sạn. Chờ suốt buổi trưa chờ sang buổi chiều. Chỉ một cú điện thoại khẳng định sẽ chấm dứt sự chờ đợi tù mù vô vọng. Đoán già đoán non rằng sẽ được trình quốc thư vào sáng ngày mai. Chiều mai cũng được, chậm lắm là vào ngày kia.

Ba giờ ba mươi phút chiều, ông sang phòng tôi, vẻ tuyệt vọng và ngán ngẩm. Miệng chúng nó nói hai nước anh em mà chúng nó muối mình ở đây mãi như muối dưa chuột, muối đến mặn khú ra. Còn có một giờ nữa là văn phòng đóng cửa, chắc sẽ chẳng có chương trình gì mới. Thôi thì cậu ngồi trực ở nhà. Tôi ra phố cho thư giãn đầu óc, ngồi mãi trong phòng ở tình trạng này đến phát điên lên mất.

Ông nói thế tức là chẳng giữ được ông.

Ông sứ đi chừng mười phút thì chuông điện thoại reo.

- Vụ lễ tân xin thông báo: Vào lúc bốn giờ mười lăm phút chiều nay đoàn xe của Bộ Ngoại giao sẽ có mặt tại khách sạn để đưa đại sứ lên phủ tổng thống trình quốc thư hồi bốn giờ ba mươi phút.

Tôi hoảng thực sự:

- Thưa ngài, đại sứ hiện không có ở khách sạn.

- Lay chúa, đại sứ đi đâu? - Vụ trưởng lễ tân còn hoảng hơn tôi. - Bao giờ ngài quay về?

Giữa một thành phố lạ, có tới năm triệu dân, điều đó tôi phải hỏi ông mới đúng.

Số phận đã định đoạt rằng ông sứ của tôi không thể trình quốc thư ở Malastan được. Sáng hôm sau, qua

tường thuật của báo chí mới biết chiều hôm qua tổng thống tiếp một thủ tướng và một ngoại trưởng đang ở thăm Malastan. Đích thực là bốn mươi phút giữa hai cuộc tiếp đó, tổng thống đã dành để nhận quốc thư của nước Hamania chúng tôi. Ông làm tổng thống ở một nước không có phó tổng thống. Không có cả thủ tướng điều hành. Phải thông cảm cho ông.

Cũng trên trang nhất có cái tin khác điếng người hơn: Tổng thống đi thị sát ba tỉnh cao nguyên Đông Bắc. Tin kèm theo ảnh lễ tiễn tổng thống ở sân bay. Không một dòng thông báo ngày tổng thống trở về.

Đành yên tâm nghỉ mát ít nhất một tuần nữa. Tôi cứ việc đi mà tán gẫu với Hossen về những khu hộp đêm giải trí. Ông cứ việc uống chỗ vodka mang theo với cá trích nướng. Ông đã bắc ghế leo lên dùng mùi xoa bịt quanh cái ống thu nhận khói trên trần. Giá mà bây giờ ông có đốt cả phòng thì hệ thống báo hoả hoạn tự động vẫn câm tịt.

Buổi tối, ông gọi tôi sang phòng ông cùng nhấm nháp. Để trút bầu tâm sự thì đúng hơn. Ông vừa đến đây từ một đất nước đầy nghi lễ từng bừng và long trọng là Ấn Độ. Ở bên ấy đại sứ trình quốc thư ngồi xe song mã đi vào phủ tổng thống, có đội kỵ binh tháp tùng. Cũng được cử quốc ca như đón rước một nguyên thủ quốc gia. Cũng đi duyệt đội danh dự như một nguyên thủ quốc gia. Cũng được tiếp kiến tổng thống như một nguyên thủ quốc gia. Lễ trình quốc thư được ấn định ít nhất là trước một tuần. Thậm chí còn phải đến sớm tập dượt chút ít.

Đâu phải chỉ là mấy chục phút chen ngang lấp chỗ trống như ở đây.

Gần sáng súng lớn súng nhỏ nhất loạt nổ dậy đất. Tôi vô lấy chiếc cặp đựng tài liệu chạy sang phòng ông. Trong đài đang ra rả buổi phát thanh *Cuộc sống mới*: "Mùa xuân đã về trên đất nước Malastan ổn định và không ngừng phát triển". Hossen ập vào.

- Chạy ra sân bay đi, các ông. Cuộc đảo chính này lớn chưa từng có.

Chúng thực cho lời anh ta, một phát đạn tầm xa bắn tan tành một phòng lớn ở phía trên chúng tôi mấy tầng lầu. Tòa nhà rung lên như động đất.

- Không đi đâu cả mọi hoạt động sẽ trở lại bình thường.

Ông sứ hét lên.

Bản nhạc trong đài tắt phụt. Rọt rẹt chốc lát. Rồi một cái giọng khê nồng sắc mùi thuốc súng vang lên đầy hăm dọa:

- Quân đảo chính đã chiếm được đài phát thanh. Chúng tôi kêu gọi quân chính phủ buông súng đầu hàng.

Tôi dịch lại.

- Thế thì chạy thôi - Ông sứ phẩy tay.

Hossen đã chuẩn bị sẵn một chiếc cressida. Một chuyên gia bỏ chạy khi có sự biến. Trong người lúc nào cũng có sẵn một tấm vé máy bay. Đoạn đường ra sân bay thì thuộc hơn sơ đồ trong khách sạn. Xe lao vun vút qua những ngõ hẻm lắt léo mà không hề dậm vào những toán người chạy loạn. Hễ thấy đoạn đường trước mặt bị tắc, anh ta lập tức cài số lùi. Xe vùn vụt lùi lại. Tốc độ nhanh hơn cả lúc tiến. Lao tới. Lùi lại. Tạt sang

trái. Sang phải. Một lát sau chúng tôi đã xông vào con đường chính dẫn đến sân bay. Lúc này là cả một cuộc đua tranh cướp đường của xe hơi.

- Ông cầm thẻ ưu tiên ngoại giao ra tay.

Hossen hét tôi.

Vừa lúc chiếc xe phanh giật trước barrier. Tôi chìa cái thẻ đỏ cho đám lính gác sân bay. Tôi giới thiệu đại sứ, giới thiệu mình, giới thiệu Hossen là lái xe riêng. Xe lao vào bãi để xe đúng lúc mọi người như bị nẩy bật lên. Một cột lửa kèm theo tiếng nổ đinh tai nhức óc. Một chiếc xe trúng đạn cháy ngùn ngụt khi còn một quãng dài mới đến trước barrier. Tức là chúng tôi vẫn chưa tới số.

Chúng tôi chạy lúp xúp ra khỏi xe, theo chân Hossen. Mới được vài bước thì nghe có tiếng quấy đập thình thình trong cốp xe. Tôi gào lên báo cho Hossen biết.

- Không có gì đâu - Anh ta gào trở lại giữa lúc vẫn khom người chạy len lách trong bãi để xe. Tiếng đập trong cốp xe mạnh hơn. Kèm theo tiếng phụ nữ kêu cứu. Tôi quay ngoắt trở lại xe, ấn cái công tắc mở cốp. Một cô gái mặc đồ đen đẩy nắp cốp bật dậy. Tôi lôi cô ta ra nhanh. Lôi chiếc ba lô du lịch. Lôi theo một hộp đàn nhỏ, chắc là một cây đàn violon. Tôi kéo phắt cô ta theo Hossen và ông sứ đang chạy đằng trước. Chẳng cần biết cô ta là ai. Thấy người hoạn nạn thì phải giúp. Thế thôi.

Hành khách trong phòng chờ đổ xô đến, quây lấy chúng tôi. Dễ hiểu. Chúng tôi thuộc số những người đầu tiên chạy thoát khỏi thành phố vào sân bay. Tôi xua tay, từ chối việc cung cấp tin tức. Biết đâu vào với đâu mà thông tin. Tôi kéo tay ông sứ đi tìm quây đại lý của hãng hàng không. Cô đại lý mỉm một nụ cười mê

hồn. Những người như cô được dạy dỗ để mỉm cười mê hồn trong mọi lúc, kể cả khi có chết đến đuôi rồi. Cô ta đồng ý đưa chúng tôi vào danh sách chuyến bay đầu tiên. Tất nhiên là khi nào chuyến đầu tiên được phép cất cánh.

Ngay lúc ấy loa phóng thanh trong phòng đợi vang lên một thông báo: Quân đảo chính đã phong tỏa xung quanh sân bay. Máy bay ở đâu phải ở yên đấy. Không được cất cánh cho tới khi có lệnh mới. Trái lệnh, máy bay sẽ bị bắn cháy.

Ông sứ bây giờ mới đủ hơi để cần nhàn. Buổi sáng rồi sứ quán ở Ấn Độ để sang đây, ông thấy một con mèo đen lẩn quất trong vườn. Nhưng ông là người duy vật, ông không tin chuyện nhảm nhí, ông đã không nói.

Tôi định tiếp vào cái dòng luận về số phận của ông bằng chuyện khi đã bay trên độ cao mười ngàn mét, tôi để ý thấy mấy cô chiêu đãi viên liên tục làm dấu cầu nguyện. Trước đó thì họ đã xịt thêm thuốc khử mùi trong khoang hành khách. Lúc máy bay hạ cánh an toàn ở sân bay Malastan, trên đường băng một chiếc xe hòm của công ty nghĩa trang đang chờ sẵn. Thì ra chuyến ấy chúng tôi đồng hành với một mạng người xấu số tha hương...

Nhưng tôi đã không kể. Tôi thương cái tâm trạng bơ vơ hoảng loạn của một ông già sáu mươi trong lúc bom đạn bùng nổ xung quanh. Người duy vật như ông nhắc chuyện con mèo đen đã là thú nhận sự sa sút tinh thần lắm lắm.

Tôi dẫn ông sứ đi qua những phòng ốc thênh thang ở khu nhà chờ để tìm ghế ngồi. Sân bay là ấn tượng đầu

tiên và ấn tượng cuối cùng về một đất nước. Đây là nói cảm tưởng của một khách nước ngoài. Sân bay của cái đất nước nghèo thường xuyên có binh lửa giữa các phe phái này quả là một sự phô trương xa xỉ. Từ tầng trên xuống tầng dưới, qua hệ thống cầu thang trôi, qua những băng truyền và lớp lớp những gian hàng miễn thuế, phải đi bộ đến hơn một cây số qua những đại sảnh sáng choang, chúng tôi mới tới cửa số 12. Cửa số 12 dành cho hành khách đi Ấn Độ. Đến đây thì tìm được ghế ngồi cho đại sứ. Đúng hơn là khi chúng tôi đang quét một cái nhìn khắp căn phòng đông nghịt, người đứng đứng túm tụm, người ngồi ngồi cả xuống sàn, thì một phụ nữ chợt đứng dậy:

- Chào anh, cảm ơn anh rất nhiều.

- Cô đấy à?

Gần như đã quên mất cô gái trong cốp xe thì cô lại hiện ra. Hơn thế, cô có hẳn hai cái ghế ngồi và chìa tay nhường ghế cho tôi.

- Tôi không đi một mình. Ta mời ông đại sứ ngồi vậy.

Ông sứ ngồi ngay. Không khách khí trước phụ nữ. Ông từng giữ những chức vụ quan trọng. Những chức vụ ấy quen được ưu tiên, được săn đón, được trọng đãi.

Tiếng súng vẫn còn nổ. Nhưng nổ thưa thớt hơn. Cô gái trải xuống sàn một chiếc khăn và mời tôi ngồi. Sân bay thời chiến. Thì ngồi vậy. Đây không phải là phòng chiêu đãi ngoại giao.

Cô gái tên là Roza. Cha mẹ cô sang làm ăn ở Anh. Sau đó một năm, quốc vương bỏ chạy và chính quyền mới được thành lập. Thế là cô bị mắc kẹt lại đây. Bao

nhiều lần cha mẹ cô làm đơn kêu xin cho cô ra đi, nhưng đều không được chính quyền cho phép. Lần đảo chính hụt năm ngoái, Roza cũng chạy được ra tới đây với một chiếc vé máy bay mua sẵn. Dân Malastan hề có đủ tiền là ai cũng thủ trong người một chiếc vé máy bay như thế. Roza đã chịu đói chịu rét hai ngày trong nhà chờ. Rủi cho cô, cuộc đảo chính bị đập tan và cô bị xua trở lại nhà. Nhà cô ở gần khách sạn. Sáng nay cô đã chui vào cốp xe của Hossen. Vì biết thế nào anh ta cũng phi ra sân bay. Vì còn biết anh ta sẽ không cho đi nhờ. Hossen không phải là người xấu. Chỉ là vì dân Malastan tin rằng vận may cùng lúc với hai người thì vận may giảm đi một nửa.

Tôi nhìn lại Roza. Da trắng. Lông mày và lông mi đều đen nhánh rậm rạp quanh cặp mắt như hai hồ nước. Như một cô gái Ba Tư. Như một cô gái Ấn Độ. Nhìn đủ biết đây là con cháu của dòng giống Aryan oanh liệt thời xưa.

Bữa trưa hôm ấy, hành khách phải xếp hàng nhận khẩu phần. Một hàng người dài dằng dặc. Đói. Mệt. Thảng thốt. Phần ai người ấy lĩnh. Lĩnh được rồi thì nghe tuyên bố là thực phẩm trong sân bay đã cạn, bữa tối không còn gì để phát. Lĩnh được rồi quay lại thì mất ghế ngồi.

Súng lại nổ dậy xung quanh. Roza bảo lần trước quân đảo chính còn cho máy bay ném bom thành phố. Thế thì ngồi ghế hàng hoàng có khi lại nguy hiểm đến tính mạng. Tôi dắt ông sứ đi theo Roza, đến ngồi dưới một cái găm cầu thang. Chúng tôi không phải là người khôn sớm nhất. Đã có nhiều người ngồi ở đó từ trước rồi.

Ông sứ bắt đầu có cảm tình với Roza. Vì cô nhanh

nhện hoạt bát. Vì buổi tối khi chúng tôi đói ngấu, cô đã lấy ra hai ổ bánh mì kèm bơ và muối để cứu đói. Cô mang theo thực phẩm dự trữ đủ sống ba ngày. Có nghĩa là số thực phẩm ấy đủ cho ba người trong một ngày nữa.

Đêm xuống. Trong phòng đợi chỉ còn đôi ba ngọn đèn mờ mờ. Người ta không dám để đèn sáng trưng giữa lúc vẫn còn giao tranh trong thành phố. Ông sứ đã thiêu thiêu ngủ.

Roza mở hộp đàn cho tôi thấy một chiếc violon nâu bóng.

- Anh xem này, cây đàn này là số phận của em. Lần ba mẹ em đi London, nào có ai nghĩ rằng sẽ phải ly biệt lâu đến thế. Trước hôm ấy, em đang chơi đàn cho ba mẹ nghe thì đứt mất một dây. Lần đảo chính mà em đi không thoát cũng thế, quay về nhà mở hộp thì thấy dây đứt hết từ lúc nào.

Mấy ngọn đèn nhỏ đột ngột tắt nốt. Cả sân bay chìm trong màn đêm đen đặc.

- Santo, anh thích bản nhạc nào nhất? - Roza hỏi.

- Xem nào, để anh nghĩ. Có lẽ là sonat *Bi thương* của Beethoven.

- Không, nhưng không phải là khúc ấy bây giờ.

- *Khúc hát hàng Solvejg* vậy.

- Thế thì coi như em đang chơi cho anh nghe bài ấy.

Tôi nghe thấy thật. Dù Roza không nâng đàn lên. Không hề chạm tay vào dây đàn. Âm thanh ấy trên cả âm thanh. Xuyên qua bóng tối. Nhỏ từng giọt từng giọt da diết vào hai tâm hồn hòa đồng cách cảm.

- Thôi thì bây giờ là khúc *Bi thương*. Anh có nghe thấy không?

- Nghe thấy. Anh có nghe thấy.

Tôi tìm vai cô trong bóng tối, siết chặt vào lòng.

- Santo, em ghi cho anh địa chỉ cha mẹ em ở London. Chẳng may nếu em không đi thoát, anh viết thư liên lạc với ba mẹ em.

- Em sẽ đi được.

- Không, mọi khả năng đều có thể xảy ra. Khi ấy anh không thể viết về địa chỉ của em ở đây. Ba mẹ em đã viết hàng trăm lá thư mà em không nhận được thư nào.

Cả sân bay nhói lên, tiếng rít đánh nhọn của những quả tên lửa bay ngang đầu.

Tôi quờ tay lần tìm một tờ giấy trong chiếc cặp xách tay, đưa cho Roza. Cô kê tờ giấy lên chiếc cặp, lần mò vạch từng nét vào tờ giấy. Mãi lâu sau mới xong. Tối như bưng lầy mắt. Tôi không biết cô đã viết gì. Cô cũng không đọc lại được những gì đã viết.

Khoảng ba giờ sáng, đột ngột hệ thống đèn điện chớp nháy rồi sáng bừng lên. Tiếng loa vang vang làm tất cả choàng dậy nhốn nháo. Quân đảo chính đã làm chủ thành phố. Chính phủ đã đầu hàng vô điều kiện. Các chuyến bay được phép bắt đầu thực hiện bình thường.

"Riêng công dân Malastan không được phép rời đất nước đến khi có lệnh mới".

Câu cuối cùng này mới thực sự làm chấn động cả nhà chờ như một vụ đánh bom. Có tiếng những người đàn bà kêu khóc hoảng loạn. Lực lượng cảnh sát cửa khẩu đã bỏ trốn sạch từ lúc nào. Một đám quân đảo chính nồng nặc mùi thuốc súng xông vào nhà chờ để thay thế. Tay lăm lăm những khẩu tiểu liên cực nhanh.

- Em cứ đi cùng anh.

Tôi bảo Roza. Và thắt lại chiếc khăn đội đầu cho cô. Chiếc khăn che bớt đi một phần khuôn mặt. Roza đeo thêm cặp kính râm.

- Người quen sẽ khó nhận ra em hơn.

Roza run run nói.

- Tôi cầm cả ba tấm phiếu lên máy bay chìa cho người lính trước cửa phòng cách ly. Như thế nhóm chúng tôi có ba người. Đám lính này chắc chắn là giỏi chiến trận, nhưng chưa kịp làm quen với thủ tục sân bay. Họ coi hộ chiếu như một thứ trang sức thừa, không thèm ngó tới.

Chúng tôi vào được phòng cách ly.

Trong căn phòng được coi như hết phần lãnh thổ của một nước cảnh tượng chẳng khác gì cối hỗn mang. Người ta xô đẩy nhau, cào cấu nhau, thét vào mặt nhau như đã phát rồ. Rõ ràng trong số họ có rất nhiều công dân Malastan giả dạng. Đi được hay không đối với họ là chuyện sống còn.

Tôi đẩy ông sứ đi trước, Roza đi sau ông. Bản thân tôi thì khóa đuôi. Che chắn cho họ trước dòng người đang dồn lên, thúc lên, phình lên từ phía sau.

- Đây là đại sứ Hamania.

Tôi hét vống lên với hai người lính đứng chắn trước cửa ra máy bay.

Roza đi liền theo, như thể phu nhân của nhà ngoại giao.

Cả ba người vừa bước được bước đầu tiên vào hành lang dẫn lên máy bay. Tôi thoáng thấy Hossen đã đi thoát vào khoang hành khách. Thành lính sau lưng có

tiếng một người đàn bà rú lên như bị xẻo thịt. Quân bảo vệ vừa phát hiện ra rằng bà ta là người Malastan. Trong cuộc giằng co, một tên lính giáng vào mặt bà ta một báng súng. Người đàn bà đổ vật xuống chắn ngang cửa, gào khóc cuồng dại.

Hộp đàn trong tay Roza rơi xuống.

Nắp hộp bật tung, phơi lộ một cây vĩ cầm vừa đứt hết dây. Tiếng rùng rùng của những dây đàn kêu lên một lần cuối trước khi lặn xuống vĩnh viễn trong cõi âm thanh mơ hồ.

Roza nói đúng. Cây đàn là số phận cô.

Roza run rẩy cúi nhặt hộp đàn. Chiếc khăn đội đầu tuột xuống và cô hiện ra lồ lộ không sao che giấu.

- Kia kia - người đàn bà ôm bộ mặt đầy máu lẫn lộn như hóa điên - Nó cũng là người Malastan. Chúng mày để cho nó đi. Chúng mày giữ bà lại. Chúng mày đàn áp bà.

Tức khắc hai tên lính khác vọt tới, gạt phăng tôi ra, túm lấy Roza, lôi trở lại. Tôi điên lên, định lao theo chúng.

- Santo đi ngay.

Đại sứ dần giọng.

Tôi chững lại. Roza đang bị hai tên lính lôi xềnh xệch. Cặp kính râu đã rơi. Đôi mắt cô nhìn tôi thất thần tuyệt vọng.

Tôi lơ đãng bước theo một bước.

- Santo mặc kệ nó không làm gì được đâu cậu đứng lại chết cả nút bây giờ.

Đống ngôn từ thập cẩm giạt phất tôi ra khỏi trạng

thái u mê. Tôi đành đi giặt lùi mấy bước theo ông, mắt vẫn dõi nhìn về phía Roza đang bị lôi đi xa dần.

* * *

Thầy trò chúng tôi về đến Ấn Độ áo quần còn sặc mùi thuốc súng. Hay là tôi bị ám ảnh bởi mùi thuốc súng ấy. Dù sao tôi cũng gửi ngay quần áo đi giặt.

Cả sứ quán lẫn bộ ngoại giao Hamania đều tỏ ra thông cảm với hai thầy trò đi trình quốc thư hụt. Thông cảm và nương nhẹ. Có người còn bảo may mắn vì đã không kịp trình quốc thư. Trình quốc thư rồi thì có phần khó ăn khó nói với cái chính phủ mới mà triển vọng rất đáng ngờ kia. Quốc thư không trình được đã đành, lá quốc thư cũng rơi đầu mất, không còn để đem trả lại. Chuyện này cũng được xí xoá sau cơn biến loạn chúng tôi đã trải.

Tôi cũng không giữ được địa chỉ của cha mẹ Roza ở London.

Phải mấy tháng sau tôi mới thấy một mớ giấy trong túi áo complet. Sau khi áo được hấp tẩy giặt khô giặt ướt, tờ giấy gấp tư đã bị tẩy gần hết màu mực. Chỉ còn đọc được đôi dòng dứt đoạn: "Phẩm chất cá nhân và năng lực của vị đại sứ khiến cho tôi hoàn toàn tin tưởng...".

Mặt bên kia tờ giấy là những dòng chữ viết tay nhoè nhoẹt. Hóa ra là nét chữ của Roza. Cái địa chỉ không thể nào khôi phục được nữa.

II

Tôi không ngờ hai năm sau có dịp quay trở lại Malastan. Trong hai năm ấy, hễ nghĩ tới Malastan là tôi lại nhớ Roza. Cô đã được rời khỏi đất nước để đoàn tụ gia đình hay chưa?

- Thưa ông, chắc là chưa đâu. Từ khi chính phủ mới lên cầm quyền thì đến con kiến cũng không lọt qua khỏi đất nước này được.

Anh chàng dọn buồng trả lời như vậy sau khi tôi đã đưa cho anh ta năm đô la. Tất nhiên là sau khi anh ta đã bật cả ti vi và đài cho nói oang oang. Động tác thành thạo của người biết trong phòng có thể có gắn máy ghi âm.

Tôi đưa cho anh ta năm đô la nữa để hỏi về những cô Roza ở gần khách sạn. Đây cũng chính là khách sạn tôi đã ở hai năm trước. Nhưng hồi ấy ông chủ Hossen đã thoát sang Ấn Độ cùng một chuyến máy bay với tôi. Đi đâu thì chỉ có trời biết. Hầu hết đám nhân viên cũ của khách sạn cũng tan tác khắp nơi rồi.

- Tôi sẽ hỏi quanh đây, thưa ông - Anh ta nháy mắt ra ý hiểu - Người xưa kể cũ thì cứ nên tìm. Còn thì... kiếm cho ông một cô gái khác không khó lắm đâu. Chỉ cần hai chục đô la.

Chưa cần đợi anh ta đi tìm hỏi, hễ có lúc nào tách được khỏi ông sứ là tôi lại lang thang một mình qua những dãy phố xung quanh khách sạn. Roza bảo nhà cô ở gần khách sạn. Cửa chính đóng im ỉm. Các tầng trên, cửa sổ cũng đóng im ỉm. Như những con mắt tối. Đôi ba bóng phụ nữ lạng lẽ lướt trên vỉa hè, áo choàng đen

lùng nhùng. Vuông khăn đen kéo che ngang mặt. Chỉ còn hờ đôi mắt. Biết tìm Roza ở đâu bây giờ?

Hai ngày sau, anh chàng dọn buồng lại đến, không phải để thông báo một manh mối gì mới. Thưa ông, ông đại sứ cho tôi năm đô la và hỏi hình như ông đang tìm kiếm gì đó ở thủ đô Malastan này. Ghê gớm thật, gã tỏ ra rất biết cách làm tiền, chứ chỉ trông chờ vào tiền pourboire khách để lại phòng thì được bao lăm. Tôi đưa cho gã bảy đô la. Cũng không lấy gì làm lạ về ông sứ mới của mình.

Đại sứ hơn tôi chừng mười tuổi, tức là một ông sứ ở tuổi bốn mươi. Một ông sứ thế hệ trẻ. Hôm sang đến sứ quán để nhận bàn giao, ông ta xuýt xoa cung kính với đại sứ cũ những lời gan ruột. Chúng em thuộc lũ hậu sinh, chúng em tài hèn phận mỏng, chúng em chẳng đáng xách dép cho các anh, nay nhờ thời thế mà được đổi gác cho các anh, dám đâu qua mặt. Tôi vẫn hiểu con người có một thuộc tính là thích nghe nịnh và thích nịnh. Nhưng mà tâng bốc khen nịnh vô mặt như thế, lại buông tuồng trước tất cả cán bộ nhân viên sứ quán thế ư?

Nhưng cũng chỉ được hôm trước hôm sau. Vừa mới khuất mắt đại sứ cũ thì ông sứ mới đã oang oang rằng thằng già này vốn ăn phải một thứ quả đại ngu, tớ đã từng phiên dịch cho hắn tiếp một bộ trưởng người Canada, tớ biết. Còn ở một sân bay quá cảnh, hắn một tiểu đúng lúc người ta đang ngăn các lối đi để đón một nguyên thủ quốc gia đi qua. Hắn phát cuồng lên, định chạy tắt ngang qua thảm đỏ đến phòng vệ sinh. Cảnh sát đẩy hắn bật trở lại. Ngoại ngữ không biết, hắn gào

lên, tay khua khoảng chỉ về phía toilet rồi chỉ vào "của quý" của mình, ra hiệu cần cấp tốc giải thoát cho cái của quý ấy, rằng trên người tôi chỉ có của ấy, không có bom mìn lựu đạn gì cả.

- Nhưng bây giờ thì khác. Bây giờ là thời của chúng ta. Đổi mới rồi. Perestroika rồi. Glasnost rồi. Không có đổi mới thì tôi đâu sang được tới đây.

Chuyện này thì đúng. Gió giật từng cơn đổi mới khắp Đông Âu chúng tôi. Người Đông Âu khắp khối đón chờ. Phập phồng lo khi nó tới gần. Rồi hoảng loạn tơi tả khi cơn bão ập xuống đầu. Đất nước Hamania của tôi may mà chưa gặp bão. Thành trì anh cả vẫn còn đó. Hamania vội vàng cải tổ, vội vàng dọn dẹp chống bão. Đại sứ mới được bổ nhiệm Imre Tunga được gửi đi vào lúc người ta muốn dùng thế hệ trẻ đi dọn dẹp. Tunga sắp sửa lên đường thì bị vợ cũ viết một cái thư cho Bộ Ngoại giao, tố cáo những chuyện về nhân cách. Như ngày trước thì ông sứ bị ách lại ngay. Giờ đây ở thời đổi mới, người ta coi đấy là chuyện vụn vặt, chuyện sinh hoạt, chuyện đục cái muôn thuở của giống người.

Tôi biết tất cả những chuyện đó. Cái khổ của tôi là biết. Không biết sao được khi hồi ấy người ta nhốt cả mớ cán bộ ngoại giao chúng tôi vào một cái sứ quán nhỏ như bao diêm ở London. Chung chạ liên cửa sát vách thì thành ra trại lính. Phòng tôi cạnh phòng Tunga. Nhìn mặt nhau suốt ngày ở phòng làm việc. Nhìn mặt nhau ở cả bể bơi, ở sân quần vợt sau nhà... Một lần, phải trao đổi với nhau về câu chữ trong bản báo cáo tình hình gửi về nước, tôi sang phòng Tunga vào giờ đã hẹn, được phép tự mở cửa đi vào. Thế mà

phải ngồi chờ ở phòng khách, nghe tiếng đàn ông đàn bà hỗn hển rú rít từ phòng ngủ vọng ra vì Tunga chưa xong công đoạn cuối cùng. Ngân sách eo hẹp của đất nước không cho phép một nhà ngoại giao như Tunga mang theo vợ con ra nước ngoài. Anh ta phải bắt bó với Violetta, cô gái đồng hương làm thuê cho một tiệm ăn ở London. Họ yêu nhau thắm thiết đến mức đáng ái ngại. Được mời tới dự chiêu đãi tại nhà một người bạn, họ không ngần ngại hỏi chủ nhà xem phòng ngủ ở đâu, rồi đâm bổ vào đó khi bức bách.

Vợ Tunga thoang thoáng biết chuyện. Ba máu sáu cơn nổi lên. Chị ta bỏ tiền túi ra mua vé cho hai mẹ con sang sứ quán. Kèm riết chồng. Violetta vẫn đến. Bây giờ không vào phòng Tunga nữa, mà ra sân quần vợt với các nhà ngoại giao. Cô có những đường bóng hiểm hóc. Đám ngoại giao kẻ này tiếp sau kẻ khác liểng xiểng thua chạy ra khỏi sân. Một tay cầm vợt, một tay chống nạnh, Violetta quét cái nhìn khắp các nhà ngoại giao bong gân trật khớp, hỏi vóng một câu: "Còn anh nào vào nốt cho em nghỉ?"

Nghỉ làm sao được. Tunga đã về tới, sau khi đưa vợ con đến câu lạc bộ bơi, hẹn hai giờ sau quay lại đón, rồi phóng xe đi "lên Bộ Ngoại giao". Tunga và Violetta đưa nhau vào phòng được một lát, thì vợ con Tunga về. Bể bơi hôm nay thay nước, hai mẹ con phải tự đi taxi về. Đập cửa thình thình. Mấy phút sau Tunga mới ra mở cửa, áo quần đầy đủ. Chỉ có hai mống với nhau trong phòng mà mãi mới mở được cửa, thế cũng là tự tố cáo. Thế cũng coi là một bằng chứng được.

Vợ Tunga dùng dùng mang con bỏ về nước. Năm sau chị ta đâm đơn xin li dị.

Cũng vào lúc ấy, Violetta sinh con gái. Cô ta mang con đến sứ quán đòi ở chung với Tunga. Anh ta nhất định không chịu. Cô ta trả con. Tunga không nhận con. Kêu gào mãi mà lãnh đạo đại sứ quán không sao giải quyết được, Violetta đem con bỏ trước cô nhi viện. Tuần sau tỉnh trí, cô ta tới tìm lại con thì không tìm được nữa.

Cô gái bỗng chốc hóa thành một người đàn bà có cặp mắt hoang dại. Lại cầm vợt chống nạnh hỏi vóng: "Còn anh nào vào nốt cho em nghỉ?". Hỏi xong bất chợt cười khanh khách. Lại theo vào phòng Tunga. Xong các công đoạn lại bất chợt cười khanh khách.

Rồi dùng một cái, Tunga và Violetta một buổi chiều đi dạo rúc ngay vào gầm một chiếc xe buýt. Đèn đỏ đã bật lên, thế mà như có một lực nào đó xô Tunga và Violetta rời vỉa hè chồm bước xuống lòng đường. Chiếc xe lao vụt qua. Violetta vỡ đầu chết ngay. Tunga bị đánh bật ra, văng sang lề đường. Hậu quả là một vết sẹo dài viền theo hàng râu quai nón bên má phải. Xuất viện, và đã hoàn hồn, anh ta vuốt má tự trào: "Tớ là thằng trời đánh không chết".

Số phận bắt tôi phải làm việc với Tunga trong cùng một sứ quán. Bắt tôi phải biết chuyện đời Tunga. Tôi chưa đi vòng quanh thế giới trong tám mươi ngày, nhưng vẫn biết trái đất tròn. Quấn quanh thế nào lại gặp nhau ở sứ quán tại Ấn Độ. Lần này Tunga là đại sứ. Tôi mang hàm bí thư thứ hai. Ông sứ mới vừa tới thì đã được tin tình báo rằng tôi hay đi chơi đêm.

Những đêm tha hương cô đơn dài da diết. Bao nhiêu mối tình tan qua như mưa bóng mây. Từ khi gặp Roza trong thoáng chốc ở sân bay Malastan, tôi hay nghĩ về cái bọt bèo của kiếp người, cái bản chất bất ổn của thế giới này. Những đêm dài một mình, tôi thường nghĩ thế. Vậy là tôi không ngồi nhà được. Tôi phải đi.

Nửa đêm tôi trở về. Cửa lên cầu thang chung đã bị khóa bên trong. Cổng ngõ sứ quán đã có bảo vệ, còn cái cửa này lâu nay vẫn mở cho mọi người ra vào. Không thể bấm chuông làm phiền mọi người vào giờ này. Tôi vòng qua sau nhà, bám tường leo lên tầng hai, rồi chui vào qua cửa sổ căn bếp. Cảm thấy như có một cái nhìn nhom nhóp trên da thịt mình.

Sáng hôm sau, Tunga kéo tôi vào căn bếp, chỉ lên bậu cửa sổ có mấy vết giày:

- Đêm qua có kẻ lạ đột nhập vào sứ quán. Công tác an ninh bảo mật lâu nay không tốt.

Tôi nhún vai không tỏ thái độ. Đêm, tôi lại leo lên cửa sổ căn bếp. Cửa sổ đã bị cài then ở bên trong. Còn một lối vào nữa, qua phòng cầu lạc bộ. Lối này có lẽ chỉ một mình tôi biết, tuy hơi khó trèo. Vừa mới áp được người vào cửa sổ, đang quờ tay tìm chỗ để đu lên, thì được một bàn tay từ bóng tối vươn ra nắm lấy. Bàn tay nhom nhóp kéo tôi lên. Cùng lúc đèn trong phòng cầu lạc bộ bật sáng. Tôi đứng đối mặt với Tunga.

- Tuổi trẻ ai mà chả ham vui - Tunga cười. Đúng ra ông ta chỉ nhe hai hàm răng, mắt miệng không cười - Nhưng từ nay chúng ta phải tập trung làm việc lớn. Chuyện vui chơi một thời, chúng ta hãy cùng quên đi.

Ông ta nói, tay vuốt nhẹ cái sẹo "của một thời" trên má. Tôi hiểu đây là một lời nhắc nhở. Một cuộc đổi chác, có đi có lại. Một thỏa thuận không thành văn.

Chuyện tưởng đến thế coi như hiểu nhau. Can có gì mà sang đến xứ Malastan này, ông ta còn dò hỏi gã dọn buồng về tôi. Tunga cho gã năm đô la để lấy thông tin. Tôi cho gã bảy đô la để bịt thông tin đó. Ngân sách cá nhân chúng tôi phải đổ vào cuộc chạy đua tình báo này. Không phải để phục vụ đối ngoại. Mà đối nội.

* * *

Sau rốt thì gã dọn buồng cũng cung cấp được cho tôi về ba cô Roza ở gần khách sạn. Roza Một làm nghề dệt thảm len, lấy chồng và theo chồng về vùng Đông Bắc cách đây ba năm. Roza Hai mười sáu tuổi đang học phổ thông trung học. Roza Ba thì có cả một đàn con với ông chồng thương gia có máu mặt trong ngành dầu khí.

Không ai trong ba Roza ấy là người tôi cần tìm.

Dù sao tôi vẫn phải bịt miệng gã dọn phòng bằng mười đô la. Rồi tôi đi lang thang ra đường. Năm ngày nữa mới trình quốc thư. Tunga bảo tôi ngồi trực tại Thủ đô. Để ông ta theo một thương nhân đi tham quan khu vực dầu ở tỉnh phía Bắc. Đất nước tôi đang muốn mua dầu của Malastan. Rồi bán lại hàng tiêu dùng và các sản phẩm nông nghiệp. Mỗi hợp đồng ký được, ông ta sẽ được từ năm đến mười phần trăm. Tội gì ông ta không sùng sục lao vào. Bây giờ đến thời ngoại giao làm kinh tế. Không chính trị suông nữa rồi. Suốt ngày ông ta chỉ hẹn tiếp hoặc đi gặp giới thương gia, cáo một không dự

buổi họp báo của phó thủ tướng chỉ vì đã hẹn một thương gia vào giờ ấy. Cậu xem, đây là thời của chúng ta. Chúng ta làm giàu cho đất nước. Chứ đâu phải như lão đại sứ già Tibor kia. Đọc không đọc được. Nghe không nghe được. Nói không nói được. Sẻnh thẳng thông ngôn ra thì chỉ còn là cái xác không hồn, xúc ra nghĩa địa được ngay.

Đắc chí như vậy cũng là có lý do. Tunga được gửi đi làm đại sứ vào cái thời các vị thông ngôn đang lên ngôi. Hầu hết những người nắm các chức vụ chủ chốt trong bộ đều trưởng thành từ thông ngôn. Nhìn họ nói chuyện với Tây, với Tàu, với Nhật mà khoái. Nói năng lưu loát. Tác phong tự tin, bình đẳng. Chỉ đôi ba câu là những giống người xa lạ sang trọng kia hiểu ra, mọi việc rầm rập. Các cụ nhà ta chỉ còn biết gật gù tấm tắc. Các cụ không học ngoại ngữ. Các cụ có thời không nghĩ rằng dân mình cần học ngôn ngữ của người khác. Khoảng cách đến với người nước ngoài xa vời. Nhìn từ xa thì giống người ấy trở nên cao sang hơn, văn minh hơn. Vài ba bậc hơn. Đứng trước người ngoại quốc, người ta bỗng mất tinh thần, điệu bộ lóng ngóng lập cập. Khủng khiếp nhất là không sao nói được.

Đến thế mới thấy giỏi ngoại ngữ tức là giỏi nhất. Giỏi ngoại ngữ là được đề bạt, giỏi ngoại ngữ là đi làm đối ngoại. Giỏi ngoại ngữ là giỏi tất cả. Việc gì cũng làm được.

Thì ông sứ của tôi việc gì cũng làm được. Ông đi tiếp xúc với giới thương nhân, giới kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật. Một tiến sĩ thân cánh tả đặt câu hỏi về khái niệm "nền kinh tế thị trường mở của theo định

hướng xã hội chủ nghĩa" đang được tiến hành ở đất nước chúng tôi. "Nền kinh tế thị trường mở cửa" là kinh tế tư bản chủ nghĩa. Sao lại có sự hôn phối về lý luận không môn đăng hộ đối như thế. Tunga quên mất rằng mình không có chuyên môn kinh tế, lao vào tranh cãi. Càng tranh cãi càng lòng vòng lạc đề. Cuối cùng ông nhanh trí kết luận:

- Chúng tôi đang đi trên một con đường mới. Chưa có ai đi trước phát quang dọn đường cho chúng tôi cả. Chưa có lý luận nào thỏa đáng cho con đường này. Chúng tôi sẽ vừa đi, vừa làm, vừa đúc rút lý luận.

Ngoại giao thế thì khéo. Nhưng xảo. Ông tiến sĩ kinh tế không muốn dồn nhà ngoại giao vào thế bí, bèn lịch sự rút lui khỏi cuộc tranh cãi. Xin cảm ơn nhà ngoại giao láu lĩnh biết khua môi múa mép, nhưng trống rỗng.

Tranh thủ sự rút lui ấy, giám đốc hội đồng Văn hóa Quốc gia tiến đến:

- Tôi rất ngưỡng mộ nghệ thuật kịch ca múa của nước ngài. Chúng tôi có ý định mời nhà hát ca vũ kịch Hamania sang biểu diễn ở đây.

- Rất cảm ơn về lời khen tặng và sự am hiểu. Ông sứ mỉm cười nhã nhặn - Vấn đề này chúng ta sẽ trao đổi cụ thể sau.

Trên đường về, Tunga tỏ ý cương quyết. Để sau tức là không bao giờ cả. Người ta làm nghệ thuật, người ta nói thế vì lịch sự. Loại ca vũ kịch của ta có gì mà xem. Chẳng thấy nhân văn nghệ thuật gì ở những cái nhón trên đầu ngón chân, những câu hát hò í ới bất tận. Tunga cũng từng nói cái giọng kiêu ấy hôm đi thăm mấy ngôi đền Hindu ở New Delhi. Ông ta sửng sốt thấy

những chữ vạn (swastika) trong các ngôi đền. "Sao chốn linh thiêng mà người ta lại trang trí nhiều chữ thập ngoặc phát xít thế nhỉ?".

Bây giờ thì tôi được một mình tự do ở thủ đô Malastan trong ba ngày. Ba ngày Tunga đi tìm những hợp đồng để lấy phần trăm. Ba ngày tôi đi tìm Roza. Tìm hú họa. Đi dạo qua những đường phố đầy phụ nữ che kín mặt, những ngõ hẻm hun hút chỉ đủ cho hai người tránh nhau, những cái sân lát gạch ẩm ướt và u tối. Tôi cứ phơi lộ gương mặt mình ở các dãy phố xung quanh, lượn qua lượn lại như vô tình, như rao bán một cái mặt nạ ế sau ngày hội giả trang. Hy vọng Roza sẽ tình cờ nhìn thấy qua một ô cửa tối tăm nào đó.

Tunga trở về rất phấn khởi. Ông ta gặt hái được nhiều sau chuyến đi với các thương gia. Chụp được nhiều phong cảnh vùng đất vừa đến. Khoe ảnh vẫn chưa hết cơn hưng phấn, Tunga được đà mang máy ảnh đi chụp khắp nơi. Ông mắc cái hội chứng của những kẻ du lịch Âu - Mỹ. Máy ảnh lủng lẳng trước ngực. Máy ảnh kè kè bên hông. Coi người bản địa là man di, là có nhiều cái lạ, có chất thổ dân, để mà chụp ảnh. Tôi vừa mới bước ra khỏi khách sạn thì thấy một đám đông xông tới, xúm vào, dồn ông ta sát chân tường. Đập vỡ máy ảnh ra. Đập vỡ mặt nó ra. Ném đá cho chết thẳng Tây khốn nạn đi.

- Tôi xin lỗi bà con - Tunga rất hoảng. Hoảng nhưng cố ghìm giọng cho khỏi rung - Tôi chụp ảnh mấy cô gái chỉ vì ngưỡng mộ sắc đẹp của phụ nữ Malastan.

Câu nói khôn khéo hóa ra lại đổ thêm dầu vào lửa. Máy người đàn ông mất vằn lên vì bị xúc phạm. Tôi vội chen vào để nhắc Tunga. Trời ơi, tôn giáo ở đây không

cho phép người lạ chụp ảnh phụ nữ, không được phép công khai ca tụng nhan sắc phụ nữ của họ.

- Cậu để mặc tôi - Trong lúc nước sôi lửa bỏng, ông ta vẫn không thích có kẻ dạy khôn cho mình - Thưa bà con. Tôi rất hiểu và rất tôn trọng tập tục địa phương. Ví như thái độ đối với phụ nữ. Ví như phải ăn mặc kín đáo. Ví như không ăn thịt lợn vì lợn là thần của bà con...

Đến mức ấy thì không thể cứu vãn được nữa. Đám đông cuộn lên. Căm giận. Điên cuồng.

- Bịt mồm nó lại. Sao lại để cho nó nói giống lợn bắn thỉu là thần thánh của chúng ta.

- Lôi nó ra tòa án tôn giáo.

- Trói nó lại. Đánh một trăm roi. Ném đá.

Tôi hầu như đã tuyệt vọng. Tôi đã bị coi là liên lụy. Tôi sẽ bị chết cùng Tunga ở đây, bị xéo đạp trong đám đông cuồng nộ này, chưa cần đợi tới lúc bị lôi ra tòa án tôn giáo. Phút cổ cùng hình như dễ loé lên một ngọn lửa tri giác. Tôi giật lấy chiếc máy ảnh của Tunga giơ lên cao, về mặt thành thực phần nộ, rồi quật xuống đất, ống kính vỡ tan. Tiếng động lớn cùng âm thanh sắc nhọn của thủy tinh vỡ vụn làm đám đông lặng đi.

Cả khối thần kinh của đám đông vừa mới nối kết vào bỗng chốc vỡ vụn ra. Thành từng mảnh riêng rẽ. Tản mát. Lạnh lẽo.

Một người đàn ông bừng tỉnh trước. Ông ta cúi xuống chiếc máy ảnh móp mép, gỡ lấy cuộn phim khỏi buồng phim đã bật mở. Rồi cẩn thận kéo tuột dải phim ra khỏi cuộn. Cho nó lộ sáng.

- Thật đáng tiếc.

Ông ta nói, quăng cuộn phim xuống vĩa hè, rồi bỏ đi.

Đám đông cũng lẳng lặng tản đi.
Không tai tiếng gì. Họ chẳng biết chúng tôi là ai.
Ngày hôm sau, chúng tôi trình được quốc thư. Nội
dung lá thư như sau:

*Kính gửi: Ngài Tổng thống,
Nước Cộng hòa Dân chủ Malastan,*

Thưa ngài,

*Tôi bổ nhiệm ông Imre Tunga, một công dân ưu tú
của nước Cộng hòa Hamania, làm đại diện cho tôi với
tư cách là đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa
Hamania trước Chính phủ nước ngài.*

*Ông đại sứ hiểu rõ lợi ích chung của hai nước
chúng ta và cũng cùng chung mong muốn chân thành
như tôi là củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và
hợp tác giữa hai nước.*

*Phẩm chất cá nhân và năng lực của vị đại sứ khiến
cho tôi hoàn toàn tin tưởng rằng đại sứ sẽ thực hiện
nhiệm vụ của mình theo cung cách làm cho ngài tổng
thống hài lòng.*

*Xin ngài hãy thiện chí tiếp nhận ông đại sứ và tuyệt
đối tin cậy vào những điều ông phát ngôn nhân danh
nước Cộng hòa Hamania, đồng thời xin nhận từ đại sứ
lòng mong muốn thiết tha nhất của tôi về một nước Cộng
hòa Dân chủ Malastan phồn vinh và hạnh phúc.*

Chủ tịch nước Cộng hòa Hamania

(Đã ký)

Bộ trưởng Ngoại giao nước CH Hamania

(Tiếp ký)

Ngày hôm sau nữa, có một phong bì luồn qua khe cửa vào phòng, trong lúc tôi đi vắng. Bên trong có một phong bì thư khác, chưa dán tem, đề tên ai đó ở London. Một lá thư nữa dành cho tôi. Tôi nhìn vội xuống góc đề tên người gửi. Roza.

Anh Santo,

Đừng tìm em nữa. Điều ấy bất lợi cho em. Bất lợi cho cả anh. Em không hy vọng được đoàn tụ gia đình. Không hy vọng được rời khỏi nơi đây.

Anh hãy gửi bức thư kèm theo cho cha mẹ em. Hãy viết thư cho cha mẹ em. Coi như anh đã viết cho đứa em gái này vậy.

Câu chúc cho anh hạnh phúc và thành đạt.

Tôi lập tức gọi điện cho tổ buồng. Gã dọn buồng tới ngay. Tôi đưa cho gã mười đô la:

- Có ai đến tìm tôi không?

- Không có ai, thưa ông. Thật tiếc.

Gương mặt láu kỉnh của gã chứng tỏ gã nói thật.

Ngày hôm sau, chúng tôi rời khách sạn. Đang chuẩn bị chui vào taxi thì Tunga chợt nhớ phải gọi điện cho một thương gia. Lại thêm một hợp đồng vào phút cuối cùng này nữa? Ông ta vào buồng điện thoại công cộng trên vỉa hè. Tôi đứng cạnh cửa xe. Đưa mắt lướt nhìn từ biệt những ô cửa bên kia đường.

Thốt nhiên tôi nhìn thấy Roza trên ô cửa sổ đối diện. Một gương mặt phụ nữ không che mặt, sáng lên trên ô cửa tắm tối.

Tôi rùng mình. Chớp mắt. Nhìn lại. Không có ai cả. Chỉ là một ảo ảnh.

Nhưng cũng rất nhanh, người con gái lại hiện ra.

Cầm tì lên một cây vĩ cầm đỏ. Như là đang chơi một khúc nhạc mà không nhìn ai.

Tôi đứng như chôn chân trên hè đường. Không cử động nổi cái cổ cứng ngắc. Không kêu lên được. Chỉ đứng. Chỉ nhìn. Chỉ nghe. Đứng là nghe. Nghe thấy khúc *Bi thương*, dù Roza không hề kéo cây vĩ. Âm thanh đặng. Chát. Trôi nổi phù du.

Tunga vỗ nhẹ vào lưng tôi:

- Ta đi thôi, cho kịp giờ.

Không còn ai trên cửa sổ.

Chuyến bay của chúng tôi bị chậm lại hai giờ đồng hồ. Thêm hai giờ ở lại cái sân bay định mệnh này. Những người lính của khẩu đẹp trai và lịch sự. Tôi cứ thấy những người điển trai lịch sự ấy đã giáng báng súng vào mặt một người đàn bà Malastan hai năm trước. Đã lòi xềnh xệch Roza đi ngay trước mắt tôi.

- Cái con bé cầm chiếc violon trên cửa sổ là Roza mà cậu vẫn đi tìm đấy phải không?

Tunga đột ngột hỏi

Một cú điểm huyết chuẩn xác. Tôi kìm giữ được không giật mình. Không trả lời. Về bình tĩnh ngoại giao ấy càng xác nhận sự thật. Ôi, cái thằng dọn buồng hai mang chết tiệt. Gã đã được Tunga trả cao hơn.

Một lát sau. Tôi đưa Tunga ba trăm đô la.

- Xin gửi anh tiền cái máy ảnh.

Tunga nhìn xoáy vào tôi. Sắc nhọn. Khô khốc. Mềm mại. Ấu yếm. Từng sắc độ chuyển dần.

- Thôi. Phải cảm ơn cậu đã cứu tớ. Cảm ơn cậu đã không nhìn thấy tớ làm gì ở Malastan. Cảm ơn vì tớ đã không nhìn thấy cậu làm gì. Chúng ta đều đã có tự do cá nhân.

Khi máy bay tiếp đất ở sân bay New Delhi. Tunga thở ra một hơi nhẹ nhõm:

- Thế là xong một lá quốc thư nữa. Sao người ta lại gửi tớ đi làm đại sứ ở một cái nơi như Malastan, sau hai năm bỏ bằng quan hệ? ở bên ấy, tớ đã lo lo. Nhỡ mà có chính biến, không trình được quốc thư, lại như lão già Tibor, bỏ chạy không còn mảnh giáp.

Tunga cười ha há một hồi.

- Giờ thì yên tâm đi. Tình hình Malastan ổn định và không thể đảo ngược. Chúng ta chỉ còn lo phát triển hợp tác kinh tế mà thôi.

* * *

Bước chân vào sứ quán, chúng tôi được cậu nhân viên cơ yếu đưa cho một bức điện gửi từ trong nước sang.

Liên Xô đã chính thức sụp đổ. Tình hình đất nước chúng tôi đang rối ren. Bộ Ngoại giao chỉ thị cho các đại sứ quán tạm ngừng hoạt động đối ngoại để xem xét lại quan hệ với tất cả các nước. Những đại sứ chưa trình quốc thư thì hãy hoãn lại cho tới khi có lệnh mới.

1994 - 1995

Dấu hỏi gửi Thượng đế

Đoàn Lê

Tặng người nói tôi không biết tình yêu

Cuối tuần trước nàng đã đưa đám người tình thứ mười bảy. Vâng, thứ mười bảy trong số hăm ba người xếp theo thứ tự. Ông ta thuộc diện khá được ưu ái, lại cùng sống trong một khu phố với nàng, một đạo diễn Điện ảnh hết sức phong nhã.

Mở đầu vị nhà thơ số tám ra đi trước tiên, rồi tiếp đến ông họa sĩ độc thân số mười một. Năm ngoài tới lượt ông trung tướng về hưu số năm. Cả ba người xấu số đều được nàng tặng những bó hồng bạch và tiễn đưa đến tận lúc họ lên xe ô tô.

Bao giờ cũng thế, nàng đợi cái quan tài của người tình đặt yên vị trên xe tang, khi đó ai đứng lên nói lời cảm tạ bà con thân bằng cố hữu, nàng mới từ cuối dòng người lặng lẽ đi tới đặt bó hồng bạch trên nắp quan tài, mặc cho những đôi mắt tò mò nhìn nàng. Nàng kiêu hãnh vì được đăng hoàng vĩnh biệt người bạn tình, như thế nàng thách thức cả thế gian này đàm tiếu. Rồi nàng thông thả quay về nhà.

"Hãy tha lỗi cho em. Em đã không dám mang khăn xô, mũ mấn, không dám níu quan tài anh để thỏa sức nức nở. Những giọt nước mắt đau đớn em xin gửi

vào những cánh hồng. Hãy nhận lấy tình em, anh yêu..."

Rằm tháng bảy, theo gợi ý của lão hàng mã, nàng sắm gương, kiếm và một con ngựa bạch cho ông trung tướng. Dưới cỡi âm các quan đi làm việc đều phải đầy đủ lệ bộ như vậy. Với ông thi sĩ, lão hàng mã cho rằng cần cấp một căn nhà, tiền vàng, đồ la thật nhiều để ông ta yên tâm làm thơ. Ông họa sĩ ngoài bút vẽ, sơn dầu, phải có dăm chai rượu ngoại. Tốn kém gần ba trăm ngàn, nhưng khi hóa vàng nàng vô cùng thỏa nguyện. Đêm mười sáu nàng mơ thấy cả ba ông đều về, mỗi người một vẻ xúc động...

Tất cả những điều này tôi biết được nhờ hai cuốn nhật ký khá dày nàng để lại. Hai cuốn nhật ký ấy đến tay tôi bất ngờ tựa hồ những mảnh thiên thạch rơi xuống từ cơn mưa sao. Trước hết nó làm tôi choáng váng. Không thể tin người đàn bà gù bé nhỏ bán sách báo ngay cùng nhà tôi lại có nét chữ đẹp đến thế. Tưởng chừng mỗi nét nàng đều trân trọng nắn nót. Ông giáo già độc thân khó tính như tôi nhưng nhìn trang giấy với những hàng chữ gọn gàng, đều tăm tắp, tự nhiên tôi sinh ra kính trọng nàng. Bằng nét chữ nàng bỗng thoát xác thành con người khác, một tiểu thư gia giáo, mơ mộng. Người đàn bà gù tội nghiệp thường ngày chỉ là cái vỏ xấu xí của một nàng tiên bị đầy đọa.

Trong những trang sổ còn phảng phất mùi thơm của những cánh hồng khô, tôi vừa đọc vừa đoán những tên người viết tắt, những ý tứ lấp lửng rất tế nhị. Giữa hăm ba người tình ông trung tướng có tên là *phờ*, Phan, Phúc, Phú đây. Còn *phờ* thêm gờ phía sau như ông đạo

diễn chắc mang tên Phong, Phương hay Phùng gì đó. Người duy nhất tôi biết cụ thể là diễn viên đóng vai Chí Phèo, mang số mười ba. Anh ta được dán kèm tấm ảnh cắt trong họa báo. Nàng say đắm nhưng cũng sớm tuyệt vọng ở mối tình ấy.

"Sao anh nhìn em quá thờ ơ như thế? Anh không nhận ra bàn tay em run rẩy khi trao cho anh mấy tấm phong bì ư? Anh cũng không nhận ra chút mếu vạt để sáng nay em được nấn ná thêm một lát bên anh ư? - Tôi không có tiền lẻ trả lại anh đâu. Tôi cho anh nợ vậy - Để tôi đi đổi - Sáng sớm mai ít người có sẵn tiền lẻ. Thôi anh cứ cầm lấy, tôi biếu anh, lúc nào tiện anh ghé qua mua báo giúp tôi là được - ĐỪNG... chị làm tôi áy náy quá..."

"Anh đã lục túi áo mãi. Chợt anh reo khê. Trời ơi, lúc đó đôi mắt anh sáng lên niềm vui hồn nhiên biết bao. Anh tìm thấy một tờ năm hào nằm quăn queo ở góc ví. Anh cố vuốt thẳng lại, em đi vòng ra trước quầy hàng để nhận tờ năm hào bằng cả hai tay. Điều cốt yếu, như thế, em được sát gần anh hơn, được cảm thấy hơi ấm từ thân thể cường tráng của anh thấm lan vào em".

"Anh đi rồi, cái giọng trầm êm với tiếng cười nhẹ nhàng cứ khiến lòng em đau thắt. Bao giờ em lại được nghe tiếng anh nói cùng em lần nữa? Em cầu Trời khi nào về qua đây anh sẽ ngoái nhìn em mỉm cười, như thế chúng ta có một chuyện riêng tư với nhau đã từ lâu lắm. Sẽ đúng thế phải không anh, dù chỉ một lần thôi..."

Đêm đó cũng như nhiều đêm sau nàng mơ thấy anh ta, những giấc mơ nồng nàn, ngọt ngào.

Song chưa đầy ba tuần sau nàng bỗng bắt gặp anh ta đi sóng đôi với một cô gái xinh đẹp, họ cười nói ra chiều lơ lửng. Họ đi sát qua quầy sách báo tưởng chừng cố tình trêu ngươi. Anh ta không hề lướt mắt tới cái nhìn ngây dại tuyệt vọng của nàng. Chưa bao giờ nàng bị tổn thương đến thế... Vĩnh biệt mối tình số mười ba ngắn ngủi! Nàng không giận anh, nhưng cố quên anh đi.

Xin vong linh nàng tha thứ, tôi không dám kể lại tất cả hăm ba mối tình si mê tội nghiệp của nàng. Nó chỉ là một chuỗi những khát khao dày vò. Hoặc nàng tự huỷ hoại mình để xoa dịu sự khô cháy của những năm tháng cô độc, hoặc chính hai cuốn nhật ký là sự đối trá lớn nhất nàng muốn để lại cho thế gian.

Dù sao tôi cũng đã đọc cả hai cuốn không bỏ qua một dòng, sau khi tìm thấy chúng trong cái hòm sắt nhỏ.

Và tôi đã tiếp nhận chuyện hăm ba người tình của nàng hết sức nghiêm túc, thậm chí với niềm thương cảm sâu sắc. Chẳng lẽ chúng ta, những kẻ lòng dạ đầy ác độc không bao giờ tha thứ cho kẻ phản bội, lại chê cười một trái tim chỉ biết yêu thương, yêu thương không đòi hỏi, không thù hận hay sao? Trái tim ấy hồn nhiên khao khát được dâng hiến, bao dung hỉ xả đến mức thánh thiện. Nó đã không bị sự mặc cảm dung tục làm vấy bẩn. Nó khiến cho tôi phải gọi con người mang trái đó bằng Nàng, dù nàng xấu xí đến đâu, thậm chí già nua hơn nữa.

Chuyện xảy ra từ buổi trưa nay, khi bỗng dưng tôi tỉnh giấc bởi thứ tiếng ồn ào đâu đó vọng tới. Rồi có tiếng gõ cửa phòng. Lão Đúa xuất hiện với đôi mắt thất thần nhìn tôi.

- Ông giáo ơi, cô Huệ chết rồi.

Tôi bật dậy. Suốt từ khi chúng tôi làm hàng xóm nhau, tôi nhớ không lầm, lão Đúa chỉ bước chân vào phòng này vào buổi chiều mồng một Tết mỗi năm. Thế nên sự xuất hiện đột ngột của lão cộng thêm mấy lời thông báo ngắn ngủi cứ làm tôi ngáy ra. Đôi dép như biến mất dưới chân tôi.

- Làm sao cô ấy lại chết?

- Chiều nay tôi không thấy cô ấy dọn hàng, mà gọi cửa gửi chìa khóa mãi không được, tôi sinh nghi gọi bác Tài gái cạy cửa vào... Cô ấy nằm trên giường như ngủ mới lạ ông giáo ạ.

Tôi chợt hiểu tiếng xì xào chắc hẳn từ dưới đó. Tôi cùng ba hộ khác sống trên khu nhà chính, lão Đúa với cô Huệ chia thành hai hộ ở cái ga-ra phía sân sau. Hàng ngày hai tấm cửa gỗ ga-ra đều đóng. Lão Đúa với cái xe đẩy bán tạp hóa rong, chưa ra khỏi ngõ đã nghe tiếng loa điện eo éo: *Một người đi với một người, một người lặng lẽ buồn thiu đứng nhìn...* Còn nàng, quây sách báo dọn ngay dưới gốc cây sấu già đầu ngõ. Khu nhà chúng tôi sống hết sức êm đềm, hầu như chưa xảy ra sự cố gì cho tới hôm nay.

- Vậy bây giờ phải đi trình báo. Thủ tục rầy rà lắm đây.

- Vâng, bác Tài đã đi báo công an phường, bác Thu gọi điện cho người nhà cô ấy trên Hà Giang về.

- Cô ấy có người nhà ở Hà Giang ư.

- Vâng. Trong khi chờ đợi, chúng tôi muốn mời ông giáo cùng xuống xem xét...

Tôi đã mặc xong quần áo, theo chân lão Đúa xuống

sân. Trên con đường ngắn ngủi ấy, toàn bộ những hiểu biết về người đàn bà gù được tôi tập hợp lại. Ô, hóa ra tôi chẳng biết nhiều nhận gì ngoài quây sách có nhiều tiểu thuyết Mỹ cho thuê, cái bóng dáng dị dạng hàng ngày qua lại lặng lẽ, tiếng thưa gửi nhỏ nhẹ như luôn biết thân biết phận, cố gắng để không làm phiền ai, cố gắng để ít ai nhìn ngó đến mình.

- Ông nói cô Huệ có người nhà ở Hà Giang, họ là thế nào với cô Huệ vậy?

- Hai người anh ruột, ông giáo ạ. Cô ấy nghe đâu con nhà buôn bán khá giả nhất vùng. Sau khi cha mẹ chết anh em ăn ở với nhau không được hòa thuận, cô ấy bỏ lên Hà Nội, không bao giờ về nữa. Mà xem chừng hai ông anh cũng tệ, tôi chưa thấy họ tìm đến đây thăm nom cô ấy một lần nào.

Cái ga-ra được ngăn đôi bằng bức tường xây, lúc nào bên trong cũng tối nhờ nhờ. Được cái cả hai bên đều ít đồ đạc nên họ sống khá gọn gàng. Chưa kể cái tủ phấn với tấm gương lớn, cái giường trải đệm hoa rất sạch đã khiến căn phòng của nàng trở nên ấm cúng. Nàng nằm đó, dưới tấm áo chăn xanh nhạt. Một vệt nắng lướt trên đôi dép nhựa ngay ngắn dưới chân giường... Tôi, lão Đứa cùng dăm người đàn bà trong khu nhà đều bỗng dưng dè dặt trước cảnh bình yên thanh khiết đó.

Cuối cùng người ta kết luận nàng bị đột tử do truy mạnh tim. Đến xẩm tối điện từ Hà Giang về cho biết không tìm ra địa chỉ mới của hai người anh, từ khi họ kéo nhau đi Trung Quốc. Dân cư khu nhà chúng tôi thống nhất sẽ đứng lo tang ma đầy đủ cho khỏi tủi vong

linh người đã khuất. Xem ra cách ăn ở khiêm nhường của nàng rất được tình cảm xóm giềng.

Cái hòm sắt nhỏ được mở khóa dưới con mắt chứng kiến chung. Tài sản có đôi nhẫn vàng là thứ quý giá, một cuốn sổ tiết kiệm gần ba triệu đồng, vài vốc loại sang trọng, những thứ chúng tôi chưa hề thấy nàng mặc bao giờ. Tiền nong sẽ thừa lo đám tang, kể cả việc mua một khu đất di hài vĩnh viễn sau khi hoả táng. Một tiểu ban tổ chức được đề cử ra để lo toan tất cả mọi việc. Riêng hai cuốn sổ nhật ký họ trao cho tôi xem xét. Lỡ có điều gì quan trọng ghi lại trong đó...

Đêm ấy tôi cùng lão Đúa, hai lão già độc thân khó ngủ, tự nguyện thức trông coi nàng. Lão Đúa pha một ấm trà ngon, chong đèn sáng choang, mở tung cửa, lúc thấp hương, lúc lại ngồi thừ bó gối nhìn ra mảnh sân chung với cây bàng non xào xạc hai tán lá đầu tiên. Còn tôi, tôi mê mải đọc, chìm vào thế giới đầy huyền hoặc của nàng giữa mùi hương phảng phất.

Đêm đêm trong căn phòng này nàng đã mơ những giấc mơ vô cùng ngọt ngào. Những người tình đã tới thủ thỉ bên gối nàng cả ngàn lời âu yếm. Không ai gian dối, không ai thô lộn vô tình, mọi người đều tìm cách chiều lòng nàng, nhận sự dâng hiến của nàng như nhận một ân phước. Đêm đêm những vòng tay ân ái nâng niu đưa nàng vào giấc ngủ êm đềm... Có một cuộc du lịch nho nhỏ với ông nhà báo, nhưng giữa đêm nàng tỉnh giấc vì cơn mưa phá vỡ. Nàng tiếc vô cùng, không rõ chuyến du lịch kết thúc ra sao. Hơn thế nàng thức dậy đúng khi ông ta đang kéo tay nàng diu vào một vòm cửa tòa lâu đài. Cả người nàng rướn lạnh trong sự chờ đợi đôi

môi người tình đặt lên môi nàng cái hôn đầu tiên...

Tuy nàng không viết rõ nhưng tôi hiểu trong tất cả những giấc mơ thần tiên ấy nàng thật xinh đẹp, óng ả với những bộ trang phục thanh nhã nhất. Nàng viết:

" Ta đi rất chậm. Gió từ lòng hồ làm bay tung hai tà áo vàng nhạt tựa như chút nắng mùa thu vương vất quanh ta. Những cặp mắt tò mò dõi theo. Ta muốn mỉm cười nhưng vờ thờ ơ. Ta đang hồi hộp thất lòng, chờ đợi người ấy đến..."

Làm sao có chỗ cho một khuyết tật xuất hiện trong những giấc mơ tuyệt vời đó? Cái thực tế phũ phàng đã được nhốt kín lại. Bởi nếu nó sổ lồng, dù chỉ thấp thoáng, lập tức mọi thứ sẽ tan tành. Để trả đũa Thượng Đế, người đã đục ác dày vào tâm hồn nàng bằng cái lưng gù, nàng tìm cách thắng ông ta, thắng một cách tuyệt đối bằng những giấc mơ. Ở khía cạnh ấy nàng thật đáng khâm phục...

Lão Đứa thờ dài đánh sượt, dịu dàng hỏi tôi:

- Cô ấy viết gì nhiều vậy ông giáo?
- À, toàn chuyện loanh quanh nghĩ ngợi thường ngày.
- Có cần giữ lại cho người nhà cô ấy không nhỉ?
- Không cần. Mai tôi sẽ bỏ vào áo quan cho cô ấy.

Những nghĩ ngợi chả liên quan đến ai.

Sao lại không liên quan đến ai? Thực lòng tôi muốn thông báo cho tất cả những người dù vô tình nhưng đã tới căn phòng này, họ phải mang những bó hồng bạch đến vĩnh biệt một trái tim từng yêu thương họ vô điều kiện, thổn thức vì họ ngày đêm, biến họ thành những trang nam nhi hào hoa lý tưởng, và ai cũng có phần trọn vẹn của người đó trong nàng... Nếu không, tôi xin

hứa trước vong linh nàng, sáng sớm mai tôi sẽ mua mười chín bông hồng bạch đặt lên linh cữu thay mặt mười chín gã đàn ông vô tình bội bạc. Là tôi trừ cho bốn ông đã chết.

Lão Đúa lại thở dài:

- Ông giáo ạ... Lẽ ra sự thể đã không như thế...

- Ông muốn nói đến sự thể gì? Tôi ngạc nhiên hỏi lão.

- Vâng, lẽ ra... lẽ ra... cái đêm ấy...

Bằng những lời gây đôi gây ba, lão Đúa kể cho tôi nghe về một đêm mưa cách đây chín năm.

Cơn mưa của chín năm về trước đã kéo dài từ chiều. Đến nửa đêm gió lồng lộn như bão. Đèn dóm cả phố tắt ngấm ngay chập tối. Lão Đúa đi nằm rất sớm. Tuy có chén rượu thuốc thường lệ bữa cơm chiều để dỗ giấc ngủ, nhưng sao lão cứ bồn chồn thao thức. Lão ngờ những vết thương trong người lại dỏ chứng. Khi người ta đã xấp xỉ năm mươi, không cần cái thể thương binh cũng đủ rệu rã. Huống hồ trong người lão mọi thành phần đoàn thể đều có địch nằm vùng, chỉ rình cơ hội phá hoại.

May sao quãng nửa đêm lão thiếp đi được. Nhưng lão lại choàng dậy ngay lập tức. Lão thức giấc vì hình như có tiếng động cửa liếp, ồ, cái cửa vốn xưa rày chẳng muốn chặt chẽ với ai, cứ khê động là nó hồ hởi bung ra ngay. Rồi có thêm tiếng quần áo sột soạt. Lão Đúa không sợ ma, càng không sợ trộm, nhưng dù sao cũng cứ nhón nhột. Lão lần tìm cái gối gỗ cầm tay, ngồi nhồm dậy đề phòng. Trong khung cửa bỗng nổi lên ánh sáng âm u của một làn chớp nhẹ, lão nhận ra cửa đã mở

toang và một bóng người đứng sững đó. Lão Đúa nín thở. Có giới vào hẳn đây, ông thì phang thật lực!

- Ông Đúa ơi, có nên không thế?

Lão Đúa hoàn hồn. Lão đã quá quen với cái giọng gượng nhẹ của cô hàng xóm.

- Có đấy. Để tôi lấy...

Lão lập cập bật que diêm soi tìm đôi dép. Ánh lửa bùng lên rồi tắt ngấm ngay. Lão quờ quạng chân trên mặt đất ẩm ướt... Bỗng nhiên một thân thể đàn bà ấm nóng, ngào ngạt mùi thơm lá gội đầu, cái thân thể ấy áp vào lão, bàn tay giữ cho lão không đánh diêm.

- Dừng... Em không cần ánh sáng...

Và mưa bên ngoài dữ dội hơn trước.

Lão Đúa đã dứt lời. Tim tôi cũng như ngừng đập. Lại còn thế nữa. Nhưng tôi đã không hề đọc một chữ nào về chuyện lão Đúa kể, thậm chí cái tên lão cũng không một lần xuất hiện trong hai cuốn nhật ký. Tôi cứ chăm chăm nhìn lão nghi ngại. Còn lão không để ý đến phản ứng của tôi, chỉ lơ đãng ngó ra khoảng mung lung ngoài sân.

Không, người như lão Đúa không thể bịa đặt chuyện tày đình trước vong linh người đang nằm kia. Câu chuyện được tóm tắt quá ngắn gọn với lời kết luận nửa vời của lão Đúa càng chứng tỏ lão không có tính tô vẽ.

- Nghĩ cũng tội, con người ta thật là...

Một cơn gió lạnh đột ngột ủa vào trong phòng làm tắt ngọn nến đặt trên bát cơm trứng, như thể có người thứ ba vô hình lẩn quất quanh đây. Với vẻ bối rối, lão Đúa đứng dậy thấp lại ngọn nến.

Tôi nghe gáy mình hơi ớn lạnh. Biết đâu chẳng có

sự hiển linh nào đó... Quả nhiên chưa đầy giây sau một tiếng dép khê khàng khua động. Có thể nàng sắp đi vào phòng, cầm lấy hai cuốn nhật ký với vẻ giận dữ.

Nhưng người đi vào phòng là thím Thu, người Tàu lai, ở ngay sát vách phòng tôi. Thím bê cho chúng tôi hai bát chè bột sắn trứng gà vừa nấu xong.

~ Tôi cũng có ngu được đâu. Nghĩ mà thương cô ấy. Chỉ vì ông trời bắt mang tật, chứ người tốt nét như cô ấy thiên hạ không dễ kiếm đâu các ông ạ. Tôi cũng đã làm mối khối đám nhưng cô ấy không chịu.

Tôi liếc nhanh lão Đúa. Thấy chưa, ông đừng tưởng cô ấy dễ dãi. Hãy ngắm thử cái mặt nhăn như trái táo héo xem. Cứ cho rằng chín năm trước ông còn phong độ hơn, nhưng đã bằng ai? Thân phận một anh bán tạp hóa rong, gia tài chỉ cái xe đẩy, ông ngỡ mình báu lắm đấy?

Một chút ghen tức ủa vào lòng tôi. Tôi nghĩ đến cái thân thể trinh nguyên, cho dù có khuyết tật chẳng nữa, với một tâm hồn ý nhị đầy thơ mộng kia, làm sao có thể lạc vào vòng tay đen đúa khô cằn ấy được.

Thím Thu đã lên nhà. Lão Đúa pha ấm trà mới. Mùi sen bay hương trong chén nước tỏa khói. Nó làm dịu đi cái lạnh lẽo trong phòng. Vào những đêm thế này thiếu một tiếng khóc hờ nỉ non thảm thiết của những người thân thì thật đau đớn cho người ra đi. Tôi chợt nhớ nàng từng ao ước cầu nguyện có một đứa trẻ để ôm ấp, giá mà...

Tự nhiên tôi sinh độ lượng với lão Đúa. Có thể vì cái cử chỉ cung kính lão nâng hai tay chén trà mời tôi, có thể vì nhờ những dòng tâm sự mủi lòng khi nàng tự ví mình là một quả đào điếc, một người đàn bà bị

nguyên rủa vì không được sinh nở... tôi bỗng nhẹ giọng bảo lão:

- Nếu như cô ấy có được đứa trẻ để bỗng bế cũng đỡ buồn. Cánh ta đàn ông đã đành, phải không ông?

- Vâng, tôi hiểu quá đi chứ! Cái đêm mưa đó hẳn là mong mỗi đến thế nào cô ấy mới liêu lĩnh như vậy. Nhưng...

Lão Đúa gằm mặt xuống vẻ mặt đau đớn. Rồi sau vài giây yên lặng lão ngược nhìn tôi, cái nhìn sâu thẳm thống thiết. Cả người lão run bắn lên.

- Tôi không thể... Một mảnh đạn đã khiến tôi không còn ra giống người, ông giáo ạ. Tôi âm thầm bỏ làng ra đây, tự coi như đã chết, cũng vì lẽ đó.

Tôi không dám nhìn lão nữa. Ôi cuộc sống tưởng chừng bình lặng trong khu nhà tôi, nó chứa đầy những cơn sóng ngầm dữ dội.

Tôi thắp thêm một tuần hương cho nàng. Dưới tấm chăn mỏng, hình hài nàng cong lại tựa hồ một dấu hỏi bất động. Vâng, Thượng đế ơi, đây là dấu hỏi lớn nhất trên mặt đất này dành cho Người.

Xóm núi 1-12-1997

Mai sau dù có bao giờ

Nguyễn Thị Minh Ngọc

Nghề nghiệp của tôi bây giờ tương đối ổn định. Đồng lương hàng tháng không nhiều. Dĩ nhiên, phải làm thêm một số việc mới đủ sống. Nhưng tất cả những nghề tay mặt lẫn tay trái hiện tại đều không làm tôi vui thú. Chúng bắt buộc tôi phải tiếp xúc với quá nhiều người, phải ngồi lê la ở những quán ăn, quán nước, quán nhậu... Nói chung tôi không ưa quán xá... Tôi không ưa hình ảnh tôi với những nụ cười nhiều kiểu (cười ngoác tới mang tai, cười ra vẻ hiểu vấn đề, cười cho người đối diện đừng trơ, cười đối phó...). Tôi thích những nghề nghiệp không phải gặp gỡ nhiều người hơn. Đỡ phải giả bộ. Đỡ phải phô lộ sự vụng về của mình ra. Đỡ phải xúc phạm tới những người khác, đôi khi...

Trong những nghề trước đây, có một nghề tôi rất thích. Lúc đó tôi đang đi học, tiêu chuẩn hàng tháng, ngoài học bổng tôi còn được mua 15 ký gạo, vài trăm gờ-ram thịt, vài thước dây thun, mấy miếng lưỡi lam (chúng tôi thường nói đùa, thun để chúng tôi thắt lưng buộc bụng, và lam để cứa cổ nhau khi cần thiết). Một ông bạn già đã giúp tôi kiếm thêm tiền bằng cách giới thiệu tôi được đi bỏ báo tận nhà theo địa chỉ có sẵn cho tờ nhật báo.

Hãy hình dung những buổi sáng đèn đường chưa tắt, thành phố sạch sẽ thơm tho, những ô cửa chưa mở, cây cỏ tươi tỉnh ướt sương, tôi với chiếc xe đạp không về không thắng thường trực của mình, đạp thông dong qua những con đường vắng, đầu óc nhẹ nhàng phối phối. Thôi không phải sợ những buổi kiểm điểm moi móc truy bức từng ý nghĩ vớ vẩn... Bà phụ trách lúc nào cũng quan trọng hóa vấn đề. Nỗi sợ hãi mọi thứ khiến bà co rút lại như một cô gái mười một tuổi, thân thể không phát triển. Dường như hàng tháng không nắm được trong tay những bản tự kiểm của tôi, bà ăn cơm không ngon. Bên cạnh bà còn có một số người nữa, lúc nào họ cũng có cảm giác lỏng tay một chút, tôi sẽ đốt cháy mất ngôi trường trang nghiêm của họ. Sự thật thì nào có gì đáng ghê gớm tới vậy đâu. Tôi vốn có một số người thân được coi là "bất hảo". Tôi lại hay thích nói đùa. Và trừ cô Tâm ra, toàn nhóm lãnh đạo nhà trường dường như không biết thế nào là sự hài hước...

Có một thời mà mặc những chiếc áo đẹp cũng bị coi là tội lỗi. Tôi nhớ một buổi biểu diễn nhạc rock của ban nhạc nước ngoài đến thành phố. Tôi lục lại chiếc váy xanh áo trắng cũ, là đồng phục của thời tôi con là học sinh của trường St. Paul, ra bận đi xem. Sáng hôm sau bị lớp trưởng bắt viết kiểm điểm vì cách ăn mặc không "dân tộc" của tôi. Ở trong lớp đối diện với ông lớp trưởng căng cứng. Bước ra khỏi lớp lúc nào cũng thấy có đôi mắt nheo lại sau cặp kính trắng của bà bí thư theo dõi. Nên các bạn có thể hiểu được, tôi sẽ hạnh phúc biết bao khi những giờ phút đầu ngày đi trong một thành phố vắng người.

Từng ngôi nhà như những cô gái vô cùng hiền hậu, dễ thương khi đang nằm yên, say ngủ. Tôi lại được giao cho bỏ báo ở nhiều khu nhà rất đẹp, có sân, có cây, có hương hoa thoang thoảng vương đọng lại từ đêm trước... Nói như thế không phải là tôi không thích những ngôi nhà lợp xúp nằm trong những ngõ hẻm quanh co. Giữa cái thời buổi đã có một ai đó cho rằng những lưới lam và dây thun luôn quần là nhu yếu phẩm cho những sinh viên như tôi, mà vẫn có những người chịu bỏ tiền đăng ký xem báo tháng là một điều vô cùng quý giá.

Trò chơi của tôi trong khoảng từ năm giờ đến bảy giờ sáng, là thử tưởng tượng xem người trong từng ngôi nhà như thế, những cuộc đời nào đã diễn ra... Tôi thích hình dung đằng sau những ngôi nhà xộc xệch là những gia đình hòa thuận, hạnh phúc; ngược lại, bên trong những ngôi nhà đẹp là những tâm hồn bất trắc với từng giấc ngủ không yên. Lúc đó đường thì vắng, nhà nhà khép cửa an bình. Còn tôi, chưa bao giờ thấy bất an với mớ báo chất đầy phía trước và nhét cứng trong ba lô trên lưng. Cảm giác đường phố là của mình. Đôi khi tôi còn hát nhỏ những điệu nhạc mà khi còn cây đàn piano má tôi vẫn đàn cho cha tôi nghe. Từ năm giờ đến bảy giờ sáng, ở cái thành phố oi ả này, trong những ngày chớm đông cũng bày đặt lạnh se se, tôi được dịp choàng lên người những chiếc áo ấm, xinh đẹp ngày xưa mà vì họ trả giá thấp quá, má tôi còn tiếc chưa bán tới. Có khi tôi còn khoác cả cái fied-jacket nặng nề. Ngó xa tôi như một gã con trai bụi đời xe ôm, xe thô giở đó.

Khi thời tiết chuyển lạnh, chuẩn bị sang năm mới, đó cũng là lúc những người được tôi bỏ báo sớm, tỏ lộ tình cảm với tôi. Họ thường ghi cho tôi vài dòng vào hộp thư hay cổng nhà, nơi tôi thường liệng báo vào, để hẹn tôi sau năm giờ chiều. Những buổi gặp gỡ sau đó bao giờ cũng cảm động. Họ rào đón nhiều lời rồi mới xin phép được tặng quà năm mới cho tôi. Họ thường ngạc nhiên trước khuôn mặt sáng sủa của tôi. Họ nói ngó cô như cô con gái nhà giàu. Những năm ấy, đâu khoảng trên hai mươi tuổi một chút, tôi cũng chẳng biết xếp mình vào loại giàu hay nghèo. Chính những người xung quanh cũng lúng túng trong chuyện này. Khi cần kiểm điểm tôi, họ cho tôi là thứ con nhà giàu đồng đánh. Khi có những cuộc vui riêng, họ lại sợ tôi nghèo quá, không đủ sức góp mặt vào.

Tôi tạm thời cho mình là một thứ nhà nghèo mới và là nhà giàu cũ. Nhưng dầu gì thì những món quà Tết cũng khiến tôi vui dù thật sự chúng không đáng giá gì... Vài cuốn sổ, cây viết... những vật lưu niệm vật vãn. Thích nhất là tôi được chăm sóc tận tình, là một trạng thái mà đã hơi lâu tôi không còn được nó. Và như thế, tôi càng không thể quên, hai nơi chăm sóc tôi trên mức bình thường. Một là nhà của một cô gái hơi lớn tuổi. Cô đãi tôi những mẩu bánh do chính tay cô làm. Cô cứ hỏi thăm ông Chín Tr. là người giữ mục thể thao, văn nghệ cho tờ báo mà tôi vẫn bỏ cho cô mỗi sáng. Và cái cách nói của cô khiến tôi tin giữa cô và ông Chín Tr. hẳn đã có một thời quan hệ mật thiết. Năm 1975, tôi hai mươi hai tuổi, chưa có người yêu. Nhưng qua cô gái ấy, tôi thấy yêu được ai quả là một điều vô cùng hạnh phúc.

Ngôi nhà thứ hai ưu ái đặc biệt với tôi là một nơi khá thơ mộng. Cuối một hẻm vắng là một cầu thang bằng gỗ nâu dẫn lên một bao lơn rũ đầy hoa rừng và hoa chuối ngọc. Ở đó có Mộc Hương, người thiếu phụ đẹp dịu dàng như cô gái in trên một loại xà bông xưa kia với búi tóc buông thõng sau lưng. Bà Mộc Hương nói, có một sáng tình cờ dậy sớm, thấy dáng tôi liệng vút tờ báo vào hộp thư dưới chân cầu thang, bà muốn đứng tim bởi tôi rất giống một người thầy cũ đã thất lạc sau ngày 30/4/75 của bà. Chúng tôi cố ngồi đào xới lai lịch, gốc gác giữa ông ấy và gia đình tôi nhưng hai họ tộc hoàn toàn xa lạ. Trong lúc nói chuyện, tôi thường nghe thấy tiếng đàn dương cầm vắng vọng, thoáng xa... Bà Mộc Hương giới thiệu:

- Đó là Thúc, con trai tôi. Chính nó có ý kiến phải tặng quà cuối năm cho cô. Nó còn mong cô ghé chơi nhiều khi có dịp. Nó đang ở trong một hoàn cảnh không thể đi đó đây nhiều...

Tôi hồn nhiên:

- Vậy bà cho tôi gặp anh ấy đi. Nghe tiếng đàn, tôi tin anh ấy là người tốt.

Bà Mộc Hương lúng túng:

- Nhưng mà...

Cuối cùng rồi tôi cũng gặp Thúc. Anh ngồi khuất mặt sau chiếc đàn trong vùng tối. Nến được thắp lên chỗ tôi ngồi. Gần đó, chiếc lư trầm đang cháy đỏ... Bà Mộc Hương giải thích Thúc không thích ánh sáng, rồi rút lui, để chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau.

Một người không thấy mặt, bỗng đứng lại khiến tôi dễ chịu. Thúc đàn cho tôi nghe rồi chúng tôi trao đổi với

nhau một số điều về âm nhạc, sách báo... Tôi nói cho Thúc nghe về những khó khăn của tôi hiện tại về vật chất lẫn tinh thần mà không chút úy kỵ người con trai kia sẽ hiểu sai về mình. Có lẽ vị thế trong bóng tối của anh giúp tôi có cảm giác được tâm sự với một vị linh mục nào đó, để ông ta tìm cách giúp mình. Tôi cũng kể cho Thúc nghe nỗi bất an của tôi khi bước vào trường. Thúc động viên tôi bằng những tấu khúc của Mozart, của Bach và một số truyện cổ tích quen được anh "biến tấu" đi đoạn cuối. Thúc nói Chopin thì hợp với tôi hơn nhưng Bach và Mozart sẽ giúp tôi thấy cuộc sống vui tươi hơn.

Tôi ghé ngôi nhà ấy không nhiều như bà Hương và Thúc yêu cầu. Tôi phải làm việc thêm gấp đôi, gấp ba những bạn đồng học mới có thể tồn tại. Những mẩu chuyện trao đổi ít ỏi đủ để tôi hình dung ngày xưa Thúc rất yêu đời và đông bè bạn... Những mẩu chuyện cùng âm nhạc ấy của Thúc cũng đủ để tiếp sức cho tôi qua những giây phút mệt mỏi, chỉ thêm được buông xuôi bỏ cuộc.

Tình thân của tôi với người con trai lặng lẽ ngồi đàn trong bóng tối ấy phát triển dần cho đến ngày tôi ghé mời anh đi dự buổi thi học kỳ của tôi thì Thúc từ chối. Tôi nhớ mãi bàn tay đeo găng đen của Thúc lọt vào vùng sáng để đưa cho tôi một lá thư. Thúc nói:

- Đọc đi, My sẽ hiểu tôi!

Tôi hờn giận Thúc thật sự vì buổi thi ấy ai cũng có thân nhân, trừ tôi, nên đến sau buổi thi tôi mới mở ra xem. Lá thư đã khiến tôi mất ngủ liên mấy hôm. Thúc nói anh vướng phải một nỗi đau không ai chia xẻ nổi.

Anh không thể bước ra vùng ánh sáng. Anh nói sự có mặt của tôi gần đây đã khiến anh vui sống. Thúc tin nếu tôi bằng lòng chia xẻ nỗi bất hạnh của anh, anh sẽ hóa kiếp, sẽ trút được nỗi khổ đang mang như trong truyện cổ tích, hoàng tử gấu trở lại lột người...

Tôi đọc thư, hoang mang. Tôi trước đó chưa yêu ai. Chỉ toàn là đùa cợt, để quên đi cái phần số chống chêng của mình. Biết lần này số mệnh có đùa cợt với tôi. Tôi rà soát lại mình. Đứa con gái đã giàu và đang nghèo sẽ gồng gánh nỗi ai? Tôi giả sử những trường hợp nặng nề nhất: Thúc bị mù, bị liệt, hay tâm thần? phạm pháp, vướng xì ke?... Dù thế nào anh cũng đã có lúc giúp tôi. Tôi với anh đều cần người chia xẻ với. Đến hay không đến? Đến để cùng lún vào vũng lầy của nhau? hay không đến để mất hẳn một tri âm...?

Tôi loay hoay suốt mấy ngày trời. Và khi tôi quyết định đến nhà Thúc với một đoá Cẩm Tú Cầu xanh biếc trên tay thì gia đình anh không còn ở đó nữa. Những người láng giềng mù mờ tông tích, phỏng đoán hai mẹ con bà nhà giàu ấy lại bỏ xứ, vượt biên. Tôi bút tời tả đoá Cẩm Tú Cầu để bói. Một ít, nhiều, đắng cay, say đắm... Cọng hoa cuối cùng của tôi dừng ở chữ đắng cay.

Năm năm sau. Tôi tốt nghiệp, vẫn không bạn bè. Vẫn bước tới, một mình. Với một vài tình cảm dở dang. Mọi người cho tôi là tôi quá cầu toàn. Trong vở diễn tốt nghiệp, tôi được giao đóng vai chính, xuất hiện từ đầu đến cuối. Vở kịch viết về những tâm hồn đẹp ở một bệnh viện Hansen. Một trung tâm bài phong mời chúng tôi lên ấy diễn. Anh tôi sau khi đi học tập về cũng được mời về đó làm bác sĩ điều trị.

Chúng tôi đến B. Vào một buổi chiều. Anh tôi đưa tôi xuống nhà các bệnh nhân để khoe với tôi những người đã được anh chữa lành. Chúng tôi được gặp bà Năm Huệ, rụng cả mười đầu ngón tay vẫn ngồi mi từng mảnh vải vụn, ráp thành drap, áo gối... Đối diện nhà bà là ông Bảy Tiên luôn giữ một lỗ thủng dưới đáy bàn chân mà mọi người kêu là lỗ đáo. Anh tôi nói ông Bảy rất khó dứt bệnh bởi thay vì nghỉ ngơi dưỡng sức ông cứ lén vào rừng thồ củi về bán kiếm thêm thu nhập.

Bao quanh khu gia cư đó là những mảng rừng thưa. Mặt trời lặn. Tiếng côn trùng, ếch nhái kêu đã buồn, càng buồn hơn khi anh tôi nói riêng với tôi:

- Tương lai rồi anh không ở đây lâu được. Anh không chịu nổi khi một số người có quyền ở đây ăn chặn bớt thuốc của những người cùi. Mà anh thì không thể chặn đứng được chuyện đó. Anh vẫn là người đi học tập về.

Buổi diễn gồm có hai phần. Phần đầu do người của trung tâm biểu diễn. Phần sau mới đến vở kịch của chúng tôi. Trong lúc ngồi hóa trang, tôi bỗng nghe tiếng đàn quen lắm. Bach, Mozart rồi chuyển sang cả Chopin. Tôi chạy ra cánh gà nhìn, thấy được lưng anh. Đúng Thúc rồi. Nhưng khi Thúc đàn dứt tôi phải đi thay áo quần để diễn cảnh đầu ngay. Có những lớp nghỉ, tôi rối tâm rối trí xếp đặt những lời sẽ nói với anh. Tôi sẽ nói năm năm nay, anh vẫn là người duy nhất tôi tin cậy, là người duy nhất chăm sóc tôi, người duy nhất không sợ liên lụy vì dính líu đến tôi. Tôi sẽ nói người anh bác sĩ của tôi rằng chữa Thúc hết bệnh. Tôi sẽ đợi ngày đó. Vở kịch của chúng tôi đã khẳng định bệnh

phong sẽ chữa được. Tôi lại thua nhận vật của tôi sao? Tôi sẽ đợi được mà!

Sân khấu ở nơi ấy không có màn. Tôi khóc được khi ngó những bàn tay thiếu ngón cổ vỗ vào nhau để tạo tiếng kêu vang khi vỗ kịch dứt. Buổi tiệc chiều dài ngay sau đó không có Thúc. Tôi nhờ anh tôi đi kiếm nhưng Thúc đã được bà Mộc Hương đưa về Sài Gòn ngay sau khi đàn dứt. Anh tôi cho biết lẽ ra Thúc đã về từ tuần trước vì anh tôi đã chữa dứt bệnh cho Thúc một tháng rồi. Thúc ghi vội cho tôi mấy dòng:

"Rất tiếc không thể ở lại xem My diễn. Vì My rục rờ hơn xưa nhiều quá. Xưa, còn mang bệnh trong người, không hiểu sao tôi lại có dư liệu linh diên khùng viết thư đòi My chia xẻ. Nay, tuy anh của My đã chữa cho tôi dứt bệnh nhưng tôi không còn đủ can đảm để gặp lại bạn đâu. Bạn sẽ không bao giờ quên được tôi đã có một thời gian vướng bệnh. Năm năm, nhớ bạn lắm... Nhưng tôi biết mình là ai. Và cũng biết bạn là ai..."

Tôi bỏ đám đông, chạy băng qua những khu rừng thưa, tìm vô vọng ánh đèn của chiếc xe đưa Thúc đi. Nhưng đốm sáng đó đã không còn nữa... Bạn của tôi! Người đã chia xẻ nỗi đau một thời của tôi. Bạn phải hiểu rằng nét rục rờ của tôi lúc bấy giờ phần lớn do ánh đèn và bộ màu hóa trang bôi trát lên da mặt. Bạn đã không cho tôi một cơ hội được tỏ bày.

Từ lần gặp nhau mà không nói với nhau được lời nào ấy đến nay đã thêm mười hai năm. Nghe anh tôi kể hình như Thúc đã lập gia đình với một cô gái trước đây cũng vướng bệnh như anh. Tôi cầu chúc những đứa con của họ xinh đẹp và khỏe mạnh. Tôi không tìm Thúc

nữa, dù tôi biết nơi anh ở chỉ cách tôi vài cây số đường chim bay, qua một chiếc phà.

Lẽ ra, hơn ai hết, Thúc phải hiểu rằng, chiếc vỏ bao những sợi dây thần kinh ngoại biên của đôi tay Thúc ngày nào bị bọn Hansen găm nhăm nay đã có cơ hồi phục. Còn phần tôi, nổi đau dường như không chỉ một thời. Loại Hansen hữu tình của Thúc có sanh nên có tử, nhưng loại Hansen vô hình bao bọc quanh cuộc sống tôi dường như lảng đãng một kiếp không tha.

Một trong những lý do khiến tôi vẫn sống một mình chính vì tôi không muốn lụy phiền thêm cho người khác. Coi vậy chứ cái quá khứ vương bệnh nan y của Thúc sẽ được quên nhanh hơn cái quá khứ đã lỡ có những người thân được coi là "BẮT HẢO" của tôi. Nghề nghiệp, vị thế hiện nay của tôi khiến tôi có dư khả năng cười ngọt, cười xoà, cười đối phó, cười tươi như hoa nở rộ ngày xuân... bất cứ lúc nào có người cần, bất cứ ở đâu... Nhưng mà... Thúc ơi, người bạn chưa từng thấy mặt năm xưa ơi, hiểu chứ?

Chuyện tình kể trong đêm mưa

Nguyễn Huy Thiệp

Hồi ở Tây Bắc, tôi có quen một người Thái tên là Bạc Kỳ Sinh. Tôi quen Bạc Kỳ Sinh trong dịp tình cờ. Sự việc như sau: Hôm ấy, tôi đi chợ Mường La. Chợ Mường La họp ngay bên đường phố núi. Chợ khá sầm uất, hàng giả thật lẫn lộn. Các cô gái Thái, gái Xá ngồi bán đào, mận, mắc cộc... hái ra từ trong núi. Những sạp vải hoa, phích nước, xoong nồi... buôn từ Trung Quốc sang bày bán la liệt. Những người đàn ông, đàn bà H'Mông dắt ngựa, gùi những gùi sa nhân, đảng sâm, ba kính... gùi cả những gùi nếp tan là thứ gạo nếp đặc sản có một không hai của họ, màu hồng hồng như nhuộm phẩm, rất thơm và dính.

Chợ Mường La họp từ sáng sớm, khi sương mù đang còn dày đặc, người đi chợ như đi trong mơ, cách một sải tay chẳng nhìn thấy gì. Sương mù ở vùng núi cao khác với sương mù ở vùng đồng bằng: nó dày đặc, nó như màn sữa loãng, mờ mờ bí ẩn, không hoang tưởng, không làm hại ai, nó là khí núi tan ra rồi tụ lại; nó không phải hơi nước, hơi bụi và mưa nhỏ mà ta vẫn gọi là sương ở dưới đồng bằng.

Khoảng gần trưa, khi sương tan đấy là khi chợ náo nhiệt nhất. Người H'Mông xúm xít quanh nồi *thắng cố*,

uống rượu, thổi khèn bè. Người Thái, người Xá cũng uống rượu, thổi khèn bè. Người La Hụ thổi khèn lá. Các cô gái Thái, gái Xá, gái Dao đứng tụm lại hát đối, hát gheo, hát giao duyên với các chàng trai. Có vài người nổi hứng bắn lên trời mấy loạt súng kíp, đám đông xung quanh chạy dạt ra như ong vỡ tổ.

Tôi đi chợ cũng chẳng định mua bán gì. Cũng có nhiều người đi chợ như tôi. Chợ miền núi là nơi gặp gỡ, giao tiếp, là lễ hội nhỏ, là nơi đi chơi, nơi người ta thoát khỏi nếp sống thường tẻ nhạt.

Tôi đi dọc phố chợ, đi hết chợ rồi ngược trở lại. Ở giữa chợ có một ông già người Hoa đang ngồi xem bói. Trước mặt ông già có một cái đĩa đựng ba viên xúc xắc. Người xem bói đặt tiền rồi cho ba viên xúc xắc vào một quả bầu khô lắc mạnh, sau đó đổ ra đĩa gọi là "gieo quẻ". Ông già căn cứ vào tổng số điểm trên ba viên xúc xắc để nói về định mệnh của họ. Người ta xuýt xoa, trầm trồ, sợ hãi. Tất cả đều thành thực, tin tưởng. Có cái gì vừa như huyền bí, vừa như đe dọa, lại vừa như lòng gặt trắng trợn lơ lửng đâu đây ở trên đầu đám đông. Tôi thấy vui vui, thấy hồi hộp lạ lùng và cũng định xen vào để thử vận hạn. Ngay khi ấy có người níu lấy tay tôi. Tôi quay lại, thấy một gã người Thái mặc quần áo chàm, đội mũ nổi, khuôn mặt thật thà, nói tiếng Kinh rất sôi lác đầu:

- Đừng có tin! Lừa dối đấy! Mời ông xem cái này!

Gã giơ ra trước mặt tôi một vật đen đen ám khói bếp, bản và hôi không tưởng tượng được, trông giống như một cái mề gà sấy khô:

- Đây là mật gấu 100%. Tôi bán được con gấu này ở trong Xốp Cốp. Nặng 137 cân. Tôi để cho ông giá rẻ...

Tôi cười lắc đầu.

... Tôi đi xuyên qua chợ. Bỗng tôi thấy một cô gái Thái dắt một con ngựa tiến lại phía tôi. Cô gái Thái trẻ trung, xinh đẹp, đôi mắt nông, hoang vắng và tinh khôn có phần dạn dĩ. Đi sau cô gái có hai ông già tay ôm hai con gà chọi.

Cô gái chào tôi:

- *Hây* à... Thưa ông, em muốn nhờ ông giữ hộ con ngựa một lát được không?

Tôi lúng túng, không biết trả lời ra sao thì cô gái đã dúm cương ngựa vào trong tay tôi. Cô gái nói:

- Ông đứng ở vệ đường này. Chỉ một lát thôi là em quay lại...

Cô gái cười, nụ cười rất nhiều hứa hẹn rồi chạy bỏ đi. Hai ông già đi theo cô gái ngồi thụp ngay xuống lòng đường rồi thả gà ra. Lập tức, hai con gà xông vào đánh nhau túi bụi. Đám đông bu lại thành một vòng tròn, lộn xộn, điên cuồng, phấn khích không tưởng tượng được.

Có tiếng la hét dẹp đường rồi một chiếc xe "*commăngca*" đi tới. Trên xe có mấy cảnh sát chở một người tù bị khóa tay bằng còng số 8. Chiếc xe phải dừng lại vì bị đám chọi gà cản đường. Mấy cảnh sát vừa bước xuống xe thì đám đông ồn cả lên, bao vây quanh họ, bụi cát mù mịt tung trời. Một tổ ong vàng không biết ở đâu xuất hiện, vỡ tung ngay trên đầu đám đông. Người ta hò nhau chạy, ngã dúm ngã dụi vào nhau. Tôi chưa kịp định thần thì thấy cô gái Thái lúc này xuất hiện giằng lấy tay cương. Người tù trên xe nhảy ào lên lưng con

ngựa. Tôi chỉ thoáng thấy anh ta để tóc dài, mặc bộ quần áo chàm xanh. Cô gái Thái nhảy lên theo và họ lập tức phi ngựa băng qua các mẹt hàng, sạp hàng chạy về phía đường rừng Tạ Bú, tả ngạn sông Đà.

Tôi bị bắt giam vào đồn cảnh sát. Người ta coi tôi là can phạm trong vụ cướp tù, cuối cùng không đủ chứng cứ quy tội nên chuyển tôi làm nhân chứng. Tôi phải ký tên vào một tờ khai chữ nghĩa hết sức rắc rối mập mờ. Tôi được biết người tù kia là một tên thổ phỉ, một kẻ sống ngoài vòng cương tỏa xã hội. Hắn tên là Bạc Kỳ Sinh.

* * *

Trường học miền núi nơi tôi ở nằm trên một quả đồi trọc gọi là đồi Thông mặc dầu trên ấy chẳng có một ngọn thông nào. Trên một vạt đất bằng phẳng người ta dựng lên ba dãy lớp học làm bằng gianh tre nửa. Khu nhà giáo viên gần kề ngay đó lợp ngói, vách trát "tooc si" nhưng khi mưa xuống dột còn nhiều hơn cả mái nhà lợp gianh. Vốn thích độc lập, tôi tự mình dựng một ngôi nhà nhỏ cách biệt hẳn ra, có hàng rào bao quanh cẩn thận. Ở riêng một chỗ, tôi có cái thú của kẻ tự do, nghĩa là tha hồ buông xuôi trong cảm giác cô đơn mà không để người khác nhòm thấy, không làm lụy ai cả. Ở ta, tự cô đơn là cách rẻ rúng nhất, vô hại nhất để tạo ra ảo giác về tự do, một điều xét cho cùng cũng chẳng ra gì nhưng thiết yếu để rèn luyện nhân cách cho tuổi trẻ vốn lắm mê say và dễ sa ngã.

Mùa hè năm ấy, tôi ở lại trông nom, bảo vệ trường

học. Mưa lũ kéo dài từ đầu tháng bảy đến giữa tháng chín khiến nơi tôi ở không khác gì một ốc đảo. Số gạo dự trữ sắp hết. Tôi rất buồn rầu và thương thân mình. Tôi có thể ốm rồi chết ở nơi khỉ ho cò gáy này. Tôi đã thấy mộ những giáo viên vô danh chết như thế ở Mường Hum và Chiềng Cọ, cả ở trong bản Chi cuối đường 19 nữa. Suy đi tính lại, tôi quyết định vượt qua thung lũng Chiềng Sạ vào bản Pò Mật tìm người giúp đỡ. Tôi mặc áo mưa, mang theo khẩu súng săn đã han gỉ và bị hóc đạn bên mình, mang đi theo để cho oai chứ thực ra chẳng có tác dụng gì cả. Tôi tìm đường đi xuống thung lũng.

Loay hoay hết buổi, tôi không làm sao vượt qua được thung lũng ngập đầy nước. Tôi không dám liều mạng bởi tôi không thuộc địa hình địa vật ở đây, nếu bị nước cuốn vào một khe hẻm coi như toi mạng. Tuyệt vọng, tối gần tối tôi quay về nhà, ngạc nhiên thấy ở trong nhà mình sáng ánh đèn.

Trong nhà tôi, ở giữa nhà có một đồng lửa mới được nhen lên. Một người đàn ông Thái đang ngồi thản nhiên nướng thịt gà rừng. Thấy tôi, y chẳng buồn nhìn mặt mà chỉ liếc xéo trông chừng khẩu súng săn của tôi với vẻ đề phòng.

- Ông là chủ nhà à? - Y hỏi tôi sau khi tôi đã treo súng lên tường.

Tôi chán nản gật đầu. Người đàn ông Thái nói:

- Chúng tôi sẽ ở đây ba ngày đợi lũ rút đi.

Tôi hơi ngạc nhiên vì y dùng chữ "chúng tôi". Như vậy chắc y không phải chỉ có một mình.

- Tôi không còn gì ăn cả - Tôi thông báo trước với khách, không tỏ ý thiện cảm chút nào.

- Tôi biết rồi, - người đàn ông Thái gật đầu với tôi, - trước khi ông về tôi đã lục lọi khắp trong nhà này. Cô Muôn đang đi lấy gạo.

Tôi hơi phật ý vì thái độ tự nhiên của khách. Chứng như nhận ra, y mỉm cười giới thiệu:

- Tên tôi là Bạc Kỳ Sinh.

Tôi hơi giật mình. Bạc Kỳ Sinh nói:

- Tôi đi với cô gái. Cô gái ấy là Muôn.

Đúng lúc ấy, cô gái Thái mà tôi đã gặp trước đây ở chợ Mường La bước vào, vai đeo gùi, người ướt như chuột lột. Bạc Kỳ Sinh đứng dậy đỡ lấy gùi gạo. Tôi không hiểu họ moi đâu ra gùi gạo trắng tinh ở giữa trời mưa, ở giữa nơi mênh mông đầy nước ngập này.

Bạc Kỳ Sinh và cô gái nói chuyện với nhau bằng tiếng Thái. Cô gái nhìn tôi mỉm cười:

- Em nhận ra rồi! Ông đã giúp em giữ ngựa ở chợ Mường La.

Bạc Kỳ Sinh lấy gạo thổi cơm, còn cô gái lui vào buồng thay áo. Tôi nghe thấy tiếng lục lọi đồ đạc rồi cô gái thò đầu ra cửa hỏi tôi.

- Ông giáo! Ông cho em mượn cái áo của ông được không?

Tôi nhìn Bạc Kỳ Sinh và thấy y có vẻ tán thành nên nói:

- Được.

Tôi ở miền núi đã lâu, tôi biết đàn ông Thái nhiều người có máu ghen tuông ghê gớm! Anh có thể chết như bốn vì một nhát dao nếu như vô tình ghẹo cô gái có chồng đã "*tàng cầu*" tức là đã buộc ngược tóc lên đỉnh đầu. Ở Yên Châu vài năm trước đây đã có một vụ như

thế: có một tay giáo viên người Kinh quê ở Hưng Yên đã bị xẻo mất "của quý" bằng con dao quắm to bản dùng để chẻ lạt, gã "pháo thủ" không bao giờ còn ra trận được nữa, gã phải "hồi hưu" khi mới hai mươi tuổi. Tôi không muốn như thế, năm ấy tôi mới hai mươi một tuổi đầu, chưa biết tí ti gì về chuyện "*phong hoa tuyết nguyệt*".

Một lúc sau, cô gái ở trong buồng trong bước ra, mặc chiếc áo "*phông*" sắc sỡ của tôi và chiếc váy mới. Trông cô rất đẹp, vẻ đẹp vừa hoang vắng, vừa mê đắm lại vừa man rợ.

Chúng tôi ngồi ăn cơm và cùng trò chuyện với nhau. Bạc Kỳ Sinh ít nói, đôi mắt của y lạnh lẽo, căng thẳng như mắt điều hâu, thỉnh thoảng lại sáng rực lên như có tia chớp, tia lửa. Chỉ khi nào ánh mắt của y gặp ánh mắt của Muôn nó mới dịu đi đôi chút, nó mới có vẻ như ánh mắt người. Bạc Kỳ Sinh có nụ cười dè dặt, lúc nào cũng có vẻ như giấu cọt bản thân mình hay giấu cọt ai.

... Cơm nước xong, Bạc Kỳ Sinh dựa lưng vào vách, mắt nhắm nhắm nhìn vào đồng lửa bập bùng. Ngoài trời đêm mưa vẫn không ngớt. Bạc Kỳ Sinh hát ê a một bài hát bằng tiếng Thái, lời lẽ rất ấn tượng. Có nhiều đoạn, cô Muôn cùng hát với y. Tôi nghe loáng thoáng, cố gắng tìm cách sắp xếp lại lời của bài hát này:

Pò mẹ ơi! Bố mẹ ơi...

Pò mẹ sinh con từ hang núi.

Nơi ấy có nhiều gió, lạnh lắm

Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm

Tiếng hổ gầm, tiếng chó soi hú

Những con rắn, con trăn tìm mồi

Bọn cáo chôn hôi hám rình mò
Con don, com dím nắp trong hang
Con mình trần thân trụi run rẩy
Gió lạnh lùa vào ngực con
Con nhen lửa, gió làm tắt lửa
Con sờ soạng trong bóng đêm
Và nhặt được một vật mềm, ướt át
Con sợ hãi, không biết vật gì
Nó phập phồng trong tay con
Ôi đau quá, đau nhói ở đây
Cái vật mềm, ướt át ấy
Là trai tim con rơi trên đất
Mặt đất ấy nhiều gió, lạnh lắm
Pò mẹ ơi, ai thương con
Pò mẹ ơi, ai thương pò mẹ...

Tiếng hát của Bạc Kỳ Sinh rất lạ, đơn giản như lời người nói. Tôi chưa thấy ai hát như thế bao giờ: người hát không lấy hơi, không ráng sức, khi nhấn lời hoặc ngân nga thì dịu dàng không sao kể xiết, ngậm ngùi, tê tái mà không tủi lòng; tâm trạng cô đơn lạnh buốt lẫn lộn với những khao khát nồng nàn. Tiếng hát sóng sánh, đặc như những giọt mật ong. Mỗi từ là một giọt mật. Tôi nghe hát mà nước mắt cứ thể chảy ra ràn rụa, tự nhiên không kìm lại được.

Bài hát chấm dứt. Tất cả lặng đi. Tiếng mưa rơi và tiếng côn trùng bỗng nhiên ùa vào trong nhà riết róng, nghe rõ mồn một. Không ai nói năng gì cả. Tiếng hát vẫn còn như lơ lửng bay trong không gian, vướng vào mái nhà, kèo nhà, vướng vào mái tóc, vướng vào đôi môi, cháy xèo xèo trên ngọn lửa đỏ rực.

Bạc Kỳ Sinh hát xong, y cười một nụ cười nhột nhạt, thất thần, hình như bao nhiêu sinh lực của y đã trút hết vào cho bài hát. Một lúc sau như không chịu đựng nổi sự yên lặng, Muôn cũng ê a hát. Bài hát này vũng xốt xa tẻ tái chẳng kém gì bài hát của Bạc Kỳ Sinh.

Ing noọng ơi, ing noọng ơi

*Nếu em xây nhà
Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng
Trong nhà có bếp lửa hồng
Trên bàn có cắm bông hoa đỏ và bông hoa trắng
Chăn đệm mới thơm tho
Bên cạnh em có anh
Em muốn anh ở bên cạnh em
Đấy là ước mơ của em
Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi
Ma rừng bắt anh hay ngọn lửa nào gọi anh
Anh đi về hướng nào?
Không có ai đợi anh ở đấy
Anh yêu ơi, về đây với em
Ta xây ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng
Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi?
Người thương ơi, bây giờ đi đâu rồi?*

Tôi lặng nghe Muôn hát, thấy giọt nước mắt lăn trên gò má của cô. Bạc Kỳ Sinh có vẻ xúc động. Y đưa tay ôm lấy bả vai cô gái kéo về phía mình. Khi Muôn hát xong, y nói một câu tiếng Thái rất nhanh, tôi không nghe rõ nhưng đoán là một lời chửi rủa hay một lời thề

độc. Muôn trùng mắt nhìn y ngời xịch ra có vẻ bất bình. Họ nói về một người nào đó có tên là Ngân.

Đêm về khuya, mưa càng ngày càng nặng hạt. Mưa thấm vào đất, vào vách nhà, vào lòng người... Chúng tôi ngồi yên như thế rất lâu. Lát sau Bạc Kỳ Sinh lên tiếng trước. Y phàn nàn về những điều kiện sinh sống khốn khổ ở nơi nào đó, chắc là ở quê hương y. Vùng Tây Bắc tôi đã đi nhiều, điều kiện sống của con người ở đây thật khắc nghiệt. Dân nhiều nơi chỉ đủ gạo ăn có ba tháng, còn chín tháng trong năm phải vào rừng đào củ mài. Nạn du canh du cư và triệt phá rừng làm cho quang cảnh rừng núi ngày càng thêm tiêu điều. Tôi cố tình dò hỏi tông tích gốc gác của Bạc Kỳ Sinh. Y trả lời dè dặt, nói chung chung:

- Tôi là đứa con hoang của rừng.

Y nói vậy thì thâm như lời thú tội, có phần nào chán chường nhưng vẫn ngấm ngầm một niềm kiêu hãnh đặc biệt. Tôi gọi lại chuyện xảy ra bữa trước ở chợ Mường La thì y mỉm cười:

- Rắc rối cho ông ghê lắm phải không?

Y ngượng ngịu xoa tay vào nhau rồi nói tiếp:

- Tôi đã mang ơn ông.

Sau đó y chỉ vào Muôn:

- Nhờ có con nhím này!

Mãi về sau, do nhiều người kể lại tôi mới biết rõ về câu chuyện xảy ra hôm ấy.

Đêm về khuya, tôi ngủ ở bên bếp lửa, nằm thao thức nghe tiếng mưa rơi. Trong giấc mơ, tôi cứ chập chờn về hình ảnh trái tim mềm mại, ướt át, phập phồng rơi trên đất lạnh và ngôi nhà nhỏ có cửa sổ rộng.

Những hình ảnh ấy phải chăng là nỗi ám ảnh thân phận tình yêu đôi lứa của hai người?

* * *

Bạc Kỳ Sinh là hậu duệ của dòng họ Bạc đất Mường Vài. Đây là một dòng họ quý tộc xa xưa, đồn rằng ông tổ là người Kinh đã từng làm chức thượng thư, bỏ lên Tây Bắc vì chán thời thế. Đây là vào khoảng thế kỷ XVIII, thời vua Lê, chúa Trịnh, một thời nhiều nhương trong lịch sử. Ông tổ của Bạc Kỳ Sinh lấy vợ người Thái, lập trang trại, sống nhờ vào việc buôn bán thuốc phiện với người Lào và người Hoa. Đến đời Bạc Kỳ Sinh, thời thế thay đổi, chính quyền mới đang tồn tại cùng chúng ta đây thành lập. Một đồn biên phòng đóng ngay ở đất Mường Vài. Việc buôn bán thuốc phiện bị cấm. Những người lính biên phòng thường xuyên xuống bản, giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ và giữ trật tự an ninh trong vùng. Đồn trưởng biên phòng là Lò Văn Ngân, người Thái ở Yên Châu, một thiếu uý mẫn cán và sắt đá. Số phận éo le, giữa Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh có những mối quan hệ thật trớ trêu.

Một lần, vào dịp Tết cổ truyền, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa cho thanh niên trong vùng. Chẳng đua khá nguy hiểm, phải vượt qua nhiều suối và núi đá tai mèo. Có nhiều giải thưởng, giải nhất là một con ngựa tuyệt đẹp. Muôn là cô gái xinh đẹp đất Mường Vài sẽ trao dây cương cho người thắng trận.

Mười bảy kỵ sĩ tham gia cuộc đua, trong đó có Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh. Hai người ganh đua từng

phân một và họ bỏ xa các kỵ sĩ khác. Ở chặng cuối cùng, nguy hiểm nhất là phải băng qua vực đất sụt. Nghe nói dưới đó có mạch nước ngầm từ xa xưa, mạch nước ngầm này còn lớn hơn cả con sông Đà, nhiều chỗ mạch nước ngầm phun lên làm nơi đó biến thành bùn lầy vô cùng nguy hiểm.

Lò Văn Ngân là kỵ sĩ giỏi. Con ngựa anh cưỡi là con ngựa giống sông Đông ở Nga. Hồi ấy loại ngựa này chỉ nhập vào Việt Nam có sáu con để phối giống, được nuôi ở trại ngựa Bá Vân Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đặc biệt, người ta tìm cách nhân nó lên để cung cấp cho lính biên phòng. Con ngựa này phi rất nhanh, nếu đường sá tốt có thể phi tới 300 cây số một giờ, bước nhảy của nó xa tới 4 mét. Nó cao gấp rưỡi con ngựa bình thường. Bạc Kỳ Sinh cưỡi con ngựa của người miền núi Tây Bắc, chân thấp, tướng mạo xấu xí, trông giống một con la già, chạy không nhanh nhưng dai sức, khi leo núi thì không khác gì sơn dương. Loại ngựa này đặc biệt nhạy cảm với địa hình miền núi, nó ăn rất ít và chịu được khát.

Khi qua đèo, con ngựa sông Đông của Ngân chạy song song với con ngựa của Bạc Kỳ Sinh. Đường rất hẹp, hai con ngựa chen nhau khi vượt khúc quanh ở hẻm núi. Gió thổi mạnh, con ngựa sông Đông khỏe hơn nên hất con ngựa của Bạc Kỳ Sinh xuống khe núi. Bạc Kỳ Sinh thoát chết nhờ vào sự nhạy cảm thần kỳ của con tuấn mã. Con ngựa chụm bốn vó, lăn tròn ở vạt dốc nghiêng, không hiểu làm sao móc được một chân vào thân cây dâu da. Sau này Bạc Kỳ Sinh kể lại: Lúc đó mạng sống thật là "ngàn cân treo sợi tóc". Con ngựa

hình như cũng biết điều đó, nó chỉ doãi cẳng chân ra là cả hai sẽ lao xuống vực sâu 300 mét. Gió thổi, đá cào làm nó tuột xước hết cả da. Nó run bắn lên, mồ hôi túa ra đầm đìa. Mắt nó như muốn dò hỏi: Tại sao? Tại sao lại chết vô lý thế này? Thế là nó vùng vẫy, sức lực của nó như được nhân lên gấp bội...

Loay hoay mãi, Bạc Kỳ Sinh mới gỡ được mình ra và dìu được con ngựa từ trên cây xuống. Bạc Kỳ Sinh bị thương khá nặng, xương đùi gãy, một chân bị trật khớp. Nhưng một kỵ sĩ miền núi thì chẳng bao giờ bỏ cuộc. Y vẫn tiếp tục cuộc đua. Để đến đích, nếu theo con đường cũ dễ dàng thì thất bại là chắc chắn: với hơn 20 cây số đường rừng như vậy người và ngựa sẽ kiệt sức vì mất máu. Bạc Kỳ Sinh quyết định vượt qua núi đá tai mèo để về thung lũng: đường ngắn hơn, chỉ có hơn hai cây số nhưng làm thế nghĩa là "leo núi" chứ không còn là "đua ngựa" nữa. Được cái cuộc đua không hề quy định lộ trình bắt buộc. Từ xa xưa, dân miền núi đã quen chỉ xác định hướng chứ không xác định sẽ đi như thế nào, con người phải tự mò mẫm một mình và chỉ có linh cảm, trực giác mới giúp họ vượt qua tất cả. Bạc Kỳ Sinh vượt qua vách núi tai mèo, nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay, hy vọng sống trong một phần nghìn. Không hiểu làm thế nào mà Bạc Kỳ Sinh vượt qua được. Máu loang lổ, bết đầy người và ngựa. Y đến đích không khác gì một con ma rừng.

Cuộc đua kết thúc. Không ai trao giải thưởng cho con ma rừng. Giải thưởng thuộc về Lò Văn Ngân và con ngựa giống sông Đông. Bạc Kỳ Sinh chỉ được sự tán thưởng ngầm của ít người dân miền núi lắm lì nhất, họ

có cách đánh giá riêng của họ về các giá trị con người.

Bạc Kỳ Sinh dưỡng bệnh ở nhà ông Sùng là bố của Muôn. Ông là thầy thuốc biết chữa bệnh bằng nhiều thứ lá cây rừng. Tình yêu của y với Muôn bắt đầu nảy nở trong những ngày đó. Nhưng Lò Văn Ngân, viên thiếu uý đồn trưởng biên phòng cũng rất yêu Muôn.

Bạc Kỳ Sinh khỏi bệnh vào cuối mùa thu. Lúc ấy rừng đang thay lá. Rặng cây sau nhà Muôn từ màu xanh chuyển sang màu đỏ như mận và màu đỏ của máu. Hoa đinh lăng là thứ hoa đơn ở rừng có màu vàng như là hoa tai vàng nở rất nhiều ở hàng rào đầy những dây tơ hồng cũng màu vàng như màu nhẵn vàng.

Bạc Kỳ Sinh ngồi bên cửa sổ. Muôn ngồi xe sợi ở ngoài chái nhà, cô em hát bài hát mà cô ưa thích:

"Ing noọng ơi, ing noọng ơi..."

Nếu em xây nhà

Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng...

Trong nhà có bếp lửa hồng..."

Ông Sùng hỏi Bạc Kỳ Sinh:

- Này Sinh, mày có nghĩ rằng dân miền núi sẽ có hạnh phúc lắm không?

Bạc Kỳ Sinh cười:

- Khi còn mê muội...

Muôn hỏi:

- Vậy văn minh?

- Không tốt gì! - Một người đàn ông Thái vừa bước lên cầu thang vừa nói. Đây là Lò Văn Cường, em trai ông Sùng, chú ruột của Muôn. Ông ta gửi một gửi hàng nặng. Ông ta vẫn buôn thuốc phiện từ Tam giác vàng

qua Thượng Lào sang Tây Bắc. Đêm hôm đó, Lò Văn Cường ngủ ở nhà anh trai mình. Ông bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Cháu Sinh ạ, tao đã thấy mây đua ngựa với người của chính phủ. Theo tao đi! Mây là ma rừng phải đi đường hẻm. Mây muốn con Muôn thì hãy nghe tao! Mây hãy đi gửi lên Hoàng Su Phì! Hãy nghĩ đến tiền bạc rồi sau hãy nghĩ đến đàn bà! Con Muôn nó sẽ giết mây!

Nửa tháng sau, Lò Văn Cường bị bắn chết. Những người lính biên phòng do Lò Văn Ngân chỉ huy phục kích đã bắn chết ông ta khi mang thuốc phiện vượt qua biên giới. Ngân cười con ngựa sông Đông đến chơi nhà Muôn. Anh tặng Muôn đôi vòng bạc.

Muôn nói:

- Ông ta là chú tôi.

Ngân bảo:

- Tôi không biết.

Khi Ngân đi xuống cầu thang thì con ngựa sông Đông của anh đã bị cắt mất gân chân đang nằm gục bên hàng rào. Ngân chạy lên cầu thang rút súng chĩa vào Bạc Kỳ Sinh:

- Mày giết ngựa! Mày có biết con ngựa ấy đáng giá bằng mấy mày không?

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Cắn thì tao cắt gân mày chứ không cắt gân con ngựa!

Bạc Kỳ Sinh bị bắt. Muôn than thở:

- Anh ta đang ốm.

Bạc Kỳ Sinh bị giam chín tháng trong tù. Ở trong tù, những người bạn của Lò Văn Cường chỉ cho y các mối hàng, cách đi rừng, cách chơi gái sao cho không bị

mang bệnh, cách trốn lính biên phòng, cách phân biệt tiền giả thật, tiền bạc Thái Lan và tiền kíp Lào, rất nhiều thứ mà người ta không biết phân biệt đấy là những kiến thức về tự do hay sự từng trải phóng đảng.

Một tay ăn trộm người Dao tên là Triệu Phú Đại rủ Bạc Kỳ Sinh vượt ngục. Đêm hôm ấy trời mưa to, hai người dỡ mái tôn chuồn được ra ngoài luồn rừng chạy về phía rừng Thuận Châu trốn tránh.

Ít ngày sau Bạc Kỳ Sinh tìm đường về đến nhà Muôn. Triệu Phú Đại cần nhàn:

Chúng ta phải chuồn sang Thượng Lào ngay lập tức. Loanh quanh ở đây rồi chết có ngày.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Mà biết gì về tình yêu?

Triệu Phú Đại thở dài:

- Đây là thứ tình cảm không lương thiện.

Muôn chạy ra đón Bạc Kỳ Sinh, trên tay đeo đôi vòng bạc của Ngân tặng cô.

Bạc Kỳ Sinh hỏi:

- Cô yêu nó à?

Muôn nói:

- Không biết!

Bạc Kỳ Sinh và Triệu Phú Đại ở nhà Muôn ba ngày. Triệu Phú Đại bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Mà lựa chọn đi. Hoặc đi Thượng Lào. Hoặc ở đây rúc váy con Muôn để đợi thằng Ngân đến bắt.

Năm giờ sáng, lính biên phòng bao vây nhà Muôn. Triệu Phú Đại và Bạc Kỳ Sinh nấp trong buồng kín. Triệu Phú Đại nói: - Phên này chết là chắc. Tao không tiếc gì. Chỉ tiếc mà mới hai mươi lăm tuổi.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Khi thằng Ngân bước lên cầu thang tao sẽ dí dao vào cổ nó... Khi người ta đưa ngựa tới, mỗi thằng chạy về một phía...

Bạc Kỳ Sinh treo người ở trên chái nhà giống như con dơi. May cho y là năm giờ sáng thì trời vùng núi còn tối như mực. Lúc ấy trời lại đổ mưa to. Hai người chạy thoát sang đất Thượng Lào. Bạc Kỳ Sinh nói:

- Chắc cha con ông Sùng bị bắt mất.

Triệu Phú Đạt cười:

- Có con Muôn thì chẳng sợ. Biết "*mèo nào cắn mủ nào*"!

Bạc Kỳ Sinh buôn bán dọc ngang ở vùng Thượng Lào, nhiều khi sang cả Thái Lan. Y có tiền, có nhiều thú nhưng trong lòng khôn nguôi nhớ Muôn và nhớ quê hương.

Thỉnh thoảng y tìm đường liều lĩnh về thăm đất Mường Vài. Một lần về, y bị bắt và xảy ra vụ trốn chạy ở chợ Mường La mà tôi chứng kiến.

* * *

Bạc Kỳ Sinh và Muôn trú ở nhà tôi sang ngày thứ hai thì họ cãi lộn với nhau. Cả hai đều mất bình tĩnh. Tôi không hiểu lắm vì họ nói bằng tiếng Thái rất nhanh, tôi chỉ lồm bồm biết một số từ. Tôi đoán hai người đã không đồng ý về cách giải thoát tình trạng hiện thời. Muôn nài nỉ điều gì đó nhưng Bạc Kỳ Sinh dứt khoát chối từ. Một lúc sau, Bạc Kỳ Sinh cũng nài nỉ điều gì đó nhưng Muôn không chịu. Cuối cùng Bạc Kỳ

Sinh đứng lên tru một tiếng khủng khiếp như chó sói hú. Trông y rất đau đớn. Muôn ôm mặt chạy ra ngoài trời mưa. Lúc ấy trời đã khuya lắm, Bạc Kỳ Sinh chạy theo, họ giằng co nhau một lúc lâu rồi Muôn chạy về phía rừng. Bạc Kỳ Sinh quay vào nhà, y nằm vật ra bên đồng lửa.

Tôi ngồi lặng lẽ chứng kiến hai vị khách trọ. Tôi mơ hồ thấy một nỗi thương cảm xót xa. Tại sao lại phải dày vò mình, phải dày vò nhau như thế? Hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi chưa nếm trải vị ngọt cũng như vị đắng tình yêu. Ôi tình yêu! Sau này tôi mới biết đấy là thế nào! Bạn trẻ, bạn hãy yêu đi! Nó sẽ làm cho bạn hóa rõ hóa đại, nó sẽ làm cho bạn tốt lên hoặc xấu đi thì tôi cũng chẳng biết nữa nhưng tôi biết chắc chắn đó là một điều tuyệt vời nhất trên đời, đó là thứ giá trị nhất trong mọi thứ giá trị mà Thượng đế ban cho con người. Bạn trẻ! Bạn đừng tin những kẻ nói với bạn rằng tình yêu là sai lầm! Không có tình yêu sai lầm... Đấy là những kẻ ghen tị với tình yêu, những kẻ không có cơ hội để có tình yêu, vu khống, xúc phạm tình yêu...

Suốt đêm hôm ấy chúng tôi không thấy Muôn trở lại. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên bếp lửa như hóa đá. Tôi cố gọi chuyện y. Y thở dài:

- Cô ấy sẽ không trở lại... Đàn bà rất thích những ngôi nhà có cửa sổ rộng để chuồn ra ngoài...

Trầm ngâm một lúc, tôi nói tiếp:

- Về bản chất, đàn bà đứng về phía trật tự... Không có trật tự nào dung được tình yêu to lớn...

Tôi lấy củi chất thêm vào đồng lửa. Mưa rất to. Hai chúng tôi ngồi bên đồng lửa đến tận sáng bạch. Bạc Kỳ

Sinh đã kể cho tôi nghe về tình yêu nồng cháy của y. Y nói về phụ nữ, về cuộc đời, về nhiều thứ khác.

Y nói:

- Không ai mang lại cho tôi nhiều hạnh phúc và đau khổ như Muôn. Ông đã yêu bao giờ chưa? Tình yêu dạy cho ta bước đi của hổ, của báo, cho ta sức mạnh của mãnh thú. Nó dạy cho ta sự giảo hoạt của cáo, của rắn độc... Nó khiến ta nhân đạo hơn hoặc độc ác hơn... Những kẻ hèn hạ không có tình yêu.

Tôi dò hỏi Bạc Kỳ Sinh về Muôn. Y nói:

- Cô ta cũng giống như mọi người đàn bà khác. Tôi quá điên rồi, quá nguy hiểm đối với cô ta. Trước sau gì cô ta cũng sẽ trèo qua cửa sổ để về một môi trường an toàn hơn. Cô ta chết chậm hơn tôi. Nhưng thôi, tất cả những điều tôi nói không có ích gì, sau này rồi ông sẽ hiểu...

Bạc Kỳ Sinh ở với tôi đến trưa hôm sau. Y dứt khoát trả tôi tiền trọ. Món tiền khá lớn, bằng tổng số tiền lương giáo viên của tôi trong nhiều tháng.

Tôi và Bạc Kỳ Sinh chia tay nhau. Y nói rằng y sẽ đi Thái Lan ngay hôm ấy. Cả hai không nghĩ rằng rồi sẽ gặp nhau. Tôi cũng không ngờ hai mươi lăm năm sau, tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh trong một hoàn cảnh lạ lùng kỳ dị.

Ít năm sau đó, tôi có dịp quay lại Mường La. Tôi gặp Lò Văn Ngân, bấy giờ đã lên chức thiếu tá. Ngôi nhà của Ngân ở ngay cổng chợ Mường La, ngôi nhà thiết kế giống như những ngôi nhà khác ở thành phố, tầng dưới để bán hàng hay để cho thuê văn phòng, tầng trên để ở. Ngân và Muôn lấy nhau, họ có hai đứa con, cả hai đang học đại học. Tôi gặp Ngân nhưng anh tiếp

chuyện tôi dè dặt, thậm chí có phần lạnh lùng. Chúng tôi không nói gì về chuyện cũ.

Lựa dịp thuận tiện, tôi tìm cơ hội để gặp riêng Muôn. Muôn còn rất đẹp. Cô mặc quần áo sang trọng theo lối dân thành phố. Tôi gọi lại chuyện về Bạc Kỳ Sinh thì Muôn thất kinh, hốt hoảng nói:

- Bò hụ...! Ai nhá nhắc lại chuyện cầu nưa...
(Không biết! Anh chớ nhắc lại chuyện cũ nữa).

Tôi quay lại chợ Mường La. Cũng không khác xưa nhiều lắm: các cô gái Thái, gái Xá... ngồi bán đào, mận, mắccoọc... hái ra từ trong núi, những người đàn ông, đàn bà H'mông gửi những gửi sa nhân, đẳng sâm, ba kích, nếp tan... ở góc chợ vẫn có ông già người Hoa ngồi xem bói. Không có đám đông nào vây quanh ông già. Tôi đến gần ông già đặt tiền, gieo quẻ và hỏi về số phận của Bạc Kỳ Sinh. Ông già đọc cho tôi nghe một bài thơ chữ Hán:

- *Ngộ bất ngộ*

Phùng bất phùng

Nguyệt trầm hải đế

Nhân tại mộng trung... ⁽¹⁾

Tôi thở dài quay đi ngẫm nghĩ. Tôi tự hỏi mình:

- Này số phận! Những gì tạo nên số phận? Điều gì giá trị? Điều gì vô giá trị? Điều gì trên đời này có ý nghĩa nhất cho một con người?

* * *

⁽¹⁾ *Gặp như không gặp
Được như không được
Như trăng dưới biển
Người ở trong mộng*

Tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh tình cờ khi tôi đến Mỹ mấy năm trước đây. Hôm ấy ở New York, tôi đến một quán cà phê nơi vẫn tụ tập khá nhiều nhà thơ và nghệ sĩ. Có một người Việt Nam chơi đàn ghita rất điệu nghệ. Người này hát những bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Khi nghe một bài hát tôi đã lặng đi không thể tin được. Đây chính là một phần bài hát tôi từng được nghe ngày nào:

Pò mẹ ơi... Bố mẹ ơi!

*Pò mẹ sinh con từ hang núi
Nơi ấy nhiều gió, lạnh lắm
Cuộc đời người nhiều gió, lạnh lắm
Ôi tự do, tình yêu, quê hương
Những con đường chông gai, nhọc nhằn
Con mình trần thân trụi run rẩy
Và sờ soạng trong bóng đêm
Con nhặt được một vật mềm, ướt át
Con sợ hãi, không biết vật gì
Nó phập phồng trong tay con
Đau quá, đau nhói ở đây
Con ngửa mặt lên trời và hỏi:
Đâu tình yêu? Đâu tự do? Đâu quê hương?
Pò mẹ ơi...
Pò mẹ sinh con từ hang núi...*

Người đánh đàn ghita và hát là Bạc Kỳ Sinh.

Tối hôm ấy, Bạc Kỳ Sinh đưa tôi về nhà. Đó là một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng trên gác của một chung cư. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi. Bạc Kỳ Sinh thuê ngôi nhà này ở đây và sống độc thân. Sau lần gặp tôi, y sang Thượng Lào, sang Thái Lan rồi tới định cư ở Mỹ.

Chúng tôi uống rượu suốt đêm. Bạc Kỳ Sinh hỏi tôi rất nhiều về vùng Tây Bắc Việt Nam. Tôi hỏi Bạc Kỳ Sinh xem có cơ hội trở về Việt Nam hay không. Y buồn bã lắc đầu, chỉ vào ngực mình:

- Tôi không biết. Tôi vẫn thường đau ở trong ngực này...

Y cười, vẫn nụ cười như giễu cợt ai hay giễu cợt mình. Trên tường nhà Bạc Kỳ Sinh có treo ảnh Muôn. Nước ảnh đã cũ, đã ố vàng nhưng Muôn trông rất đẹp. Tôi không nỡ nói với Bạc Kỳ Sinh là ở Việt Nam, Muôn đang sống hạnh phúc.

Bạc Kỳ Sinh ép tôi uống rượu mạnh. Cả tôi và y đều say khướt. Tôi hỏi y thế nào là tình yêu. Bạc Kỳ Sinh bảo:

- Tin tôi đi! Đây là một hung thần...

Đêm hôm ấy ở New York trời mưa rất to, mưa như ở vùng Tây Bắc Việt Nam, một thứ mưa nhiệt đới dai dẳng, tưởng như không dứt, tưởng như không thôi, tưởng như không bao giờ hết được...

Lúa hát

Võ Thị Xuân Hà

Cô bước ra khỏi bóng tối của ngôi nhà. Những giọt sương đọng trên mái gianh phản chiếu thứ ánh sáng thăm thẳm của trăng thu.

"Nhớ mua diêm và muối đấy".

Tiếng người chồng ngái ngủ vẳng ra từ căn buồng chật hẹp. Cô đáp lại chồng âu yếm. "Vâng, em nhớ rồi".

Cô kéo chiếc khăn trùm kín hai tai và cuộn tròn những đồng tiền nhét sâu vào ngực áo. Từ đây lên thành phố phải đi bộ mất hai cây, sau đó vẫy xe ở đường cái. Có tiếng nhạc phát ra từ đâu đó, trong những căn nhà phía đồi xa, nhưng cô vẫn nhận ra khúc nhạc quen thuộc dạo còn chưa đi lấy chồng (lấy chồng rồi thì lãng quên mất, nhưng giờ đây cô bỗng hình dung ra cả những ngón tay của người con trai đã gảy điệu nhạc ấy).

*Anh sẽ tiễn em đi
qua khỏi bờ sông này
và trùm khăn cho em ấm lại...*

Cô xòe bàn tay dưới ánh trăng nhợt nhạt. Bàn tay to xù rung trong bóng đêm. Hai bên đường, những dải lúa nhấp nháy sáng. Gió bốc lên từ cánh đồng mang theo mùi bùn đất nồng nàn.

* * *

"Nhưng cô không phải là người vùng này"

Người lái xe nhìn cô nhận xét. Chiếc xe tải từ từ chuyển bánh.

"Tôi làm dâu". Cô đáp.

"Tôi biết nổi vất vả của cô".

"Thật là kỳ - cô nghĩ - anh ta tự cho mình cái quyền đó. Mà cuối cùng thì anh ta là ai nhỉ?"

Cô bậm môi im lặng.

"Ở chỗ tôi người ta không thấy vất vả".

Cô cảm thấy nụ cười trầm đục của người đàn ông xa lạ. Cô xoay người một cách nóng nảy và liếc nhìn người lái xe qua tấm gương.

"Nhà tôi hết muối ăn. Cả lúa cũng cần muối..."

Cô cảm thấy mình thật vô duyên. Nhưng cô vẫn bật cười.

"Muối... hay thật đấy".

Người lái xe lẩm nhẩm. Không thể nhìn rõ gương mặt anh ta. Chỉ có hai cánh tay cứ xoay đi xoay lại như hai càng cua. Phía xa ngôi sao mai nhấp nháy rồi mờ dần. Thành phố đã ở trước mặt. Những chiếc xe lao vun vút qua để lại trong không gian mùi xăng khét lẹt, đặc quánh. Những người đàn bà gồng gánh tất tả. Những chiếc xe xích lô cọ bánh rin rít ven đường. Có thể nghe thấy tất cả âm thanh buổi sớm của thành phố...

"Ở làng tôi có tục rắc muối vào đầu vụ lúa. Chọn chín thiếu nữ bê chín lọ muối đi vòng quanh đồng, sau đó dâng đến đình làng. Chúng tôi đốt một đồng lửa trước sân đình rồi rắc muối vào lửa. Tôi cũng rắc một ít vào bếp, lấy gio bón ruộng. Lúa xanh và thơm lừng..."

"Chuyện của cô cứ như cổ tích vậy".

Cô đỏ mặt.

"Tôi kể có ra gì... Mà cũng không có chuyện để kể nữa. Thằng cu Lim nhà tôi nó cứ bắt kể chuyện ngày xưa mới chịu ngủ. Tôi bí quá. Mỗi lần ra đồng về là tôi ngồi nghỉ ở bụi tre gần lớp học nghe cô giáo kể chuyện. Nhiều chuyện hay đáo để. Ngày chưa đi lấy chồng, tôi cũng ham đi sinh hoạt thanh niên. Bây giờ thì suốt ngày mãi mê với lúa..."

Những tia nắng đầu tiên bắt đầu le lói trên bầu trời. Gương mặt gồ ghề khắc khổ của người lái xe hiện rõ trong ánh rạng đông. Cô im bật và cảm thấy lúng túng. Thực ra bóng tối làm cô tự tin hơn. Cô lấy tay vuốt vuốt mái tóc xòa xuống ngang trán.

"Cô kể tiếp đi..." Người lái xe nhắc.

"Chồng cô... chẳng hạn".

"Ôi, chồng tôi thì có gì mà kể? Suốt ngày đánh trâu ra đồng. Còn tối đến thì cánh đàn ông tụ tập nhau hút thuốc vè với nốc rượu. Lúc anh ấy tức lên thì cũng rút rào cho tôi với thằng cu Lim một trận tím người... Nhưng anh ấy tốt lắm cơ. Chẳng bao giờ bỏ tôi đi với người khác... Đàn ông các anh bây giờ...".

Cô nghe thấy tiếng thở dài nơi lồng ngực người đàn ông. Mặc dù tiếng máy xe làm hai tai điếc đặc.

"Tôi cũng không bao giờ bỏ..."

"Nhưng anh cho tôi xuống đây nhé". Cô vội đập tay vào vai người lái xe. "Tôi phải vào chùa đã".

Chiếc xe phanh lại. Người lái xe nhảy xuống mở cửa và giơ tay đỡ cô xuống. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, bỗng dưng như có một sợi dây vô hình rung trong trái tim người đàn bà. Một cái chạm tay đơn giản

giữa đường. Cô ngượng ngịu giấu bàn tay xù xì của mình sau chiếc túi bao tải.

"Thôi cảm ơn anh nhé".

"Khoan đã. Cô vào chùa thì thấp giúp tôi một nén hương".

Anh nhảy lên xe và lôi xuống một cái túi. Anh rũ ngược nó xuống lê cỏ và lục tìm.

"Tôi còn chưa trả tiền xe cơ mà". Cô chìa đồng tiền nhàu ra trước mặt anh. Anh lắc đầu và lôi ra một chiếc bật lửa được gói trong một chiếc khăn mùi xoa.

"Cô cầm bật lửa mà vào chùa"

Suýt nữa cô phá lên cười. Nhưng chiếc bật lửa lấp lánh sáng trong bàn tay run run của người đàn ông khiến cô im lặng. Có cái gì đó hết sức cô đơn và buồn thảm trong lồng ngực người đàn ông xa lạ.

"Không cần đâu. Tôi sẽ xin lửa của nhà chùa"

Cô xua tay.

"Nhưng chiếc bật lửa này... tôi không cần đến nó nữa. Tôi tặng cô đấy..."

Anh ta mở cửa xe và chiếc xe rú ga chuyển bánh. Chỉ một lát, nó biến mất sau làn khói và dòng người dòng xe trên phố.

* * *

Cô bước vào chùa. Trong tay nải cô đã chuẩn bị sẵn mọi thứ. Khách thập phương cũng đã lác đác vào chùa. Những đốm hương lập lòe phả khói trong những am thờ, cô xoay chiếc bật lửa trong tay và xòe lửa. Ngọn lửa nhỏ xíu chập chờn bắt vào bó hương.

"A di đà Phật. Nhà chùa xin thỉnh khách thập phương dùi bột nhang cho. Xin quý vị hảo tâm đặt tiền vào hòm công đức".

Cô dùi bột hương, những tàn hương tóe đỏ rực rõ trong tiếng mõ trầm đục. Cô quỳ xuống, chấp tay vái ba vái.

"Lạy đức Phật từ bi, con đầu xanh tuổi trẻ, thấp nén nhang này lạy ngài phù hộ độ trì cho chúng con là..."

Cô cúi lạy thành kính và bỏ vào thùng công đức một đồng tiền lẻ. Xong đâu đó cô bật lửa châm tiếp ba nén hương nữa.

Cô lảm nhảm lung tung. Lòng thầm nghĩ đến đứa con trai đang tha thần chơi trên hè đất.

"Con trai con còn dại lắm. Vắng con một ngày là nó bần như ma bần. Lúa nhà con đang kỳ làm cỏ. Cỏ làm xước hết tay con. Người thành phố bàn tay sao mà nõn nà thế, họ còn bày những cái máy giặt đầy đường. Nhà quê chúng con thì... Ngày xưa chưa đi lấy chồng con cũng được mẹ cho đi chơi trên này và may cho con một cái áo dài. Nhưng đến lúc cưới thì con lại không được mặc". Cô mỉm cười khi nghĩ đến người mẹ. "Mẹ con là người đàn bà lành hiền, suốt ngày bị cha con chửi. Thỉnh thoảng ông túm tóc mẹ con quật xuống đất. Chúng con khóc xin cha tha cho mẹ nhưng ông không tha. Ông bảo giống đàn bà chúng con là giống hư hỏng và bần thiú. Lúc đó Phật ở đâu hở Phật?

Mới hôm vừa rồi chồng con đem hết tiền đi gá bạc. Con khóc thì hắn cũng khóc. Tại sao lại thế hở Phật? Đáng lẽ con không nên khóc mới phải, con không chịu được nước mắt của chồng. Ngày xưa mẹ con dạy đàn bà

không được khóc, đàn bà là linh hồn của con cái. Đàn bà phải luôn mỉm cười..."

Cô cúi xuống lau những giọt nước mắt trên gò má. Đôi gò má lẽ ra thắm đỏ thì nay sạm rám vì mưa nắng trên đồng lúa.

"Nếu Phật gặp cha mẹ con ở đâu đó thì nhắn hộ con là con nhớ hai người lắm lắm. Và nhắn là con bây giờ biết làm đủ thứ, con biết nghe lời thầy, chúng con hát nữa. Đôi khi con vỗ về chúng, thế là chúng xanh mướt. Con biết nếm vị của đất, con yêu mảnh đất của con..."

Lúc rồi thì con nặn bi cho thằng Lim chơi. Nhưng thằng Lim rồi thì cũng giống như cha nó thôi, hôm nọ nó núp ở bờ rào xem con Sâm tắm. Xin đức Phật từ bi sửa lỗi cho nó.

Ôi suốt nữa thì con quên. Có người nhờ con thấp hộ anh ta một nén hương dâng Phật..."

* * *

Đến chiều cô từ thành phố trở về nhà với một túi hàng nặng. Đi qua cánh đồng làng, gặp những người đang làm cỏ, cô dừng lại khoe với họ đủ thứ mua được từ thành phố. "Nhanh lên mà làm cỏ, lúa nhà mày năm nay mướt quá cũng không hay đâu".

"Các bác đừng có ghen với nhà em". Cô trêu chọc họ: "Không phải bông dưng mà đồng đất nhà em mặn mòi đâu nhá".

"Mặn hay không chúng tôi đâu đã được nếm thử".

Họ phá lên cười.

"Liệu có được ba tạ vụ này không?"

"Cầm chắc năm tạ!". Mặt cô vụt tối sầm. "Nhưng mà lão ấy còn nợ bạc...".

Cô ngồi phệt xuống cỏ. Nhớ đến chiếc bật lửa, cô giở nải ra và cầm chiếc bật lửa lên ngắm nghía. Vỏ của nó còn bóng loáng. Đầu bắc thơm mùi xăng. Cô bật nhẹ. Một ngọn lửa nhỏ xíu lóe sáng. Sương bắt đầu rơi trên lối đi phủ đầy cỏ. Ngoài đồng từng nhánh lúa mới bén rễ cô đơn dưới bầu trời tím sẫm. Cô nhón vài hạt muối đưa lên đầu lưỡi. Vị mặn của muối giúp cô tỉnh táo. Cô đứng dậy và đi về nhà.

Từ xa cô nhìn thấy một làn khói mỏng manh từ phía nếp nhà của mình. Có lẽ con trai cô đang tụ tập với lũ trẻ trong xóm để bắn bi. Cô cảm thấy hài lòng với tổ ấm của mình.

Cô không còn nhớ đến người lái xe sáng nay, chẳng cần biết anh trôi dạt phương nào. Anh không phải là cuộc đời của cô. Nhưng có một điều mà cô sẽ luôn phải nhớ đến, đó là sự có mặt của chiếc bật lửa. Sớm trưa chiều tối, ngọn lửa nhỏ từ sợi bắc nhỏ xíu sẽ hiện diện trong nếp nhà hai vợ chồng trẻ cùng đứa con trai của họ. Nhưng cả cánh đồng lúa của họ, cả bầu trời và đức Phật từ bi của họ, và cả họ nữa, sẽ chẳng bao giờ biết rằng có một mối tình đã tan vỡ...

Tháng 3-1994

Gió lay cửa Phật

Triệu Bôn

Nhà chùa ở sát làng, được tách biệt bởi bốn bức tường rêu bám đầy như phủ nhung xanh. Trụ trì chùa này là sư thầy Đàm Hồng, một phụ nữ tuổi chưa tới năm mươi. Và, "chú" tiểu Thanh mới chừng hăm ba hăm bốn tuổi, một nữ sinh Hà Nội chính gốc.

Nếu không nhìn thấy những bữa ăn đạm bạc toàn rau răm, muối vừng, cà ghém, và không có bộ quần áo tu hành, thì nhà chùa cũng giống hệt một gia đình thiếu bàn tay đàn ông, một mẹ một con, nuôi nhau nhờ mấy mảnh vườn chùa. Sáng sáng đêm đêm sư thầy gõ mõ tụng kinh. Ngày ngày thầy trò cặm cuì vun đậu tưới rau ngoài vườn, thỉnh thoảng người này mới nói với người kia vài ba câu ngắn gọn, còn thì đầu óc họ hướng cả về miền Tây Trúc nơi có mây bay gió cuốn, muôn loài thanh thản yên vui dưới vòm trời bao la từ bi hỷ xả.

Hôm ấy trời nắng gắt, non trưa hai thầy trò dừng tay ngồi nghỉ dưới tán cây hồng xiêm. Tiểu Thanh nhẹ nhàng nói:

- Bạch thầy. Con chưa biết cách ngâm giá đỗ..

- Không khó lắm đâu - sư thầy trả lời - khó nhất là ủ sao cho mầm giá nảy đều. Mùa đậu này ta sẽ dạy cho con.

Chợt tiểu Thanh chỉ tay ra phía cửa chùa:

- Hình như có ai đến?

Sư thầy gật đầu, tỏ vẻ đã biết:

- Cửa chùa rộng mở đón khách thập phương, có gì là lạ. Có sao con hốt hoảng thế?

- Bạch thầy. Người này trông khang khác thế nào.

Nói rồi tiểu Thanh đứng dậy cầm lấy cốc, tiếp tục vun luống đậu tương. Sư thầy đi hái hoa ngâu, hoa sói, cúng Phật và còn một ít để ướp trà. Tuy chăm chú vào công việc, nhưng cả hai thầy trò chốc chốc lại đảo mắt xem chừng một người đàn ông đang đứng giữa cổng chùa. Ông ta đứng ở đó lâu lắm rồi, không tiến vào, không lùi ra, hình như cả đến đôi mắt của ông ta cũng không động dấy.

Lúc đầu thấy người đàn ông xuất hiện, sư thầy Đàm Hồng đã định sai Tiểu Thanh "con rửa tay vào pha trà chuẩn bị tiếp khách. Ta vắt nốt ngọn mướp này cho nó khỏi trườn ra ngoài giàn rồi sẽ vào sau", nhưng liền đó sư thầy lại nghĩ hăng để cho khách viếng cảnh chùa, mình thông thả vài phút cũng không sao. Giờ thấy cử chỉ khác lạ của khách, sư thầy dậm ra phân vân không hiểu ông ta cần gì, sao cứ đứng như pho tượng án giữa cổng chùa như thế?

Dù đây là chốn thôn dã, xem ra tình hình trật tự an ninh không được yên ổn cho lắm. Mới mấy hôm trước, một bọn cướp bị công an truy lùng, chúng từ thành phố chạy dạt về, giữa ban ngày ban mặt chúng dám xộc vào một gia đình phá tử, cạy hòm, lấy những thứ đáng giá nhất rồi diễm nhiên đi sang làng khác. Sư thầy Đàm Hồng thở dài âm thầm buồn. Người thoát tục để nương thân nơi cửa Phật như ta chắc gì đã được yên.

Càng về trưa nắng càng chói chang, trời lại tắt gió. Những ngọn cây trong vườn chùa im phắc trong tiếng ve sầu ra rả, khiến dây thần kinh trong người cứ như doãi ra. Thầy trò sư thầy Đàm Hồng mồ hôi ướt đầm lưng áo, bụng đói cồn cào. tiểu Thanh thưa:

- Con vào nấu cơm, bạch thầy?

- Nhưng hượm đã.

Sư thầy Đàm Hồng ý tứ chỉ tay ra phía cổng. Người đàn ông vẫn đứng như pho tượng ở đó. Ánh nắng từ phía ngoài hắt vào, viền quanh cái pho tượng ấy một đường sáng óng ánh, ngỡ như nó đang dập dờn tan chảy hoặc đang nhẹ cất mình lên khỏi mặt đất để bay vào thinh không. Sư thầy Đàm Hồng đưa vạt áo lên lau mồ hôi đọng trên mi mắt, chớp chớp, cố nhìn thật rõ để tin rằng người đàn ông vẫn còn đứng ở kia, rồi sư thầy chấp đôi bàn tay trước ngực, miệng lầm rầm:

- A di đà Phật... Quan Thế âm Bồ Tát nam mô Phật. Dữ Phật hữu nhân. Dữ Phật hữu duyên. Triệu niệm Quan Thế âm. Một niệm Quan Thế âm...

... Cả khu chùa lập tức như tách ra khỏi trái đất và bay tới một cõi xa xăm nào, một cõi u tịch, siêu thoát, đối mặt với âm dương, chênh vênh giữa giữa hư vô và địa ngục, khiến tiểu Thanh rùng mình ớn xương sống vì sợ.

Dứt lời niệm, sư thầy Đàm Hồng quay lại bảo tiểu Thanh:

- Con đừng đi đâu vội. Hãy ở đây với ta.

Hai thầy trò tự nhiên ôm chặt lấy nhau, người nọ nghe hơi thở rung bần bật trong lồng ngực người kia.

Nắng đứng bóng. Rồi nắng xế về tây. Trời vẫn ngớt ngát tịnh không gợn gió. Và người đàn ông vẫn đứng

đó, không hề động dậy. Sư thầy Đàm Hồng buông tiểu Thanh ra, thì thầm:

- Này con, con hay bình tĩnh đi ngang qua cổng chùa xem sao. Xem đó là bóng người hay bóng quỷ.

Tiểu Thanh sắp bật khóc:

- Bạch thầy. Con sợ lắm!

Nghĩ ngợi một lát, sư thầy Đàm Hồng gật đầu:

- Con sợ thì để ta đi.

Sư thầy chấp hai tay trước ngực, nghe đôi chân bủn rủn, nhưng vẫn từ từ dần bước về phía cổng chùa. Sư thầy vừa đi vừa lẩm nhẩm đọc. Trong lúc đầu óc tán loạn, điều gì chợt nhớ trong tâm tưởng thì sư thầy đọc lên thành lời điều ấy: "Nam Mô Đại Bi Hội Thường Phật Bồ Tát. Thiên thủ thiên nhiên vô ngại đại bi tâm đà la ni. Nam mô hoắc ra đất na ra dạ da...". Lời chú bị ngắt quãng khi sư thầy Đàm Hồng bước ngang qua cổng chùa, liếc thấy người đàn ông da đen cháy, to cao lừng lừng, bộ quần áo không rõ màu gì, vẫn đứng xuôi hai tay bất động, khiến sư thầy kinh hãi đến nghẹt thở.

Lúc sau, tiểu Thanh len lén vòng theo bức tường bao chạy tọt về chùa, đã thấy sư thầy đóng chặt mấy cánh cửa và đang ngồi trước cái mõ nhưng không gõ, chỉ tiếng tụng kinh lẩm rầm trong khoảng không tối nhờ nhờ. Trưa hôm đó hai thầy trò không nghĩ gì đến chuyện cơm nước nghỉ ngơi. Tiểu Thanh ngồi nép trong một góc, còn sư thầy thì tụng kinh, mở hé hai cánh cửa gỗ lim nhìn ra rồi đóng chặt lại ngay. Cái người đàn ông kia vẫn đứng y nguyên như lúc sáng.

Đói và mệt. Tiểu Thanh thêm thiếp ngủ không biết có một lúc sư thầy bật khóc nức nở...

Chuyện xảy ra hơn hai chục năm về trước. Thái lên đường ra trận được bảy, tám tháng, ở nhà Thu Hồng trở dạ sinh được một đứa con trai. Con đầy cữ, Thu Hồng bế nó sang xóm bên để nhận ông nội bà nội của nó. Nhưng bà mẹ của Thái đã cay nghiệt rít lên: "Thằng Thái lấy vợ chứ không lấy đi. Đừng mang đứa con hoang này đến đổ nợ cho nó". Thu Hồng không hề đòi co một lời. Cô lủi thủi bế con về, rắp lòng chờ đợi một ngày chính Thái sẽ về nhận con của anh. Nhưng rồi Thái không về. Đứa con của hai người lại chẳng may "bỏ đi" trong một trận bom Mỹ...

Mô Phật. Có lẽ nào con người đang đứng lừng lững ngoài kia lại chính là Thái? Sư thầy Đàm Hồng vội mở toang cửa loa ra. Lát sau, sư thầy như người chết rồi, vừa bước vào tới ngưỡng cửa đã lão đảo ngồi xệp xuống. Con người quái dị kia không thể là người yêu năm xưa của nàng. Sư thầy đã nhìn sát mặt người ấy, và hỏi "Chư vị là ai?", nhưng đôi mắt trắng già vẫn trũng trũng trên khuôn mặt đen nhénh nhánh màu đồng hun. Không có vết sẹo bé như một mảnh vỏ trấu dính vào đuôi mắt bên phải. Không có ngón chân út ở bàn chân trái bị trâu giẫm bẹp lép. Không có ánh mắt nồng nàn, hồn nhiên như trẻ thơ. Không có chút hơi hướng nào của Thái!

Quên cả tâm niệm của người thoát tục, sư thầy Đàm Hồng mặc cho những giọt nước mắt cay cực lăn chã tuôn xuống đôi gò má nám hồng. Hình như những giọt nước mắt ấy đã động tới cõi cao xanh nên trời đang trong treo bóng âm âm nổi cơn giông. Lá khô ào ào trút xuống mảnh sân hẹp. Chớp sáng lòa ngoài cánh đồng. Mái chùa

rung rinh vì những tiếng sét đánh xuống sau rặng cây mít cây xoài cổ thụ. Sấm sét làm tiểu Thanh giật mình choàng thức dậy lúc sư thầy đang lặng lẽ châm lửa vào cây đèn dầu trước tượng Phật A Di Đà.

- Bạch thầy - tiểu Thanh ngơ ngác nhìn quanh và cất tiếng hỏi - Trời đã tối rồi ư?

- Tối rồi con ạ. Ta thấy con ngủ say, vừa không muốn đánh thức con dậy nhưng lại lo con đói.

- Còn cái người đứng ngoài cổng, chắc ông ta đi rồi chứ ạ?

- Con thử ra xem. Lúc này ta thấy người ấy vẫn còn đứng đấy

Tiểu Thanh chạy ra lại chạy vào ngay, mặt tái mét:

- Bạch thầy. Ông ấy vẫn đứng thế. Làm thế nào đây ạ?

Trời bắt đầu sa mưa. Những hạt mưa to và nặng gõ lạch tạch vào bức tường vách ken bằng ván lim. Sư thầy ngồi lặng phắc giữa cái bệ đọc kinh, mắt lóe sáng biết mình không còn cách hành động nào khác hơn được nữa. Đoạn, sư thầy nói như ra lệnh:

- Tiểu Thanh con. Lấy cho ta con dao bổ củi. Còn con hãy cầm lấy cây cuốc chim!

Tiểu Thanh y lời làm theo. Khi sư thầy cầm con dao bổ củi nhứ nhứ trong tay như định chém về phía trước, tiểu Thanh mới rụt rè hỏi:

- Minh sẽ đuổi người kia đi hay sao, thưa thầy?

- Ừ. Phải đuổi thôi.

- Nếu người ấy không chịu đi thì sao ạ?

- Mô Phật. Pháp giới trước tiên của kẻ tu hành là tránh làm điều ác. Nhưng luận bàn về cái ác cũng có

năm bảy đường. Ngay như đức Điều Ngự giác Hoàng thuở xưa, cũng phải nam chinh bắc chiến đến nỗi "xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã" rồi mới thoát tục trở thành Phật tổ của Thiên phái Trúc Lâm cơ mà. Vậy nên, nếu người đó không đi, mà lại giở trò này nọ, thì con phải mở đường thoát ra khỏi chùa rồi chạy đi báo công an. Còn chuyện đối phó với y ra sao, cứ để mặc ta.

Nói đoạn, hai thầy trò tay lăm lăm vũ khí, mở cửa tiến ra cổng chùa giữa mưa gió. Hình dáng người đàn ông có chớp sáng mới hiện ra trong vài giây. Hai thầy trò nép vào cây ngâu, còn cách cổng chùa một vạt sân. Sư thầy bấm tay tiểu Thanh bảo nhỏ "Con hãy bình tĩnh nhé" rồi lớn tiếng quát:

- Ông kia! Ông cần gì ở đây?

Im lặng.

- Nếu ông cứ trêu gan thế, tôi chém đấy! - sư thầy Đàm Hồng dồn hết sức lực trong người, hét vang - Đi đi. Đi ngay đi!

Tình thế thay đổi hết sức bất ngờ. Nghe tiếng hét của sư thầy Đàm Hồng, gã đàn ông đứng im thêm một lát như sẵn sàng giơ ngực chịu trận, nhưng ngược lại sư thầy Đàm Hồng đã để rơi con dao đánh xoảng. Gã bỗng ngửa cổ cười sảng sặc, rồi quay người bước ra khỏi chùa.

- A ha ha. Tôi chỉ cần có thế, chứ chẳng cần gì khác. Nam mô A di đà Phật. Chào sư thầy, tôi đi đây. A ha ha...

Cái bóng của người đàn ông mất hút vào lối ngõ chùa tối mịt, nhưng tiếng cười ngân nga như hát của gã vẫn văng vẳng vọng lại: "Nam mô A di đà Phật. Đức phật đại từ đại bi. A ha ha...".

Có một lúc nghe tiếng cười kia sư thầy bỗng sùng sốt thốt lên: "Mô Phật. Chẳng lẽ lại là con người ấy?". Con người ấy cũng sinh ra ở cái làng này, cùng đi bộ đội với Thái một ngày nhưng sau đã đảo ngũ - Gã là người đầu tiên báo cho Thu Hồng cái tin sét đánh rằng Thái đã hy sinh, nhưng không hiểu tại vách mạch rừng thế nào mà dân làng lại có lời xì xầm chính hắn đã nhân lúc bom rơi đạn nổ giết chết Thái để quay về chiếm đoạt tình của Thu Hồng. Về sau gã lại bỏ làng đi, nghe đâu nhập bọn với một băng cướp hay băng buôn lậu sống lén lút trên rừng.

Vào những ngày Thu Hồng dọn mình chuẩn bị xuống tóc đi tu, đang đêm gã lén về ấn vào tay Thu Hồng một con dao găm sáng loáng, khấn khoản xin Thu Hồng hãy đâm cho gã một nhát vào tim chứ nàng đừng uổng phí tuổi xuân trong kiếp người tu hành... Nhưng tiểu Thanh hỏi người ấy là ai, sư thầy Đàm Hồng liền gạt đi: "Không. Không. Con vào lo cơm nước đi. Suốt ngày nay thầy trò ta sắp chết đói rồi".

Đêm ấy, sau buổi tụng kinh thường nhật, sư thầy Đàm Hồng đặt mình lên giường là lịm ngay vào giấc ngủ mê mết. Trận mưa tạnh từ lâu, nhưng gió còn giạt từng cơn trên tấm rèm trúc che dọc hiên chùa. Trong tiếng lật phật gió lay lúc khoan lúc nhặt, sư thầy Đàm Hồng thấy một tòa sen từ trên mây xanh lẳng đặng trôi xuống gần ngôi chùa, và người ngự trên tòa sen chẳng phải ai khác mà chính là Phật Quan Thế âm Bồ Tát. Đức Bồ Tát mỉm cười vô cùng dịu hiền hỏi sư thầy Đàm Hồng:

- Này con. Con có biết sự tích của cây cờ phướn nơi cửa chùa không?

- Thưa, con có biết ạ. Mô phật...

- Con hãy kể ta nghe.

- Thưa, thuở xưa có một vị cao tăng trên đường lên Tây Trúc cầu được làm phật. Một tên tướng cướp gặp vị cao tăng và hỏi muốn thành phật phải làm thế nào? Vị cao tăng trả lời rằng muốn được làm phật thì chỉ cần tấm lòng. Nghe nói thế, tên tướng cướp liền rút gươm tự mổ bụng cắt trộn bộ lòng của mình trao cho vị cao tăng, nhờ vị cao tăng mang hộ đến cửa phật. Trên đường đi phải vượt thác băng ghềnh, bộ lòng của tên tướng cướp lâu ngày bốc lên mùi hôi hám, vị cao tăng bèn vút vào rừng để đi cho nhanh. Khi vị cao tăng lên đến đất phật thì đã thấy ông tướng cướp này được thành phật đang ngồi đấy rồi. Thưa, lá cờ phướn nhắc nhở tăng ni phật tử cùng bá tính quần sinh nhớ đến sự tích ấy ạ. Chẳng hay con nhớ như vậy có đúng không?...

Sư thầy Đàm Hồng quay lại định hỏi Phật Quan Thế âm thì Người đã biến đi rồi, chỉ còn lại tiếng gió lay mảnh trúc lẫn trong mùi hương thơm ngan ngát. Sư thầy sực tỉnh, nhớ ngay đến chuyện mình cùng tiểu Thanh mới đuổi người đàn ông kỳ dị nơi cổng chùa lúc tối. Từ đó trong người sư thầy Đàm Hồng cứ bồn chồn không yên. Sáng ra, sư thầy Đàm Hồng mỗi một miếng ăn biếng làm, rồi thành ra ốm nặng.

Mấy ngày liên sư thầy Đàm Hồng không dậy được, tiểu Thanh vô cùng lo lắng. Sáng hôm ấy tiểu Thanh đi mời một vị danh y ở huyện bên đến chữa bệnh cho sư thầy. Vị danh y bảo tiểu Thanh hãy về trước, ông chữa bệnh nốt cho mấy người nữa rồi sẽ sang sau.

Tiểu Thanh về bạch lại tình hình để sư thầy yên

tâm. Nhưng sư thầy hình như đang bận tâm chuyện khác. Sư thầy bảo tiểu Thanh ngồi xuống bên mình, và thì thầm nói:

- Không hiểu ta mắc vào nghiệp chướng thế nào, vừa rồi ta lại nằm mơ thấy người đàn ông đứng án trước cổng chùa hôm qua...

Còn một chi tiết rất quan trọng trong giấc mơ, sư thầy không kể cho tiểu Thanh nghe. Người đàn ông sư thầy Đàm Hồng gặp trong mơ hoàn toàn không phải cái gã lý lợm và quái đản kia, mà chính là chàng trai có tên là Thái. Sư thầy đã ôm chầm lấy Thái, hôn như mưa như gió lên vết sẹo nhỏ như mảnh vỏ trấu dính ở đuôi mắt bên phải của chàng, nước mắt Thu Hồng đã tưới chan hòa lên vết sẹo ấy, lên gương mặt đáng yêu ấy. Nhưng, tới phút sư thầy ngả đầu lên ngực Thái, đòi đi theo Thái, thì chàng đã lảng lạng bỏ nàng lại mà quay mặt đi.

Ngỡ như giấc mơ còn đang tiếp diễn, sư thầy Đàm Hồng lại nghẹn ngào khóc. Tiểu Thanh chạy ra lấy tấm khăn mặt vào lau nước mắt cho sư thầy Đàm Hồng, mới hay người sư thầy Đàm Hồng đã lạnh như đồng.

Lúc vị danh y huyện bên tới, sư thầy Đàm Hồng đã lâm vào tình trạng mê sảng. Sư thầy thì thầm nói với người trong mộng: "Thái ơi, cho em đi với. Sở dĩ em gửi thân vào cửa Phật chỉ cốt có đủ thời gian đợi chờ anh. Đừng bỏ em mà đi. Một mai lên tới cõi niết bàn nhưng thiếu anh, một mình em lên đó để làm gì? Thái ơi! Con ơi!...

Vị danh sư đặt mấy ngón tay vào cổ tay sư thầy Đàm Hồng để bắt mạch. Ông cụ lắc đầu ái ngại, lâu lắm mới thở dài nói với tiểu Thanh:

- Còn nước còn tát. Tôi bốc một thang thuốc này - ông cụ vừa nói vừa đặt cái tay nải đựng thuốc xuống giường - chú tiểu đun thuốc sôi tới đâu chắt ngay cho sư thầy uống tới đó. Uống liên tục. Thế mà không được nữa thì đành chịu.

Đúng như lời vị danh y tiên đoán. Đêm ấy, vào lúc chính Ngọ, sư thầy Đàm Hồng đã trút hơi thở cuối cùng.

Sư thầy ra đi thản nhiên, nhẹ nhõm, như một chiếc lá rụng về cội. Khi khâm liệm cho sư thầy, ai cũng ngạc nhiên thấy gương mặt sư thầy vẫn nhuần nhụy, tươi tắn như lúc sư thầy còn sống.

Một vị sư già dẫn theo mấy nhà sư trẻ từ trên hội Phật giáo của tỉnh về cùng với các nhà chức trách địa phương lo tang chay cho sư thầy Đàm Hồng. Trong đêm làm lễ siêu tịnh cho sư thầy Đàm Hồng, đèn nến sáng rực chùa. Tiếng tụng kinh ngân nga âm vang như những ngọn gió thiên bay mãi bay mãi lên vòm trời đêm mông lung. Riêng tiểu Thanh, cứ nghĩ đến chuyện xong lễ cầu này là vị cao tăng cùng các nhà sư sẽ về chùa trên tỉnh, bà con dân làng sẽ ai về nhà ấy khắp khu chùa quanh quẽ và um tùm cây cối này sẽ còn lại chỉ một mình tiểu Thanh, là nước mắt tiểu Thanh lại tràn ra.

Vì mãi tụng kinh, chẳng ai để ý đến tiểu Thanh khóc rũ rượi trong một góc chùa. Bỗng tiểu Thanh mơ hồ nghe tiếng một người thì thầm ở quanh đầu đây: "Này con. Khóc lóc như thế không phải là cách tiếc thương của những người tu hành chúng ta. Con quên lời Phật dạy rồi ư? Sự sống, sự chết chẳng qua chỉ là

một bước chuyển vùn trong cõi luân hồi mà thôi. Mỗi khi con nghĩ đến ta, tức là ta vẫn ở bên con đấy...".

Tiểu Thanh nhận ra ngay giọng của người đang nói chính là giọng sư thầy Đàm Hồng. Tiểu Thanh bàng hoàng gọi: "Thầy ơi! Thầy đang ở đâu?" thì giọng nói ấy im bật.

Dăm hôm sau đám tang sư thầy Đàm Hồng, người đàn ông hôm nọ trở lại ngôi chùa. Trông thấy ông ta, tiểu Thanh sợ hết vía, nhưng ông ta ôn tồn bảo rằng ông ta biết trong thời gian chờ đợi có một nhà sư mới về thay sư thầy Đàm Hồng, tiểu Thanh rất cần có người giúp đỡ, và ông trở lại chỉ vì lý do ấy.

Nào - ông ta nói - Mang cuộc, mang bình tưới ra. Bác cháu mình đi làm vườn đi.

Tiểu Thanh ngập ngừng:

- Nhưng... bác là người thế nào ạ?

- Bác là gì ư. Bác không phải là nhà sư. Bác không thích tu hành.

Có được một người cùng làm, dù sao tiểu Thanh cũng thấy vui vui. Người đàn ông cầm cuộc vun xới thoăn thoắt, miệng bập hết điều thuốc này đến điều thuốc khác, thỉnh thoảng lại tìm cơ hội để chuyện trò cùng tiểu Thanh.

- Cháu có bao giờ nghe sư thầy nhắc đến một người tên là Thái không.

- Thưa không.

- Còn một người nữa tên là Ngự. Có không?

- Không.

- Thế là bà ấy không hề kể về cuộc đời của bà ấy cho cháu nghe!

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

- Thưa vâng. Nhưng... ông là ai mà biết sư thầy của cháu ạ?

Người đàn ông mỉm cười chua chát, trả lời rằng ông ta là một "con nợ" của sư thầy Đàm Hồng, một món nợ không sao trả được. "Chỉ nên biết đến thế thôi, cháu gái ạ!".

Thương nhớ Hoàng Lan

Trần Thùy Mai

Tôi sinh ra dưới một mái chùa. Nghe kể rằng sư phụ tôi khi ấy còn trẻ, một hôm đi ngang bỗng động tâm hỏi: "Mô Phật, sao sau chùa lại phơi tã lót?". Nghe chuyện đời cha tôi, thầy bảo: "Hãy nhớ ngày này. Nếu có cơ duyên, mười năm sau ta sẽ trở lại". Trở về thầy bỏ tăng viện, lên một ngọn núi hẻo lánh trong rú xa, dựng mấy nếp nhà cỏ. Từ ấy, thầy ẩn tu, hiếm khi xuống núi.

Lớn lên, tôi giống cha như đúc và rất được mẹ yêu chiều. Cha tôi mắt sáng, mũi cao, tiếng nói trầm ấm, tính tình hiền hòa trung thực. Khi còn là một chú tiểu đầu để chỏm, người đã nổi tiếng thông minh, mười lăm tuổi chép rành kinh chữ Hán. Rồi vì học giỏi, được cử làm giáo sư ở trường Trung học Bồ Đề, một trường phổ thông tư thục của Giáo hội. Lúc người sắp được phong Đại Đức thì gặp cô bé nữ sinh tình nghịch, có đôi mắt hút hồn, đôi môi đầy đam mê và cái tính thích gì thì làm cho bằng được. Ban đầu, cô bé chỉ định quấy phá chơi để thử bản lĩnh của thầy. Nhưng rồi tình yêu là lửa, chính người muốn đốt lại cháy. Cả chùa ngán ngoso khi người thanh niên đạo hạnh vòng tay thưa trước sư cụ trụ trì: "Yến bệnh nặng đã bốn tháng rồi, sợ rằng cô ấy chết. Thầy dạy con tu hành để cứu chúng sinh. Nay

con có thể cứu một sinh linh, sao lại khước từ". Cha tôi rời chùa, cô Yến khỏi bệnh rồi hai người thành vợ thành chồng. Ông bà tôi để lại một ngôi nhà, cha tôi cho dỡ đi, xây vào chỗ đó một ngôi chùa tư. Đã không bỏ đời theo đạo được, thì ông đem đạo về giữa đời. Sau khi đã có con, ông vẫn ăn chay, mặc áo nâu và tụng kinh sớm chiều. Có lần mẹ tôi đi chợ mua một xâu ếch, những con ếch theo phản xạ cứ chắp hai chân trước vái lia lia. Một bà đi ngang bảo mẹ tôi: "Mấy con ếch lạy khéo không thua thầy M.H". Rồi bà cười ha hả: "*Đi tu mà chẳng trót đời, làm thân con ếch cho người lột da*". Tính mẹ tôi mau nước mắt, cứ vừa đi vừa khóc thút thít cho đến lúc tới nhà. Tối đó bà kéo nhều mãi, nắn nỉ mãi cha tôi tội gì không để tóc, ngả mặt, làm người trần cho sướng cái thân. Tu kiểu này, người ta nói không chịu nổi. Cha tôi chỉ cười, dường như chẳng để tâm. Cả đời người không tranh giành với ai mà như có phép thần thông, chạm vào đâu thì phát lên đến đó. Cơ sở làm hương trầm của người càng phát triển, mẹ tôi càng béo đẹp ra thì lời đàm tiếu của thiên hạ càng rần rần. Cuối cùng, chẳng hiểu vì sao, mẹ bỗng đột ngột bỏ đi mất tăm...

Cô ruột tôi giận lắm bảo: "Mẹ mi là con yêu tinh, khi trước đã phá đời tu của cha mi, chừ lại phá luôn đời tục của ông". Ai cũng khuyên đừng báo thù, nhưng cha tôi chỉ nói: "Đừng". Ông không trách móc gì, nhưng có lẽ ông buồn, tiếng tụng kinh đêm khuya chừng khắc khoải. Chao ôi, với những con thuyền khắc khoải ấy, kiếp nào cha mới đến Tây Phương?

Cơ sở làm hương từ đó phó mặc cho cô tôi. Cô tôi cho chặt cây, nhổ cỏ, sửa sang lại cho khu vườn sáng sủa:

"Thiệt là hư sự, ai đòi lập chùa mà lại trồng hoàng lan trong sân. Mùi hoàng lan là mùi ma, hèn chi ma chướng nó phá cho như thế nì".

Tôi rân rân nước mắt nhìn người ta chặt cây hoàng lan, cành lá vút bừa bãi trên mặt đất. Ngày xưa, gội đầu xong mẹ tôi thường hái hoa giấu vào búi tóc cho thơm. Bây giờ người đã đi, hoa cũng không còn...

Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diệu Đế. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo: "Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?". Tôi chỉ lắc đầu...

Nơi thầy tôi ẩn tu là Bích Vân am - am Mây Biếc. Mười năm khai sơn, thầy đã cùng đồ đệ trồng hơn hai chục mẫu bạch đàn và ba ngàn giò phong lan đủ loại. Các sư huynh dạy tôi chăm hoa, tưới cây mỗi sáng. Buổi chiều đi học ở trường Nam Giao. Năm mười lăm tuổi, tôi bắt đầu chướng tính. Sư huynh hặc tôi: "Bạch thầy, Đăng Ninh trốn học, la cà ở quán cà phê Tím. Người quanh đó ai cũng chê cười, họ nói cô ruột Ninh làm hương giàu có, cúng dường nhiều tiền nên thầy thả cho Ninh tha hồ tự tung tự tác". Tôi ức, lậm lì không nói, thầy cũng không quả. Tính thầy rất nghiêm, không mấy khi la rầy mà đồ đệ ai nấy tuân lời răm rắp. Chỉ riêng với tôi, không hiểu sao thầy đặc biệt khoan thứ. Sợ thầy phạt, đợi lúc sắp vào tụng kinh, tôi biện bạch: "Bạch thầy, ngày xưa cha con thường bảo: tu trên núi dễ, tu giữa chợ mới là khó. Không ở giữa đời làm sao hiểu đời đục mà tránh?". Thầy hỏi: "Ai bảo con là đời đục? Đời không đục, không trong". Tôi hựt hẫng, không hiểu ý thầy định nói gì?

Tu trên non bây giờ thật ra cũng không phải dễ. Thầy tôi tránh đời vào núi sâu, nhưng rồi vườn lan Mây Biếc nổi tiếng quá nên người trần lại kéo lên thưởng ngoạn. Thứ bảy, chủ nhật, học trò đạp xe lác đác trắng trên con đường mòn tới thảo am. Mấy cô nữ sinh nhỏ tuổi mê hoa ngẩn ngơ ngắm bông súng tím trong hồ, chạy vào đến tận hiên, chỗ thầy ngồi viết sách. Thầy không quở, cũng không ngẩng lên nhìn. Một cô bé chạy đến gần tôi, nhìn làn sương li ti mà tôi đang xịt lên những chồi đang đơm nụ. Cô hỏi tôi tên hoa, tôi giảng: "Đây là giống Tiểu Hồ điệp, nghĩa là bướm bướm nhỏ. Em thấy không, trông xa chấp chới như đàn bướm cải màu vàng". Cô chìa hai bàn tay với những ngón búp măng, húng sương. Tôi cau mày: "Này, đừng nghịch". Cô bé cứ đùa với những bụi nước, chẳng để ý lời tôi. "Anh cứ tưới đi, em cũng là Lan". Tôi cúi, xịt cho nước rơi ướt cả tóc, cả áo cô bé. Mấy cô bạn cười rúc rích, khi về có cô còn nói vọng lại: "Con Lan hên quá, gặp chú tiểu vừa đẹp trai, vừa quậy". Tôi tủm tủm cười. Sư huynh tôi cúi kính: "Mấy con Thị Mầu đời nay quá quắt lắm. Bay không biết quyến rũ sư tăng là tội đạo địa ngục hử?". Tôi cự: "Người ta chỉ đùa thế, có gì mà gọi là quyến rũ".

Từ đó, vài ba hôm một lần, Lan lại đến giúp tôi tưới hoa. Tôi dạy cho cô biết về phong lan, đây là cả một thế giới còn đa dạng hơn thế giới người. Phượng Vĩ đỏ rực, Tuyết Điểm thì trắng, Vũ Nữ thì như đang múa trước gió. Lan phụng phịu: "Hoa nào cũng có tên riêng, chỉ em không có". Tôi nhìn khuôn mặt cô, đôi mắt trong trẻo với cái miệng cười hồn nhiên như trẻ thơ. "Vậy tôi đặt cho cô một cái tên. Tên cô là Tình Khôi".

Thầy biết tình thân giữa tôi và Lan. Sư huynh không vui lòng, thầy chỉ bảo: "Không can gì". "Bạch thầy, người này có bạn thì người kia có bạn, rồi con gái kéo đến đây thảo am, còn ra cái thể thống gì nữa?". Thầy gật đầu. Chiều lại, tôi mài mực hầu thầy, thầy đem cho tôi xem bộ tranh mười bức vẽ mực đồng chân trâu: "Đây là thập mực ngư đồ, cũng là quá trình tu học của một con người. Trâu không là trâu, mà chính là cái tâm ta đó". Tôi động lòng, hỏi: "Bạch thầy, con xem bức vẽ cuối cùng, không còn trâu chẳng còn người, chỉ còn trăng soi. Vậy có gì phải sống trong dây trói. Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ là bậc ngộ đạo mà không kiêng rượu thịt, vì chay mặn chỉ là hình tướng bên ngoài, không can hệ đến sự giác ngộ bên trong". Thầy cười: "Đúng, con ạ, với bậc đắc đạo là thế. Nhưng khi ta còn là một người phàm, thì cũng như con trâu kia, phải có sợi dây buộc, có người chăn dắt. Đến khi cái tâm vững rồi, sáng rồi mới có thể như trâu đen thành trâu trắng, không ràng không buộc, chẳng những nhón nhờ trên cỏ xanh mà còn bay lên đến chín tầng mây". Tôi vái thầy mà thưa: "Con hiểu rồi, nhưng nhà chùa chẳng thể xua đuổi ai. Từ mai con xin thôi không giữ vườn lan nữa".

Mấy hôm sau, Lan thấy sư huynh ra tưới vườn, còn tôi thì chẻ củi. "Anh không thích phong lan nữa sao?". "Không. Muốn hồng nghìn tía, chẳng qua cũng chỉ để nhìn trong chốc lát. Một đời tôi chỉ riêng nhớ hoa hoàng lan". Tôi giảng cho cô bé biết hoa hoàng lan cánh mảnh mai, vàng như màu chim hoàng yến. Thuở trước, cứ sắp rằm, mồng một, các bà hàng hoa lại đến mua, họ gói hoa trong lá chuối, từng gói nhỏ xinh xinh tỏa thơm

ngây ngất. Lan bảo: "Thích ghê, em chưa thấy bao giờ". Ủ, loài cây ấy có lẽ giờ đây đã tiệt giống rồi hay sao, nhiều lần theo sư huynh đi chợ mua bông chuối, tôi để ý tìm mà không thấy nữa. Tôi lớn lên lòng băng khuâng như thiếu vắng một thứ gì, cứ mơ hồ nhớ nhớ, thương thương...

Cuối năm, anh em tôi kẻ kéo người đẩy, chở phong lan xuống phố đổi gạo. Ông chủ tịch hội hoa cảnh hài lòng lắm khi thấy những giò mُمْ mُمْ với chồi xanh đầy nụ. Ba bao gạo lớn được bung ra. "Cha ơi, con có làm một ít bánh trái cây để cúng dường". Tôi nghe tiếng, quay lại, sững người vì thấy Lan. Ông chủ tịch âu yếm bảo: "Cúng dường thì phải cung kính. Con phải tự lên chùa lạy Phật mà dâng". Tôi hãi hồn, vội nói: "Thôi thôi, khỏi phiền nữ thí chủ. Nhận ngay ở đây". Lan bật cười, lại cái cười tinh khôi. Rồi Lan nhìn tôi buồn thiu: "Sao lâu nay anh không ra vườn? Em lên chùa, biết anh trong bếp mà mấy chú không cho vào. Riết rồi em buồn không muốn đến nữa".

Mấy buổi sau, tôi theo các bạn cùng lớp vào quán. Lan ngồi ở đó, sau chiếc bàn con bên cửa sổ. Các bạn tôi ai cũng nhìn về phía Lan còn cô bé chẳng nhìn ai, cứ lặng lẽ một mình. Ngồi ở một bàn xa mà tôi như thấy cả bầu trời hoàng hôn tím, tím ngát ngoài kia đang in trong mắt Lan. Mãi đến khi chúng tôi ra về, Lan mới ngoái nhìn, ánh mắt thơ ngây mà náo nùng. Bỗng dưng đỏ mặt, rồi tôi thấy hoảng sợ vì mình đã đỏ mặt...

Một người con gái chiều nào cũng ngồi ở quán Tím, chẳng bao lâu đã thành đề tài để bọn con trai bàn tán.

"Con Lan sữa tươi trông xinh vậy chứ nó mắc bệnh,

bệnh sợ đàn ông. Đếch thằng nào đến gần được, nó tránh như tránh tà". "Không phải đâu, nó giữ giá để chờ lấy Việt kiều, thằng Hùng ở Call về ngày nào cũng trực ở nhà nó". "Giữ giá cái gì, nó ưa thằng Quán chạy bàn ở quán cà phê Tím. Tao thấy nó ngồi một bàn với thằng Quán, khóc rưng rức". Tôi im lặng, một lát sau mới bảo: "Khó tin". "Ồ đời chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra - Bạn tôi nói, về ông cụ non - Chiều qua chính mắt tao thấy nó chạy ra sau quầy đưa bức thư cho thằng Quán".

Đạp xe về đã đến quá lảng Tự Đức, tự nhiên tôi bứt rứt không chịu được. Tôi quay xe, đạp về nhà Lan. Mưa phùn lướt thướt trên con đường về Bao Vinh xa tắp. Mẹ Lan hỏi: "Nhà chùa có việc gì mà nhấc cháu lên? Thấy Quán về nhấc, tôi cho cháu đi ngay rồi". Tôi tái mặt, không kịp chào, đạp xe đi như tên bắn. Tim tôi dội thình thịch vì âm vang những lời của sư huynh khi Lan mới lên thảo am lần đầu: "Cô gái này đẹp dễ thanh tú nhưng đuôi mắt dài quá, môi mỏng, cổ cao, tai nhỏ. Đây là tướng hồng nhan mệnh yếu"... Trời chấp choạng tối, tối Nam Giao. Nhìn dáo dác hai bên đường, tình cờ thấy Quán và Lan cùng ngồi trong quán ốc. Quán gọi rượu, đang ép Lan uống. Lan lắc đầu, Quán cố nài. Tôi đi vào, đâm mạnh vào mũi Quán: "Đồ lừa đảo. Từ nay chùa cái thói dối gái đi". Quay sang Lan, tôi nạt: "Đi về!". Không biết Lan có bị một thứ thuốc mê gì không, mặt ngây ngây như bị bỏ bùa. Tôi chở Lan đi. Quán biết tôi có võ Thiếu lâm nên đành chịu phép, hậm hực, chùi máu mũi nhìn theo, cái nhìn của con thú mất mồi...

Trên đường về, Lan tỉnh lại, gục mặt vào lưng tôi, khóc: "Em nhờ Quán chuyển đến anh nhiều thư, anh có

nhận được không?". Tôi cau mặt: "Em khờ lắm, sao lại đi với thằng Quán?". "Quán bảo em uống vài chén cho ấm rồi lên đàn Nam Giao chờ Ninh đến". "Em đừng quên, tên em là Tinh Khôi. Đừng đại dốt để bọn lưu manh làm nhơ bẩn". Nước mắt Lan chảy thấm qua chiếc áo lam của tôi, thấm vào đến da thịt. Dừng xe, tôi ngồi xuống vệ cỏ bên đường. Lan ngồi bên tôi. "Đêm nào cũng nằm mơ thấy anh dắt em đi thăm vườn phong lan. Mình về trồng lan trong sân nhà em đi, có thích hơn không?". Tôi không trả lời, ngắt những cọng cỏ, vò nát trong đôi tay run run. Trên kia, trăng sáng quá, tròn và rực rỡ như chiếc mâm vàng giữa trời. Bỗng nhiên lòng tôi miên man nhớ những câu chuyện cha tôi vẫn kể ngày xưa... "Em có thích nghe chuyện cổ tích không?". "Thích". Tôi kể cho Lan nghe chuyện người tử tù đội chiếc mâm vàng đầy nước đi từ cổng hoàng cung vào trước ngai vua mà không sánh ra ngoài một giọt, Lan nghi ngờ: "Sao có người làm được như thế?". Tôi gật đầu: "Ngày ấy, nhà vua cũng đã hỏi như vậy. Vị thiên sư trả lời: "Bệ hạ đã hứa nếu y làm được thì sẽ tha tội chết. Vì lẽ sống chết của y, nên dù việc khó vô cùng mà y vẫn chăm chăm làm bằng được. Nay nếu bệ hạ cầu giải thoát cũng như người này cầu sống, thì việc tu hành dù khó mấy cũng có thể vượt qua". Lan ngược nhìn tôi, lần đầu tiên tôi nhận ra trong hai cái giếng êm như nhung của mắt cô bé những tia sáng ương ngạnh lạ lùng. "Em hiểu rồi. Anh xem tu hành là chuyện sinh tử của anh. Vậy nếu em lại xem anh là chuyện sinh tử của em thì sao? Anh và em, ai đi trọn đường, ai bỏ cuộc?" Tôi bảo: "Em nói gì thế? Chuyện sống chết mà

nghe cứ như là trò chơi sắp ngửa của trẻ con". Lan cười... Bàn tay nhỏ nắm lấy tay tôi, ngón thon vuôn vuốt như cánh hoa ngậm sữa. Vẻ đẹp này có phải phù du? Vẻ đẹp này có sắc hay là *không*? Chỉ thấy ngợp vì trắng. Trắng sáng quá. "Thôi, về đi em". Tôi đạp xe, trước mặt tôi chập chờn lấp lóa những con đường. Những mê lộ giữa đạo và đời, giữa ma và Phật...

Việc lộn xộn ở quán ốc chẳng mấy ngày đã đồn đến chùa. Cô tôi biết, tức lên ngay. Tôi bảo: "Cô đừng lo. Chẳng có chuyện gì đâu". "Không có lửa, sao có khói. Ăn ốc, đánh lộn, giành gái. Thế còn gì là tu hành? Tau mà gặp con ma nữ đó, tau tước từ dưới tước lên". Tôi ngẩn người một lúc rồi hiểu ra, không nín được cười. Cô bực tức: "Cháu tưởng chuyện gì cũng cười là xong sao?".

Quả là chuyện không thể cười mà xong. Mấy hôm sau, gia đình Lan mời tôi về.

"Con ma nữ" đã uống hai mươi viên ceducen, may sao nhà biết được chở đi cấp cứu. Mẹ Lan chấp tay lạy tôi như lạy Bồ Tát: "Bác biết tính con Lan lắm, từ nhỏ nó đã nói là làm, đã làm là làm tới cùng. Sợ e cứu thoát lần này, nó lại tự sát lần nữa. Con cứu nó cho bác đi con". Tôi cuống quýt: "Bác bảo con làm sao được?". "Con cứ giả vờ ừ đi, bây giờ nó mới lớn, tính còn ngông cuồng, vài ba năm nữa chẳng chặc rồi tự nhiên nó hiểu ra". Ông chủ tịch hội hoa cảnh mất đồ au, nhìn tôi chờ đợi một lúc rồi bảo vợ: "Nói như bà cũng khó. Chú Ninh đây tướng mạo khôi ngô, trước sau rồi sẽ có phúc được che lọng vàng. Lẽ nào vì con mình mà để người ta mang tai mang tiếng". Tôi thở dài: "Cháu đi tu không phải là mong lọng

vàng che đầu. Chỉ vì nguyện giữ thân trong sạch để tụng cho mẹ cháu một nghìn lần kinh Thủy Sám". Nhớ tới mẹ, tôi bất giác đau đớn trong lòng, đứng dậy đi...

Tôi về chùa, từ ấy không đi đâu. Thầy bảo: "Sao con bỏ học?". Tôi nói: "Suối ở xa, con muốn ra triền núi đào giếng". Tôi tự dày mình trong những nhát cuốc trên sỏi đá, đêm về tụng kinh, vẫn đôi khi chợt nghe tiếng mình khắc khoải. Có lúc nửa đêm chợt tỉnh, thấy thầy ngồi bên giường, lâm râm niệm chú. Tôi hốt hoảng vùng dậy: "Bạch thầy". Thầy tôi bảo: "Con giặt mình, nói mê luôn, hắt tung cả chăn". Tôi nói: "Con tỉnh rồi. Rước thầy đi nghỉ, con xin ra bộ Phật niệm Cầu An". Thầy lặng lẽ một lúc rồi bảo tôi: "Tâm không an, có cầu cũng vô ích". Tôi gật đầu thú nhận. Bao nhiêu đêm, cứ chớp mắt là thấy Lan hiện ra, mảnh dẻ, thanh thoát, đầu đội chiếc mâm vàng sóng sánh nước đi thẳng đến bờ vực. Tôi nghe tiếng thét của nàng vang động cả giấc mơ, nàng nhào xuống rơi thẳng vào không gian mệnh mông như chiếc lá lìa cành trước gió. "Thầy ơi, nếu vào Niết bàn mà phải đạp lên một chiếc lá, Phật có làm không? Xin thầy cho con hay, trời đất nặng hơn hay chiếc lá nặng hơn?". Thầy nhìn vào mắt tôi: "Chỉ có con tự trả lời được thôi. Ngày mai con hãy về, cứ nhìn thẳng vào nghiệp duyên mà tự quyết định lòng mình". Tôi lắc đầu: "Thầy quên sao? Con đã thề khi nào đào xong giếng mới xuống núi".

Ra xuân, đường lên núi khô ráo. Hai tay tôi ướt bùn đỏ, những giọt nước đầu tiên đã ứa ra từ lòng đất sâu. Tôi chạy về chùa, định vào trình thầy nhưng người

đang làm lễ. Có người thí chủ dâng hương trong bộ Phật, mùi trầm mới thơm thơm trong không gian.

Đang gội nước rửa tay, tôi nghe có người bước đến. "Chú Ninh!".

Tôi ngẩng lên. Mẹ của Lan. "Bác lên chùa cầu cho em đi bình an. Có cái này, em nó gửi lại...". Bà đưa cho tôi một cái túi nhỏ, rồi vừa quay đi vừa đưa khăn lau mắt.

Những dòng chữ trong thư, mảnh mai và run run như những cánh lan.

"Bốn trăm ngày chờ anh ở quán Tím, cuối cùng em cũng hiểu ra là mình thua cuộc. Đã đi mà chẳng tới, lẽ ra thì phải chết. Nhưng em chết thì anh làm sao yên lòng đi trọn con đường tu. Vì vậy, em đã quyết định lấy chồng xa xứ. Trong cái túi này là cây hoàng lan con, em nguyện tìm cho anh bằng được rồi mới ra đi. Em vẫn nhớ lời anh nói, một đời anh chỉ thích hoàng lan..."

Người ta cứ bảo là em khôn, lấy ông Việt kiều đi Tây đi Mỹ cho sướng chứ theo chi chú tiểu trọc đầu. Nhưng đi Tây đi Mỹ không phải là chí nguyện của em. Lấy một người mình không thương, đến một nơi xa lạ với em còn khổ hơn là chết. Xin anh hãy tụng cho em một lần kinh cầu siêu thoát, một lần thôi..."

Bất giác, tôi oà khóc. Nước mắt theo nhau lăn trên má tôi như ép cho hết những dòng tục lụy cuối cùng. "Cứ khóc đi con" - Thầy vỗ về khi thấy tôi luống cuống che mặt - "Thầy chưa nghe nói gỗ đá thành Phật bao giờ". Tôi nức nở: "Bạch thầy, thầy có cho con trồng cây hoàng lan không?"

Thầy bảo: "Cỏ cây vô tội, sao mình không thể bao dung?". Rồi một tay dắt tôi, một tay cầm túi cây đến bên góc vườn, thầy tự mình trồng xuống.

Tôi tưới cây bằng nước giếng chùa. Hoàng lan lớn lên, năm này qua năm khác, nở hoa vàng mong manh. Mong manh như tất cả những gì đẹp trên thế gian.

Tôi cầm lòng thôi thương, thôi nhớ.

Phần V

*Mùa vọng
Tình yêu cuối*

Mùa vọng

Nguyễn Tham Thiện Kế

Bậc cầu thang gỗ cốt kết vang ngắc ngứ, dưới bước chân của người đàn ông xám mốc cao gầy như dấu sặc viết vội. Bước chân chậm của người đi dạo hụt hơi.

Lấy chiếc ghế đầu giấu sẵn dưới gầm cầu thang, ông già xám đặt chỗ ngay bậc thang cuối cùng. Cầu thang hẹp, bậc cao dựng như trèo từ đáy giếng của chung cư cho thuê, đậm mùi tù đọng con người và những con gián biết bay, ẩn nấp đâu đó trong các kẽ hở, vết nứt...

Hình ảnh ông già xám ngồi chờ thư chiều chiều với mọi người cùng chung cư là điều đương nhiên. Để mách một người lạ tìm đến tòa nhà cũ ở cuối đường xe buýt người ta thường chỉ dẫn: "Ông... bà... đi hết đoạn đường trải nhựa, rẽ phải phía cánh cổng sắt rỉ, cách sân bóng trẻ con thấy ông già nham nhám thì nhìn thấy cầu thang..."

Chung cư gần ba trăm con người. Bầy kiến chen chúc trong cái tổ ọp ẹp. Những kiến - người có thể biết rõ về nhau đến từng cái răng sâu. Nhưng trước ông già xám thì họ lơ mơ nghi vấn: Sĩ quan, chuyên viên kỹ thuật, nhà giáo, bác sĩ nghỉ hưu. Người ta chỉ thấy ông già xám độc thân ở căn phòng áp mái tầng ba, tận cùng dãy bên trái.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Ở ông toát lên cảm xúc lẫn lộn: Hiên, trắc ẩn, mặc cảm, nể sợ, diên diên gàn gàn, bất kỳ lúc nào cũng có thể buột ra cơn vui cuồng. Có lẽ biết người khác nghĩ gì, hễ thấy ai qua lại hoặc xì xào, ông chỉ khẽ nhún vai sau lần áo và mơ hồ bóng dáng nụ cười giữa hai khoé môi nghiêm nghị.

Nơi góc chân cầu thang, ông ngồi vọng bốn mùa qua cái sân lúc thì lâm bụi, lúc thì ướt nhoét bùn đen, và trên nó đám trẻ con cãi nhau om sòm vì quả bóng rách vỏ. Ông chờ bóng dáng người bưu tá với sự chăm chỉ của ong, cần cù của kiến.

Lặng lẽ cố thu tròn như viên bi, ông muốn nói với mọi sự lên xuống: "Xin lỗi, tôi đã quấy rầy cảm giác quý vị. Tôi tin là quý vị không hiểu những lá thư có thể mang lại hạnh phúc đến mức nào..." Ông tự chơi trò ú tim: Đếm người lên xuống. Chẩn: Có thư. Lẻ: không có thư. Hoặc, nghe tiếng tắc kè trên cây nhội sau nhà lũng lảng tổ kiến ngạt như những trái dưa hấu thối, ông đoán mưa ngờ nắng mà gấn liền ngẫu nhiên trời đất vào những lá thư chưa bao giờ gửi đến...

Hễ thấy bác bưu tá cuỗi chiếc xe đạp cỡi truông thô hai túi thư báo vắt ngang poóc-ba-ga vừa lắc lư vừa la đám trẻ con tránh đường là ông rơi vào trạng thái tụt huyết áp. Nghiến răng, ông chờ.

Nhưng từ lâu lắm, ngày nào bác ta cũng ái ngại.

- Thưa, cụ vẫn không...

Nhét vội chồng thư báo vào thùng chờ, hấp tấp ngoắt đi như thể ông già xám không có thư là lỗi tại bác.

Sau, bác chỉ chăm chú vào thư người khác.

- Thưa... cụ...

Nụ cười xám héo.

- Ô ! Không sao, nay không tới thì mai tới... Nhưng phiền anh thử xem lại, may ra nó lẫn ở xấp báo nào.

- Cháu soát cả mấy lượt - Bưu tá thở dài - Đây ! Cụ xem lại xong thì bỏ vào thùng chờ cho cháu.

Sau nỗ lực cuối cùng, ông như chú ếch vô đám bọt xà phòng. Nhưng ông vẫn bám vào linh cảm: Những lá thư thất lạc đâu đó còn đang tìm đến.

Giấu chiếc ghế đầu dưới gầm cầu thang, túi vải xách tay kiểu bình dân học vụ, chứa những phong thư còn chưa khô hồ dán. Những lá thư được đánh số theo kiểu công văn, ông tiến đến chị bán hàng quà vặt giữa hành lang.

Nghe tiếng dép mài lết trên nền gạch, chị đã vồn vã.

- Cụ đi bưu điện ạ ! Cụ yên tâm đã có cháu. Nếu ai đến tìm cụ, cháu giữ họ lại đợi bằng được cụ về. Còn nếu thư tay thì cháu cất trong hộp đựng tiền.

- Vâng ! Đa tạ. Trăm sự trông nhờ chị.

Nhìn theo ông già tập tễnh bước một chân cò băng qua đám trẻ nhộn nhạo, đã có lần đá bóng vào mặt ông, chị không khỏi ái ngại: "Sao ông ta có đám bạn và họ hàng li đến vậy, mỗi ngày ông gửi cả đồng thư mà chả có ai hắt hơi sổ mũi lại một cái".

Chị cũng lạ, ở chiếu nghỉ cầu thang mỗi tầng và cả mé ngoài phía cổng sắt, ông già xám đều gắn biển chỉ dẫn: "Ông B. C - ở T.3. Phòng 16c", mà đến họp tổ dân phố họ cũng quên mời.

Một lần chị đã nghĩ ra một bà khách cho ông, nhưng tiếc thay, đúng lúc ông ra bưu điện. Thấy nói khách đến tìm, ông già xám lại càng xám hơn, mồ hôi

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

nhỏ giọt ở chót mũi mỏng dài khiến cặp kính mắt tròn gọng nhựa đen chỉ chực tụt xuống miệng.

- Khách nào ? Già ? Trẻ ? Màu gì ? Cao ? Thấp ?

- Bà mặc đồ đen, da trắng nhẽo, tầm thước, xác da màu vàng đất...

- Có... có một nốt ruồi bên má trái.

- Gượng... cháu nhớ... à bà ta có nốt ruồi bên má trái thật...

Dũi mũi giày xuống nền gạch, ông già xám độc thoại: "Có thể chứ, khách của ta đã đến. Họ chưa quên ta. Rồi ta không kịp thở nữa cho mà xem. Lẽ nào cô ấy đến tìm ? Hẳn có chuyện chẳng lành..." Ông ngẩng lên như tội nhân nghe án tử.

- Bà... bà khách của tôi có được vui ?

- Vui sao được, cụ vắng nhà mà.

- Người ta bỏ đi lâu chưa ?

Chị không rõ mình đã đáp lại thế nào, một khi trò đùa đã đi quá xa. Nhờ chị trông chừng ngộ nhỡ bà khách quay lại, ông già xám hốt hải lao ra đường. Lần ấy ông lỡ đụng xe, đau chân nằm bẹp cả tháng.

Chị đâu biết từ bữa ấy, mỗi lần cầu thang rung lên dưới chân là ông nhận được cảnh báo hy vọng hay thất vọng. Nó vừa hối thúc ông đi xuống, và vừa kéo ông ngược trở lại y như thứ ma túy của niềm vui đắng. Trái tim ông đồn nhịp than vãn về những nhịp cầu thang dốc đứng.

Mỗi lần bỏ thư về dừng chân trước cánh cửa căn phòng mình mà ông ngỡ bản thân mình là một người bạn nào đó đang tần ngần vì ông vắng nhà. Ho khan, ông lưỡng lự giây lát và ấn nút chuông. Bừng bừng

tiếng chuông như ngàn tiếng trẻ cười giòn, như đồng ca cả vạn chiếc chầu thau dưới mưa rào, như triệu triệu lời hỏi câu chào trong căn phòng hồi mốc không tiếng thạch sùng, không tiếng muỗi reo. Ngây ngất giãn nở, mỗi tế bào ông giật nhịp theo tiếng chuông.

Hàng xóm cũng chưa ai có lý do để ấn nút chuông. Trống nó như lấp được mười tuần, tươi mới không vấy mồ hôi tay. Để chuông khỏi rỉ, đi ra ngoài trở về bao giờ ông cũng tự thưởng cho mình nhịp điệu xốn xang chuẩn bị chào mời của tiếng chuông. Những âm thanh có thể giúp ông xua vội nỗi mỗi mệt, tù đọng.

Trong lúc nghe chuông reo, ông để mắt đến quyển sổ nhắn tin. Một quyển sổ cỡ bàn tay đóng bìa giả da, găm thẳng vào cánh cửa, mẫu bút chì buộc treo lủng lơ cạnh đáy như một cái mối câu bằng khúc giun khô. Sổ thay mới mấy lần, nhiều trang chỉ có chữ của ông nhắn lại những người khách nào đấy vô hình. Nét chữ thật thà, đượm hoang mang, tỉ mỉ, thứ chữ viết chúc thư. Và, ngày ngày ông đọc lại lời nhắn của chính mình.

Ông già xám đi quần trong căn phòng. Trên chiếc bàn lớn cạnh cửa sổ, sách báo xếp chồng, giấy, vở, tem thư, keo dán, dao dọc giấy, hộp dao cạo, hộp tăm, và những cuốn vở bìa cứng ghi chép đầy đó vài dòng địa chỉ nghịch ngoạc. Đèn bàn cháy bóng, chao đèn úp chụp lên chiếc máy điện thoại quay số đen trũi như con cóc cụ.

Những chiếc máy điện thoại ông gọi đến bao giờ cũng chỉ nghe thấy tiếng báo bận hoặc câu trả lời in sẵn ở băng từ: Chủ nhân đi vắng, hay sự nhắc nhở về kỹ thuật liên lạc. Ngay cả khi chỉ muốn nghe tiếng một

người đáp lại, ông gọi số máy cứu hoả, cấp cứu thì đáp lại cũng là sự im lặng lì lợm. Nó vô thường vô phạt, nhưng không thể tổng khứ vì ông đã trót đăng ký ở sổ danh bạ điện thoại. Ông đề phòng một ngày nào đó có người ngẫu hứng gọi đến mình. Vậy, ông đóng tiền thuê bao là bảo hiểm cho niềm vui chưa đến.

Ông viết cho những đàn bà một thuở, những người bạn tâm đắc. Chưa hẳn tật bệnh và cái chết đã đón họ đi hết. Họ không còn sức, họ không còn đủ ấm, đáp lại vài chữ cho những đêm ông kêu trên giấy ? Và, đàn bà, có người đã từng sẵn sàng mất một đời bình lặng, nếu ông cần một tổ ấm, chẳng lẽ bây giờ ngại chồng con không gửi lên một lá thư ?

Một cánh ruồi bay, một chiếc lá rụng, một tiếng chuông reo xa, một ai đó thăm thào cũng đủ cho ông giật mình liên tưởng đến âm thanh người quen gọi tên, đủ để ông thắng thốt. Giữa trưa hè, giữa đêm đông, chân trần ông xô cửa chạy thốc ra hành lang hoặc vào lấy điện thoại, rồi ngón ngác ngược xuôi nghiêng ngó vào bóng tối.

Đã hơn một lần ông thê: Chỉ cần được nhận một lá thư, được đón một khách, được nghe điện thoại thì ông sẽ yên tâm không đòi hỏi gì nữa.

Bất chợt ngoài thình không sôi động. Cơn mưa cuối thu hiếm hoi, chỉ nghe tiếng động trên mái giữa đám dây bìm, ông hình dung những hạt mưa thưa mát như mưa rào cuối cơn. Mỗi một kéo ông xuống giường và mùi mốc bồng tràn ngập khứu giác. Cũng lạ, hễ mưa là ông ngủ thấy mùi mốc ở cơ thể mình, mùi rửa nát ở đồ vật.

Những lá thư đầu tiên được ông viết khi bờ vông

vang người ta mới trông làm thuốc an thần bên bờ kênh nước thải sau chung cư, nay hoa vông đã vươn cao bao lần nở đặc thảng khi mưa xuân mờ trời. Tóc ông từ hoa râu đã trắng khô hoa lau. Ông linh cảm, chỉ cần cố gắng lần nữa như lão thợ săn bỏ ra ba mươi năm săn hổ cụt không được, nhưng đến ba mươi năm một giây đã hạ gục được mãnh thú.

Một viễn cảnh ảm, rồi một mùa vọng mới, thư hồi âm tới tấp bay về, trắng xóa như hoa lê gặp gió, phủ kín toàn thân ông trong màu trắng. Bật dậy, ông vơ tất những lá thư chưa kịp đánh số, chưa kịp niêm phong tung hê lên cao trần nhà. Tờ thư, phong bì bay vạt vờ như mớ tiền âm giữa bãi hoang.

Đột nhiên tâm linh ông run rẩy bởi những ánh mắt trên bốn bức tường như cửa quỷ Satăng nhảy nhót lạnh thịt da. Sững lại, ông gượng nhìn lên, đó là ánh nhìn từ đám chân dung người thân quen, được vẽ theo trí nhớ, đạo ông đau chân. Trong ánh điện, dưới lớp kính, các chân dung biến dạng, trợn mắt, há miệng nhất loạt hò nhau xông tới cắn xé ông.

Tim nhói nắc, bóng tối thâm si lan tỏa và nuốt chửng lấy ông.

Mười ngày sau hội chứng nhồi máu để lại màu da trắng đại, mọng nước trên gương mặt ông già xám bùng nhùng gờ múi. Vật chuẩn của khu chung cư, kiên nhẫn loài kiến, cần cù loài ong, bất chấp những trái bóng đá lạc, mặc những bụi bay mù; ông già xám ngồi đợi thư bên bậc cuối cầu thang.

Bác bưu tá lao vọt vào cổng, xé đám trẻ đang chơi làm hai nửa. Chiếc xe đạp lộc xộc vang lên khác

thường. Gương mặt chín nắng sạm tư lự một chút nghi ngại. Dừng xe, không, bác ta để chiếc xe tỳ trượt vào tường. Ông già xám nhảu nhó nghĩ bác đã quá vui ở đầu đó. Chính lúc ấy bác ta thập thững đi đến rút từ túi ngực phong thư ố vàng, thấm loang mồ hôi.

- Thưa... cụ có một lá thư. Hình như chẳng rõ từ bao giờ.

Bác không thể nói hết sự tình. Người ta tình cờ phát hiện ra lá thư bị giắt sau lớp ván ngăn khi phá chiếc tủ cũ.

- Thư... Tôi có thư ?

Ông già xám không thể đứng dậy ngay, nhưng khi luống cuống chống gối đứng dậy được thì bàn tay xương xẩu như hai còng gà rừng phơi khô giấu vội sau lưng. Ánh mắt dính chặt phong thư bản mộc trấn áp nỗi sợ hãi thất vọng nào đó ẩn trong vật mong manh kia.

- Chắc anh lầm, mười bảy năm tôi chờ mà chẳng có ai trả lời... Rồi tôi cũng có thư trả lời, nhưng chưa thể là hôm nay. Nó không thể dễ dàng với tôi thế.

- Thư gửi cụ thật mà. Đây đây...

Bác bưng tá đọc rõ địa chỉ của ông.

Ông già xám dí sát mắt vào lá thư. Ông nhận ra nét chữ quen quen. Tia chớp đơn độc chói sáng. Và, không kịp cảm ơn ông giắt phút lá thư trên tay bác bưng tá. Run rẩy vuốt ve lá thư như nhận ra người cũ thất lạc trở về, ông khàn giọng.

- Đúng lá thư này thuộc về tôi.

Hồn hển như sắp lên cơn nhồi máu, nặng nhọc ông mím môi lần lên từng bậc cầu thang.

Đây chính là lá thư ông viết cách đây ba chục năm,

dạo ông được tăng cường cho mặt trận B. Lá thư ông gửi cho mẹ. Lá thư lạc quan nhưng lại dự báo cho mẹ biết về điều có thể đến với mình bất cứ lúc nào: "Nếu con có mệnh hệ gì, xin mẹ hãy coi như là con đang sống, con sẽ không nói mà chỉ lặng lẽ ở trên bàn ngắm mẹ..."

Chiều sau, người bưu tá cố tình đến sớm thì cũng vừa lúc bậc cầu thang lại cốt kết ngắc ngư vang lên chầm chầm. Bên cạnh bậc cầu thang cuối, tay ôm gối ngồi vọng ra cổng sắt, xuyên qua quầng bụi của bọn trẻ trong trận quyết đấu mới, ông già xám lại bắt đầu một mùa vọng mới.

Bỗng chốc bác bưu tá tự nhủ: "Người đâu mà lạ, chờ không biết chán. Chờ nổi gì mới được cơ chứ... ồ, mình vô lý, ông già không chờ đợi thì còn biết làm gì nữa. Có một niềm tin mong manh để chờ còn hơn không..."

Sau lưng bác, như sức nhớ ra điều gì hệ trọng, ông già xám lục túi, giở tờ thư cũ đọc chăm chú, thì thoảng lại cười ngơ ngẩn.

Nắng chiều

Nguyễn Khải

1

Chị Bơ đe tôi:

- Nếu cậu lại đem chuyện của chị với anh ra viết báo thì đừng có vác mặt đến đây chị em em nữa nhá!

Khốn nỗi, cái thằng viết lại vốn có tật thích lòi việc của nhà ra viết. Chuyện hay thì giấu đi, còn chuyện dở thì phóng đại lên. Nên anh em họ hàng phải từ bỏ, vợ con phải giận hờn, bè bạn cũng gớm mặt. Nói tốt về mình là người viết hồi ký, là người bình thường với cái tâm lý thông thường mượn bút mực để tự khoe. Còn kẻ xấu mình, tự bôi mớ mọi thói tật của mình thì đích thực là anh nhà văn rồi. Tại sao thế! Tôi cũng không hiểu nổi nữa. Có thể là cái nghiệp dĩ của những người cầm bút chăng? Nhưng lần này tôi viết về bà chị tôi với ông anh rể mượn mần có khác với những chuyện trước. Lần này tôi chỉ có khoe thôi. Tôi khoe cái hay cái đẹp cái phúc đức của dòng họ nhà tôi, nếu như đây đó, thấp thoáng một nụ cười, thì cũng là cái mỉm cười hiền lành, vui một chút, nghịch một chút cho câu chuyện được đậm đà.

Tức là chị Bơ tôi bằng lòng đi lấy chồng. Lấy chồng lần thứ nhất là chỉ vừa mới năm nọ. Tôi năm nay đã xấp xỉ sáu mươi tức thì chị tôi không còn trẻ nữa. Năm chị tôi nhận lời xuất giá, là vừa tròn bảy chục tuổi. Chị Đại, cũng là một bà chị khác của tôi, là em dâu ông Nguyễn Thế Truyền, đứng ra mai mối. Trong họ nhà tôi, đàn ông thì hiền lành, nhút nhát, làm gì cũng sợ, chỉ cầu được yên thân, còn phần lớn các bà lại hết sức ghê gớm, ăn nói ghê gớm, hành động táo bạo, còn các trò chơi của mấy bà thì vô cùng quái đản. Chị Đại bảo tôi với cái giọng thần nhiên nhất:

- Chúng tao định gả chồng cho bà Bơ, mà thấy thế nào?

Tôi hét lên:

- Sắp xuống lỗ còn đi lấy chồng, các bà tính toán rõ hay!

Chị Đại vẫn nói dửng dưng:

- Chúng mày đều là quân ích kỷ. Chỉ nghĩ tới mình mà không nghĩ người. Mày sợ xấu hổ à?

- Chứ lại không, thiên hạ họ biết chuyện phải cười đến vỡ bụng.

- Ai cười mặc kệ họ. Là việc hay việc tốt chứ có phải việc xấu đâu mà sợ họ cười.

Tôi vẫn vùng vằng:

- Chị tính lại đi, không phải chuyện đùa đâu. Vỡ lở ra là tai tiếng lắm.

Chị Đại đã hơi cười cười:

- Để tao tính lại nhá. Mấy chục năm nay chị Bơ chỉ ở với gia đình cô Hoàng. Nay vợ chồng cô ấy đi Pháp rồi thì chị Bơ ở với ai? Hay là xuống ở với vợ chồng mày.

Tôi lắc đầu:

- Nhà tôi như trại lính, bà Bơ không chịu xuống đâu. Ở với chị có được không?

Chị Đại vẫn cười:

- Ở thế nào được. Một bà già đã đủ để con cháu nó cần nhằn rồi, hầu thế nào được cả hai.

Tôi bắt đầu phân vân:

- Cũng khó nhỉ, tuổi già ở chòm chòm một mình là nguy lắm, lúc đêm hôm...

Chị Đại thủng thẳng tính:

- Ở một mình cũng vẫn được, nhưng đêm phải có người đến cùng ngủ. Mày hoặc vợ mày, hoặc con mày phải thay nhau mà đến, lúc khỏe không đến cũng được, nhưng lúc ốm đau là phải đến.

Sự phản đối của tôi đã bớt hăng hái tới già nửa vì cái viễn cảnh phải cắt phiên nhau xuống cùng ở với bà Bơ. Là mẹ thì buộc phải đến rồi, không thích, không vui cũng phải đến. Nhưng là chị, là bà chị họ, cũng phiền nhỉ... à, thế mà khó giải quyết đấy. Nói gì thì nói, cách tính toán của chị Đại là hết sức thiết thực. Nhân nghĩa hão, sĩ diện dỏm, người khổ càng khổ hơn vì có ai chịu đưa tay cho kẻ bất hạnh vớ lấy đâu. Trong họ nhà tôi có nhiều bà đẹp để hằn hoi, có học thức hằn hoi, làm phu nhân cũng còn được hưởng hồ làm vợ làm mẹ như mọi người mà đành chịu cảnh phòng không chỉ vì những tính toán không đầu vào đầu của các bậc cha mẹ. Thời Mỹ lại đòi chỉ gả con cho những gia đình quan

lại, môn đăng hộ đối, là dở hơi hết sức. Đi làm dâu những gia đình đã tàn lụi với những bà mẹ chồng hút thuốc sâu kèn, nói năng dài các những một xu không dính túi, những ông chồng quen thói ăn chơi nhưng chẳng có nghề nghiệp gì, ra thở vào than vì thời thế đã đổi thay, thì còn khổ cực, nhục nhã hơn con ở. Thà ở vậy mà hóa hay. Chị Bơ tôi sợ dĩ muộn chồng vì cả một thời son trẻ chẳng ai để ý đến chị cả. Là con ông bác họ lên ở với chú thím với các em. Tiếng là người trong gia đình nhà quan, nhưng cô cháu nghèo làm sao dám so bì với các bà em phú quý. Đã nghèo lại không được đẹp, lại ăn mặc xuềnh xoàng, nói năng rất ít, luôn luôn xuất hiện ở phía sau, là người rất cần thiết cho mọi người nhưng vẫn bị mọi người quên bỏ. Chị bị bỏ quên cũng vì chị không bao giờ đòi, chị cam phận, lại tự khép mình vào cái khuôn khổ lễ giáo đã không còn mấy ai theo nữa. Các bà chị con ông bác tôi vẫn chê chị Bơ là người cổ mà, trời đất ơi, đã nghèo lại còn cổ thì coi như số phận đã được an bài rồi.

3

Cái chuyện vui lúc tuổi đã xế chiều của bà chị tôi được bắt đầu như sau:

Cách đây khoảng bảy, tám năm, một bà chị khác lập nghiệp ở xứ Bờ Biển Ngà có làm giấy bảo lãnh cho chị Bơ sang ở bên đó. Hai bà vốn hợp tính nhau từ thời con gái, về già đều là những tín đồ rất nết na của đạo Phật, có ăn ở với nhau ít năm cuối chắc cũng êm ấm.

Đã nghĩ mọi việc xong xuôi chỉ còn đợi ngày đi thì bà bên kia lại viết thư về báo hoãn, vì nghe đâu chính phủ bên ấy sẽ thay đổi, sẽ đổ hẳn, nên vợ chồng phải di chuyển cơ nghiệp qua Pháp. Nói vậy thì biết vậy, chứ còn cái gì sau đó ai mà biết. Chị Đại phàn nàn với tôi: "Bà Bơ tuổi Sửu, cái số ấy là vất vả lắm, một đời hầu hạ các ông em bà em, rút lại tay trắng. "Xưa nay chị Bơ chỉ biết sống cho các em, dựa dẫm vào các em, vui buồn hộ mọi người, nay các em kéo nhau đi tuốt tuột, còn trơ lại có một mình, ăn không ra bữa, ngủ không ra giấc, chẳng có cái gì riêng để mà lo mà buồn, đi lại như cái bóng, va vào cái này đụng vào cái kia của hai căn buồng vừa ẩm vừa tối, nghĩ thật tội. Ai cũng than thở là rất tội mà không một ai mở miệng mời bà chị nhất họ tới ở nhà mình để tiện bề chăm sóc, vợ chồng tôi cũng thế. Lúc khỏe đã vậy, lúc ốm thì sao, ốm một trận rồi chết cũng đã vất vả, lại ốm đến vài năm mới thật rầy rà. Cũng may trong họ còn có chị Đại. Chị có quyền la mắng tất cả mà không ai dám giận vì chị ăn ở rất thật lòng, lại rất thạo việc. Việc người sống và người chết của cả một họ mà không có chị đúng tay vào là y như bê bối. Nói cho đúng chị cũng không đúng tay, một ngón tay cũng không động đậy, mà chỉ dùng miệng thôi, tính giùm cho thôi. Cái việc này thì thủ tục phải như thế này, sự chi tiêu phải như thế này, và chị cất đặt luôn, một lũ con cháu và kẻ ăn người làm cứ thế mà chạy. Và chị đã lặng lẽ đảo ngược cái vận số của chị Bơ bằng một bài toán đến thần tình. Số là cách đây đã nửa thế kỷ, có một anh thanh niên con nhà nghèo nhưng rất đẹp trai và học cũng giỏi, vừa đỗ bằng Thành chung xong, tới

gia đình ông bác tôi làm người kèm học cho mấy ông anh còn nhỏ tuổi. Người ra mở cửa đóng cửa cho thấy giáo trẻ là chị Bơ, năm đó cũng khoảng mười tám đôi mươi. Đi lại được vài năm thì anh giáo trẻ ngỏ lời xin được cưới chị Bơ, vì anh đã tìm được việc làm ở một nhà thương nào đó. Vậy là cả nhà cười, cười lẫn cười lộn. Là cười cái táo tợn của một thằng con trai chẳng biết trời cao đất dày gì, mới dám mở mồm đòi làm cháu rể cụ Thượng. Cháu cũng như con, phải tìm của tương xứng để gả bán chứ. Người con trai vì xấu hổ, vì giận thân không đến nữa. Vậy là thôi. Theo chị Đại, hình như chỉ có một lần ấy, cái lần duy nhất ấy, có một người đàn ông để ý đến chị Bơ, quý mến cái dịu dàng, cái lặng lẽ, cái đảm đang của chị và mong mỗi được mời chị về sống với nhà mình. Rồi anh ta lấy vợ, đẻ một bầy con, rồi goá vợ và lấy một đời vợ nữa, lại thêm mấy đứa con và goá vợ lần thứ hai. Người đàn ông có cái số phận vất vả ấy tên là Phúc, cái năm bắt đầu câu chuyện cảm động này đã bảy mươi một tuổi, hơn bà chị tôi một tuổi. Tôi cũng chưa rõ, do một tình cờ nào mà chị Đại được biết ông Phúc sắp đi Pháp theo giấy bảo lãnh của con. Cái kế hoạch đầy tính nhân đạo và thực tế của chị lập tức thành hình và lập tức chuyển động. Chị nhờ một cô cháu có quan hệ họ hàng với ông Phúc tới bàn với ông, bằng cách nào đó có thể đưa chị Bơ đi, sang tới Pháp các bà em sẽ tới đón chị về ở nhà họ, vì anh chị em không có quyền đứng ra bảo lãnh nhập cảnh. Ông Phúc bằng lòng ngay và nói thêm: "Nhưng phải làm giấy giá thú mới hợp lệ!" Chị Đại đã trả lời liền, giá thú thì giá thú, sang tới Pháp là hết giá trị, mà cũng chả

cần làm giấy ly hôn, còn lấy được ai nữa mà cần giấy ly hôn. Tôi hỏi chị Đại:

- Lần đầu chị bàn với chị Bơ cái chuyện này, chị Bơ bảo sao?

Chị Đại cười:

- Giấy nấy như đĩa phai vôi. Mặt mũi đỏ như đỏ tử. Gái chưa chồng nói chuyện hôn nhân ai chả thế.

Tôi cũng phì cười:

- Cái bà này có những sáng kiến đến quái đản.

Chị Đại lườm nhẹ tôi, nói đây:

- Nếu mày không thích thì mày mời bà ấy về ở nhà mày. Cho tao được rảnh nợ.

Tôi nín lặng. Chị Đại nói tiếp:

- Bà ấy chửi tao một lúc rồi ngồi im. Tao chỉ hỏi lại có một câu: tuy bà, nếu bà không bằng lòng thì bảo tôi để tôi còn có lời nói lại.

- Chị Bơ bảo sao?

- Còn bảo sao nữa! Bảo là tùy cô, cô muốn làm gì thì làm chứ tôi không biết.

- Vậy là xong à?

- Xong chứ, người ta vẫn còn vướng vất cái tình cũ mới đưa vai ra gánh lấy, chứ vui vẻ quái gì.

Vậy là chị tôi đi lấy chồng, nói cho đúng là giả dờ lấy chồng, về danh nghĩa vẫn có giấy giá thú, nhưng ông ở nhà ông, bà ở nhà bà, cơm ai nấy ăn, giường ai nấy nằm, không có gì khác trước. Chị Đại với chị Hoàng

là hai bà hay nói tục nhất họ, nói những chuyện đến các em và các cháu ngồi nghe cũng phải đỏ mặt, nên chị Đại cũng có lời bình luận về sự ở riêng này, chị nói tục lắm tôi không tiện viết ra đây. Tôi có nghe nói bữa hai ông bà dắt nhau ra phường đăng ký hôn thú, cô uỷ viên thư ký phường hỏi bà cụ theo đúng thủ tục: "Thưa bác, bác kết hôn lần này là lần thứ mấy"?. Bà cụ cúi gầm mặt không dám trả lời, ông cụ phải nói thay "lần thứ nhất". Lấy chồng lần thứ nhất mà không có chạm ngõ, không ăn hỏi, không cưới xin gì cả, đến bữa cơm thân mật trong gia đình cũng phải hai tháng sau mới dám làm, nghĩ cũng tội. Mà là con cháu nhà quan hẳn hoi. Tháng đầu chị tôi đi lấy chồng, tôi không dám lại thăm. Sợ chị tôi ngượng, tôi cũng sợ tôi ngượng. Nhưng tôi vẫn thấp thỏm đợi cái bữa ăn mà bà chị và ông anh sẽ mời. Nói cho thật, không phải vì miếng ăn, mà muốn đến để "quan sát" một chút. Chắc là bà chị tôi cũng biết thế nên nhất định bà không mời cái thằng em mất nết, chuyện bố mẹ nó, nó còn chẳng tha, huống hồ chuyện của các bà chị. Chị Đại gọi bữa cơm đó là bữa cơm đoàn kết, cái từ cách mạng dùng vào trường hợp này thật là khéo quá. Chứ còn biết gọi gì khác. Sau bữa cơm hai họ chừng vài ngày, bà Bơ cũng làm bữa cơm thân mật chỉ mời riêng có ông Phúc và mấy người con của ông lại ăn thôi. Bà lão nấu ngon quá, nghề riêng mà, nên chỉ mấy ngày sau ông lão lại mò đến xin ăn một bữa nữa. Rồi ngày nào cũng đến đòi ăn, ăn bữa trưa. Rồi ăn cả bữa tối. Rồi đòi ngủ lại, vì say quá, vì trời tối quá, thiếu gì lý do xin được ngủ lại của một ông già đang ngây ngất trước hạnh phúc mới. Tôi toét miệng

cười. Chị Đại trợn mắt nhìn tôi, quát to: "Thằng mất dạy! Mày nghĩ gì mà lại cười, hả!"

5

Phải hơn hai tháng sau tôi mới được gặp cả hai vợ chồng bà Bơ. Là nhân ngày giỗ ông nội tôi, tức ông ngoại bà Đại, ông chú bà Bơ, tại nhà ông anh trưởng họ. Bà đến trước đã cả giờ rồi mới thấy ông đến. Chả ai chào ai, cứ như người dưng. Tuy ông Phúc đã ngoài bảy chục tuổi nhưng còn đẹp lão lắm, vóc dáng cân đối đi lại nhanh nhẹn, cái miệng và con mắt của ông già khi cười khi nói còn rất là lẳng. Đàn ông như thế nếu muốn lấy một bà trong ngoài bốn mươi chả có gì là khó. Lại có tiền nữa. Quả tình ông ấy đối với bà chị tôi vẫn còn vương vấn phần nào cái hương vị của mối tình đầu. Là vẫn không ngớt nghĩ về nhau, nghĩ về một cô gái nhút nhát, lẳng lẽ, có thể làm người vợ hiền, người mẹ đảm không ngờ số phận lại hẩm hiu đến thế. Khi ông ấy chưa đến, chị Đại có hỏi bà Bơ: "Bà đã dặn kỹ địa chỉ chưa? Nhà trong hẻm, lối đi lắt léo là khổ tìm lắm". Bà Bơ trả lời ngắn gọn: "Đã bảo rồi". Chị Đại lại hỏi: "Ông ấy vẫn đi xe đạp à? Đừng ỷ vào sức khỏe, ngã chết có ngày". Vẫn trả lời rất ngắn gọn: "Nói mãi nhưng không nghe". Tôi nghiêng mặt cười mủm mủm, vì chợt nghĩ cách xưng hô của những cặp vợ chồng trẻ mới cưới cái thời còn đánh Pháp. Vào bữa ăn, tôi được xếp ngồi cạnh bà Bơ và ông chồng. Bà Đại ngồi phía đối diện với ông trưởng họ. Ông trưởng họ là người hết sức thật thà, có

nghe xem tử vi và tướng mặt, nghe ông ấy nói về vận số, ai cũng vừa lòng, vì mọi cái xui xẻo đã thuộc về năm qua tháng qua, còn tháng tới và năm tới chỉ gặp toàn những may mắn.

Ông trưởng họ ngắm nhìn bà Bơ rồi tán: "Khí sắc chị Bơ rất vượng, năm tới là chuyện vui lắm". Bà Đại buống một câu, nghe muốn nổi da gà: "Năm tới bà Bơ có tin vui, hả". Tất cả mọi người đều cúi mặt, không ai dám nhếch môi. Mặt bà Bơ tái đi, còn ông chồng thì quay lại nhòm vợ rồi cười hề hề. Cái giống đàn ông thật quá tệ! Ông trưởng họ vẫn tiếp tục tán tụng bà chị hết sức hồn nhiên: "Chị dạo này trông đẹp hẳn ra. Rõ nởm. Khen một bà lão đẹp ra, vậy mà cũng đòi làm thầy tướng số! Lại vẫn bà Đại bình luận: "Cái đó đã hẳn, khỏi cần phải cậu nói". Tất nhiên tôi phải tế nhị hơn ông trưởng họ, nên tôi không nói gì cả, cũng không nhìn chăm chú vào một ai, chỉ lắng nghe và thoáng nhìn thôi. Tôi để ý thấy chị Bơ vẹo cổ tay cầm đôi đũa của ông chồng lấy giấy bản lau qua một lượt, rồi lại lau qua cái bát ăn. Chị không nói một lời và mắt vẫn nhìn thẳng. Lúc ăn cơm, chị gấp một miếng thịt gà, dùng tay lột xương ra, lại xé miếng thịt cho nhỏ, rồi gấp vào bát của chồng. Cái ông chồng đến là nhõng nhẽo, chỉ đợi vợ gấp thức ăn mới ăn, cho gì ăn nấy, không tự đụng đũa vào bất cứ món nào khác. Chị Đại nhận thấy ngay, chị quát lên: "Cái ông này đại lãn nhĩ, mắt bà ấy đã loà dờ, không hầu vợ thì thôi lại bắt vợ hầu mình". Ông chồng lại há mồm ra cười, hàm răng giả thật đều và thật trắng. Cuối bữa ăn, nhà chủ đưa cho mỗi người một cái khăn tay đắp nước nóng, ông Phúc mở khăn lau mặt rồi đưa cho vợ. Bà

vợ cầm lấy cái khăn lau dỏ của chồng lau luôn mặt mình. Tôi cúi mặt xuống, sống mũi cay xè, chỉ muốn nhỏ ra mấy giọt nước mắt của yêu thương.

6

Lấy chồng được nửa năm thì chị Bơ phải đi mổ mắt. Một mắt bên phải mờ hẳn đi như có màng kéo, bác sĩ bảo phải mổ. Chị đến nằm ở nhà thương Điện Biên Phủ, cô gái út của ông chồng xách hai túi to vừa quần áo vừa đồ dùng vật vãnh theo mẹ kế cùng vào bệnh viện. Mẹ nằm trên giường, cô con chồng trải mành ni lông nằm dưới chân giường, mà là con gái nhà giàu, là tiểu thư. Anh trai và chị dâu thì phóng xe máy đưa cơm ngày hai buổi, vợ đưa cơm trưa, chồng đưa cơm chiều, rồi bón cơm cho mẹ ép mẹ ăn từng thìa, tiền tiêu như nước. Bữa tối tới thăm chị Bơ, chị đã được tháo băng mắt, nhưng phải mang kính, nhìn mọi thứ vẫn còn mờ mịt. Chị em trò chuyện được một lúc thì ông Phúc tới. Bà đi bệnh viện được vài ngày thì ông ở nhà bị vấp ngã. Ngã nhẹ thôi nhưng đi lại đã phải dựa vào cây gậy. Ông chống gậy lò dò bước vào, cô con gái vội kéo ghế mời bố ngồi kê giường mẹ. Ông kẹp cây gậy trong đùi, đưa tay nắm lấy bàn tay gầy guộc của bà vợ, hỏi nhỏ nhẹ "Đêm qua bà có ngủ được không? Con mắt mổ còn nhức lắm không?". Bà Bơ trả lời: "Thưa, đã đỡ nhiều ạ, đêm qua chỉ thức có một lần thôi ạ". Con gái nói thêm: "Đêm qua mẹ ngủ say lắm, trưa nay mẹ dùng cơm cũng đã được trên lưng bát". Bà Bơ vẫn để ông lão nắm lấy tay mình,

than thở: "Thưa, con mắt tuy đã lành nhưng cái nhìn còn kém lắm, chỉ sợ nó kém mãi thì không làm gì được, ông lại vất vả". Một bà nằm giường bên, cũng ngồi gần đó bắt chuyện: "Bà cụ cứ sợ con mắt bị hỏng con cháu phải hầu, thêm bận họ ra". Ông Phúc nói rất to: "Bà nhà tôi cứ hay nghĩ quẩn, mình hầu hạ chúng nó cả một đời, nay chúng nó có phải hầu lại mình cũng chỉ vài năm chứ mấy. Chẳng là cái tuổi chúng tôi cũng sắp được về hầu các cụ thôi rồi". Tôi nghe ông anh rể nói chỉ muốn bật kêu lên: "Anh ơi, anh là người đàn ông chung tình nhất, rộng lượng nhất. Ước gì bọn em được tốt như các anh".

7

Bà Bơ ở bệnh viện về được vài tháng, con mắt bị mờ sáng lại dần, bà lại đi chợ, lại nấu cơm ngày ba bữa hầu ông, thì ông chồng lại bị ngã lần thứ hai. Là do ông vẫn đi xe đạp, cái chân đau vừa khỏi lại nhẩy lên xe liền, rồi vấp té, tuổi già té xe đâu phải chuyện nhỏ, nhưng ông lão khỏe chỉ nằm viện có mấy ngày, các khớp xương đã hết sưng nhưng phải nằm, như người liệt. Tôi đến thăm thấy ông nằm đọc sách, chán nện trắng tinh, vẻ mặt thỏa mãn như rất bằng lòng với số phận. Chỗ ông nằm thì cực kỳ sạch sẽ, nhưng cái chỗ của bà nằm bữa bộn như cái bếp. Đúng là cái bếp thật với đủ thứ dụng cụ phức tạp để phục vụ cho cái ăn của người nằm phòng trong. Mà hầu hạ một cách tươi vui, như được dịp báo đáp một ơn nghĩa rất khó trả. Lần

nào tôi đến thăm, chị cũng bảo: "Anh vừa nhắc đến cậu, cứ thắc thỏm đã lâu không thấy cậu đến". Rồi bắt phải ở lại cùng dùng chung cơm với anh. "Anh ăn một mình buồn lắm". Bữa cơm hàng ngày do chị tôi nấu vẫn ngon, nấu ngon hơn nhiều bà vợ. Miếng bít tết thật mềm, bát canh cá dưa thật ngon, đến đĩa dưa đĩa cà muối cũng thơm ngon lạ thường. Lần nào ngồi vào ăn tôi cũng hỏi: "Thế chúng nó đâu cả?" "Chúng nó" không phải là người của gia đình nhà gái. Không có người nào bên họ nhà gái tới hầu hai ông bà những lần ốm đau, đến thăm thì có mồm mép đỡ chân tay thì có. "Chúng nó" đây chỉ là mấy người con và cháu của ông anh rể tôi thôi, nhưng gọi thế cho nó thân, vừa thân lại vừa khéo, là không phân biệt con ông hay con bà, là con của cả ông và cả bà. Ông anh rể như có biết cái ý tứ ấy nên ông trả lời: "Cậu tính, bây giờ chỉ có hai vợ chồng già hầu nhau chứ trông cậy thế nào được bọn nó. Tôi đau thì bà hầu tôi, bà đau thì tôi hầu bà. Nói đại, bây giờ bà nhà tôi cũng đau nốt, thì tôi phải tự bò ra bếp nấu cháo nấu cơm chứ biết gọi ai". Chắc không chỉ là một câu nói nịnh mà còn là cái tình thực. Bao giờ ông anh tôi nói tôi đều muốn ứa nước mắt cả.

Ông anh rể tôi hóa ra phải nằm thật, nằm đã hai năm nay, nằm ở nhà vợ vì ông đã quyết định về ở hẳn với bà. Có một lần tôi than thở với chị Đại về cái nghiệp báo nặng nề của chị Bơ một đời người vất vả, đã nghĩ về già

được thanh thoi chút ít lại lắm cảm đi rước một người đàn ông xa lạ về hầu, cái số kiếp gì lại đen đủi đến thế.

Chị Đại quốc mất nạt nộ ngay, theo chị hai năm qua là quãng đời đẹp nhất của bà Bơ, được hai năm ấy rồi có phải chết cũng thỏa. Tôi vẫn nhớ rằng ra cười, hơn bảy chục tuổi đầu vẫn phải đi chợ, phải nấu ăn ngày ba bốn bữa, thì thoảng có tạt qua các em, ngồi chưa nóng chỗ đã láo liên đòi về, "vì anh ở nhà có một mình", ngày không được nghỉ mà đêm ngủ cũng không đầy giấc, sống như thế lại bảo là rất thỏa, có mà điên. Chị Đại nhìn tôi một cách rất khinh bỉ rồi giảng giải:

- Một đời bà Bơ có cái gì là của riêng mình đâu, đến một thằng đàn ông của riêng mình cũng không có. Bây giờ bà ấy đã có một ông chồng, là của riêng bà ấy, là *mon homme*, là ông nhà tôi, ông xã nhà tôi, nó vui lắm, hãnh diện lắm, không nói ra nhưng cứ nhìn mặt là tao biết. Hầu hạ một ông già nửa liệt nửa què mà mặt tươi hơn hớn cứ như người vừa bắt được của, mắt mày mù hay sao mà không nhận ra? Còn tao ấy à, tao lại khác, tao lấy chồng từ năm mười bảy tuổi, ăn ở với nhau trên năm chục năm với dứt được cái nợ đời, ở với nhau lâu quá tức là nợ, hầu một thằng đàn ông trên nửa thế kỷ lắm lúc muốn phát điên lên, nó chán quá, nhàm quá, ngày nào cũng làm từng ấy việc, nói từng ấy câu, giận hờn nhau cũng là trong bài bản đã quen thuộc. Chán muốn chết. Nên đã có lần tao đi mẹ nó sang Mỹ, ở cả năm với con gái và con rể, trông con cho chúng nó, để cho đời nó khỏi nhàm.

Ồ, lại ra là thế. Hình như là thế thật vì có thấy chị Bơ phàn nàn gì về những vất vả của chị đâu, mà lại còn

vui lắm, lại chẳng ốm đau gì, cứ khỏe ra, mắt như sáng dần, đi lại phăm phăm, nói năng cũng nhiều hơn và hoạt bát tinh tường hẳn. Cái sức mạnh thâm kín nào đã khiến một bà lão trẻ hẳn lại, vui hẳn lại, có vẻ ham sống hơn trước, còn dám tính toán cả những việc của tương lai? Là tình yêu chăng? Này, các bạn trẻ, các bạn chớ vội cười. Các bạn chớ có nghĩ một cách tự phụ rằng chỉ ở lứa tuổi của các bạn mới biết mãnh lực của tình yêu. Không nên chủ quan như thế! Các bà nội cũng vẫn có, nếu như cái ma lực ấy các cụ không tiêu xài quá phung phí lúc thiếu thời.

Trong số các bà chị và ông anh còn đang sống ở thành phố, tôi rất thích đến thăm và tán chuyện với chị Bơ và ông chồng rất tốt bụng của chị. Cũng như trước đây tôi đã nghiên đến chơi với chị Hoàng, dầu rằng mỗi lần gặp, chị đều trêu chọc tôi, chửi thẳng chửi xéo tôi vì tôi là thằng cộng sản rắn mặt như lời đồn đại trong họ. Chị chửi tôi, chửi cộng sản, nhưng chị chửi có duyên quá nên tôi vẫn năng đến. Đến với chị Bơ tôi lại có một nhu cầu khác. Tôi lặng lẽ ngắm nghía ông anh rể ngồi lom khom trên ghế, cây gậy kẹp trong đùi, vừa nhìn vợ làm cơm, vừa kể chuyện Đông Tây kim cổ, chuyện vui và cả chuyện buồn, giọng kể ngọt ngào, âu yếm, còn bà vợ chạy lui chạy tới, quay trước quay sau, hai bàn tay không lúc nào ngưng nghỉ, chốc chốc lại quay mặt về phía chồng, hỏi một cách thơ ngây, một cách nũng nịu: "Lại ra thế hả ông?", "Con người đẹp thế, tốt thế mà bạc phận ông nhỉ? " ăn cơm xong, ông ngồi hút thuốc lá, bà ngồi sát cạnh, đặt bàn tay gầy guộc nhăn nheo lên đùi chồng, ông chồng nắm chặt lấy bàn tay ấy, nắn bóp các

ngón và trò chuyện với tôi, thỉnh thoảng lại hỏi vợ: "Ngón tay bà sao lạnh thế, lòng bàn tay cũng lạnh, bà đưa hộp dầu tôi xoa cho". Lạy trời cho anh chị tôi được sống thêm mười năm nữa, cho đời thêm ấm áp, thêm đẹp. Và tôi thầm cảm ơn chị Đại, một bà chị hể mở miệng nói là ai cũng ngán nhưng ai cũng thương vì khẩu xà mà tâm Phật. Chỉ có cái tâm tốt của con người mới làm nảy nở được những cái mầm yêu thương đang bị thui héo ở đâu đó.

Ngày 27-11-1989

Những người đi ở

của Bùi Ngọc Tấn

Có tiếng chuông điện thoại đổ hồi. Đang ngồi rù trên ghế, ông Hào vụt nhanh nhẹn hẳn bước tới chiếc tủ ly, nơi đặt máy điện thoại.

- A lô. Ông Huyền đấy phải không?

Không phải giọng trầm đều đều chậm rãi quen thuộc của ông Huyền, đầu kia là tiếng một phụ nữ:

- Xin lỗi, có phải nhà ông Hào đấy không ạ?

Ông Hào ngạc nhiên, Ai? Ai gọi cho ông thế nhỉ? Ba năm trời vào đây chỉ có một người duy nhất gọi điện cho ông là ông Huyền.

- Vâng. Tôi là Hào đây.

- Chào ông Hào nhé. Ông không nhận ra tôi à?

Nói thế rồi im lặng, dường như bất ông đoán, tự mình phải nghĩ ra bà ta là ai. Ai? Rõ ràng ở cái thành phố này ông không quen thuộc một người nào khác ngoài ông Huyền. Lại càng không quen một người đàn bà nào. Hay bà Huyền, bà Huyền mới vào?

Có tiếng cười trong máy:

- Không nhận ra phải không? Quên hết bạn bè rồi. Tôi nghe tiếng ông tôi nhận ra ngay.

- Có phải bà Tuyết không.

Ông reo như hét vào máy. Và nghe rõ tiếng cười

giòn tan ngay bên tai của người đối thoại. Đúng bà Tuyết thật rồi.

- Tôi đây. Tuyết đây. Tuyết tài vụ đây. Nhận ra rồi hở?

- Bà Tuyết! Bà vào bao giờ đấy?

- Ba tháng rồi!

- Ba tháng rồi cơ à? Thế mà tôi chẳng biết gì cả. Ba tháng mà không lại tôi chơi.

Ông Hào nói như trách móc.

- Cứ định lại ông lâu rồi. Nhưng một mình không dám đi. Các cháu thì bận. Sáng nay đến ông Huyền, biết được số điện thoại của ông...

- Thế bà vào được lâu không?

Có tiếng bà Tuyết thở dài trong máy:

- Không biết đến bao giờ ra được đây. Nó bảo tôi vào ngay, chữa cháy, thế là phải vào...

Cuộc đàm thoại kéo dài đến cả tiếng đồng hồ. Sau những câu hỏi thăm về tình hình mùa màng miền Bắc, tình hình điện nước, sinh hoạt đời sống chung và bè bạn ngoài ấy, ông Hào biết bà Tuyết vào ở với cô con gái và anh con rể để trông đứa cháu gái bé hơn một tuổi và con chị nó đã lên bảy đang học lớp hai. Bởi vì cái cô Hương Sen nào đó đã về quê. Qua điện thoại có thể thấy bà Tuyết vừa nói vừa cười:

- Ối giời! Vào đây thay cô Hương Sen!

Ông Hào áp ống nghe vào tai, vừa nghe vừa cười một mình về cô Hương Sen mà bà Tuyết thay thế. Cô Hương Sen chính là cô Sen, cháu họ anh con rể bà. Ở một làng Hải Hưng nào đó cô có tên Sen. Vào đây thêm một chữ Hương. Thế là thành cô Hương Sen.

- Mới vào đây thì xấu. Vào mấy năm, ăn trắng mặc trơn, dậy thì xinh lắm. Một chiếc răng khểnh, da trắng hồng, mặc bộ đồ mút xơ lin, các chàng trai chết mệt. Nửa đêm còn điện thoại reng reng. Chúng nó hoảng quá. Tưởng tôi hay ai ở ngoài ấy làm sao. "Thưa chú, cháu hỏi cô Hương Sen". Thế có chết không cơ chứ. Bạn trai. Bạn trai sinh viên. Mê cô Hương Sen lắm.

Tiếng bà Tuyết cười giòn qua má. Ông Hào cũng cười. Cười lặng lẽ. Bà Tuyết kể tiếp:

- Một hôm còn liêu lấy xe Dream đi chơi với bạn trai. Giỏi thế. Không tập bao giờ mà biết đi. Đèo cả con bé con đi. Đến chiều mới về. Con bé em bị sốt mãi. Cứ tưởng nó làm sao. Đến khi hàng xóm nói mới biết.

Bà Tuyết vẫn như vậy, như những ngày còn đi làm ở xí nghiệp vận tải ô tô với ông. Vẫn vui chuyện, đã bắt vào chuyện là không thể dứt, vẫn cứ chuyện nọ tiếp chuyện kia, hài hước sinh động và dễ mến. Kể về họ hàng, bà Tuyết là chị - bà lấy một ông anh họ xa về đẳng ngoại ông Hào. Nhưng hai người cư xử với nhau như bạn, bởi vì họ đã có một thời gian hơn hai mươi năm cùng làm ở xí nghiệp ô tô vận tải. Bà Tuyết vẫn đang say sưa với cô Hương Sen mà bà phải vào thay:

- Lại một hôm chị Hương Sen khóa chốt hai em đang ngủ trong nhà đi Đầm Sen với người yêu. Đi suốt từ sáng đến chiều. Ở nhà, hai đứa dậy khóc như rì. Hàng xóm thấy thế, đứng ngoài cửa bảo con nhớn: "Có biết số điện thoại của bố không?". Nó mới đi gọi điện thoại. Thằng bố cẩn thận, gài mã số. Chỉ ấn nút số 2 là đến chỗ bố. Bố nó phóng vội về, tìm thợ, thuê phá khóa vào nhà. Nhà cửa nứt đá lạnh tanh bành, lộn

tùng phèo lên. Bố mẹ nó mới điên, lấy vé tàu cho ra Bắc ngay. Nào thế đã xong, còn phải đưa lên tận toa, chờ tàu chạy mới về, không ngộ nhỡ nó đi đâu thì chết. Mấy hôm sau lại điện về làng. Biết nó về rồi mới yên tâm.

Ông Hào cười vang. Lần này cười thành tiếng. Cười giòn. Chao! Được chuyện với người cùng cảnh, được cười, sung sướng biết bao! Ông kêu to:

- Thế là bà Tuyết phải vào làm hình nhân thế mạng.

Tiếng bà Tuyết đầu kia léo nhéo:

- Chúng nó bảo vào chữa cháy. Ba tháng rồi. Nghe chừng còn phải ở đây lâu ông ạ. Thế mới gay chứ.

Bà Tuyết than thở. Ông Hào giọng đầy thông cảm nói ra cái điều ông đã xác định từ mấy năm nay rồi:

- Mình ra ngoài ấy cũng chẳng có việc gì mà chúng nó ở đây thì đang bí. Thương con thương cháu chẳng nữa...

Câu chuyện giữa hai người đang dừng lại ở đấy vì có tiếng trẻ con khóc vang vọng ở đầu dây bên kia. Và tiếng bà Tuyết:

- Em đấy hử. Em đã dậy đấy hử. Bà đấy. Bà đấy. Thôi nhé. Cháu nó dậy rồi. Để khi khác nhé.

Ông Hào cúp máy. Đang đà phấn khởi, bốc, ông lại nhấc máy, bấm số, đưa máy áp vào tai chờ đợi. Tiếng tút tút quen thuộc của máy và tiếng nhấc máy ở đầu đàng kia.

- Xin chào ông Huyền.

- Ông Hào đấy à? Đang làm gì đấy?

- Bà Tuyết vào mà ông không bảo gì tôi cả.

- Thì bà ấy mới đến đây chơi buổi sáng. Tôi cũng có biết đâu. Như thế là mãi hôm qua bà ấy mới gặp cô

Hồng ở chợ. Ông không biết cô Hồng. Cô Hồng cùng học lớp tài vụ với bà ấy ở Rế cơ. Cô Hồng cho bà ấy biết địa chỉ tôi. Thế là sáng nay hai bà cháu đi xích lô đến. Bà ấy vừa gọi điện cho ông à?

- Vừa gọi xong. Vào được ba tháng nhưng nghe chừng đã thấy khó chịu lắm rồi.

- Bà ấy cũng nói với tôi thế. Tôi bảo bà ấy hãy học tập tôi đây này. Bảy năm rồi. Ông Hào loáng một cái cũng ba năm rồi.

- Lắm lúc người cứ bã ra ông ạ. Ăn chẳng buồn ăn. Ốm không ra ốm. Khỏe không ra khỏe.

- Nguy!

Cả hai phía đều vang lên tiếng cười. *Nguy* là câu nói của miệng của ông Hào. *Nguy* cũng là tên bè bạn đặt cho ông. Ông Hào có rất nhiều biệt danh. Từ thời ông còn đi làm thợ sơn ở xí nghiệp vận tải ô tô. Thoạt đầu bè bạn anh em gọi ông là ông *Nan giải*. Cái gì với ông cũng là *nan giải*. "Gạo sang kỳ mà mãi cuối tháng chưa bán. Chậm hơn hai chục ngày rồi. *Nan giải* đây". "Chủ nhật vừa rồi về quê. Bà xã đi làm thủy lợi, vác đất thế nào lại sút lưng. Nhân công chủ lực nằm đấy. *Nan giải* quá". Về sau anh em gọi ông là *Nghiệt*. Vì ông không *nan giải* nữa. Ông *nghiệt*. Lốp xe hỏng rồi, mòn quá rồi. Trơ cả vải bố ra rồi. *Nghiệt* rồi. Vào năm học mới, mỗi thằng con mười mấy đồng tiền sách vở. Hai thằng nửa tháng lương chứ ít à? *Nghiệt*. Rét rồi, hai ông tướng chưa có áo rét. *Nghiệt!* Chưa nghĩ ra khoản nào đây...

Cái tên thứ ba, cái tên cuối cùng của ông là *Nguy*. Một cấp độ cao hơn *nghiệt*. *Nguy* rồi. Cả vụ hợp tác chia cho bà xã mười lăm cân thóc tươi. Sống ra sao đây. Từ nay đến

mùa nghe còn dài lắm. Có con lợn định cân nghĩa vụ thì lăn đùng ra chết. Thế mới *nguy* chứ! Vân vân và vân vân.

Ông Hào rất nhớ nhà, nhớ miền Bắc. Nhưng nhà bây giờ cũng chẳng có ai. Bà cũng sang phố ở với anh con lớn, trông con cho nó. Còn ông thì vào tận trong này. Khi còn trẻ, bà ở quê, ông làm công nhân xí nghiệp, chủ nhật còn được gặp nhau. Bây giờ già, ông bà lại đâm ra lênh đênh biệt mỗi người một phương.

Thực ra ông toại nguyện lắm. Ông đã gây dựng cho hai anh con trai có nghề nghiệp có vợ con, bây giờ chúng lại có nhà cửa ở thành phố, điều bao người mơ ước. Nghĩ lại cơ đận nuôi con ăn học mà rợn cả người. Với phương châm nổi tiếng về ăn uống của ông là *qua cổng vào làng*, ông đi *phục kích* những xe ô tô chở rau cho Công ty thực phẩm, kiên nhẫn chờ đợi tới tận nửa đêm. Các chàng lái xe thế nào chẳng quảng cho ông khi một túi nặng xu hào bánh xe, khi hàng ôm rau muống. Rau mậu dịch thường ôi, dập nát nhưng cũng tốt chán. Tiện chiều thứ bảy đèo về nhà. Còn không thì rải xuống gầm giường cá nhân, nấu dần, nhiều rau tức thì bột gạo, lại dôi ra được mấy đồng thêm vào dòng mạch, dòng ngô viện trợ cho ba mẹ con. Ông thành thật suy nghĩ: Giá con người ta không phải ăn thì sung sướng biết bao nhiêu. Cho nên khi anh em trong tổ sản xuất động viên cai thuốc lá, ông bảo:

- Các cậu không cai được thuốc là xoàng. Ông Hào đang định cai cơm tẻ đây.

Tất cả cười âm, nhất trí rằng nếu ông Hào cai được cơm tẻ thì hoàn toàn sung sướng, hoàn toàn tự do, không phải đi làm "cũng chẳng sợ thằng đếch nào". Không thể

cai cơm tẻ được nên ông Hào thật đau lòng khi thấy vợ con ông đều ăn đói, nhất là khi "hai thằng" đi tát được tí cá về nấu nồi riêu, chan và được hai bát, nồi cơm đã tro đáy. Tội nghiệp, chúng nó đang tuổi ăn, tuổi lớn. Súc ấy ngày xưa ông ăn tám bát cơm gạo bãi chưa no.

Khó khăn đến đâu cũng cố nuôi con ăn học, những cố gắng tưởng đến kiệt sức của hai ông bà đã đơm hoa kết quả. Ông tự hào về hai người con, anh con lớn ở Hải Phòng là máy trưởng một tàu chạy ven biển, nhà của chẳng thể nào bằng thằng em ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng cũng gọi là nhất xã. Còn nhà cậu em, cậu lái máy xúc công trường thủy điện thì chào ời, bước vào cứ mát lạnh cả người. Khi mới vào đây, đi trong căn hộ khép kín của anh con thứ, khuôn mặt ông cứ ngời lên.

Niềm sung sướng tự hào ấy bây giờ ẩn một nơi nào đó, còn lại là nỗi buồn, nỗi nhớ miền Bắc, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ bè bạn, nhớ làng quê. Nhưng ông biết còn lâu ông mới được ra ngoài đó, còn lâu ông mới được chuyện trò cùng bà, còn lâu ông mới được lang thang xóm làng, nói những câu chuyện tâm phào. Ông bật cười và xấu hổ đỏ mặt khi nhớ đến hồi mới vào, ông cũng cứ quen tác phong quê mùa, tạt vào nhà này, nhà khác chuyện gẫu thăm hỏi. Mãi sau mới biết trong này người ta không thích kiểu như vậy.

Thì ông ra hẻm, đứng chuyện với mấy ông anh đóng cọc cừ. Ông nhìn anh ba gác máy đang chui xuống gầm xe vận vận sửa sửa. Rồi ông vào nhà. Ông lại ra cửa. Ông lại đi vào. Thững thờ. Bần thần. Giơ tay bật tivi. Lên một hình gì đó. Tắt ngay. Đi quanh quẩn trong nhà. Chân giẫm lên nền đá hoa mát lạnh. Và lại

bật tivi. Lần này thì ngồi xem. Chương trình gì cũng xem. Kéo ghế lại gần ngồi xem vì mắt ông kém. Có cái tivi cũng như có một người nữa trong nhà. Chỉ tội cái người này nói nhiều quá. Cứ nói mà không nghe. Không cho người ta nói lại. Đành phải im lặng nghe. Im lặng nghe hàng giờ. Nhờ vậy ông biết anh chàng Tyson là võ sĩ quyền anh số một thế giới. Nhưng chẳng ra gì. Trông thấy đàn bà là không chịu được. Maradona ông cũng khinh. Cái đồ nghiện hút. Giàu quá thành rửng mỡ.

Hình như ông nghiện nhạc nặng. Nửa tiếng đồng hồ ông toàn nghe những *ục ịch ục ịch*. Thứ nhạc như đánh vào dạ dày. Ông xài tuốt. Ông còn thích cả cái lương, cả chèo. Ông thành một người sành điệu.

Nói vui thế thôi chứ khi ông ngồi trước tivi là gay rồi, là không chịu được nữa rồi. Ông rất hạn chế dùng tivi. Vì mắt kém. Lại sợ bóng hình chóng già, chóng hỏng và nhất là tốn điện. Chẳng qua là buồn quá đấy thôi. Con trai ông ở công trường. Con dâu làm ở một trường bán trú tận đầu kia thành phố, *năm giờ kém* đã phải phóng xe đi. Con Nga cháu ông khi đó còn ngủ. Ai đánh thức nó dậy? Ai đánh răng rửa mặt cho nó? Ai cho nó ăn sáng, ai đưa nó đến trường. Đến chiều lại còn phải đón nó về, tắm rửa cho nó. Ông đã đưa nó đi học, đón nó về, tắm rửa cho nó từ lớp Chồi⁽¹⁾ đến lớp Lá⁽²⁾. Nghĩa là mấy năm rồi.

Chao ơi! Thời gian! Giờ đây một ngày sao nghe dài thế!

* * *

⁽¹⁾ Lớp ba tuổi.

⁽²⁾ Lớp năm tuổi (hệ mẫu giáo).

Cái máy điện thoại thật tuyệt. Lúc ông gọi đi. Lúc nó đổ hồi, báo hiệu có người gọi đến. Thì quanh quẩn cũng chỉ có ba người: Ông, ông Huyền và bà Tuyết (bây giờ có thêm bà Tuyết). Ba người cùng làng, cùng học một trường tiểu học, cùng đi tham gia kháng chiến. Chỉ có ông Huyền học lên nữa, tốt nghiệp đại học sư phạm, còn ông Hào và bà Tuyết thì rẽ ngang. Cả ba đều đã ngoại sáu mươi và đã nghỉ hưu mấy năm nay rồi. Ba người có nhiều kỷ niệm chung và nay lại cùng chung hoàn cảnh: cả ba đều đã đem hết sức mình gây dựng con và lại cùng vào thành phố Hồ Chí Minh ở với con.

Dạo mới vào đây, bị hấp dẫn bởi thành phố Hòn Ngọc Viễn Đông này, ông Hào lấy xe đạp của con đạp vắng mạng. Một túi cóc treo ghi đông, đạp từ Bình Thạnh xuống Chợ Lớn, từ quận Bốn sang quận Ba. Mệt, khát nước thì giạt vào vườn hoa ngồi nghỉ, gỡ cóc ra ăn. Lạc đường thì hỏi mấy đồng chí công an. Một lần đang ngồi thở, mấy "em" tới hỏi "anh đi chơi không?", ông Hào cười: "Anh đang nghỉ ăn cóc đây em ạ".

Nhưng đó là chuyện ba năm trước. Giờ ông chẳng đi đâu nữa. Phần vì mỗi tuổi một khác, phần vì phố xá lắm người lắm xe, sợ lắm. Bây giờ chỉ còn mỗi thú vui là gọi điện thoại và mong đến chiều, đón con bé về, tắm rửa cho nó, ông cháu nó đùa với nhau, chơi trò bán hàng với nó, *bác bác tôi tôi* với nó... Rồi chuẩn bị nấu bữa ăn cơm tối.

Sung sướng làm sao khi tiếng chuông điện thoại réo vang trong căn nhà vắng vẻ.

- A lô. Ông Hào đấy phải không?

Ông nhận ra ngay ông Huyền.

- Hào đây. Ông Huyền hở.

Ông Huyền: Ông đang làm gì đấy?

Ông Hào: Đang kho cá.

Ông Huyền: Lau nhà chưa?

Ông Hào: Lau rồi. Trơn, ngã cái tí chết.

Ông Huyền: Bây giờ miền Bắc đang heo may. Đang mùa chim chèo béo đây.

Ông Hào: Bây giờ cũng chẳng còn chim chèo béo nữa đâu.

Ông Huyền: Trưa nay ăn gì?

Ông Hào: Nhùng nhằng. Gặp gì ăn nấy. Không thì nhịn một lèo tối tối luôn.

Ông Huyền: Đằng tôi ăn uống linh tinh quá. Mình nấu cho chúng nó, chúng nó không ăn. Hôm thằng chồng dự chiêu đãi. Hôm con vợ. Bữa nào cũng thừa. Phải cất vào tủ lạnh. Nhà nuôi một con chó, chó ta thôi, nhưng những thứ đã qua tủ lạnh nhất định không ăn. Đã thử bắt nhịn đói ba ngày cũng không ăn. Đưa bát thức ăn cho chó, chó ngửi ngửi rồi quay đi. Chúng nó định đổ vào thùng rác. Tiếc của giời, tôi bảo cháu: "Đem đây cho bố".

Hai người cùng cười trong máy. Ông Huyền nói tiếp: Toàn những thứ ngon thôi ông ạ. Đổ đi là có tội. Tôi cố. Được cái tiêu hóa của mình tốt. Thành ra phần lớn mình toàn ăn của thừa. Các cháu nhà tôi nấu nướng nói đùa: "Cái gì chó ăn được là bố ăn được".

Ông Hào thấy cần phải gọi điện thông báo cho bà Tuyết nguyên tắc về những thứ ông Huyền ăn được. Bà Tuyết bảo:

- Đằng này cũng thế đấy ông ơi. Cơm cho chó nào những thịt những miếng những nắm, hâm lại đổ ra bát cẩn thận. Nó vẫn không ăn. Mình tiếc, mình cố. Lắm hôm đầy chướng, vật vã cả đêm, đến khổ.

- Thế bà đang làm gì đấy?

- Gấp quần áo. Trong này gọi là gấp đồ. Quần áo của chồng để riêng, của vợ để riêng, của con lớn để riêng, con bé để riêng...

- Con bé con gửi nhà trẻ chưa?

- Rồi. Sáng ra thằng chồng đeo vợ đi làm rồi quành về nhà nói: "Ba bà mới được một bà". Lại đeo tiếp hai đứa con đi.

- Thế chị ấy không có xe à?

- Có. Nhưng mệt, không đi được. Không ốm, chỉ mệt thôi. Đi làm về là tót lên gác nằm. Gọi xuống ăn, mãi mới xuống. Hỏi làm sao, thì bảo chỉ mệt thôi.

- Thế sao hôm nọ đang nói chuyện bà lại cúp máy vội thế?

- À, vợ chồng *ông chủ bà chủ* đi đâu ấy tạt về. Cúp máy không nó bảo mình giống cô Hương Sen điện thoại suốt ngày thì chết.

Ông Hào gật gù tán thưởng. Chính ông cũng luôn giữ ý, không bao giờ gọi điện thoại trước mặt con. Bà Tuyết giọng buồn bã:

- Ngấy đến mang tai rồi ông ơi. Hôm nọ con bé con sốt. Dễ bé, nựng mãi, ăn được tí sữa. Bà cho ăn xong, mẹ đón con, thế là ông ọc phun ra hết. Đây nhà đầy quần áo. *Con ở* lại lau, lại hót. Vợ chồng gắt nhau. Không nói ra nhưng ý là bà tắm cho cháu, bị lạnh...

Ông Hào im lặng. Chẳng biết động viên bà Tuyết thế nào.

- Tôi muốn ra ngoài ấy quá rồi ông ạ.

Vẫn im lặng. Rồi như nghĩ ra điều gì, ông Hào bỗng hạ giọng thì thào, làm ra vẻ bí mật, sợ sệt:

- Thế bây giờ nhà chủ có đứa nào ở nhà không?

- Cái gì? Nói to lên nào.

Ông Hào thì thào khế hơn trước:

- Chủ nó đã có đứa nào về chưa?

Bà Tuyết đã hiểu. Bà phá lên cười:

- Chủ nó chưa về!

- Thế thế tớ hỏi đằng ấy ở đấy chủ nó có cho ăn no không?

- No. Có cả cà phê sữa.

- Tớ tưởng đằng ấy không được ăn no, tớ tìm cho đằng ấy một đám ở đằng này. Họ tốt lắm. Cho ăn no lắm.

- Tớ ở hơn cô Hương Sen nhiều. Nên chủ nó chiều lắm. Kiếm đâu được một người như tớ. Hôm qua vợ chồng nhà chủ bây giờ tối mới đánh ô tô về. Nhà cửa lau bóng. Con cái tắm rửa sạch sẽ. Cơm dọn sẵn trên bàn tinh tươm.

- Thế nó có thưởng cho đằng ấy cái gì không?

- Có. Tớ được đứng bên ô tô chụp ảnh. Mặc váy cần thận.

Lại cười. Chuyện buồn đã chuyển thành chuyện vui. Tìm vui chứ tìm buồn làm gì. Ông Hào chuyển sang giọng bình thường:

- Thế bác Huyền có hay gọi điện cho bác không?

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

- Có. Ông ấy dự định tổ chức một bữa gặp mặt ba chúng mình ở nhà ông ấy đấy. Thế nào ông cũng đến nhé.

* * *

Họ chờ đợi ngày N ấy náo nức như lũ trẻ chờ mong ngày tết vậy, ba vị là ông là bà đáng kính mà chúng ta đã biết. Cả ba liên tục gọi điện thoại trao đổi về *chương trình nghị sự*. Ông Hào, bà Tuyết cùng nhấn mạnh là không ăn thịt dâu đấy. Còn ông Huyền trả lời rằng không có thịt dâu, nhưng có món đặc sản rất tuyệt và nhất định không nói ra món đặc sản ấy là gì, nhất định giữ bí mật đến phút cuối cùng.

Đúng ngày hẹn ông Hào đi bộ đến nhà ông Huyền. Ông Huyền ở một hẻm thuộc trung tâm thành phố. Tuy xa, nhưng đường dễ đi, chỉ bốn cái ngoẹo.

Ông Hào đi bộ cho dần xương cốt. Đi bộ để ngắm phố phường. Đi bộ vì không thể đi xe đạp được. Nghìn nghịt ô tô. Nghìn nghịt xe máy. Cái nọ cản đuôi cái kia, nhất là ở những ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Nhớ lại cái ngày mới vào đây, lấy xe đạp đạp vun vút các nơi, ông thấy mình đã thành ông lão rồi. Mới ba năm thôi. Vào cái tuổi ông nó chuyển biến từng ngày ấy chứ.

Khi ông ấn chuông, ông Huyền ra mở cửa, ông càng tin chắc điều ấy: mấy tháng không gặp nhau, ông Huyền nom đã khác đi nhiều.

- Sao? Ăn rồi hay sao mà ngậm tăm thế?

Ông Hào vất cái tăm đi:

- Em ngậm tăm cả ngày.

Có tiếng bà Tuyết léo nhéo trong bếp:

- Chào ông *Qua cổng vào làng*. Sao đến muộn thế?
Ông Hào dạo này béo ra đây này.

Ông Hào cười:

- Ông Hào béo không để làm gì cả.

Và bước về phía bếp:

- Chào cô Hương sen. Cô Hương Sen cũng béo ra.
Vào đây ăn trắng mặc trơn có khác.

Bà Tuyết đang rửa rau dền đứng lên:

- Thế ông đã biết chuyện mới nhất về cô Hương Sen chưa? Hôm nọ thằng rể tôi đi công tác ra Bắc. Tranh thủ về quê, đến nhà cô Hương Sen chơi. Thấy trên tường treo một cái ảnh màu phóng to, lạ cứ nghĩ: "Quái. Nhà này có người đi Hồng Kông hay đi Mỹ..." Nhìn kỹ thấy cái váy đúng là váy vợ mình. Hóa ra cô Hương Sen chụp ảnh nằm trên giường đệm, chống tay nghech đầu lên. Lại một cái ảnh cô Hương Sen đánh pianô, em bò dưới đất ngậm cháo phùng mang trợn mắt, tay nín váy chị, bát cháo thì đổ...

Chờ dứt tiếng cười, ông Huyền tuyên bố đầy tự tin:

- Thực đơn hôm nay: Cá rô don rán giòn. Tôm rang.
Rau dền luộc. Mắm cáy.

Hai người khách reo lên:

- Ở đâu ra mắm cáy đấy?

- Thằng cháu Thái vừa mới ra Hà Nội họp. Tranh thủ về Hải Phòng thăm bà ấy nhà tôi. Bà ấy gửi cho một chai. Thực đơn thế được không? Ngoài ra còn một đĩa thịt gà rán và một đĩa bí tết.

Bà Tuyết xua tay:

- Thôi thôi ông ơi. Ông xếp hai cái món thịt của ông lại.

Ông Hào cũng bảo sợ thịt lắm rồi. Và ông thêm:

- Ngày xưa ăn được thì không có mà ăn. Hai bác biết không? Tôi đã ăn hết một cân thịt mỡ luộc.

- Ông chỉ bịa.

- Ai ăn được một cân thịt mỡ luộc!

Ông Hào nghiêm trang:

- Một cân thịt mỡ luộc mà lại không có muối. Nói đúng ra chỉ hai lạng ăn không muối thôi. Còn thì có muối. Cái tay Tuynh, phòng kế hoạch, bác Tuyết có nhớ không nhỉ, nó thương nó đẩy đĩa muối vào sau nải chuối nên không ai biết. Đúng hôm xe ô tô chở lợn bị cháy ở Quán Toan ấy, bác Tuyết nhớ không?

- Nhớ. Nhớ.

- Cả bọn đang ngồi hàng nước. Bà chủ quán mua về một cân thịt mỡ. Chắc là có giỗ chạp gì đấy. Thế là mới đổ nhau. Tôi lúc luôn. Cái gì chứ cân thịt mỡ ông Hào xơi tốt. Không có muối cũng được. Nhưng mà ăn được khoảng năm lạng rồi thì kinh lắm hai bác ạ. Gắp miếng thịt lên nó cứ buồn từ má chạy lên đến hết cả tai.

Ông Huyền hồi hộp:

- Thế có ăn hết không?

- Hết chứ! Không hết thì nguy. Tiền đâu mà trả.

Bà Tuyết lè lưỡi:

- Kinh. Nghĩ đến đã sợ. Đã thấy buồn tai rồi. Nhưng mà buồn tai thật à ông?

- Buồn thật. Tai nó cứ ghê ghê, buồn buồn khó nói lắm.

Ba người vừa làm bếp vừa chuyện. Bà Tuyết luộc rau. Bà Tuyết bảo:

- Rau dền ngoài Bắc bỏ lá, luộc đối. Rau dền trong này để cả lá ninh kỹ. Ngày hai ông vào đây lâu có quen không?

Ông Hào bảo:

- Chỗ tôi có một người Hà Đông vào ở với con trai. Mới vào tuyên bố hăng lắm. Sau tết tôi mới ra. Chưa được tháng, thỉnh thoảng tôi đi qua, trông thấy ngồi trong nhà cứ rù rà.

Bà Tuyết bảo:

- Chỗ tôi mới khổ. Nhà nào nhà ấy đóng cửa im ỉm. Tôi không làm sao kéo được cái cửa sắt. Nó không cho dầu để mở cửa thì kêu, chống trộm. Chúng nó đi làm, khóa cửa, mình trong nhà cứ như tù giam lỏng. Một hôm thêm ra quá. Xô được cửa xếp ra ngoài mà không sao đóng lại được. Cửa xếp lại còn ộp tôn cho kín, ngoài không nhìn được vào trong. Thế là cứ ngồi vĩa hè chờ. Thấy một thằng bé bán ngô nướng đi qua, mới mua một cái bắp ngô. Rồi nhờ nó đóng cửa hộ.

Ông Huyền nói:

- Tôi mách bà một cách ở lý trong nhà. Bật các đèn lên, giết nhện. Tôi ở đây gần chục năm. Những năm đầu đi hăng. Năm nay không bước ra cửa.

Ông Hào gật đầu:

- Công nhận bác tài ở nhà. Em là cứ phải đi. Vào đây bí quá.

Cơm đã chín. Thức ăn đã dọn trên bàn ăn. Ông Huyền mở tủ lạnh lấy ra sáu lon bia Heineken. Ông

cầm một chai nhựa có dán nhãn *xê vằn nắp* lắc lắc và rót ra bát: Mắm cáy. Bà Tuyết hít hít:

- Thơm quá.

Ông Hào bảo:

- Ba năm nay không được ăn mắm cáy rồi đây.

Uống bia. Ăn cá rán. Uống bia với rau dền luộc chấm mắm cáy. Ông Huyền tiếp bia cho ông Hào và nhắc:

- Này. Tổ nói thật với đảng ấy, bia đảng ấy cứ uống thoải mái. Còn nhiều trong tủ lạnh. Chủ tổ nó không đếm đầu. Xập xí xập ngẫu được. Chú còn mắm cáy đảng ấy ăn ít thôi. Chủ tổ nó đo rồi đấy.

Bữa ăn vừa ngon, vừa xui. Ăn và nói chuyện về cuộc sống *mưu sinh tốc độ* của con cái. Tất cả đã nằm trong guồng quay đến chóng mặt của nó. Ai ngừng lại nghĩa là bị văng ra, bị rơi xuống, bị nằm bẹp. Chính vì cái tốc độ ấy mà họ có mặt ở đây.

Cả ba người đều say.

Có lẽ uống hơi nhiều nên ông Hào ngủ một giấc dài.

Tỉnh dậy đã hơn ba giờ chiều. Sắp đến giờ đi đón cháu. Bát đĩa đã rửa xong. Bà Tuyết đã về từ bao giờ.

Ông gọi ông Huyền đang ngửa cổ cầm chổi săn những con nhện bé tí trên tầng lầu (một việc chẳng tốc độ tí nào). Ông trách ông Huyền không gọi ông dậy sớm hơn, rồi tạm biệt ông Huyền ra về.

Muộn rồi. Không thể đi bộ. Ông Hào vẫy một cái xích lô.

- Khách sạn Bạch Dương. Đường...

Khách sạn Bạch Dương cao năm tầng, nổi tiếng vì sang trọng, vì những dịch vụ tươi mát. Nói khách sạn

Bạch Dương ai cũng biết. Nhà ông nằm ở con hẻm ngay cạnh đó.

Khách đến Bạch Dương là khách sộp, bởi vậy anh xích lô tăng giá gấp đôi.

Có lẽ vì bia hơi lằng lằng, vì sợ trễ giờ đón cháu, vì hàng ngày ông đã hết sức tiết kiệm và ông muốn một lần tỏ ra ăn chơi, ông không mặc cả và nhảy lên xe.

Nhìn nét mặt ủng đỏ của ông khách đi về Bạch Dương không thềm mặc cả, anh xích lô vui tính nháy mắt:

- Bố đi *đổi gió* hử bố?

Ông Hào bông lơn:

- *Đổi gió* tí đây.

- Xuống đây nhiều gái *miệt vườn* lên hay lắm.

Ông Hào làm ra sành điệu:

- Gái quận Ba, quận Nhất chán bỏ mẹ.

Đã tới khách sạn Bạch Dương, ông Hào muốn dừng xe ngoài đường, nhưng bằng một cú lái ngoặt rất điệu nghệ, anh xích lô đã đưa xe vào đúng cái cửa ngách, đút càng xe vào trong sân và ông thấy từ đầu gối đến bàn chân mình đã nằm trong sân khách sạn. Không còn lối ra vì cửa sắt chính - dành cho ô tô - đóng kín, còn lối đi nhỏ thì chiếc xích lô đã thút nút mất rồi. Ông đành bước xuống sân khách sạn sau khi đã trả tiền xích lô.

Thấy có khách đến, cô gái *reception* đứng lên nở nụ cười duyên dáng chào ông. Phía sau, một đám đông con gái tươi như hoa nhất loạt nhìn ông. Ông Hào hoảng. Ông làm như chững đốn lại y phục, nhưng chính là chờ cái xích lô lùi và quay ra đến đường phố.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Ông nhón bước qua cửa phụ khách sạn ra ngoài, thoát khỏi đám tiếp viên, len lén vì sợ anh xích lô trông thấy. Rồi ông ngoặt nhanh vào hẻm, về nhà lấy xe đạp đi đón con bé cháu đang học lớp Lá.

T.p Hồ Chí Minh 10-1996

Hải Phòng 6-1997

Cuối mùa nhan sắc

Nguyễn Ngọc Tư

Ông già Chín nói nghề bán vé số của ông thấy vậy mà có ý nghĩa ghê lắm, vì đem lại hy vọng cho người ta, vì đem lại sự giàu có cho người ta (nếu trúng số), và nghề này có ý nghĩa nhất là trên những dặm đường phiêu bạt, ông tìm được cô đào Hồng.

Ông già Chín đi theo gánh chè của đào Hồng qua ba con đường. Già rồi, mắt mũi kèm nhèm, bốn mươi sáu năm, dễ dấu gì mà nhận ra nhau. Lòng cứ nghĩ, hình như lâu lắm rất quen nhau, nhất là cái giọng rao chè như hát, từ đôi môi đã héo queo cất lên, cong vút, ngọt ngào mà nghe mịn màng từng âm từng chữ. Ông Chín bàng hoàng nhận ra đào Hồng dù nhan sắc ngày xưa của bà không còn nữa, mặt nhăn nhúm, nám đen, cái cổ cao ngày trước bây giờ gần như đổ gục vì gánh cái gánh tâm tư mà cuộc đời chồng chất. Ông kêu hai tiếng: "Cô Hồng!" mà nước mắt rớt cái độp. Ông Chín nắm tay bà, biểu đi với ông, hỏi đi đâu, ông nói, về nhà Buổi Chiều. Bà nói để bà lấy chút đồ, ông bảo khỏi, thì cuộc đời bà còn gia sản nào ngoài gánh chè oằn nặng trên vai, một cái chồi lá rách te tua cất trên ao bèo cuối hẻm.

Nhà Buổi Chiều nằm ở tận cùng con hẻm Cây Còng. Hẻm cụt. Nhà toàn người già, là chỗ trú ngụ cho

những nghệ sĩ cải lương, nghệ sĩ hát bội một thời vang bóng. Tính ra, chỉ có ông già Chín Vũ là vô danh tiểu tốt, nhưng ông là một trong những người sáng lập ra nhà Buổi Chiều, tự ông còn đặt tên cho nó. Hỏi sao không gọi là Hoàng Hôn hay Chạng Vạng gì đại loại vậy, ông bảo, buổi chiều còn nắng, người nghệ sĩ còn có ý nghĩa sống trên đời. Nhà Buổi Chiều nghèo, chi phí dựa vào kinh phí từ trên quận, từ lòng hảo tâm của bà con gần xa, cơm bữa nhiều ới là nhiều rau mà ít xịu thịt. Vậy mà ai nấy đều vui, bởi cuộc sống trước đây của họ còn nghèo hơn, nghèo không thể tả, nghèo rớt mồng tơi, người ở chùa, người bán vé số, người ngủ công viên, người hát rong, ít ai có nhà để về. Sum họp ở Buổi Chiều, có khổ một tí mà còn được hát. Nghệ sĩ mà, miễn được hát, miễn mà hát có người nghe là sướng rồi.

Để kiếm chút đỉnh tiền phụ thêm thịt cá cho bữa ăn, ông già Chín đi bán vé số, vừa có tiền vừa tìm tung tích của anh chị em đang còn lưu lạc. Đào Hồng lại gánh chè đi tận hang cùng ngõ ngách. Thấy mọi người ái ngại, đào Hồng bảo: "Cứ để em làm, em với anh Chín còn trẻ, còn sức khỏe..." Nói trẻ là trẻ ở trong nhà Buổi Chiều chớ ông Chín Vũ đã bảy mươi, đào Hồng ra đầu hẻm, dừng dưới gốc cây còng già cóc già kiết, già tới mức nó hổng thềm trổ hoa nữa. Ông già trao đòn gánh lại cho bà, rồi đứng tần ngần nhìn bóng bà xa dần trên đại lộ, tiếng rao chè buổi sớm nghe ngọt lịm, vút cao. Sau lưng bà, còn thấy mấy tờ giấy gói bánh mì ố màu nước cà bay xà quần trên đường rồi sẵn gió đi tào tác. Ông già tạt vô quán cà phê. Ông Chín Vũ cười cười, lắc đầu, cười tiếp với cái vẻ không muốn nói mà thềm nói quá trời đi:

- Để dành tiền mua cho cổ chai dầu thơm.

Ông già trịnh trọng thì thào. Cả quán rộ lên cười:

- Già mà còn yêu.

- Mắc yêu thì yêu - ông già cự lại, vẻ mặt sương
sống không giận gì ai - Bây thì biết gì, tình xưa đó, mà
mình thương người ta mà người ta đâu có thương mình.

- Cạn bình trà, ông già dần tờ giấy bạc năm trăm
dưới dít ly, đứng lên xếp ghế lại ngay ngắn, từ tốn rút
trong túi ra xấp vé số dày, trước khi đi ông quay đầu lại:

- Tối nay lại chỗ tao coi cải lương, nghe bây.

- Tối nay tuồng gì, chú Chín?

- *Lữ Bố hí Điêu Thuyền*.

- Í, tuồng đó hát rồi. Hát *Nửa đời hương phấn* đi.

- Chú cần gì nhớ. Chú toàn đóng vai quân sĩ với
người hầu không à. Có hát hò gì đâu.

Ông già cười khà khà, quay đi, cái lưng cong cong
gù gù từ từ mất mù.

Người trong hẻm không ai làm nghề viết văn
nhưng đã biết mình nhớ cái gì khi đi xa nó, nhiều lắm,
nhiều không thể kể, nhưng trong đó, chắc chắn nhớ
tiếng hát là đà tỏa ra từ nhà Buổi Chiều.

Những con người tính từng ngày qua để lắt lay
thêm một tuổi nữa vậy mà hát coi cũng ngon lành. Sân
khấu là cái hàng ba trông ra sân rộng, luống nào trồng
bông sao nhái, bông mười giờ thì trồng, chỗ trống dành
cho bà con ngồi. Dàn đờn gồm cây ghi ta thùng, cây nhị
cũ mèm. Không micrô, nghệ sĩ ca bằng giọng của trời
cho, nghiệp dĩ. Đào Phỉ tám mươi chín tuổi, đứng
không nổi, diễn vai gì cũng ngồi trên ghế, ngồi trên ghế
mà lấy roi sải ngựa coi lạ hết biết. Có bữa bà lão ca rớt

nhịp, ngồi than: "Kiểu này chắc tui sống hồng thọ quá". Bà con trong hẻm cười cái rần, "Sống tới cỡ đó còn than hồng thọ nổi gì". Ông già Chín không biết hát hò gì, chạy đi chạy lại, lúc thì nhấc cái ghế cho đào Phi, lúc thì trèo lên thay cái đèn đứt bóng tối thui, kêu quân sĩ dẫu thì ông dạ, chỉ khi đào Hồng hát, ông mới ngồi nép vào đám bông lồng đèn nào đó, lạng người đi, thấy đào Hồng nhớ đào Hồng, thấy đó mà nhớ đó.

Ông già Chín Vũ biết đào Hồng từ năm bà mới hai mươi một tuổi. Bây giờ hồi gia cảnh ông ngày trước như thế nào, ông chỉ cười, không nói, nụ cười nhẹ nhàng trôi trôi, chường như ông không luyến tiếc gì. Nghe nói, hồi đó, nhà ông giàu có khét tiếng xứ Bạc Liêu. ông là cháu nội đích tôn của hội đồng Nguyên. Từ nhỏ, gia tộc đã dành sẵn cho ông một cuộc sống no đủ, giàu sang mà không phải làm gì, cả nhà chiều chuộng. Được cái là ông hào sảng, rộng rãi thương người từ tấm bé. Bữa cúng đình ông mời gánh hát Sài Gòn về hát chơi. ông thương đào Hồng từ cái giây phút đầu tiên, người dẫu mà đẹp quá chừng, đẹp tới đứng tim người ta. Đào Hồng chưa uống cạn ly trà, ông đã hỏi thẳng, không cưỡng lòng được: "Vậy chứ cô Hồng có muốn lấy chồng chưa?" Đào Hồng cười: "Tôi đã nguyện với Tổ cả đời theo nghiệp hát". Chín Vũ nghe vậy, thôi không nói nữa, nhưng vẻ mặt suy tính dữ lắm. Hôm sau, khi gánh Kim Tiêu trở lại Sài Gòn, có ông công tử bỏ nhà, bỏ phú quý đi theo. Không biết hát hò, tướng mạo cục mịch, nhỏ con, ông không được lên sân khấu. Kêu quân sĩ thì ông dạ, kêu "bây dẫu" ông cũng dạ, tối ngày lụi hụi kéo màn, dựng cảnh. Ăn cơm quán, ngủ sà len. Cục mịch

cũng chịu, miễn là ngày ngày được nhìn thấy đào Hồng đi ra đi vô, đào Hồng hát. Ông vẫn thường khi khịt bảo rằng mình bị Tổ nhập, ba ông hoàng tử Càn, Chơn, Chất đó, cũng vì đam mê nghệ thuật sân khấu mà bỏ cung son, trốn tránh triều đình, cuối cùng chết trên cây vông nem đó, thấy chưa. Có người cười, thằng Vũ bị tình nhập chớ Tổ gì nhập vô nó nổi. Nghĩ lại, tỉ dụ có cái gọi là kiếp trước, hửn kiếp trước ông Chín nợ bà Hồng cái gì đó, lớn lắm, nên kiếp này, ông trả hoài, trả không hết.

Ông Chín đã cùng đào Hồng đi qua những năm tháng cơ cực, đắng cay. Đào Hồng có thai, ông bầu dọa đuổi, ông Chín đứng ra năn nỉ, biểu: "Em lỗ đại..." ông bầu hỏi: "Của mày à?". Ông Chín cười: "Dạ, của em chớ của ai". "Chắc không?". Ông bảo chắc mà lòng buồn rười, đầu phải đứa nhỏ trong bụng đào Hồng là của ông. ông biết ba đứa nhỏ là ai nhưng không tiện nói. Vì đào Hồng bảo: "Có biết, xin anh Chín cũng đừng nói, tội nghiệp, anh còn nhiệm vụ, còn công việc quan trọng phải làm". Cô hửn yêu người ta lắm, nên một mực bảo vệ cho người ta. Sau này, con đào Hồng một tay ông giữ, ông bông. Ông dạy nó kêu ông bằng ba, đào Hồng nhìn ông rơi nước mắt. Đó là sự biểu lộ tấm thịnh tình đầu tiên mà đào Hồng dành cho ông suốt hai năm đi theo đoàn Kim Tiêu. Không khí Sài Gòn bắt đầu khê đặc mùi chiến tranh, buổi sáng ngồi quán uống Cà phê mà toàn nghe sặc sụa mùi thuốc súng. Cũng một buổi sáng, ông Chín bị cảnh sát gô cổ trời đem đi. Cái thời sao mà bất công, tai bay vạ gió, quân cảnh thấy buồn bắt người chơi cho vui vậy. Tụi nó nghe có người tố cáo

đoàn Kim Tiêu có Việt Cộng nằm vùng, coi đi coi lại không thấy ai có lý do vô đoàn lạ như ông. Tụi nó hỏi: "Vậy đang sống giàu có đi theo đoàn làm gì?". Ông mắc cười thiếu điều nhả nước dãi, cái tụi này, mình nói mình lưu lạc tại vì mình thương dào Hồng chắc gì tụi nó tin, tụi nó có biết tình người là gì đâu. Mười ngày sau, ông được thả. Chỉ mười ngày thôi nhưng phải đợi đến nửa đời sau ông mới gặp lại dào Hồng.

Gánh hát rã nhanh, dào Hồng không đợi ông về, nghe bà con bán đậu phộng, thuốc lá trong rạp kể lại, kếp Thường Khanh bị quân cảnh bắt, dào Hồng ôm con bỏ trốn, ở lại, chỉ sợ vướng cô rồi lòng người cô yêu lung lạc. Ông Chín quay quắt đi tìm, mà người thì tản lạc đâu đâu. Nhiều lúc ông Chín tự hỏi, làm sao dào Hồng có thể sống nổi đến từng ấy năm mà không có ông đỡ đần một vai gánh mồi.

Sau này, về nhà Buổi Chiều, có đêm trăng sáng, ngồi bên rổ khoai lang luộc, dào Hồng có kể chuyện mình. Mọi người chung quanh đều sứt sùi, sao mà hoàn cảnh của nó y hệt mình vậy cả, hồng lẽ đời dào hát là vậy. Có người không lấy chồng cho thỏa nghiệp, có người như dào Hồng có con rồi, vì mê hát, vì chiến tranh mà gởi con cho người ta, đến nước nó không thèm nhìn mình nữa. Ông Chín Vũ ngồi rầu rầu, hậm hực: "Biết vậy hồi đó tui bóp mũi nó cho rồi". Dào Hồng bảo: "Anh Chín đừng nói vậy, em thương nó không hết chỗ có trách nó bao giờ. Có lúc em nghĩ, con nó có nhìn em cũng không chịu, mình nghèo quá làm gì lo cho nó nổi hả anh?". Bà không bao giờ nhắc tới Thường Khanh như chưa từng quen biết con người đó trong cuộc đời.

Nhưng những nỗi nhớ niềm thương chắc còn day dứt trong lòng làm cho bà quắt queo, tàn héo. Ông Chín giật mình, cái nhan sắc ngày xưa đã đi đâu mất biệt rồi, rồi tự nhủ lòng, mình nhớ cổ đầu chỉ vì nhan sắc, vậy thì thắc mắc, đau lòng làm chi.

Đào Hồng là người duy nhất trong mấy chị em ở nhà Buổi Chiều không bao giờ lên sân khấu mà chưa hóa trang, chưa son phấn. Những ngày mới về đây, biểu bà hát, bà lắc đầu. Ai tra gạn, bà không nói, bầy chị em ai cũng nghèo, có người có son phấn cũng không dám hỏi. Ông già Chín đi theo hỏi hoài, bà nói thiệt. Ông đập con heo đất, đi chợ mua cho bà thổi son với hộp phấn bông mai. Xong còn kêu cô bán hàng gói lại, chít bông cho cẩn thận. Bà cảm động, nhưng vẻ mặt buồn hiu: "Anh tốt với tôi chi mà tốt hoài vậy?", làm cho ông Chín cũng buồn. Ông nghĩ: "Mình sống làm gì tới từng tuổi này mà không hiểu được nhau, Hồng ơi là Hồng".

Trách thì oan, lắm khi ông cũng đâu hiểu được bà. Hồng vẫn thường soi cái gương cũ viền đồng có cán để cầm, mặt gương đã ố lấm tẩm. Ông Chín thấy thương lắm, ông lên mua về tráo gương mới vào chỗ bệ cửa sổ rồi lấy cái cũ cất đi. Bà biết ngay là ông, bà giận lắm, mặt lạnh tanh: "Anh tài khôn làm gì, tui đâu có cần gương mới". Ông cố cãi: "Nhưng cái cũ nó mờ lắm...". "Mờ mờ tui mới thích", bà nạt ngang. Không biết tại sao bà lại có ý thích kỳ cục vậy.

Lần đó, ông già Chín buồn, buổi chiều thôi không còn đón bà ở đầu hẻm để gánh giúp chè về nhà, mà ông vẫn thường nói, dù ngần, ông cũng muốn đỡ dần cho bà một đoạn đời. Ông biết bà còn chờ một cái gì đó, mơ hồ

lắm, tiếc là bà không tâm sự với ông. Nghĩ cho cạn, bây giờ đào Hồng cũng như ngày xưa thôi, người ta có khác gì đâu mà mình giận. Sống khép kín, ít nói, ít cười, ít biểu lộ nổi lòng lên mặt. Chỉ trên sân khấu, đào Hồng mới thỏa thuê khóc, thỏa thuê cười, mà cười sang sảng như Thái hậu Dương Vân Nga vậy nhen. Cái cười mở lòng mở dạ người ta ra.

Cái bữa cả nhà Buổi Chiều được xe hơi đón đi giỗ Tổ ở nhà hát thành phố, ông Chín giữ nhà. Hôm đó có ông già lại tìm đào Hồng. Ông già tóc trắng như mây, dáng thông thả, chậm rãi, cốt cách sang trọng thấy mà ham. Ông Chín hỏi ông già kia quen sao với đào Hồng, nghe trả lời cũng như không: "Tôi với cô là người quen cũ. Không biết ngày xưa ông đã từng quen biết đào Hồng? Có à? Ừ, thì tôi hỏi ông nè, cái nhan sắc đó làm sao mà người ta quên được, ha? Vừa rồi tôi đọc báo, thấy người ta viết về nhà Buổi Chiều, tôi mừng như vừa sống dậy, thể nào cũng gặp được cố nhân". Ông Chín ngồi tần ngần, day day cái chung trà trên tay, lòng bối rối nên nói chuyện trở he: "Ừ, tui tui thấy vậy mà được lên báo hoài thôi". Đến lúc khách từ giã về, ông Chín cũng không có biểu hiện gì là mình đã nhận ra người quen cũ. Thường Khanh đã già đi (ai mà chẳng vậy) nhưng cái phong thái tao nhã ung dung vẫn như ngày xưa. Sương gió cuộc đời không làm gì được ông khi ông đã sống khác cuộc sống của những người nghệ sĩ ở đây, một cuộc sống không chia ly, khổ đau, dằn vặt. Ông Chín chờ hoài, sao không nghe ông Khanh nhắc tới chuyện ngày xưa ông và Hồng từng có một đứa con, người ta dễ quên vậy sao?

Khách chờ không được, từ giã về rồi, ông Chín ngồi chêm bẹp ngoài cửa rào, nghĩ, rồi mình sẽ mất cô Hồng một lần nữa, từng tuổi này còn để mất nhau mà coi được sao. Ông tự nhủ lòng, thôi, bà Hồng về ông không thêm nói lại đâu.

Không nói nhưng thêm nói, lương tâm biểu phải nói, ông Chín bảo: "Không biết cô Hồng còn nhớ Thường Khanh, ảnh mới lại đây kiếm cô". Đào Hồng vừa sổ mái tóc cỗi cần xơ xác ra, lặng người, tay cầm rưng rưng cái đầu tóc mượn. Lâu lắm, bà mới lơ láo ngó lên, đôi mắt ráo khô, "tôi đi giặt bộ đồ". Ra tới lu nước bà tựa người vào đó, mặt soi xuống nước bật khóc. Ước gì nước dừng trong như vậy để khỏi phải hiện lên một nhan sắc tàn phai. Không nhìn đằng sau mình nhưng bà biết, ông Chín đang chạy theo nhìn mình, bà nói khẽ: "Mai người ta tới đừng nói tôi ở đây nhen, tôi... tôi không muốn gặp". ông Chín đứng đó, trong lòng vừa mừng (tại cô Hồng không muốn gặp chớ không phải tại tôi ích kỷ à nhen) vừa thất thểu thương bà, ông bảo: "Không tránh được hoài đâu, cô à, mà có gì phải tránh né nhau, người ta, sống ở đời cốt là ở tấm lòng".

Tránh làm sao được khi kịch bản cuộc đời đã bày ra một cảnh gặp nhau. Ông Khanh gặp bà Hồng ở đầu hẻm, lúc trời chạng vạng, khi bà quang gánh trở về. Nhìn thấy ông, bà mỉm cười, giở nón, bà hỏi: "Nghe nói ông tìm tôi?". Ông Khanh đứng chết lặng, ngăn người ra, lòng ông đau đốn, đó không phải là cái nhan sắc mà ông nhớ thương, chờ đợi. Không phải đào Hồng, dứt khoát không phải đào Hồng mà ông đã từng ôm trong tay ấp trong lòng, đã từng che chở, bao bọc cho ông những ngày xưa cũ.

Có những vẻ đẹp không phải ai cũng nhìn thấy được. Ông Chín nói với bà Hồng như vậy, ông biểu bà đừng buồn, bà cười bảo: "Tôi có buồn gì đâu", nhưng nước mắt bà nhỏ xuống trong khe. Người ở hẻm Cây Còng không thấy ông già sang trọng đi xe hơi tìm vào nhà Buổi Chiều nữa.

Bắt đầu những cơn mưa mùa ràn rạt trên mái nhà, đập âm âm vào hai bên vách đóng bằng thiếc cũ. Không thấy bà Hồng gánh chè ra ngõ, không còn nghe tiếng rao ngọt ngào thánh thót mà buồn thiết là buồn của bà, cũng không thấy ông già Chín Vũ ghé quán chú Tư Bụng uống năm trăm đồng nước trà.

Đào Hồng bệnh nặng, ông Chín thất lòng khi biết trong người bà nhiều bệnh như vậy. Bà như trái bầu khô chỉ còn nhờ vào chút chờ đợi mỏng manh của tình yêu thời son trẻ làm cái vỏ cứng cáp ở bên ngoài, rồi cũng từ ngày sự thất vọng xui cái vỏ thấm mưa nắng mục ruỗng đi. Bà nhắc tới cái chết hoài, đào Phỉ nạt: "Tao sống tới từng tuổi này mà còn không chết, bây mà chết chóc gì". Rằm tháng ba, như thường lệ là cũ hát của nhà Buổi Chiều. Đào Hồng ồm sát chiếu những vần đòi ra hát. Ông Chín vẽ chân mày, tô phấn thoa son cho bà rồi diu bà ra ghế. Bà ngồi ghế mà hát. Bài hát cho Thái hậu Dương Vân Nga trước ngổn ngang nợ nước tình nhà, hát cho nàng Quỳnh Nga bên cầu dệt lụa, cho nàng Thoại Khanh hiếu thảo róc thịt nuôi mẹ chồng, cho nàng Châu Long tảo tần nuôi Dương Lễ, Lưu Bình ăn học và cho Tô Thị trông chồng hóa đá vọng phu...

Đào Hồng hát đến lịm tiếng đi. Bà ngồi trên sân khấu, gục đầu. Cái gánh nặng tâm tư này, không mang

nổi nữa rồi. Khi ông Chín dìu bà xuống giường, bà đã hôn mê. Người ta hát vỗ cuối cho bà, cho một người nghệ sĩ chân chính. Đào Hồng đã gặp lại rất nhiều người thân thuộc cũ, bà nghe con trai bà gọi má, nghe ba má bà nói lên lời tha thứ vì đứa con gái đã bỏ nhà theo nghiệp xướng ca, lời tha thứ bà chờ đợi ngót năm mươi năm ròn rã. Bà sung sướng trở về nhà thơ ấu, đi bắt chuồn chuồn đậu trên hàng bông bụt, cạnh mé mương...

Bông trang rụng ngoài sân.

...Có lần, ghé quán cà phê chú Tư Bụng, tôi quen với ông Chín Vũ. Ông Chín người gầy nhom, nhỏ thó, nhưng tốt bụng, xởi lởi. Ông nói với tôi rằng bỏ cả đời đi theo đàn hát cũng không uống, bởi vì đời ông thực có ý nghĩa. Lần đầu tiên ông đóng được vai chính, người ta hỏi vai gì, ông bảo vai con của đào Hồng, phút lâm chung của người đàn bà suốt đời ông yêu thương, ông gọi: "Má ơi!" và thấy bà mỉm cười. Chỉ vậy thôi à. Ừ chỉ vậy thôi. Nhưng tại trẻ bây thì biết gì chuyện tình cảm của người lớn....

Tóc Huyền màu bạc trắng

Ma Văn Kháng

Đó là một gương mặt đàn ông đẹp. Đẹp từ tuổi tráng niên đến lúc từ già cõi trần, tôi xin cam đoan vậy. Và nếu khoa tướng mạo học chia mặt người thành mặt nguy diện, mặt hiền triết, mặt công khanh, thì gương mặt ông Thại hàng xóm của tôi thuộc loại hình thứ ba, hết sức sang trọng.

Mặt ông có đến hàng chục cái quý tướng. Tai ông to. Thùy châu ông bệu. Nhân trung ông sâu. Ấn đường lộ. Long mày con tằm. Mệnh cung ông sáng bóng... Mỗi người đều có thể ngắm nghía và tán tụng mỗi nét trên gương mặt, vóc dáng, thần thái ông theo quan niệm chí thú của mình. Chẳng hạn có thể nói: quai hàm ông nở tức là ông có quyền uy. Tai ông đóng cao hơn mắt là ông cực kỳ xuất sắc về mặt công danh. Cũng có thể có người xét đoán một cách tổng quát, nói ông có tam bảo: thân, khí, sắc; dáng di chứng chạc, đằng hoàng, tiếng nói ôn hòa ấm áp, phong thái chính trực phong lưu, ông là người giàu ở làng, sang ở nước. Ông là một khách tài tử. Một chính nhân quân tử. Một gentleman!⁽¹⁾ Một người gặp là có thiện cảm, là muốn giao tiếp, kết thân. Một người có sức hút kỳ lạ đối với cả cánh đàn ông. Cánh

⁽¹⁾ Người lịch sự, hào hoa phong nhã.

đàn ông ở quán bia, khi thấy ông tới, thế nào cũng có người xán đến: Bác ơi, cho tôi uống với bác một vại nào! Yêu cái thanh sáng tươi đẹp là khuynh hướng tự nhiên chẳng phải của riêng ai!

Khi tôi nhận ra ông, khu biệt ông với mọi người, thì ông đã là một ông già sáu mươi lăm tuổi, hàng xóm của tôi. Ông ở trong một căn buồng nhỏ chừng hơn chục mét vuông. Ngoài hiên có một chiếc xích đu, đệm ngồi là một cái mền chần cũ. Khéo thu xếp trong không gian chật, ông cũng có một cái sân nhỏ đặt loáng thoáng hơn chục chậu hoa, thứ nồng, thứ đậm như cúc, nhài, hồng, hương thơm tao nhã quấn quýt ngày đêm.

Ông sống một mình. Một ông già độc thân, cũng là sự thường tình như cái chết vốn cô đơn. Cô đơn bỗng trở nên một trạng thái cần được chia sẻ, đặc biệt là khi tôi thấy ông lăm lăm một mình nhặt sâu, tưới hoa, trong không khí lặng tờ chỉ nghe thấy tiếng nước phun rò rò qua chiếc hoa sen bình tưới, vắng vẻ đến rợn người. Kể cả khi thấy ông lom khom đứng ở trước cửa nhà bà Loan bên cạnh, khẽ khàng như sợ có người nghe thấy: "Bà Loan, có phiền bà quá không? Nhân tiện bà ra chợ, lúc về bà mua hộ tôi ba trăm dưa cải, một chai tương ớt nhé!".

Bà Loan là bà giáo, chồng là đại tá công binh, hy sinh ở mặt trận K, ba con gái đã thành gia thất, giờ về hưu, vui với cảnh chùa chiền, chợ búa và bạn hàng. Bà là một phụ nữ đẹp, vẻ thanh nhã quý phái vẫn phảng phất trên mỗi nét điệu; con mắt tuy đuôi rạn chân chim, nhưng lòng mắt vẫn trong trẻo như mắt người trinh nữ.

Tất nhiên là bà Loan không bao giờ từ chối lời nhờ vả của ông Thại. Người đàn bà đẹp, đa cảm này còn kín đáo gửi niềm mến yêu của mình với ông Thại khi có dịp nữa kia. Còn tôi, tôi mong thâm, mình sẽ thấy đến một ngày họ thật sự gần gũi nhau.

Một người phụ nữ nữa hay giúp ông Thại mua bán là vợ tôi: Nhân. Nhân quý mến ông thật tình. Mỗi khi nhà có giỗ hoặc nấu nướng được món gì đặc biệt, Nhân đều đơm riêng một đĩa nhỏ đưa sang biếu ông, tình cảm như con cháu trong nhà. Nhưng, lần nào cũng giống lần nào, hễ cứ mua bán hộ, hoặc biếu tặng ông một món gì đó về, thế nào Nhân cũng chếp miệng ái ngại:

- Khổ! Không hiểu sao mà em thấy ông già tội nghiệp quá!

Tội nghiệp! Một tuổi già tội nghiệp! Nhiều lần nghe Nhân lặp lại câu nói, tôi nhập tâm. Nhưng, cũng không chỉ một lần, tôi đã không ngại ngần phản bác lại chính mình. Vâng, ông Thại hàng xóm của tôi không thể là một ông già tội nghiệp! Và đã biết thế nào mà thương hại ông. Cứ quan sát ông kỹ lưỡng một chút mà xem. Gương mặt ông trong sáng lắm. Chẳng có nét nào, kể cả nét khuất, trên gương mặt ông nói lên cái lặn độn, hao tán, bại xuội của tâm hồn, thể xác, của đời ông cả. Vả chăng, ngoài cái việc cơm nước một mình, một cái thú thẩm mỹ chưa biết chừng, thì chỉ có cái việc nhờ vả mua bán mớ rau, miếng thịt lặt vặt là thấy nó tội tội thế nào đó thôi. Chứ phong vẻ ông vẫn là phong vẻ con nhà. Ông sống ung dung, sinh hoạt ăn ở rất nền nếp, cẩn trọng. Ra khỏi nhà không bao giờ mặc quần đùi, áo

may-ô, thậm chí pi-ja-ma. Đã mặc com-lê là đi giày mồm vượt và đội mũ phớt. Mùa hè áo cộc tay ống rộng bao giờ cũng buông vạt ngoài quần để che bộ môn, chứ không như nhiều ông quan chức bây giờ, cứ nhét tuốt vào trong quần và cho thế là lịch sự!

Quan sát lớp bạn đồng liêu của ông mới thấy họ khác ông lắm. Tất nhiên cũng vì đồng lương chật hẹp, nhưng lắm cụ về già bỗng phát sinh thói tham tiền quá đáng. Bảy mươi rồi, lắm cụ còn lao vào thương trường, giở đủ trò mảnh mung đến nổi vỡ lở, phải vào ngôi nhà đá. Có ông hôm qua còn đương chức thì co ro cúm rúm trước thủ trưởng, hôm nay ra khỏi vòng đã hạ ngay cũng con người ấy xuống bậc thang. Ý lão mãi lão, lắm cụ bán cả thanh danh mình mà không biết, khi phủ định tuốt tuột những năm tháng tuổi trẻ hào hùng của mình. Có cụ về nghỉ rồi vẫn chưa nhạt thói háo danh. Vẫn thích làm ông nọ, bà kia, động nói là lên mặt dạy đời. Lại có ông buông thả hoàn toàn, về nghỉ là coi như rũ nợ đời, lu bù bồ bịch, sớm tối chỉ rượu chè, bài bạc. Nói tóm lại, còn chưa thoát vòng mê chấp, lòng còn nhiều vọng động và bị ngoại vật chi phối hoàn toàn.

Ông Thái không như vậy, ông vẫn cặm cụi với đèn sách. Sau cái ưu tư về học thuật là một tâm tình phẳng lặng như mặt hồ thu. Ông không sống với thế sự, môi trường. Ông ở trên những buồn phiền, lo âu, ở ngoài những nhọc nhằn, đau đớn. Ông không rơi vào trạng thái cần cá, rồi ren trong oán hận, bực bội. Ông chăm chỉ và vẫn thông dong. Sáng, sau khi điểm tâm, ông ngồi vào bàn đọc, viết lách, ghi chép đến trưa. Nghỉ

trưa dậy, ông dạy một lớp trẻ con bỏ tức tiếng Pháp, không lấy tiền. Chiều, ông chăm chút mấy chậu hoa, đi bách bộ ngoài công viên. Tối, ông thăm bạn bè, dự sinh hoạt câu lạc bộ, hoặc theo các lớp học chuyên đề.

Ôi chao, cái nhịp sống với tâm thái yên hòa như thế, là cái cây xanh quý hiếm với bất cứ ai, ở lúc này, giữa thời buổi giao tranh hỗn tạp các quan niệm nhân sinh, không ngờ lại bén rễ, đâm cành, mọc lên từ đời ông Thại, một đời người dằng dặc những tai biến, oan khổ, đốn đau, hơn hai chục năm liền!

- Ấy thế, chính tôi nhiều lúc cứ ngẩn người ra nghĩ, không hiểu vì sao tôi lại bị tù, anh ạ. Tù ở đây là tù của chế độ ta ấy chứ anh!

Ông Thại nói với tôi, môi phảng phất một ánh cười lặng lẽ.

Chuyện ông Thại bị tù rất lạ. Đạo đó ông mới ba mươi tuổi. Tướng mạo học đã chứng tỏ không hoàn toàn chỉ là những điều nhảm nhí. Không là hạng công khanh, giữ chức thượng thư bộ trưởng, thì ông cũng là cán bộ cấp cục, cấp vụ, loại rường cột quốc gia. Trẻ tuổi, chức vụ như thế ở một bộ lớn, ông đang rất được trọng vọng. Năm ấy, máy bay Mỹ đã bắt đầu oanh tạc thành phố. Các cơ quan rục rịch sơ tán. Ông cũng đang sửa soạn. Thì dùng cái, nhận được giấy gọi tập trung lên khu Công an. Ở khu Công an, người chỉ huy đọc lệnh cải tạo dài hạn và đồn ông cùng mọi người lên một chiếc xe bị kín. Không kịp xin về nhà lấy thêm quần áo thì xe đã chạy. Nửa đêm, xe dừng trước một cái cổng sắt. Nhìn ra thấy mây sương trắng loá và núi đồi nhấp nhô.

Một người lính gác ra nhận hiệu lệnh, rồi mở cổng. Xe ô-tô lọt vào một cái sân rộng. Chưa hiểu mô tê gì giáp thì được lệnh xuống xe và một sĩ quan cầm đèn bão giờ cao, tự giới thiệu là giám thị. Rồi nói: "Từ nay các anh là phạm nhân. Đây là trại tù. Ở đây phải mặc quần áo phạm. Phải gọi quản giáo là ông, là bà". Ấy thế!

Ông kể vài mẫu vụ sinh hoạt chốn lao tù cho tôi nghe. Tôi cứ rợn tóc gáy. Sao mà kinh khiếp thế!

- Ngay tuần lễ đầu tôi bị liên tiếp mấy trận kinh hoàng, anh ạ - Ông Thại nói - Tôi bị giam riêng trong một buồng hẹp. Đến bữa, được phát một bát cơm nhỏ, một bát canh và một cái thìa. Bữa ấy, tôi vừa cầm thìa xúc cơm ăn, thì một gã quản giáo đi qua. Theo phép lịch sự thông thường, tôi đứng dậy, lễ độ: "Tôi xin mời ông xơi cơm ạ". Quản giáo chừng mười tám tuổi, mặt non choẹt, béo ú, đưa mắt ti hí lườm xéo tôi, rồi xịt tia nước bọt qua kẽ răng: "Đ. mẹ mày. Cơm như cho chó ăn mà cũng mời với mọc!". Trời, tôi buột rơi cái thìa, rồi mặt gằm xuống, run lẩy bẩy, không biết mình đang sống ở thời nào, chốn nào! Hôm sau, cũng đang ăn cơm thì lại chính gã nọ đi qua. Rút kinh nghiệm, mình gằm mặt xuống ăn, không mời. Thì quản giáo lừ mắt nhìn vào buồng, rồi quay mặt ra sân, chống tay lên háng, rồi cũng lại xịt một tia nước bọt, buông thõng một câu: "Đ. mẹ mày chứ. Sắp mặt xuống ăn như chó, không kịp ngẩng lên mời bố mày một câu nữa!".

- Trời!

Tôi kêu đau đốn. Ai có thể bịa ra được cảnh huống ấy. Và nhìn ông Thại, tôi vừa thương ông quá, vừa bần

khốn không hiểu rồi lần sau ông gặp tình huống ấy ông sẽ xử sự thế nào?

Ông Thại chép miệng:

- Thì cũng phải quen và khôn ra. Quen với thân phận thằng tù và khéo léo trong ứng đối. Lần sau, thấy gã ấy đi qua đang lúc mình ăn cơm, tôi liền đặt bát cơm xuống, đứng dậy, thật nghiêm nghị: "Thưa cán bộ, con đang ăn cơm, xin phép cán bộ cho con ăn tiếp ạ".

Tôi thở ra thảo thảo:

- Hay quá. Thằng cha ấy chịu chứ?

- Nó ngây mặt.

- Hết cách!

- Ấy, cũng tưởng nó hết cách. Ai ngờ nó vẫn kiếm được cố hơnh mình. "Ăn đi! Sao ăn chậm thế? Người ta ăn xong hết cả rồi kia kìa!". Nó đằng hắng, rồi kéo liền một hơi.

- Chà! Thằng cha cũng đáo để nhỉ!

- Nhưng mình cũng nhanh trí. Mình đáp: "Báo cáo cán bộ, tôi bị đau dạ dày, phải nhai kỹ, nên chậm ạ".

- Bác cũng chẳng vừa thật!

- Nhưng cuối cùng mình vẫn thua nó. Quả là thiên hạ bách nghệ và nó có nghề hạch lạc thật. Nó quát liên: "Đau dạ dày sao không báo cáo, hử!". Thế là mình lại bị đẩy vào thế bị động. Nó có quyền, mà là quyền lực tuyệt đối, nó mạnh hơn hẳn mình!

Nhà tù là nơi anh đến để cải hóa. Ở đó, bất kể trước đây anh là ai, giờ anh cũng chỉ là thằng tù. Anh là kẻ có tội. Tương quan giữa anh và kẻ cai quản anh hoàn toàn chênh lệch. Vẫn biết là như vậy, nhưng tôi

vẫn không thể không động lòng trước cảnh tủi nhục ê chề của ông Thại, dù biết rằng đâu phải quản giáo nào cũng như gã nọ.

Tôi găm khe khẽ:

- Thế thì cũng có lúc phải kêu lên, tìm mọi cách mà kêu lên chứ, bác!

- Thì mình cũng có miệng, có chữ nghĩa chứ - Ông Thại nói - Lời kêu cứu to nhất của tôi là: "Hãy giải thích cho tôi rõ, tại sao lại bắt tôi?" Tôi viết đơn. Đơn được gửi lên tận cấp thượng đỉnh thật. Và người ta cử người đi kiểm tra thật.

- Thế mà...

- Đòi là những ngẫu sự chấp nối là vậy, chú à. Người đi kiểm tra để giải mã việc tôi bị bắt là người tốt. Anh ta mất nhiều công sức vào việc tìm kiếm tư liệu lắm. Đang là lúc chiến tranh, các cơ quan phân tán, tài liệu rải rác, thành ra công việc phải kéo dài ra. Ba năm trời, công việc còn chưa đâu với đâu thì anh ấy được lệnh đi chiến trường. Người được anh ấy bàn giao lại bắt tay vào công việc với tất cả bề ngổ ban đầu. Nhưng lần này, lại xảy ra điều rủi ro nữa, đang làm dở thì một lần đi công tác người này bị bom chết. Tài liệu về tôi anh mang theo cùng chung số phận với anh, tan thành hư vô. Tiếp đó...

Tôi thở rất ngực:

- Thế là kéo dài hơn hai chục năm!

- Biết thế nào được! Vài lần sơ sẩy là xong một đời người là vậy. Ngoảnh đi ngoảnh lại cũng không ngờ hơn hai chục năm trôi qua. Ở tù, năm đầu thấy dài đến ngột

ngạt. Năm sau thấy đỡ dài hơn. Năm sau nữa, ngắn hơn. Mỗi năm qua nhanh hơn lên một tý. Bối hy vọng bớt dần, chờ đợi cũng ít dần. Sau cùng thì chẳng có cái gì để hy vọng nữa, nên lại thấy thanh thản.

Ông Thại dừng, cười nhè nhẹ, tiếp:

- Đến một hôm, ông giám thị gọi lên, đọc lệnh, rồi nói: "Anh Thại, anh được tự do". Mình còn cứ ngỡ ngỡ. Chẳng hiểu vì sao lại được tự do. Hơn hai mươi năm bị giam cầm rồi ngay lập tức được tự do. Lạ quá! Sao tự do lại được hưởng một cách dễ dàng và đơn giản thế nhỉ!

Cuối cùng thì ông Thại trở về buồng, ôm túi quần áo, đi ra cổng trại. Ông đi được mấy bước, gặp luồng gió bắc, đứng lại, thấy trời trời quá, nên một lúc sau, lại quay đầu đi vào cổng trại. May, lúc ấy có xe ô-tô ông giám thị đi công tác về thành phố bon ra cổng. Xe đỗ. Ông giám thị ngoái ra: "Anh Thại, lên xe đi!". Như một kẻ vô hồn, ông Thại leo lên xe. Ông xin xuống xe ở trụ sở cơ quan cũ. Cán bộ, nhân viên cơ quan nơi hai chục năm trước khi ông còn đang làm việc đều đã thay đổi. Chỉ còn ông bảo vệ mặt rỗ, tay khoèo, bị cụt chân trái hồi máy bay Mỹ ném bom thành phố. Ông bảo vệ ôm ông, khóc: "Bác đi đâu lâu thế! Sao chẳng có thư từ tin tức gì? Giờ định về đâu? Khổ, râu bạc hết rồi!". Ông lặng lặng đi. Về đâu bây giờ? Chợt nhớ đến địa chỉ người con gái đã yêu ông, tên Huyền, thợ dệt nhà máy mông 8 tháng 3, liền đi tới. Nhưng, hỏi tên Huyền ở ngõ ấy, mọi người ngó ra một lúc rồi bảo: Cô ấy lấy chồng, theo chồng, hay đi đâu, không rõ, chỉ biết đã gần hai chục năm nay cô ấy không còn ở đây nữa! Ông tha thẩn

ra công viên N. Ở đó có một chiếc ghế đá là còn quen. Hơn hai mươi năm rồi, chiếc ghế đá vẫn nghiêng một bên, do một bên chân nó bị lún. Đó là nơi ông thường ngồi trò chuyện với Huyền những tối thứ bảy, những ngày đã rất xa. Chiếc ghế đá nghiêng, chỉ nó là còn nguyên vẹn.

* * *

Dấu vết nhà tù còn lại duy nhất là ban đêm ngủ bao giờ cũng phải thấp đèn. Ông Thại nói. Còn thì gương mặt ông, tâm trạng ông hoàn toàn thanh thản. Câu chuyện ông nói tiếp, cứ nhẹ tênh, như chuyện của ai khác vậy:

- Kể ra thì cũng chẳng muốn nói lại chuyện đã qua làm gì. Nhưng đã trót kể một phần cho chú nghe rồi thì tôi đành kể nốt vậy. Đầu đuôi nó là thế này. Chú biết rằng hồi đó tôi là vụ trưởng một vụ lớn ở một Bộ kinh tế khá quan trọng. Tôi thuộc hạng vua biết mặt, chúa biết tên. Tôi thường được dự các cuộc họp, nghe các đồng chí lãnh đạo cao cấp nói chuyện. Tất nhiên được tiếp xúc với các đồng chí ấy là một vinh dự. Họ thuộc về một thế hệ đáng kính. Chỉ ít thì họ cũng là những người dám đánh đổi cả mạng sống của mình, để giành lấy quyền lợi cho đa số. Phần lớn họ đều bị đế quốc bắt bớ, khảo tra, giam cầm, nhiều người đã bị kết án tù chung thân hoặc tử hình. Một hôm có một đồng chí cán bộ lãnh đạo cỡ như vậy đến thăm cơ quan Bộ tôi. Chỉ có cán bộ cấp vụ trở lên được dự cuộc tiếp xúc này, nên phòng họp nhỏ chỉ chứa chừng hơn hai chục người, ai cũng nhìn rõ

mặt nhau cả. Trong buổi gặp gỡ, tôi để ý, cứ thấy đồng chí lãnh đạo nọ thỉnh thoảng lại liếc về phía mình. Nghĩ thoáng: Chắc là đã có lần mình gặp đồng chí ấy, nên đồng chí ấy nhận ra và có thiện cảm. Nhưng rồi việc này dồn việc kia, khuấy quên đi. Tôi cũng là người vô tâm, chẳng để ý đến nữa! Cho đến một lúc bỗng nhận ra, các buổi họp hành, giao ban cấp vụ, thường không thấy có tên trong danh sách triệu tập. Tuy vậy, thoát đầu cũng chỉ nghĩ là họ sơ ý thôi. Đến khi rộ lên một loạt tin đồn. Nào mình sắp phải chuyển công tác. Nào mình sắp được cử đi hạ phóng cơ sở. Thì mới chợt giật mình. Tại sao lại thế nhỉ? Tiếp đó là chiến tranh. Rồi có lệnh tập trung lên khu công an như tôi đã có lần kể chú nghe đấy.

Ông Thái lắc đầu, cười khan một tiếng:

- Hóa ra mọi sự chỉ là từ câu nói của đồng chí lãnh đạo nọ. Mà nói cho thật chính xác thì chung quy là tại cái mặt mình. Cái mặt mình nó giống mặt một thằng cai tù. Nên đồng chí nọ thoát nhìn mình bỗng sực nhớ, rồi nghi nghi, sau đó suốt buổi gặp gỡ thăm hỏi thỉnh thoảng lại liếc mình một cái như để thẩm tra. Ra về, đồng chí ấy ghé tai một ông lãnh đạo Bộ nói thầm: "Này, kiểm tra xem. Cái cậu tên Thái, vụ trưởng kia, sao giống cái thằng cai tù vẫn đánh đập mình hồi mình bị giam ở Hoả Lò thế?".

Trời! Thằng cai tù có gương mặt phong lưu, quân tử, đường hoàng, chính trực! Tôi sững người. Ông Thái như đọc được ý nghĩ của tôi, chép miệng:

- Ở tù cùng với mình có một cậu họa sĩ trẻ. Cậu này

bị bắt vì đi theo mấy bậc đàn anh vẽ tranh đàn bà khoả thân. Gặp mình ở nơi tập trung trên khu công an, nó hỏi mình: Giấy lệnh của bác màu gì? Mình ngó ra! Nghĩ mãi mới mang máng nhớ là màu hồng. Nó ôm lấy mình, ứa nước mắt: "Anh à, mỗi màu là một ý. Cũng như đơn thuốc bình thường và đơn thuốc độc ấy! Hồng tức là bệnh nặng rồi. Hai anh em mình giống nhau". Trong tù mình và cậu ấy quăn quýt nhau lắm. Cậu ta cứ buồn rồi là vẽ chân dung mình. Mỗi lần vẽ là một lần cậu ta cố khám phá ra một cái gì đó ẩn khuất ở mình. Cậu ta bảo: "Em rất lạ đấy, chân dung anh tiêu biểu cho một người may mắn và hiển đạt cơ mà". Nhưng một lần, đang vẽ cậu ta buông bút, ngẩng mặt lên trần nhà, than: "Trời ạ, ông Tạo oái oăm quá! Không cho ai cái toàn vẹn bao giờ". Mình hỏi thế là thế nào? Cậu ta bảo: Tướng mình cực kỳ quý, nhưng bị triệt trừ cạn kiệt từ gốc, vì cái nghiệp khinh bạc lẫn vào một nét khuất trong pháp lệnh. Cái ấy tưởng nhỏ, nhưng là cái lầy. Nó làm nên cá tính. Tai vạ làm xô lệch đời người là do nó. Thường, anh nào mang danh kẻ sĩ, trí thức đều có cái nét dị biệt này...

Ông Thại neho mắt hóm hỉnh, như tự giễu mình, rồi tiếp:

- Mình chẳng biết gì về tướng số với tử vi. Nhưng nghe cậu họa sĩ nói, cũng dịu nhẹ nổi lòng. Mà nghĩ cho kỹ, lỗi cũng không phải do đồng chí lãnh đạo nọ. Ông ấy chỉ nghi ngờ và yêu cầu kiểm tra cẩn thận kia mà! Hà, hóa ra tai ương nằm trong định mệnh, trăm sự là từ nghiệp chướng thân mình mà ra. Làm hết sức mình,

nhưng kết quả thế nào thì giao phó cho mệnh. Họa không thể tránh, phúc không thể cầu, thì oán hận ai, oán hận mà làm gì! Cậu họa sĩ cũng thanh thoát. Anh chàng quản giáo mắng sa sả cậu ta là tên dâm ô đồi trụy. Rồi cao giọng chửi rửa: "Tôi không thể hiểu nổi các người nữa. Một con đàn bà có cái gì mà già trẻ lớn bé, hết thế hệ này đến thế hệ khác, các người cứ hăm hở lột truồng nó ra để vẽ! Cắm đầu vào mà vẽ!". Cậu họa sĩ chỉ im lặng cười. Tranh cãi cái gì được ở đây nhỉ? Mà chẳng phải chỉ ở đây! Có ai đi tranh cãi với lịch sử không? Không thế đã không là lịch sử. Lịch sử nó cao hơn logic. Một bận, anh chàng quản giáo dồn cậu họa sĩ, bắt cậu ta phải tham gia đối thoại. Cục chẳng đã cậu ta mới phải nói. Cậu ta nói thế này: "Tôi nghĩ tôi là người có nhân cách. Nhưng tôi hiểu: có một dòng sông đẹp, nhưng tôi chỉ nên dừng lại ở bờ bên này thôi. Sang bờ bên kia là nguy hiểm chết người đấy! Hà!"

Chuyện đời ông Thái ám ảnh tôi mấy năm liền. Giữ mãi trong lòng thì thành kén. Cái kén vũ hóa thành cái truyện ngắn chẳng mấy sắc sảo, vui mắt. Tất nhiên, vì là sáng tác nên truyện ngắn này có thêm bớt chút ít chỗ này chỗ kia, nhưng căn bản không xa chuyện thực.

Truyện gửi đi, báo này chối từ, lại tìm tạp chí kia. Bị khước từ, lại bỏ báo chuyện, tạp chí lớn, nhằm các sách tầm tầm, đại chúng in không định kỳ của địa phương gửi, vì trộm nghĩ: có khi họ đang bí bài! Nhưng kết cục mèo lại hoàn mèo, bản thảo vẫn chỉ là bản thảo!

Tôi đem chuyện đó nói với ông Thái. Nhân vật nguyên mẫu của tôi bảo: "Viết làm gì; có lợi gì cho xã

hội mà viết! Bụng tôi nghĩ: "Hóa ra con người ông Thại cũng là lịch sử rồi", nhưng miệng lại nói:

- Họ không hiểu ý tôi. Qua chuyện của bác, tôi chỉ muốn nói rằng, người là con vật có lý trí và rất biết uyển chuyển. Nó biết cách sống cả trong những hoàn cảnh khủng khiếp nhất! Chứ tôi không đề cập đến bất cứ một khía cạnh thể sự nào? Văn chương là văn chương ở chỗ đó. Nhưng, hầu hết các tổng biên tập đều nói như bác, hoặc giả im lặng, làm thinh.

Sau hôm tôi than phiền chuyện trên với ông Thại, thì nhà ông có thêm một người đàn bà. Đó là một bà sư trạc năm mươi, năm sáu tuổi, lúc nào cũng bịt đầu bằng chiếc khăn len nâu. Bà có cặp mắt bồ câu, hay nhìn xuống, hơi buồn. Còn đôi môi thì đầy đặn, nhiễm vẻ trần tục, cứ tươi đỏ như màu son mới quét ở tượng Phật bà Quan âm.

Bà sư đến ở với ông Thại chừng một tuần thì công an hộ khẩu đến hỏi. Ông Thại đáp:

- Đây là vợ chưa cưới của tôi. Tên cô ấy là Huyền.

Tôi và Nhân mừng vô kể. Hiển nhiên ai cũng đoán ra một câu chuyện mang dáng dấp một thiên tình sử đẹp nhất thế gian này! Những người yêu nhau hơn hai mươi năm trước đã trở về với nhau! Ông thì vượt qua song sắt nhà tù. Bà thì ra khỏi cánh cửa Phật. Đời sống trần gian dẫu sao cũng vẫn là chốn thiên thai. Riêng ông Thại, ông đã được đền bù. Từ nay, chắc hẳn ông không còn lẻ bóng. Không còn phải ngượng ngùng mỗi khi phải nhờ vả bà Loan hàng xóm hoặc Nhân vợ tôi mua hộ tí rau dưa lật vật như xưa. Một người đàn bà có

thể đánh đổi được tất cả thua thiệt, mất mát, cân bằng lại cả cuộc đời đã xô lệch của người đàn ông là thế! Cả bà giáo Loan, người có ý yêu thâm ông Thại, là người chúng tôi muốn ghép đôi với ông, cũng mừng lắm. Chúng tôi giục ông bà tổ chức lễ cưới. Ông Thại gật đầu, đáp vui vẻ: - Các bạn hãy cùng tôi chờ Huyền có một mái tóc dài đã nhé!

Tóc bà Huyền rậm rì mọc ngày mọc đêm. Nhân của tôi dõi theo tốc độ mọc của mái tóc bà. Tóc bà Huyền lun phun đã kín đầu, đã chớm vành tai, đã chạm da gáy, đã chấm bờ vai. Nhưng một ngày kia nhìn mái tóc mình, bà bỗng bùng mặt khóc oà. Tóc bà đã bạc trắng! Ngày qua tóc bà như từ một nguồn suối ngầm dần lên đều đặn, càng dài càng trắng xóa một màu tóc tang. Ôi, có sự sinh sôi nào mà buồn thảm thiết như sự mọc tóc của bà Huyền! Tóc bà, những sợi nhỏ cam lạng, vô hồn như những người im lặng đang chiếm số đông, đang hàng hà vô số, đếm không xuể trong nhân dân chúng ta.

Những người im lặng. Họ thật nhiều

Họ chiếm số đông

Hầu như nhân loại là những người im lặng

Chúng ta sặc sỡ ồn ào bằng những.⁽¹⁾

Tôi hào hứng viết lại chuyện ông Thại, thêm đoạn cuối miêu tả cuộc đoàn viên của ông với bà Huyền, đặt tên truyện là *Tóc Huyền màu bạc trắng*. Số phận truyện ngắn này cũng không hơn cái trước. Các tổng biên tập báo lớn, tạp chí nhỏ, chuyên đề hoặc tổng hợp, cùng các

⁽¹⁾ Bôrix Xlaxki (Nhà thơ Nga).

xuất bản phẩm không định kỳ trung ương và địa phương như đã hội ý hay sao mà cùng nhất trí tâng lờ. Bị chất vấn, đành phải lên tiếng thì họ nói:

- Cuộc đời vốn nghiêm túc mà viết như đùa bỡn. Đoạn đoàn viên vừa chua chát, vừa sái, vừa vô lý như cuộc tái hợp Kiều - Kim. Thà cứ để bà giáo Loan lấy ông Thại, hai cuộc đời lỗ dỏ vá vúi đắp đổi cho nhau, xem ra còn có lý hơn!

Tình buồn

Tô Hoài

Ngày trước ai đi lấy chồng như bà Tú người ta bĩu môi chửi là gái nứng đi theo không và khinh ra mặt. Ông Tú nghề thợ ngõa, quanh năm đeo hòm vác cửa, cầm cân nẩy mực đi ăn cơm tứ chiếng. Năm ấy, bỗng dưng đưa về một người con gái. Làng nước thì thảo cô này chữa buộm, đứa con trai đầu lòng ấy không phải là con phó Tú. Có người bảo là anh thợ mộc cuỗm con gái chủ nhà. Cô ấy người dưới Nam, nghe rõ giọng kẻ bễ. Lại người thì nói cái tiếng ấy là người chẳng đâu xa vùng bên kia sông thôi. Không biết thế nào.

Bà con rồi cũng gọi là thím Tú, cô Tú. Dần dà rồi sự khinh khi của người ta cũng nhạt dần. Đến khi con cái trong nhà đã lớn và thời thế đã thay đổi thì cũng chẳng còn ai rồi hơi bới móc gốc rễ cái người đàn bà ngày trước khăn gói lấy chồng theo không ấy nữa. Thời buổi mới, cho qua.

Vợ chồng phó Tú có ba người con. Chồng đặt tên con theo cái thú chơi cờ bạc sáu mặt con thò lò, thoạt nghe cũng có buồn cười một tý nhưng rồi chỉ sinh ba con, nên chỉ có được thằng Nhất, cái Nhị, cái Tam. Thế rồi đứa nào cũng khá cả. Thằng Nhất học hết bậc phổ thông, được làm anh giáo trường làng. Cô Nhị, cô Tam

lấy chồng làng bên, những con rể có chức vị, có máu mặt. Người nào cũng khi chủ tịch, khi chủ nhiệm, khi bí thư...

Một năm kia ông Tú ốm. Rồi ông mất nhẹ nhàng như người đi ngủ. Chẳng bao lâu, thấp thoáng đấy mà bà phó Tú đã lồm khồm lúc nào. Từ khi ông mất, bà không ở hẳn với con nào. Cứ liêu liệu mỗi nhà ít lâu, nhưng tết nhất hay giỗ chạp thì thế nào bà cũng về ở với nhà con trai. Mới mấy năm trước, còn đi ra ruộng làm được cỏ lúa. Giữa trưa, nắng chang chang mà xách được rổ cua dưới đồng sâu về, lấm như vùi. Mấy năm nay thì chịu thua rồi, chỉ loanh quanh nhặt nhạnh cái rau cái cỏ trong bờ rào. Tính nét đậm ra lấm cảm dân, ăn đấy lại quên đấy.

Bà Tú ngồi rười rượi trông ra ngoài ngõ, có người đi qua, chào hỏi: "Bà đã xới cơm chưa?" Vừa xong bữa hẳn hoi, mà bà Tú ngây mặt ra rồi hừ một cái: "Nào đã cơm cháo gì đâu!" Người con dâu trưởng đã để ý cái nhằng tính tai ác ấy của bà mẹ chồng từ lâu. Có lần chị cũng chỉ nói trong bữa ăn, nhưng nói vui thôi. Bà buông đũa xuống, đứng lên: "Tôi vu oan giá họa cho ai để tôi chết không nhắm mắt à!"

Các cháu cũng không dám nói cợt bà thế. Tưởng chỉ ở nhà giáo Nhất có thể có "chó dữ mất lảng giềng, dâu dữ mất họ" bà lão mới hay dở chúng, nhưng cả những khi ở bên nhà các cô Nhị, cô Tam bà cũng vùng vằng, mà trước mặt các con gái, bà còn rửa xả ác khẩu gắp mấy: "Là con chó dại cắn cần thì mới mở mồm ra ăn không nói có thể." Cả năm nay bà lão ngại đi, chỉ ở nhà giáo Nhất không sang nhà các con gái. Thỉnh thoảng

hai cô em đeo cho anh yếm gạo và ít tiền. Được cái anh em nhà này vốn cũng dễ dãi, êm thấm.

Nhưng mà người ta cái tuổi càng gồng đeo trĩu cổ thì lại chỉ trái tính trái nết hơn. Bao nhiêu nét na và kỹ tính thời con gái nhanh nhẹn ve vế việc nhà việc cửa của cô Tú xưa thì bà lão Tú bây giờ vẫn còn nhớ cả đấy, nhưng bà lão thì chỉ còn làm trò cho lũ trẻ con.

Người ta trước kia không tuềnh toàng đoảng như chúng mày bây giờ đâu. Nồi cơm bung lên nhớ lót rế, sôi cơm thì có đũa cả, đàn bà con gái phải ngồi đầu nồi... Không vét nồi quên quẹt - vét nồi là điếm năm ấy đói kém, mà cũng là nhà keo kiệt mới thối ít cơm thối. Dâu con trong nhà, giá có ăn được ba bát thì cũng chỉ thông thả hai lưng, mà khéo đứng lên sớm hơn trước cả nhà. Bà lão vẫn thuộc in những thói phép thế. Bà hay mắng: "Bố chúng mày là thầy giáo mà chúng mày ăn uống hùng hục như lợn thế thì bố chúng mày đi bảo người ta học cái gì!" Bà rủa róc thế, các cháu chỉ cười hô hố.

Không phải chúng nó cười những cái cổ tích nhiều khô của bà đâu. Mà chúng nó cười cái khác, cái hăm của bà. Chả là những răn dạy khuôn phép của bà lão bây giờ lẫn lộn cả với những cái dở hơi. Thói quen trên dưới nhường nhịn vẫn nhớ đời mà con người thì già đi, ít ai nhận ra tuổi đã khác thì cũng sinh lắm tính khác.

Ăn đói thì phải chóng đói. Mà người già ở trong làng, cả đời chưa chắc đã được đủ ngày hai bữa. Bụng còn thòm thèm, nhưng lại nghĩ, nghĩ bây giờ chẳng còn làm ra của nả cho nhà này, mất kèm nhèm đuổi con gà cũng không nên, thì nên bớt mồm bớt miệng lại. Nhưng mà thế thì đói, làm thế nào.

Khi nhà vắng, bà lão Tứ lần xuống bếp. Bà lão sờ soạng các thứ từ chõng ăn cơm lên chạn. Có bát tương, bà lão thò hai ngón tay chấm rồi đưa vào miệng móm mút chùn chụt. Chỗ cơm nguội còn đến lưng liễn. Bà lão bốc một nắm to. Mỗi lần bốc, bà lão lại lấy tay san phẳng vun khéo lại như thế. Hai hàm răng bà lão đã rụng hết, lâu nay chỉ nhai bằng lợi. Hình như của ăn vụng bao giờ cũng ngon hơn hay là bà lão đương đói, lại đứng trong bếp một mình, cho nên cứ việc bốc bải, nhai nuốt mặc sức tự nhiên.

Bà lão tưởng thế thôi chứ không phải lúc ấy chỉ có một mình bà lão đâu. Hai con mắt bà lão bị nhai quặt, bấy lâu chỉ còn thấy mờ mờ, đi trong nhà quen bước chân và người thì nhìn bóng mà đoán ra.

Mấy đứa nhóc tụ tập ngoài hiên. Trẻ con thích nghịch ác, chúng nó bấm lưng nhau im lặng xem bà ăn vụng. Bà mút tương, bà húp nước dưa, bà bốc cơm... Chốc bà lại chột hốt hoảng nhìn ra. Nhưng chẳng nhìn thấy gì cả.

Có đứa thích quá, thúc cùi tay vào sườn đứa kia. Thằng nọ kêu toáng:

- Ối!

Bà lão Tứ giật mình, đặt vội cái liễn vào trạn, khép hai cánh gỗ lại, quay mặt ra hỏi ngay ngẩn tự nhiên:

- Đứa nào về đấy?

Bà lão còn lúng túng chưa biết nói thêm thế nào, một đứa đã hét to:

- Một, hai, ba...

Rồi cả lũ ồn ào cười một lượt:

- Bà ăn vụng cơm! Một, hai, ba. Bà...

- Cha mẹ đẻ chúng mày!

- Mép bà còn dính hạt cơm kia kìa. Cơm lại vãi dưới đất nữa...

- Cha mẹ đẻ chúng mày! Tao thể có thổ thần hai vai, tao mà ăn trộm một hột cơm của nhà chúng mày thì giới chu đất diệt tao.

- Ê, ê... Một, hai...

- Tao thể...

Hôm ấy câu chuyện vui, trẻ con khoái quá kể với bố mẹ ngay ở bữa ăn. Bà lão đặt bát cơm ăn dở xuống, run run đứng dậy, nước mắt rong ròng, ra ngồi ngoài ngõ. Vợ giáo Nhất chỉ tùm tùm cười, giáo Nhất thì quát chúng nó im. Giáo Nhất vốn người dễ tính, mãi đến chiều mới nói với mẹ:

- Bận sau bà cứ ăn cơm cho no, đừng phải làm thế.

- Tôi thể, tôi thể có quỷ thần hai vai, tôi không...

- Con chỉ xin mẹ thế thôi. Đến bữa cứ ăn đủ, đừng nhường nhịn mà khổ thân, mà để các cháu nói hỗn thế nó sinh hư ra.

Sáng hôm sau, nhà lại vắng như mọi hôm, bà lão Tứ nghe ngóng xung quanh im ả, rồi lần lần vào bếp. Những đứa trẻ lại đến đứng ngoài hiên từ lúc nào, thêm cả mấy đứa hàng xóm cũng sang xem "trò chơi" bà ăn vụng.

Bà lão Tứ bốc cục cơm, móm mém nhai. Thì...

- Một, hai, ba...

- Bà già ăn vụng! Một, hai... Bà già...

Bà lão trợn hai con mắt cui nhăn, lật đặt đóng cánh cửa trạn.

- Đẻ mẹ chúng mày!

- Một, hai, ba...

- Có quý thân hai vai...

Thường mỗi buổi sáng lại có trò chơi ấy của trẻ con. Ngồi vào mâm, có hôm quên bố mắng, lại lỡ miệng ríu rít kể. Bà lão lại bỏ cơm lẩn thẩn ra ngồi ngoài ngõ. Giáo Nhất phải quát: "Không được hỗn!" Rồi những đứa trẻ cũng sợ bố, không dám huyền thuyên, bắt chước cả bà bốc cơm, nhưng mỗi buổi sáng chúng nó vẫn rủ nhau rón rén đến đứng xem bà vào bếp ăn vụng. Mẹ chúng nó chép miệng nói trống không: "Cả tối bà cũng lần xuống bếp, chả cứ ban ngày!"

Giáo Nhất im lặng. Nông nổi nhà này cũng lắm éo le. Vợ giáo Nhất chẳng ưa mẹ chồng, nhưng nể chồng cho nên chẳng bao giờ nói một lời nặng nhẹ như cái câu thể gian mai mĩa: "Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày", nhà không một tiếng bắc tiếng chì về gánh nặng cụ già. Nhưng mọi việc phải làm cho mẹ, Nhất càng đáng tất. Nhất không cho mẹ ra cầu ao, sợ nhớ bà cụ lấy bấy sa chân thì khốn. Nhất tự tay giặt sống áo cho mẹ. Vợ giáo Nhất làm như không để ý.

Cái sự con trẻ xác xược thì giáo Nhất cũng chỉ coi như một bức mình lật vạt đẹp đi thì thôi. Nhưng mà việc đòi đổi thay như mưa nắng có con kiến và con người vẫn xoay ở trong, và chẳng, nghĩ hay chẳng nghĩ thì rồi cái việc ấy, cái ngày ấy cũng đến. Mỗi năm mỗi tuổi, bà lão Tứ ngày một yếu. Rồi bà lão Tứ ốm. Cái việc ấy, cái ngày ấy đương tới rồi.

Bà lão Tứ không dậy được. Rồi cũng chẳng ăn uống gì nữa. Giáo Nhất che chiếu lên một gian bên, kê cái

giường ra phía ngoài cho sáng một chút, rồi bẻ hai quãng nan giường, dưới đặt một thùng tro. Lại cắt thùng cái chiếu để bà cụ nằm lọt một phần lưng vào chỗ giường khoét, cho tiện đái ỉa.

Nhà có người ốm cứ buồn thiu như ngày mưa dầm, ấy là bà con hàng xóm giềng rồi các thầy cô, học trò trường làng và trường bên đến thăm hỏi, quà bánh, lúc nào cũng có người ra vào.

Nhất bưng bát cháo vào giường mẹ. Mấy hôm nay bà lão không nghiêng người được, Nhất ngồi dút từng thìa cháo cho mẹ. Bà lão ngoẹo cổ ra cố nuốt, trông tội tội như con cá ngáp trên cạn.

Cũng hết được lưng cháo. Nhất đặt cái bát, kéo lại mép chiếu lệch góc trong. Một lúc, bà lão bỗng bảo Nhất:

- Mẹ có việc nhờ anh.
- Có gì thì mẹ bảo.
- Mẹ không phải người làng này.
- Mẹ cứ lẩn thẩn nghĩ ngợi điều ấy làm gì!
- Không, mẹ có nghĩ đâu. Mẹ chỉ muốn nhờ con.
- Vâng.
- Quê mẹ ở Giang Hạ bên kia sông thôi.
- À làng Giang làng Hạ.

- Làng Hạ, con ạ. Hôm nào con sang Hạ vào xóm Đồng, bây giờ già rồi thì không biết tên là gì, nhưng ngày trước tên là Côi, anh cả Côi. Con nói rằng ông có được thư thả thì mẹ tôi mời ông sang chơi.

Nhất còn muốn hỏi thêm mẹ thế nào nữa, nhưng bà lão đã lặng lẽ nghiêng mặt vào vách.

Cái người ngày trước tên là Côi, cái anh cả Côi ấy là tôi. Bây giờ tên tôi vẫn là Côi, bởi tôi vẫn bà cô ông

mãnh thế. Có điều, đã tuổi tác, theo tục lệ và thói quen kính nể. Ít người réo tên tục người già ra nữa mà làng xóm gọi tôi là ông Ba, cụ Ba - chỉ có mấy con mẹ bán bánh đúc tương ở chợ hay ốm ở chót nhà thỉnh thoảng cứ gọi đùa lão Côi, hay ông mãnh Côi.

Anh giáo Nhất chấp tay nói:

- Mẹ cháu có lời thưa với ông...

Chỉ mới nghe thoáng thế thôi, tôi đã như thấy ngay cả rồi. Như là có thần linh giao nhau khi người ta cũng nghĩ đến nhau hay là bởi nét mặt người này, cái mũi và con mắt phảng phất cô ấy đến thế.

Mấy chục năm đã qua. Nhưng mấy chục năm ở quãng giữa trống không. Người trong cuộc thì ngỡ như chẳng có khoảng cách. Cô ấy ngày trước, con nhà khá giả vườn trên ao dưới. Mà tôi thì bố mẹ nghèo quá. Dây dợ đầu đầu vương tơ khi trai gái đương thì, cái duyên cái nợ mà gặp nhau thôi. Cô ấy bảo tôi: "Anh về nói với mẹ bỏ cái nghề cấp thúng đi khâu muốn thì..." Tôi bực mình, mát mẻ: "Nếu mẹ không bỏ được cái việc khâu muốn ăn cơm nhà người thì giá có được ngày nhờ người đến đánh tiếng chắc ông phó Lý bố em cho tuần cầm ba toong ra đuổi, chứ gì!"

Thế là cô ấy lại khóc, chỉ khóc.

Làm sao cho mẹ tôi dứt đi đâu được cái việc khâu muốn ăn cơm khoán, bố con tôi thôi đi bỏ củi thuê và các em tôi ngày không cấp cái bị bật quai ra cửa đình nhặt lá đa về phơi lấy cái đun, chúng tôi như con săn sắt, con mài mặt trong ao làm sao bỗng thành con cá hóa rồng được. Làng xóm cũng biết cuộc đàn dúi éo le này. Ông phó Lý đã đánh cô con gái thừa sống thiếu

chết. Có khi xích chân vào cột buồm cả phiên chợ. Nhưng mà dường như cô ấy lại càng bông bột như điên. Xẻnh ra lại đi tìm tôi. Có khi khóc đến hết nước mắt rồi cô bảo tôi hay là bây giờ cùng ra cái đầm đầu làng nhảy xuống trầm mình. Tôi phải chấp tay van lạy níu cô ấy lại.

Thế rồi chỉ một việc nhẹ nhàng, vừa tan hoang lại vừa xong. Bố mẹ cô ấy đã tìm gả được chồng cho con gái. Đất làng này, môn đăng hộ đối những nhà phò lý, trưởng bạ thường thường bậc trung, trước sân có hàng cau, vườn sau chuồng lợn ao bèo thì cũng chẳng mấy khó khăn. Mà cô ấy cũng chẳng tai tiếng đâu đến nổi. Những chuyện trai gái phải lòng nhau coi như chuyện trẻ con mà người ta đồn đại đông dài chứ phải đâu gái chửa hoang, quân gian há la liếm lên tỉnh hàng cơm quán trọ. Thế nào thì rồi mọi chuyện gả bán cũng như trăm nghìn đám cha mẹ đặt đâu ngồi đấy thôi.

Rồi nhà nọ đi xem mặt, chạm ngõ, ăn hỏi lại đã qua một cái tết tháng bảy, đến dạo cơm mới tháng mười thì cưới. Một hôm, cô ấy đi chợ rồi không về nữa. Thế là biệt tăm từ ngày ấy.

Bây giờ anh giáo Nhất mới nhớ lại và nhận ra hình như cả một hồi còn trẻ không khi nào mẹ đi xem hội hè đình đám chèo hát ở đâu, cũng chẳng biết mặt cái chợ huyện, mà quanh năm chỉ như gái để chi chút khăn vuông sùm sụp, ra chợ hôm lèo tèo mấy mùng cá tép ươn của nhà chài dưới sông đem lên đầu làng lúc xẩm tối. Con người gan liên đến thế. Chẳng được đẹp phận như người ta, thôi thì coi như một đời vui vào chiêm bao, chỉ có một mình mình biết.

Cái lão ba Cối tôi theo giáo Nhất về bên sông ngay hôm ấy. Hai ông con qua đò ngang. Chiếc đò ngang xưa kia, ừ con đò ngang ngày ấy. Có lẽ như từ bao giờ vẫn thế. Bên này ới bên kia, con đò tai ngễnh ngãng, chênh mảng, ẻo ọt, lững lờ sang. Năm xưa, đã có những giềng hai, mưa bụi như phấn hoa ngô bay, những chuyến đò đầy đưa người vào xem hội làng trong cánh đồng.

Còn đương băng khuâng về những ngày nào, thì mũi đò đã đụng bờ cát. Anh giáo Nhất vác cái xe đạp lên trước làm chòng chành con đò ọp ẹp. Ông lão Cối đứng dậy, chỉ nhà đò một tay bế con, một tay giơ chiếc bơi chèo cho ông lão nín lấy, lấy bầy lần lên. Rồi tôi lại vẫn đương đi về ngày xưa. Tôi vừa lập cập vừa xăm xăm bước. Anh giáo "mời ông lên xe cho con đèo ông đỡ mỏi", nhưng tôi bảo anh cho tôi đi thanh thản thế này. Xóm nhà anh tôi cũng biết rồi, chỗ khoanh tre quãng sông dưới kia chứ đâu.

Nghĩ thế thì tôi bồi hồi giật mình. Làm sao chỉ vài bước chân mà cả đời tôi không nghĩ được ra, không tìm ra cô ấy ở đâu. Mà cô ấy dường như vẫn biết tôi.

Nếp nhà ba gian lợp lá mía, đứng tre trát xi măng xám nhạt. Trước sân, hai cây mít xum xuê lá. Một vườn xoan sau nhà. Cái cổng rong cành rào trống hốc, con chó cũng chui lọt. Nhà tuy ngăn nắp nhưng chẳng có cửa nả, cũng không cửa giả nên hôn. Tôi bỗng ngỡ tôi đương đi về nhà tôi. Ừ giá mà ngày ấy chúng tôi lấy được nhau thì nhà cửa, vườn tược, con cái chắc cũng đại khái thế này. Ngày ngày ra sông xuống đồng cũng kiếm cái ăn, cả đời người chẳng có điều phải nghĩ xa nghĩ gần. Ở trong làng xóm, ngẩng mặt lên bốn phía bờ tre

mù mịt, quan tâm đâu đến ngoài kia, tôi đương đi về nhà tôi đây.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu kê đầu giường bà lão. Lũ trẻ lại lấp ló ngoài hiên. Từ hôm bà ốm, mỗi buổi sáng trẻ con không còn trò chơi xem bà ăn vụng nữa. Chúng nó cũng buồn. Bây giờ chỉ còn ngồi ngóng khách đến chơi thăm bà - nhưng nhiều người chỉ toàn người làng, nhìn mãi cũng chán mắt, lại tản ra ngoài vườn nhặt quả xoan non đánh chắt, chơi đồ lá.

Không, bà lão nằm ốm liệt giường kia không phải là cô ấy. Trong tưởng tượng của tôi chưa bao giờ nghĩ ra nông nỗi buồn thảm này. Tôi ngồi im. Tôi nghĩ thầm, tôi cầu mong không phải. Thì cũng đâu phải, cô ấy ngày xưa, ngày xưa cơ mà.

Tôi cởi gói bánh lúc nãy đi qua mua ngoài chợ và rồi lại lặng im chẳng biết nên nói thế nào.

- Nhà vẫn ở dưới Hạ, chỗ cái bụi duối to ấy hả ông?

- Vẫn đấy. Nhưng cây duối thì làng xẻ đóng bàn cho trẻ học rồi, bà ạ.

- Ông thứ lỗi cho tôi.

- Làm gì mà phải nặng lời thế. Cố thuốc thang ít lâu cho khỏe rồi còn đi hội làng trong, sắp sang tháng hai rồi đấy.

Trên khuôn mặt méo mó thoáng một nét cười mỉu.

- Ông vẫn chúa hay pha trò! Ông ơi, tôi chết không nhắm mắt được, tôi không giữ được lời với ông.

- Đã bảo thôi mà. Ngồi dậy ăn bánh, cái bánh nếp mật ở chợ bây giờ chúng nó làm cũng khá.

- Ông bỏ lỗi cho tôi.

- Thôi mà...

- Ông nói đi, ông bỏ lỗi cho tôi.

Tôi run rẩy đưa hai tay lên mặt người con gái năm xưa. Mặt người ồm trắng nhợt lạnh như đá mà nước mắt thì nóng ẩm đầm đìa lòng bàn tay tôi. Tôi sờ đến hai con mắt, hai con mắt mềm mềm nhắm, tôi dừng tay. Anh giảo Nhất quỳ xuống, ôm hai đầu gối tôi. "Ông ơi, mẹ cháu đi rồi". Tôi vuốt lại hai con mắt vừa nhắm. Thôi thế bà ấy đi rồi, cô ấy đi rồi.

Người con dâu đứng ở chân giường ôm mặt khóc nức nở. Lũ trẻ con chạy tán loạn ra vườn, tiếng khóc ánh ỏi, léc téc như những con chim sẻ bay vỡ đàn.

1993

Bước qua lời nguyên

Tạ Duy Anh

Năm lên bảy tuổi, tôi đã được giáo dục khá cẩn thận về vị trí mà tôi đang chiếm một khoảng tí teo giữa cuộc đời mệnh mông này. Tôi phải nhớ rằng thành phần gia đình tôi bần nông. Dĩ nhiên bần nông là gì, nó khác địa chủ phú nông ở chỗ nào thì tôi không biết. Đầu óc trẻ con của tôi làm sao hiểu được những quy định thiêng liêng ấy.

Khi lật tập hồ sơ mỏng teo, có lẽ cũng đơn sơ như tâm hồn tôi, cô giáo dạy võ lòng tôi, xinh đẹp như tiên sa, lắm bả: "Thành phần cơ bản. Được". Rồi trịnh trọng tuyên bố: "Kể từ hôm nay em có nghĩa vụ phải sáng danh cha anh mình".

"Làm sáng danh cha anh mình". Nghe mù mờ mà hấp dẫn quá. Bởi ít nhất có một đứa trong lớp "không được làm sáng danh cha anh mình".

Con bé có cái tên rất thành thị: Quý Anh. Nó kém tôi một tuổi, là đứa duy nhất trong lớp có lý lịch phức tạp như lời người lớn vẫn nói. Ngày ngày nó đi học cùng với chúng tôi nhưng bao giờ cũng sau một đoạn:

- Mày là con địa chủ bóc lột!

Văng vẳng bên tai Quý Anh suốt thời cấp một là những lời trêu chọc như vậy. Đường như ý thức được số

phận của mình, nó luôn luôn sợ hãi nhìn xung quanh, chiếc mũ rơm bao giờ cũng che súp gần hết mặt. Vào lớp nó khép nép ngồi ở bàn cuối.

Khi cô giáo của chúng tôi giảng bài "Đôi bạn" thì Quý Anh trở thành một tên tội phạm thực sự. Đoạn con hươu được con rùa mách, đá lão địa chủ ngã nhào, một đứa ngồi giữa lớp hét toáng lên: "Bố con Quý Anh đấy! Chết cha bọn địa chủ đi". Cả lớp khoái chí trong khi Quý Anh gằm mặt nhìn xuống bàn. Nó không khóc nhưng gương mặt đỏ dần tới mức chính cô giáo phải chữa lại: "Không phải bố Quý Anh đâu. Chỉ là một thằng bạn của bố em ấy thôi".

Tan học, đám trẻ con chúng tôi ùa chạy trên đê Chùa. Quý Anh tụt lại, lủi thủi như con chó con bị đàn ruồng bỏ. Nó tưởng thế là thoát, nào ngờ hôm đó chúng tôi quyết định phải "đấu" con bé thay bố nó.

Mặt tái mét. Quý Anh bị xô đi đẩy lại, đứng vào giữa vòng tròn. Thoạt đầu một đứa con gái trong đám bần nông cầm roi quất vào người Quý Anh:

- Tại sao mày bóc lột nhân dân?

Quý Anh ôm chặt chiếc cặp sách, mắt trống rỗng nhìn đám đông. Một hòn đất nát bay thẳng vào mặt con bé: "Khai mau!". Lại một hòn đá nữa rồi cả trận mưa đất trút lên toàn thân Quý Anh. Nó vội ngồi thụp xuống đưa tay lên gỡ đất và xoa vết thương, không hé nửa lời.

- Thôi tha cho nó, hôm sau lại đấu tiếp.

Hôm sau, tháng sau và suốt một thời trẻ con, chúng tôi không ngớt hành hạ Quý Anh. Có hôm mặt nó tím bầm. Cũng có bạn nó khóc, còn đa phần nó găng

chịu đựng. Một sự chịu đựng mà ngay cả lúc lớn tôi vẫn không sao giải thích được.

Bố Quý Anh là lão địa chủ nòi. Thấy bảo trước kia lão gian ác có hạng. Sau cải cách ruộng đất, gia sản của lão bị xé nát và vợ chồng lão phải dựng lều ra ở rìa làng. Chẳng biết ngày xưa lão lý trưởng ăn gan uống máu ra sao, nhưng khi tôi lớn lên chỉ thấy lão nhu mì như hòn đất. Suốt ngày lão câm lặng, cặm cùi cùng vợ con cày xới mảnh vườn bé tí tẹo. Ra đồng, lão lý trưởng xưa kia cũng đứng riêng một chỗ. Gặp từ đứa trẻ lên sáu, nhất nhất lão đều lên tiếng chào trước.

Một hôm tôi bảo với bố tôi:

- Ông Hứa ngày xưa ác bá ra sao, mà ngày nay ông ấy hiền thế.

Bố tôi trợn mắt:

- Mày sắp quên mối thù rồi đấy. Chẳng qua thời này là thời của bạn - cố nông thì lão phải chịu đấy con ạ. Mẹ tiên sư, giá lúc nó xưa tuần đến đốt nhà ông nội mày mà mày được chứng kiến nhỉ!

- Lão Hứa xưa hả bố?

- Chứ còn ai vào đấy. Thằng Tư Vê đeo kiếm dài chấm đất lúc nào chẳng cặp kè với lão Hứa, ai dám ho he. Gớm, nó chả hiền sớm cho đấy.

Và để tôi ghi mối thù vào xương tủy, mỗi ngày bố tôi lại kể cho tôi nghe một chuyện thời xưa về sự tàn ác của lão Hứa. Mỗi ngày một chuyện, lời kể của ông tuyệt vời như kể chuyện cổ tích, khiến tâm hồn tôi thấm dẫm những ký ức kinh hoàng không bao giờ còn hong khô được nữa.

* * *

Sau tròn mười năm, kể từ ngày khóc thâm ra đi, tôi lại trở về cái nơi ghi dấu mãi tuổi thơ cay đắng của tôi. Bố tôi già đi ghê gớm. Tóc ông bạc như cước, xơ xác trên chiếc trán bị thời gian đào rãnh lô xô. Em út tôi lớn phổng lên thành một thiếu nữ xinh đẹp. Mười năm trước, chính nó từng họa theo lời bố tôi để thét lên: "Anh hèn hạ lắm! Anh cút đi cho bớt tai tiếng". Lúc đó nói mới mười hai tuổi, nổi tiếng là đứa bé có bản lĩnh. Nó giống bố tôi như đúc cả về hình thức lẫn tính cách. Giờ đây em tôi, con bé chỉ thích đeo kiềm đóng vai nữ tướng hồi bé, vỗ lấy tôi khóc nức nở. Nó khóc thốn thức, ai oán đến nỗi tôi phải ngồi thụp xuống gạt nước mắt. Đến lượt mẹ tôi, bà chỉ dám khóc thâm sau tấm màn che gió. Lâu lâu bà mới cất tiếng:

- Đưa anh đi rửa ráy, con!

Đây là bà bảo em tôi. Ôi trái tim người mẹ, bao giờ cũng có chỗ cho ta, sau khi mệt mỏi về trú ngụ. Bố tôi thì khác, ông xúc động theo kiểu người cha. Ông ngồi ở bàn, vằng trán vằng vặc như chính người đang tính toán tiếp con đường công nghiệp mà người mơ cho tôi, bị đứt đoạn mười năm. Cặp mắt người vốn nổi tiếng một vùng vị độ thấu xa, không mấy may biểu lộ người mừng hay coi đó chỉ là chuyện trẻ con.

Tôi đến ngồi bên chiếc tràng kỷ nhẵn bóng, đối diện với bố tôi:

- Mười năm anh đi những đâu?

- Thưa thầy, con đi gần hết cái đất nước này.

- Anh thấy nó rộng hay hẹp?

-...

- Chưa vượt biên chứ?

Tôi vẫn im lặng, bắt gặp cái nhìn chia sẻ từ sau cánh cửa của em gái tôi. Tiếng bố tôi vẫn đều đều:

- Mười năm anh học được cái gì mang về?

- Con học được nhiều thứ. Những cái quý nhất mà cuộc đời cho con là phải biết tự định đoạt lấy mình.

- Nghe nam nhi đấy. Giỏi!

Tiếng "giỏi" mà bố tôi buông ra như dấu chấm hết một đoạn văn hay nhưng với ông không lọt được lỗ tai. Tiếng "giỏi" ấy còn có nghĩa "Được, để xem". Hết chuyện. Tôi uể oải đứng dậy theo em gái tôi ra phía bể nước. Nó cầm chiếc khăn mặt chờ sẵn ở cửa, cầm tay tôi kéo như chạy.

- Anh chấp bố làm gì! Càng lớn em càng thương bố. Cuộc đời cũ vấy vật bố đến mức bố không thể quên được nó. Nhưng thôi, thế là thoát.

Đứng xem tôi hành hạ chiếc khăn mặt, nó tí tê:

- Anh về mà xem làng xóm, thay đổi khủng khiếp. Mấy chục năm xây dựng mà cứ xác xơ như trong cảnh "Tắt đèn". Lớp người lớn tuổi bố chết gần hết rồi. Vẫn hện nhau xuống mồ nữa cơ.

- Những ai mà chết gần hết?

- Ngoài bố ra còn ba vị nữa đang thập thò miệng lỗ. Cho các vị đi hết đi để đến lượt anh em mình làm chủ thế giới. Đến khổ với các vị.

- Vẫn thù nhau à?

- Thù càng ác liệt. Ngày mai anh sang chơi ông Mịch mà xem. Tuy tím tái hết chân tay đấy nhưng vẫn còn hời con luôn mồm thằng ấy, thằng nọ có vác mặt đến không thì lột lá dặt ra ngỗ họ.

Nước mát làm đầu óc tôi bớt nặng nề. Nhưng càng

tĩnh táo tôi càng như bị ném vào tình thế phải che chắn tứ bề. Sẽ ứng xử ra sao cho ba vuông bảy tròn giữa những con người cứng đờ vì thiên kiến. Cuộc đời chiến sĩ chỉ dạy tôi điều đơn giản, nếu kẻ thù ở hướng nào phải quay súng về hướng ấy. Còn nó ở bốn phía thì chính mình phải nổ tung! Trong trường hợp này, quá lắm tôi cũng chỉ đến mức - như mười năm trước - gào to lên lời nguyện rửa độc địa cho cái mảnh đất đầy thù hận này chìm lặng đi.

Tôi theo em gái ra thăm khu nghĩa địa. Quê tôi vẫn có thói quen chỉ tin vào người chết! Khu nghĩa địa của làng tôi lúc đầu chỉ có độc chiếc mả ngựa. Một vị tướng không rõ từ thời nào, đã an táng con chiến mã của mình khi con ngựa đầy chiến tích ấy đến làng tôi thì gục xuống chết. Khi tôi lớn lên người ta vẫn gọi khu đất hoang ấy là "gò con ngựa" mặc dù chính thức là nơi yên nghỉ của những người đã hưởng đủ của trời. Giờ đây bãi nghĩa địa bị chia cắt làm năm, bảy mảnh. Những người bình thường khi sống, thì khi chết ngôi mộ của họ xem ra cũng hiền lành. Nhấp nhô hàng trăm mô đất sần sần như nhau, cỏ mọc xanh rì. Làng tôi gọi đấy là khu bình dân. Sau hàng rào quét sơn trắng nổi lên đám mộ được xây cất công phu thò ra thụt vào, chạy song song nhau. Rồi lại một đám khác, lù lù mấy nắm đất cao ngang đầu, trên nóc đều có cây thiên tuế uốn éo một cách dị dạng. Tách biệt với khu bình dân và khu phú quý lại có một khu khác thập thò vài chục mô đất sè sè, nom hiu quạnh như lũ mộ vô chủ, cả năm may lắm được một lần hương khói vào dịp Thanh minh.

Em gái tôi trở thành người hướng dẫn đắc lực:

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

- Đám trắng toát kia là của mấy ông phó Cả, phó Hai, phó Ba. Lần này thì chắc không bị đào nữa.

- Sao? Ai đào?

- Người ta đồn các ông phó mang theo vàng xuống âm phủ nên dân đào vàng bán xới họ đào...

- Còn đám kia?

- Đám ấy của cha con ông phó Hội. Thật là lúc chết vẫn muốn lù lù trước thiên hạ.

- Cuối cùng cũng chỉ là nắm đất với một dúm xương tàn.

Tôi nói băng quơ như một ý tưởng đến bất chợt.

- Đúng - em tôi đồng tình - Giá lúc sống các vị biết cho điều ấy nhỉ.

Ngừng một lát, em gái tôi tiếp:

- Trông thì "gia phong" thế thôi,

- Là em bảo cái đám mộ kia kìa. Chú lúc hấp hối các vị mới lộ chân tướng thật, nghĩ mà rùng mình.

- Có chuyện gì thế?

- Khi cụ Hộ - bố của các ông phó - hấp hối, cụ mới đưa ra bảng phân vai. Đứa trước đây là cháu bây giờ thành con. Đứa trước đây là em thì bây giờ lên thành chú... đến nỗi đám con cháu thảm hại ấy như lạc vào mê cung ngôi bậc. Hóa ra thời mấy chục năm trước, khi các ông phó đi lính đồn trú cho Pháp thì cụ Hộ ngủ cả với mấy cô con dâu. Bà nào có mang liền lên bót ở với chồng vài tháng...

- Mảnh đất chết tiệt! - Tôi muốn gào thật to vào bầu trời thăm sâu, tôi muốn gào xuống tận âm ti địa ngục cho quỷ thần nghe thấy, biết rằng chẳng để làm gì.

- Thôi anh ạ! Cuối cùng họ chỉ còn lại trước cuộc đời bằng độc một mô đất. Cứ chia đều cho mỗi vị một nén.

Tôi làm theo lời em gái tôi, lòng không chút cảm xúc. Những nắm đất! Những nắm đất vô tri, lạnh lẽo. Các vị sống thế nào thì chết cũng thế ấy - Tôi nguyên thâm. Chợt tôi phát hiện có một mô đất bẹp gí ở rìa khu bình dân, sát mép nước. Tuồng như nó cố tình lút xuống để người sống khỏi ngứa mắt. Thấy tôi ngần ngại nghi hoặc, em gái tôi vội nói:

- Lão Hứa đấy. Lão chết hồi năm kia sau bảy, tám năm ỉa đá ra quần. Làng không cho lão vào nghĩa địa nên lão đành tạm ở đấy. Hôm đưa tang lão, thối khắp cả làng đến nỗi ruồi xanh đuổi theo quan tài đông hơn ong vỡ tổ. Mấy ngày sau thán khí vẫn còn chưa hết khiến mấy chục con chó hóa dại một lúc rồi theo lão cả. Chỉ tội cho chị Q..u..ý Anh và cái Quý Hương...

"Quý Anh!" - Ký ức tôi bật chồm dậy như con ngựa chứng chưa thuần. Phút chốc những kỷ niệm mặn chát một thời của tôi vụt hiện lên, tươi rói như vết thương đang ứa máu.

- Cô ta bây giờ thế nào? Giọng tôi như vọng về từ một thế giới khác.

-...Chị ấy vẫn chờ anh. Cả làng bảo chị ấy mắc nghiệp chướng do lão Hứa gây ra. Nhưng chỉ mình em biết chị ấy vẫn chờ anh...

* * *

Trong những câu chuyện bố tôi kể thì ông và cuộc đời xưa kia là hai nhân vật chính, đối nghịch nhau suốt

cuốn tiểu thuyết đầy máu và nước mắt. Ông tổ bốn đời của tôi vốn nghèo rớt mồng tơi. Chẳng hiểu sao cụ rất giỏi chữ Nho. Chính nhờ cái vốn chữ thánh hiền ấy mà cụ tôi, dù suốt đời cùng đinh vẫn được đám hào lý gồm nhất. Sau vụ cha con lão Lý Bá khuynh gia bại sản chỉ vì một bài thơ của cụ, thì cụ bốn đời của tôi bị liệt vào hạng nguy hiểm cho đám chức sắc từ Chánh tổng trở xuống. Vậy mà cụ tôi vẫn sống ngoài tám chục tuổi, ung dung thoát tục như một ông tiên.

Ông nội tôi không thừa hưởng được số chữ của cụ tôi nên bị đám hào lý coi nhờn. Sẵn mối thù "bố nợ con trả" ông tôi bị chèn ép suốt một đời. Tuy thế ông nội tôi cũng nuôi chí lớn lắm. Ông tôi vờ cúi rạp dưới chân đám quan lại, xin được một chân Trương tuần. Kỳ thực ông ngầm thu nạp khoảng hai chục thanh niên trai tráng định đánh úp nhà Chánh tổng. Việc bại lộ, ông tôi bị trói ngiễn giữa đình hàng tháng trời, kỳ đến tróc hết da vì đòn mới thôi. Bị bãi chức, ông tôi quay về cày chia cấy rẽ, lòng vẫn ôm ấp một mưu đồ lớn.

Chuyện ông tôi bị lão Hứa đánh giập phổi là chuyện sau này. Chỉ biết rằng lúc hấp hối, ông tôi dặn lại truyền cho con cháu "Còn làng Đồng thì còn mối thù với thằng Hứa và con cháu hần".

Bố tôi kể: "Chú Hai tôi chết vì thiếu đúng một bát cơm nguội. Sau này cứ vào ngày 5 tháng 3 âm lịch bố lại dậy từ nửa đêm, xúc một bát cơm nguội để trước mặt. Ông ngồi lặng hàng giờ, mặt đanh lại như sắt thép. Chú Hai tôi chết quá tang thương. Chuyện đó tôi thuộc lâu từ bé. Mãi khi đã lớn thì thoảng tôi vẫn nằm mơ gặp chú, hoàn toàn do tôi tưởng tượng lại từ lời bố tôi mô tả: "Đầu

to, cao lòng không, toàn thân là một cái khung bằng xương". Nhưng thôi, để yên cho bố tôi kể.

Dạo ấy, bố tôi mười sáu tuổi, làm thàng ở chẵn trâu cho Chánh tổng. Hằng ngày bố tôi sống chết cũng phải ăn cắp được một giỏ cơm nguội cho bà nội và hai chú tôi. Hôm ấy, không hiểu sao bố tôi không về. Bà tôi và hai chú tôi chờ mãi cho đến khi chú Ba tôi chết lả trong giấc ngủ. Chú Hai tôi đói quá tính đường đi ăn cướp. Chú đi dật dờ ở chợ, mắt vờ không thấy gì. Kỳ thực chú đã liếc thấy ở dãy hàng quà có người đang đưa lá bánh vừa bóc lên miệng liếm. Chú tôi chao mắt miếng bánh của người đàn bà nọ trong nháy mắt. Thế là loạn chợ. Tiếng kêu cướp, tiếng đuổi nhau, tiếng đồn gánh nện chát chúa... Chú Hai tôi phóng vù xuống mép sông, phồng mồm nhai miếng bánh, lưng ròng máu vì mẩu đòn gánh bổ dọc.

Bố tôi lại ăn cắp được cơm. Bố tôi đi tìm chú Hai tôi. Anh em gặp nhau, chú sợ ăn đòn bỏ chạy. Bố tôi cầm bọc cơm gào dứt hơi suốt mấy làng ven sông Đáy. Hôm sau bố tôi tìm được chú Hai tôi ở Tràng Cát, một làng nổi tiếng nhiều cướp. Chú tôi ăn cắp ngô non bị đám Trương tuần chôn sống. Rồi chính họ lại bắt chú tôi lên - cho khỏi thối làng - bó chiếu giúp bố tôi. Bố tôi kể đêm ấy mưa bão, bố tôi vác chú Hai về đến nhà cũng vừa sáng. Săn có cái hố ngập nước, bố tôi thả tôm chú Hai xuống đó, mắt chú vẫn mở trừng trừng.

Lần nào nghe bố tôi kể, tôi và em út tôi đều chừa chan nước mắt. Bố tôi bảo: "Chỉ vì một bát cơm nguội mà chú chúng mày chết. Mà bát cơm nguội ấy thàng Hứa giật đoạn trên tay tao đổ cho chó"

Sau đận ấy bố tôi hận đời, quyết chí bỏ lên rừng cũng đúng vào dịp lão Hứa được bổ làm lý trưởng. Lão biết bố tôi đi đâu nên thi thoảng lại đến hạch sách ông nội và mẹ tôi. Sau đêm Chánh tổng chết hụt vì lựu đạn của du kích, lão Hứa lấy cớ điệu ông tôi ra đình, bắt xin lỗi chính quyền tề trót để ra bố tôi. Ông tôi không nghe. Lão Hứa sai tuần đem diêm đốt nhà ông tôi. Ông tôi vác mã tấu đứng đối diện, thề sống mái một phen. Đến đêm, lão Hứa xua lệ ập đến, trối nguyền ông tôi kéo ra đình. Sáng hôm sau ông tôi chỉ còn như miếng giẻ dầm máu. Mẹ tôi đem ông về. Mỗi ngày ông thở ra một ít huyết tươi. Biết sắp chết, ông bắt mẹ tôi phải ghi lại lời nguyện. Mẹ tôi kể, sát ngày ông tôi về trời, ông dặn mẹ tôi sau này phải đẻ ít nhất ba thằng con trai.

* * *

Năm tôi lên mười, gia đình tôi đang ở thời kỳ đại thịnh. Khỏi phải nói khi có quyền trong tay bố tôi đã đề bệ, ngiễn nát đám quan lại cũ ra sao. Lão Hứa tất nhiên thuộc đối tượng đầu tiên ông nghĩ đến. Lão bị tịch thu đến cả chiếc lư hương, khu trại cũ bị san phẳng thành ruộng. Lão sống lủi thủi như một con chó lạc loài. Thằng cháu họ một thời cặp kè bên lão cũng quay lưng lại lão. Để nịnh bố tôi, ông Tư Vê đã ỉa vào cửa nhà lão cả đồng tướng.

Một hôm, dạo đó tôi mười hai tuổi, tôi bắt gặp lão Hứa bới trộm khoai lang. Lão địa chủ cũ nhìn trước nhìn sau rồi chùi củ khoai vào vạt áo, đưa lên miệng nhai ngấu nghiến. Lão đói. Con cái lão cũng bị bỏ đói.

Sau Quý Anh, lão còn bắt vợ rặn cho lão thêm một đứa nữa đặt tên là Quý Hương. Quý Hương giống chị như hai giọt nước, đẻ cùng tháng với em út tôi. Thấy bảo hôm đón con bé, lão Hứa định ngâm bóp chết. Lão cần có đứa con trai để hy vọng đến ngày nào đó gia thế nhà lão lại phát lên. Chờ đúng lúc lão Hứa đang phồng má trợn mắt, tôi hét lên:

- Có thằng ăn trộm!

Lão Hứa suýt ngã vì sợ và xấu hổ. Lão nhè vôi miếng khoai, xoa tay vào áo, dùng chân lấp lại chỗ đất lão vừa bới rồi quay lưng định lui mất. Hình ảnh chú tôi chết đói, hình ảnh ông tôi chết vì đòn như kêu gào tôi trả thù. Tôi muốn nhân cơ hội này đâm cho lão Hứa một nhát. Có lẽ bộ mặt tôi lúc ấy gớm ghiếc lắm nên lão Hứa co rúm lại.

- Lão Hứa!

Lão địa chủ xưa kia đổ khuyu xuống.

- Lão có biết lão mắc tội gì không?

- Cậu Tư ơi, tôi đói quá!

- Lão đói nhưng lão chưa chết. Còn chú ta, ông ta đều chết về tay lão thì lão tính sao?

Lão Hứa mếu xệch miệng. Tôi tiếp:

- Chỉ vì một bát cơm nguội mà chú ta thành ma đói, lão có nhớ không?

- Tôi nhớ.

- Tại sao lão ác thế?

- Tôi van cậu Tư. Thì ông nhà đã đòi đủ ở tôi rồi mà!

- Chưa được bao nhiêu. Hôm nay lão phải trả nốt.

Tôi tiến lên, gí thanh nứa vạt đầu vào cổ lão Hứa. Lão địa chủ xưa kia vội đưa tay túm ngang chiếc que.

- Kìa cậu Tư, tôi cần rơm cần cỏ lạy cậu. Cậu thử hỏi ông nhà xem, có phải có lúc tôi đã tử tế với ông nhà không?

- Còn ông ta và chú ta, lão tử tế thế đấy à?

- Cậu Tư ơi! - Lão Hứa cuống quýt đầy thanh nửa đang bị tôi ấn mạnh thêm - Cậu cứ lớn lên đi cậu sẽ hiểu tôi chả là cái gì trước số phận, trước thời thế. Tôi có trực tiếp đánh ông cậu đâu. Tôi có trực tiếp chôn sống chú cậu đâu. Cuộc đời cũ nó ắt phải thế.

Tôi không đủ sức để hiểu những lời lão Hứa nói. Đại loại lão muốn bảo tôi rằng việc làm của lão xưa kia với việc bố tôi tịch thu tài sản của lão, cả hai việc ấy đều do cuộc đời muốn thế. Tôi còn đang do dự không biết có nên lấy của lão một tí máu cho mát lòng ông và chú tôi, thì từ đâu Quý Anh hốt hải chạy ra. Thấy cảnh đó mặt nó cắt không còn giọt máu. Trông thấy con, lão Hứa vội kêu lên:

- Quý xuống đi con! Quý xuống xin cậu Tư và ông bên nhà đi con.

Quý Anh từ từ quỳ xuống, hai tay chắp trước ngực. Trông nó đối nghịch gay gắt với lão bố phàm tục của nó. Sau này mỗi lần bắt gặp một tiên đồng trong các cuốn tiểu thuyết, tôi thường nhớ đến Quý Anh ở giây phút ấy. Khuôn mặt nó trong veo, cặp mắt trong veo với hai lọn tóc lác lư bên má. Xin đừng nghĩ đơn giản về trái tim cậu bé tuổi mười hai như tôi. Lòng tôi sóng sánh như bát nước đầy... Tôi để tuột mất thanh kiếm tráng sĩ vì một lời khấn nguyện dâng lên từ mặt đất: "Cậu và tôi... và những mùa vàng rực nắng, chúng ta cùng là con đẻ của một mùa không thù hận".

Hắn lúc ấy, tôi chỉ cảm thấy có cái gì đó khác thường đã xảy ra trong trái tim bé con của tôi. Nhưng khi tôi đã bắt đầu hiểu cuộc đời, tôi cứ nhớ có một lời khấn thầm như thế ngấm vào tôi. Có thể nó đến bằng giấc mơ thanh sạch ở tuổi chớm lớn. Nhưng bao giờ lời khấn thầm ấy cũng đi cùng hình ảnh Quý Anh quỳ trước tôi từ buổi đấy. "Cậu và tôi..." lẽ nào điều ấy đã xảy ra khi vào một đêm nào đó tôi úp mặt lên gối khóc nức nở, quần quai trong nỗi ân hận đành chịu mang tội với ông và chú Hai tôi.

* * *

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều trên bãi thả, không cứ gì chúng tôi, người lớn cũng hò hét nhau thả diều thi. Diều của người lớn làm bằng cả cây tre, to mấy người khiêng. Lúc thả lên trời, cánh diều khổng lồ ấy chao lác như đảo đồng. Ở dưới đất, đám người lớn có vẻ bị lùn đi một chút, đang ăn thua nhau từng nấc một. Họ mượn cánh diều để ám chỉ sự phát lộc của gia đình nhau. Tôi còn nhớ đã từng xảy ra ẩu đả đẫm máu vì những cuộc thi diều. Con lợn năm chục cân làm giải thi, cứ từ chuồng nhà này chuyển sang nhà kia sau những thông báo sốt dẻo từ bãi thả.

Cánh diều của trẻ con chúng tôi mềm mại như cánh bướm, thanh sạch vì không hề vụ lợi. Trong khi người lớn chạy bật móng chân để rong diều thì đám mục đồng chúng tôi sướng đến phát dại khi nhìn lên trời. Sáo lông ngỗng vì vu trầm bổng. Sáo đơn rồi sáo kép, sáo bè... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

Ban đêm trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà! Người lớn sợ bóng đêm như sợ mất con lợn cứ thu điều về dần, bỏ mặc chúng tôi với bầu trời tự do, đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi hiểu đấy là khát vọng. Tựa như khi tôi đọc truyện cổ tích và ước thành một chàng hoàng tử lao vào chém mãng xà bẫy đầu cứu nàng công chúa. Chỉ có trăng, sao và những cánh điều hộ mệnh. Tôi đã ngựa cổ suốt thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời. Bởi vì bao giờ tôi cũng hy vọng khi tha thiết cầu xin: "Bay đi điều ơi, bay đi...". Cánh điều tuổi ngọc ngà đứt dây bay đi, mang theo nỗi khao khát héo mòn của tôi.

Cho đến một hôm cánh điều trở lại thật. Nó xác xơ, ủ rũ và bị xách ngược lên, tàn nhẫn như người ta xách một con cá.

- Cháu nhật được ở Đồng Cát.

-...

- Cháu biết ngay là điều của cậu đứt dây, cậu xé vỏ dán điều à?

-...

- Bố cháu bảo cháu mang trả cậu. Cậu đã ôn bài cô giáo cho chưa?

Con em út tôi nghe thấy giọng nói ngập ngừng của Quý Anh, lao vụt ra nhanh như con chèo bẻo:

- Ai cho mày đến nhà tao. Cút ngay đồ bóc lột!

Quý Anh co người lại câm lặng trở lui. Vốn sống bằng mặc cảm bị khinh ghét từ bé, nó và những đứa con

của lão Hứa đều xưng *cháu* với bất cứ ai trong làng. Nó sẵn sàng im lặng để một đứa bé lên ba cào vào mặt.

Đạo ấy chân ruộng gieo mạ chưa bị tận dụng tăng vụ như bây giờ. Sau khi đưa hết mạ xuống đồng cấy, chân ruộng ấy bỏ rơm cho đến lúa mạ sau. Thật là một thời kỳ hiếm có mà trời ban cho bọn trẻ chúng tôi. Không bị ngăn cản, đám cây cút kít, cỏ rày, cỏ mật... mọc nhanh như có phép, tạo một thảm xanh tuyệt đẹp chạy hút đến tận bờ đê là nơi mặt trời thường nhô lên mỗi buổi sáng. Chúng tôi bỏ mặc lũ trâu chạy ăn tự do trên cánh đồng. Từng đàn chèo bẻo sà xuống bắt ruồi, thỉnh thoảng lại xoẹt cánh ngang mặt chúng tôi. Có hôm bọn tôi chạy re kèn vì một đôi vợ chồng chèo bẻo mất con. Giống chim này say đàn, sẵn sàng bỏ toác đầu đối phương, bất kể đó là người.

Quý Anh cũng có mặt trong đám trẻ chăn trâu. Lẽo đẽo theo nó là Quý Hương. Hai chị em Quý Anh cùng với chiếc rổ xê, bao giờ cũng cặm cùi một chỗ kiếm rau lợn.

Con trâu nhà Quý Anh vốn nổi tiếng hung dữ. Ngoài hai chị em Quý Anh, bất kể ai có ý định đến gần nó đều rất có thể bị lòi ruột. Ấy vậy mà trước hai cô chủ, nó hiền lành đến đáng ngờ.

Đạo ấy "Cu Nhỡ" mới lớn, là con trâu giống duy nhất trong làng. Nó cậy uy thế có bộ cày, độc chiếm đàn trâu cái vừa béo mượt trở lại sau vụ cày. Nó luôn canh cánh cảnh giác con Sừng Măng nhà Quý Anh là đối thủ cuối cùng khiến nó còn kiêng mặt. Sở dĩ gọi là con Sừng Măng vì cặp sừng của nó ngắn cùn, to và nhọn như hai chiếc măng. Khi lao vào đối thủ, đôi sừng ấy lợi hại vô

cùng. Nó có thể móc mắt, đâm thủng hầu đối phương mà không bị đánh trả.

Hôm ấy đám trẻ trâu chúng tôi mải quần nhau với đôi vợ chồng chèo bẻo mất con. Từ ngọn cây gạo, vợ chồng chèo bẻo thi nhau chửi chúng tôi. Ý chừng nó bảo: "Lũ sát nhân kia! Chúng mày giấu con bà ở đâu. Che.p he.p che.p he.pm... bà thì móc mắt chúng mày ra". Khi con chèo bẻo vợ chỗ mỏ chửi một cách chua ngoa thì bất thần thằng chồng cục súc thu người lại, lao như tên bắn vào đám trẻ chúng tôi. Lúc đến gần, mắt nó loé lên như hai cục than, bộ móng chụm lại, chỉ nhăng ý một tí là thủng đầu với nó. Tuy đã chuẩn bị trước nhưng bao giờ chúng tôi cũng bị bất ngờ, đành vụt vu vơ vào chồm đuôi con chèo bẻo rồi lăn ra cười như nắc nẻ.

- "Che.p he.p chồng bà thương chúng mày đầu xanh tuổi đại đấy".

- "Lần này thì mày chết. Chỉ một nhát là tụi ông nướng chả".

- "Choẹt!"

- "Ái chà!"

Cứ thế chúng tôi quên bằng mất đàn trâu và không hề biết Cu Nhõ và Sừng Măng đã hẹn nhau đấu phân vai. Anh hùng vô song! Phải có một con làm đàn em con kia. Như một cuộc đấu vì danh dự, hai con vật đều tỏ ra đáng hoàng. Nhận được lời thách của Cu Nhõ tách đám trâu cái luôn sán bên nó, tiến về điểm hẹn. Con Sừng Măng cũng lợi dụng hai cô chủ mải kiếm rau, đã rất sẵn sàng đón đợi. Cu Nhõ ghéch cổ lên chào. Sừng Măng gật đầu đáp lễ. Cu Nhõ hỏi: "Ông nghĩ kỹ chưa?".

Sùng Măng đáp: "Thằng oắt con lêu lổng, để xem mày được mấy hơi".

Hai con vật phóng vào nhau bằng tất cả niềm căm thù bấy lâu bị dồn ép. Con Sùng Măng không vội đánh. Nó chỉ né tránh những nhát đòn trời giáng của Cu Nhỡ. Hăng máu vì liên tiếp trượt đòn, Cu Nhỡ càng lồng lên, mắt đỏ như lửa. Mặt đất âm âm rung động đến mức vợ chồng chèo bẻo quên cả đánh chúng tôi, dỏng tai lên nghe ngóng.

Cu Nhỡ vẫn lao vào như hóa dại nhưng không sao dứt điểm được với lão Sùng Măng. Con Sùng Măng vốn lỏi đời trong nghề giang hồ, vẫn trơ ra như đá, "Thằng tráng niên ngu ngốc, liệu mà ông cho mày hết thói huyênh hoang". Phầm! "Lão già quỷ quyệt, thời của lão còn đâu nữa". Phầm! "Đánh với chác! Mày chỉ được cái tài lừa bọn đàn bà con gái". Phầm! Phầm! Phầm!... Đám đất dưới chân Cu Nhỡ tung lên. Một mũi sùng của nó đã gài được vào yết hầu của con Sùng Măng, đủ làm đỏ một đám ruộng.

- Chết cha con Sùng Măng đi! Chết cha quân bóc lột đi!

- Gọi chị em Quý Anh ra đây mà xem Cu Nhỡ lột da con Sùng Măng.

Nhận được lời cổ vũ, Cu Nhỡ càng lao vào như điên. Tuy trúng đòn, con Sùng Măng vẫn không hề nao núng. Nó xoay người một cách mau lẹ, lựa đối thủ vào miếng. Cu Nhỡ hở đòn do một giây phút chủ quan khiến mảng yết hầu phơi ra trước cặp mắt lão Sùng Măng cáo già! Phụp! Chiếc sùng sắc như dao cắm quá nửa vào cổ Cu Nhỡ. Nhưng giết Cu Nhỡ có lẽ không phải mục đích trận đấu của Sùng Măng. Nó sẽ buồn chán khi không

còn kẻ nào đáng mặt thán phục nó. Nhưng nó phải dạy cho gã tráng niên ngu ngốc kia hết thói hợm đời. Rút khỏi cổ Cu Nhỏ, Sừng Măng luồn ngay chiếc sừng đỏ máu ấy vào giữa đoạn sừng đối thủ rồi khế lắc nhẹ một cái. Khi Cu Nhỏ thoát ra được trông nó thật thảm hại. Một bên sừng bị gãy, lủng lẳng rủ xuống khiến đến lúc già nó còn khổ sở vì bị đám trâu cái coi thường. Con Sừng Măng phóng theo một đoạn, cốt cho đúng luật rồi té một mạch đến cúi đầu chịu tội trước hai cô chủ.

Bọn trẻ chúng tôi sững sờ một lúc rồi ồ xuống cầm đất ném chí tử vào con Sừng Măng. Lúc đầu con vật gườm gườm nhìn lại. Nhưng bọn trẻ chúng tôi dùng cả lửa quăng lên lưng con vật khiến nó tung vó chạy thực mạng. Bọn trẻ đang cơn khát trả thù bèn quay sang túm lấy hai chị em Quý Anh. Con Quý Hương so vai rứt cổ, mặt cắt không ra máu. Nó được ưu tiên còn bé, tha cho về trước nhưng cấm không được hé với người lớn nửa lời.

Quý Anh bị túm tóc lôi ra trước bãi đấu. Nó ngậm đưa mắt cho tôi, đẩy lên lời van xin được cứu mạng. Tôi muốn gàn đám bạn chăn trâu nhưng rất sợ bị chúng gán cho tội có tình ý với con địa chủ. Trời sập tối rất nhanh. Bình thường như mọi khi, chờ trăng lên là chúng tôi dong trâu về. Nhưng mãi "tra tấn" Quý Anh, chúng tôi bỏ mặc vầng trăng chờ vợ một mình.

Quý Anh bị trói vào một cây phi lao cụt ngọn, miệng mím chặt nhìn vào cánh đồng mệnh mông. Đám trẻ ồn ào phân công nhau kiếm phương tiện tra tấn. Một đứa thò ngay chân xuống nước để nhử lũ đĩa đôi bám vào rồi bắt lấy. Cái giống thân mềm này chỉ cần

nom thấy đã ghê tởm. Vậy mà lát nữa nó sẽ bò loe ngoe trong ngực Quý Anh. Một tội khác chạy tản đi rình tóm những con loăng quăng lúc nào cũng nhan nhản trên đường. Những con loăng quăng không làm chết được ai, nhưng chỉ cần chạm vào nó đã đủ chết khiếp. Chúng tôi thấy trước tiếng rú thảm thiết của con bé bị trói kia. Với riêng tôi có lẽ do trái tim mách bảo, tôi còn nghe thấy cả tiếng thì thầm: "Lên trên trời tôi sẽ bóp cổ cậu".

Tôi chùng chình nán lại trước khi dám trể chân trâu chạy tản đi thực hiện nhiệm vụ của từng đứa. Khi tôi quay nhìn Quý Anh, tôi thấy mắt nó sáng như hai viên bi thủy tinh. Tôi chạy vụt đến bên cây phi lao cụt, quỳ hẳn xuống dùng cả răng lẫn tay dứt tung lớp dây quấn từ ngực đến chân Quý Anh.

- Chạy đi!

- Cậu Tư chạy với cháu.

Chúng tôi nhăm bờ đê, chạy lộp bộp qua ruộng nước. Giả sử lũ bạn tôi có nhìn thấy, chúng cũng tưởng đồng bọn đang đuổi con rắn nước nào đó. Và lát nữa trở lại nếu không thấy Quý Anh đâu, thì chính chúng lại đem lũ con vật ra tra tấn. Những con đĩa sẽ bị kẹp vào giữa ống cỏ, suốt cho đứt đôi. Kỳ đến chán trò đùa nào đứa ấy mới lo cuống lên tìm trâu của mình.

Chúng tôi chui vào một chiếc hầm tránh bom nổi trên bờ đê. Quý Anh chưa hết run ngồi nép vào vai tôi.

- Cậu Tư bao nhiêu tuổi?

- Mười lăm... còn mày?

- Cháu mười bốn.

- Sao mày nhón thế?

- Cháu là con gái mà. Cậu Tư xem này.

Quý Anh cầm tay tôi thản nhiên đặt vào ngực nó. Xin thể là bàn tay tôi lúc ấy trong trắng như thiên thần nên tôi rất thích chí trước một bí mật. Tôi lật úp ngửa bàn tay, cốt để xoa lên hai trái vú mềm như nhung, hơi rần rần ở đầu, không gọi lên một vụ lợi nào; tựa như tôi vẫn xoa đầu con mèo, hay vạch quần tóm chim thẳng bé con nào đó...

- Cháu mặc quần "con" rồi đấy.

- Để làm gì?

- Cậu chả biết được. Mới lại phải tội chết... Sau này lớn lên nhất định cháu với cậu để chung một đứa con. Chỉ cần cậu sờ ngực cháu như lúc này là cháu đẻ.

Đêm hôm ấy, sau một hồi hút chết vì mất trâu, tôi nằm mơ được ngủ với cô tiên. Chợt khi cô kéo đầu tôi vào ngực cô, có cái gì rút dọc sống lưng tôi. Cô tiên cười đưa cho tôi bông hoa thần lấy từ trong ngực cô. Tôi lên cơn sốt mê man, mặt mày xây xẩm như bị ai bắt vía. Sáng ngày ra tôi thấy mẹ tôi lo lắng nhìn tôi:

- Có làm sao không hả mẹ?

- Chuyện bình thường con trai mẹ ạ. Từ giờ con là một chàng trai và phải có trách nhiệm với việc làm của mình.

Tôi từ già tuổi thơ bằng một giấc mơ.

* * *

Bố tôi kể:

Làng Đồng xưa kia vốn chỉ là bãi đất bằng dùng làm nơi để cày bừa nhà Chánh tổng. Trong năm gia đình đầu tiên đặt tên "Đồng" cho làng tôi có ông tổ bốn đời của tôi. "Đồng" có nghĩa là cùng một lòng, cùng một

chí hướng và cùng lấy một họ. Về sau dân tứ chiếng kéo đến. Đôi vợ chồng phu phen phiêu bạt trên đường kiếm ăn; một ông cướp chán nghề, quàng vào một ả nào đó tự xưng thích sống yên ổn. Rồi có khi là ông mỗ làng khác bị đuổi, đến xin giữ nguyên nghề... Làng rộng dần ra cho đến bây giờ.

Thấy cái miếng đất "gan chó" trở nên màu mỡ riêu cua, Chánh tổng xin quan huyện cho đặt lý trưởng. Lão Hứa nhảy tốt lên ngôi mâm nhất. Cũng bắt đầu từ đó chữ "Đồng" mất hẳn ý nghĩa bởi làng bị cắt thành năm, bảy miếng, do năm, bảy ông anh bà chị "hùng cứ một phương". Tuy nhiên tất cả đều bị đặt dưới sự kim tỏa của lão Hứa.

Không biết từ bao giờ làng có lời nguyên: con trai con gái trong làng không được lấy nhau? Sau khi lão Hứa bị tước triện bạ và chính quyền của lão sụp đổ, lời nguyên kia không những không mất đi mà còn có thêm những lý do bổ sung để tồn tại một cách rất tai quái. Chính quyền của lão Hứa đã rất thành công khi tạo ra những mối hằn thù sâu sắc giữa những cuộc đời đều phải đánh vật để kiếm sống. Người ta bắt đầu lục lại gia phả để định giá trưng trị từng nhóm họ. Bố tôi là chủ tịch xã nên nhóm họ của ông thuộc loại danh giá nhất. Theo đó đến cánh nhà ông phó Hộ, rồi đến cánh các ông phó Nhất, Nhị, Tam... Bất cứ mối quan hệ nào cũng bị đem ra xét xử thật sự. Đã từng xảy ra một thảm kịch yêu đương ở làng Đồng. Một cô gái thuộc nhóm họ có ông tổ làm nghề cướp, đem lòng yêu chàng trai bạ cư ở đầu làng. Họ đã cố hết mức để chỉ hai người biết với nhau. Nhưng làm sao mà giấu kín được bất cứ

chuyện gì ở làng tôi? Bên nhà gái như động mã, hợp nhau lại vật ngựa cô gái ra, cạo trọc đầu bôi vôi, dọa sẽ trầm hà nếu không đích thân tố cáo anh chàng kia can tội rủ rê. Chàng trai bị điệu ra trước hội nghị nhân dân (hội nghị nhân dân hắc hoi) để lĩnh hàng trăm lời nguyên rủa. Anh bị đặt trước hai điều kiện: hoặc phải quỳ xuống xin lỗi cả làng, hoặc cút về cái nơi ông bố bà mẹ tội lỗi đã sinh ra anh. Tuy bố tôi lúc ấy đang nổi tiếng vì có tâm nhìn xa, khi được hỏi ý kiến cũng tặc lưỡi: "Lệ làng thế nào cứ vậy mà làm". Trong thâm tâm ông biết điều đó là sai. Nhưng sự ngiệt ngã trước cái nghĩa vụ phải bảo vệ danh giá cho nhóm họ mình, đã đẩy ông đến chỗ hành động theo cảm tính. Có lẽ mọi chuyện sẽ qua nếu hàng tháng sau tình yêu của đôi trai gái nợ không bị đem ra phỉ báng như một tội lỗi. Một đêm đôi trai gái ấy hẹn nhau ở ngôi nhà thờ Tổ của làng. Sau khi nguyên rủa cả trái đất, họ đã hiến thân cho nhau và chết trần truồng trên bệ thánh.

Sự kiện đó tác động trước hết đến các bà mẹ. Bắt đầu từ tuổi đi học, mỗi chúng tôi đều được kể cho nghe rành rẽ về từng nhà một trong làng. Tựa như đứa nào dại dột quan hệ với con nhà này nhà nọ sẽ bị tuyệt nòi tuyệt giống vì phải trả nợ thay "ông tổ năm đời nhà nó đức mỏng như bàn tay". "Thằng bố nó ngày xưa chuyên đi lừa lọc". "Cái năm cái cách, con mẹ nó chả vợ từ cái sanh thủng"... Với riêng tôi và anh chị em tôi, đứa nào cũng thấm đẫm vào trí nhớ một câu bất hủ: "Lão Hứa và con cháu lão là kẻ thù truyền kiếp".

Ai ngờ tôi là đứa phản bội bố tôi trước tiên. Mặc dù tôi được dạy dỗ khá cẩn thận về địa vị gia đình mình,

nhưng hễ gặp Quý Anh là tôi quên tất. Quý Anh vào tuổi mười bảy, đẹp như tiên sa. Tôi sẵn sàng cãi nhau với bố để bên vực Quý Anh.

Một hôm bố tôi đi họp về, quăng chiếc cặp lên bàn là quát gọi mẹ tôi.

- Bà có biết chuyện gì đã xảy ra trong cái nhà này không?

Mẹ lo lắng nhìn tôi:

- Tu! - Bố tôi quay sang tôi - Mà quan hệ với con Quý Anh từ bao giờ?

- Từ ngày chúng con để chỏm.

Bố tôi ngã ụch xuống ghế, thở dốc. Ông căm ghét nhìn về phía tôi nhưng không ngớt nguyên rửa mẹ tôi. Chờ còn hai mẹ con, mẹ tôi mới mếu máo hỏi tôi:

- Con nói thật đi, có đúng con giăng dện với con Quý Anh không?

- Con yêu cô ấy.

- Trời đất ơi! - Bà tru tréo - Mà có biết nó mang dòng máu của ai trong người không? Của kẻ đã giết ông và chú mày.

Thấy tôi im lặng, mẹ dịu giọng:

- Có đời thuở nhà ai lại thế bao giờ. Rồi cả làng người ta ỉa vào cửa nhà mày. Con không thấy anh em phó Hộ nó đặt vè đấy à.

- Mẹ chấp làm gì bọn loạn luân ấy...

- Mày phải thôi ngay hoặc tao thắt cổ tao chết.

- Thì thôi! - Tôi gắt lên - Con trai mẹ chả cao giá lắm đấy.

- Dù sao con cũng phải nghĩ đến bố con. Khỏi kẻ chỉ chờ nhà ta hở ra là chọc vào, con có lớn mà không có khôn.

Chưa bao giờ tôi căm ghét đồng loại đến thế. Nửa đêm tôi lên dậy trốn khỏi nhà cùng với cây vô sần bằng gỗ lim. Đây rồi, sự ngu ngốc, thói dỏm đời, lòng thù hận, đều vì những cây nấm độc này. Tôi đập nát tất cả bảy chiếc miếu thờ để suốt đêm ấy ngồi khóc âm thầm như kẻ bị ruồng bỏ.

* * *

Bây giờ các vị đã nằm cả ở đây, nơi trước kia chỉ là cái gò con ngựa. Bỗng dưng tôi cảm thấy cô đơn. Đời người thật ngắn ngủi. Đôi khi có cảm giác người ta chưa kịp để lại gì cho trần thế, đã mất hút trong sự lãng quên khắc nghiệt. Không biết ở dưới mồ có còn vị nào chưa yên giấc? Tôi tha thứ cho các người. Bởi vì ngày ấy cũng đã mười năm. Mười năm đủ cho tôi thấm nỗi đau của cả mấy thế hệ mà số phận bị nhào nặn bằng một bàn tay phạm tục.

Giờ đây ở giữa sự hoang lạnh của khu nghĩa địa, tôi lại nhớ đến cái đêm khủng khiếp ấy. Tất cả các vị đang nằm ở đây đều có mặt để xét xử chúng tôi. Đêm ấy không có trăng nhưng đầy sao và hương thơm mùa màng tỏa ra từ đất. Lần đầu tiên trong đời, trái tim tôi nóng như hòn than cháy ngùn trong ngực, khi tôi biết cảm nhận sự kỳ diệu của da thịt... Tôi và Quý Anh, hai kẻ trong trắng như nhau, tội lỗi như nhau đã *bước qua lời nguyên*, đã ân xá cho nhau trong sự chứng kiến của các thiên thần. Và đêm hôm ấy các vị đã bọc chặt chúng tôi bằng dáo, mác, bằng nỗi căm ghét phi lý. Dưới ánh đuốc các vị có thể thấy rõ dù chết chúng tôi cũng không

rời nhau. Vậy mà các vị cứ quấn chặt chúng tôi bằng vòng lửa của địa ngục khiến tôi hét lên:

- Đâm đi! Các người cứ lấy máu chúng tôi sẽ thấy nó mặn như nhau, đỏ như nhau... vì chúng tôi được hoài thai từ một bà mẹ nhân hậu hơn bà mẹ đã sinh ra các người.

‘ Cả làng - hẳn các vị còn nhớ - đã không ai dám tiến thêm nửa bước. Tôi gào tiếp:

- Các người chỉ quen để ý nhau từng lời, từng chữ, rình xem mâm cơm nhà khác có thịt cá không để quy kết, bôi nhọ. Nhưng làng xóm tiêu điều thì các người bỏ văng. Các người thành kính dựng người chết dậy để thờ trong khi đó nhẫn tâm đẩy kẻ đang sống đang yêu xuống mồ, chúng tôi căm ghét và thương hại các người.

Tôi biết tóc bố tôi bạc đi một cách khủng khiếp một phần vì những đau khổ tôi trút lên cuộc đời Người.

* * *

Mọi việc tôi làm trong kỳ nghỉ phép đều không lọt mắt bố tôi. Ông đáp trả bằng sự im lặng. Đợi đến khi tôi xếp đồ vào ba lô, ông mới bất ngờ hỏi tôi:

- Tại sao con Quý Anh nó không đến?

- Cô ấy sợ.

Bố tôi gục xuống và khi ông ngẩng lên tôi tưởng như không tin vào mắt mình: mặt ông bị vò nát với hàng trăm nếp gấp khắc nghiệt. Trên khuôn mặt ấy tôi thấy lại cái quá khứ vật vã đẫm máu và nước mắt mà bố tôi vừa căm ghét vừa hạnh diện. Trên khuôn mặt ấy như vừa thoáng hiện hình ảnh ông tôi, chú tôi, bị xé

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

nát trong tiếng kêu cứu tuyệt vọng. Giá còn nước mắt hẳn ông đã khóc. Tiếng ông khô khốc:

- Chờ nhau ngàn ấy năm... thời buổi này không dễ có mấy người. Anh chị đã quyết, tôi cũng không dám cản. Nhưng tôi chỉ xin ở anh một yêu cầu.

- Vâng, bố cứ nói.

- Anh hãy đợi khi nào tôi chết hãy đưa nó về ở cái nhà này. Tôi biết nói ra điều ấy không xứng đáng với một ông bố. Nhưng tôi không thể... anh hiểu ý nguyện của tôi chứ?

Bố tôi lại gục xuống như vừa bị cả một khối nặng khủng khiếp đè lên vai. Hình như ông đã khóc được.

Sông Đà, tháng 4-1989

Hà Nội, tháng 11-1989

Phụ lục

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam xuất bản ở Mỹ

CÔNG TRÌNH CỦA NHỮNG NGƯỜI BẠN

Hồ Anh Thái

Bộ tuyển tập dày dặn nhất

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam mang tên *Tình yêu sau chiến tranh - Văn xuôi Việt Nam đương đại* (Love after War: Contemporary Fiction from Vietnam) có lẽ là tuyển tập dày dặn nhất xuất bản ở Âu-Mỹ cho tới nay, dày 650 trang khổ lớn, tập hợp truyện ngắn của 45 tác giả Việt Nam. Cuốn sách lớn như vậy chỉ có thể được xuất bản ở một vài nước anh em ngày trước vì tình hữu nghị, chứ ở phương Tây thì chưa bao giờ. Độc giả Mỹ thấy hiện diện ở đây các thế hệ nhà văn Việt Nam, từ Tô Hoài sang Chu Văn, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải, Trang Thế Hy, Vũ Bảo đến Lê Minh Khuê, Trung Trung Đĩnh, Nguyễn Quang Thân, Lê Văn Thảo tới Nguyễn Huy Thiệp, Đoàn Lê, Bảo Ninh, Trần Thùy Mai, Ngô Thị Kim Cúc, Dạ Ngân, rồi Phan Thị Vàng Anh, Phan Triều Hải, mới nhất là Nguyễn Ngọc Tư. Có nhà văn đã khuất và người đang sung sức, có nhà văn của các vùng miền, có cả đội ngũ nhà văn nữ hùng hậu.

Là đồng chủ biên của tuyển tập này, Nhà văn Mỹ Wayne Karlin và tôi đã phải chọn lựa khoảng 100 truyện ngắn Việt Nam để cuối cùng nhà xuất bản chọn lấy một nửa trong số đó. Cũng đành phải bằng lòng

với sự phán quyết của NXB, người bắt mạch được gu của độc giả Mỹ. Chúng tôi tổ chức toàn bộ các truyện ngắn vào năm phần sao cho cấu trúc liên hoàn này khiến độc giả có thể đọc từ đầu đến cuối, tuần tự như một cuốn tiểu thuyết, hình dung ra một phần đời sống xã hội Việt Nam, phần nào tâm lý con người và tâm trạng thời ta đang sống. Có thể là ít nhiều diện mạo văn học Việt Nam từ sau chiến tranh nữa.

Bộ sách văn học Việt Nam và một nhà văn Mỹ

Người đứng tên chủ biên bộ sách *Những tiếng nói từ Việt Nam* của NXB Curbstone Press là nhà văn Wayne Karlin. Ông tham gia dịch, hiệu đính và trau chuốt tất cả các bản dịch sách Việt Nam: hợp tuyển truyện ngắn hậu chiến của các nhà văn Việt Nam và Mỹ mang tên *Phía bên kia góc trời* (*The Other Side of Heaven*). Nhân tiện xin nói, chữ *heaven* ở đây không phải là *thiên đường* như có người dịch sai, mà có nghĩa là *bầu trời*. Việt Nam và Mỹ ở tận hai góc trời, giờ đây cần bắc một nhịp cầu hòa giải bằng văn học nối liền hai góc trời xa xôi ấy. Đó là ý tưởng của Wayne Karlin khi làm cuốn sách được Hội Các nhà phê bình Văn học Mỹ bầu chọn là cuốn hợp tuyển hay nhất của năm 1995. Ông đã cộng tác với nhiều dịch giả người Việt và người Mỹ để cho ra những bản dịch *Ngược dòng nước lũ* của Ma Văn Kháng, *Những ngôi sao, trái đất, dòng sông* của Lê Minh Khuê, *Thời gian của người* của Nguyễn Khải, *Trong sương hồng hiện ra* và *Người đàn bà trên đảo* của Hồ Anh Thái, *Sang sông* của Nguyễn Huy Thiệp. Sắp tới sẽ là những tập truyện của Đoàn Lê và một số tác giả khác...

Năm 1998, sau khi xuất bản sách của nhà văn Lê Minh Khuê và của tôi, NXB Curbstone Press mời chúng tôi làm cố vấn biên tập cho bộ sách *Những tiếng nói từ Việt Nam* (*Voices from Vietnam*), bộ sách

đang được tiếp tục với những cuốn sách nêu ở trên. Tuy nhiên thời gian chủ yếu dành cho việc sáng tác, chúng tôi lượng sức khó theo cho hết được bộ sách còn kéo dài nhiều năm. Chính vì vậy, ba năm qua, Wayne Karlin và tôi tập trung làm một tuyển tập, cố gắng giới thiệu càng nhiều càng tốt tác giả Việt Nam trong đó, coi như một sự hoàn tất, trước khi rút về viết sách của mình. Còn nhiều tác phẩm chúng tôi đề xuất nhưng không được NXB chấp nhận, kể cũng đáng tiếc. Tuy vậy mọi thiếu hụt khiếm khuyết chắc vẫn được thể tất, vì nói cho cùng đây chỉ là cố gắng của cá nhân những người làm sách.

Trước khi kể về Wayne Karlin ở khía cạnh một người dịch sách và hiệu đính có nghề, xin giới thiệu đôi nét về sự nghiệp văn chương của ông. Tác giả của nhiều cuốn tiểu thuyết gây dư luận như *Đường cắt*, *Cho chúng ta*, *Vai phụ*, *Những người tù*, *Tiếng đồn và bia mộ*, *Xứ sở ao ước...*, Wayne Karlin đã đoạt một số giải thưởng văn học lớn của Mỹ, mới nhất là giải thưởng 2003 của Hội đồng Nghệ thuật Quốc gia cho tiểu thuyết *Xứ sở ao ước*. Ông là nhà văn có văn phong đẹp, ngôn ngữ chất lọc và giàu nhạc điệu. *Thời báo New York*, một tờ báo có tiếng "kênh kiệu" ít khen ai, đã phải hạ một lời khen những cuốn sách Việt Nam kể trên "được dịch bằng một thứ ngôn ngữ tiếng Anh hạng nhất" (first-rate English language). Công này chủ yếu là của Wayne Karlin.

Hợp tác giữa những đồng chủ biên

Tôi trực tiếp dịch hơn một nửa trong số 50 truyện ngắn của tuyển tập, nhưng với cương vị chủ biên, cả Wayne Karlin và tôi đều phải vất vả nhiều với toàn bộ tập sách. Trong quá trình cùng nhau dịch, không thể nhớ hết những lần tranh luận gay gắt. Chúng tôi đều cầu toàn, và tất nhiên tranh luận phát sinh cũng vì độ chênh giữa hai ngôn ngữ vốn sẵn

có nhiều điểm khác biệt, giữa lối tư duy của hai dân tộc cũng rất nhiều khác biệt.

Chẳng hạn ở đầu truyện *Cô gái đầm sen*, nhà văn Nguyễn Phan Hách viết: "Một lần về quê, tránh nắng, anh khởi hành đi bộ từ sáng tinh mơ... Sương sớm mù mịt. Gió nhẹ hây hây đem theo mùi sen thơm ngát. Đang đi trong ánh trắng mờ, Tuệ thấy một cô gái từ đầm sen bên đường bước lên..." Người đọc Việt Nam dễ dàng xác định được thời gian của câu chuyện này: đó là lúc sáng sớm, trời còn mờ tối, còn sương và còn trắng. Nhưng Wayne Karlin đã thêm vào đây hai chữ xác định thời gian: *That night* (đêm ấy). Tôi không chịu, trong nguyên bản là *sáng sớm*, làm sao có thể đổi thành *đêm* được? Wayne Karlin cũng không chịu, độc giả Mỹ sẽ không sao hình dung nổi là *early in the morning* (sáng sớm) lại có thể xảy ra câu chuyện trong sương mù, trong ánh trắng và trên trời còn sao.

Tranh luận mãi, cuối cùng tôi phải nhượng bộ. Lý do: bản tiếng Anh là dành cho độc giả Mỹ, những người vốn duy lý, đòi hỏi sự chính xác về không gian, thời gian, sở hữu... chứ không chấp nhận sự mập mờ thấp thoáng. Tất nhiên đây là do hai cách tư duy và tiếp nhận khác nhau, còn trên thực tế khoảng 3-4 giờ sáng như thế, bên này có thể gọi là *sớm hôm ấy*, bên kia lại gọi là *đêm ấy* thôi mà.

Sang đến truyện *Lúa hát* của Võ Thị Xuân Hà, đúng là tư duy chính xác của người Mỹ phải gây giật mình. Tác giả viết rằng ở làng ấy có tục làm lễ rắc muối quanh cánh đồng, rồi người ta rắc muối vào bếp, lấy tro bón ruộng cho lúa xanh. Wayne Karlin bảo: người Mỹ tin rằng đất mặn là đất xấu, không trồng trọt được, đọc thế ai mà tin nổi? Tôi điện thoại hỏi tác giả, chị bảo đó chẳng qua là tín ngưỡng của làng, như là làm phép, người ta đâu có đổ muối xuống ruộng làm cho đất

mặn. Đoạn này cũng không thể lược đi, người dịch phải trung thành. Rốt cục hai người dịch chúng tôi chấp nhận đặt thêm cái chú thích về lễ rắc muối như một tín ngưỡng, bằng cách ấy hạn chế được phản ứng của người đọc bản tiếng Anh. Cũng vẫn ở truyện này, Wayne Karlin bàn cái tíu *Lúa hát* có thể gây hiệu quả trong tiếng Việt, nhưng trong tiếng Anh nó véo von vắn vẻ và quá nhẹ. Ông đề nghị đổi tên truyện gây ấn tượng hơn cho người đọc Mỹ: *Lúa và muối* (*Rice and Salt*).

Còn ở truyện *Cầu thang*, Nguyễn Thị Thu Huệ vẽ ra khung cảnh một cái ngõ Hà Nội mà chúng ta đều dễ hình dung: "Đầu ngõ là một hàng phở. Họ bán chui bán lủi nên phải giấu mỗi nơi một thứ. Bánh phở thì treo lủng lẳng ở giữa ngõ. Cuối ngõ thì có hai chậu bát lỉnh sinh nước và những chiếc bát nổi cùng hành, ớt và váng mỡ". Nhưng một người ngồi tíu ở bang Maryland bên Mỹ, dù đã sang Hà Nội nhiều lần cũng khó hình dung ra. Ông hỏi tôi: chủ hàng phở là người trong cái ngõ ấy hay sao mà ông ta được chiếm dụng chỗ để bán hàng? Và ông ta treo bánh phở lên ngõ bằng cách nào? Người Mỹ không thể tưởng tượng được sự chiếm dụng một cái ngõ chung, cản trở mọi người qua lại, cũng không hiểu được cách người ta chỉ kinh doanh một thời điểm nào đó trong ngày thì để thực phẩm vào đâu? Tôi giải thích rằng chủ hiệu phở có thể là người trong ngõ, cũng có thể là người ở nơi khác chỉ đến để bán hàng. Lại còn vẽ cho ông thấy một trong những cách người ta có thể treo bánh phở trong ngõ: đóng đinh lên tường, nổi tạm một đoạn dây... Wayne Karlin thích thú: Có thể đưa thêm câu này vào truyện được không? Phải hỏi ý kiến Thu Huệ, chị vui vẻ bằng lòng. Đúng là tất cả vì bạn đọc ở bên kia đại dương, những người còn thiếu nhiều kiến thức văn hóa xã hội về Việt Nam.

Nhưng ở trường hợp sau đây thì ngược lại. Nhiều khi một khái

niệm nghe rất thuận tai ở đây lại khó tiếp nhận ở bên đó. Câu cuối cùng trong truyện *Tiếng hát và tiếng khóc* của nhà văn Trang Thế Hy: "Nó nhắc nhở người cầm bút đừng bao giờ đánh mất cái điểm tựa đáng tin cậy của mình là nỗi đau khổ lớn của số đông người thâm lặng". Cụm từ "số đông người thâm lặng" tôi chuyển chính xác thành "the silent majority". Wayne Karlin bàn: ở Mỹ, cụm từ này thường được những chính khách cánh hữu dùng như một thứ bánh vẽ để mị dân, vì thế người Mỹ rất dị ứng với nó. Để tránh gây phản cảm cho người đọc, ông đề nghị lược bỏ chữ *majority* (số đông), câu văn còn lại là "nỗi đau khổ lớn của những người thâm lặng", vẫn giữ được khá chính xác nội dung.

Còn truyện *Bố con là đàn bà* của nhà văn Vũ Bảo, tôi đã đọc nhiều lần, nhưng phải đến khi bắt tay vào dịch, phải nghiền ngẫm từng câu từng chữ như chính mình là người viết thì mới phát hiện ra những chi tiết nhỏ. Nhỏ đến mức tác giả không biết, biên tập viên tiếng Việt cũng bỏ qua, bao nhiêu người đọc cũng bỏ qua nốt. Nhưng đọc nó bằng con mắt của người đọc nước ngoài duy lý, tôi không bỏ qua được nữa. Ví dụ đoạn này: "Vừa mới nhận buồng, Mi đã xắn tay áo, xắn ống quần, lấy chổi quét nhà, quét tường, treo một loạt tranh diển viên, cắm hoa vào vỏ đạn 37 li, *đóng đinh* treo gương mở neo, xé cánh tay áo đã rách lau giường, gấp chăn màn vuông bánh chưng đặt ngay ngắn ở đầu giường. Mi chạy đi mượn búa *đóng đinh* treo mắc áo, căng dây kéo ri dờ..." Tôi vừa đánh dấu vào hai lần *đóng đinh* và đọc giả dễ dàng nhận ra rằng lần *đóng đinh* thứ hai cô Mi mới có búa, còn lần đầu cô *đóng* bằng gì thì chỉ có nhà văn Vũ Bảo cây hài hước mới biết được. Một đoạn khác, "Ngát bực mình *ngồi* trong giường nói vọng ra", nhưng chỉ qua sáu dòng đối thoại thì lại là "Ngát *vẫn nằm* trên giường". Tất nhiên tôi đã phải hỏi ý kiến của tác giả và xoay chuyển lại theo kiểu một

người dọn vườn văn. Chưa hết, khi bản tiếng Anh vào tay Wayne Karlin, ông kêu lên rằng truyện chỉ nhắc đến hai cô bạn cùng phòng đi lấy chồng, tại sao ngay từ dòng đầu tác giả lại viết: "Trong phòng có bốn chị em thì ba người đã lần lượt đi lấy chồng". Trong văn cảnh này, độc giả Việt Nam vẫn ngầm hiểu là tác giả có quyền chỉ nhắc đến hai trường hợp nổi bật trong số ba cô bạn cùng phòng, nhưng độc giả Mỹ tính đếm rõ ràng không chịu "ngầm hiểu" như vậy. Rốt cục chúng tôi phải xoay lại: "tất cả" chị em trong phòng đã lần lượt đi lấy chồng...

Như vậy, là đồng chủ biên, chúng tôi không chỉ làm người dịch sách, chọn lựa tác phẩm, sắp xếp truyện vào các phần theo một cấu trúc gắn kết tương đối hợp lý, mà còn phải làm người biên tập hiểu rõ gu của độc giả, thậm chí phải làm người dọn vườn. Chắc rằng mai đây tác giả và người đọc nếu có đối chiếu song ngữ sẽ nhận ra trong bản dịch những chỗ mà dịch giả và người chủ biên đã xoay chuyển như đã nói ở trên.

Mặc dù tuyển tập mang tên *Tình yêu sau chiến tranh*, nhưng độc giả sẽ thấy có một số truyện không chỉ khuôn lại trong chủ đề "sau chiến tranh" hoặc là chỉ về "tình yêu"... Nhưng cũng có một điều rõ ràng, dù đó là một truyện cổ mang màu sắc ngụ ngôn, truyện ở nước ngoài hoặc chẳng có bóng dáng tình yêu nào thì đó vẫn là những truyện được viết bằng một cái nhìn và cảm hứng của hậu chiến, của thời đổi mới.

Một nhà xuất bản yêu văn học Việt Nam

Hệ thống giáo dục Mỹ vẫn thường để ngỏ một phần giáo trình cho các trường tự tìm thêm sách giảng dạy. Nhà văn Wayne Karlin là giáo

sư Đại học St.Mary ở Maryland, ông cùng với NXB Curbstone quảng bá bộ sách Việt Nam tới các trường đại học và nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt.

Cũng nhờ công quảng bá của Wayne Karlin và NXB Curbstone, các trường đại học Mỹ còn mở rộng giáo trình sang những cuốn sách xuất bản ở nhiều nơi khác như *Thời xa vắng* của Lê Lựu, *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp (Đại học Oxford ở Malaysia), *Người đàn bà trên đảo* (Đại học Washington), *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh...

Người Mỹ ít đọc sách dịch. Hàng ngàn NXB chỉ quan tâm đến việc sách in ra có bán được hay không. Họ không có nghĩa vụ tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc. Wayne Karlin đã tìm ra NXB Curbstone nhận in sách Việt Nam và đưa sách hiện diện chính thức trên thị trường sách toàn quốc, có mặt trong hệ thống hiệu sách và bán cả trên mạng (hãng Amazon.com). Số lượng phát hành lần đầu, như mọi NXB khác ở Mỹ, thường là 5.000 bản, nhưng khác một điều là sách của NXB Curbstone hàng năm vẫn đều đều được in nổi bản. Nhân tiện xin nói con số 1.000 bản mà người phiên dịch chuyển ngữ nhầm cho một đoàn nhà văn VN thăm Mỹ gần đây thực ra là số lượng phát hành của NXB ở các trường đại học. Sách do các trường xuất bản thông thường chỉ bán trong hệ thống trường đại học toàn quốc với số lượng hạn chế như vậy, hầu như không có nổi bản hàng năm. Số lượng sách phát hành là một bí mật kinh doanh, chỉ có NXB và cơ quan thuế biết với nhau, chứ không ghi đăng sau mỗi cuốn sách như ở ta.

Curbstone là nhà xuất bản không lợi nhuận. Tính chất không lợi nhuận khiến thu nhập của người làm xuất bản và nhuận bút cho tác giả, dịch giả là rất hạn chế. Không lợi nhuận còn có nghĩa là nhà xuất bản

không phải nộp thuế thu nhập. Để đáp lại việc không phải đóng thuế, họ phải làm nghĩa vụ phát triển văn hóa xã hội bằng cách tặng sách cho các thư viện trên toàn quốc, cho các trường học, các câu lạc bộ... Sách của NXB vì thế được in ít nhất 5.000 cuốn bán trên toàn quốc để trang trải nhuận bút (tượng trưng) và nuôi sống người làm sách, ngoài ra còn có một số lượng đáng kể được đem tặng đến tận tay sinh viên và trí thức.

Những luồng dư luận ban đầu

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đã có dư luận ban đầu trên báo chí. Nhà văn Robert Olen Butler, tác giả cuốn *Hương thơm từ núi lạ* đoạt Giải thưởng Sách Quốc gia viết: "Nhiều nhà văn Việt Nam là những tác giả tầm quốc tế và tuyển tập này là biểu hiện đầy đủ nhất có thể tìm thấy bằng tiếng Anh. Wayne Karlin và Hồ Anh Thái đã chủ biên và dịch một cuốn sách bậc thầy sẽ còn lại mãi". Báo *Biên niên sử San Francisco* ngày 2-11-2003 nhận định: "*Tình yêu sau chiến tranh* là tuyển tập văn xuôi đương đại Việt Nam lớn nhất bằng tiếng Anh và không còn lời nào khác ngoài chữ hoành tráng để nói về cuốn sách này. Tuyển tập có thể dễ dàng sánh với những bậc thầy truyện ngắn được khuếch trương nhiều của chúng ta như Raymond Carver, John Cheever và Grace Paley hoặc những nhà văn có tính thương thức hàng đầu của tạp chí New Yorker và Playboy. Chú ý so sánh với Playboy bởi vì trái ngược với lời đồn đại về các nước cộng sản, không có hạn chế nào đối với những nhà văn ở đây, ít ra là trong mọi sự bày tỏ đa dạng và phức tạp về năng lượng sắc dục của con người".

Còn *Thời báo St. Petersburg* ra ngày 14-9-2003 bình luận: "*Tình yêu sau chiến tranh* là một tuyển tập văn xuôi sinh động của những tác giả mà tác phẩm sánh với những gì hay nhất của văn chương thế giới.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Là chủ biên đồng thời là dịch giả, Wayne Karlin và Hồ Anh Thái xứng với một tấm huy chương vì đã tập hợp được những tác phẩm này trong một tuyển tập lớn. Văn phong đẹp, *Tình yêu sau chiến tranh* cho thấy rằng văn học Việt Nam, và cả đời sống ở đó, đang phát triển mạnh".

Cuối năm 2003 báo *Biên niên sử San Francisco* xếp tuyển tập này trong số 100 cuốn sách hay của năm. Có lẽ ngay cả ở một nước có văn hóa đọc phát triển, khó có ai đọc hết 100 cuốn sách hay nhất trong năm. Nhưng việc bình chọn này có ý nghĩa với những nhà phê bình văn học và đội ngũ biên tập viên theo dõi xuất bản ở Mỹ, sau đó là độc giả yêu văn chương. Và một ý nghĩa nữa đối với nhà xuất bản: cuốn sách sẽ bán được nhiều hơn.

"Love after war" **đã tiêu biểu cho truyện ngắn đương đại Việt Nam?**

50 truyện ngắn của những tác giả đương đại Việt Nam, với chủ đề chính tình yêu thời hậu chiến, do nhà văn Wayne Karlin và Hồ Anh Thái tuyển dịch, ấn hành tại NXB Curbstone, đã thu hút sự chú ý của báo giới Mỹ cũng như Việt Nam trong thời gian qua. Chúng tôi đã có cuộc trò chuyện với nhà văn Hồ Anh Thái...

- Thừa nhà văn, vừa qua báo chí trong nước và quốc tế đã có nhiều bài viết khác nhau về tuyển tập truyện ngắn Love after war do anh và nhà văn Mỹ Wayne Karlin tuyển chọn, dịch ra tiếng Anh. Anh có thể nói rõ tuyển tập này được chọn theo tiêu chí nào?

- Nhà xuất bản và nhóm chủ biên chúng tôi nhất trí ngay từ đầu: chỉ chọn tác phẩm hay, và phần lớn tuyển tập đã đạt được yêu cầu này. Tôi cố gắng đưa vào truyện ngắn tiêu biểu nhất của mỗi tác giả, nhưng đôi khi NXB đã chọn truyện thứ hai hoặc thứ ba của tác giả đó. Lý do là truyện độc giả VN cho là hay chưa hẳn đã hợp gu độc giả Mỹ.

- Có vẻ như những người chủ biên có tham vọng thực hiện một tuyển tập đương đại thật đầy đủ. Nhưng đó cũng chỉ là một sự lựa chọn theo quan điểm cá nhân? Một số độc giả VN lại cho rằng tập sách chưa được như mong muốn của những người tuyển dịch?

- Chắc chắn một tuyển tập phải mang dấu ấn chủ quan của người chủ biên. Người khác đứng ra làm thì họ sẽ chọn tác giả khác, truyện khác, cách bố cục và giới thiệu cũng khác. Nhưng tôi tin rằng

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

bất kỳ ai làm chủ biên một tuyển tập nghiêm túc và chọn ra một Top 50 truyện ngắn thì khó mà bỏ sót những truyện tôi đã chọn.

- *Tại sao anh và Wayne Karlin quyết định lựa chọn 50 tác giả, mà không phải nhiều hơn hoặc ít hơn? Anh có chắc mình không bỏ sót tác phẩm hay và nó thực sự xứng đáng "không còn từ nào khác ngoài chữ hoàn hảo để nói về cuốn sách này" như nhận xét của báo chí Mỹ?*

- Tôi đã tóm tắt truyện ngắn của gần 100 tác giả để NXB lựa chọn và họ đã dùng lại con số 50. Thực sự là tôi không hài lòng, giá mà giới thiệu được ít nhất 100 tác giả thì tuyệt vời. Nhưng nhà xuất bản là người quyết định cuối cùng. Và dù có giới thiệu 100 tác giả cũng vẫn thiếu hụt, trong khi ở ta có hàng ngàn người viết truyện ngắn như thế này.

- *Còn ở VN, gần đây nhất, có bài viết về cuốn tuyển tập: thực ra Love after War chỉ là một cuốn sách dựa trên quan hệ cá nhân, được một NXB nhỏ ở Boston tổ chức, quy mô phát hành sách không lớn?...*

- Có nhiều thời gian ở Mỹ, cũng có nghiên cứu công nghiệp xuất bản và làm việc với nhiều NXB bên ấy, tôi xin cung cấp một số thông tin: hàng ngàn NXB Mỹ đều rất ngại in sách dịch - người Mỹ hầu như thờ ơ với sách dịch và phim nước ngoài có phụ đề. Curbstone là một NXB nhỏ, nhưng thuộc loại có uy tín ở Mỹ, sách của họ thường được chú ý và đánh giá cao trên các tờ báo lớn như *Thời báo New York*, *Thời báo Los Angeles*, *Biên niên sử San Francisco*, *Địa cầu Boston*... Sách của Curbstone được phát hành trong mạng lưới phát hành toàn nước Mỹ và bán trên mạng Amazon.com. Ai cũng có thể vào Internet để hiểu thêm về NXB này.

- Sau khi sách được xếp vào hàng 100 cuốn sách hay ở Mỹ năm 2003, các nhà văn có tác phẩm được chọn đã hưởng chế độ sách và nhuận bút như thế nào? Hay đối với họ, được giới thiệu rộng rãi ra nước ngoài, được khen ngợi... đã là một may mắn?

- Độc giả Mỹ hầu như chưa biết gì về văn học VN, những cố gắng ban đầu hình như giống việc ra tạp chí Văn nghệ Dân tộc và Miền núi. Nhuận bút cho mỗi truyện trong tuyển tập này là 50 USD. Curbstone là NXB không lợi nhuận (non-profit) tức là hầu như không có lợi nhuận lớn cho NXB và tác giả. Không lợi nhuận khiến NXB không phải đóng thuế thu nhập nhưng để đáp lại, NXB phải làm nghĩa vụ văn hóa với đất nước: lợi nhuận của 5.000 bản tuyển tập phải được dùng để in nổi bản cuốn sách đó hàng năm, đem tặng cho các thư viện, trường học, các cơ sở văn hóa toàn quốc... Các NXB Mỹ đều thăm dò sức mua rất lâu trước khi in và nếu chỉ đạt số lượng dưới 5.000 bản thì họ sẽ từ chối bản thảo. Chỉ có NXB của các trường đại học Mỹ mới "dám" in chỉ 1.000 bản, vì họ có ngân sách riêng để in sách.

- Anh nói gì khi có ý kiến: những bài viết về cuốn sách chỉ là lời "tung hô" của các nhà văn, nhà báo Mỹ mà những nhà văn VN chưa từng nghe thấy tên?...

- Nhà văn ta có thông tin gì về văn học đương đại Mỹ, châu Âu và nhiều nước khác trong vài chục năm qua? Nhiều tên tuổi lừng lẫy bên ấy chỉ khiến độc giả ta tưởng là cây bút mới xuất hiện mà thôi. Những người khen tuyển tập này như Robert Olen Butler, Gloria Emerson đều là nhà văn kỳ cựu hàng đầu, đều đoạt Giải thưởng Sách Quốc gia Mỹ. Những tờ báo in bài của họ là *Thời báo New York*, *Biên niên sử San Francisco*... Có thể lời lẽ của họ quá nồng nhiệt, nhưng liệu có thể nghĩ rằng họ nhận định sai về văn học ta?

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

- "Tuyển tập có thể dễ dàng sánh với những bậc thầy truyện ngắn được khuếch trương nhiều của Mỹ", "tuyển tập văn xuôi sinh động của những tác giả mà tác phẩm sánh với những gì hay nhất của văn chương thế giới" ... Với những nhận xét của hai tờ báo Mỹ, các nhà văn ta có thể tự hào vì mình cũng đứng ngang hàng "top" của thế giới? Và anh nghĩ gì khi nhà văn Ngô Tự Lập khẳng định "truyện ngắn VN không thể sánh ngang hàng thế giới", hay nhà thơ Hoàng Hưng thì thẳng thắn "chúng ta chưa có gì để có thể nói là ngang hàng" ...?

- Văn xuôi ta có thành tựu nhất định về truyện ngắn và tiểu thuyết ngắn, chủ yếu là ở phương pháp sáng tác cổ điển. Hai tác giả trên cũng có lý, họ đã chỉ nghĩ đến phần non yếu của văn học ta và việc ít tìm tòi trong phương pháp nghệ thuật mà nhận định như vậy. Chắc là nếu có đọc tuyển này, họ vẫn sẽ chưa thỏa mãn với những truyện mang màu sắc chủ nghĩa hậu hiện đại, nhưng tôi đã chủ ý đưa những truyện ấy vào để sơ bộ giới thiệu sự tìm tòi với độc giả Mỹ.

- Dự định tiếp theo của anh trong việc tuyển dịch và giới thiệu văn học VN ra nước ngoài?

- Tôi là người sáng tác. Làm tuyển tập chỉ vì được mời và sẽ thấy tiếc nếu bỏ mất cơ hội hiếm hoi. Bây giờ tôi phải trở về với trang viết của mình. Mong mỗi nhà văn nếu có cơ hội, xin hãy góp thêm một cố gắng mang tính cá nhân như vậy cho văn học ta.

- Xin cảm ơn nhà văn.

LÊ MỸ Ý thực hiện
(Báo Tiền Phong, 18-2-2004)

Bộ sưu tập đáng kể

Philíp Herter

Tình yêu sau chiến tranh, một tuyển tập văn xuôi hấp dẫn của Việt Nam thời gian gần đây, chứng tỏ rằng sau nhiều thế hệ chiến tranh, bị chiếm đóng, giải phóng và thay đổi chính quyền, người ta không thể làm suy yếu nền văn học của một dân tộc. Đặc biệt khi chủ đề là tình yêu.

Wayne Karlin và Hồ Anh Thái đã cùng mang tới một bộ sưu tập đáng kể truyện ngắn Việt Nam, nhiều truyện là của những nhà văn sinh ra từ thời chiến. Được sắp xếp thành nhiều phần khác nhau - truyện viết từ cảm hứng đầu tiên về chiến thắng, khi những cặp tình nhân phải đi sắp xếp lại, cho tới những truyện viết sau này, khi ngay cả những ông cụ tẻ nhạt cũng làm thơ - *Tình yêu sau chiến tranh* luôn trung thành với đề tài về chỗ yếu của con tim.

Phần "Tình yêu đánh mất" vang vọng những ngụ ngôn cổ điển của Việt Nam, những câu chuyện buồn và nồng nàn về thủy thần và ma rừng, về vùng đất thần thoại là nơi những câu chuyện này được nuôi dưỡng.

Tài năng được phô diễn mạnh mẽ trong *Tình yêu sau chiến tranh* thật ấn tượng. Từ truyện *Huyền thoại* của Chu Văn đến truyện về thứ tình yêu bị xã hội chối bỏ (*Bố con là đàn bà* của Vũ Bảo), cho tới sự hòa giải ngọt ngào và cay đắng (*Thương* của Phan Thị Vàng Anh). Rất hấp dẫn là những truyện phản ánh tình yêu thấp thoáng như *Quãng vắng* của Nguyễn Kiên.

Tình Yêu Sau Chiến Tranh

Tình yêu sau chiến tranh là một tuyển tập văn xuôi sinh động của những tác giả mà tác phẩm sánh với những gì hay nhất của văn chương thế giới. Là chủ biên đồng thời là dịch giả, Wayne Karlin và Hồ Anh Thái xứng đáng với một giải thưởng vì đã tập hợp được những tác phẩm này trong một tuyển tập lớn. Văn phong đẹp, *Tình yêu sau chiến tranh* cho thấy rằng văn học Việt Nam, và cả đời sống ở đó, đang phát triển mạnh.

Thời báo St.Petersburg, 14-9-2003

Cuộc kiếm tìm hạnh phúc thêm màu sắc cho truyện ngắn Việt Nam

Gerald Nicosia

Giới thiệu truyện của 45 nhà văn, *Tình yêu sau chiến tranh* là tuyển tập văn xuôi đương đại Việt Nam lớn nhất bằng tiếng Anh và không còn lời nào khác ngoài chữ hoành tráng để nói về cuốn sách này. Tuyển tập có thể dễ dàng sánh với những bậc thầy truyện ngắn được khuếch trương nhiều của chúng ta như Raymond Carver, John Cheever và Grace Paley hoặc những nhà văn có tính thưởng thức của tạp chí New Yorker và Playboy. Chủ ý so sánh với Playboy bởi vì trái ngược với huyền thoại về các nước cộng sản, không có hạn chế nào đối với những nhà văn ở đây, ít ra là trong mọi sự bày tỏ đa dạng và phức tạp về năng lượng sắc dục của con người.

Đồng chủ biên của bộ sách, Wayne Karlin, một nhà tiểu thuyết xuất sắc, nói trong lời giới thiệu rằng truyện ngắn là một trong những hình thức nghệ thuật phổ biến nhất ở Việt Nam thời hiện đại. Từ loạt truyện này, rõ ràng là các nhà văn Việt Nam đã bao quát toàn bộ màu sắc của xã hội và văn hóa, và thực sự là tất cả gộp lại đã thành công trong việc dựng chân dung tâm hồn của đất nước mình. Niềm vui đọc cuốn sách này ít ra là ở chỗ được chứng kiến đầy đủ cuộc sống đời thường và tinh thần của một dân tộc rất khác biệt với chúng ta, mà phần lớn người Mỹ vẫn chưa biết gì mấy ngay cả sau hai thập kỷ chiến tranh vũ trang và hai thập kỷ nữa của chiến tranh lạnh chống lại họ.

Một trong những điều chắc chắn làm độc giả Mỹ ngạc nhiên trước những truyện ngắn này là sự trung thành căn cốt của người Việt đối với gia đình và đất nước hơn là đối với khao khát cá nhân, như trong xã hội của chúng ta. Trong khi hàng trăm bộ phim Hollywood lăm nhăm cùng một đề tài tìm kiếm tình yêu cho bản thân bằng bất cứ giá nào, thì Dạ Ngân trong *Nhà không có đàn ông* kể về một góa phụ trẻ tên là út Thơm, người ngập ngừng "đi bước nữa" (tái hôn) bởi vì sẽ làm cho tất cả phụ nữ trong gia đình buồn, mọi người từ bà cho đến các cô đi đến người chị ruột - hầu như tất cả đều góa chồng giống như chị vì chiến tranh với Mỹ. Út Thơm không chỉ phải chấp nhận những người đàn bà cay đắng này, những người muốn chị có một câu trả lời trong cuộc đời, mà còn phải quy phục "nguyên tắc sống chủ đạo" trong làng "là người ta sống vì con cái".

Ngay khi út Thơm nhắc đến tên người đàn ông quan tâm đến chị, bà cô bắt đầu chỉ ra tội lỗi của thiếu phụ nhân danh đứa con trai bé bỏng: "Người đó quá thua kém so với chồng con. Bất quá nó chỉ là anh nông dân tốt bụng siêng năng trong khi chồng con nếu còn sống cũng tá cũng tương như ai. Cô chỉ sợ con của con nó tủi". Cũng theo cách ấy, thậm chí có thể còn đau đớn hơn, trong *Thương nhớ hoàng lan*, Trần Thùy Mai đối diện với một anh chàng khôi ngô, Đăng Ninh, người bị buộc phải chọn giữa việc cưới một thiếu nữ xinh đẹp rất yêu mình với việc đi theo con đường của một nhà sư độc thân. Điều ấy sẽ làm thỏa nguyện người cha cũng đã phải chối bỏ tiếng gọi ấy khi có được tình yêu của một thiếu nữ dễ thương. Nếu đây là một truyện ngắn Mỹ, kết cục hầu như sẽ là Đăng Ninh bỏ tất cả để lao theo tình yêu, nhưng Trần Thùy Mai đã có công làm cho chúng ta chấp nhận và thậm chí trân trọng sự lựa chọn ở lại trong chùa của Ninh. Sự uyên thâm của vị sư trụ trì làm ta sững sờ, bởi khi phát hiện ra Ninh khóc vì mối tình phải từ bỏ, nhà sư không quở trách chàng, thay vào đó còn bảo chàng cứ than khóc cho điều đã

mất. Hải lòng vì chú tiểu ấy có thể sẽ trở thành một nhà sư vĩ đại, nhà sư bảo: "Thầy chưa nghe nói gỗ đã thành Phật bao giờ".

Sự hy sinh vô cùng tận bao trùm trong những câu chuyện này. Xa cách người thân trong gia đình hàng năm trời vì chiến tranh là chuyện bình thường, và số người không trở về thật là nhiều. Cực kỳ nghèo đói và thiếu thốn là hình ảnh có thể thấy hầu như ở khắp nơi. Một số lớn phụ nữ cũng phục vụ trong quân đội và nổi khổ về thể xác thường xuyên hầu như không chịu nổi. Cụm từ "tại vì chiến tranh" lặp đi lặp lại như một câu thần chú trong những truyện ngắn này. Trường hợp nhân vật nữ tên Xuyên trong truyện *Những mảnh vụn* của Ngô Ngọc Bội, thậm chí chiến tranh còn cướp mất của chị "quyền làm đàn bà", bởi vì sau ba năm là thanh niên xung phong trong những khu rừng phía nam, chị tắt kinh và không bao giờ thấy lại, rồi trong phần đời sau đó chị không có khả năng mang thai nữa. Đối với người Việt, mất mọi khả năng sinh con cùng sự an ủi của con cái lúc tuổi già là sự hy sinh to lớn nhất, không thể nào khian nổi.

Vì đời sống khó khăn, cũng như sự thúc ép của một xã hội tập thể, một đề tài lớn của các nhà văn này là kiếm tìm hạnh phúc và làm thế nào để tìm được hạnh phúc ngay cả trong tình cảnh khó khăn nhất. Câu trả lời đối với người Việt dường như là hạnh phúc phải được nắm bắt lấy, được nhắm nháp trong những giấc mơ hay trong sự tưởng tượng lạ lùng riêng tư và cuối cùng chỉ được đoạt lấy một cách thành công trong những khoảnh khắc cô quạnh, để mà đạt được người ta đôi khi có thể phải chờ đợi cả cuộc đời và hầu như đòi hỏi sự nhẫn nại vô cùng.

Rất nhiều truyện ở đây có được phẩm chất kinh điển của ngụ ngôn và ngụ ngôn mang chứa đầy đủ sự kiếm tìm hạnh phúc không ngừng của người Việt là truyện *Có một người nằm trên mái nhà* của Phan Triều Hải. Trong truyện này, người dẫn chuyện đêm nào cũng

dành phần lớn thời gian ở trên mái nhà mình, không chỉ vì anh ta bị ám ảnh bởi những câu hỏi mang tính triết lý sâu sắc và cuộc chuyện trò nhặt nhẻo ban đêm của gia đình ở bên dưới mà còn vì mơ ước lớn nhất của đời anh là được thấy, dù trong khoảnh khắc, một ngôi sao chổi lớn bay ngang. Ở cuối truyện anh vui sướng tốt cùng được thoáng nhìn thấy sao chổi Hele-Bopp.

Nhưng không có ai trong gia đình hiểu vì sao anh ta hào hứng thế, vợ anh thì mừng hơn nhiều với khoản tiền lớn thường xuyên có được từ nghề bán hàng của anh ta lúc ban ngày. Tác giả nhấn mạnh cái giá trả trên mà một người Việt phải trả cho việc chứng kiến những điều ngoạn mục để cuối cùng thực hiện được mơ ước của mình. Bằng một thỏa thuận trước đó giữa người kể chuyện với vợ, chừng nào anh ta nhìn thấy một ngôi sao chổi thì anh sẽ không leo lên mái nhà nữa. Tệ hơn, giờ đây anh ta thú nhận là phải sống nốt cuộc đời mà không biết "mong chờ thêm điều gì". Và thế niềm vui sướng cùng cực trên mái nhà cho thấy rõ ràng rằng cái giá phải trả là xứng đáng.

Bằng vào tuyển tập này, dù cho các nhà văn Việt Nam chưa đi hết sự phức tạp của lối tự sự hậu hiện đại, nhưng tác phẩm của họ giàu biểu tượng nhiều tầng như sao chổi Hale-Bopp hay như bức ảnh *Chiếc thuyền ngoài xa*, một truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu. Trong truyện ngắn tuyệt vời của ông, một người chụp ảnh lịch năng nổ và mệt mỏi vì công việc, nhận thêm một việc rõ ràng là bất khả: chụp cho được sự bí ẩn của màn sương dâng lên trên mặt nước trong một tấm ảnh có phần hoàn chỉnh hơn hàng ngàn bức ảnh mà người Việt Nam đã chụp trong cả thế kỷ. Cuối cùng anh thành công với một bức ảnh như vậy, chỉ để nhận ra rằng hàng triệu người ca tụng vẻ đẹp tác phẩm của anh ta sẽ không bao giờ biết được sự tàn ác và nét xấu xa thực sự của con người mà anh đã chụp ảnh - một ngư dân đã man hay đánh đập vợ và người vợ nô tì của ông ta. Trong tay của

một nhà văn kém cỏi, một truyện ngắn như vậy thật nhạt nhẽo, nhưng ở đây bức ảnh trở nên in dấu sâu đậm trong tâm khảm chúng ta đến mức tác phẩm vang vọng với ý nghĩa mới mẻ thật lâu sau khi đọc.

Những truyện ngắn trong *Tình yêu sau chiến tranh* dẫn ta đi suốt con đường đến với hiện tại của Việt Nam - một thế giới của những công chức lỗi thời bất khả xâm phạm, những nhà tư bản mới tay cầm điện thoại di động, những kẻ giàu, mua đám từ đám con gái xinh đẹp, sự vỡ mộng của tình dục tạm bợ, sự thống lĩnh của sức mạnh thú tính và sự yếm thế tràn ngập trước mọi thứ, kể cả tình yêu, sau khi truyền thống bị tan vỡ nhanh chóng. Nhưng cuối cùng chính là những nhân vật trong tuyển tập này - phong phú, phức tạp và vẫn thấm đẫm niềm tin sâu sắc - vẫn tiếp tục sống và gây cảm hứng cho chúng ta.

Dĩ nhiên họ vượt qua những thế kỷ hận thù và định kiến, cũng như bạo lực tàn bạo từ bên ngoài và bên trong xã hội của họ, tôi xúc động rơi nước mắt không chỉ một lần. Ở độ sâu nhất, những con người Việt Nam này vẫn tin rằng có thể nâng cuộc sống của chúng ta lên, cải thiện ta về mặt tinh thần, bằng một hành động quyết tâm. Theo lời của ông già trong *Quãng vắng* của Nguyễn Kiên, nói chính xác với kẻ sẽ thành sát nhân bằng cách giết ông: "Muốn thiên hạ không khinh được mình thì mình phải biết tự xấu hổ".

(*Báo Biên niên sử San Francisco*, 2-11-2003)

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 8 222 135

E-mail : nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Tinh Yêu Sau Chiến Tranh

Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam đương đại

Chủ biên: Wayne Karlin và Hồ Anh Thái

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN PHAN HÁCH

Chịu trách nhiệm bản thảo: NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG

Biên tập: LÊ MINH KHUÊ

Vẽ bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

Sửa bản in: HƯƠNG LIÊN

In: 800 cuốn, khổ 14,5x20,5 tại Công ty In Khoa học Kỹ thuật

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số: 17/387/XB-QLXB ; 02/4/2004

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2004

Nhiều nhà văn Việt Nam là những tác giả tầm quốc tế và tuyển tập này là biểu hiện đầy đủ nhất có thể tìm thấy bằng tiếng Anh. Wayne Karlin và Hồ Anh Thái đã chủ biên và dịch một cuốn sách bậc thầy sẽ còn lại mãi.

ROBERT OLEN BUTLER

tác giả cuốn *Hương thơm từ núi lạ*
(Giải thưởng Sách Quốc gia Mỹ)

Many of the writers of Vietnam are world-class artists, and this is the most comprehensive demonstration of that to be found in the English language. Wayne Karlin and Ho Anh Thai have edited and translated a masterful volume that will endure.

ROBERT OLEN BUTLER

author of *A Good Scent from a Strange Mountain*,
National Book Award.



Giới thiệu truyện của 45 nhà văn, *Tình yêu sau chiến tranh* là tuyển tập văn xuôi đương đại Việt Nam lớn nhất bằng tiếng Anh và không còn lời nào khác ngoài chữ hoành tráng để nói về cuốn sách này. Tuyển tập có thể dễ dàng sánh với những bậc thầy truyện ngắn được khước trương nhiều của chúng ta như Raymond Carver, John Cheever và Grace Paley hoặc những nhà văn có tính thương thức hàng đầu của tạp chí New Yorker và Playboy. Chủ ý so sánh với Playboy bởi vì trái ngược với lời đồn đại về các nước cộng sản, không có hạn chế nào đối với những nhà văn ở đây, ít ra là trong mọi sự bày tỏ đa dạng và phức tạp về năng lượng sắc dục của con người.

*Nhận định của báo Biên niên sử San Francisco khi bình chọn
Love after War trong 100 cuốn sách hay nhất năm 2003*

Representing the stories of 45 writers, *Love After War* is the largest collection of contemporary Vietnamese fiction writers in English translation, and there is no word for it other than magnificent. This collection could easily hold its own alongside our own much-vaunted short-story masters such as Raymond Carver, John Cheever and Grace Paley, or the best literary entertainers from the New Yorker and Playboy. The comparison with Playboy is deliberate, because, contrary to the myths about communist countries, no topic is off-limits for these writers, least of all the multifarious, convoluted expressions of the human libido.

*100 BEST BOOKS OF 2003
San Francisco Chronicle, December 14, 2003*



<http://www.tuluc.com>



Item ID: 1084900

Price: \$20.00

Set: 1

Loc: TL6-B8